

VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchlinge in der Bundesrepublik Deutschland
NĂM THỨ 18 * THÁNG SÁU - 1996 * JAHRGANG 18. * JUNI 1996 * AUSGABE IN VIETNAMEISICHE & DEUTSCH



Số * Nr.

93

VIÊN GIÁC



TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge
in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

CÙNG SỰ CỘNG TÁC VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ :

TÔN GIÁO

Thích Như Điển

VĂN HÓA VĂN NGHỆ

Phù Vân - Vũ Nam

GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên - Huy Giang

THỂ THAO

Người Giám Biên

Y HỌC THUỞNG THỨC

Huỳnh Hoa

CHÍNH TRỊ THỜI SỰ

Phan Ngọc Minh

KỸ THUẬT ẤN LOẠT (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại

Cộng Hòa Liên bang Đức

Vereinigung der Buddhistische-

Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN & ẤN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật

Giáo Việt Nam tại Đức

Vietnamesisch-Buddhistische

Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD

c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6

30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30

Fax : 0511 - 87 90 963

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm.

Mục Lục

Trang

Thư Tòa Soạn	3
Cuộc Đời Đức Phật - Bình Anson	4 - 8
Đời Tiếp Nối Đời - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn	9
Chúng tôi đã tìm thấy nơi Đức Phật Đản Sanh - HT. Thích Trí Chơn	10
Bí ẩn về Tiền Kiếp và Hậu Kiếp - Đoàn Văn Thông	11 - 13

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Übersetzung von Tu Xung Roland Berthold	14 - 15
Weg Ohne Grenzen - Thích Như Dien	16 - 17
Vườn Thơ Viên Giác : Thơ trong lễ đạo - Phù Vân	18 - 22

TRANG HOA PHƯỢNG

Tịnh Xá Kỳ Hoàn - Hồng Nhiên sưu tầm	23 - 25
Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ - Bé Ngọc	25 - 26
Qui Y Tam Bảo - Thiện Căn	27
Tôi Đọc Sách Của Thầy - Tham Luận của Vũ Kỳ	28 - 34
Tôi Đi Kur - Hồng Nhiên	34 - 37
Người Bạn Vong Niên - Thiện Nghĩa & Diệu Huệ	38
Vài nét chấm phá về nhà thơ Dỵ Sĩ - Quang Vũ	39 - 40
Kết Quả Xổ Số ngày 01.6.96 tại Chùa Viên Giác - Thông Dịch - Thông Báo - Tim	40
Người Thân	
Chuyến sang Nga lần thứ Hai - Thích Như Điển	41 - 43
Viết về gia đình ca nhạc sĩ Kelly - T. Nguyễn	44 - 45
Căn nhà tình thương - Thúy Trúc	45 - 46
Ba thế hệ hội nhập - Nguyễn Văn Ba	47 - 49
Giới thiệu Văn Bút Âu Châu 3 - Mạnh Bích	49
Làm sao để có một đời sống tinh thần ổn định ... BS. Phạm Nguyễn Lương	50 - 53
Gia Chánh Chay : Gỏi trái su	53
Ôi hời Phù Tang - Võ Thủc	54 - 58
Việt nam một giải pháp hòa bình chưa được ứng dụng - Lê Doãn Kim	59 - 61
Những quan điểm của Phật Tử trong việc giải trừ pháp nạn - Mai Điền	62 - 64
Diễn Đàn Dân Chủ : Bản chất Mafia của CSVN - Nguyễn Minh Lộc	64 - 65
Kháng Nghị Thứ - Đào Thị Chúc	66
Ba thắng lợi lớn cho thế giới tự do Phan Quang Đán	67 - 69
Tạp Ghi : Những ngày đi Mỹ - Vũ Nam	70 - 73
Cáo Phó, Cầm Tạ - Phan Ưu	73 - 74
Tin Thế Giới - Tin Một Cột của Phan Ngọc	75 - 80
Đi trên con đường vô đạo - Thị Tâm Ngô Văn Phát	81
Bài phỏng vấn : Ông Nguyễn Chí Thiện - Thị Tâm Ngô Văn Phát	82 - 83
Sinh hoạt cộng đồng	84 - 86
Một điểm son - Thích Nữ Như Viên -	87
Tin Phật Sự - Thông Báo	88
Trang Khoa Học : Máy Tính	89
Hộp Thư Viên Giác	90
Phượng Danh Cúng Dường - Thông Báo	91 - 99

THỎ

Thúy Trúc - Thanh Bình - Tuyền Anh - Đan Hà - Vân Nường - Bảo Vân -
Nguyễn Sĩ Long - Ngọc Lang - Phan Quang Đán - SH. Hà Đậu Đồng



THƯ TÒA SOẠN

Bây giờ xem lại những công trình kiến trúc ngày xưa của loài người, chúng ta phải tự hổ thẹn lắm. Vì ngày xưa con người không có một phương tiện nào cả, nhưng đã xây dựng những công trình văn hóa, nghệ thuật, điêu khắc như các đền đài cung điện của vua chúa, chùa chiền, nhà thờ ở khắp Á, Âu rất đồ sộ nguy nga. Còn ngày nay chúng ta có tất cả những phương tiện cơ giới, những so ra vẫn không bằng. Lý do vì sao? - có lẽ chỉ khác nhau về vấn đề ý chí và tâm nguyện. Việc dù khó đến đâu, nếu có ý chí cường quyết thực hiện, việc ắt thành. Ngày nay chúng ta ý lại vào thế lực của đồng tiền và điện tử, nhưng ngược lại ý chí thì thiếu kiên cường nên việc lớn khó thành là vậy.

Ngày xưa các vị Tổ Sư phát tâm rất dũng mãnh để thực hiện con đường giác ngộ, cũng chỉ có một tấm lòng. Còn ngày nay chúng ta vẫn phát tâm, nhưng đạo lực thiếu kiên cường nên nhiều việc không thể thành đạt được. Đứng trước cảnh đạo đức suy đồi, lòng người ngỡ vức lẫn nhau, tranh đua danh lợi v.v... nên các nhà đạo đức học, luân lý học đã cảnh tỉnh con người bằng nhiều phương diện khác nhau; nhưng nguy cơ băng hoại trong gia đình và xã hội càng ngày càng lớn, chỉ vì con người không tự xây dựng cho nhau trong tinh thần cộng đồng tập thể mà chỉ lo cho chủ nghĩa cá nhân, nên mới ra nông nổi ấy.

Với người Phật Tử, chúng ta phải học Phật và tập phát bồ đề tâm, hồi hướng mọi công việc đến pháp giới chúng sanh thì việc gì cũng sẽ thành tựu, nên mới đây vào trung tuần tháng 5 năm 1996 tại Mannheim đã quy tụ gần 200 Đạo Hữu Phật Tử tại Đức, Pháp và Thụy Sĩ để học hạnh của Ngài Phổ Hiền. Câu học với Ngài Thật Hiền về cách phát bồ đề tâm, hiểu sâu về lý Bát Nhã, Tánh Không cũng như làm quen với 8 điều giác ngộ của Bậc Đại Nhân và pháp môn Tịnh Độ. Đây là những hành trang rất quý báu để người Phật Tử học hỏi và sau đó đem áp dụng vào trong đời sống của mình và cuối cùng làm lợi lạc đến bằng hữu cũng như chúng sanh đang sống, làm việc chung quanh mình vậy.

Người tu trang sức cho mình bằng hướng giới, hướng định, hướng huê, hướng giải thoát và hướng trí kiến, trong khi đó người Phật Tử tại gia cũng có thể trang bị cho mình một niềm tin vững chắc nơi ngôi Tam Bảo, thì việc nào mà chẳng thành, nếu chúng ta trước đã tự lực và sau đó cầu tha lực của chú Phật để được gia trì.

Mỗi đây tại Berlin đã xảy ra một án mạng mà 6 người Việt Nam bị chết, chỉ vì vấn đề buôn bán thuốc lá với nhau. Quả thật đồng tiền và thế lực đã làm cho con người hư hại đến thế. Bản chất đạo đức không còn nữa. Thay vào đó chỉ có bạo lực và hận thù. Nếu cuộc sống này chỉ vì tiền thì cuộc sống này vô nghĩa quí. Dĩ nhiên chúng ta sống không có tiền, không thể được, nhưng phải hiểu rằng tiền chỉ là phương tiện trong cuộc sống chứ không phải là mục đích của cuộc sống. Ai đó trong chúng ta không phân biệt rõ ràng giữa mục đích và phương tiện thì nguy hại vô cùng.

Qua việc án mạng này, người Đức ở phía Đông nói riêng và toàn nước Đức nói chung họ đã ghê tởm cách chém giết thù địch như thế ở trong một đất nước hòa bình và không chủ trương bạo lực như họ. Ngay cả việc thống nhất Đông và Tây Đức họ cũng đã chẳng tốn một giọt máu nào. Còn chúng ta chỉ vì một vài chỗ đứng bán thuốc lá lậu hay chỉ vì một sự tống tiền như bất nào đó mà làm mất đi thế diện của một quốc gia, một dân tộc... chúng ta phải hiểu rằng, chúng ta đang ăn nhờ ở đậu tại đây, chúng ta phải thể hiện tinh thần tôn trọng pháp luật của xứ sở tại, có như thế người địa phương mới kiêng nể mình. Bằng ngược lại chỉ nhận được những sự ghê tởm, khinh bỉ mà thôi.

Cuối cùng rồi cũng chỉ vì tiền và thiếu đạo đức. Vì vậy đạo đức và niềm tin vào một tôn giáo rất cần thiết trong cuộc sống của chúng ta. Tôn giáo như một chiếc phao cứu tử, có thể đồng viên mình, hỗ trợ mình trong những lúc đọa lạc, trầm luân. Người không có tôn giáo như con thuyền không bến và nếu có lỡ bị chết đuối, chiếc phao cứu tử đâu có sẵn để bám vịn vào.

Tại ngoại quốc đã thế, còn trong nước thì sao? Tham nhũng, hối mại quyền thế, tống tiền, luân lý, đạo đức suy đồi v.v... tất cả cũng chỉ vì một xã hội đã băng hoại, mà những người cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam phải có trách nhiệm đời với tương lai của dân tộc và đạo pháp tại xứ này. Khi tái lập hòa bình họ đổ thừa vì tàn dư của chiến tranh nên kinh tế chưa phát triển. Bây giờ 20 năm đã qua, hơn một thế hệ trẻ đã chào đời, họ lại đổ thừa cho chủ nghĩa tư bản đã làm băng hoại xã hội Việt Nam. Đó là điều nguy tạo, chính họ, những người cầm đầu Đảng Cộng Sản Việt Nam phải tự mình ăn năn, sám hối về những lỗi lầm xưa thì mới mong đất nước được thăng hoa như mọi dân tộc khác trên thế giới này.

Nhân mùa Phật Đản năm nay, xin chấp tay cầu nguyện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà sớm thoát vòng kiềm tỏa và người người được an lạc trong ánh sáng từ quang của Đức Từ Phụ Thích Ca.

• Ban Biên Tập Báo Viên Giác

CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

• Bình Anson

Ngày rằm tháng tư âm lịch mỗi năm là một ngày đặc biệt cho tất cả các Phật tử trên thế giới. Theo truyền thống Theravada (Nguyên Thủy, Nam Tông), đó là ngày Tam Hợp - Vesakha (Vesak) - kỷ niệm ngày sinh (Phật Đản), ngày chứng đắc (Thành Đạo), và tịch diệt (Đại Niết Bàn) của Đức Phật. Trong khi đó, một số quốc gia theo truyền thống Mahayana (Đại Thừa, Bắc Tông) cử hành ba dịp trọng đại trên vào ba ngày khác nhau trong năm. Tuy nhiên, ngày rằm tháng tư được xem như là ngày lễ Phật Giáo quan trọng nhất, và đã được toàn thể các tông phái Phật Giáo thống nhất vào kỳ Đại Hội lần thứ VI của Phật Giáo Thế Giới năm 1961 (1).

Đến nay, mọi người đều thống nhất rằng Đức Phật sinh ra trong đêm trăng rằm tháng tư âm lịch năm 623 trước Tây Lịch, tại vườn Lumbini (Lâm Tỳ Ni), ngoại ô thành Kapilavatthu (Ca Tỳ La Vệ), ngày nay thuộc xứ Nepal, gần biên giới Ấn Độ (1). Thân phụ Ngài là vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và thân mẫu là hoàng hậu Maha Maya (Đại Tịnh Diệu). Ngài thuộc sắc tộc Sakya (Thích Ca), có họ Gotama (Cồ Đàm), và được vua cha đặt tên là Siddharta (Tất Đạt Đa), có nghĩa là Như Ý. Năm 16 tuổi, Ngài lập gia đình với công chúa Yasodhara (Gia Du Đà La) và có một người con trai, tên là Rahula (La Hầu La).

Năm 29 tuổi, Ngài rời bỏ cung vàng, vượt sông Anoma (một chi nhánh của thượng lưu sông Gange - Hằng Hà), tầm sư học đạo, sống một cuộc đời du tăng. Sau 6 năm học hỏi với nhiều bậc đạo sư nổi tiếng thời đó với nhiều pháp môn tu tập khác nhau, Ngài cảm thấy vẫn còn nhiều vướng mắc, và vẫn không tìm ra được con đường giải thoát tối hậu.

Cuối cùng, Ngài quyết định không sống lệ thuộc vào một vị đạo sư, một pháp môn nào cả. Từ bỏ lối tu khổ hạnh hành xác, Ngài bắt đầu đi khát thực trở lại để phục hồi sức khỏe, và tham thiền dưới cội cây pippala, sau này được gọi là cây bồ đề, trong vùng Gaya - ngày nay được gọi là Bodhgaya, Bồ Đề Đạo Tràng, bên bờ sông Neranjara (Ni Liên Thủyên).

Sau 49 ngày hành thiền, vào đêm rằm tháng tư năm 588 trước Tây Lịch, Ngài nhập định tham thiền, quán niệm hơi thở và chân tâm, nhập bốn bậc thiền, rồi quán tưởng về sự sinh diệt của mọi loài hiện hữu (2). Vào cuối canh một đêm đó, Ngài chứng đạt trí tuệ "túc mạng minh". Cuối canh hai, Ngài chứng đạt "lậu tận minh", quán triệt nguyên do đưa đến sự sinh tử của mọi loài. Đến cuối canh ba, Ngài đã thấy được con đường thoát vòng khổ lụy, nhìn thấy rõ được tâm niệm của mọi loài qua trí tuệ "tha tâm minh", nghe thấy và thông hiểu được niềm vui nỗi khổ của mọi loài, qua chứng đắc trí tuệ "thiên nhãn minh", "thiên nhĩ minh", và "thần túc minh" (1, 2) Lậu đã tận diệt, tuệ đã toàn khai, Ngài quán triệt chân lý và giác ngộ, trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác (Samma Sambuddho), và được xem như là đã nhập Niết Bàn Hữu Dụ Y (Sopadisera Nibbana Dhatu), nghĩa là trạng thái tâm trí hoàn toàn giải thoát những thân xác vẫn còn tồn tại. Lúc đó Ngài được 35 tuổi.

Bài giảng đầu tiên của Ngài là bài kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappavattana), giảng cho 5 anh em Kondanna (Kiều Trần Như), đệ tử đầu tiên, tại vườn Lộc Uyển gần thành Benares (Ba Na Lai). Đây là bài giảng tóm tắt tinh hoa của đạo giải thoát, là một Trung Đạo (Majjhima Patipada) không lệ thuộc vào hai cực đoan của

việc nỗ lực dục lạc và việc hành khổ thân xác, bao gồm 4 sự thật phổ quát (Tứ Diệu Đế) và con đường diệt khổ gồm 8 phần chính yếu (Bát Chánh Đạo) (2).

Từ đó trong suốt 45 năm, Ngài đi truyền giảng con đường giải thoát, thu nhận đệ tử, có người xuất gia theo Ngài và lập thành Tăng Đoàn (Sangha), có người cũng còn tại gia, gọi là các Cú sĩ. Vùng truyền giáo của Ngài là vùng Đông Bắc Ấn Độ giáp biên giới xứ Nepal, dọc theo các nhánh sông thượng nguồn sông Gange (sông Hằng).

Ngài thường được gọi là Đức Phật Cồ Đàm (Buddha Gotama). Chữ "Phật" là tiếng gọi tắt của "Phật Đà", phiên âm từ chữ Phạn "Buddha" - người bình dân Việt Nam có nơi gọi là ông Bụt - nghĩa là người đã giác ngộ (Giác Giả). Trong các kinh sách ghi lại, Ngài thường tự gọi mình là Tagatatha (Như Lai). Trong kinh điển, Đức Phật có 10 danh hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Thế Tôn Phật (1).

Ngài giảng rất nhiều chủ đề cho nhiều hạng người khác nhau, tùy theo tâm tính, căn cơ, hoàn cảnh của họ, để giúp họ thăng tiến trên đường tu tập. Thực tế nhất là 37 phẩm trợ đạo (hay 37 phần bồ đề) mà Ngài đã tóm tắt lại trong những ngày cuối của cuộc đời tại thế của Ngài: 4 Niệm xứ, 4 Pháp chánh cần, 4 điều Như ý, 5 Căn, 5 Lực, 7 Giác chi, và 8 Chánh đạo (3).

Đức Phật tịch diệt năm 543 trước Tây Lịch, lúc Ngài 80 tuổi, tại khu rừng cây saia, gần thành Kusinara (Cầu Thi La). Đêm đó, sau khi nhập và xuất tám bậc thiền, Ngài nhập Niết Bàn Vô Dụ Y (anupadisera Nibbana Dhatu) - hay Đại Niết Bàn (Maha Parinibbana) - nghĩa là Niết Bàn với thân xác không còn mầm sống tồn tại trong thế gian. Lúc đó là canh cuối cùng của đêm rằm tháng tư. Lời dạy cuối cùng của Ngài là:

"Này các tu sĩ, nay Ta khuyên các vị: tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, hễ tinh tấn, chớ có phóng dật" (3).

Các bài giảng của Ngài được kết tập lại thành bộ Kinh Tạng (Sutta Pitaka). Các điều giới luật cho các vị tu sĩ được kết tập thành bộ Luật Tạng (Vinaya Pitaka). Về sau, các bài tham luận của các vị cao tăng về lời giảng của Đức Phật cũng được kết tập thành một tạng khác, gọi là Luận Tạng hay còn được gọi là Vi Diệu Pháp (Abhidhamma Pitaka). Ba tạng này kết hợp thành bộ Tam Tạng Kinh Điển của Phật Giáo ngày nay.

Mùa Phật Đản 1995 (PL 2539)
Hiệu chỉnh: 04/1996

Tham khảo

(1) Narada Mahathera (1980). *The Buddha and His Teachings*. Buddhist Publication Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh).

(2) Thích Nhất Hạnh (1992). *Đường Xưa Mây Trắng*. Lá Bối, France.

(3) Sister Vijira and Francis Story (1988). *The Maha Parinibbana Sutta*. Buddhist Publication Society, Sri Lanka.

TAM TẠNG KINH ĐIỂN TRONG HỆ PALI

Trong 45 năm truyền giảng con đường giải thoát, Đức Phật thu nhận rất nhiều đệ tử, có người xuất gia theo Ngài và lập thành Tăng đoàn (Sangha), có người cũng còn tại gia, gọi là các Cú sĩ. Vùng truyền giáo của Ngài là vùng Đông Bắc Ấn Độ giáp biên giới xứ Nepal, dọc theo các nhánh sông thượng nguồn sông Gange (Hằng Hà) (1, 2, 3).

Ngài thường được gọi là Đức Phật Cồ Đàm (Buddha Gotama). Chữ "Phật" là tiếng gọi tắt của "Phật Đà", phiên âm từ chữ Phạn "Buddha" - người bình dân Việt Nam có nơi gọi là ông Bụt - nghĩa là người đã giác ngộ (Giác Giả). Trong các kinh sách ghi lại, Ngài thường tự gọi mình là Tagatatha (Như Lai). Ngài có rất nhiều đệ tử từ các quốc gia trong vùng, gồm đủ mọi thành phần trong xã hội, lứa tuổi, nam nữ, và từ nhiều nguồn gốc tín ngưỡng khác nhau.

Đức Phật đã để lại một kho tàng Phật Pháp quý giá gồm nhiều bài thuyết giảng (Kinh, Sutta), thường được gọi tổng quát là "tám vạn bốn ngàn" pháp môn, trong nhiều dịp giảng dạy cho hàng đệ tử tu sĩ, bậc thánh nhân văn, vua chúa, cư sĩ, ... Với sự phát triển và bành trướng của Tăng đoàn, Ngài đặt ra nhiều giới luật để tạo điều kiện thuận lợi trong công việc tu tập (Vinaya, Giới). Với số tài liệu hạn chế và tầm

hiểu biết còn hạn hẹp, tôi chỉ xin trình bày tóm tắt bộ kinh điển Đại Tạng theo hệ Pali (Nam Phạn) trong bài viết này.

1. Kết Tập Kinh Điển

1.1 Kết Tập Đầu tiên

Bốn tháng sau khi Đức Phật tịch diệt (543 trước Tây lịch), Tỳ kheo Ma Ha Ca Diếp (Maha Kassapa) triệu tập một đại hội các vị tu sĩ (Tỳ kheo, Bikkhu), ngày nay được gọi là Đại Hội Tăng Già I, tại vùng đồi núi ngoại thành Rajagaha (Vương Xá). Mục đích là để kết tập các bài kinh giảng và các điều luật thành một hệ thống chặt chẽ hơn (4). Chủ trì phần Luật là Tỳ kheo Upali (Ưu Ba Ly), và chủ trì phần Kinh là Tỳ kheo Ananda (A Nan Đà), là người cận sự với Đức Phật và vì thế có nhiều dịp nhất để nghe và ghi nhớ các bài giảng của Ngài. Đại hội gồm khoảng 500 vị cao tăng duyệt lại các giới luật và các bài thuyết pháp, sắp xếp thành hai nhóm chính: Luật Tạng và Kinh Tạng. Qua những thu thập lúc đó, Kinh Tạng được phân chia làm 4 Bộ chính.

1.2 Kết Tập Lần Thứ Hai

Trong 45 năm hoàng đường đạo pháp, Đức Phật đã đi nhiều nơi, giảng đạo cho nhiều người và kết nạp nhiều đệ tử. Các đệ tử của Ngài ở rải rác khắp nơi, không thể nào cùng về tham dự Đại hội đầu tiên. Do đó có thể có một số bài thuyết giảng và giới luật phụ do Đức Phật đặt ra đã không được kết tập trong kỳ Đại hội đó (4).

Vì vậy mà khoảng 100 năm sau, một Đại hội kết tập kinh điển được tổ chức, theo yêu cầu của tăng chúng thành Vesali và Vajji (5). Sau lần kết tập này, Luật Tạng được mở rộng với các giới luật mà các đại biểu cho rằng đã không được kết tập trong kỳ Đại hội I, và một số các bài kinh giảng khác chưa kết tập, tạo thành một bộ kinh thứ 5 của Kinh Tạng (Tiểu Bộ).

Sau lần kết tập này, Luật Tạng và Kinh Tạng xem như đã thành hình, và các bài giảng có lẽ cũng giống như bài giảng mà chúng ta có được trong bộ Đại Tạng hiện nay (4).

1.3 Kết Tập Lần Thứ Ba

Một trăm năm sau đó, Phật lịch 218, vua Asoka (A Dục) của Ấn Độ cho triệu tập Đại hội lần thứ III dưới sự chỉ đạo của Tỳ kheo Mục Kiền Liên Tu Đế (Moggaliputta Tissa). Tiểu Bộ của Kinh Tạng lại được mở rộng và kết tập thêm nhiều bài kinh giảng khác. Quan trọng hơn hết là việc Đại hội đã kết thúc các bài bình luận về tâm lý, tâm linh, thể tính và sự tưởng của vạn pháp, tạo thành Luận Tạng (Abhidhamma, Vi Diệu Pháp).

1.4 Kết Tập Lần Thứ Tư

Khoảng năm 20 trước Tây lịch, 500 năm sau ngày Phật nhập Đại Niết Bàn, các vị Tỳ kheo của phái Mahavihara (Đại Tự Viện) ở Tích Lan triệu tập Đại Hội Tăng Già IV tại Aluhivihara - gần thành phố Kandy ngày nay (1), kết tập lại các phần Kinh, Luật, và đúc kết phần Luận Tạng (6). Để gìn giữ các bài giảng của Đức Phật dù đã kết tập những chỉ truyền khẩu trong 500 năm qua, ba tạng kinh điển được cho viết lại trên một loại giấy bằng lá bối (4). Từ đó Tam Tạng Pali được thành hình, và không còn thay đổi nào khác.

Trong thời kỳ gần đây, Miến Điện có tổ chức hai kỳ kết tập khác: kết tập lần thứ 5, năm 1870, và lần thứ 6, năm 1954. Tuy nhiên các kỳ kết tập này chỉ để làm sáng tỏ các điểm chính trong kinh, nhưng không thay đổi gì trong bộ Tam Tạng (5).

2. Tam Tạng Kinh Điển

"Tạng" hay "Tàng" là giỏ chứa, chỗ chứa, tiếng Pali gọi là Pitaka. Ngày xưa tại các chùa lớn ở nước ta thường có một thư viện gọi là "Tàng Kinh Các" để lưu trữ các bộ kinh quý. Tam Tạng theo tiếng Pali gọi là Tipitaka, Ba Giỏ Chứa (The Three Baskets), gồm có Luật Tạng (Vinaya Pitaka), Kinh Tạng (Sutta Pitaka), và Luận Tạng (Abhidhamma Pitaka). Sau đây là sơ lược về các Tạng này:

2.1 Luật Tạng

Tạng này bao gồm các giới luật và nghi lễ cho nam tu sĩ (Bikkhu, Tỳ Kheo) và nữ tu sĩ (Bikkhuni, Tỳ Kheo Ni), cách thức gia nhập tăng đoàn, truyền giới luật, sinh hoạt tăng chúng, cách hành xử trong các trường hợp vi phạm giới luật, v.v... Tạng này thường được chia làm 3

phần: Bộ Giới Bốn (Patimokkha, Ba La Đề Mộc Xoa), Đại Phẩm (Mahavagga), và Tiểu Phẩm (Cullavagga) (8).

2.2 Kinh Tạng

Gồm 5 bộ chính (Nikaya): Trường Bộ (Digha Nikaya), Trung Bộ (Majjhima Nikaya), Tương Ứng Bộ (Sam-yutta Nikaya), Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya), và Tiểu Bộ (Khuddka Nikaya). Trong hệ Hán-Sanskrit (Bắc Phạn), Kinh Tạng gồm 4 bộ A Hàm (Agamas): Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, và Tạp A Hàm. Tuy nhiên, các bộ A Hàm nguyên bản tiếng Sanskrit đã bị thất lạc, mà hiện nay chỉ còn các bộ chữ Hán từ nhiều nguồn gốc khác nhau (6).

Trường Bộ Kinh gồm 34 quyển, đã được dịch sang Việt ngữ, trong đó có hai quyển phổ thông nhất: Kinh Đại Bát Niết Bàn (Maha Parinibanna Sutta) và Kinh Đại Quán Niệm (Maha Sati-pattana Sutta). Ngoài các bài thuyết giảng của Đức Phật, Bộ này cũng có các bài giảng của Đại Đức Sariputta (Xá Lợi Phất), vị đệ tử hàng đầu có tài thuyết giảng hùng biện nhất thời đó, và các vị đệ tử nổi tiếng khác.

Trung Bộ gồm 152 bài kinh sắp xếp trong 15 phẩm, theo từng chủ đề. Bộ kinh này rất phổ thông trong giới Phật tử sử dụng Anh ngữ. Bản dịch Anh ngữ được hiệu chỉnh nhiều lần, và bản dịch mới nhất sẽ được xuất bản bởi hội Buddhist Publication Society, Tích Lan, trong năm nay (1995). Các bài kinh quan trọng thường có liên quan đến phép Hành Thiền Quán Niệm (Satipattana Sutta), Chính Kiến (Sammadiṭṭhi), Cách Tĩnh Tâm (Kakacupama), Cuộc Đời Đức Phật (Ariyaparyesana), Tứ Diệu Đế (Mahahatthipadopama) Không Tĩnh (Culasunnata), Quán Niệm Hơi Thở (Anapanasati), v.v... Có thể nói đây là một bộ kinh quan trọng nhất, bao gồm các bài giảng thiết yếu trên đường tu tập, thực hành lời Phật dạy.

Tương Ứng Bộ gồm 2.889 bài kinh ngắn, chia làm 5 chương và 56 phẩm. Đây là tập hợp các bài kinh có chủ đề giống nhau về một điểm theo luận, hoặc về một nhân vật nào đó trong thời Đức Phật. Có những bài giảng quan trọng về 12 nhân duyên và về 37 phẩm bồ đề (37 phẩm trợ đạo).

Tăng Chi Bộ là bộ kinh dựa theo cách sắp xếp số học, từ các chủ đề có liên quan đến 1 phần tử, 1 yếu tố, dần dần lên đến các chủ đề có 11 phần tử hay yếu tố. Vì vậy, bộ kinh được chia làm 11 chương, gồm 2.308 bài kinh.

Tiểu Bộ thật ra không phải là bộ sách nhỏ, mà là tập hợp 15 bộ sách nhỏ. Các kinh quan trọng và phổ thông là Kinh Hạnh Phúc (Mangala Sutta), Tam Bảo (Ratana), Tử Bi (Metta), Pháp Cú (Dhammapada), Túc Sanh Truyện (Jakata), Trường Lão Kệ (Theragatha), Trường Lão Ni Kệ (Therigatha), Phật Sử (Buddhavamsa).

2.3 Luận Tạng

Đây là tập hợp các bài giảng và tham luận của các vị Tỳ kheo để giải thích và ghi chú các điều Phật dạy trong Kinh và Luật Tạng, đồng thời trình bày về thể tính và sự tưởng của vạn pháp, phân giải triết học và tâm lý học. Luận Tạng gồm có 7 quyển: Pháp Tự (Dhammasangani), Phân Biệt (Vi-bhanga), Giới Thuyết (Dhatukatha), Nhân Thi Thuyết (Puggala Pannatti), Biện Giải (Kathavathu), Song Luận (Yamaka), và Nhân Duyên Thuyết (Patthana).

3. Đại Tạng Việt Ngữ

Mặc dù Phật Giáo là một tôn giáo lớn và đã có mặt lâu đời tại đất nước Việt Nam trên 18 thế kỷ, cho đến nay chúng ta vẫn chưa có một bộ Tam Tạng đầy đủ bằng chữ Việt. Điều này đã được ghi nhận từ đầu thập niên 1950 (5), mà đã 40 năm qua, công tác dịch thuật vẫn chưa hoàn tất. Một dự án phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam đã bắt đầu trở lại từ năm 1989, dựa trên các bộ chữ Pali và chữ Hán. Đến nay (1996), quý vị Hòa Thượng đã phát hành các bộ: Trường Bộ (và Trường A Hàm), Trung Bộ (và Trung A Hàm), Tương Ứng Bộ, và Tăng Chi Bộ.

Trong khi chờ đợi một bộ Đại Tạng Việt Ngữ, quý vị Phật tử nào muốn nghiên cứu thêm thì có thể tìm đọc bộ Đại Tạng bằng Anh ngữ (7), do Hội Pali Text Society, London, ấn hành. Hội này bắt đầu dịch Tam Tạng từ năm 1909, đã hoàn tất công tác dịch thuật, và thường xuyên hiệu chỉnh các bản dịch. Gần đây, công tác hiệu chỉnh lại có thêm các đóng góp quan trọng của Hội Buddhist Publication Society, Tích Lan. Địa chỉ liên lạc:

1. Pali Text Society, 73 Lime Walk, Oxford OX3-7AD, United Kingdom.
2. Buddhist Publication Society, 54 Sangharaja Mawatha, Kandy, Sri Lanka.

Tham Khảo

- (1) Narada Mahathera (1980), The Buddha and His Teachings, Buddhist Publication Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh).
- (2) Thích Nhất Hạnh (1992), Đường Xưa Mây Trắng, Lá Bối, France.
- (3) Sister Vijira and Francis Story (1988), The Maha Parinibbana Sutta, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
- (4) Bodhesako (1984), Beginnings: The Pali Suttas, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
- (5) Thích Đức Nhuận (1983), Phật Học Tinh Hoa, Phật Học Viện Quốc Tế, USA.
- (6) Christmas Humphrey (1962), Buddhism, Penguin Books, UK.
- (7) Russell Webb (1991), An Analysis of The Pali Canon, Buddhist Publication, Sri Lanka.
- (8) Thích Chơn Thiện (1991), Tăng Già Thời Đức Phật, Viện Nghiên Cứu Phật Học Viện Việt Nam.

Trích Kinh Pháp Cú (Dhammapada)



Tâm dẫn đầu mọi pháp,
Tâm làm chủ, tâm tạo.
Nói năng hay hành động,
theo tâm ý thanh tịnh,
hạnh phúc sẽ theo ta,
như bóng không rời hình. (2)

Hân thù diệt hận thù,
đời này không thể có,
Tử bi diệt hận thù,
đó là luật nghìn thu. (5)

Dù nói ngàn ngàn lời,
nhưng không chút lợi ích,
Không bằng một lời hay,
nghe xong được tịnh lạc. (100)
Dù thắng ngàn ngàn người,
trên ngàn bãi chiến trường,
Không bằng tự thắng mình,
thắng mình là tối thượng. (103)

Dù sống một trăm năm,
phá giới không thiên định,
Không bằng sống một ngày,
tri giới, tu thiên định. (109)

Dù trên trời, dưới biển,
dù trốn trong hang sâu,
không chỗ nào trên đời,
tránh được quả ác nghiệp. (127)

Tránh làm các điều ác,
Gắng làm các điều lành,
Luôn tu tâm tịnh ý,
Đó lời Chư Phật dạy. (183)

CÙNG MỘT CỖ XE

Phật Giáo ngày nay có nhiều tông phái với các truyền thống khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta thường phân biệt hai tông phái chính: Phật Giáo Đại Thừa - Mahayana, và Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravada. Phật Giáo Mahayana thịnh hành ở các nước Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Triều Tiên, và Nhật Bản. Trong khi đó, Phật Giáo Theravada được lưu truyền rộng rãi ở Tích Lan (Sri Lanka), Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, và Lào.

Riêng Việt Nam có lẽ là một quốc gia Á Châu đầu tiên mà cả hai tông phái lớn này đều được chính thức thừa nhận và đã cộng tác hoạt động trong nhiều thập niên qua. Trọng những năm gần đây lại có những dự án dịch thuật các kinh điển của cả hai truyền thống, từ các văn bản gốc tiếng Hán và tiếng Pali, sang tiếng Việt hiện đại. Trong bài viết ngắn dưới đây, tôi xin mạn phép trình bày sơ lược về nguồn gốc của Mahayana và Theravada, lồng trong bối cảnh lịch sử phát

triển của đạo Phật tại Ấn Độ trong khoảng 1000 năm đầu tiên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Tiến trình đó được chia làm ba thời kỳ: thời kỳ nguyên thủy (100 năm), thời kỳ A Hàm (400 năm), và thời kỳ chuyển hóa (500 năm).

1. Thời Kỳ Nguyên Thủy

Trong 45 năm truyền dạy đạo pháp, Đức Phật đã để lại rất nhiều bài giảng, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, cho nhiều người thuộc mọi tầng lớp trong xã hội. Các bài giảng này thường được các vị tu sĩ đệ tử ghi nhớ, sắp xếp lại, truyền khẩu cho nhau, và dùng để giảng lại cho người khác. Khi được phân phối đi hoàng đường đạo pháp ở các vùng khác nhau, các bài giảng này thường được chuyển dịch ra tiếng địa phương và điều này được Đức Phật chấp nhận và khuyến khích (1, t.42).

Có một lần, hai vị Đại Đức Yamelu và Tekula xin phép Đức Phật để ghi chép và chuyển dịch những bài giảng của Ngài sang tiếng Vedic, vốn là văn tự của giới quý tộc dùng để phụng tụng kinh Vệ Đà, để bảo đảm tính nhất quán và chính xác của các bài kinh, nhưng Đức Phật không đồng ý. Ngài cho rằng các bài giảng của Ngài phải được phổ biến đến mọi người qua ngôn ngữ địa phương để họ có thể nghe, hiểu và thực hành được (1, t.43). Cũng vì vậy mà dù rằng Đức Phật dùng tiếng Magadhi (Ma Kiệt Đà) để giảng pháp, nhưng các bài giảng đã được truyền khẩu bằng nhiều thứ tiếng khác nhau.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, ngài Ma Ha Ca Diếp triệu tập một hội đồng gồm khoảng 500 tu sĩ tại vùng đồi núi ngoại thành Vương Xá (Rajagaha) để kết tập kinh điển, sau này được gọi là Đại Hội Kết Tập Lần Thứ Nhất. "Kết tập" có nghĩa là thu góp, tập hợp lại, ôn lại, dùng để cho tán thán. Tiếng Phạn là "sangiti", có nghĩa là cùng nhau tụng lại (chanting together). Trong Đại Hội này, ngài Ma Ha Ca Diếp là chủ quản, ngài A Nan đọc lại các bài kinh giảng và ngài Ưu Ba Ly đọc lại các điều luật. Sau lần kết tập lần đầu tiên này, bộ Luật Tạng và bộ Kinh Tạng được đúc kết (2, t.69). Lúc ấy, Kinh Tạng được chia ra thành 4 bộ chính: Trường Bộ, Trung Bộ, Tiểu Bộ, và Tăng Chi Bộ.

2. Thời Kỳ A Hàm

Sau đó, nhiều phái đoàn truyền giáo được gửi đi các nơi để hoàng đường đạo pháp, từ miền Trung Ấn đến mạn Nam và mạn Tây xứ Ấn Độ. Trong thời kỳ này có nhiều biến động, thay đổi bộ cục chính trị giữa các vương quốc trong vùng, và vì thế có nhiều thay đổi trong sinh hoạt xã hội, tạo ảnh hưởng đến các sinh hoạt tăng đoàn, nhất là tại những nơi mà Phật Giáo còn mới, chưa vững mạnh. Nhiều tu sĩ trẻ trong những vùng này bắt đầu cảm thấy có nhu cầu cần sửa đổi giới luật và lề lối sinh hoạt để phù hợp với đời sống địa phương.

Một trăm năm sau ngày Đức Phật nhập diệt thì có một Đại Hội Kết Tập Lần Thứ II tại thành Vaisali với 700 tu sĩ, mục đích chính là để giải quyết các tranh chấp về 10 điều luật căn bản, trong đó có luật cấm các tu sĩ thu nhận vàng bạc do dân chúng cúng dường (2, t.80). Nhưng thêm vào đó, Đại Hội cũng duyệt lại các kinh điển, và kết tập một số bài kinh giảng không được đúc kết lúc trước. Đó là những cơ sở để thành hình bộ kinh thứ 5, Tiểu Bộ, về sau này (3, t.50-56).

Vì Đại Hội quyết định giữ nguyên 10 điều giới luật căn bản mà không sửa đổi, một số tu sĩ trẻ không hài lòng và bắt đầu có khuynh hướng ly khai. Đây là mầm mống đưa đến sự phân chia đầu tiên trong tăng đoàn: bộ phái Trường Lão Thuyết Bộ (Sthaviravada) gồm các tu sĩ có khuynh hướng bảo thủ, và Đại Chúng Bộ (Mahasanghika) gồm các tu sĩ có khuynh hướng cải cách (2, t.81).

Một trăm năm sau đó, một Đại Hội Kết Tập Lần Thứ III được triệu tập dưới thời vua A Dục (Asoka) 268-232 trước Công Nguyên (T.C.N). Dưới sự chỉ đạo của ngài Mục Kiền Liên Tu Đệ (Moggaliputta Tissa), Đại Hội này gồm khoảng 1000 tu sĩ đúc kết Luận Tạng và Kinh Tạng (giờ đây gồm 5 Bộ Kinh: Trường Bộ, Trung Bộ, Tiểu Bộ, Tăng Chi, và Tăng Chi) (2, t.109). Thêm vào đó, tổ chức tăng đoàn theo truyền thống Trường Lão Thuyết được chấn chỉnh lại theo đúng các giới luật.

Trong thời kỳ này, Đại Chúng Bộ bắt đầu phân chia ra nhiều tông phái. Nhiều nhà sử học ghi nhận có tất cả bốn lần phân chia, tổng cộng là 7 tông phái trong vòng 200 năm. Bên cạnh đó, Trường Lão Thuyết Bộ cũng bị phân chia bảy lần, tạo ra mười một tông phái (2, t.111). Vì vậy mà ngày nay có nhiều sách viết về "mười tám tông

phái", cộng thêm với hai bộ phái đầu tiên (4, t.123). Tuy nhiên, cũng có sách đã liệt kê đến 34 tông phái (2, t.115).

Vua A Dục là một vị vua rất sùng bái đạo Phật, và đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc phát huy đạo pháp. Ngài đã gửi nhiều phái đoàn đi truyền giáo nhiều nơi. Trong đó có Đại Đức Mahinda, một trong những người con của ngài, cùng với 4 vị tu sĩ được gửi sang đảo Tích Lan để truyền bá đạo Phật. Một mặt khác, đạo Phật cũng được phát triển rộng rãi ở mạn Tây Bắc, và trung tâm Phật Giáo ở Kashmir trở thành một trong những trung tâm chính thời đó. Trong thời kỳ này, các tu tưởng Đại Thừa bắt đầu thành hình, và thâm nhập vào một vài tông phái của Đại Chúng Bộ, chẳng hạn như tông Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravadin).

3. Thời Kỳ Chuyển Hóa: Theravada

Khi Đại Đức Mahinda và phái đoàn truyền giáo sang Tích Lan, ngài được vua Tích Lan giúp xây cất một ngôi chùa lớn, gọi là Đại Tự Viện (Mahavihara), và từ đó thành lập tông phái Đại Tự Viện ở xứ này. Một trăm năm sau thì một ngôi chùa khác, tự viện Abhayagiri, được xây cất và các tu sĩ ở chùa này bắt đầu tạo ảnh hưởng lớn mạnh ở Tích Lan. Thêm vào đó, cũng có nhiều nhóm tu sĩ với khuynh hướng Đại Thừa từ Ấn Độ sang hoạt động tại xứ này, nhưng không có ảnh hưởng sâu rộng. Sự tranh giành ảnh hưởng giữa hai tông phái nguyên thủy Đại Tự Viện và Abhayagiri kéo dài qua nhiều thế kỷ, và chỉ chấm dứt vào khoảng thế kỷ thứ 12, khi nhóm Đại Tự Viện được vua Parakkamabahu chính thức thừa nhận, kết tạo thành tông phái Theravada như chúng ta thấy được ngày nay.

Vào những thập niên cuối cùng trước công nguyên (29-17 T.C.N), khoảng 500 tu sĩ phái Mahavihara tập họp lại và bắt đầu cho viết các bộ Kinh, Luật và đúc kết các bài tham luận (Luận) trên một loại giấy bằng lá bối. Lần đầu tiên, sau gần 500 năm truyền khẩu, ba bộ Tạng được ghi chép hoàn toàn trên giấy, và từ đó bộ Tam Tạng kinh điển hệ Pali được tạo ra và lưu truyền cho đến ngày nay. Đó là Đại Hội Kết Tập Lần Thứ IV. Sở dĩ văn tự Pali được dùng vì đó là ngôn ngữ chính thống miền Tây Ấn và là ngôn ngữ sử dụng bởi ngài Mahinda. Nhờ tình trạng xã hội tương đối ổn định và đảo Tích Lan tương đối biệt lập nên các bộ Tam Tạng này đã được giữ gìn nguyên vẹn, dù rằng trong khi sao chép chuyển truyền từ đời này sang đời khác, có thể có một vài sửa đổi, sơ sót. Những đó chỉ là các đoạn nhỏ, không quan trọng (3, t.59-60). Từ đó, Đại Tạng Kinh là các đoạn truyền bá sang các nước lân cận như Miến Điện, Thái Lan, Lào, và Cam Bốt. Ngoài ra, một số các bài luận thuyết của các danh sư trong thời kỳ này, như bộ Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) của ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trước tác trong thế kỷ 4 C.N, cũng được quý trọng, gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay.

Danh từ Theravada là tiếng Pali, đồng nghĩa với chữ Sthaviravada của tiếng Sanskrit, có nghĩa là giáo thuyết của các vị trưởng lão (Doctrine of the Elders). Sách Tàu thường dịch là Trưởng Lão Bộ. Có khi dịch là Thượng Tọa Bộ, nhưng dịch sát nghĩa là Trưởng Lão Thuyết Bộ, là một trong hai bộ phái chính từ thời nguyên thủy. Tuy nhiên, danh từ Theravada ngày nay thường được dùng để chỉ truyền thống Phật Giáo Nam Tông, bắt nguồn từ Tích Lan, chịu nhiều ảnh hưởng của nhóm Đại Tự Viện (Mahavihara), do Đại Đức Mahinda và các tu sĩ thuộc tông phái Phân Biệt Thuyết Bộ (Vibhajavada), một nhánh của Trưởng Lão Thuyết Bộ, truyền bá vào Tích Lan khoảng 200 năm trước Công Nguyên. So với các tông phái khác vẫn còn hoạt động ngày nay, truyền thống Theravada có thể được xem như là một truyền thống tương đối lâu đời nhất, tương đối gần với thời kỳ nguyên thủy nhất.

4. Thời Kỳ Chuyển Hóa: Mahayana

Khoảng 200 năm sau ngày Phật nhập Niết Bàn, phái Đại Chúng Bộ bành trướng tại nhiều vùng của xứ Ấn Độ và bắt đầu phân hóa thành nhiều tông phái, trong đó có tông phái Lokottaravada (Thuyết Xuất Thế). Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu, các tông phái đều sử dụng kinh điển A Hàm bằng ngôn ngữ Sanskrit, mặc dù đã có một vài sửa đổi để hàm chứa tư tưởng Đại Thừa. Cho đến nay, các sử liệu đều chỉ rằng kinh điển Đại Thừa bắt đầu xuất hiện trong những năm cuối cùng trước Công Nguyên, lúc đầu là một vài bài kinh ngắn, về sau được bổ sung thêm, và kết tập lại thành những bộ kinh lớn.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa biết đích xác là danh xưng Mahayana - Đại Thừa bắt đầu được sử dụng vào lúc nào, bắt nguồn từ tông phái nào trong thời kỳ A Hàm. Có lẽ đó là kết quả của những tiến hóa từ tưởng trong mấy trăm năm sau khi có sự phân hóa tăng đoàn lần đầu tiên. Có học giả cho rằng Mahayana bắt nguồn từ Đại Chúng Bộ vì cũng có những ý niệm phóng khoáng trong giới luật. Tuy nhiên các ý tưởng của tông phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivadin), một tông chính của Trưởng Lão Bộ, cũng được thu dụng và hàm chứa trong kinh điển Mahayana. Có học giả cho rằng Mahayana phát nguồn từ các tu sĩ có tư tưởng cải cách từ nhiều tông phái khác nhau, như tông phái Nhất Thuyết Bộ (Ekavyavaharika), Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravadin), Kế Dẫn Bộ (Kaukutika), v.v... (2, t.261).

Kinh điển Đại Thừa bắt đầu xuất hiện nhiều hơn, có hệ thống hơn, từ thế kỷ 1 C.N trở về sau. Tiếc rằng các bộ kinh đầu tiên, như Kinh Duy Ma Cật, Liễu Ba La Mật, Bồ Tát Tạng, Tam Pháp Kinh, v.v... nay không còn nguyên bản Sanskrit, mà chỉ còn dịch bản chữ Hán và Tây Tạng, nên không thể đối chiếu, truy tìm nguồn gốc (2, t.276). Tuy nhiên các bộ kinh Đại Thừa quan trọng khác như Đại Bát Nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, A Di Đà vẫn còn các bản gốc tiếng Sanskrit (2, t.275-295).

Sự xuất hiện các bộ kinh Đại Thừa và sau đó là các quyển luận thuyết của các ngài Mã Minh, Long Thọ, Long Trí, Đề Bà, Vô Trước, Thế Thân trong bốn thế kỷ đầu Công Nguyên đánh dấu sự thành hình và bành trướng nhanh chóng của Phật Giáo Mahayana trong toàn xứ Ấn Độ. Ảnh hưởng này đã dần lan rộng sang Trung Hoa, và từ đó có những phong trào truyền bá, chuyển dịch kinh điển ở Trung Hoa qua nhiều thế kỷ, từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7 C.N, qua ba ngõ giao thông chính: đầu tiên là qua miền Trung Á, sau đó là qua ngõ Nepal - Tây Tạng, và cuối cùng là bằng đường biển.

5. Cùng Một Cổ Xe

Tóm lại, trong 100 năm sau khi Đức Phật tịch diệt, giữa Đại Hội Kết Tập Lần Thứ I và II, Đạo Phật được xem như là ở trong thời kỳ nguyên thủy, với một tăng đoàn tương đối còn ít, có nhiều liên hệ chặt chẽ, giới luật thuần nhất, dưới sự lãnh đạo của các cao tăng vốn đã xuất gia và thọ giới khi Đức Phật còn tại thế.

Sang thời kỳ A Hàm, kéo dài khoảng 400 năm từ sau Đại Hội II cho đến đầu Công Nguyên, các mầm mống phân hóa đã bắt đầu xuất hiện, với sự phân chia thành hai Bộ, và sau đó tiếp tục phân hóa thành 18 tông. Qua Đại Hội III được tổ chức dưới triều vua A Dục, việc kết tập Kinh Tạng và Luật Tạng xem như đã hoàn tất. Mặc dù trong thời kỳ này các kinh A Hàm và giới luật nguyên thủy vẫn được các tông phái tôn trọng - với những cách diễn dịch khác nhau - các ý tưởng canh tân, đại chúng hóa đạo pháp bắt đầu thành hình, nhất là trong thế kỷ cuối cùng trước Công Nguyên.

Thời kỳ tiếp theo là thời kỳ chuyển hóa, kéo dài khoảng 500 năm cho đến đầu thế kỷ 6. Trong thời kỳ này, Phật Giáo bắt đầu có hai hướng phát triển khác nhau, và kéo dài ảnh hưởng đến ngày nay. Từ Ấn Độ, đạo Phật được truyền về hướng Nam, sang đảo Tích Lan, và tạo lập một căn bản vững chắc ở đó. Đại Hội Kết Tập lần IV tại Tích Lan đánh dấu việc ghi chép toàn bộ Tam Tạng Kinh - Luật - Luận trên giấy, và được lưu truyền cho đến ngày nay qua truyền thống Theravada.

Cũng trong thời kỳ này, các tư tưởng canh tân của Đại Thừa đã bắt đầu tạo ảnh hưởng lớn mạnh, qua các bộ kinh điển mới và qua các bộ luận thuyết của các danh tăng và giữa và cuối thời kỳ này. Các tông phái Đại Thừa bắt đầu xuất hiện và tăng trưởng nhanh chóng. Đạo Phật truyền sang mạn Tây Bắc, tạo lập trung tâm Phật Giáo ở Kashmir, và từ đó truyền vào Trung Hoa.

Khi đạo Phật bắt đầu bành trướng ở Trung Hoa, tăng đoàn ở đó đã thu nhận và chuyển dịch rất nhiều kinh điển, từ nhiều nguồn gốc và tông phái khác nhau, và qua nhiều thời kỳ lịch sử. Các bộ Tam Tạng nguyên thủy được dịch ra chữ Hán từ hai, ba tông phái khác nhau, chẳng hạn như từ tông Thuyết Xuất Thế Bộ và Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Các bộ kinh chính của Đại Thừa cũng thế, có nhiều thay đổi theo thời gian, và được bổ sung, sửa chữa nhiều lần. Có khi các bộ kinh này chỉ được truyền khẩu bằng tiếng Phạn vào Trung Hoa, rồi sau đó mới được dịch, nhuận sắc và ghi chép (5, t.365-368). Có khi các danh tăng Trung Hoa du hành sang Ấn Độ học tập rồi mang về các bộ kinh điển để phiên dịch và phổ biến trong nước. Cả hai truyền

thống chính - Theravada và Mahayana - đều có mặt tại xứ này trong thời gian đó.

Để sắp xếp và thống nhất nguồn gốc của các loại kinh điển, các tăng sĩ thời đó đã đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau. Trong đó, thuyết của ngài Trí Giả, tông Thiên Thai, là phổ thông nhất và vẫn còn thấy lưu dụng cho đến ngày nay trong một số sách Phật Giáo. Ngài cho rằng Đức Phật đã giảng kinh pháp trong 5 thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và Pháp Hoa - Đại Niết Bàn (5, t.442), và vì thế có nhiều loại kinh điển từ nhiều tông phái khác nhau. Tuy nhiên, đây chỉ là một lối giải thích để tổng hợp và hệ thống hóa toàn bộ kinh điển mà thôi. Giả thuyết này không có chứng liệu lịch sử, và không được các nhà nghiên cứu sử học Phật Giáo ngày nay công nhận (5, t.305-310; 6, t.151-152).

Tại Tích Lan cũng thế, trong những thế kỷ đầu tiên, cả hai truyền thống Mahayana và Theravada đều có mặt tại xứ này, mặc dù truyền thống Theravada có ảnh hưởng mạnh hơn, như ngài Huyền Trang ghi nhận trong quyển Tây Vực Ký của ngài. Ngài cũng ghi nhận là có các nhóm tu sĩ phái Đại Tự Viện, tuy là Theravada nhưng có tinh thần Đại Thừa rất cao (2, t.275). Còn tại Ấn Độ, các ngài Huyền Trang và Pháp Hiển đều ghi nhận sự hoạt động hài hòa của nhiều tông phái khác nhau trong nhiều thế kỷ.

Ở Việt Nam, cả hai tông phái Mahayana và Theravada đều được công nhận và cùng chung nhau hoạt động trong công tác hoàng đế ủng hộ đạo pháp. Hiến Chương Phật Giáo Việt Nam soạn ra năm 1963 đã chính thức xác nhận điều đó (4, t.394). Tuy nhiên, để tránh hiểu lầm, chúng ta không nên dùng chữ "Tiểu Thừa" để gọi phái Theravada. Điều này thường gặp trong một số sách báo và bài viết về đạo Phật. Thật ra, "Tiểu Thừa" là dịch từ chữ "Hinayana" - cỡ xe nhỏ - một chữ dùng rất nhiều trong kinh điển Đại Thừa, có hàm ý chê bai, khinh miệt.

Khi đọc kinh điển, chúng ta cần phải hiểu rõ hoàn cảnh lịch sử xã hội khi các kinh này được tạo ra. Các kinh Đại Thừa xuất hiện vào cuối thời kỳ A Hàm, nghĩa là khoảng 400-500 năm sau khi Đức Phật tịch diệt. Đây là các tư tưởng cải cách để đại chúng hóa đạo Phật, đối kháng lại đường lối thủ cựu, giáo điều, chấp kiến và vị kỷ của một số cao tăng trong giới lãnh đạo tăng đoàn của nhiều tông phái thời bấy giờ, chủ không phải để ám chỉ riêng biệt một tông phái nào cả (2, t.257).

Khuynh hướng ngày nay là dùng chữ Mahayana và Theravada nguyên ngữ để chỉ hai tông phái chính này. Khi dịch sang Việt ngữ, thường thì chúng ta dùng danh từ Phật Giáo Đại Thừa và Phật Giáo Nguyên Thủy, nhưng cũng có sách dùng danh từ Phật Giáo Bắc Truyền (Bắc Tông) và Phật Giáo Nam Truyền (Nam Tông) để chỉ hướng truyền đạo của Phật Pháp trong thời kỳ chuyển hóa (7, t.202).

Dù là tông phái nào đi nữa, đó cũng chỉ là giáo pháp phương tiện giúp ta tu tâm tịnh ý để được an lạc và giải thoát. Cần phải hiểu rõ nguồn gốc và hoàn cảnh lịch sử trong tiến trình phát triển các bộ kinh điển và tông phái, để có được một sự thông cảm, hòa đồng và tương kính. Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật có nói "*Chữ Phật chỉ dùng một chữ duy nhất đưa đến giải thoát (Nhất thừa Phật đạo), không có hai mà cũng chẳng có ba*", và trong Tiểu Bộ Kinh của Kinh Tạng Nguyên Thủy, Ngài cũng dạy rằng: "*Như tất cả các đại dương đều có cùng một vị mặn, các giáo pháp của Ta cũng chỉ có một vị duy nhất, đó là vị giải thoát*".

Tham Khảo

- (1) Nhất Hạnh (1990), Con Đường Chuyển Hóa. NXB Lá Bối, San Jose.
- (2) Hirakawa Akira (1993), A History of Indian Buddhism. Molilal Banarsidass, Delhi.
- (3) Samanera Bodhesakho (1984), Beginnings: The Pali Suttas. Buddhist Publication Society, Kandy.
- (4) Đức Nhuận (1983), Phật Học Tinh Hoa. Phật Học Viện Quốc Tế, California.
- (5) Kenneth Chen (1964), Buddhism in China. Princeton University Press, Princeton.
- (6) Noble R. Reat (1994), Buddhism - A History. Asian Humanities Press, Berkeley.
- (7) Thích Minh Châu và Minh Chi (1991), Từ Điển Phật Học Việt Nam. NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

Binh Anson,
Perth, Western Australia
Tháng 4, 1996 (PL 2539)

ĐUỐC TỬ TÂM



• Thúy Trúc

Sabine Kratze nàng người Đức quốc
Đến Sài Gòn theo học Việt văn
Chuyên cần thực tập ba năm
Thủ khoa đặng bằng tiếng tăm lẫy lừng
Thượng Phật Giáo muôn rừng Pháp nạn
Xót chữ Tăng xử án bất công
Vào chùa ra viện cầu mong
Quy y Tam Bảo ngưỡng trông bốn bề
Trước Từ Tôn con thề dâng hiến
Thiêu thân này thực hiện lời nguyện
Mặc cho Thầy bạn ngăn khuyên
Mồng ba tháng chín lửa thiền rực lên
Trong ngoài nước đời bền chấn động
Gương Từ Bi mở rộng lòng thương
Trái tim Bồ Tát vô lượng
Nguyện cầu Phật Tổ mười phương độ trì
Xin gởi lại lời di tâm huyết
Hiển nhục thân con quyết từ lâu:
Thống nhất Phật Giáo năm châu
Tặng Ni thoát ngục điều hầu bạo tàn.

(Thân tặng Thánh Tử Đạo Sabine Kratze Pháp danh Tử Tâm, một cô gái Đức quốc trẻ tuổi đã hy sinh cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, ngày 03.9.95)

LÁ

• Kính tặng Gs. D. Josep Döbber

Lá khô vàng cuối mùa
Xao xác gió thu đưa
Ven đường nằm thõn thốc
Bên cỏ úa ngày xưa

Người đi qua ngõ khuất
Lá khóc thầm dung nhan
Sương pha dòng lệ ướt
Thời gian chìm không gian

Đem ru đời ru lá
Vào suối nhạc vô thanh
Vào vô cùng vô tận
Vào phận lá mong manh

Lá ngoan hiền đợi chết
Phút muốn mang biển dâu
Mong ngày mau nhạt nắng
Nghe vỗ về đêm sâu
1.2.96





Chúng tôi đã tìm thấy nơi ĐỨC PHẬT đản sanh

Nguyên tác: Ký giả Thomas Laird

• Việt dịch : H.T. Thích Trí Chơn

*** Ghi chú của Á Châu Tuần Báo (Asiaweek):**

Nhiều thế kỷ qua, các du khách hành hương đổ xô đến chân núi Hy Mã Lạp Sơn để mong nhìn thấy chính xác nơi Đức Phật đã ra đời hàng nghìn năm trước. Nay công việc tìm kiếm này đã kết thúc. Một nhóm chuyên gia khảo cổ quốc tế cho biết họ đã khám phá ra chứng tích cuối cùng xác nhận rằng Đức Phật đã giáng sinh tại Vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini) trong vùng tây nam Vương quốc Nepal. Ký giả ngoại quốc đầu tiên được phái đến khu vực tìm ra thánh tích trên là Thomas Laird. Dưới đây là bài tường thuật của ông ta.

Mặc dù trong tình trạng suy tàn, ngôi chùa thờ Hoàng Hậu Ma Gia (Maya Devi) tại Phật tích Lâm Tỳ Ni (Lumbini), cách thủ đô Kathmandu xứ Nepal 240 cây số, là một trong những trung tâm hành hương chính của Phật Giáo. Trải qua hơn 2.600 năm, phần đông Phật tử đều tin rằng đây là nơi đản sinh của Đức Thế Tôn, vị Giáo Chủ của Phật Giáo. Nhưng các nhà khảo cổ vẫn chưa biết chính xác được nơi nào trong Vườn Lâm Tỳ Ni, Thái tử Tất Đạt Đa (Đức Phật) đã ra đời.

Nay các nhà khảo cổ cho biết đã tìm thấy một phiến đá không có vết nứt, ở dưới nền của một ngôi chùa cổ xây cất khoảng vào năm 249 trước Tây Lịch. Mảnh đá này có chiều dài 45 phân và chiều ngang 15 phân tây được tìm thấy nằm sâu gần 5 thước tây dưới một cái nền lát đá đồ nát của ngôi chùa trên.

Hai nhà khảo cổ Nepal Babu Khirishna Rijal và Nhật Bản Satoru Uesaka đã khám phá ra di tích này vào ngày 18 tháng 2 năm 1995. Nhưng họ trì hoãn gần một năm mới phổ biến cho công chúng biết, vì muốn chờ sự kiểm chứng lại của các nhà khảo cổ ở những nước khác như Ấn Độ, Tích Lan và Hồi Quốc. Ông Rijal và Satoru bảo rằng sau khi xem xét kỹ phiến đá, các chuyên viên khảo cổ ba quốc gia trên đều "hoàn toàn đồng ý", công nhận là đúng.

Hai nhà khảo cổ Nepal và Nhật cho biết thêm: "Chúng tôi đã dùng đến hóa chất và các kỹ thuật khác để áp dụng trong việc khảo cổ. Chúng tôi vẫn tiếp tục đào bới tại đây, và sau một năm tìm tòi, khảo sát kỹ lưỡng, bây giờ đã đến lúc chúng tôi cần thông báo cho mọi người biết kết quả về những khám phá của chúng tôi".

Sau khi tin này được loan ra, có một số người tỏ vẻ nghi ngờ. Một tờ báo ấn hành tại Kathmandu (Nepal) phủ nhận sự trình bày về kết quả công việc nghiên cứu của hai nhà khảo cổ nói trên. Ông Satoru giải thích: "Thiên hạ tung ra nhiều tin đồn, nhưng chủ yếu là do lòng ganh ghét. Chúng tôi mong rằng, sau khi đọc kỹ bản báo cáo đầy đủ của chúng tôi, họ sẽ hết nghi ngờ".

Tìm ra nơi Đức Phật đản sinh là một công trình khảo cổ trọng đại đối với khoảng 350 triệu tín đồ Phật Giáo trên thế giới cũng như sự khám phá ra thành phố Bethlehem, nơi Chúa Giê-Su giáng sinh ngày xưa. Trước nhập diệt, Đức Thế Tôn dạy rằng Phật tử nào có duyên lành đến chiêm bái Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Ngài đã ra đời và ba thánh tích Phật Giáo khác (Bồ Đề Đạo Tràng, Vườn Lộc Uyển và Cầu Thi Na) thì sau khi lâm chung, họ có thể được phước báu "thác sinh lên cõi Trời". Cho nên sự phát hiện, tìm ra chứng tích lịch sử này hy vọng sẽ

giúp cho nhiều du khách Nepal muốn đến chiêm bái Phật tích Lâm Tỳ Ni (Lumbini).

Tin tức về sự khám phá trên đầu tiên được loan ra vào ngày 4 tháng 2 năm 1996, chỉ giới hạn cho các ký giả địa phương ở Nepal. Ủy Ban Phát Triển Lâm Tỳ Ni - một trong ba tiểu ban thực hiện đề án khai quật - cùng với Nha Khảo Cổ của chính phủ Nepal và Hội Đoàn Phật Giáo Nhật Bản, đã thông báo ra ngoại quốc, nhưng chỉ vài thông tin viên biết mà thôi. Trong tuần qua chưa có phản ứng chính thức gì từ các nhà lãnh đạo Phật Giáo tại Ấn Độ, nơi mà một số học giả vẫn thường tuyên bố rằng Đức Phật đã không ra đời ở xứ Nepal mà tại quận Gorakhpur thuộc tiểu bang Uttar Pradesh (miền bắc Ấn Độ). Vườn Lâm Tỳ Ni nằm trong lãnh thổ Nepal cách tiểu bang Uttar Pradesh chỉ 10 cây số.

Theo kinh điển Phật Giáo, Hoàng hậu Ma Gia, thân mẫu Đức Phật, khoảng năm 623 trước Tây Lịch, trên đường trở về thăm quê hương ở nước Câu Ly (Koliya), bà đã ghé vào nghỉ ở vườn Lâm Tỳ Ni. Sau khi xuống tắm ở hồ nước thiêng, Hoàng hậu đi 25 bước đến gốc cây Vô Ưu và hạ sinh Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha). Theo truyền thuyết Phật Giáo, vừa mới ra chào đời, Thái tử đã bước đi bảy bước.

Gần 400 năm, sau khi vua A Dục (Asoka) lên nắm quyền cai trị toàn cõi Ấn Độ và ngài đã có công truyền bá Phật Giáo đến các quốc gia vùng Đông Á. Sứ chép rằng vua A Dục có đến chiêm bái vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Thế Tôn giáng sinh. Bấy giờ Ngài đã ra lệnh cho đặt một viên đá ngay tại chỗ Thái tử Tất Đạt Đa (Đức Phật) ra đời và trồng một trụ đá sát bên cạnh. Trên trụ đá này có khắc mấy dòng cổ ngữ Ấn Độ đề cập đến phiến đá nói trên. Về sau, nhiều chùa đã được xây cất tại thánh tích này, nhưng trải qua nhiều thế kỷ đổi thay, Lâm Tỳ Ni đã rơi vào tình trạng đổ nát hoang tàn không còn ai biết tới. Mãi đến năm 1895, trụ đá vua A Dục mới được tìm thấy bởi nhà khảo cổ người Đức. Năm 1967, ông U Thant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc đến chiêm bái đã khóc khi thấy vườn Lâm Tỳ Ni trong cảnh suy tàn đổ nát.

Công việc khai quật của hai nhà khảo cổ Nepal và Nhật Bản khởi đầu ba năm trước với 200 nhân công. Họ đã đào thấy cái nền nhà của 15 phòng. Ngay ở giữa họ khám phá, phát hiện một đường mương (trench) bên dưới có một phiến đá mà hai nhà khảo cổ tin rằng có thể nó là tấm đá do vua A Dục của Ấn Độ cho đặt xuống ngày xưa. Các nhân viên khảo cổ xứ Nepal xác nhận rằng từ đường mương này cách xa đúng 25 bước hồ nước thiêng nơi Hoàng hậu Ma Gia đã tắm trước khi sanh Thái tử Tất Đạt Đa. Ông Lok Darshan Bajracharya, nguyên Chủ tịch Ủy Ban Phát Triển Lâm Tỳ Ni đã phát biểu: "Khám phá này chứng tỏ cho thấy những điều ghi chép trong kinh điển Phật Giáo nói về địa điểm chính xác nơi Đức Phật đản sinh xưa kia là đúng".

Hai ngày sau khi loan báo tin về kết quả khám phá trên, Vua Nepal Birendra cùng với Hoàng hậu Aishwarya và Thủ tướng Sher Bahadur Deuba đã đến viếng thăm khu vực nơi các nhà khảo cổ đã tìm thấy miếng đá lần trụ đá A Dục (Asoka pillar). Trước khi Đức Vua và Hoàng hậu đến chiêm bái, không một nhiếp ảnh gia ngoại quốc nào được phép tiến vào khu vực đang khai quật và toàn vùng này đã được ngăn chặn bao quanh bằng một dải băng vải nhựa màu vàng.

Tôi chăm chú nhìn Vua Nepal đang chất vấn hai chuyên gia khảo cổ Rijal và Satoru về phiến đá nằm bên dưới khung tò vò (arch) được xây bằng loại gạch thuộc thời đại Vua A Dục. Họ giải thích rằng đó là một "phiến đá khối kết" (conglomerate stone) không có tại địa phương, mà nó được lấy từ nơi khác đến và đặt ngay ở trung tâm của ngôi chùa. Vua Birendra hỏi tiếp phải chăng chính đó là phiến đá mà trên trụ đá Vua A Dục có khắc ghi nói đến. Họ trả lời chắc chắn là như vậy. Đức Vua và Hoàng hậu Nepal cùng đoàn tháp tùng tất cả vào chùa làm lễ trước tượng Hoàng hậu Ma Gia (Maya Devi) và ra về.

Sau đó, hai nhà khảo cổ Rijal và Satoru có cho tôi biết rằng ngày mai họ sẽ lên đường sang Ấn Độ để tham dự cuộc hội thảo, thuyết trình về khám phá chứng tích lịch sử quan trọng này. Cả hai ngạc nhiên khi nghe tôi đề nghị rằng họ nên ở lại Kathmandu để tiếp xúc mở cuộc họp báo với các ký giả ngoại quốc. Nhưng hai nhà khảo cổ đã trả lời: "Chúng tôi không thể vắng mặt trong buổi hội thảo nói trên tại Ấn Độ". Chúng tôi sẽ mở cuộc họp báo tại Kathmandu (Nepal) sau, vì trễ một vài ngày cũng không sao

Trích Tuần Báo ASIaweek số phát hành ngày 23.02.1996 trang 34 và 35

ĐỜI TIẾP NÓI ĐỜI

Nguyên tác: Life After Life

Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch:

Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

Chương VI.- CẢM TƯỜNG

Khi viết quyển sách này tôi ý thức rằng mục đích và viễn ảnh của tôi rất có thể bị hiểu nhầm. Đặc biệt tôi muốn thừa cùng quý vị độc giả có đầu óc khoa học là tôi rất rõ việc mình đang làm không phải là một công trình khảo cứu khoa học. Và đối với quý vị triết gia bằng hữu tôi muốn nhấn mạnh tôi không hề có ảo tưởng muốn chứng minh rằng có sự sống sau khi chết. Muốn đề cập kỹ càng các vấn đề này, ắt phải thảo luận về những chi tiết kỹ thuật (những chúng tôi ở ngoài phạm vi quyển sách này), nên tôi tự giới hạn trong những nhận xét sau đây:

Trong các môn luận lý, luật pháp, khoa học thì các từ "kết luận", "bằng chứng", "chứng cứ" là các thuật ngữ có ý nghĩa đặc biệt hơn từ ngữ thông dụng. Trong cuộc sống hàng ngày, mấy chữ này được dùng một cách không chặt chẽ. Lướt xem qua các tạp chí phổ thông ta thấy hầu như bất cứ một câu chuyện phi lý nào cũng được dán cho cái nhãn hiệu "bằng chứng".

Về luận lý học, việc cho rằng một vấn đề đang theo (hoặc không theo) một hệ thống tiền đề không thể làm một cách tùy tiện. Nó được những thể thức, điều lệ, luật pháp định nghĩa một cách chặt chẽ, chính xác. Khi bảo rằng mình có được một "kết luận", có nghĩa là bất cứ ai tự ban đầu nếu tuân theo các tiền đề đó, ắt phải đi đến cùng một kết luận, trừ phi người đó sai lầm trong lý luận.

Các nhận xét này cho thấy tại sao tôi chẳng đưa ra những kết luận cho công cuộc nghiên cứu của tôi và tại sao tôi không muốn tạo lập chúng cho một lý tưởng cổ xưa là có sự trường tồn sau khi thân thể mai một. Tuy nhiên tôi nghĩ rằng các báo cáo kinh nghiệm nơi ngưỡng cửa tử sinh này rất có ý nghĩa. Điều muốn làm là tìm ra một đường lối trung dung để giải thích, chứ không phủ nhận các kinh nghiệm này với lý do chúng chẳng phải là những chứng cứ khoa học hay luận lý học, và cũng không thổi phồng bằng cách cho rằng chúng chứng minh là có sự sống sau khi chết.

Đồng thời thiết nghĩ việc chúng ta hiện không thể tạo lập được "chứng cứ" không

phải là một giới hạn do bản chất của kinh nghiệm chột hụt đặt ra. Có lẽ thực ra đó là giới hạn của các cách suy nghĩ theo khoa học và luận lý hiện nay. Có thể là viễn ảnh các nhà khoa học và luận lý học trong tương lai sẽ khác hẳn. (Lịch sử đang chứng minh rằng các phương pháp lý luận và khoa học đầu có cố định, đứng yên một chỗ mà luôn tiến hóa và năng động).

Cho nên tôi không đi đến kết luận hay là trưng bằng chứng mà chỉ có những cảm giác, câu hỏi, những điểm tương đồng, những điều khó hiểu cần được giải thích. Tuy nhiên việc khảo cứu này ảnh hưởng nhiều đến cá nhân tôi. Nghe một người mô tả kinh nghiệm của họ, tôi thấy rất khả tin, nhưng không dễ gì viết lại đầy đủ. Đối với họ, kinh nghiệm về tử coi chết là những sự kiện rất thực và khi tiếp xúc họ, tôi thấy những kinh nghiệm đó trở thành những sự kiện có thực đối với tôi.

Song tôi cũng biết đây là nhận định theo khía cạnh tâm lý chứ không phải luận lý. Luận lý (logic) là một vấn đề công cộng, còn tâm lý (psychology) thì không. Cùng một hoàn cảnh, người thì phản ứng thế này, kẻ lại thế kia. Đó là vấn đề tính khí và khuynh hướng, và tôi không ao ước phản ứng của cá nhân tôi đối với công cuộc nghiên cứu này sẽ là khuôn thước cho sự suy nghĩ của người khác. Như vậy ắt có kẻ hỏi: "Nếu sự giải thích các kinh nghiệm này rốt cuộc chỉ là vấn đề chủ quan, tại sao phải mất công nghiên cứu?". Tôi nghĩ chẳng có cách trả lời nào khác hơn là nhắc lại rằng Con người rất quan tâm về bản thể của sự chết (tức CHẾT LÀ GÌ?). Tôi tin rằng bất cứ một chút ánh sáng nào soi chiếu lên bản thể của sự chết đều hữu ích.

Các chuyên gia, bác học thuộc nhiều lãnh vực cần làm sáng tỏ vấn đề này. Bác sĩ cũng cần phải đối phó với những sợ hãi và hy vọng của con bệnh đang hấp hối. Các vị lãnh đạo tinh thần, tu sĩ cũng cần vì phải giúp đỡ tín đồ giáp mặt với tử thần. Tâm lý gia và bác sĩ tâm thần cũng cần vì muốn đề ra phương pháp hữu hiệu chữa trị những rối loạn về tình cảm, các vị này phải rõ "tâm thần" là gì, nó có thể hiện hữu ở ngoài thân xác được hay không. Nếu không thế, thì cách trị bệnh tâm lý rồi ra sẽ hưởng về phương pháp trị bệnh thể chất (như dùng thuốc, chạy điện, mổ óc, v.v...). Mặt khác, nếu có dấu hiệu cho thấy tâm thần có thể sống ngoài thể xác và độc lập thì phương pháp chữa bệnh tâm thần phải khác hẳn.

Hơn nữa đây không chỉ là các vấn đề liên quan đến chuyên gia, bác học gia. Nó liên quan sâu đậm đến từng cá nhân, vì hiểu biết về cái chết có thể ảnh hưởng lớn đến nếp sống của mình trên thế gian này. Nếu các kinh nghiệm nơi ngưỡng cửa tử sinh mà ta đã bàn là chuyện có thực, thì chúng ảnh hưởng sâu đậm đến những gì ta đang làm trong đời. Chúng ta không thể hoàn toàn hiểu rõ Sự sống là gì nếu ta không liếc nhìn chuyện Thế giới bên kia.

- HẾT -

• Thử Mục

* EVANS-WENTZ, W.Y. (ed.), The Tibetan Book of the Dead (Tủ Thư), New York, Oxford University Press, 1957.

* HAMILTON, EDITH and CAIRNS, HUNTINGTON (eds), The Collected Dialogues of Plato (Sưu Tập Các Đối Thoại của Plato), New York, Bollingen Foundation, 1961.

* LILLY, JOHN C., M.D., The Center of the Cyclone (Tâm Bão), New York, The Julian Press, 1972.

* LUKIANOWICZ, N., "Autoscopic Hallucinations" (Ảo-Giác Phân-Thân), Archives of Neurology and Psychiatry, August, 1958.

* PLATO, The Last Days of Socrates (Những Ngày Cuối Cùng của Socrates) trans. by Hugh Tredennick, Baltimore, Penguin Books, 1959.

* STEVENSON, IAN, M.D., Twenty Cases Suggestive of Reincarnation (Hai mươi Trường Hợp Âm-Thị Có Luân-Hồi), Charlottesville, University Press of Virginia, 1974.

* SWEDENBORG, EMANUEL, Compendium of the Theological and Spiritual Writings of Emanuel Swedenborg, Boston, Crosby and Nichols, 1953.

* WEIL, ANDREW, M.D., The Natural Mind, Boston, Houghton Mifflin, 1973.

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

RAYMOND A. MOODY, Jr. lập gia đình và có hai con. Ông đỗ Tiến sĩ triết năm 1969 và dạy triết ở một đại học miền đông tiểu bang Nord Carolina, Hoa Kỳ, đặc biệt ưa thích đạo đức, luận lý học và lịch sử ngôn ngữ.

Ông chú ý đến những kinh nghiệm của các "người về tử coi chết" từ khi còn là sinh viên triết ở đại học Virginia. Nên lúc ra đi dạy ông để tâm nghiên cứu và giảng thêm đề tài này trong chương trình của ông.

Đến năm 1972, để có đủ kiến thức khảo cứu vấn đề, ông từ chức giảng sư, ghi danh học y khoa và sau đó đỗ thêm bằng Tiến sĩ y khoa thần kinh bệnh học và dạy triết lý y khoa. Ông vẫn tiếp tục khảo sát các hiện tượng của sự sống sau khi thể xác đã chết, thuyết giảng cho nhiều nhóm sinh viên y khoa và y tá sinh. Vì "chết hụt" là một lãnh vực nghiên cứu khá mới mẻ nên ông Moody không biết rằng cùng lúc đó có nhiều vị bác sĩ cũng đang xúc tiến việc khảo sát tương tự. Khi sắp xuất bản quyển sách này (Life After Life) ông mới quen nữ bác sĩ Elizabeth Kubler-Ross. Cuộc nghiên cứu của bà không những song song với việc điều tra của ông, mà còn giống hệt nhau. Hai vị chỉ gặp nhau từ tháng Hai năm 1976.

Sau đó ông tiếp tục nghiên cứu và xuất bản quyển "Reflections on Life After Life" (Luận Về Đời Tiếp Nối Đời) vào tháng 6 năm 1977. Chúng tôi sẽ cố gắng dịch quyển này để cống hiến quý vị thêm một tài liệu giá trị về ngưỡng cửa của tử sinh.

HOÀNG-PHI Lưu Hoàng-Nguyễn

Đón xem số tới! Viên Giác sẽ khởi đăng quyển

LUẬN VỀ ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

do Đạo Hữu HOÀNG-PHI Lưu Hoàng-Nguyễn dịch quyển Reflections on Life After Life của Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Từ khi xuất bản quyển Đời Tiếp Nối Đời (Life After Life), Tiến sĩ y khoa kiêm triết học Moody không ngừng tìm hiểu các kinh nghiệm chết hụt. Ông phỏng vấn thêm hàng trăm người đã ở ngưỡng cửa tử sinh hoặc bị công bố là đã chết. Nhiều yếu tố mới chưa được đề cập ở quyển Đời Tiếp Nối Đời thì nay sẽ đăng trong quyển "Luận Về Đời Tiếp Nối Đời". Vì chúng cố của đời sống sau đời này càng ngày càng nhiều, Tiến sĩ Moody sẽ đưa chúng ta một bước đến gần hơn sự bí mật to lớn nhất của nhân loại.

Xin hãy đón xem!

Bí Ẩn Về TIỀN KIẾP và HẬU KIẾP

• ĐOÀN VĂN THÔNG

NHỮNG DẤU TÍCH LUÂN HỒI

(Tiếp Theo)

Người Có Nhiều Vú

Một trong những trường hợp đặc biệt khác mà từ lâu được các nhà nghiên cứu về sinh lý học cũng như về hiện tượng siêu hình lưu tâm là người có nhiều vú. Charles Darwin đã gọi trường hợp này là một trong những trường hợp của hiện tượng trở lại giống cũ "hiện tượng lại giống". Theo đó thì qua sự tiến hóa của toàn bộ cơ thể một cơ quan nào không còn cần thiết sẽ thoái hóa dần để rồi mất hẳn. Trong thời gian thoái hóa sẽ còn một giai đoạn chuyển tiếp dài và cơ quan ấy vẫn còn lưu lại trên cơ thể mà cấp độ hiện hữu giảm dần để chỉ còn lại dấu vết ví dụ ở bào thai người có giai đoạn phôi có khe mang như cá... Từ cổ đại, người có nhiều vú được tượng trưng bởi tượng thần Artemisia hay Diana (ở Đông Phương cổ đại). Nhiều nhà nghiên cứu đã sưu tập các trường hợp này khá nhiều.



Người có nhiều vú

Năm 1876, Peuch đã thu thập được 77 trường hợp về người có nhiều vú, Engstrom cũng tham gia nghiên cứu. Bartholinus (Thomas) đã quan sát một cá thể dị hình, đó là một người đàn bà có 3 vú. Gardner đã mô tả một người đàn bà có 4 vú. Trong khi đó có người đã nhận được báo cáo là họ đã gặp một người đàn ông có đến 6 núm vú. Khi người này ở trần nằm ngửa trông phần ngực và bụng anh ta giống một con heo nái với hai dãy vú. Ngay ở Hoa Kỳ người ta cũng biết nhiều người có nhiều vú trong đó hai người Việt Nam hiện sống tại California (một người có 4 vú, một người có 6 vú).

Người Voi

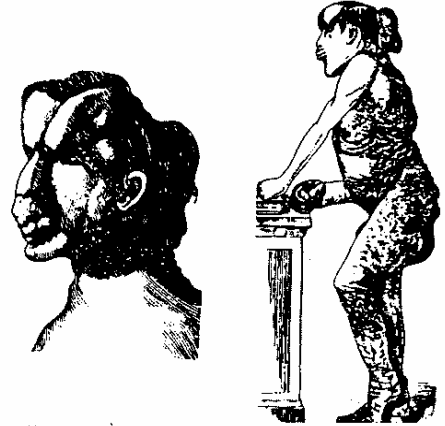
Ở Leicester có một trường hợp rất lạ về người Voi (elephant man). Đây là một người đứng nghĩa về hình dạng, cách ăn uống sinh hoạt và đi đứng nhưng gương mặt và thân hình phần lớn cấu tạo bởi lớp da sần sùi giống da voi. Điều đáng lưu ý là trước khi người này được sinh ra đời không lâu thì bà mẹ anh ta bị một con voi ở gánh xiếc tấn công nhưng may mắn thoát chết. Người Voi đi đứng và nằm ngồi có vẻ khó nhọc vì cái đầu quá nặng. Rồi ngày 11 tháng 4 năm 1890, trong khi đang nằm ngủ trên giường, người Voi bất thần trở mình, cái đầu nặng nề đã không chuyển đổi kịp vị thế mới nên đã làm lệch khớp xương cổ.

Trong cuốn Autour du Monde có thuật lại chuyện một người đàn bà tên Mu Mu (người Sudan - Phi Châu) sinh hạ một lần hai bé trai.

Cặp sinh đôi này có dạng thể rất dị kỳ, thoát nhìn vào trông gương mặt giống voi con và hai đứa bé này chỉ sống được một năm thì cả hai tự nhiên đều bị bệnh viêm màng não mà qua đời. Điều đáng chú ý là gia đình dòng họ người

đàn bà này chuyên sinh sống bằng nghề săn bắn voi để lấy ngà. Câu chuyện có thật này đã được các nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi quả báo ghi nhận để giải thích phần nào về vấn đề

nghiệp quả. Phải chăng gia đình người đàn bà này đã tàn hại không biết bao nhiêu loài voi mà quả báo tương trưng là sinh hạ 2 đứa con sinh đôi có dạng thể của loài voi và bị chết yểu? Phải chăng đó là giai đoạn đầu của lời cảnh cáo, nhắc nhở về những hành động mà gia đình dòng họ này đang gieo rắc?



Người Voi (Ảnh tư liệu mượn trong Medical Curiosities. G.M. Gould và Walter I. Pyle - Hammond xuất bản U.S.A. 1982)

Người Có Lông Như Lông Thú

Đây là trường hợp khá phổ biến trên thế giới từ xưa đến nay và được các nhà nghiên cứu chụp hình cẩn thận, rõ ràng để làm tài liệu. Phần lớn các hải nhi thuộc trường hợp này khi chào đời thân hình có đầy lông, sau đó càng ngày lông càng mọc dài và dày như loài thú. Vào thế kỷ thứ 16, một tài liệu của Aldrovandus đã ghi nhận ở đảo Canary có một gia đình 4 người, tất cả đều giống loài chó lông xù vì từ mặt đến thân mình đều có lông dài bao phủ. Tuy nhiên họ vẫn ăn uống, sinh hoạt và nói chuyện bình thường.



Người có lông như thú (Ảnh tư liệu mượn trong Medical Curiosities. G.M. Gould và Walter I. Pyle - Hammond xuất bản U.S.A. 1982)

Năm 1883, người ta đã đem một cô bé người Trung Hoa tên là Krao (lúc đó lên 7 tuổi) đến biểu diễn ở Anh, Pháp, Hoa Kỳ, cô bé chẳng có gì đặc sắc ngoài bộ lông dài và dày màu đen bao phủ toàn bộ cơ thể trông xa chẳng khác nào một con thú.

Ngày 30 tháng 9 năm 1977, ở Trung Hoa có một cháu bé chào đời, cháu bé này được đặt tên là Yu Zhenhuan mà nét độc đáo là cơ thể cháu bé đều phủ bởi lớp lông măng mọc dài, màu đen trông giống một con mèo.

Theo Yule và Crawford, hai nhà sưu tập các dấu vết luân hồi thì ở Miến Điện có một gia đình mà từ cha, mẹ đến con gái và cháu gái đều có lông bao phủ cơ thể. Đặc biệt ở mặt, có lông măng còn mọc dài bao phủ rất dày trông giống như loài khỉ.

Một nhà báo Hồng Kông kể lại rằng: có một gia đình Trung Hoa sống ở Ma Cao có đứa con gái giống như khỉ (từ mặt mày tay chân đều có lông mọc dày đáng dấp cử chỉ cũng rất giống khỉ). Cô gái này chỉ cất tiếng lí nhí như khỉ vượn chớ không nói được tiếng người và chết năm 1954. Theo người

trong vùng cho biết thì cha mẹ cô này chuyên nấu và sản xuất cao khi. Người mẹ cô gái hàng ngày phải rạch da và lột da khi với từng mảng lông lớn.

Phải chăng hình ảnh ấy cứ ăn sâu và chôn chặt mãi trong ký ức khiến lúc mang thai bà vẫn bị ám ảnh khiến đứa con sinh ra mang hình ảnh của loài khỉ, vượn?

Câu chuyện có thật này đã được đăng tải trong báo hàng ngày của Thượng Hải năm 1955.



• NHỮNG DẤU TÍCH KỶ DỊ KHÁC

Theo các nhà nghiên cứu về các dấu tích kỳ lạ trên cơ thể hải nhi thì có nhiều dấu tích rất đặc biệt xuất hiện trên cơ thể của đứa bé vừa chào đời.

Người ta tự hỏi đó là dấu tích của quá khứ, của luân hồi hay của hiện tượng lệch lạc cấu tạo khi có sự biến chuyển của phôi (từ giai đoạn



Em bé Yu Zhenhuan có lông như thú (Sinh năm 1977 ở Trung hoa)
(Ảnh Tài liệu trích từ Incredible Stories - Avon Books U.S.A. 1992)

phôi đến thai nhi) tạo ra quái thai? Theo tài liệu y khoa của tiến sĩ George M. Gould và Walter L. Pyle (trong cuốn Medical Curiosities, xuất bản vào năm 1982 ở Hoa Kỳ) thì năm 1493, đã có trường hợp một hải nhi chào đời mà cơ thể mang dạng thể của 2 loài sinh vật: từ đầu xuống ngang thắt lưng là dạng thể người với hai tay, đầu, mặt mũi, tai miệng và thân hình bình thường. Nhưng từ thắt lưng trở xuống lại có dạng của loài chó với 2 chân đầy lông và cái đuôi hơi cong.

Theo Lycosthenes thì vào năm 1110, tại Liège có một người đàn bà sinh hạ một hải nhi, đầu, mặt và 2 tay đều thuộc



Em bé "người chó" sinh năm 1493 theo mô tả của Paré
(Ảnh tư liệu mượn trong Medical Curiosities. G.M. Gould và Walter L. Pyle - Hammond xuất bản U.S.A. 1982)

dạng người, nhưng phần còn lại thì có dạng thể một con heo.

Năm 1547, ở Cravovia có một hải nhi rất lạ: Đầu người nhưng có mũi dài như mũi loài voi, chân có màng bơi giống chân ngỗng hay chân vịt ngoài ra từ đốt xương cùng lại có đuôi mọc dài. Ở Huế có một gia đình chuyên làm thịt heo, mỗi ngày vợ chồng nhà này giết khoảng 2 đến 3 con heo. Năm 1967, người vợ có thai và sinh hạ một bé trai. Kỳ lạ thay, khi hải nhi chào đời tại bệnh viện ở Huế thì có mũi và các y tá (trong đó có chị Sen, chị này là nhân chứng) kính hải vì thấy gương mặt hải nhi rất kỳ dị, hai mắt tí hí còn mũi và miệng kéo dài dính nhau trông giống như một con heo. Hải nhi chỉ sống được 3 tháng thì qua đời. Người hàng xóm kể rằng trước khi đứa bé ấy chết có một chuyện rất lạ là người chồng chờ hai con heo nái về nhà và khi người này thọc huyết con heo sau vườn, thì trong nồi, đứa bé vùng khóc thét lên rồi tắt thở. Hai vợ chồng này sợ quá từ đó bỏ nghề giết heo và cùng nhau vào Quảng Ngãi mở một cơ sở làm gạch. Trong vụ Tết Mậu Thân, cả hai vợ chồng đều bị trúng đạn chết bên đường, câu chuyện có thật này do anh L.V.H. học sinh Đệ tam A Quốc học Huế là người đã ở và ăn cơm tháng tại gia đình này kể lại.

MỘT SỐ SUY ĐOÁN

TỪ CÁC DẠNG THỂ KỶ LẠ BẨM SINH

Qua những hiện tượng đã xảy ra từ những hình ảnh kỳ dị của các hải nhi, những người tin về thuyết Luân Hồi cho rằng: đó là một trong những hình ảnh của quá khứ xa xăm, quá khứ ở đây chính là tiền kiếp. Trong hầu hết các kinh sách của những tôn giáo nói về luân hồi, thường nhắc đến một câu đại ý như sau:

"Muốn biết kiếp trước thế nào thì hãy nhìn vào hiện tại..." Câu này ám chỉ rằng một người nào đó đang sống trên cõi thế gian này nếu y muốn biết tiền thân của y ra sao thì y chỉ cần nhìn lại thân phận y bây giờ. Con người của y hiện là tấm gương phản chiếu lại hình ảnh y của kiếp trước. Xét về cuộc sống vật chất, nếu y đau khổ, nghèo nàn thì đó là điều chứng tỏ kiếp trước y đã làm cho người khác đau khổ, nghèo nàn hay hoang phí, thân nhiên trước khổ đau của người khác. Xét về thể chất thì nếu y có một thân hình kỳ dị thì cứ nhìn theo những nét đặc trưng trên cơ thể mà suy đoán kiếp trước y đã tạo ra nghiệp ác nào đó trên thân xác kẻ khác hoặc với cả thú vật. Như trường hợp một hải nhi dị tướng mà tiến sĩ George M. Gould và Walter L. Pyle đã nêu ra có nửa thân hình của người và nửa thân mình của chó, những người tin vào thuyết luân hồi đều cho rằng tiền kiếp của đứa bé mới ra đời này có thể là loài chó nên khi tái sinh, vì một lý do nào đó mà dấu vết và hình dạng nguyên thủy của kiếp trước vẫn còn lại chưa mất hẳn hoặc ở kiếp trước đó là người tàn ác đã hành hạ dã man lên vô số các loài chó.

Những người Ai Cập cổ đại, người Hy Lạp, một số người da đỏ vùng Bắc Mỹ, nhiều dân tộc ở Phi Châu, Á Châu và những dân thuộc các đảo Thái Bình Dương... đều tin vào thuyết luân hồi, tái sinh, họ còn tin vào thuyết con người có thể đầu thai làm thú vật (thuyết animism), hoặc thú vật cũng có thể đầu thai làm người. Bởi sự luân hồi là một sự tiến hóa. Theo quan niệm của những người tin vào thuyết Luân Hồi thì ở kiếp này ăn ở phúc đức hiền lương thì kiếp kế tiếp sẽ hưởng được sự tốt lành. Con người phải trải qua nhiều kiếp do bởi nghiệp lực, hay nói khác đi do những gì mình đã tạo ra trong lúc còn sống (kiếp hiện tại). Trải qua nhiều kiếp như thế, nếu mỗi kiếp đều tạo nghiệp lành thì dĩ nhiên kiếp kế tiếp hưởng được thành quả tốt do nghiệp trước đó tạo nên. Nếu tạo nghiệp lành qua nhiều kiếp liên tục tức là đã có một sự tiến hóa tốt lành kiếp này đến kiếp khác, càng về sau càng tốt hơn thêm. Dĩ nhiên sự tiến hóa trong luân hồi ấy sẽ giúp linh hồn đi đến chỗ an lành siêu thoát sau này. Nếu linh hồn ấy từ loài thú vật thì trải qua sự tiến hóa của nhiều kiếp linh hồn ấy sẽ đầu thai làm người và khi đã thành người, cũng phải chịu trải qua các kiếp luân hồi tái sinh và nếu tiếp tục tạo được nghiệp lành qua nhiều kiếp người, tức là tạo sự tiến hóa về nghiệp trong luân hồi ở

kiếp người thì chắc chắn linh hồn này sẽ tới được cõi tốt lành siêu thoát không còn tái sinh nữa... Do đó, đối với các hình ảnh về người có đuôi, người có lông như loài thú, người có nhiều vú, hay có sừng có gạc... v... đều được họ giải thích đó là những dấu tích của luân hồi, hay dấu ấn của tiền kiếp. Từ một vết chàm, vết bớt, vết sẹo tới lớp da sần sùi có lông tua tủa trên người của hải nhi nào đó mới chào đời, cho đến một hình ảnh kỳ dị hơn của một cơ thể biến thái có dạng thể người lẫn thú... gồm ghiếc... tất cả đều có liên quan đến những gì trong tiền kiếp mà người ấy đã sống, đã hành động...

Cũng theo những người theo thuyết luân hồi chuyển kiếp hay luân hồi quả báo thì mặc dù chi tiết hành động của con người ở tiền kiếp ra sao đã khiến tạo ra trong hiện tại những đặc điểm xuất hiện trên cơ thể thì họ chưa biết rõ, nhưng họ tin chắc rằng đó là vết tích của những gì từ kiếp trước. Là hậu quả của hành động ở tiền kiếp.

Các vị Lạt Ma Tây Tạng cho rằng: "Những gì mà khoa học gọi là quái thai thì đó chỉ là cách gọi". Các nhà khoa học khi thấy một hải nhi chào đời mang dạng thể dị kỳ thì gọi đó là quái thai (Monster) vì do những lệch lạc nào đó trong khi di truyền cá thể hay trong khi biến chuyển từ phôi đến bào thai có sự xáo trộn, bất đồng bộ. Mới đây, khi khoa di truyền (genetics) phát triển, các nhà khoa học còn cho rằng: do sự chuyển hóa, sắp xếp, phân chia hay lệch lạc của các "gen" trong nhiễm sắc thể (chromosome) mà phát sinh ra quái thai. Cũng theo các nhà sinh vật học, các hình ảnh lạ xuất hiện trên cơ thể người dù cấp độ nhỏ như vết chàm, mảng da sần sùi cho đến người có bộ mặt gồm ghiếc, chân tay dị dạng... đều phát sinh từ những nguyên nhân vừa kể và ngoài ra còn do sự tác động của bệnh lý ví dụ bệnh giang mai dễ sinh quái thai khi người mẹ hay người cha mang bệnh này, hoặc đôi khi còn do tác dụng của thuốc uống thuốc chích, ví dụ người mẹ dùng một loại thuốc nào đó trong khi đang mang thai có thể làm biến đổi lịch trình chuyển hóa của bào thai. Có nhiều thuốc ngừa thai gây nên quái thai... Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu chuyên về luân hồi thì vấn đề không thể truy nguyên từ nửa chừng của sự kiện. Có nghĩa rằng không thể giải thích nguyên nhân của một sự kiện bằng những gì thấy trước mắt. Thật sự cách giải thích của các nhà khoa học chỉ hợp lý (theo lãnh vực khoa học) đối với một vài sự kiện mà thôi. Riêng đối với trường hợp của bé Titu, của bé Winnie Easland thì quả thật các nhà khoa học chưa hoàn toàn giải thích đầy đủ, bởi lẽ khoa học thực nghiệm chỉ chứng nhận những gì có tính cách rõ ràng, có chứng cứ hiển nhiên thì những trường hợp đã xảy ra (có đến hàng nghìn trường hợp) như đã nói trên dù sao cũng vẫn có chứng cứ và đó là điều làm cho một số nhà khoa học phải khựng lại ở giai đoạn giải thích hiện tượng vì họ cảm thấy có nhiều trường hợp không thể nào giải thích theo lý thuyết khoa học mà họ thường dùng được.

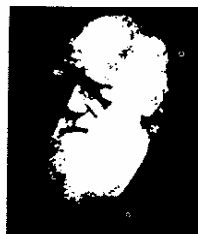
R. Ruly, nhà vật lý nổi danh đã đi vào lãnh vực nghiên cứu các hiện tượng siêu linh cho rằng: "Những nhà khoa học không nên cứng nhắc khi giải thích mọi hiện tượng xảy ra theo một chiều với những luận lý mà con người đã có vì hai vấn đề: một là con người sẽ càng ngày càng khám phá ra nhiều sự kiện mới và hai là con người đang sống trong một không gian giới hạn của quả đất nên mọi vấn đề thường bị giới hạn trong khoảng không gian đó. Cũng như chịu ảnh hưởng, tác động của những hiện tượng cơ học, vật lý ở không gian đó mà thôi.

Thật ra, từ lâu, một số lớn vấn đề đã được giới khoa học quan tâm nghiên cứu và những khám phá ấy thường bắt nguồn từ những gì có tính cách đơn giản, bình thường hoặc đôi khi được màu mê tín, hoang đường từ những nhận định phát sinh trong dân gian hay từ các tôn giáo. Do đó một số lớn các nhà khoa học đã không ngừng thu thập tất cả mọi tài liệu, ngay cả những tài liệu mà sự kiện xảy ra có tính cách mơ hồ hoặc đôi khi đầy vẻ ma quái lạ lùng vì theo họ, một ngày nào đó, sự kiện sẽ có thể được chứng minh rõ ràng. Nhà bác học Einstein cũng đã có lần phát biểu như sau: Thuyết tương đối được phát sinh từ một nghi vấn về một định lý mà ra.

Sự nhận thức của con người là cả một sự tiến hóa dài. Ngay lý thuyết và nhận định của các nhà khoa học cũng vậy. Từ cổ đại đến nay khoa học đã tiến những bước rất dài, dĩ nhiên cũng đã đi từ những sai lầm này đến sai lầm khác và được cải thiện, sửa đổi, hoàn chỉnh. Chắc chắn trong tương lai sẽ có những vấn đề khoa học "sẽ phải sửa đổi" khi khám phá ra những sự kiện mới hơn... Ngược dòng lịch sử khoa học nhân loại, không hiếm những nhận định sai lầm phát sinh từ các nhà khoa học. Thuyết tự nhiên sinh xuất hiện cách đây mấy thế kỷ với sự tham gia của biết bao nhà khoa học. Có ai nghĩ rằng thời đó nhiều khoa học gia tin rằng bunn sinh ra giun và thịt sinh ra giòi? cũng như từ cổ đại vẫn có nhiều nhà khoa học tin rằng sự phối hợp giữa chó và người sẽ sinh ra người có dạng thể chó. Từ lâu trong dân gian cũng tin chuyện rắn phủ mèo thì mèo sẽ sinh ra mèo tam thể. Rồi khi kính hiển vi ra đời thuyết tự nhiên sinh trở thành một lý thuyết đầy khởi hải và khi khoa di truyền học phát sinh thì thuyết phối hợp giữa loài người và loài vật để sinh ra loài mới cũng bị xóa tan...

Có thể nói cuối thế kỷ thứ 20 là thời gian chuyển biến trong sự nghiên cứu của các nhà khoa học. Thay vì tập trung nghiên cứu mọi vấn đề theo hướng thuận thì các nhà khoa học quay ngược lại sự nghiên cứu nghĩa là tìm hiểu lại vấn đề hay các hiện tượng của quá khứ.

Ngày xưa Darwin và trước đó là Cuvier cũng đã có những thuyết truy nguyên từ quá khứ như thuyết Đại biến của Cuvier đã mô tả quả đất trải qua nhiều thời đại với những cuộc đại biến xảy ra đã làm một số lớn sinh vật bị tiêu diệt rồi đến một thời đại khác với những sinh vật khác xuất hiện rồi lại bị cuộc đại biến khác (do biến tiến vào lục địa, hay biến rút khỏi lục địa, sóng thần, núi lửa, động đất v.v...). Còn Darwin, nhà sinh vật học Anh nêu thuyết tiến hóa của sinh vật và thuyết biến đổi của cơ thể sinh vật theo môi trường sống. Darwin còn cho hiện tượng hải nhi sinh ra có đuôi, có lông phủ đầy, ngực có nhiều vú... là hiện tượng lại giống (lại là quay về, trở lại, lại giống là quay trở lại giống cũ). Hiện tượng lại giống thật ra chỉ là một ý niệm xét về



Charles R. Darwin



Baron Cuvier

hình dạng cơ thể mang tính chất của giống này và giống khác như cơ thể hải nhi có đuôi, theo Darwin cái đuôi này là dấu tích của sự tiến hóa vì con người là cả một quá trình tiến hóa của

sinh vật. Con người có thể xem như là kết quả của một sự tiến hóa từ động vật có vú... Trong sinh vật học, các sinh vật tiến hóa từ nước lên cạn. Theo Darwin, ruột thừa của con người là dấu tích của ruột tịt ở loài nhai lại khi đã tiến hóa, những gì không cần thiết cho đời sống mới sẽ thoái hóa dần. Tuy nhiên, như đã nói trên, hiện nay các nhà nghiên cứu không những tìm hiểu, sưu tập mọi hiện tượng, lý thuyết, ý tưởng cổ xưa mà còn tìm cách chứng minh các sự kiện ấy cũng như các hiện tượng về ma quái. Trở lại trường hợp các dấu tích luân hồi, ngoài các câu chuyện có thật như chuyện bé Titu ở Ấn Độ hay bé Winnie Easland với chứng cứ rõ ràng, trong dân gian tản mạn biết bao trường hợp lạ lùng nhưng có lẽ vì xảy ra quá thường nên con người đôi khi không còn cho đó là quan trọng hoặc thấy rồi nhưng sự kiện chưa được ai giải thích rõ ràng nên cũng quên đi. Một trường hợp khá phổ biến mà dân Việt Nam thường gặp là vấn đề con rạn con lộn, đó là một vấn đề có liên quan nhiều đến dấu vết bẩm sinh và là một đề tài lạ lùng, lý thú hấp dẫn và đầy vẻ thâm sâu huyền bí.

AUF DEUTSCH

Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Meister Thich Thien Tam; Copyright der deutschen Übersetzung Tu-Xung Roland Berthold)

Zweifel und Fragen zum Lauteren Land
(Ching-t'u Huo-wen; T. 47; No. 1972)
Ch'an-Großmeister T'ien-Ju

Frage 3 : Der Grund, daß Buddha Sâkyamuni in der Welt erschien, war, die Lebewesen zu erretten. Als Buddhisten sollten wir uns nur darüber bekümmern, daß wir noch nicht erwacht sind. Wenn wir einmal zum Weg erwacht sind, sollten wir gleichgültig gegenüber Geburt und Tod sein und uns, dem Beispiel des Buddha folgend, in den üblen Bereichen manifestieren, um alle Lebewesen zu erretten... Wenn jene, die erwacht sind oder Erleuchtung erlangt haben, dennoch nach Wiedergeburt im Lauteren Land streben, machen sie sich dadurch nicht schuldig, das Leiden zurückzuweisen, für sich selbst Glück zu suchen und jene zu verlassen, die noch in Geburt und Tod versunken sind? Ich mag verblendet und nichtswürdig sein, aber dennoch verabscheue ich solch eine Geisteshaltung!

Antwort : Du bist zu ungeduldig -wie jemand, der ein Ei findet und es dann sofort ausbrüten lassen will! Glaubst du wirklich, daß du nach einem vorübergehenden Erwachen alle verblendeten Gewohnheiten ausgelöscht und augenblicklich die Stufe der Unumkehrbarkeit erlangt hast? Glaubst du weiter, daß du nach solch einem Erwachen den Buddha-Dharma in seiner Gesamtheit nicht weiter studieren noch dich weiterer Übung befleißigen mußt, um Schritt für Schritt die Stufen der Bodhisattvaschaft zu erreichen? Oder glaubst du wirklich, daß du nach einem flüchtigen Eindruck der Erleuchtung den Buddhas gleich geworden bist und in Geburt und Tod nach Wunsch eintrittst bzw. diese verläßt, ungehindert und unerschüttert von hemmenden Bedingungen?

Wenn dies der Fall wäre, müßten sich die großen Bodhisattvas, die während unzähliger Äonen die Parimitäs und die zehntausend Verhaltensweisen geübt haben, im Vergleich zu dir beschämt fühlen. Die Alten haben gemahnt: „Arhats sind noch bei der Geburt verblendet; Bodhisattvas sind noch im Zwischenzustand zwischen Tod und Wiedergeburt verblendet!“

Wenn dies auf Weise wie Arhats und Bodhisattvas zutrifft, was kann man dann über jene sagen, die nur oberflächlich erwacht sind und sich inmitten dieser Welt nicht einmal selbst erretten können?

Außerdem: selbst wenn dein Erwachen tiefgründig und deine Weisheit und dein Verstehen ausgezeichnet und sehr hoch entwickelt sind, und selbst wenn deine Praxis so in Übereinstimmung mit deinem Verstehen ist und du entschlossen bist, die Lebewesen zu erretten, sind deine Fertigkeiten und Fähigkeiten notwendigerweise unvollkommen, so lange du nicht die Stufe der Unumkehrbarkeit erreicht hast. Solltest du dich unter diesen Umständen entschließen,

in dieser üblen Welt zu verbleiben, um die widerstrebenden Lebewesen zur Umkehr zu bewegen und zu erretten, würden die Weisen und Heiligen nicht für deinen Erfolg bürgen! Dies gliedete dem Versuch, Menschen mit einem weder stabilen noch wasserdichten Boot aus der rasenden See zu erretten—unvermeidlich würden alle ertrinken!

Deshalb heißt es in der „Abhandlung über die Wiedergeburt“:

„Wenn du dich in den niederen Welten frei bewegen möchtest, wenn du die verblendeten und leidenden Lebewesen erretten möchtest, dann solltest du zuerst Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land anstreben. Nur nachdem du das „Annehmen der Nicht-Geburt“ erlangt hast, solltest du in das Meer von Geburt und Tod zurückkehren, um deine ursprüngliches Gelübde zu erfüllen. Wegen dieser Ursachen und Bedingungen sollte der Übende nach Wiedergeburt im Lauteren Land streben.“

Die Weisen der alten Zeiten haben auch gesagt :

„Jene, die nicht die Stufe der Unumkehrbarkeit und auch nicht das „Annehmen der Nicht-Geburt“ erlangt haben, sollten niemals von den Buddhas getrennt sein. Sie gleichen kleinen Kindern, die ihre Mutter nicht verlassen sollten, oder jungen Vögeln, die nur von Zweig und Zweig hüpfen können.“

In diesem Zeitalter, in dieser Sahâ-Welt, ist der Buddha Sâkyamuni ins Nirvâna eingegangen, während Maitreya, der zukünftige-Buddha, noch nicht geboren wurde. Außerdem werden die Lebewesen auf den Vier Üblen Pfaden leicht durch das Verknüpfen von Ursache und Wirkung beeinflusst, sind Hunderten von fehlerleitenden, üblen Lehren ausgesetzt, werden von Kritik und Verleumdung verwirrt, von schönen Formen und wohlklingenden Lauten gelockt und sind dabei ständig unter dem Einfluß von schwindenden Umständen und üblen Bedingungen. Wieviele der neu Erwachten können unter solchen Umständen, ohne einen Buddha, auf den sie sich verlassen könnten und von einer üblen Umgebung beeinträchtigt, den Rückfall vermeiden?

Deshalb hat Buddha Sâkyamuni nachdrücklich die Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land empfohlen. In jenem Land legt jetzt der Buddha Amitâbha den Dharma dar, und in jenem Land sind günstige Bedingungen im Überfluß vorhanden. Wenn er einmal dort geboren ist, kann sich der Übende auf die Hilfe der ozeanweiten Versammlung verlassen und schnelle das „Annehmen der Nicht-Geburt“ erreichen. Da er außerdem immer in der Gesellschaft des Dharma-Königs ist, erlangt er leicht die Buddhaschaft. Zu jener Zeit wird es keine Hemmnisse geben, die ihn daran hindern würden, willentlich in der Welt zu erscheinen, um die Lebewesen zu erretten. Deshalb müssen selbst jene der höchsten Befähigung, die mit Weisheit begabt sind, nach Wiedergeburt streben, ganz abgesehen von jenen Menschen, die wie du nur mäßige oder wenige Fähigkeiten besitzen und kaum erwachen würden!

Weißt du nicht, daß im „Sûtra über den Samâdhi der Buddha-Visualisation“ der Bodhisattva Manju'sri selbst sich der Übung in vergangenen Leben erinnerte und enthüllte, daß er den Samâdhi des Buddha-Gedenkens erlangt hat und gewöhnlich in den lauterer Ländern verweilt? Aus diesem Grunde sagte ihm Buddha Sâkyamuni voraus: „Du wirst im Land der Höchsten Glückseligkeit wiedergeboren werden!“

Weißt du auch nicht, daß im Avatamsaka-Sûtra der Bodhisattva Samantabhadra den Sudhana und die ozeanweite Versammlung drängte, die Tugenden der Zehn Großen Gelübde der Wiedergeburt im Westlichen Lauteren Land zu widmen? Das Sûtra enthält die folgende Stelle :

„Mögen, wenn mein Leben sich dem Ende nähert,
alle Hindernisse beseitigt werden!

Möge ich den Buddha Amitâbha schauen
und in seinem Land der Höchsten Glückseligkeit
und des Friedens geboren werden!“

(Hsüan Hua, übers. Flower Adornment Sutra, Kap. 40, p. 214)

Weißt du auch nicht, daß Buddha Sâkyamuni im Lankavatâra-Sûtra vorhersagte: „In der Zukunft wird im südlichen Indien ein Großmeister von hohem Ansehen und Tugend mit Namen Nâgârjuna sein... Er wird die erste Bodhisattva-Stufe der Äußersten Freude erlangen und im Westlichen Lauteren Land wiedergeboren werden.“

Erkennst du auch nicht, daß der Patriarch Asvaghosa (61) in der „Abhandlung über die Erweckung des Glaubens“ ebenso die Wiedergeburt gepriesen hat? Im Mahâratnakuta-Sûtra sagte Buddha Sâkyamuni seinem Vater Suddhodana vorher, daß er mit 70.000 Verwandten im Lauteren Land wiedergeboren werden würde. Im Meditationssûtra lehrte Buddha Sâkyamuni die Königin Vaidehî und ihre 500 Diener, wie sie den Buddha Amitâbha verehren sollten... (62)

Impressum

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Verlag

c/o Viengiac Pagode, Karlsruhe Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963

Herausgeber : Ven Thich Nhu Dien

Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der
BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : alle zwei Monate

Druck, Satz und Layout : VIBUS - HANNOVER

Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach Druck nur
mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.

(Wir wollen zurückhaltend sein und uns diese Frage stellen : Wenn selbst große Bodhisattvas wie Manjusri und Samantabhadra und überragende Patriarchen wie Asvaghosa und Nāgārjuna (64) nach Wiedergeburt gestrebt und Amitābha-Buddha zu schauen gelobt haben, wie könnten dann die kaum erwachten Übenen unserer Tage die Wiedergeburt zurückweisen? Dies zu tun, würde bedeuten, die eigenen Leistungen höher als die der Bodhisattvas und Patriarchen zu bewerten. Das ist unvorstellbar!

In späteren Zeiten gründete z.B. der Großmeister Hui-Yüan aus Lu-Shan (334-416) die Lotus-Gesellschaft, die sich ausschließlich der Praxis des Lauteren Landes widmete, während viele anderen Meister und Laienanhänger, die zur T'ien-T'ai- und zur Avatamsaka-Tradition gehörten, selber die Buddha-Rezitation übten und die Methode des Lauteren Landes umfassend darlegten. (63) Sie nahmen sich einander zum Vorbild und suchten Wiedergeburt im Lauteren Land.

Während der folgenden Jahrhunderte praktizierten in China zahllose Ch'an-Meister im stillen zusätzlich zur Meditation die Lehren des Lauteren Landes und legten sie dar. (65) Unter ihnen finden wir viele Großmeister von hoher Vollendung wie die Meister Yung-Ming, T'ien I-Huai, Yuan Chao-Pen, Tzu Shou-Shen...) (66)

Nicht nur diese Ch'an-Meister folgten der Methode des Lauteren Landes. Ich (Meister T'ien-Ju) habe einen Ch'an-Mönch von hoher Vollendung sagen hören: "Fast alle Mönche, innerhalb und außerhalb der Fünf Häuser des Ch'an (67), zum Weg erwacht oder auch nicht, richten ihren Geist auf das Lautere Land." Als ich nach dem Grund dafür fragte, erwiderte der Meister :

"Großmeister Pai-chang (68) aus Huai-Hai (einer der berühmtesten Ch'an-Meister aller Zeiten) war der direkte Nachfolger des großen Ch'an-Meisters Ma-Tsu aus Chiang-Hsi. (69) Überall in der Welt wurden Ch'an-Gemeinschaften nach seinem Vorbild gegründet und haben die "Reinen Regeln" für Klöster angenommen, die er einführte. Seit alten Zeiten hat niemand es gewagt, diese Regeln zu kritisieren oder zu verletzen.

Nach diesen Regeln umfassen die Gebete zum Wohle ernsthaft erkrankter Mönche und Nonnen die folgende Stelle: "Die vierfache Versammlung soll zusammenkommen, und alle sollen Verse zum Lobpreis des Buddha Amitābha rezitieren und seinen Namen hundert- bis tausendmal rezitieren. Am Ende sollen die folgenden Worte der Übertragung gesprochen werden: "Wenn die Bedingungen noch nicht zum Ende gekommen sind, möge er schnell genesen! Wenn die Todesstunde gekommen ist, möge er im Lauteren Land wiedergeboren werden!" " Zeigt dies nicht den Weg zurück zum Lauteren Land?

Außerdem enthält die Liturgie der Verabschiedung verstorbener Mönche diese Passage: "Die große Versammlung soll den Namen des Buddha Amitābha gemeinsam rezitieren, die Verdienste übertragen und folgendes Gelübde ablegen: "Möge sein Geist im Lauteren Land wiedergeboren und sein Karma in der Welt des Staubes aufgelöst werden! Möge er mit einem goldenen Körper auf der höchsten Lotusstufe wiedergeboren werden! Möge er auch die Vorhersage der Buddhaschaft in einer Lebensspanne empfangen!" " Zeigt dies nicht den Weg zurück zum Lauteren Land?

Außerdem legen die "Reinen Regeln" für die Zeit der Beisetzung oder der Verbrennung fest: "Der die Andacht leitende Mönch soll vorangehen, die kleine Glocke anschlagen und den Namen des Buddha Amitābha zehnmal rezitieren, wobei ihm die große Versammlung folgt. Nach der Rezitation sollten die folgenden Worte der Übertragung gesprochen werden: "Wir haben soeben den Name des Buddha zehnmal rezitiert, um bei der Wieder geburt beizustehen." " Zeigt dies nicht den Weg zurück zum Lauteren Land?

Aus all diesen Gründen sagte jener alte Mönch: "Ch'an-Meister überall in der Welt richten ihren Geist auf das Lautere Land."

Ich lauschte den Erklärungen des Ch'an-Meisters und konnte, da sie vollkommen schlüssig waren, keinen Grund finden, sie zurückzuweisen. Die tiefgründige und erhabene Bedeutung der "Reinen Regeln" des Meisters Pai-Chang dämmerte mir auf ...

Da du in einem Kloster wohnst, mußt du zahllose Mönche "ausgesandt" haben. Deine Ohren müssen zahllose Male "Zehn Rezitationen" gehört und dein Mund diese rezitiert haben. Dein Geist muß unzählige Male auf die Übertragung der Verdienste auf das Lautere Land gerichtet gewesen sein! Trotz alledem bist du weder erwacht noch hast du die wirklichen Absichten der Patriarchen verstanden und bist so verblendet zu behaupten, daß "jene, die erwacht sind oder Erleuchtung erlangt haben, nicht nach der Wiedergeburt streben." Wahrlich, deine Krankheit des Ergreifens und Anhaftens an Ch'an findet in dieser ganzen weiten Welt nicht ihresgleichen! (70)

61. Asvaghosa: "Indischer Dichter und Mahāyāna-Philosoph, der im 1. und 2. Jahrhundert lebte und als einer der wichtigsten buddhistischen Autoren gilt." (Shambala Dictionary)
Verfasser des berühmten Werkes "Abhandlung über die Erweckung des Glaubens".

62. Meditationssūtra: einer der drei grundlegenden Texte der Schule des Lauteren Landes.

63. "Der Nationalmeister Qingliang, einer der Patriarchen der Huayan-(Avatamsaka-) Schule, der als Inkarnation Manjushris galt, lehrte, daß Amitābha... Vairocana sei. Er schrieb auch einen Kommentar über die Betrachtungen des Amitābha-Sūtra und verbreitete die Techniken des Lauteren Landes weithin." (zit. J.C. Cleary in Pure Land, Pure Mind)

64. Nāgārjuna: einer der wichtigsten Philosophen des Buddhismus (2. - 3. Jhd.), Gründer der Mādhyamika-("Mittlerer Weg") Schule.
"Nagarjuna wird im gesamten Mahayana als eine große religiöse Gestalt verehrt, vielerorts als Bodhisattva. Nicht nur Zen, sondern auch der tantrische Zweig des Buddhismus und die devotionalen Gemeinschaften des Amitābha-Buddha zählen Nāgārjuna zu ihren Patriarchen." (Dumoulin, Zen Buddhism, p. 44)

65. "Da die (Schule des) Lauteren Landes organisatorisch schwach war, hing sie von den Ch'an-Mönchsorden ab. Viele wichtige Ch'an-Meister waren gleichzeitig Anhänger des Lauteren Landes." (Sung-peng Hsu, A Buddhist Leader in Ming China, pp. 44 und 174, Anm. 94)

In Ost- und Südostasien gibt nach den meisten Beobachtern keine wirkliche Teilung in Ch'an-Tempel und solche des Lauteren Landes, da die beiden Formen der Übung dazu neigen, im gleichen Anwesen zu koexistieren. Andererseits gibt es Japan getrennte Ch'an- und Lauteres Land-Tempel.

66. Diese drei Abschnitte in Klammern sind Zusammenfassungen des Originaltextes, der mehr als viermal so lang ist.

Vierzehn Ch'an-Meister werden hier namentlich erwähnt, welche die Lehren des Lauteren Landes praktizierten und lehrten.

"Während der Sung-Periode drang das Nembutsu immer weiter in die Zen-Klöster vor, manchmal mit Unterstützung der Lehrer, manchmal gegen ihren Willen. Dieser Prozeß der Vermischung religiöser Praktiken dauerte während der Yuan-Periode an und kam während der Ming-Dynastie zum Abschluß. Die gleichzeitige Praxis von Zen und Nembutsu wurde allgemeine Übung. Wenn wir diese Entwicklung beurteilen wollen, dürfen wir die innere Verwandtschaft beider Praktiken nicht vergessen. Die psychologischen Wirkungen der meditativen Wiederholung des heiligen Namens sind denen der Zen-Meditation sehr ähnlich." (H. Dumoulin, Zen Buddhism, p. 286)

67. Die fünf Zweige der südlichen chinesischen Schulen des Ch'an, von denen Lin-Chi (Rinzai) und Tsao-Tung (Soto) am bekanntesten sind. Alle südlichen Schulen gehören zur Linie des Sechsten Patriarchen Hui-Neng (638-713).

68. Pai-chang (720-814)

"Pai Chang war der erste, der eine klar formulierte Regel für die Zen-Mönche vorlegte... Auf der Grundlage der Traditionen des... Vinaya (Mönchsregeln) schuf Pai Chang eine neue Regel, die auf Zen zugeschnitten war... Die "Reine Regel" des Pai Chang umfaßte die grundlegenden buddhistischen Vorschriften... wie auch zusätzliche Verfügungen gegen Luxus... Sowohl die Lebensweise, die Pai Chang darlegte, wie auch die architektonische Form seines Klosters wurden Vorbild für spätere Zen-Klöster. Der Dienst, den er dem mönchischen Leben der späteren Zen-Klöster erwies, trug ihm den Beinamen "der Patriarch, der den Wald schuf" ein." (H. Dumoulin, Zen Buddhism, p. 170)

69. Ma-tsu (709-788). Der dritte Ch'an-Meister nach dem Sechsten Patriarchen Hui-neng. Er war Urheber der Kung-an-Übung.

70. Zu einem interessanten Blick auf Ch'an und seine besondere Lehrmethode folgendes :

"Es heißt, daß eines Tages Brahma, der Herr der Schöpfung, dem Buddha eine Blume darbot und ihn bat, den Dharma darzulegen. Als der Buddha die Blume erhob, waren seine Zuhörer verwirrt, außer Kasyapa, welcher lächelte. So begann Zen. Und so wurde es übermittelt: mit einer Blume, mit einer Felswand, mit einem Schrei. (Red Pine, The Zen Teaching of Bodhidharma, p. XVI).

WEG OHNE GRENZEN

Thich Nhu Dien

(Fortsetzung)

Die Zeit ging einfach schnell und wartete auf niemanden. An einem Tag saß ich mit Trâm zusammen, um einige Dinge zu besprechen. Es handelte sich um die Entscheidung, ob ich hier bleib oder zurück nach Japan flog. Wir tauschten viele Erfahrungen für die nächste Zeit und zählten die Arbeiten des letzten Jahres nach. Trâm war mein Schulfreund. Wir gingen zusammen in die Grundschule in unserem Heimatdorf Quang Nam. Im Jahre 1964 ging ich in die Hauslosigkeit und Trâm ging nach Da Nang, Hoi An und besuchte dort das Gymnasium. Im Jahre 1968 studierte Trâm im Ausland, im Jahre 1972 kam ich nach Japan. Im Jahre 1974 fuhren wir beide in die Heimat zurück, nachdem wir viele Jahre fort von zu Hause waren, um sie zu besuchen. Wir beide trafen uns wieder auf der Strasse Le Loi in Saigon und erkannten uns nicht. Ich hatte ihn falsch erkannt und dachte, daß er ein anderer Freund wäre. Nach den Ferien fuhr Trâm wieder nach Deutschland zurück und ich nach Japan, um weiterzustudieren. Und im Jahre 1977 hatten wir die Möglichkeit, uns wieder zu treffen. Jetzt ist Trâm Arzt und arbeitete in einem Krankenhaus in einer kleinen Stadt an der Grenze zu Holland. Die frühere Freundschaft war nur so. Trâm ist heute meine Dharma-Schüler und sogar auch mein Kamerad. Zwei Gesichter und ein Leben. Es gibt in dieser Welt viele Theaterstücke, in denen ein einzelner Schauspieler viele Rollen spielt. Und hier spielte ich mal seinen Meister, mal seinen Freund. Es war irgendwie freudig und heiter. In der Öffentlichkeit gab es nur Liebe und Pflicht vom Meister zum Schüler für uns. Und privat waren wir Freunde. Es gab nicht nur Trâm, sondern auch viele, die früher meine Freunde, meine Brüder, Ärzte oder Ingenieure waren. Sie sind jetzt meine Dharma-Schüler und Schüler der drei Juwelen des Buddhismus. Ich wollte sie nicht einzeln diesem Buch vorstellen. Aber weil die Personen sehr viele verdienstvolle Leistungen für das Buddha-Dharma geleistet haben und mit dem Leben und Tod des Buddhismus in diesem Land in Verbindung standen, mußte ich es erwähnen, damit die späteren Generationen dies erfahren.

Nach dem Besuch eines Deutsch-Kurses in der Uni-Kiel hatte ich Herrn Chau gebeten, für mich einen Antrag auf Zulassung für die Pädagogische-Hochschule einzureichen. Meinem Antrag wurde zugestimmt und dann hatte ich die Chance, für immer in Deutschland zu bleiben.

Und jetzt war diese Entscheidung schon endgültig. Ich mußte eine Wohnung suchen. In Hannover suchte ich eine Wohnung in der Zeitung, aber erfolglos. Dank der Hilfe eines Vietnamesen hatte ich nach 4 Wochen eine Wohnung gefunden. Die Wohnung hatte 2 Zimmer, eine kleine Küche und Bad und draußen war ein kleiner niedlicher Hofraum. Die Miete war 180.-DM im Monat. Zu dieser Summe konnte ich nichts beitragen. Und einige Studenten hatten selbst eine kleine Spende zu diesem Zweck geleistet, jeden Monat einen kleinen Betrag. Es waren: Thi Minh Van Cong Tram (20.-DM), Thi Chon Ngo Ngoc Diep (20.-DM), das Studentenehepaar Tuan und Cuc (20.-DM), Frä. Doan Thi Thu Hanh (20.-DM) und Herr Nguyen Tan Duc (20.-DM), Herr Lam Dang Chau (20.-DM). Insgesamt waren es 120.-DM. Das war die Grundlage. Außerdem gab es auch einige, die unregelmäßig spendeten. Die Ausgaben umfaßten nicht nur die Miete, sondern auch Essen und die Buddha-Verehrungen. Ich mußte noch Wohngeld beantragen.

Viele hatten an dieser Wohnung gearbeitet, um religiöse Verdienste zu erwerben. Es waren: Thi Chon Ngo Ngoc Diep, Nguyen Huu Tinh, Le Duc Hieu, Nguyen Tien Hoi und Hung. Sie hatten die Wände neugestrichen und Teppiche verlegt. Thi Chon Ngo Ngoc Diep hatte Holzplatten gekauft, um einen Buddha-Altar zu errichten. Sie waren bei der Vorbereitung zum Fest: "Einweihung der Andachtsstätte VIEN GIAC" am 2. April 1978 dabei.

Anläßlich der Teilnahme an dem katholischen Kongreß 3. Versammlung in Königstein, veranstaltet durch die KATHOLISCHE

VEREINIGUNG VIETNAMS IN der BRD, kam Reverend Thich Minh Tam aus Paris als bezeugender Meister zur Einweihung der VIEN GIAC-Andachtsstätte am 2.04.78 nach Hannover. Diese kleine Andachtsstätte lag in der Kestner Str. 37. 3000 Hannover 1. Der Grund dafür, daß ich den Namen Vien Giac für diese Andachtsstätte wählte, war, daß vor 20 Jahren die Pagode, wo ich mit dem klösterlichen Leben anfang, den Namen VIEN GIAC trug, dort war mein ursprünglicher Meister der Abt der Pagode. Und hier im Ausland nahm ich diesen Namen wieder für meine kleine erste Andachtsstätte, um Dank gegenüber dem Urmeister, Dharma-Meister zu erweisen. Sie hatten sich viel Mühe gegeben, für die Erziehung und Unterweisung, damit ich ein guter Mönch wurde. Ich wünschte, für ihre Dienste wenigstens etwas als Dankbarkeit beitragen zu können.

Während der Einweihung der Buddha-Statue unter Bezeugung von Reverend Thich Minh Tam war Buddhistin Dieu Ngoc aus Paris anwesend. Sie war früher französische Lehrerin des Gymnasiums Trung Vuong in Saigon gewesen, und sie opferte bei dieser Feier zwei Orchideensträuße. Außerdem gab es noch die Familien Duong van Phuong, Le Huu Co aus Essen, Familie-Buddhisten Nguyen Thanh Tuy aus Recklinghausen und einige Buddhisten und Buddhistinnen aus Hannover.

Aus dem Buddhaaltar stand eine kleine Buddha-Statue, die direkt aus der Pagode Khanh Anh hierher gebracht wurde, 2 Blumenvasen, 2 Teller mit Obst, 2 Kerzenständer, ein Räucherfaß und 2 Gläser mit frischem Wasser. Etwas tiefer stand ein Glasbehälter mit Fischen für die Zeremonie "die Freiheit wiedergeben" und einige Heilige Schriften "um Frieden bitten" und "Einweihung der Buddha-Statue", die vor einige Tagen photokopiert wurden.

Nach dem Fest der Einweihung der Buddha und zu Ehren des willkommenen Buddha hielt Reverend Thich Minh Tam einen Lehrvortrag mit dem Thema: "Das Leiden der Flüchtlinge". Und wegen dieses Festes gab er mir 2000 Frc. Diese Summe war damals sehr viel und bis jetzt habe ich sie auch noch nicht zurückgegeben. Ich hatte ihn darum gebeten und er war einverstanden. Der Grund war aber nicht, daß die Pagode Vien Giac kein Geld hatte, sondern weil ich es für immer zu behalten wünschte, damit ich mich immer wieder an ihn und an seine Wohltat erinnere. Er hatte mir in dringender Not geholfen. Wenn ich das Geld sofort zurückgebe, wird diese Erkenntlichkeit schnell vergessen. Ich möchte mich auch bei den Familien Nguyen Thanh Tuy, Duong van Phuong bedanken. Diese beiden Familien stellten sinnbildlich tausende Familien in der BRD dar. Die haben regelmäßig in 8 Jahren gespendet. Das Gelingen des vietnamesischen Buddhismus in der BRD vom Anfang bis heute wird von vielen kleinen Händen getragen, für das allgemeine Dasein und dem Untergang des Dharma in diesem Land.

Nach der Einweihung der Buddha-Statue ging ich weiter zur Vorlesung in der Pädagogischen Hochschule Hannover. Dort studierte ich Pädagogik für Erwachsenenbildung und einige Monate später reichte ich den Antrag auf Asyl in der BRD ein. Fast alle Vietnamesen, Studenten oder Flüchtlinge mußten früher einen Antrag auf Asyl stellen und ihn begründen. Seit 1979 wurde dieses Verfahren einfacher, als Der Deutsche Bundestag die besonderen Gesetze für Flüchtlinge in Kraft setzte. Es gab auch viele Vietnamesen, die nach 1975 nach Deutschland kamen, aber trotzdem bis 1978 keinen Bescheid bekamen, weil die Begründung für die Asylbewerbung nicht rechtlich war, nicht wegen politischer Verfolgung oder aus wirtschaftlichen Gründen oder wegen einiger ungeeigneter Gründe. Ich kam aus dem 3.Land und war vor 1975 Mönchstudent im Ausland. Eigentlich bekam ich keine Asylanererkennung für die BRD, aber mit Hilfe der folgenden Gründe durfte ich bis heute hier bleiben.

Der 1.Grund war, daß 1977 die Führer des "Hohen Geistlichen Instituts" (VIEN TANG THONG) verhaftet wurden. Deshalb konnte ich nicht mehr nach Hause zurück, um dort zusammen mit Kommunisten zu leben. Außerdem hatten sie andere politische Ansichten und eine andere Religion. Der 2.Grund war, daß viele vietnamesische Studenten und Flüchtlinge in Japan seit dem Machtwechsel in Vietnam am 30.04.75 überhaupt keine Asyl-Verordnung erhielten. Nach der Genfer-Sonderstellung vom 20.-22.07.79 nahm die Regierung Japans diese Asyl-Verordnung an. Und der 3.Grund war, daß es in der BRD keine Pagode gab und auch keinen Geistlichen. Ich hatte die Absicht hier zu bleiben, um meine Landsleute seelisch zu betreuen.

Das war meine drei Gründe, mit denen ich den Antrag auf Asyl stellte, bei dem Bundesamt für Asylanerkennung für ausländische Flüchtlinge in Zirndorf. Später hatte ich den Anerkennungsbescheid bekommen.

Nach der Enthüllung der Buddha-Statue im Zusammenhang mit der Gründung der Andachtsstätte VIEN GIAC, war diese vielen Buddhisten in Hannover und sogar in anderen Städten bekannt und viele kamen in die Andachtsstätte. Bei den Puja jeden Sonntag gab es nicht genug Plätze. Wenn wir Gäste empfangen oder aßen, mußten wir alle auf dem Boden sitzen. Der Grund war nur, daß die Räumlichkeiten einfach nicht ausreichten und außerdem war die finanzielle Lage ziemlich schwierig, so daß wir keine Möbel anschaffen konnten.

Einige Buddhisten saßen wieder zusammen, um einen Gemeindeausschuß (=Ban Ho Tri Tam Bao) zu bilden. Es war das Studentenehepaar Tuan und Cuc, Herr Van Cong Tram, Herr Ngo Ngoc Diep, Herr Lam Dang Chau, Herr Nguyen Tan Duc, Fr. Doan Thi Thu Hanh. Mit Ausnahme von Fr. Doan Thi Thu Hanh waren die anderen Vorstandsmitglieder schon lange Studenten in diesem Land. Und Herr Nguyen Ngoc Tuan wurde zum Vorsitzenden gewählt, vielleicht weil er mehr Glauben als die anderen hat, und weil er ziemlich reif war und schon eine Familie gegründet hatte. Danach wurde am 8.08.78 der Gemeindeausschuß beim Ordnungsrat angemeldet und wurde am 29.08.78 genehmigt, nach dem Inhalt der Satzung. Die VEREINIGUNG DER BUDDHISTISCHEN STUDENTEN UND VIETNAMESEN IN DER BRD wurde auch später am 20.11.79 gegründet. Bei der ersten und zweiten Amtszeit war Herr Van Cong Tram Vorsitzender. Diese Vereinigung wurde auch gerichtlich im Vereinsregister am 13.03.81 eingetragen. Während der weiteren Amtszeiten hatten die Vereinigung nicht nur Schwerpunkte auf die buddhistischen Studenten, sondern auch auf den Bedarf der Vietnam-Flüchtlinge gelegt, die immer mehr in die BRD kamen. Deshalb mußte Herr Ngo Ngoc Diep in seinen Amtszeiten die ordentliche Mitglieder Hauptversammlung berufen, um den Namen der Vereinigung zu ändern. Seitdem trägt die Vereinigung den neuen Namen: "VEREINIGUNG DER VIETNAMESISCHEN BUDDHISTISCHEN FLÜCHTLINGE IN DER BRD" und wurde vom Amtsgericht Hannover am 13.03.85 genehmigt, sowie auch vom Finanzamt für Körperschaften am 13.02.82 die Gemeinnützigkeit des Vereins anerkannt wurde und vom Gericht am 17.02.82 bestätigt.

Die erste Phase war wirklich in allen Bereichen die schwierigste Phase, finanzielle Probleme waren sowieso vorhanden, aber es wurde auch über die buddhistischen Gebrauchswörter und über die Aktivitäten in der Andachtsstätte gesprochen. Ich mußte den Studenten alles erklären, in einzelnen Wörtern und die Buddhisten am Anfang bei jedem Schritt führen. Obwohl sie schon von Haus aus längst Buddhisten waren und auch viele buddhistische Tätigkeiten in der Pagode geleistet hatten, und weil sie schon lange im Ausland lebten, wurde ihre Buddha-Natur fast trübe. Viele gaben mir einfach die Hände und wußten nicht, daß Hände zusammengefaßt werden und der Satz Namó Admida-Buddha gesagt wird, um mich zu begrüßen. Oder sie hatten nach langer Zeit wieder einen Mönch gesehen und waren froh, darüber und klopfen mir auf die Schulter, als ob sie und ich Freunde wären. Manche sagten: "Mein Meister! Gestatten Sie, daß ich (=Em) meine Meinung äußere usw." Er redete mich mit Meister an und sagte "Em" zu mir. Zum Glück war er Buddhist, aber falls es sich um eine Buddhistin oder ein junges Mädchen gehandelt hätte, hätte es fatale Folgen haben können. Auch wenn sie das Wort "Con" (=Kind) zu dem Geistlichen sagten, waren sie irgendwie verlegen und beschrieben es sehr ungeschickt. Aber wir brauchten es nicht mehr zu sagen. Jetzt nannten auch viele Buddhisten, die die Nonne und Mönche treffen, sie einfach "Toi" oder "Chau" oder "Em" aber nicht "Con". Dann denken sie, daß das Alter von Mönchen und Nonnen dem ihres Bruders gleich oder Neffen. Sie können es nicht so sagen. Sie verstehen aber nicht, daß "Con" hier das seelische Kind einer Person, die sich zu einem Glauben bekennt, ist. Es bedeutet nicht die Anrede zwischen Eltern und Kindern in der Familie. Die älteren Personen können auch behaupten, daß sie viel älter als die Mönche und Nonnen sind. Es heißt älter im "weltlichen Leben" aber nicht älter im "klösterlichen Leben". Dieser Mönch ist sehr jung und das Mädchen geht gerade in die Hauslosigkeit. Aber das Alter eines klösterlichen Lebens dieser beiden ist mehr als das der normalen älteren Menschen. Deshalb brauchen sie sich nicht zu schämen. Nur für den Begriff "Gemeindeausschuß" mußte ich viele Zeit Mühe und Worte gebrauchen, um ihn zu erklären, damit die Studenten genau verstehen und mitmachen. Es gab noch viele

Probleme und wenn ich hier alles erzählen wollte, es gäbe nicht genügend Papier, alles niederzuschreiben.

Nachdem wir uns in dieser Räumlichkeit eingelebt und ungefähr 2 Monate eingearbeitet hatten, wurde die Erdgeschoßwohnung vom Haus nebenan frei. Der Gemeindeausschuß sagte mir, daß wir diese freie Wohnung als Haupträumlichkeiten nehmen sollten und die jetzige Wohnung zum Schlafen und Treffen benutzen sollten. Dann wurde ein Schriftstück herausgegeben und überall hingeschickt, um zu Spenden für die Miete der neuen Wohnung aufzurufen. Die Miete kostete 360.-DM und die beiden Wohnungen wurden durch einen kleinen Hinterhof getrennt. Die Briefe waren schon weggeschickt und ich war sehr aufgeregt und wußte nicht, ob meine Landsleute und die Studenten ihre Zustimmung zu dem Aufruf gaben. Aber "es gab den Himmel, und mich auch, der Weg in die Hauslosigkeit ist die Ursache des ewigen Glücks und Zuneigung ist die Fessel des grausamen Schicksals". Insgesamt waren 33 Buddhisten, 12 Studenten und 21 Flüchtlinge einverstanden und hatten regelmäßig monatliche Beiträge beigesteuert. Der Beitrag war mindestens 10.- DM und maximal 50.- DM. Hier ist die Liste der Spender :

Van Cong Tram (Kiel); Nguyen Thi Dep (Neumünster); Nguyen Thi Tu (Kiel); Ho Kim Le (Kiel); Doan Thi My Loc (Koblentz); Doan Thi Thu Hanh (Hannover); Le Xuan Binh; Le Van Hong; Hong Hoang Son; Truong Van Giao (Koblentz); Le Thanh Binh; Ngo Ngoc Diep; Le Huy Cat; Nguyen Tien Hoi; Lam Dang Chau (Hannover); Fam. Long (Hildesheim); Pham Van Phung (Pattensen); Nguyen Ngoc Tuan (Hannover); Le Huu Co (Neuss); Ngo Tai Ba; Pham Be (Holland); Dinh Thi Hoi (Aachen); La Thanh (Herford); Nguyen Duc Quyen (Aschaffenburg); Nguyen Thanh Tuy (Recklinghausen); Duong Van Phuong (Essen); Phan Van Truong (Hannover); Nguyen Thi Hanh (Braunschweig); Vu Van Ha (Frankreich); Bui Huu Tuong (Münster); Vuong Dac Man (Kiel); Pham Cong Hoang (Bremen); Tran Van Tuong (Schweringhausen).

Und dieser Spendeaufruf war für ein Jahr gültig (vom 06.78 bis 05.79). Danach mußten wir wieder werben. Diese Spenden waren kontinuierlich und die Summe betrug monatlich 600.- DM. So konnten wir die Miete für beide Wohnungen zahlen und die Aufwendungen in der Andachtsstätte stammte von den unregelmäßigen Spenden der Buddhisten.

(Fortsetzung folgt)

THE FLOWERS

• Thanh Binh

*S*pring comes in and flowers blossom:

*withe narcissus with their supple leaves appear.
Yellow forsythias shine everywhere in the town,
snowdrops, crocuses and daffodils grow here.*

*Multicolored tulips adorn the park.
Hyacinth, iris and azalea show their beauty.
All the flowers are opening and the grass
grows greenly in the meadows of the country.*

*Il like the scent of roses in the morning.
The song of birds gives me joy.
Il love flowers and I think that :
"Life would be so sad without them"*

viên thơ viên giác

thơ trong lễ đạo

• phù vân

Một vị Khách Tăng vân du ở miền núi Thái Sơn. Trời đã hoàng hôn. Làng mạc còn xa lắm, Khách Tăng liệu không thể đến kịp trước khi trời tối. Gần đó có một ngôi cổ miếu đồ nát, Khách Tăng muốn xin tá túc qua đêm. Ông Tử giữ miếu nói :

- Bạch Đại Sư, nơi đây không có nhà nào khác. Miếu Thần Hoàng thì đồ nát hết, chỉ có hậu điện là có thể tạm nghỉ ngơi được ! Nhưng...

Khách Tăng xoa tay bảo :

- Không sao, bản đạo được nghỉ nơi đó cũng quý hóa quá rồi !

- Nhưng thưa Đại Sư, trước đây có nhiều lữ khách cũng tới xin tá túc nhưng sáng ra họ đều biến mất một cách âm thầm, đệ tử không gặp mặt lại ! Chắc có điều bất tường...

Vị Khách Tăng trấn an Ông Tử :

- Bản đạo là kẻ tu hành, trong người chẳng có gì đáng giá mà sợ. Thí chủ cho phép bản đạo được lưu trú đêm nay !

Bất đắc dĩ Ông Tử phải dọn giường chiếu, chần mản cho vị Khách Tăng nghỉ ở hậu điện.

Tối đến, Khách Tăng ngồi tụng kinh. Gần suốt đêm, Khách Tăng nghe tiếng vàng bạc, châu báu khua vang, cung vàng điện ngọc rực rỡ hiện ra, cung đàn mỹ nữ đàn ca xuống hát, tình tứ gọi mời...Khách Tăng vẫn chấp tay niệm Phật, thần trí trang nghiêm. Rồi bỗng chốc hoạt cảnh biến mất. Giấy lát có vị Quan tử trong màn bước ra lễ lạy Khách Tăng:

- Kính xin Đại sư hỷ xả cho tội gây rối của đệ tử !

Khách Tăng điềm đạm hỏi :

- Nghe nói rất nhiều người đến đây đều bị đàn việt mê hoặc, quyến rũ, hãm hại bởi những bảo ảnh danh-lợi-sắc-dục vừa qua phải không ?

- Đệ tử đâu dám ! Xin Đại sư hiểu cho. Những người này đức mỏng, phúc bạc. Họ đã khởi tâm tham danh, hãm lợi, tham sắc dục trước khi tìm đến miếu này. Họ nghe đồn hoang miếu là chốn hoàng cung cũ, cất dấu nhiều châu báu ngọc ngà. Họ mang tâm tham lam đến đây để tìm kiếm. Họ mang tâm hận đến đây để tranh giành, chém giết nhau. Họ bị chóa mắt trước cảnh giàu sang phú quý, đắm say quyền hành thế lực hay đắm

minh trong tham dục nên họ tự nguyện đi sâu vào hậu điện mà họ nghĩ rằng họ đang tham chánh cầm quyền. Họ đâu ngờ rằng họ đã rơi vào địa ngục vô minh !

Vị Khách Tăng trầm ngâm một lúc rồi hỏi :

- Chắc đàn việt có nhiều quyền lực cai quản ở xứ ma quái này. Bàn đạo đến đây cũng chỉ muốn hỏi thăm tin tức của hai người bạn học cũ ngày xưa...

Vị Khách Tăng nói tên hiệu, tả hình tướng, điện mạo của hai người cho vị Quan nghe. Vị này giở sổ lý lịch tra cứu, rồi nói :

- Hai vị này đến đây cũng giống như cùng đích của những người khác. Một người có tâm hạnh tốt, chỉ vì nhẹ dạ nghe theo lời bạn mà đến đây nên mang họa vào thân. Nay đã được tha. Còn người kia mang trọng tội. Vì khẩu nghiệp- độc miệng độc mồm hơn cả loài rắn, vu oan chửi bới kẻ khác, nên bị cắt lưỡi khóa miệng. Vì thân nghiệp- ý vào sức mạnh vô biên cuộc đời thảo khấu đánh đấm anh em, lừa thầy phản bạn, vong ân bội nghĩa; nên bị cắt gân tay...

- Oan nghiệt ! Sao đàn việt hành hạ người ta... nặng tay đến thế !

- Đại sư có muốn đi thăm người bạn này hay không ?

Khách Tăng mừng rỡ liền đứng dậy đi theo vị Quan đến một nhà tù, phòng không đóng, cửa không khóa- tù ngục lòng tâm. Bạn của Khách Tăng rên la không thành tiếng, thân hình xác xơ. Nếu không được vị Quan chỉ cho thì Khách Tăng cũng không thể nhận ra được nữa.

Vị Khách Tăng buồn rầu xin trở về miếu và hỏi vị Quan có cách gì cứu bạn- dù đó là một người bạn hủ hòng, tội lỗi. Vị Quan nói :

- Có thể được, nếu Đại sư trở về làm đơn xin tội gọi cho nhiều nơi và yêu cầu tội nhân phải hứa ăn năn sám hối !

Khách Tăng về chùa, vì bạn viết đơn xin cứu khổ, rồi lại bôn ba ngày đêm không kể vất vả và trang trọng mang đơn đến miếu. Vị Quan vội ra chào mừng. Khách Tăng cho biết đã viết đơn xong, muốn gọi để xin cho bạn được trở về.

- Đệ tử đã rõ việc đó. Khi Đại sư vừa bắt đầu viết đề mục thì nói đây bạn của Đại sư được cứu xét và nhờ ân đức vô lượng của Đại sư nên người bạn đã được dung tha !

Trên đây là câu chuyện của vị Khách Tăng mà tôi được đọc trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh nhân ngày đầu xuân khi tôi xuống chùa lễ Phật. Tôi không có nhiều căn hạnh, nên khi vào dự khóa lễ thì các đạo hữu đã tụng đến cuốn thứ năm, phẩm thứ mười bốn là " An Lạc Hạnh ". Tôi tu học chấp vá tùy thời, thiếu nghiêm túc; tôi nghiên cứu nửa vời, thiếu tinh tấn. Tâm chưa an trụ, trí chưa định huệ, nhưng tôi hiểu là tôi cần nhiều thời gian hơn nữa để chuyên tâm học hỏi, trì tụng hầu tăng trưởng trí huệ, đạo tâm, bỏ đề tâm để vun bồi đời sống...

Đời sống của con người phải chăng được khởi đầu khi âm dương phối hợp hay đã phối thai tử muôn ngàn kiếp trước. Đời sống cũng không chấm dứt khi cơ thể tan rã, hủy hoại mà luôn tiếp nối như những ngọn triều xô đẩy mãi không ngừng. Đời sống hiện tại cũng chỉ là một mẫu nhỏ nhoi, ngắn ngủi nhưng lại bị chi phối bởi những hệ lụy về sinh lý, xã hội, kinh tế, môi sinh và quan trọng hơn hết là chúng ta bị ràng buộc của mạng những yếu tố tâm lý vô hình, đó là nghiệp.

Nghiệp đeo đẳng ta như hình với bóng, khó dứt bỏ nếu chúng ta không biết tu thân, hành thiện, vun trồng một nếp sống phù hợp với luân lý, gieo rắc thường yêu cho người, tìm lối giải thoát.

Ta trôi nổi chìm đắm trong chuỗi dài vô cùng vô tận của muôn ngàn kiếp đời- đời nối tiếp đời, hạnh phúc hay khổ đau. Thế cho nên có người đã muốn kéo lùi thời gian trở về hồi khởi thủy để từ đó mở lối đi vào tương lai đầy ước vọng, để có thể tìm thấy tự tại trong vô thường tàn tạ sầu tu của thiên nhiên :

Ta kéo thời gian lùi bao thế kỷ

Mở tương lai một lối mộng đi vào

Trên tàn tạ sầu tu bi lụy

Ta gối đầu nghe nhĩ thỏ trắng sao.

(Nguyễn Thủy - Vô Đề)

Nguyễn Thủy- một nhà tử tưởng, nhà biên khảo. Theo tôi, đó là một tài hoa- một nhà thơ thoát ra ngoài nét thông thường về " thơ hiện thế " để đi vào " thơ tính thế " tức là kết hợp được lý trí, suy luận và rung động của tâm tư; đó là " thơ tử tưởng " hay " thơ Đạo "- vừa mang tính chất " giải thoát " của " thơ Thiền " về lẽ " Sắc-Không " của mọi sự vật, vừa có tính chất " cảnh tình " con người đối diện với cuộc sống. Do đó " thơ Đạo " lãng mạn và văn chương hơn.

Nguyễn Thủy gọi nhắc ta đi tìm cuộc đời ngọt ngào để dâng cho người, cho em, cho tất cả đất trời niềm vui vĩnh cửu, hạnh phúc miên trường. Ta tìm được dòng suối thiêng tự ngàn xưa trong lòng đất ấm. Xin mời em uống. Ôi sung sướng biết bao như thời ta còn bé bỏng bên bầu sữa mẹ như thính ngọt ngào. " Đôi tay anh trần tục vốc vào suối thần tiên " xin mời em uống. Uống đi em, những giọt nước tinh tuyền tắm muôn ngàn cây cỏ, tưới mát thảo nguyên, tô xanh rừng núi rồi cuối cùng trở về đại hải. Uống đi em cho anh say sưa nhìn nhịp tim, tiếng thở , cuộc đời đủ nắng mưa. Lòng em sẽ không

bao giờ cạn như dòng suối thiêng, chan chứa tình người:

Ôi Em, hỡi Em
Suối ngọt những nghìn xưa
Chảy trong lòng đất ẩm
Anh dâng mời Em uống
Như bẻ thơ
Từng bao lần sung sướng
Nhai nếm vú mẹ hiền.

Uống đi Em
Đôi tay anh trần tục
Vốc vào suối thần tiên
Từng ngụm nước tinh tuyền
Dâng kẻ môi Em đó.

Uống đi Em
Suối của thiên nhiên
Tắm muốn nghìn cây cỏ
Qua những cánh đồng mềm
Những núi rừng hóc hiểm
Về đại hải hóa thân

Uống đi Em
Cho anh say nhìn
Từng nhịp tim em thò
Từng lời Em mở
Từng tiếng Em thưa
Có đủ nắng và mưa
Chứa chan trời đất rộng
Để lòng Em không bao giờ cạn
Nguồn suối thiêng
phiêu lãng
của phiêu bồng !
(Nguyễn Thùy - Suối Thiêng)

Nhà thơ Nguyễn Thùy đã cảm đề bài " Les Nouritures terrestres " của André Guide để gọi dòng suối thiêng luân lưu vô tận trong đất trời như tình thường vĩnh hằng bất diệt trong lòng người. Dòng suối, tình thường vẫn mãi mãi vô thủy vô chung.

Rồi anh đam mê, anh xin người yêu, người tình, người em- một người chứa hề quen mà lại luôn hiện hữu trong tâm tưởng, trong nỗi nhớ. Anh xin, một lần trong đời, mắt sáng, môi hồng, hương tóc, mùi da. Anh xin người ta, xin thật bình thường, dù rằng trong đời, chứa một lần quen anh, chứa một lần gặp anh, chứa một lần biết đến tên anh. Anh không xin cho mình, anh xin cho em đó " để tình em luôn tươi xanh, để lòng em luôn trọn lành ". Lạ lùng thật. Anh xin em " để muôn đời anh tưởng niệm, để muôn đời anh nhớ thương ". Cuộc tình như biển lớn mịt mù giữa mùa đêm, anh thấp lên ngọn đèn để soi vào cõi hư vô đó, như tự ngàn xưa ánh sáng đi vào bóng đêm, " chuyển vô minh thành sự sống ":

Ôi Em, hỡi Em
Cho anh xin
Vầng sao trong mắt Em
Nét hồng trên môi Em
Hương nồng trên tóc Em
Làn hơi trên da Em
Lời vàng trong tim Em
Một lần

Để muôn đời anh không quên
Để muôn đời anh tưởng niệm
Để muôn đời anh nhớ thương

Ôi Em, hỡi Em
Xin hãy bình thường
Như trong đời
Em chưa quen
Như trong đời
Em chưa gặp
Một người
Mang tên anh
Để tình Em luôn tươi xanh
Để lòng Em luôn trọn lành
Như người trinh nữ
Đi hái thuốc trường sinh
Cho tình yêu
Bất diệt !

Ôi Em, hỡi Em
Dù bên Em
Anh là xa lạ
Dù bên Em
Anh luôn là chưa quen
Tình anh là biển nhỏ
Giữa muôn trùng mùa đêm
Chở con thuyền nhỏ nhỏ
Thấp lên một ánh đèn
Soi vào
Hư vô đó.
Như ngày xưa
Ánh sáng
Đi vào vùng bóng đêm
Chuyển vô minh thành Sự Sống
Cho loài người
Vạn vật
Viết nên dòng
Tử-Sinh.
(Nguyễn Thùy - Cho Anh Xin)

Viết cho Sư Viên Minh sau khi đọc " Phật của anh quá trẻ, Phật của tôi quá già ", Nguyễn Thùy tỏ bày ý niệm về thời gian, về cuộc đời của một cuộc tình. Từ thuở mặt ngọt tình yêu, mùa thuận gió hòa, lòng người rộn ràng như buổi trời đất vu quy. Trăm năm hạnh phúc. " Trăm năm không tính tử sinh nhật, mà tính từ ngày nên lửa đời ". Từ đó- từ buổi thiên địa giao hoan, ta viết nên trang sử thật đẹp và ngời bên em, anh kể cho em nghe câu chuyện rất thường về thời gian. Nơi đó đất trời bốn hướng giao tình lại, ta gần gũi cảm thông nhau, xóa hết tranh chấp hơn thua giữa chốn nhân gian. Sống với nhau trong cõi vô cùng, anh nói với em bằng tiếng lặng thinh, em nói với anh bằng ý vô thanh; thể mà tình ta trải trọn thiên thu:

Đi nhẹ nhẹ
Bước êm êm
Giờ đây mưa gió đã ngọt mềm
Trong ta trời đất vu quy đó
Rộn rã màu xanh lên sắc tím.

Chào mừng thiên địa buổi giao hoan
Sử mới lên trang đẹp dị thường
Và bên em đó anh ngồi kể
Câu chuyện thời gian không hóa trang.

Ta chẳng cần chi nhưng nhớ nhau
Chẳng cần âu yếm chuyện xưa sau
Bốn phương trời đất giao tình lại
Xóa hết nhân gian chuyện sắc màu.

Anh nói cùng em tiếng lặng thinh
Trong em ngào ngạt ý vô thanh
Bên nhau trong cõi vô cùng đó
Ta trải thiên thu vạn lý tình.

Ngày cưới làm sao nói đủ lời
Phút giờ lịch sử mở trang vui
Trăm năm không tính tử sinh nhật
Mà tính từ ngày nên lửa đời !
(Nguyễn Thùy - Ngày Cưới)

Giờ thì đã " nên lửa đời ", đã vào đời, chấp nhận cuộc đời. Đời có vui-buồn, có đau khổ-hạnh phúc, có oan trái-hạnh thông, đời có yên vui-sóng gió, có bão tố-thuận hòa, có nắng-mưa, có ân-oán, có xuân-hạ-thụ-đông. Đời không thích nghe kể khổ, than thân trách phận bởi đời mong ta tự nhìn lại mình, tự xét mình. Đời đành ăn lộc, ai ăn đảm thắm cho người có tình yêu chân thật, yêu người, yêu vật, " yêu đời như yêu ta ". (Bài này tác giả riêng tặng cho những cô gái tên Mai):

Nếu em là Mai
Xin làm mai tử quỷ
Đầu đời nở vào Xuân !

Bốn mùa mai vẫn đẹp
Bốn mùa mai vẫn xinh
Dù trời đông gió bão
Mai vẫn màu tươi xanh

Cuộc đời là kẻ điếc
Cuộc đời là kẻ câm
Chẳng vì ta mở miệng
Chẳng vì ta nhọc lòng
Thì xin tai mở rộng
Thì xin mắt nhìn trời
Ghi đời tay bắt nắng
Giữa mùa mưa gió rơi
Mai vẫn vàng vẫn trắng
Có mai nào hoa đen ?

Cuộc đời như tự có
Cuộc đời như tự không
Cuộc đời là sự thực
Cuộc đời là hư không
Dù đời bao huyền hoặc
Dù đời bao bão động
Củ vừng tay chèo chống
Con thuyền vui lướt sóng
Hưởng về bến vô cùng.

...
Cuộc đời không thích ta kêu khổ
Cuộc đời không ưa ta than thân
Đời vẫn dành ân lộc
Đời vẫn tròn ái ân
Đời gieo bao sắc thắm
Đời dâng ngàn ý hoa
Cho ai người yêu thật
Yêu trời như yêu đất
Yêu người như yêu vật
Yêu đời như yêu ta !

(Nguyễn Thùy - Nếu Em Là Mai)

Rồi chợt tỉnh ngộ. Một mai xác thân cũng trở về cát bụi. Bụi hồng theo gió cuốn đi. Đời này mất, đời khác nối tiếp. Tùy duyên, duyên khởi. Tâm thức nương tựa với cảnh giới liên tiếp không ngừng, có thủ lớp để khởi lên, nên chúng ta lưu chuyển mãi từ thân này đến thân khác đời đời kiếp kiếp không dứt mà Nguyễn Thùy cho rằng trong huyền nhiệm đó ta đã thân quen trên lối mòn luân hồi để vẫn thấy thành thời đi hoang trên lối mòn nhân thế chẳng ? Nơi đó có em, đến nói cho ta vữa đủ nghe, đủ thấy từng giọt muộn phiền đậu trên cánh mắt; đủ để cho ta hoang hốt diu hồn hoang đến một phương trời cuồng loạn. Thế nhưng em vẫn buồn, vẫn phiêu hốt bên ta trên từng gót chân. Mộng mị chẳng, nụ cười the thé. Xin " tạ hồn hoang tử buổi lạc thiên đường !". Ta làm sao ở với nhau, ta làm sao chia xa nhau được ! Bức bách, bão dông, đường trần, nhân quả, em chỉ cho ta hưởng một vì sao đêm để " theo đường tay ta đón ngộ "Yêu Em" ! :

*Gió chuyển về đây bụi hồng lèo đèo
Mùa loạn ly chỗ chết lang thang
Trong huyền ngàn lối mòn quen thuộc nẻo
Đường trần gian ta hoan hỷ đi hoang !*

*Em bỗng đến nói ta nghe vừa đủ
Từng giọt buồn trên cánh mắt nghiêng nghiêng*

*Trong hoàng hốt ta gào lên tiếng rú
Diu hồn hoang đến tận cuối trời diên.*

*Em vẫn bước phiêu diêu từng gót nhẹ
ở bên ta trong lẫn quất mù sương
Trong mộng mị ta vụt cười the thé
Tạ hồn hoang tử buổi lạc thiên đường.*

*Giữa bức bách bão dông mùa hiểm họa
Em yêu kiều chỉ hưởng một sao đêm
Trong hỗn loạn cõi đường trần nhân quả
Theo đường tay ta đón ngộ "Yêu Em" !
(Nguyễn Thùy - Đón Ngộ)*

Người Em trong thơ Nguyễn Thùy là ai ? Phải chăng là người thân thương nhất, luyện nhỏ nhất, gần gũi và gần bó mãi mãi trong tâm tưởng chúng ta : quê hương, đất nước, cội nguồn dân tộc !

Ôi !

Trong cuộc đời bình yên của xứ người, trong an lạc của tạo vật, ngày đã tàn, đêm đã sâu, trăng còn ru giấc ngủ hoan lạc. Thế mà nhà thơ Hà Huyền Chi vẫn thao thức hoài với đời viễn khách, soi bóng dưới mặt hồ đêm để truy nã thân phận mình.

Hỏi núi cao, nói giùm ta tử đầu lưu lạc đến xứ này mà thủ hận cứu mang trong máu trong tim ! Ta có vui đâu mà nụ cười chan hòa lệ đổ suốt đêm !

Thôi nhé, xin chuông chùa dưng ngân nga nữa. Tiếng chuông không làm thức tỉnh lòng tri, đánh động lương tâm của lũ người cầm đũa đang dày xéo đất nước, dày dạn dân lành. " Phật đã ngàn năm im tiếng nói , đời này ma quỷ nắm thiên ân ".

Hỏi lão lý ngư, phương nào lửa dạy. Nói quê ta bao nhiêu người đã dám treo sinh mạng trên đầu sóng để tìm tự do; bao nhiêu

người đã chết dần mòn, chết tui hồn trong lãng quên giữa ngục tù man rợ ?

Hỏi tre trăm mắt, " ta nhập tử đầu, xuất bởi đâu "? Có ai dám nhận phần mình làm nước mắt nhà ta, ai đã làm cho cả dân tộc chịu thâm hoa thê lương ?

Khỏa chân xuống nước. Bóng tan thành từng mảnh. Ta thấy ta hay ta thấy dung nhan kẻ dị hình in bóng nước. Phải người, chính người đã gây ra bất hạnh ! Phải người, chính người mà sông núi cũng điêu linh !

Rồi viễn khách bỏ đi không quay đầu trở lại. Nước hồ cau mặt. Hoang sơn đứng ngóng. Cổ tú bụi ngủ. Có tiếng chuông chùa tạ tử. Chợt ta thức ngộ. Chuỗi hạt bồ đề bỗng đứt tung. Trần lụy tan vỡ trong lòng. Có ta hay không có ta hiện hữu. Có ta hay không có ta luân lạc. " Trời vốn không mà đất cũng không !":

*Trời thà chân trong Nhật Nguyệt Đàm
Trăng nằm ngủ nường giấc thu hoan
Có chàng viễn khách lâm như ảnh
Soi bóng hồ lụy nã phận chàng.*

*Hãy nói dùm đi đỉnh núi cao
Ta tử đầu tới, quán nơi nao
Soi trong tâm mạch trường giang hận
Cười vỡ năm canh giữa lệ trào*

*Chuông Huyền Trang tự hãy thôi ngân
Đánh động làm sao lũ diếc cầm
Phật đã ngàn năm im tiếng nói
Đời này ma quỷ nắm thiên ân.*

*Hãy nói giùm ta lão lý ngư
Phương nào đêm rực lửa phần thi
Người neo sinh mạng trên đầu sóng
Người chết mòn hơi giữa ngục tù.*

*Nói dùm ta nhé tre trăm mắt
Ta nhập tử đầu xuất bởi đâu ?
Kẻ góp phần mình làm nước mắt
Góp phần làm cả thế gian đau.*

*Khỏa chân, nhật nguyệt tan từng mảnh
Hoa lá sơn thu bóng dị hình
Người đã bởi người gieo bất hạnh
Vĩ người sông núi cũng điêu linh.*

*Chuỗi hạt bồ kia bỗng đứt tung
Xích xiềng hệ lụy vỡ trong lòng
Có ta luân lạc hay không có ?
Trời vốn không mà đất cũng không ?*

*Viễn khách bỏ đi không ngoảnh lại
Hồ thu cau mặt vỡ vàng thu
Hoang sơn cổ tú ngủi trông mãi
Chuông vẫn chiều lên tiếng tạ tử.
(Hà Huyền Chi - Trúc Ngộ)*

Sau khi đã quay quắt hỏi thăm về thân thế, viễn khách thấy mình ở trong vòng mây cuốn, bánh xe lăn trong bánh xe, quay ngoài ý muốn cũng như mình nói cho chính mình nghe, vẫn không thoát ngoài vòng hệ lụy. Thân giờ chẳng khác gì kiếp ngựa già, bốn mươi năm gian khổ đã qua mà vẫn như trăm năm phiền não. Lo buồn, vọng động, xao xuyến, bất an. Ta phiêu bạt giữa dòng đời

đầy man trá như mảnh ván thuyền trôi nổi theo sóng hững hờ xô dạt về muôn bến lạ.

Như con vụn cuối dĩa, ta còn rắng thêm từng vòng nuôi sức. Tình yêu ơi, có biết đâu ta vẫn yêu nàng tha thiết mà sao nặng nề lòng giết ta từng lúc chẳng hay. Trời ơi, có bao giờ ta trắng nợ, nợ đời, nợ người, nợ tình, nợ trần ai :

*Bánh xe, trong bánh xe
Chuyển động ngoài ý muốn
Minh nói, minh minh nghe
Vẫn trong vòng máy cuốn*

*Ta một chiếc ngựa già
Bốn thập niên đông bão
Từng gian khổ kinh qua
Vẫn trăm năm phiền não*

*Mảnh ván thuyền ngắt nợ
Dạt về muôn bến lạ
Sóng hờ hững đẩy đưa
Giòng đời thừa xào trá*

*Ta con vụn cuối dĩa
Rắng từng vòng nuôi sức
Ta yêu nàng thiết tha
Nặng giết ta từng lúc*

*Đời đi và tình đi
Bao giờ ta trắng nợ ?
Đừng lúc ta lên đời
Còn trở mình dưới mộ !*

(Hà Huyền Chi - Trờ Minh)

Nhà thơ đã có lần tự hỏi " bao giờ ta trắng nợ ", nợ tình, nợ núi sông để nơi này trong cuộc đời ly xử, nửa hồn tui với núi sông, nửa hồn sầu kiếp lưu vong. Vai anh vững như núi để em tựa kê. Tình anh đầy như sóng để em tắm mát. Nay em biết không ? Em thờ làm tim anh ấm áp, em cười lòng anh si mê, em giận làm anh buồn như hồi mới xa quê. Hạnh phúc đếm từng ngày. Cuộc tình không dài lâu. " Tình qua cầu gió bay !":

*Em dựa vai anh núi
Tình anh đầy như sóng*

*Nửa hồn mệnh mang tui
Nửa hồn sầu lưu vong*

*Em thờ tim anh ấm
Em cười lòng anh si
Anh buồn khi em giận
Như lần đầu xa quê*

*Ngộ trăm năm hoan lạc
Hạnh phúc đếm từng ngày
Em đã là người khác
Tình qua cầu gió bay.*

(Hà Huyền Chi - Tình Qua Cầu Gió Bay)

Tình đã xa bay. Người thơ sinh hồn giận, một chiều mặt hồ êm ả . Hồn căng lên như giây đàn, lặng im không nói. Ôi oan trái. Ta yêu em mà em vẫn đầy nghi ngại, hầu như tiếng cười sắc bén như dao ! Ta chẳng còn biết phương nào tìm đến để phối pha với tháng ngày. Còn em, hạnh phúc em tìm kiếm

cũng phiêu bồng chân mây. Thôi đành ngồi lặng nơi đây, nhìn mặt hồ sôi bóng nước. " Nhỏ quê lòng nhói đau ...Không nhỏ em cũng sầu ":

*Mặt hồ êm ả sóng
Cơn giận ngầm trong chiều
Hồn ta căng rất mỏng
Sợ giây đàn không kêu*

*Lỡ cuộc tình oan trái
Mốc tim tặng cho người
Em vẫn thừa nghi ngại
Đấu dao sau nụ cười*

...
*Hạnh phúc em tìm kiếm
Vẫn bồng bênh chân mây
Ta mặt mù phưởng đến
Cùng tiêu hoang tháng ngày*

*Mặt hồ lên gai nước
Nhỏ quê lòng nhói đau
Bập vội dầm hơi thuốc
Không nhỏ em cũng sầu.*
(Hà Huyền Chi - Hạnh Phúc Em)

" Nhỏ quê lòng nhói đau " hoặc " thường quê, quê đã mất rồi " là chứng tích của nỗi buồn viễn xứ khi nhớ về quê hương, về bạn hữu với những trách nhiệm riêng mang. Không ai lại có thể phủ nhận trách nhiệm lớn nhỏ của mình trong cảnh nước mất nhà tan trong hơn hai thập niên trước đây. Người chịu trách nhiệm trước lịch sử, kẻ chịu trách nhiệm trước lương tâm. Thơ cho người, thơ cho bạn, thơ cho một thuở kiếm cung. Thơ ướp rượu từng chung, thơ ướp mặt từng dòng, thơ cảm ói máu, thơ đầy thương tích, thơ vì " thù nhà nợ nước chung mang ". Hà Huyền Chi đã viết những câu lục-bát mượt mà, trau chuốt, sắc bén, mặt ngọt:

*Thơ ta ướp rượu gởi đi
Bạn ta hẳn cũng đời khi ảm lòng
Câu thơ vút ngọn cỏ bông
Nhỏ chẳng một thuở kiếm cung ngang tàng*

*Thù nhà nợ nước chung mang
Những cảm ói máu, những toan lệch trời
Thường quê, quê đã mất rồi
Thường thân phiêu dạt, thường đời bại vong*

*Thơ ta mặt ướp từng dòng
Đấu thiên thu hận vào trong điệp văn
Thơ ta thường tích trầm lần
Mặt hay rượu ướp cũng ngăn ấy đau !*
(Hà Huyền Chi - Thiên Thu Hận)

" Thiên thu hận ", "...cũng ngăn ấy đau !" vì nước mất, nhà tan, gia đình ly tán. Chúng ta gặp nhau trên những dấu mòn ly xứ, cảm thông nhau trong cùng nỗi xót xa, tìm lại với nhau bằng nỗi nhớ về quê hương mù mịt nghìn trùng. Dưới cơn mưa lạc loài cuối đông, nhà thơ Nguyễn Song Anh nghe lòng thêm hiu quạnh. Em bây giờ ở đâu ? Nơi một phương trời xa ngái. Xuân đã lên mùa trên quê hương. Có phải mùa khoan dung, để khi gặp ta trao nhau nụ cười không vướng bận, nụ cười khoan thứ. Em nhớ cho anh nụ cười,

dịu dàng như tóc mây em dài dấu kín niềm riêng; mong manh như sương khói che khuất muộn phiền. Rồi ta khẽ cầm tay nhau không còn cái thuở nhìn nhau ngỡ ngàng không nói. " Mùa xuân này, trời khoan dung nên đã dài lâu ". Câu cuối bài thơ gây cho ta nhiều cảm xúc, bàng bạc trong lòng hoài tưởng về một cuộc sống bình yên, hay hoài niệm về những dấu chân thời gian của một thuở đi hoang tình ái. Ta mừng tượng một dáng thú sinh gây guộc lặn lội dưới mưa:

*Tôi đi dưới những cơn mưa lạc loài
Rơi vào ngày cuối đông
Khi chiều khi sớm
Nghe lòng thêm quạnh hiu
Em bây giờ ở một phương trời xa
Nên xuân này mùa cũng khoan dung
Cho những cơn mưa nhát nhòa
Vào ngày cuối năm tàn tạ
Khi gặp nhau nụ cười không thắc mắc
Tóc mây em có dài
Xin dấu kín niềm riêng
Buồn và mong manh như sương khói
Thì xin cầm tay nhau thật khế
Mùa xuân nào còn bỏ ngỡ
Mùa xuân này
Trời khoan dung nên đã dài lâu.*
(Nguyễn Song Anh - Mùa Xuân Khoan Dung)

Tâm tình bây giờ vào xuân nên có chút đổi thay. Phải chăng màu xuân sắc cũng đã mang lại chút tuổi mới cho lòng người khô cứng hay gợi lại những dấu yêu cũ, những hoài cảm xưa. Mùa bay mùa thu, sương giăng lối cũ, triều dâng biển tối. Em với những hoài niệm mênh mang :

*Em về lối cũ sương giăng
Triều dâng biển tối non trắng cuối ngày
Thu nào cho lá mùa bay
Mà xuân sao đã những ngày qua mau*
(Nguyễn Song Anh - Hoài Cảm)

Những câu lục-bát mượt mà, lời đẹp ý hay đã làm quen với nhiều độc giả tại Âu Châu, không phải mới xuất hiện trong mấy năm khi đến tỵ nạn tại đây, nhưng nhà thơ gốc nhà giáo này đã có thi phẩm xuất bản ở Việt Nam trước năm 1975 (Góc Trời Quê Hương, 1968 và Tinh Thơ Quê Ngoại, 1975). Xin giới thiệu một bài thơ tâm cảm " Sương Khói " với nỗi buồn phớt nhẹ trog ứ tử thời thế, rời rã, cảm hoài :

*Trăm năm thôi cũng một ngày
Tuyết sương rời rã trắng gây thu dòng
Chiều nao hoa rụng ven sông
Đò ai đưa xác giữa dòng thu mưa
Còn đây bến lạ lau thưa
Cầu sương điểm cỏ cho vữa đời ta
Đầy với chén rượu quan hà
Sóng xanh còn nhớ sương pha bao chiều.*
(Nguyễn Song Anh - Tinh Thơ Quê Ngoại)

Thường quê, thường phận làm người, thường nụ cười, thường nỗi đau hòa bình, thường người nằm xuống :

*Thường em chút phận làm người
Bấy lâu chinh chiến nụ cười sắt se*

*Lời hòa bình chẳng ai nghe
Cho người nằm xuống lá che mộ sầu.*
(Nguyễn Song Anh - Quê Nhà)

Cho riêng mình, có lần nhón chân đứng chênh vênh bên triền giác ngộ, nhà thơ muốn giang tay ôm trọn cõi hư không. Trong cõi vô cùng vô tận, vô hình vô hoại, nhiễu loạn không tưởng đó, có gió ru lời lời kinh khổ trôi ngược về neo trầm luân. Thế mới hay muốn khỏi chìm đắm trong bể khổ không phải là chuyện đơn thuần của thế sự :

*Tôi chân gót nhón bên triền
Tôi tay với bắt trọn miền hư không
Ru tôi hoài gió chênh chông
Ru lời kinh khổ ngược dòng trầm luân.*
(Nguyễn Song Anh - Đời)

Rồi nhà thơ tìm về lẽ Đạo, tìm về giải thoát, diệt khổ - diệt tham lam, luyến ái, ham muốn tử cõi vô minh mê muội mà ra, diệt ma chướng tìm ẩn trong tâm, hành trì Tứ Diệu Đế, diệt Thập Nhị Nhơn Duyên dính liền với nhau để tạo ra nỗi khổ. Thế nhưng không ai dễ dàng có đủ công hạnh tìm được chốn như Phật tánh :

*Thiền sư đốt áo cà sa
Huyền kinh diệt nẻo tâm ma cười ròn
Cổng chùa xóa tóc xuống non
Bán thơ dong rượu ngắm mòn chân nhũ.*
(Nguyễn Song Anh - Đạo)

Người thơ muốn bán thơ để mua rượu thường nhân trong cõi hư vọng để mong tìm cái chân thật như nhiên, không biến đổi, không ác không thiện, không sanh không diệt. Cái chân tánh đó vẫn hiện hữu ở chúng sanh. Đêm nghe chuông chùa đổ, nghe tiếng kinh Đàn Sanh, sao mình vẫn còn thấy cuộc đời điều linh trên sóng nước. Thơ rượu còn đây nhưng biết cùng ai tâm đạo :

*Nửa đêm nghe giống chuông chùa
Nghe thiền sư tung độ mùa Đàn Sinh
Nghe đời sóng nước điều linh
Cùng ai tâm đạo với bình rượu thơ ?*
(Nguyễn Song Anh - Đêm)

Tim một người để tâm đạo, một người bạn thơ chân tình để có thể nhắc nhở bạn mình nên tránh ngã chấp, chỉ có mình, chỉ có thân danh mình. Biết có đủ đức độ để cảm hóa bạn mình giữa đời bỏ nhân ngã hay phải tìm đến một vị thiền sư hỏi về tâm kinh để nhờ hóa độ, mong bạn được rời bến mê để tìm về bờ giác, bỏ chốn khổ não để tìm đến nơi an lạc :

*Người về khuất nẻo tâm thơ
Đau cơn ngã chấp đời bỏ nhân sinh
Ngộ thiền sư vấn tâm kinh
Hóa duyên giọt lệ khổ linh Trường Chi.*
(Nguyễn Song Anh - Đồi Bà)

Lớ lửng giữa Thiền và Đạo là những giọt hoa tâm trong nguồn suối thiêng, nguồn suối tình thường, là những dòng thơ của Thúy Trúc có âm vang đồng vọng, có lãng mạn trữ tình, có ngọt ngào yêu thương và nhất là có

an lạc tàn mạn mọi nơi. Ở đâu, lúc nào nhà thơ cũng nhìn thấy bình yên. Thơ đến với người hay người đến với thơ, dung hợp tự nhiên.

Mùa xuân, bướm, hoa- ai cũng nhìn thấy, nhưng khó ai tìm thấy an nhiên trong nắng sớm :

*Sáng xuân nhìn ra cửa
Bướm đùa hàng đậu thưa
Hoa cười trên nắng sớm
An nhiên vông đong đũa.*

(Thúy Trúc - Sáng Mùa Xuân)

Cũng vẫn ngồi nhìn ra cửa, trời mưa. Ai cũng biết hàng hà sa số nước mưa thấm vào lòng đất, nhưng ít ai biết cảm nhận đó là chuyện tự nhiên êm ả như thời gian chuyển biến, hết buổi sáng rồi đến buổi trưa :

*Ngồi im nhìn trời mưa
Nước rơi tử vô lượng
Đàn thấm vào lòng đất
Sáng qua rồi chợt trưa*

(Thúy Trúc - Mưa Rối)

Màu Đạo tiềm ẩn trong thơ của Thúy Trúc lắm lúc khó cảm nhận, nhưng màu Thiền thì bàng bạc rất nhiều. Sông nước, thuyền trắng, bến mê bờ giác. Trắng sáng, sông lặng, thuyền mênh mông già tử bến mộng. Mây xa, trúc thiền, tiếng chuông lồng tiếng gió, tâm sự, trời thơ tặng bạn hiền. Với rất nhiều nhân duyên vũng bạn, trôi buộc đó tưởng không có cách nào tháo gỡ, nhưng lại được nhà thơ gieo lên tiếng chuông tinh thức để ta tìm được giải thoát và thuyền trắng tìm về bờ giác. Ý thơ Thúy Trúc " thoát bay ", tự do, thông dong; nhưng niêm luật buông trôi nên có lúc cung bậc âm thanh làm giảm mất một phần xúc cảm :

*Xin lỗi ai đây mượn chị Hằng
Thả dòng sông lặng dạo thuyền trắng
Giã tử bến mộng qua bờ giác
Mênh mông thường nhớ ánh sao băng.*

*Gởi niềm tâm sự với thiên nhiên
Với đám mây xa bóng trúc thiền
Tiếng chuông linh thức hòa trong gió
Mang cá trời thả tặng bạn hiền.*

(Thúy Trúc - Đi Vào Cõi Thơ)

Thơ Thúy Trúc chất ngất thường yêu, thiết tha nhưng không chìm đắm, nồng nàn nhưng không phóng túng. Những thi khúc hay thơ xuôi trong thi tập "Viết Cho Người Tình", khi yêu thì lãng mạn, thơ mộng, đắm thắm, hiền hòa; khi thường nhớ về quê hương thì thường tưởng về vẻ đẹp của tập quán, vẻ đẹp về tình người. Trái tim dành cho người tình, trái tim dành cho đất nước, đạo vị, đạo tình :

*Hãy đến với anh, cho anh gặp lại tiền thân,
như dòng sông bắt gặp lại nguồn
Hãy đến với anh để có những phút giây
điểm ảo, hạnh phúc tuyệt vời đầy dấu yêu kỳ
niệm*

*Hãy đến với anh vì tình mình tưới thấm và
mãi mãi đẹp như trăng rằm.*

*Vi anh đang mong em như đại hạn mong
mùa*

*Không kể sớm trưa
Em đã gói đầu những đám mây xanh để
đến với anh
Em đã đắm chân lên bông cỏ tím để tìm về
anh*

*Em ảm bó tâm hoa trên tay mộng để sẵn
sàng hiến dâng*

*Tôi tìm được cái tôi muốn có
Tôi lấy được cái mình muốn cho
Tôi đã cảm thấy mắt tôi chạm phải môi
người*

(Thi Khúc 8 - Viết Cho Người Tình)

*Giận tôi chàng không nói
Mặt làm li như trăng phủ màn che*

*Giận tôi chàng không nói
Mà dò hồng như phơi nắng trưa hè*

*Nhé anh
Lắng lòng nghe
Tiếng nói từ tim em :*

*Với chàng từ lâu
Tôi đã dành âu yếm
Với chàng từ lâu
Tôi đã dành thường yêu*

*Những buổi chiều
Ước ao dâng trọn.*
(Thi Khúc 9 - Viết Cho Người Tình)

*Sao em vội vã bước đi quên cả trăng đẹp
trên đầu*

*Sao em ngoảnh mặt làm ngơ khi con bướm
vàng chấp chồn trên hoa thắm*

*Sao em im lặng khi nghe anh hỏi " Cho
phép anh đùa em về ?"*

*Sao em, ? Sao em ?
Tình thường anh thăm lặng, kín đáo, thiêng
liêng.*

*xin em đừng làm lu mờ trước ánh sáng đại
đường*

*Gần em tìm anh bùng nổ
Gần em anh thông dong như nước chảy
qua cầu*

*Gần em lòng anh thanh thoát nhẹ nhàng
như ngàn dặm mây trắng bay*

*Gần em anh trẻ lại, (niềm vui hiện nay anh
mãi giữ riêng !)*

*Hãy đến gần anh
Hỡi người yêu muôn thuở
Chúng ta sẽ lấy thơ để chờ Đạo, để chờ
Tình*

Thường em nhé !
(Thi Khúc 35 - Viết Cho Người Tình)

Sứ Ngô Đạt lúc chưa hiển đạt ngài thường gặp gỡ nhà sư trụ trì một ngôi chùa ở đất Kinh Sư. Nhà sư đó mắc bệnh cùi, ai cũng

ghê tởm muốn tìm cách xa lánh. Chỉ có ngài Ngô Đạt thường hay gần gũi hỏi han. Trong buổi chia tay, Sư trụ trì vì quá cảm kích phong thái của ngài Ngô Đạt mới dặn rằng :

- Sau này nếu ngài có mắc nạn chi thì ngài nên qua núi Cửu Lũng tại Bàn Châu đất Tây Thục tìm tôi và nhờ trên núi ấy có hai cây tùng làm dấu chỗ tôi trú ngụ.

Sau đó ngài Ngô Đạt đến ở chùa An Quốc thi đạo đức của ngài vang khắp mọi nơi. Nhà vua thân hành đến pháp tịch nghe ngài giảng đạo. Nhân đó mới ân tứ cho ngài cái pháp tọa bằng gỗ trầm hương. Từ đó bỗng nhiên trên đầu gối của ngài có mụn ghê tựa như mặt người, đau nhức khôn xiết. Ngài cho mời tất cả các bậc danh y, nhưng không ai chữa được !

Nhờ lại lời dặn của nhà sư trụ trì chùa Kinh Sư, ngài Ngô Đạt liền vào núi mà tìm. Trên đường đi, trời đã mờ tối. Trong khung cảnh âm u, khói tỏa mịt mù, ngài nhìn xem bốn phía, bỗng thấy dạng hai cây tùng, ngài mới tin lời ước hẹn xưa là thật chẳng sai. Ngài liền đi ngay đến đó và thấy lâu vàng điện ngọc nguy nga, ánh quang minh chói lọi khắp nơi. Trước cửa, nhà sư đứng đón ngài một cách thân mật.

Nhân ở lại đêm, ngài Ngô Đạt mới tỏ hết tâm sự đau khổ của mình. Nhà sư nói:

- Không hề chi. Dưới núi này có một con suối. Sáng ngày mai ngài xuống rửa thì mụn ghê sẽ hết ngay ! Chẳng qua ngài được nhà vua quá yêu chuộng nên khởi tâm danh lợi làm tổn giới đức. Từ đó oan nghiệp của ngài từ tiền kiếp mới có cơ hội trả thù. Tuy nhiên, vì tử mười kiếp ngài là bậc cao tăng, giới luật tinh nghiêm, nên kẻ thù cũng chỉ biến thành mụn ghê để báo oán mà thôi !

Mở sáng hôm sau một chú tiểu đồng dẫn ngài ra suối. Vừa vốc nước lên rửa mụn ghê thì ngài cảm thấy nhức nhối đến tận xương tủy, chết giấc hồi lâu mới tỉnh lại. Mụn ghê biến mất. Ngài Ngô Đạt muốn trở lên tạ vị sư, nhưng nói lại thì bù điện kia cũng đã biến mất tự bao giờ...

Bạn của vị Khách Tăng trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh được ghi trong phần mở đầu và ngài Ngô Đạt trong Kinh Thủy Sám- dùng nước Tam Muội để rửa sạch nghiệp oan, trong phần cuối của bài này có liên hệ về tiền thân, nghiệp quả hay không ? Tuy nhiên Đức Thế Tôn đã dạy: "ngã ở đâu thì chống ở đó mà đây, tội tử tâm sinh thì phải do tâm diệt !". Nếu trong đời ta gây oan nghiệp hay chịu oan nghiệp, thì xin thành tâm :

*"Nguyện nghiệp chướng, báo chướng,
Phiền não chướng, ba chướng tiêu trừ.
Nguyện tấn duyên, cự duyên
Oan trái duyên, mọi duyên giải thoát."*

(Hamburg, tháng 5.96)



TRANG

HOA PHƯỢNG



Các em thân mến,
Rồi ngày tháng lặng lẽ đi qua, chẳng mấy chốc nay hè lại về, các em đã tròn một năm học - một năm đó đánh dấu cho các em sự trưởng thành và thêm nhiều kiến thức mới.

Sự báo hiệu cho mùa hè đến nơi xứ người không có phượng vĩ nở hoa hay tiếng ve kêu sàu, nhưng cảnh sắc thanh quang và nắng ấm lên màu cũng đã

làm cho tuổi thơ không kém phần rộn rã.

Đây cũng là mùa thi dành cho các em lớp cao hơn.

Trên thế giới này, bất cứ quốc gia nào, dân tộc nào - da màu hay da trắng... Tâm tư tuổi trẻ vẫn có những điểm giống nhau- Đó là những sự trong sáng tâm hồn và nỗi lo không nhiều tư lự, dễ kết bạn hoặc dễ làm quen, thân. Mọi điều không chấp sẽ xóa đi hận thù, như lời Đức Phật đã nói: "*Máu người cùng đỏ và nước mắt người cùng mặn*".

Ngày Phật Đản năm nay lại về trong nắng ấm. Chùa Viên Giác đang mở hội tụng bình đón mừng đại lễ để cúng dường Đức Phật Thích Ca. Tri chứng cho 2540 năm đi qua, giáo lý của Ngài vẫn nhiệm màu và tình thương của Ngài đối với chúng sanh luôn luôn tồn tại.

Các em hãy lấy gương Ngài làm tấm gương, luyện tập bản thân, hầu tưởng lại đời mình và họ hàng được an vui tự tại.

Hoa Phượng thân chúc các em đạt kết quả tốt trong mùa thi và nhiều vui vẻ trong mùa hè.

• Hoa Phượng

TỊNH XÁ KỶ HOÀN

Dọc kinh sách Phật, chúng ta thấy Phật thường thuyết pháp ở Tịnh Xá Kỳ-Hoàn hay Kỳ-Thọ Cấp Cô Độc Viên" cũng thế.

Được truyền tụng hơn hết, Tịnh Xá này là công trình kiến tạo to tát của ông Tu Đạt Đa, một Phật Tử qui gia thuần thành tên tuổi được hậu thế luôn luôn nhắc nhở.

Tu Đạt Đa, người ở thành Xá Vệ, xứ Ấn Độ, là một đại thần của vua Ba Tư Nặc và là một nhà giàu có nhất thời bấy giờ. Tánh tình hào hiệp ưa cứu giúp kẻ cô bản, hay làm việc bố thí, thi ân, khoan hồng với người dưới, khắp xứ đều biết danh, ông được người thời bấy giờ gọi tặng là Trưởng Giả "Cấp Cô Độc".

Tu Đạt Đa sanh được bảy người con trai. Chúng đều khôn lớn và có gia thất, trừ cậu út. Hình dung tuần tú, diện mạo khác thường, chàng có ý tự chọn bạn trăm năm. Trưởng Giả mới nhờ một thầy Bà-La-Môn tìm nơi mới lái.

Một hôm, thầy Bà La Môn đến hóa trai ở một nhà nọ tại thành Vương Xá.

Một người con gái xinh đẹp tuyệt trần, đem vật thực ra dâng. Hỏi ra mới biết là ái nữ của Trưởng giả Hộ Di. Thầy yêu cầu xin tiếp chuyện

với phụ thân của nàng. Thiếu nữ vào trong thưa lại. Một chập sau thầy được ra mắt Trưởng giả và thật tình tỏ ý mình muốn tác thành cho hai họ.

Vì đã nghe đại danh của Trưởng giả Tu Đạt Đa chẳng những là người giàu có hay cứu giúp kẻ nghèo khổ mà còn là một vị đại thần quyền thế ở thành Xá Vệ, nên không ngần ngại; Hộ Di vui lòng hứa cho chàng trai bước tới.

Nhơn dịp có người khách buồn dong xe về Xá Vệ, thầy Bà La Môn liền gửi một phong thư báo tin. Ông Tu Đạt tức tốc khởi hành, cho gia nhân chở theo nhiều châu báu.

Lúc đến nơi, thầy Bà La Môn đưa ông tới nhà ông Hộ Di. Đàng gái hết sức vui mừng, tiếp rước trọng hậu. Nhân thấy tới trai, tờ gái lắp nập cổ bản. Tu Đạt mới hỏi thăm duyên cớ. Trưởng giả Hộ Di cho biết sáng hôm sau ông sẽ làm lễ cúng dường Phật và Tỳ kheo Tăng.

- Phật là gì? Tu Đạt Đa hỏi.

- Quan huynh chẳng nghe ư? Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La Vệ, tên Tất Đạt Đa; vì thấy cái khổ sanh, già, bệnh, chết, buồn lòng không vui thú gia đình, bèn bỏ cung điện đi tu, sau sáu năm khổ hạnh, được trí tuệ đầy đủ, thăng chúng ma vương, tự tại thần thông, quang minh chiếu diệu được người xưng tên là Phật..

- Còn thế nào gọi là Tăng?

- Tăng chỉ là các vị đệ tử của Phật đều là bậc sáng suốt giải thoát, có thể vì chúng sanh làm đám ruộng phước.

Tu Đạt vui mừng vô hạn hỏi tiếp:

- Chẳng hay Phật và chú Tăng ở đâu?

- Tại một Tịnh Xá trong vườn Trúc (Trúc Lâm).

Trong đêm ấy Tu Đạt Đa sanh lòng kính tin, lăn lộn không ngủ, trông mau trời sáng để đến ra mắt Thế Tôn.

Vừa bình minh ông đã chỗi dậy, hỏi hướng rồi ra đi.

Tịnh Xá Trúc Lâm vẫn còn yên tịnh, sương lạnh phủ dày, các Tỳ kheo còn đang thiền tọa. Tu Đạt Đa đang ngỡ ngàng, thì dằng xa có bóng người tiến đến. Thì ra đó là Đức Phật, bởi trước nên xuất thiền ra ngoài kinh thành. Vừa trông thấy tướng mạo nghiêm trang, oai nghi, đỉnh đặc của Ngài, Tu Đạt Đa mừng quá quên cả lễ phép:

- "Thưa ông, không biết đức Cù Đàm đã dậy chưa? Ngài ở đâu? Tôi muốn gặp liền bây giờ được chăng?"

Đức Phật vui vẻ chỉ chỗ người ngồi, rồi ôn tồn hỏi: "Ông tìm đức Cù Đàm có việc gì? Chính tôi là người ông đang tìm".

Biết là đức Phật và cảm kích trước lời nói của Ngài, Tu Đạt Đa liền cúi mình làm lễ và tha thiết bạch Ngài: "Lạy Ngài rù lòng thương xót, mở lòng dạy bảo cho kẻ đệ tử đầy tội lỗi này!"

Đức Thế Tôn bèn nói pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã (*Khổ*: đời là khổ. *Không*: không thật. *Vô thường*: luôn luôn biến chuyển thay đổi. *Vô ngã*: không tự chủ được lòng mình, thân thể và hoàn cảnh) và Niết Bàn an vui vắng lặng. Khi nghe xong, ông quá đổi vui mừng, liền nhiếp thánh pháp, đắc quả Tu Đà Hoàn, thí dụ như miếng lụa trắng để ẩn màu nhuộm.

Trưởng giả bèn qui xuống, chấp tay lạy Phật: "Bạch Thế Tôn, những người ở thành Xá Vệ nghe pháp có thể dễ nhiễm như con không?"

Phật bảo: "Ông vì tức giận nên mới sớm ngộ như thế, không phải ai cũng ngộ như vậy đâu. Và lại, dân thành Xá Vệ phần nhiều tin theo tà giáo, khó mà nhiễm thánh pháp".

Tu Đạt bạch Phật: "Cúi xin Ngài thương xót, rù lòng đại từ quan lâm xá vệ, đánh chuông cảnh tỉnh để người theo tà quay về lẽ chánh".

Phật bảo: Pháp của người xuất gia không được ở chung chạ với người thế tục, bên ấy không có Tịnh Xá thì làm sao ta và các Tỳ kheo sang ấy ở được.

- Đệ tử xin phát tâm kiến tạo Tịnh Xá, mong Phật từ bi hứa khả cho.

Đức Phật yên lặng, tỏ dấu hứa chịu.

Mấy hôm sau, khi lo vợ cho con xong, ông Tu Đạt trở lại rừng Trúc bái Phật xin phái một vị đệ tử đi theo chỉ bảo cách thức xây cất Tịnh Xá. Đức Thế Tôn nghĩ rằng: Ở Xá Vệ bọn Bà La Môn rất nhiều, họ tin tưởng xằng bậy những điều không hợp chánh lý thế nào họ cũng ra mặt tranh đường, người kém tài kém đức, khó bề hàng phục họ được. Chỉ có Xá Lợi Phất trước là dòng dõi Bà La Môn thông minh đa trí, hiểu rõ nội bộ của họ, đi mới có lợi. Phật bèn sai Xá Lợi Phất đi theo Tu Đạt sang Xá Vệ.

Đọc đường Tu Đạt hỏi Xá Lợi Phất: "Đức Phật đi bộ bao nhiêu dặm trong một ngày?" Xá Lợi Phất đáp: "Chừng nửa do tuần". Ông Tu Đạt

cử hai mươi dặm là muốn người cất một khách xá (nhà tạm) để khi Phật sang Xá Vệ, đêm có thể tạm nghỉ.

Khi về đến nhà, Tu Đạt và Xá Lợi Phất trải qua mấy ngày vất vả mà vẫn chưa tìm ra chỗ nào vừa ý. Một hôm đi ngang qua vườn cây của Thái tử Kỳ Đà, thấy đất đai bằng phẳng, cây cối sum sê. Xá Lợi Phất hỏi Tu Đạt: "Trong vườn này cất Tịnh xá được, vì không xa, không gần thành; xa quá thì khó cho sự khất thực, mà gần quá thì ồn ào loạn động khó yên tâm để tu hành". Thầy Tu Đạt ra chiều suy nghĩ, Xá Lợi Phất tiếp: "Phải chăng ông sợ không thể mua được chủ gì? Ông nên đến uôm hỏi Đồng cung xem sao?".

Tu Đạt liền đánh bạo đến ra mắt Thái tử Kỳ Đà.

- Trường già đến thăm có gì dạy bảo? Thái tử cười hỏi.

- Tâu Thái tử! Tôi muốn kiến tạo một Tịnh xá để thỉnh Phật và chư Tăng sang đây diễn giáo, nhưng tìm mãi không ra chỗ. Nay Thái tử có vườn cây tốt, rộng rãi, xin Thái tử vui lòng nhường miếng vườn ấy cho tôi, công đức của Thái tử thật vô biên vô lượng.

Thái tử cả cười bảo: "Tôi đâu có thiếu thốn gì mà phải bán; vườn này để làm chỗ ngoạn thú trong khi nhàn rỗi, cho thú thả tâm hồn, bán đi thì làm thế nào?"

Ông trường già Tu Đạt nản nỉ mãi. Thái tử rất dễ cảm, song vì tiếc miếng vườn nên định làm thối chí ông Tu Đạt: "Nếu Trường già muốn mua, xin đem vàng lót đầy mặt đất tôi sẽ bán cho".

- Vâng.

Thái tử hỏi:

- Tôi nói chơi như thế, chủ bán đi thì làm gì?

Quần tử vô hý ngôn, Thái tử sẽ làm vua trị dân, nói bôn sao được.

Tu Đạt vội trở về nhà hối gia nhân chở vàng đến lót. Khi đã phủ xong nơi đất liền, Trường già suy nghĩ coi làm thế nào để lót mấy nơi bị cây mọc. Thái tử đến gần vỗ vai hỏi: "Thế nào, trường già suy nghĩ gì? Nếu ông chê mất thì thôi, vàng ông chở về, vườn tôi xin trả lại cho tôi".

- Không, tôi có nói mất rì gì đâu, thưa Thái tử. Tôi đang suy nghĩ coi phải chở ở kho nào cho vừa đủ, khỏi đem đi đem về mất công và lính coi mấy gốc cây bao nhiêu vàng đấy chứ?

Thái tử Kỳ Đà nghe xong hết sức ngạc nhiên, tự hỏi Phật là người thế nào mà Trường già coi của cải như không, xem vàng rỗng như đất cục. Thật kỳ lạ quá... Có lẽ là một thánh nhân, đạo cao đức cả mới có thể cảm hóa được lòng người như thế.

- Thôi, ông đừng chở vàng đến nữa, bây giờ đất vườn thuộc về ông, còn cây thuộc về tôi, xin cúng cho Phật đấy.

Trường già sung sướng quá. Ngay ngày hôm sau, kêu thợ đo đất khỏi công, còn Xá Lợi Phất thì vẽ bản đồ và chỉ bảo cách thức.

Song một trở ngại lại xảy ra. Phái Lục sư ngoại đạo Bà La Môn kéo đến tâu vua Ba Tư Nặc: "Trường già Tu Đạt đã mua vườn của Thái tử để kiến tạo Tịnh xá cho bọn Sa môn Cù Đàm, xin bệ hạ cho phép chúng tôi cùng bọn kia tranh tài, nếu họ thắng được bọn tôi, chúng ấy họ mới được phép cất Tịnh xá và sang đây thuyết đạo, còn trái lại, thì ở đâu phải ở đó".

Nhà vua liền triệu Tu Đạt đưa vào triều mà bảo rằng: "Hàng Lục sư Bà La Môn không chịu có phái nào khác vào đây truyền giáo. Nay khanh mua vườn cất Tịnh xá để rước đồ chúng của đức Cù Đàm về đây dạy đạo. Lục sư vào tâu khi này, xin cho hai phái cùng nhau thử hùng, nếu họ thua thì khanh tự ý muốn làm gì thì làm, còn nếu phe Cù Đàm thua thì đừng bén mảng đến đây. Muốn cho yên thuận, ta đã hứa với họ rồi, vậy khanh lo liệu thế nào cho chu tất.

- Xin bệ hạ cho phép hạ thần trở về bạch lại với đệ tử của đức Phật ra sao.

- Được. Khanh cứ đi, muốn cho bọn họ và công chúng biết được giá trị của đôi bên, ngoài phương pháp đó, khanh không còn cách gì hơn nữa.

Trường già cáo tử ra về, mặt luôn luôn đầu đầu, đầu óc miên man lo nghĩ: "Không rõ bên ta có thể thắng được không? Hơn chẳng nói gì, còn núi thua thì khổ biết bao. Bọn Lục sư phép thuật cao cường, lại bề lũ đông đảo, liệu một mình ngài Xá Lợi Phất có đứng cự được chăng?". Bao nhiêu câu hỏi làm lòng ông ngổn ngang lo sợ, đến nỗi về đến cửa nhà mà ông không hay.

Trông thấy vẻ mặt đượm đầy u buồn, lo ngại của Tu Đạt, Xá Lợi Phất cất tiếng hỏi: "Hôm nay có việc gì mà Trường già không được vui?"

Tu Đạt rầu rầu đáp: "Thưa Ngài, công việc kiến tạo Tịnh xá sợ không thành tựu.

- Tại sao thế?

- Thưa Ngài, bọn Lục sư quyết lòng ngăn trở công việc làm của mình. Họ đã đến khiếu nại với vua, xin cho cùng chúng ta tranh tài, nếu chúng ta thắng họ thì mới được cất Tịnh xá. Vua đã chuẩn ý lời của họ. Bây giờ trăm việc tôi xin trông cậy vào Ngài. Tôi lo lắng, bọn họ tu hành theo tiên đã lâu, tài nghệ pháp thuật cao cường, trong thành này ai cũng biết, thêm nỗi bọn họ rất đông, liệu mình Ngài có thể chống nổi chăng?

- Trường già đừng ngại. Tôi tuy một mình, nhưng ông có thấy chăng, chỉ một ánh sáng mặt trời đủ phá bao nhiêu bóng tối; cần gì phải dùng đèn. Đờ chúng của Lục sư có nhiều đến bực nào cũng không làm chi tôi nổi. Trường già cứ vững lòng tin tôi và tâu lại nhà vua xin định ngày đấu sức, không sao.

Tu Đạt nhẹ nhõm người, chạy bay vào cung, xin định ba hôm sau là mở hội tranh tài.

Bọn Lục sư truyền rao cho tín đồ của chúng hãy đến xem cuộc đấu phép ít có mà phần thắng chắc chắn về phía họ. Vua Ba Tư Nặc cũng truyền lệnh cho dân gian và cho phép tam cung lục viện đến dự. Đồng thời vua cho cất khán đài tại một miếng đất trống to lớn phía ngoài thành.

Đúng ngày giờ kỳ hẹn, trời vừa tang tảng sáng bọn Lục sư đã lũ lượt kéo tới, cả dân chúng nữa, người người không thể tính số được. Giữa khán đài, Vua và Hoàng hậu ngồi ghế lớn, hai bên trăm quan và cung phi mỹ nữ đứng hầu, còn dân chúng chen chúc nhau đứng phía dưới. Trước đài, tà hữu có hai đài khác, dành cho hai phái tranh thủ.

Giờ đấu tài đã đến, bọn Lục sư thấy thế, tuyên bố ầm lên: "Bọn Cù Đàm sợ chúng ta rồi, đã tới giờ mà không thấy hình bóng đâu cả". Tiếng bàn tán cãi cọ thêm to. Có kẻ đánh bạo đến gần tâu vua: "Tâu bệ hạ, bọn đệ tử Cù Đàm có lẽ tự biết mình vô tài nên không dám đến. Vậy xin bệ hạ kể như họ thất trận rồi".

Vua Ba Tư Nặc trầm tĩnh đáp: "Chưa gì các người đã vội ca khúc khải hoàn, hãy đợi một chút nữa xem nào". Đoạn vua xoay qua Tu Đạt: "Tại sao thầy của khanh chưa đến, khanh hãy đi xem thử sao?".

Lúc ấy Xá Lợi Phất đang ngồi thiền định dưới cội cây to, yên lặng suy nghĩ: "Hội chúng hôm nay phần đông theo tà giáo đã lâu, tà pháp đã thâm nhiễm vào đầu óc của họ, nên họ dầy vẻ kiêu mạn, tự cao. Làm thế nào mà cứu vớt họ? Phật đã dạy, trong khi truyền đạo, không nên dùng thần thông làm kinh dị lòng người, nhưng trong trường hợp này, nếu không dùng thần thông thì làm sao gây được tín tâm. Vậy xin Phật thấu hiểu và xá tội cho!". Vừa nghĩ xong thì Tu Đạt hấp tấp đến:

- Bạch Đại đức, công chúng đã nhóm họp đông đủ cả rồi, nhà vua đang chờ trông, xin Đại đức quang lâm cho.

Xá Lợi Phất bèn xuất thiền đứng dậy, sửa sang y phục, vắt tọa cụ lên vai, rồi oai nghiêm cất bước, từ từ tiến về phía diễn trường mà quang cảnh là một biển người, lơ nhô đầu là đầu, không hàng ngũ trật tự gì cả. Thế mà khi Xá Lợi Phất đến, công chúng lại tự đứng vệt ra, chữa một đường khá rộng cho Ngài vào. Tu Đạt ung dung theo sau khỏi chen lấn gì cả.

Xá Lợi Phất đi đến đâu thì đám đông cúi chào, xa trông như một đồng lúa bị gió đùa. Còn bọn Lục sư, tuy lúc đầu đã đận nhau không được tộ một vẻ kính nể nào, nhưng khi thấy vị đại đệ tử của Phật, tất cả nhủ bị một sức mạnh gì ở thâm tâm thúc đẩy, đồng đứng dậy lễ phép chào như bao nhiêu người khác. Xá Lợi Phất chậm rãi thượng đài và an tọa. Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh cho hai bên đấu phép.

Lao Độ Sai, tay quyền thuật giỏi nhất trong phái Lục sư, trở tài trước. Công chúng đang lao nhao chờ đợi, bỗng thấy một cây đại thọ mọc lên giữa sân, to lớn một cách nhanh chóng khác thường, tàn che kín khắp vùng đất chiếm làm diễn trường.

Đờ chúng của Lục sư, biết là sự biến hóa của phe mình, lấy làm thích chí, trầm trồ khen ngợi vang rền. Từ phía, muốn mắt quay về hướng Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đôi mắt lim dim, như không hay biết gì hết. Một phút, hai phút... Mọi người đều nóng ruột, nóng hơn có lẽ là Tu Đạt đã. Tiếng ồn ào vừa ngưng trong một hồi chờ đợi thảnh thơi, thì đôi mắt của Xá Lợi Phất hai luồng hào quang xạ ra, bao quyền thân cây rồi cùng với cây biến mất trong chớp mắt. Tiếng hoan hô nổi dậy đễ tức khác đổi thành tiếng kinh khủng: một con rồng nhiều đầu, thân thể to lớn dị thường, múa lộn trên hư không, giữa tiếng sấm sét vang tai điếc óc. Nhưng kìa, từ miệng của Xá Lợi Phất, một đạo bạch quang phóng ra, biến thành một con đại bàng, to gấp hai kẻ nghịch, xáp đến xỏ rồng bay mất.

Thưa canh này bày canh khác, Lao Độ Sai bèn rùng mình biến thành con quỉ Dạ Xoa kếp xù, trên đầu lửa cháy, mắt lồi, miệng đỏ, xông xộc chạy lại dãi Xá Lợi Phất, hung ác vô cùng. Trầm tĩnh, vị đệ tử của Phật xòe bàn tay năm ngón dịu mềm: Năm vị Tỷ sa môn Thiên vương hiện ra, đứng bao bốn phía xà trên không. Đồng thời lửa Tam muội (thuyền định chân chính) đứng đưng nổi dậy, phủ vảy con ác quỉ không phướng đảo tẩu. Lửa càng cháy, tiếng than khóc cầu tha mạng sống càng lớn. Tâm khinh mạng đã tan, bốn phía lửa dữ cũng hạ, Lao Độ Sai hoàn phục nguyên hình, đập đầu sám hối tạ lỗi. Xá Lợi Phất bay vọt lên hư không, hiện đủ bốn oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hiện thân to lớn như hư không rồi lại hiện nhỏ, hoặc nửa, chia thân ra trăm ngàn thân khác, rồi thu trăm ngàn trở lại một. Xong, Ngài trở về chỗ cũ, ngồi yên, thuyết kệ rằng:

*Tâm sanh các pháp thầy đều sanh,
Tâm diệt các pháp thầy đều diệt.
Muôn ngàn nghiệp chướng thầy do tâm,
Rồi cũng do tâm mà diệt nghiệp.*

Công chúng được xem các phép biến hóa và được nghe bài kệ rồi, nhảy nhót vui mừng như người nghèo được của báu.

Nhân cơ hội ấy, Xá Lợi Phất dạy: các pháp là khổ, là không, là vô thường, vô ngã; tất cả đều do tâm, tâm không dính mắc theo trần lao phiền não là Niết Bàn tịch tịnh. Trong thính chúng bấy giờ có nhiều người nhớ lại nhân duyên đời trước của mình, phát tâm hướng về nẻo giải thoát, thấu được lý đạo, kẻ chứng quả Tu đà hoàn, người chứng quả Tu đà hàm v.v... Hơn ba ngàn đồ chúng của Bà La Môn đều làm lễ Xá Lợi Phất xin thọ giáo.

Cuộc so tài đấu phép đến đây chấm dứt, vua truyền bệ mạc. Công chúng lục tục ra về với bao vẻ hân hoan, mà người vui sướng nhất là Tu Đạt.

Mở sáng hôm sau, người ta đã thấy Xá Lợi Phất, Tu Đạt trưởng giả và những công nhân kiến trúc có mặt tại vườn Kỳ Đà, bắt tay vào việc. Tuy mệt nhọc nhưng mọi người đều vui vẻ sốt sắng.

Một hôm, khi đi ngang nền Tịnh Xá, Xá Lợi Phất bỗng nhiên đứng bước chỉ con kiến càng to lớn đang bò, bảo Tu Đạt trưởng giả: "Một khi ta mất thân người, muốn kiếp khó hoàn phục. Con kiến này đã nhiều kiếp chết đi sanh lại nơi đây là chỗ bày đời Phật hàng giảng pháp. Ông nên biết, dầu ở sát bên chỗ Phật nói pháp mà trót mang thân súc sanh thì có mắt cũng như đui, có tai cũng như điếc, không giải thoát. Còn làm người mà mê muội, củi nhắm mắt chạy theo tiếng gọi của vật dục, tham luyến dục lạc hiện tiền, không chịu suy nghĩ, chỉ biết có ngày nay, không tin nhân quả, đã vậy còn gây thêm nghiệp hủy báng chánh pháp, thì xét kỹ không hơn con kiến kia bao nhiêu, càng sống càng xa ánh sáng giác ngộ, khổ não trăm bề, sa đọa vào bậc thấp hèn đen tối. Thế nên sanh được làm người là một điều khó; là một đại bất hạnh khi đã được thân người mà không lo tu sửa để được lên về nẻo giải thoát, hoặc kiếp sau còn trở làm người cổ công tu học, thì thật uổng cho một kiếp.

Công trình kiến trúc vĩ đại quá, thành thủ Xá Lợi Phất cũng như Tu Đạt trưởng giả phải vất vả, cực nhọc suốt ba bốn tháng trường mới hoàn thành. Tu Đạt bèn vào triều yết kiến vua Ba Tư Nặc, trình các việc và xin vua phái sứ thần sang thành Vương Xá thỉnh Phật quang lâm. Vua y lời.

Một buổi sáng, trời quang gió mát, đức Thế Tôn cùng các hàng đệ tử lên đường sang Xá Vệ, ngày đi đêm nghỉ nơi các khách xá của Tu Đạt đã lo xa cho cất trước kia. Khi gần đến thành, vua, quan cùng dân chúng ra đón cách một khoảng xa. Vào đến Tịnh Xá, đức Phật an tọa, mọi người làm lễ rửa chân cho Ngài và đi nhiễu ba vòng, rồi theo thủ cấp ngồi dưới chân quanh Phật. Đức Thế Tôn phóng ra năm sắc hào quang rực rỡ, chiếu khắp thế giới, đoạn Ngài diễn nói công đức bố thí, tu phước cho đại hội thỉnh chúng nghe. Ai nấy đều được lòng dạ sáng tỏ vui vẻ vãng lâm.

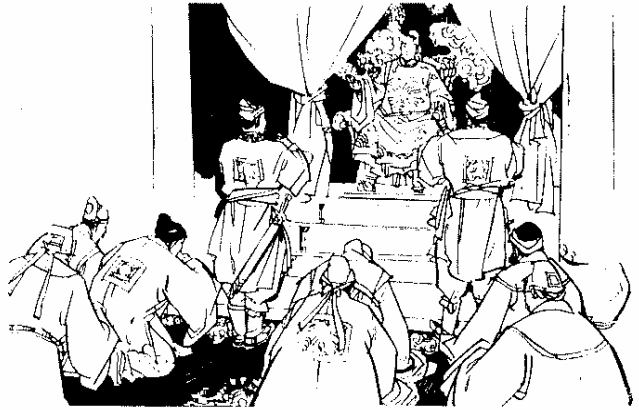
Từ ấy, mỗi ngày đức Phật và các đệ tử vào thành khất thực, đến trưa trở về Tịnh Xá thọ trai xong và thành tòa diễn pháp cho các đệ tử hai phái cùng nghe. Số người theo về qui y đông vô số kể.

Chẳng những là một công trình xây dựng lịch sử, Tịnh Xá Kỳ Hoàn còn là một nhắc nhở lớn cho các hàng Phật tử tại gia, về bốn phận hộ trì tam bảo.

• Hồng Nhiên sâu tâm

Bắc Bình Vương

NGUYỄN HUỆ



Chào cô giáo.

- Chào các em. Các em hãy ngồi xuống. Không khí lớp học như trở mình tỉnh hẳn giấc ngủ của mọi ngày thường êm vắng vây quanh, qua những âm thanh rộn ràng của chuyện trò, tập vở, tiếng cọ xát của chân ghế xuống nền ván phòng, của mọi vật dụng bất ngờ bị di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác, tạo thành chuỗi nốt nhạc cao, thấp reo vui lên hỗn hờ.

- Các em im lặng nghe cô hỏi. Trước khi vào lớp học, các em rửa tay xong chưa?

- Dạ thưa cô, các em rửa tay xong rồi. Cả lớp như đồng thanh trả lời cùng một lượt.

- Giỏi lắm. Vì ngoài những điều Lễ, Nghĩa, Trung, Tín đối với Quê hương, Đạo Pháp, Tổ Tiên, Cha mẹ, các bậc Trưởng thượng cho đến bạn bè ra... Như cô đã nhắc nhở các em trong buổi học đầu tiên. Các em cũng cần nên giữ gìn vệ sinh cá nhân nữa. Có đầy đủ sức khỏe, các em mới tìm thấy được nguồn vui sống, học hành minh mẫn, trí óc sáng suốt thêm hơn... Một trong những thí dụ như vừa rồi: Các em đã vui đùa ngoài đời cô; dĩ nhiên tay chân phải lấm lem vào bụi đất hoặc mọi vật dơ bẩn khác. Có đúng vậy không các em?

- Dạ đúng, thưa cô.

Dung mỉm cười, đưa mắt nhìn quanh lớp học. Ánh nắng ban mai từ không gian phía bên ngoài, lùa vào những khung cửa sổ rộng tràn đầy áp căn phòng rực rỡ, ấm áp nằm dài chan hòa trên mấy dãy bàn cạnh tường như tấm lụa mong manh, trong suốt. Mùa hạ đã âm ỉ gót chansson quay về cùng vạn vật; mùa của tuổi thơ với cao ngất nụ cười hồn nhiên lồng lộng trong đất trời bao la, vũng vít quanh cây cỏ bùng lên muôn sắc thắm, và ríu rít tiếng chim muông vui hót tấu nhạc âm hưởng ngọt ngào đầy đó... Như còn réo gọi thêm cánh bướm lạc loài từ phương, hãy bay về vùng cỏ non xanh tuổi cùng nhau hợp đoàn mở hội, hoan ca nhày múa dưới hưởng nắng ngọt ngào của đất trời hiền hòa vô tận. Ôi...

*Sắc hoa ngày hội lớn
Tươi thắm đợi tin về
Oai đứng cờ lộng gió
Vàng rợp bóng sơn khê.*

Rất tiếc, ở đây không có "Oai đứng cờ lộng gió" - Nhưng bây giờ, nơi đây, có dịu dàng những thảm bông cúc đại vườn lên chen chúc, nối tiếp nhau, liên kết nhau trải rộng, kéo dài ra hun hút cuối tầm trông của đáy mắt. Nhưng chắc chắn rằng "Cờ vàng" một ngày nào đó không còn xa lắm sẽ bay lộng "lộng gió" trên khắp quê hương Việt Nam, đã "Mỏi Mòn" chờ đợi từ hơn hai mươi năm qua. Dung tin tưởng như thế, đôi môi lại đột nhiên như thoáng lên nụ cười khi chợt nhớ tới lời thơ của Huy Giang, và cùng theo ý tưởng vừa chớm hiện lên tâm thức của riêng nàng. Ủ mà, không vui làm sao được nhỉ? Khi nàng bắt

gặp nỗi xao xuyến của giây phút *mở màng đôi khi có vài lần đưa đến trong ngày*, lúc mà gót chân được e ấp, run run với xúc động dạt nhẹ nhàng xuống mặt đất của con đường làng quê hướng dẫn về xóm nhỏ thân yêu mà nàng đã rời xa từ lúc vừa lên 10 tuổi! Một đêm khuya nào đó xa lắm với nghẹn ngào, với hãi hùng, với giọt nước mắt tức tưởi của ba má theo chân đoàn người lánh nạn cộng sản, xuôi thuyền ra biển rộng cố tìm chút Tự Do dù phải vượt qua lằn ranh sống chết của sóng bão, núi mây... Thời gian sẽ còn dài bao lâu nữa, để trên quê hương Việt Nam được nhìn thấy lại "*Oai hùng cờ lộng gió*" - *Vàng rợp bóng sơn khê*", hầu đáp đền niềm mong ước của người dân lánh Việt Nam (trong cũng như ngoài nước) mong đợi, khát khao tự bấy lâu nay?

*Ôi những mong chờ đầu tắt lịm
Ngày mai nắng mới sẽ chan hòa
Việt Bắc, Trung, Nam cùng mở hội
Khua trống đồng xưa Ngọc Lũ ca...*

- Các em ngoan lắm, từ nay hãy cố giữ gìn sức khỏe luôn. Thời bây giờ chúng ta trở về giờ học Việt sử. Tuần rồi chúng ta đã học Lược sử của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, tức Đại Đế Quang Trung. Vậy thì hôm nay, có em nào đứng lên đọc cho cô và các em khác cùng nghe lại không nào?

Hơn phân nửa lớp học đồng loạt, mạnh dạn đưa thẳng cánh tay lên cao chen lẫn với tiếng động ào ào của trang tập lật qua, và rải rác còn có thêm vài cánh tay đưa lên xin được đọc bài.

- Các em hãy giữ gìn im lặng. Các em thật là giỏi; có như thế này mới chứng tỏ được rằng, khi về đến nhà các em đã dành thì giờ ra học ôn lại bài Sử ký Việt Nam đã chép tuần rồi. Để mà hiểu rõ ràng thêm hơn những chiến tích oanh liệt của các bậc tiền nhân chúng ta đã bỏ công sức, máu xương ra giữ nước, và tạo dựng quê hương... Với nụ cười chồm trên đôi môi, Dung đưa mắt nhìn xuống lớp học, quanh những cánh tay đang giơ thẳng lên cao, nói tiếp: Thời bây giờ em Tường Vi đọc trước một đoạn, sau đó sẽ tới phiên em khác nhé. Em Tường Vi hãy đứng lên đọc bài.

Những cánh tay giơ cao, bây giờ nhẹ nhàng hạ xuống khoanh tròn trên mặt bàn; trong khi bé Tường Vi đứng lên ngay ngắn, hai bàn tay nâng cuốn tập đã lật sang trang ra trước tầm mắt, cô bé dang háng giọng, đọc:

- Lược sử Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, tức Đại Đế Quang Trung. Nguyễn Huệ sinh năm 1752, người làng Nghi Xuân (Nghệ An). Lúc vua Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát mất năm 1765, thọ 51 tuổi, làm chúa được 27 năm. Có người em trai là Thế tử Nguyễn Phúc Hiệu đã mất sớm mà con thì hãy còn nhỏ quá, cho nên Võ Vương di chiếu lập người con thứ hai là Chuông Vũ (thần phụ của Vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh 1802-1819), nhưng quyền thần Trương Phúc Loan đổi tờ di chiếu, lập người con út của Võ Vương mới 12 tuổi, tức là Nguyễn Phúc Thuần lên nối nghiệp, gọi là Định Vương. Trương Phúc Loan được tôn làm Quốc Phó, chuyên quyền làm nhiều điều sằng bậy, mua quan bán tước, và hình phạt, thuế má nặng nề khiến cho dân tình oán hận; ngay cả họ hàng chúa Nguyễn cũng không ưa. Vì vậy tháng 10 năm Mậu Ngọ 1774, chúa Trịnh Sâm 1767-1782, cùng tướng Hoàng Ngũ Phúc mang quân vượt sông Linh Giang (sông Gianh), lấy danh nghĩa để bắt Trương Phúc Loan. Riêng quan sĩ miền Nam đều như đã chán nản tướng Trương Phúc Loan nên thừa dịp qua đầu hàng quân chúa Trịnh rất nhiều... Anh em nhà Tây Sơn vì mưu việc chống lại tướng Trương Phúc Loan cho nên đổi họ Hồ sang họ Nguyễn, đồng thời cũng lui binh về miền đã thảo khởi nghĩa đánh đổ Trương Phúc Loan...

- Thôi được rồi Tường Vi. Bây giờ em Quang đứng lên đọc tiếp.

- Nhắc lại, Tổ bốn đời của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, bị Chúa Nguyễn lần thứ bảy bắt giữ vào năm 1653-1657 đem vào phía Nam - Khoảng thời vua Lê Thần Tông lần thứ hai 1649-1662... Thăng Quang bỗng ngừng đọc, đưa cuốn tập lên gần mắt thêm hơn, như thể có một đoạn chữ nào đó nó viết không được rõ ràng cho lắm, nó lại cất giọng ề a đọc tiếp (*Dù xưng là Chúa ở phương Nam, những các Chúa Nguyễn vẫn lấy niên hiệu của vua Lê trên các công văn chánh thức*). Cho đến năm 1672-1673 chúa Nguyễn lấy được bảy huyện Nghệ An, di dân vào Nam khai khẩn, Tổ của Nguyễn Huệ cùng trong đoàn người di dân đó. Trong gia đình Nguyễn Huệ còn có tục danh là Thôm, là em thứ ba sau Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, con ông Hồ Phi Phúc, và bà Nguyễn Thị Đồng. Thuở nhỏ thụ nghiệp Giáo Hiến,

nguyên là môn khách của Trương Văn Hạnh, Ngoại hầu dưới triều Nguyễn Định Vương... *Tây Sơn khởi nghĩa, Bắc thu công* là câu sấm mà ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, và Nguyễn Huệ thường được nhắc huấn chỉ dạy từ nhỏ; cho nên vào năm 1773 Nguyễn Huệ cùng hai em phất cờ khởi nghĩa tại Tây Sơn, mưu việc chống quan quân triều vua Định Vương Nguyễn Phúc Thuần...

- Được rồi, em Quang hãy ngồi xuống. Em Ngọc Cẩm, em đứng lên đọc tiếp tục Lược sử của Đại Đế Quang Trung nhé.

- Dạ... Bé Cẩm vội vàng đứng lên trả lời cô giáo, rồi dang háng giọng như bé Tường Vi đọc tiếp bài lược sử của Đại Đế Quang Trung mà thẳng Quang vừa rồi đọc dở dang. Vào năm 1776 được anh cả Nguyễn Nhạc phong cho làm phụ chính ở lại Qui Nhơn lo việc chính trị của nhà Tây Sơn. Sang năm 1777, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lúc bấy giờ vừa mới được 24 tuổi, thừa lệnh truyền của Nguyễn Nhạc, cùng người anh kế Nguyễn Lữ kéo quân binh vào đánh chiếm thành Gia Định, bắt giết được hai Chúa Nguyễn là Định Vương Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính Vương Nguyễn Phúc Vương. Năm 1778 Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thái Đức Hoàng Đế, đổi thành Chà Bàn là Hoàng Đế Thành rồi phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết Chế, Nguyễn Huệ làm Vương Tửng Quân. Mãi cho đến năm 1788, sau khi thắng nhiều trận chiến lấy lừng; nhất là những trận chiến cùng thủy binh Bồ Đào Nha (do Giám mục Adam vận động giúp đỡ Nguyễn Phúc Ánh 1778-1802) tại sông Ngã Bảy và ngã tư Bến Lức - Rạch Chanh. Cũng như năm 1785 chống quân Xiêm với hai tướng Chiêu Thắng, Chiêu Sướng (theo lời cầu viện của Nguyễn Ánh) trên sông Tiền Giang, giữa hai khúc Rạch Gầm - Rạch Xoài Mút v.v... Năm Bình Ngô 1786 vua Thái Đức Hoàng Đế đổi niên hiệu lại là Trung Ương Hoàng Đế dời kinh thành về Qui Nhơn, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương đóng binh tại Gia Định, và Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương giữ đất Thuận Hóa, lấy Hải Vân Sơn làm ranh giới. Vào tháng 5 năm 1786, theo kế của Nguyễn Hữu Chỉnh, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ tự mình xuất binh lần thứ nhất ra Bắc lấy tiếng diệt Trịnh phủ Lê. Chúa Trịnh Khải bỏ Thăng Long sau cuộc bại trận hết sức bi thảm ngày 26 tháng 6 năm Bình Ngô 1786. Chúa chạy trốn theo đường đi Tây Sơn, dọc sông Hồng Hà đến làng Hạ Lôi, tỉnh Phúc Yên thì bị lộ tông tích, và bị bắt giải về Thăng Long; nhưng thừa lúc đêm tối Chúa đã tự tiết. Để tỏ ý phò Lê, Nguyễn Huệ vào yết kiến vua Lê Hiến Tông, và được vua Lê phong làm Đại Nguyên Soái Phủ Chính Dục Vận Uy Quốc Công, đồng thời gả Công chúa Ngọc Hân cho. Sau đó Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ mới kéo quân trở về lại đất Phú Xuân.

Bé Cẩm nhìn cô giáo trước khi xếp cuốn tập lại, nhưng vẫn đứng nguyên tại chỗ như thể chờ đợi. Dung hiểu ý, gạt đầu, nói:

- Bé Cẩm hãy ngồi xuống. Và Dung tiếp lời cùng cả lớp học. Vừa rồi các em đã được em Tường Vi, em Quang và em Ngọc Cẩm đọc lại bài Lược sử Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ chép tuần rồi; với lại cô cũng đã giải thích cặn kẽ. Như thế các em còn có điều gì thắc mắc trong bài học nữa không?

Sau giây phút ngắn ngủi im lặng, có vài tiếng của các em bé trai, gái trả lời tuy không đồng loạt, nhưng mạnh dạn.

- Dạ thưa cô, các em không có điều gì thắc mắc trong bài học Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ hết cả, thưa cô.

Dung cười thật tươi, thoáng nhìn quanh xuống lớp học, và liếc nhanh ra đời cô xanh vẫn còn ngập đầy màu nắng ấm lòng lạnh ồm ồm.

- Vậy thì chúng ta sẽ nghỉ ngơi một giờ đồng hồ, trước khi vào lại lớp học chép, và học bài Việt sử mới. Các em đồng ý không?

- Đồng ý, thưa cô.

- Và hôm nay, cô cũng có đem tới đây 2 ổ bánh bông lan. Chúng ta sẽ qua mời tất cả lớp học của thầy giáo Thanh ra đời cô ăn bánh và uống nước, rồi thi ca hát, đùa vui cùng thiên nhiên... Các em thích không nè?

- Hoan hô cô giáo.

Cả lớp học như vỡ ra với niềm reo vui hân hỉ của tuổi thơ vào nắng hạ, và lan rộng.... Lan rộng khắp cùng đây đó.

Ồi nắng hạ... Ồi thường quá tuổi thơ...

• Bé Ngọc

Tài liệu tham khảo:

• *Việt Nam Mến Yêu của Phạm Thăng*

• *Tây Sơn Lược Truyện của Trương Bát Cổ (DV số 55)*

QUI Y TAM BẢO



• Thiện Căn

Gia Đình Phật Tử Việt Nam là một tổ chức quần

chúng sâu rộng có đầy đủ: Tinh đạo pháp, tinh thanh niên và tinh dân tộc. Đó là ba yếu tố đủ bảo đảm giá trị sống còn, qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử.

Được thành lập qua Đoàn Phật Học Đức Dục vào

năm 1940 tại Huế do Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám chỉ đạo. Đến năm 1943 trở thành Gia Đình Phật Hóa Phổ và chánh thức là Gia Đình Phật Tử Việt Nam vào tháng 5 năm 1947.

Mục đích tạo môi trường hiện đại hóa Phật Giáo và động lực lõi cuốn mạnh lớp thanh thiếu niên vào hàng ngũ, kiện toàn tổ chức hầu phục vụ cho đạo pháp và dân tộc trong bối cảnh hiện tại, nhất là sau trận thế chiến chấm dứt (1945), tôn giáo nào cũng lo củng cố hàng ngũ của mình.

Một tổ chức lớn rộng như vậy, tất nhiên là phải có chằm ngõn, mục đích, luật lệ... của nó cả về mặt giáo dục lẫn sinh hoạt.

Cho phần GDPTVN, tôi xin mạn phép nói về ý nghĩa Qui Y Tam Bảo của các Phật Tử.

A. Phật, Pháp Tăng:

Đó là 3 ngôi báu đối với người Phật Tử không có gì quý giá để có thể so sánh bằng.

a. Phật: Theo tiếng Phạn, Phật-Đà có 3 nghĩa: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

- Tự Giác: Là tự mình giác ngộ.

- Giác Tha: Đem sự giác ngộ đến cho mọi loài như chính mình đã giác ngộ.

- Giác Hạnh Viên Mãn: Hai công hạnh trên thực hiện trọn vẹn chu toàn.

b. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật đã đem Giáo Pháp dạy cho chúng ta, nên chúng ta gọi Ngài là Đức Bổn Sư (Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật).

c. Đức Hạnh, Trí Tuệ của Đức Phật; Do công hạnh tu tập nên Ngài đã có những tướng tốt và đầy đủ năm hạnh:

- Tinh tấn: Trải qua nhiều gian lao cực khổ, nào tu khổ hạnh 6 năm, ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ Đề 49 ngày, đi đó đây giáo hóa hơn 49 năm dài với nhiều gian lao, cực khổ, đói rét, nhưng Ngài đã không thối chí vẫn cương quyết đi tìm đạo hầu giáo hóa chúng sanh.

- Hỷ xả: Từ bỏ ngôi vị Đồng cung Thái tử kế nghiệp vua cha để trị vì thiên hạ, già từ vợ con của mình dẫn thân vào con đường gian khổ, nhưng Ngài vẫn hoan hỷ hành đạo mong cứu độ chúng sanh không một niềm thoí chuyển.

- Thanh tịnh: Tâm hồn ý nghĩ thanh tịnh, luôn luôn hòa nhã, êm dịu, không tham, sân, si, kiêu mạn.

- Trí huệ: Hiểu biết cùng khắp tất cả, thông suốt căn cơ của chúng sanh, rõ biết vạn vật ở trên đời.

- Tử bi: Lòng tử bi của Đức Phật vô lượng, thương tất cả chúng sanh như con, cứu độ cho mọi loài từ loài người cho đến cả loài vật.

2. Pháp

a. Pháp là lời dạy của Đức Phật hoặc các vị Bồ Tát vâng theo lời Phật mà nói hoặc các vị Tổ Sư làm ra, đem lời dạy đó tuyên dương

chân lý hầu đưa đến cho mọi loài được thoát khổ, an vui nên gọi là Pháp.

b. Pháp gồm có 3 môn:

- Kinh: là lời dạy của Đức Phật của các vị Bồ Tát vâng theo lời Phật dạy đem ra mà nói.

- Luật: là những giới luật do Đức Phật thân chế cho các hàng xuất gia, tại gia theo đó mà tu hành và giữ giới.

- Luận: là lời bàn luận về kinh điển của các vị Tổ Sư, nói rộng các yếu nghĩa trong kinh, luật để cho mọi người dễ hiểu.

Nói chung Pháp là lời Phật dạy, lời các vị Tổ Sư đề ra cho chúng sanh theo đó để tu hành, chừa chớ lý cho hợp với căn cơ từng loài hầu đem an vui, giải thoát và thoát khổ.

3. Tăng

a. Tăng: là một đoàn thể xuất gia tu hành theo đạo Phật, sống theo 6 pháp hòa kinh.

b. Đặc tính: vì là một đoàn thể tập sống đúng theo lời Phật dạy, giữ giới luật oai nghi, làm gương mẫu cho mọi người - Chỉ dạy cho mọi người phương pháp thoát khổ, được vui - sống đời thanh tịnh không có gia đình, vợ, con, không theo danh lợi, ăn chay đạm bạc, siêng tu khổ hạnh, giữ giới luật Phật dạy - Luôn luôn nghiên cứu kinh điển để hiểu thấu lời Phật dạy chứng thật được chân lý - Làm gương sáng cho mọi người.

c. Các hàng Tăng chúng:

- Sa Di là hàng Nam tử xuất gia giữ 10 giới.

- Sa Di Ni là hàng Nữ tử xuất gia giữ 10 giới.

- Thức Xoa-Ma-Na là hàng học giới nữ giữ 6 giới và tập hạnh Tỷ-kheo-ni.

- Tỷ-kheo là hàng Nam tử xuất gia giữ 250 giới.

- Tỷ-kheo-ni là hàng Nữ tử xuất gia giữ 348 giới

Đối với một người Phật Tử, Phật-Pháp-Tăng là 3 ngôi báu quý nhất trên đời, làm gương mẫu chớ chánh để noi theo và đó cũng là ruộng phước cho chúng sanh gieo các hạt giống lành, cho nên gọi là Tam Bảo.

B. QUI Y TAM BẢO

Qui là trở về: từ trước đi con đường sai lầm, nay trở về con đường chánh; từ trước theo các hàng ngoại đạo, ác đảng, nay trở về với chơn lý, với các bậc sáng suốt, hiền đức; từ trước ở trong trời buộckhổ đau, nay trở về với giải thoát, an vui.

Y là nương tựa - y vãng là sống theo, từ lời nói, ý nghĩ cho đến việc làm nhất nhất đều y cứ, nương tựa vào Phật-Pháp-Tăng để mà sống, mà tu hành cho nên gọi là Qui Y Tam Bảo.

1. Qui y Phật: Là trở về với Đức Phật, không theo các Thượng đế tà sư, không theo ma qui thiên thần, chỉ nương tựa theo y cứ Đức Phật mà sống, noi theo gương mẫu Phật mà làm.

2. Qui y Pháp: Là trở về với Pháp Phật dạy, không theo các ngoại đạo tà giáo, y cứ nương tựa theo những lời Phật dạy, từ lời nói, ý nghĩ cho đến việc làm, nhất nhất đều theo đúng như Pháp Phật.

3. Qui y Tăng: Là trở về với Tăng bảo, là đoàn thể Tăng Già xuất gia tu hành, không theo các bạn bè độc ác có hại. Noi theo gương mẫu của các vị xuất gia hoặc theo lời chỉ bảo của các vị xuất gia.

• Lễ Qui Y

Lễ qui y là phát nguyện trước Phật-Pháp-Tăng, xin nguyện trọn đời theo Phật-Pháp-Tăng, thề quyết không theo các Thượng đế tà sư, thiên thần, qui vật, ngoại đạo, tà giáo, bạn bè độc ác - Một vị xuất gia chứng minh cho lời phát nguyện này và đặt cho một Pháp danh -Vị chứng minh này sẽ thành vị Bổn Sư của người phát nguyện làm lễ qui y và sau khi lễ qui y rồi, mới chánh thức được gọi là Phật Tử.

Nói tóm lại, qui y Phật-Pháp-Tăng là một phát nguyện rất quan trọng, định đoạt và cải tạo hẳn đời sống và tâm linh của mình - Vì từ sau giờ phút làm lễ qui y xong, là mình đang bước trên con đường mới mẻ, luôn luôn được Phật-Pháp-Tăng soi sáng, chỉ đường và che chở.

* Tham khảo Phật Pháp - Viện Phật Học Quốc Tế - (Chứng trình của Gia Đình Phật Tử)

TÔI ĐỌC SÁCH CỦA THẦY

"... *Lạy Phật cho con được tròn ước nguyện là sống phải làm xong bốn phận, sau này có ra đi chẳng ân hận một điều gì...*"

(Thượng Tọa Thích Như Điển)

Osscar Wilde, có nói một câu đầy ý nghĩa: "Cái khác nhau giữa thánh nhân và vị chân tu đối với người đời là bậc thánh hay vị chân tu có cả một quả khứ còn kè thế nhân chỉ có vị lai mà thôi".

Chiếm giữ toàn bộ công trình đồ sộ của Thượng Tọa Thích Như Điển, từ việc xây dựng Phật Đài, Phật Đường vĩ đại là Chùa Viên Giác ở Đức đến sự nghiệp văn học, văn hóa mà Người cống hiến cho Đạo, cho Đời, chúng tôi mỗi thấy danh ngôn của nhà văn hào Anh Quốc nói trên quả thực là chí lý. Chúng tôi cũng xin nói thêm là tuổi đời của Thầy còn trẻ, mà quả khứ phong phú công nghiệp lỗi lạc của Thầy làm rạng danh cho Đạo, cho Dân tộc Việt vô cùng! Viết làm sao, nói làm sao cho đủ trong mấy trang ngắn ngủi để lồng vào đó công trình cụ thể đặc sắc, vô giá Thầy đóng góp cho Phật đạo, cho tâm học, cho văn hóa, và văn học Việt...

Là con người làm văn hóa, chúng tôi vui sướng được dành một tiểu luận dài, một luận án dày công nghiên cứu để nói về Người, một vị chân tu trí thức bao trùm một nhà tư tưởng, nhà văn hóa Việt Nam, nhà văn hóa Phật Giáo, một vị đạo sĩ, một nhà tâm học, một nhà lẫm mận tôn giáo (khác với ý niệm nhà tôn giáo lẫm mận) - còn gì nữa mà tôi chưa thêm đủ? - trên tất cả các nhà ấy, bằng bạc một tâm hồn văn nhân nghệ sĩ cao nhã, phóng đạt mà tuổi đời - xin lặp lại - chưa đến 50.

Người không bao giờ phô trương sự thành công của mình trên mọi lĩnh vực. Người tìm hiểu, truy nguyên sự thành đạt ấy ở nguồn gốc tâm linh, siêu hình, huyền diệu. Rất khiêm nhường, Thầy luôn luôn lặp lại trong các tác phẩm của mình:

"... *Cho tới bây giờ tôi luôn khẳng định với mọi người rằng: Tôi là một người nông dân, không hơn không kém: mọi sự thành đạt của tôi đều do Phật lực hỗ trợ, đưa đẩy mà thành. Vì thế nên chữ "phép Phật nhiệm màu" quý độc giá sẽ được nghe và thấy nhiều lần trong sách..."* (Chùa Viên Giác - Trang 15).

Khi Tân Viên Giác Tự hoàn thành, Ngài đã có lời chí thành ngỏ cùng độc giả:

"... *Công đức này có được, tôi xin cảm ơn tất cả quý Đạo Hữu, Phật Tử xa gần trong cũng như ngoài nước Đức, Phật Tử cũng như không Phật Tử, người Việt cũng như người Đức đã đóng góp công cũng như của để có được một ngôi chùa trị giá 9.000.000 Đức Mã tương đương với 5 triệu rưỡi Mỹ Kim, là một trong những chùa lớn nhất tại hải ngoại ngày nay, có một kiến trúc tân kỳ và có khả năng dung chứa nhiều ngàn người đã trở thành tài sản cũng như trụ sở của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu mà chúng tôi đại diện cho Tăng cũng như tín đồ Việt Nam tại Đức hiến dâng trong Lễ Khánh Thành năm 1991 và Lễ Hoàn Nguyên năm 1993 vừa qua.*

Bởi vì cảm nhận được rằng tất cả những gì trên thế gian này đều không thể thoát ra ngoài 4 nguyên lý chính là vô thường, khổ, không

và vô ngã theo giáo lý của nhà Phật, nên tôi đã làm một bốn phận, như bao bốn phận khác trong cuộc đời. Xin hiểu đơn giản thế thôi và phải nhìn cuộc đời bằng cặp mắt: như thị, như thị.

Ai sanh ra trong cuộc đời này cũng đã chẳng mang theo được một vật gì, thì khi chết đi cũng chẳng đem theo được gì cả, mặc dầu trên suốt lộ trình sanh tử ấy chúng ta đã gây ra không biết bao nhiêu phúc, đồng thời chúng ta cũng tạo ra không biết bao nhiêu tội, nên tài sản, của cải, danh vọng, địa vị cũng chỉ là ánh lửa, bóng trăng vậy thôi. Chỉ có nghiệp lực là quan trọng nhất, ta không muốn mang theo, nó cũng sẽ lặn tuy suốt cả dòng thời gian phục vụ cho chính mình. Điểm then chốt là ở đó. Hiểu và phải thực hành chơn lý này, nên ngay cả bây giờ tôi cảm thấy tự tại ung dung trong cuộc sống hằng ngày...

(Chùa Viên Giác)

Sống, là hoạt động, là sáng tạo, là viết, là du hành, du thuyết, là truyền giáo... Tất cả cho Đạo, cho Đời. Tất cả vì Đời, vì Đạo. Và Người đã làm tất cả với hết sức khả năng, trí tuệ, tâm linh của mình... Người hiến dâng thể lực, trí lực, tâm lực cho lý tưởng cao quý tốt với là Phật đạo mà mình hằng ước nguyện và tâm niệm rằng chí hướng nghìn đời tốt đẹp ấy nhất quyết là lẽ sống của suốt cuộc đời mình để noi gương cho bao kẻ khác.

Tâm đã quyết, chí không sờn, nhờ đó mà huyền lực thuyết phục của Người dâng lên cao, làm cho tha nhân cảm phục Người, từ cảm phục đến quy về mối Đạo cùng Thầy. Người thường hay thuyết giảng về nghiệp lực và nhân quả. Những ý niệm quan yếu và căn bản của Phật Pháp mà trong mỗi tác phẩm của mình "nghiệp lực" ấy luôn luôn trở lại dưới ngòi bút của Thầy:

"*Lời Phật dạy vẫn là những điều vàng ngọc, quý báu vô giá cho mọi hoàn cảnh, cho mọi không gian và thời gian; nhưng mọi người đều mãi say mê với danh và lợi nên đã bị những tham ái ràng buộc...*

"... *Đời có gì đâu mà phải bận tâm để bị đời chi phối; nhưng mỗi người đều có một nghiệp lực khác nhau để phải trả nợ xưa, như con tấm vải kéo to để thành sợi, cho người dệt vải có đủ tư liệu để làm nên vài vóc cho con người.*

Trong cuộc đời này có được mấy người tự tìm về Phật tánh của mình mà quên đi những gì của trần thế? Hay cứ mãi bám víu với những gì giả tạo mà vẫn tưởng là chơn như? Thấy bóng nhưng tưởng là hình thật? Ôi đời là một cơn mộng ảo!...

Danh, lợi, tiền, tài, địa vị, công hầu khanh tướng rồi cũng trắng tay. Khi sinh ra cuộc đời này không mang được gì theo ngoại trừ hai bàn tay trắng và nghiệp lực của mình, thì cuối một cuộc đời cũng chỉ mang theo sự trắng tay thôi. Của trần thế xin trả về với trần thế. Người xa xưa xin trở lại với xa xưa, chỉ còn nghiệp lực nổi trôi tùy theo thiện ác mà mình đã vay trả trong nhiều đời để đi đầu thai vào nơi chốn khác...

Mỗi người sinh ra đời đều do nhân duyên, nghiệp lực mà thành, rồi cũng do nhân duyên nghiệp lực rồi đến, rồi đi, rồi còn, rồi mất. Vì vậy nên kết luận cho quyển sách này với hai chữ "Như Thị" như trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật mà Đức Phật đã dạy đầy thôi.

(Vũ Ân Một Người Tu)

Ta hãy nghe Người biện luận về nghị lực, ý chí để hoàn thành mọi công trình xây dựng ở đời, mình chúng là trên hành trình kiến thiết Chùa Viên Giác, Người đã gặp biết bao trở ngại do sự thiếu nhân duyên, nhất là những tiếng thị phi, chỉ trích của bao tha nhân kém ý thức mà Người vẫn không lùi bước:

"... *Thường khi còn sống tôi chỉ nghe thị phi ganh tị, đố kỵ nhau... và toàn là điều dở. Nếu người không có nghị lực sẽ bỏ cuộc ngay. Nhưng với tôi, có lẽ nhờ Phật độ, nên có sức chịu đựng được như vậy. Tôi vốn sinh ra trong đời không có đầy đủ nhân duyên như nhiều người khác. Tôi đi từ chốn bùn nhơ nước đọng của quê hương xứ Quảng nghèo khó, để có được ngày hôm nay là do ý chí cũng như nghị lực mà thành. Bảo huynh tôi cũng thế, Thượng Tọa Thích Bảo Lạc, hiện trụ trì Chùa Pháp Bảo tại Úc cũng vậy. Thầy Bảo Lạc đã đi tu gần 40 năm và tôi thì đúng 30 năm và thử thách nào Thầy cũng vượt qua, chông gai nào rồi cũng không chùn chân trước bước đi của Thầy ấy.*

Từ nghiệp lực, nhân quả... đến nghị lực, nhân duyên, thuận duyên, chướng duyên... Thầy luôn luôn giảng bàn thấu đáo trên cơ sở Phật Pháp huyền vi: ... *Một hôm Đức Phật phái Ngài Xá Lợi Phất đến làng*

kiến để hóa độ. Nhưng số người không theo rất đông. Ngài Xá Lợi Phất cũng chẳng hiểu nguyên nhân gì.

Hôm khác Đức Phật phái Ngài Phú Lâu Na đến đó thì tất cả đều quy y và thọ giáo với Ngài Phú Lâu Na.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật thưa hỏi tự sự.

Đức Phật bảo rằng:

- Chính ông là bậc trí tuệ hạng nhất của ta, nhưng vẫn không hàng phục được dân làng ấy, vì ông không có nhân duyên với họ. Còn Phú Lâu Na đây vào một thuở xa xưa kia làm người lái đò, nhân một trận lụt dữ dội, nước dâng cao, bầy kiến vô tổ, bị nước cuốn trôi. Người lái đò ấy động lòng thương nên vớt bầy kiến để vào chỗ khô ráo. Chính nhờ gây nhân phước đức ấy, mà nay Phú Lâu Na, tức người lái đò thuở xưa và bầy kiến tức là dân làng này, có thuận duyên với họ nên dễ độ, còn Xá Lợi Phất thì không.

Từ câu chuyện này chúng ta hiểu thêm một việc khác nữa, đó là nhân duyên. Đúng là như vậy, tùy duyên ở đâu thì Phật bố xứ đó. Có nhiều người có bằng cấp đồ đạt cao; nhưng vẫn không chính phục được mấy người tri thức, trong khi đó nhiều người không đồ đạt, chỉ có đức tu mà độ được vô số người. Mỗi chúng sanh có một sự cảm ứng chung hay riêng tùy theo nghiệp lực của từng người; nên thành công hay thất bại cũng từ đây mà ra, tuyệt đối không do trời định, mà do mình tự định lấy mình ở nhiều vô lượng kiếp về trước. Vậy thì làm việc gì cũng có sự chống đối là lẽ thường tình trong thế gian. Vì chúng sanh kia không có cùng một tia quang phổ cảm ứng như chính mình. Đứng bao giờ cầu thuận hết. Vì thuận hết để đi vào con đường nguy hiểm... (Chùa Viên Giác).

Rồi Người nói thêm về những khái niệm khó hiểu trong "triết lý hình thức" của Phật lý:

... Dĩ nhiên người tu không thoa sơn trét phấn vào người cho đẹp như người thế gian, mà phải trang bị bằng hướng giới, hướng định, hướng huệ, hướng giải thoát thì người khác sẽ nâng lui tới với mình... (Chùa Viên Giác).

Thượng Tọa Thích Như Điển là con người Hành Động. Ngài suy niệm về Hành để đi đến Thủc và phân tích danh sắc tức là tâm và vật đúng như Thập Nhị Nhân Duyên trong giáo lý cao siêu của nhà Phật... Mỗi xét qua thực tế cuộc sống sôi động của Thầy, tưởng có điều trái ngược với bản chất cố hữu và sinh hoạt đầy lời kinh tiếng kệ của một thiền sư, cốt phải hướng nội, trầm mặc tập trung tâm ý cao độ để tâm linh hòa nhập với tinh hoa của Ánh Đạo Vàng.

... Hôn ai hết, Ngài nhận thức Bát Chánh Đạo một cách tinh vi và tuyệt đối, dẫn đến sự hiểu biết chân chính, sáng suốt, hợp lý, tưởng tượng về Tứ Diệu Đế (Chánh Kiến). Rồi từ đó đến chánh tu duy, chánh tinh tấn và chánh niệm để sắp đặt con đường giải thoát trong tương lai cho bản thân mình và cho tha nhân vui dập, ngụp lặn trong khổ đế, tập đế, lại còn mê muội, khát khao dục vọng bao trùm bởi màn vô minh u tối, tội lỗi. Cho nên tiến trình tu tưởng ở Ngài là Tứ Duy đúng với chánh niệm rồi hoạch định chương trình tiến đến hành động. Trong tâm thức của Thầy hành động tức là phải hoàn thành. Tôi nhớ đến lời của một triết gia hiện sinh lỗi lạc người Đức, Martin Heidegger: "Tinh thể của hành động là hoàn thành (l'essence de l'agir, c'est l'accomplir) (Lettre sur l'humanisme)"; Bây giờ, ngôi Chùa Viên Giác đồ sộ trang nghiêm chiếm lĩnh cả một vùng trời trên thành phố Hannover trở thành hiện thực; đó là một minh chứng của tu tưởng nói trên. Từ lúc thai nghén công trình bằng một kỳ vọng mộng tưởng - tôi toan nói với một ảo vọng mơ hồ - đến khi bắt tay vào thực hiện phương án xây dựng do Kiến Trúc Sư Trần Phong Lưu dự thảo, Thầy hoàn toàn thiếu các điều kiện, không tiền, không thế lực, thiếu sự hỗ trợ cho vừa tầm vóc ngôi chùa dự cất thế mà với bao nhiêu ý chí, nghiệp lực Thầy đổ dồn vào và có thêm được sự hậu thuẫn vô hình, hiển thánh của Chư Phật, Thầy đã hoàn thành một kiến trúc vĩ đại (cái tử này không ngoa chút nào đối với một thiền sư ngoại quốc tuyệt nhiên không có một phương tiện nào để xây chùa trên xứ lạ quê người mà tất cả đồng hướng cũng đều trong cảnh ngộ khó khăn ần nhờ ở đậu thiếu thốn nơi đất khách). Kiến trúc ấy được xem như một thắng cảnh độc đáo hết sức mỹ lệ về văn hóa Việt và văn hóa Phật Giáo có một không hai trên thế giới ai ai cũng nức lòng ca ngợi. Ngôi chùa trở nên chốn thiền môn cao sang, trang trọng cho Chư Tôn, Phật Tử bốn phương qui tụ dưới ánh Phật đài mỗi khi có đại lễ hay

đến mùa An Cư Kiết Hạ trong tâm thức của nhà sư năng động vì Đạo vì Đời của chúng ta "Hễ hành động là phải hoàn thành với bất cứ giá nào". Thượng Tọa cũng đã thú nhận: "Thực là một công trình đội đá xây trời, một mình mình biết, một mình mình hay". Thượng Tọa lại vận dụng kỹ ức mình mẫn tưởng thuật từng biến cố, sự tình trong việc xây cất khổ cực ngôi chùa làm thành một tác phẩm "Chùa Viên Giác" đầy hình ảnh đẹp đẽ (dày 500 trang) tạo nên văn khố về sử liệu của ngôi chùa cho đủ luận tra cứu.

Đến ngày long trọng Khánh Thành, có đồng đủ các vị, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật Tử khắp năm châu bốn bể đổ dồn về dành lễ với sự tham dự của các cấp chính quyền địa phương liên bang và quốc gia Đức cùng các quan sát viên, phóng viên nhà báo ngoại quốc...

"Vào dịp lễ Thượng Lương, vị Tiến sĩ, Kỹ sư cố vấn Đức đã tâm sự: "Không ngờ kiến trúc cổ truyền Việt Nam, lại đã thể hiện từ xưa những đường nét tân kỳ của nền kiến trúc hậu hiện đại (Post/Modern) rất gần với quan niệm thường ngoạn của Tây Phương ngày nay và rất hài hòa với bao cảnh (environment) nước Đức. Thành phố Hannover hân diện với Trung Tâm Phật Giáo này". Và vào dịp lễ Khánh Thành, ông đã kết thúc bài phát biểu: "Hợp đúng với đề tài "Con Người, Thiên Nhiên và Kỹ Thuật" của Hội Chợ Thế Giới năm 2000, ngôi Chùa Viên Giác chẳng những là quê hương tinh thần của người Việt Nam sống tại Đức và ở Âu Châu mà còn là Trung Tâm trao đổi tâm linh của mọi người thuộc mọi Chủng Tộc và Tôn Giáo".

Tâm không có lời tôn vinh nào tột với hơn nữa!

Nhưng trên tiến trình xây cất, không phải Thầy không gặp nhiều chướng duyên, trở lực thử thách, ý chí, nghị lực, can trường của mình. Nào: Thầy xây chùa làm gì? Ngày xưa Đức Phật đâu có cần chùa? Ngài ngồi dưới gốc cây rồi cũng thành Phật! Nào: Thầy củ đem rao ông Phật ra xin tiền hoài hoài. Chùa chùa xây thì nhiều người hỏi bắt đầu xây chùa? - bây giờ chùa đã bắt đầu xây rồi thì nhiều người hỏi: "Chùa xây bao giờ xong?" - Hỏi sao cũng để cả. Chỉ thực hành là khó thôi. Ôi miệng đời đời nói!

Tôi nhớ lại lúc tôi sang Mỹ đi thăm vài bà con ngoạn đạo vùng Fulleaton (Cali) cũng có nhà sư đang cất một Niệm Phật Đường to lớn. Một bà cũng than phiền: "Thầy củ cắm 5, 3 cây cột bê tông chọc lên trời, rồi Thầy để đó ngày này sang tháng nọ Thầy đi quyền tiền bá tánh". Bà đâu có hiểu các nhà sư đang suy nghĩ nát óc để tìm ra số tiền còn lại hoàn thành công cuộc dở dang của mình! Vẫn theo lời Thượng Tọa Thích Như Điển thì cách một năm sau, khi Chùa Viên Giác đã xây đến nóc thì chính ông cụ đã phản đối Thầy năm trước đến hạ lời xin lỗi:

- Thưa Thầy, tôi già rồi lắm cảm nói đầu quên đó, mong Thầy thứ lỗi cho...

Và đúng như Thầy đã nhiều lần lặp lại trong các tác phẩm của mình; Thầy luôn khẳng định với mọi người: Thầy là người nông dân, không hơn không kém, mọi sự thành đạt của Thầy đều do Phật lực hỗ trợ mà thành (Chùa Viên Giác - Trang 15).

Ồ trên, chúng tôi có nói đến Thượng Tọa là nhà lãng mạn tôn giáo. Đúng vậy trong tiềm thức và tâm linh Ngài, luôn luôn hiện diện cái say đắm tột với của tính nghệ sĩ hưởng thưởng của nhà đạo sĩ. Tràn đầy một óc tưởng tượng, vẽ ra những vùng trời siêu thoát của nền Đạo học cao minh, của Phật Pháp huyền linh, Người ao ước sống và đạt đến tột cùng Chân, Thiện, Mỹ, thỏa mãn tính chất mơ ước siêu phàm thiêng liêng của mình và ở một vị thiền sư như Ngài, đó là lãng mạn tôn giáo, nếu xét theo tâm lý học kết hợp với văn học...

Cái tử lãng mạn tôn giáo được nêu lên với tất cả ý nghĩa cao quí, trang nhã của nó.

Tôi lại nhớ đến lời một triết gia hiện sinh Pháp: "Mọi sự hoàn thành mới chỉ là bắt đầu...". Và tôi liên tưởng đến tâm chí, nguyện ước của Thầy được củng cố trên một căn bản "đam mê" đạo học liên tục và trường kỳ. Cho nên trong sự nghiệp của Thầy nào xây cất Phật Đường, nào sáng tác văn học, văn hóa, ta không hề thấy có sự chung cuộc, có sự hoàn thành nào mà đó chỉ là sự bắt đầu của một sự khởi hành khác mà thôi. Trong sách vở của Người, trong ngôn từ của Người, trong công nghiệp của Người, không có bóng dáng của hoàng hôn, mà chỉ có bình minh và đúng ngọc của hành động, của tâm lực, của tâm linh sùng đạo tột với.

"Tôi làm việc nhiều lúc quá hăng say, quên đi giờ giấc, ngày tháng, như một đầu máy xe còn tốt kéo phăng đi những toa xe phía sau một cách mạnh khỏe, chẳng để ý rằng có nhiều toa xe hư nát cũ mục vì thời gian. Tôi nghĩ rằng ai cũng mạnh như mình, nên chẳng để ý đến ai cả. Một người nào đó bệnh là tôi có ý lo lắng, nhưng báo bao giờ cũng phải gắng sức lên để học tập và làm việc..." (Chùa Viên Giác - Trang 332).

Rồi đây, chúng ta sẽ không lấy làm lạ, nếu ở trên đất Đức lại có thêm một Viên Giác Tự thứ 2, thứ 3 nữa, hoặc một ngôi Chùa cũ Viên Giác tân trang và khoáng đại hơn bao giờ hết, nếu có như thế thì đó là điều tự nhiên vì cũng do trí lực và tinh đam mê sáng tạo của Thầy mà thành tựu!

Albert Camus, văn hào Pháp có nói một lời độc đáo: "Tôi biết rằng con người có thể làm được những hành động phi thường, nhưng nếu họ không có được một tình cảm say đắm cao quý tốt với thúc giục thì họ không làm cho tôi chú ý đến họ nữa. Điều làm cho tôi quan tâm, đó chính là người ta có thể chết và sống vì những gì mà người ta yêu thích".

(Je sais que l'homme est capable de grandes actions, mais s'il n'est pas capable d'un grand sentiment, il ne m'intéresse plus... Ce qui m'intéresse, c'est qu'on vive et qu'on meure de ce qu'on aime (A. Camus).

Hơn 20 năm sống cuộc đời ly hương trên đất Nhật rồi đến Đức, bằng mọi phương thức, Người nhất quyết thể hiện tâm ý Đạo học của mình hằng tôn thờ, xem như ngôi sao Bắc Đẩu giúp người tu hành đắc đạo thoát vòng luân hồi phiền lụy của kiếp nhân sinh bèo bọt... Tất cả biến cố, sự kiện hiện hữu được ghi lại trong gần 20 tác phẩm đủ mọi loại, mọi văn thể, một số được dịch ra Nhật ngữ và Đức ngữ = nào về giáo dục - truyền giáo - nào về lịch sử Phật Giáo - nào bút ký - hồi ký - tiểu luận - nào về văn hóa Việt Nam - nào phóng sự du ký - nào tiểu thuyết v.v... Tác phẩm nào cũng biểu lộ vấn phong đặc biệt của một nhà tu hành - ý tinh siêu thoát thâm sâu lung linh ánh đạo - lời lời lưu loát trôi chảy, dễ dàng như nguồn suối tràn đầy đạo vị viên mãn láng láng mát rượi đang rót xuống trần giới...

Thượng Tọa là một nhà học giả, nhà văn hóa lớn (người thông thạo có đến 5 ngoại ngữ = Hán, Pháp, Anh, Nhật, Đức ...) với đầy đủ ý nghĩa của từ, dù trong các sách rất khiêm cung người tự xem mình chỉ là một tăng sĩ xuất thân từ hoa đồng cỏ nội, miền thôn quê xứ Quảng, ra đi học đạo từ thuở bé và không bao giờ có cơ hội trau luyện văn từ, bút pháp...

Là người làm văn học, chúng tôi xin nhiệt liệt ngưỡng mộ văn nghiệp của Người mà giá trị văn chương nghệ thuật đặc sắc gây một tác dụng truyền cảm to lớn đến nhân thế.

Đoạn văn sau đây ý tình hàm súc có thể được xem như cô đọng cả một quan niệm sáng tác một bản tuyên ngôn ngắn gọn của Thầy tuy rất giản đơn nhưng khó có ai thực hiện được: "... Ở đời đâu có gì tồn tại mãi mãi, con người, sự vật, còn đó rồi mất đó, trẻ đó rồi già đó, sung sướng đó rồi khổ đau cũng đó. Thánh thiện đó rồi tục lụy cũng đó... ai biết được, ai hiểu được và ai hành được, mới là việc đáng nói ở đời sau. Nếu chi biết mà không hành, đối với tha nhân và vạn hữu cũng chẳng có giá trị gì.

Cũng chính vì những lý do nêu trên nên tôi đã cố gắng viết, viết để lại cho đời, viết cho mình thổ lộ được hết tâm tư của mình nơi giấy trắng mực đen và viết cho đời sau biết rằng người đi trước đã làm được những gì..., vì vậy cho nên viết rất cần thiết..." (Vụ Ân Mộ Người Tu)

Cũng nằm trong quan niệm sáng tác nói trên, Thầy kết thúc tác phẩm của mình với một lời chúc lành thiện tâm và một lời mời gọi khoan dung vô cùng khiêm tốn, đúng là cách kết thúc của một nhà văn chốn thiền lâm đạo hạnh...

"Nếu trong tác phẩm này có nơi nào đó làm phiền lòng quý độc giả cũng mong quý vị lượng tình hy thủ cho, mà người viết chỉ có một tâm nguyện duy nhất là: làm sao lợi cho mình, lợi người, chính là con đường Bồ Tát đạo vậy..." (Giữa Chốn Cung Vàng).

Trong 19 tác phẩm của Người, tạo nên một văn nghiệp đồ sộ, tôi may mắn có một số trước mắt và tôi đã nghiên cứu với nhân quan của một nhà phê bình vô tư của văn học giới:

Trước hết là tác phẩm trường thiên chính yếu: "Chùa Viên Giác" với bố cục phân minh, tâm tình chân thật, lời hay, ý đẹp, nghĩa đạo lai láng. Nội dung phong phú đã thăng hoa để kết tinh nghiệp lực, chứng minh thành quả của Người lưu danh hậu thế với sự tạo tác một thắng cảnh rất Việt Nam, hiến dâng cho Đức Phật và cho văn hóa của quê hương ngàn đời nơi xứ lạ, chủ đầy cách xa vạn vật trùng đường. Thầy còn là nhà văn với tất cả ý nghĩa trọn vẹn và đúng đắn của từ cuốn *Tinh Đồi Nghĩa Đạo*, xuất bản năm 1984 đã báo hiệu sự xuất hiện một nhà văn Phật đặc sắc mà từ tiềm thức dậy nguồn cảm hứng, thi hứng thâm sâu, đẹp đẽ với bối cảnh thiên môn tràn đầy thi vị đến những quang cảnh lãng đãng phiêu bồng miền thôn dã, có ánh trăng lung linh, có chuông chùa thánh thót, với những con người nhập Đạo mà cuộc nội chiến trong tâm trường giữa Đời và Đạo có khi diễn ra luôn luôn gắt gao hiện hữu vô thường. (Như Hạnh Đức, Hạnh Tâm, các nhân vật trong tiểu thuyết ấy).

"... Kỳ niệm nào rồi cũng lùi về dĩ vãng, và thời gian nào rồi cũng để bỏ mình lại sau lưng để tiến thêm lên một giai đoạn khác. Ngọc cũng thế tuổi ấu thơ với đầy hoa và mộng của đời chàng đã ra đi, và nhường lại cho chàng một cuộc đời thanh niên với nhiều hứa hẹn trong sự học hành nơi xứ lạ.

Chàng đã thật sự xa thành phố mang nhiều kỳ niệm ấy, xa luôn cả học đường, với tình yêu và tình thương của gia đình cũng như của bé bạn. Chàng đã đến đây để xây dựng một tương lai mà tương lai ấy của chàng có liên hệ mật thiết với ngôi Chùa Đại Giác và sự phụ trợ tri trong những năm tháng chàng có mặt tại xứ người..." (Trích "Tinh Đồi Nghĩa Đạo" - Thượng Tọa Thích Như Điển - Trang 14-15).

Phải chăng đây là điều viên mãn và tiên tri tiên giác của cậu học sinh Lê Cường thuở trước thành danh Thượng Tọa Thích Như Điển sau này?

... Để rồi "ngày qua rồi lại ngày qua..."

"Tiếng chuông công phu chiều đã điểm hồi liên tục. Ngọc cáo tử sự phụ ra về. Trên đường về, lòng chàng rộn lên một niềm vui khó tả, vui không phải vì hồn thiêng khiến chàng ngây ngất mà chính cảnh Thiền Môn đã ban cho chàng tâm hồn lâng lâng thanh thoát nhẹ nhàng...

... Thời gian chờ đợi kéo dài hàng mười mấy năm, nhưng bóng dáng Thầy, chưa lần nào thấy hiện về... Có lẽ sau khi làm xong một đại nghiệp, định lập Chùa Đại Giác tiếp tăng độ chúng đã xong, Người đã ra đi vĩnh viễn...

... Người quá vãng còn lưu lại cho hậu thế một tấm gương sáng mà trong suốt cuộc đời hành đạo chính sự phụ đã hy sinh cho tha nhân hầu làm tròn hạnh nguyện người xuất trần thượng sĩ.

Hình bóng xưa của sự phụ vẫn còn ngự trị trong lòng hai người đệ tử thân thương ấy và như vẫn còn hiển hiện đâu đây... Tiếng chuông Chùa Đại Giác vẫn thông thả ngân nga sớm chiều hai buổi như để đưa khách trần theo mùi Thiền quên mùi tục lụy...

Giàn hoa thiên lý bên cổng Tam Quan, hoa hồng, hoa cúc... vẫn đua nhau khoe sắc thắm tươi khắp vườn chùa, nhưng bóng hình của sự phụ giờ đây không còn nữa để chứng kiến những thành quả tốt đẹp của hai người đệ tử thân yêu lúc hạ sơn hành đạo... (Tinh Đồi Nghĩa Đạo - Thượng Tọa Thích Như Điển - Trang 176-177)

Nhạc điệu lời văn thanh thoát, nhịp nhàng làm cho lời khuyên sau đây của một nhà văn Pháp vô cùng hữu lý: "Mẫu văn xuôi nào cũng phải là một bài thơ không có dấu chấm qua hàng" (J. Renard)

Trích các mẫu văn trên từ tác phẩm của vị Cao tăng Thích Như Điển, tôi muốn xem như đó là một bản văn tự truyện rút gọn của nhà sư và chính trong tác phẩm *Tinh Đồi Nghĩa Đạo*, thể nhân mới ý thức rõ nhân duyên nào, nghiệp lực nào hướng dẫn Người dứt bỏ Đời để bước vào Đạo Pháp. Ở đây cô đọng cả một cơ sở triết lý sâu xa nhiệm màu hiện đường thuyết Tam Thế Nhân Quả của nhà Phật vậy.

"Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thọ giá thị

Dục tri lai thế quả, kim sinh tác giá thị"

(Muốn biết nguyên nhân đời trước, thì cứ xem cuộc đời hiện giờ. Muốn biết quả đời sau, cứ xem việc làm đời này thì biết)

Nếu quả nhiên là đúng lời dạy trên rút ra từ sách Truyền Đăng Lục của Phật thủ lưu lại hậu thế thì ai ai cũng phải công nhận rằng hiện hữu cái nhân quả ấy và còn trong hiện tại là tất cả sự nghiệp mà Thầy cống hiến cho Đạo để giác tha nhân thế đó vậy.

"Người tu không cầu tài, không cầu danh mà cốt chỉ cầu giải thoát mà thôi" (Chùa Viên Giác - Trang 213)

Từ cuốn *Tinh Đồi Nghĩa Đạo*, tôi còn thêm được trích nhiều hơn nữa vì văn chương lưu loát, nghệ thuật trau luyện, niềm Đạo học, tâm học ở tác giả lắng đọng thâm sâu tốt vời, thêm nữa, cảm hứng của một nhà làng mạn tôn giáo lai láng có đủ sức cảm hóa người đời...

"Sứ phụ nhật cảnh hoa thiên lý lên cao nhúng vào ly nước trong, rồi rây lên đầu chàng như làm phép gạt sạch bụi trần ai, Ngọc sung sướng cảm động và đánh lễ sứ phụ 3 lạy. Sứ phụ trao cho chàng một chiếc áo nhật bình màu nâu và dặn dò:

- Kể từ đây con sẽ là hạt nhân của dòng Thích tử, con hãy cố gắng để trọn đường tu và chiếc áo này mang màu giải thoát, con hãy mặc vào để làm trọn hạnh nguyện của một người Tăng sĩ"

Ngọc nhớ lại: Sứ phụ đưa sắt con dao vào mái tóc trên đầu chàng để gạt một nhấc đầu tiên rồi dạy..., rồi cạo nhấc thứ hai, vừa bảo... Đến dao thứ ba, sứ phụ lại bảo...

Tóc trên đầu Ngọc rơi xối xả xuống trước mặt Ngọc như cối bỏ được ít nhiều tục lụy..." (Tinh Đồi Nghĩa Đạo).

Buổi lễ thế phát diễn ra ồn ào thành kính trang nghiêm thực thấm thía làm sao trong cảnh đạo trường! Trong nhiều tác phẩm, vị thiền sư của chúng ta quả có một tâm hồn văn nhân thi sĩ hiếm có; cảnh xử lạ quê người làm Người bụi ngùi nhỏ đến cảnh sắc quê hương, miền thôn dã, nơi có những bà con thân thuộc chí tình của mình còn ở lại đó. Thiên nhiên hữu tình xứ Quảng luôn luôn trở lại dưới ngòi bút của Người với cảm hứng say đắm diễn tả bằng lời văn tràn đầy lưu luyến suốt các nẻo đường thế giới mà Người đã đi qua:

"... Tất cả chúng tôi đều sinh ra từ chốn quê mùa cho nên chúng tôi thường yêu những người nông dân chất phác, mộc mạc tay lấm chân bùn như chính thân mình. Chính tôi cũng đã lo cho trâu cho bò ăn mỗi ngày khi đi học về, vì vậy những con bò con trâu nơi đây cũng là hình ảnh gợi lại nơi tôi những gì thân yêu quen thuộc nhất. Dầu cho thời gian có trôi qua, không gian có thay đổi, tôi vẫn là hiện thân của chủ bé cuối trâu, chằm nón thò nào của quê hương xứ Quảng. Dầu tôi có ở chùa to Phật lớn tôi vẫn không bao giờ quên mình là một chủ đê giữ gìn đôn của chốn Tổ Đình..."

... Trên đường đi gặp toàn là cây trái của quê hương mình. Nào xoài, nào ổi, nào mít, nào mận cầu tu, trái đu đủ, chuối đủ loại cũng như những trái thơm ngọt ngào mát lịm đã làm cho chuyến hành hương càng thêm ý nghĩa. Có những cây mít có hàng trăm trái tôi đã chụp hình, có những đám ruộng có trâu đang ăn cỏ cùng vài con cò nhón nhỏ tìm lúa rụng sau mùa gặt, tôi cũng đã cố làm sao chụp hình cho được để nhớ lại một thời cách đây ba bốn chục năm trước tôi cũng là một chủ bé nhà quê, rất quen thuộc với những cảnh ruộng đồng này. Tôi đứng trong ruộng lúa, thơm mùi lúa chín, vào buổi chiều thả bộ ra cánh đồng bên cạnh Tu Viện (ở Tích Lan - lời người viết) để xem những con trâu, con bò gặm cỏ nhón nhỏ. Xem những đàn cò trắng tung bay lượn trong bầu trời. Những chú vịt con vô tú lự rìa rây trong vũng nước bùn như vui thú với cỏ cây đồng nội. Tôi bắt một nắm lá cây bụi ngọt để nhớ về người mẹ hiền của quê hương đã ra đi từ năm 66. Người đã cố công chăm lo phần vật chất và tinh thần cho tôi khi còn ở tuổi trẻ ấu niên.

Thỉnh thoảng tôi ghé vào lối xóm chụp hình một vài luống rau hay bụi sắn để nhớ về người cha thân yêu đã ra đi vĩnh viễn vào năm 86 với tuổi thọ 89 năm trường. Ngày xưa song thân tôi còn tại thế vẫn thường hay ăn rau hút thuốc, vì vậy khi gặp những hình ảnh này kỷ niệm cũ lại hiện ra. Vườn nhà tôi cũng có trồng mấy nọc rau xanh biếc, thêm mấy cây cau đậm nụ trở buồng thật xinh xắn; nhưng chiến tranh đã tàn phá hết rồi. Năm 69 và 71 tôi có về lại quê hương; nhưng những hàng giàn bầu xưa, cây cau cũ không còn nữa. Quả là thế sự đã đổi thay.

Nghe tiếng trâu kêu tôi nhớ đến các anh chị rất nhiều; những người đã chăm nghề cày sâu cuốc bẫm để lo lắng cho các em mình, để rồi ngày nào đó cả hai người đều đi xuất gia đầu Phật, ngõ ngấn tiễn đưa em mình trong những giọt nước mắt nghẹn ngào. Bà chị cả tôi năm nay gần 70 tuổi vẫn còn ở lại quê hương xứ Quảng nghèo nàn. Tôi nhớ một dạo nọ, tôi đã đi tu rồi, về thăm nhà, ghé thăm chị. Chị sống lao tần với ngọn bí dọt rau. Chị đã âm thầm lấy cho mấy chục đồng bạc thật. Mời để cho cậu em tu phố Hội trở về. Chừng ấy tiền chắc chị phải bán ít nhất là vài chục gánh rau mướt mới có được...

... Đứng dưới những cội Bồ Đề sum suê cành lá, tôi nhớ về cây đa chợ Đình và cây đa Miếu Cây Kén ngày cũ. Chính những nơi này tôi đã có hàng ngàn lần qua lại mỗi khi theo mẹ đi chợ hay đi học ở trường làng...

Tôi cũng có thể cây bừa được, nhưng những nông dân ở đây (trên cánh đồng phía sau một Tu Viện ở Tích Lan) chỉ mỉm cười khi tôi ra dấu muốn làm việc ấy. Tất cả rồi cũng trôi qua đi, với tôi chỉ còn lại một tấm lòng cho Quê Hương, Dân Tộc và Đạo Pháp..." (Giữa Chốn Cung Vàng - trang 148-149)

Ai đã từng sống nơi thôn dã thời niên thiếu ở miền quê nước Việt mới cảm thông đậm đà với những hoài niệm triu mến khó quên mà tác giả đã diễn tả qua đoạn văn rất đẹp nói trên...

Từ mỗi tình yêu thiên nhiên say đắm - một yếu tố căn bản của trường phái văn học làng mạn! - Thiền sư của chúng ta trực cảm bằng một hưởng nội vô thức đến tình thường nhờ Quê Hương, Đất Nước đạt dào, đến tình yêu Đạo Pháp thiêng liêng là cả một tiến trình tình cảm liên hoàn khép kín. Về tâm lý học, đó là những sự kiện đặc biệt, vô hình ẩn náu sôi động trong quả tim và trí óc của một nhà đạo học thiên phú kết thành một chuỗi kim cương tâm linh huyền diệu sáng chói dưới bóng Phật.

Rồi trong một tác phẩm khác Thầy viết:

"... Cầu nguyện cho đất nước thật sự an bình, người người đều được an lạc để mang lại niềm tin và sự sống cho nhau và mong một ngày không xa sẽ trở về lại đất mẹ thân yêu để thăm lỵ tre xanh và con đường mòn dẫn về chốn cũ". (Vụ Ân Mộ Người Tu)

Thật là những ngôn từ bình dị mà thấm thía của con tim đi thẳng vào lòng người chứ không phải lý luận của trí tuệ trang nghiêm long trọng.

Thầy nói đến tấm lòng cho Quê Hương, Dân Tộc, Đạo Pháp và cầu mong trở về trong hòa bình, an lạc với niềm tin và sự sống... chỉ có thế. Ở nơi Thầy, tất cả các ý niệm đạo lý ấy sung mãn tuy đơn giản - ta hãy đọc ý nghĩa giữa 2 dòng chữ - là do sự nuôi dưỡng trường kỳ một mối tình yêu nước vững bền, sắt đá chống bạo lực, cuồng tín của bọn người phi nghĩa, vô đạo mà vốn là một nhà tu hiền đức, Thầy không muốn mình giải thêm bằng những danh từ cuồng điệu đầy cuồng khí, trực diện, có màu sắc đấu tranh. Tâm thức hiện hữu của Người làm cho tôi liên tưởng đến những gì mà bà Jetsum Puma, người Cử sĩ phụ nữ Tây Tạng, em ruột của Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trình bày mới đây trong Tạp chí Paris Match, Paris, với nhà báo của Tạp chí này ngày 18.4.96.

- Nhà báo Paris Match: Thừa Bà, cái tai họa của dân Tây Tạng (ý nói: bị Trung Cộng xâm chiếm) phải chăng là một điều may mắn vô cùng để thế giới biết rõ hơn về dân tộc Bà và nhất là tìm hiểu về Đạo Phật một cách tường tận hơn nữa?

- Bà Jetsum Puma: Các người Tây Tạng chắc hẳn phải vô cùng biết ơn tất cả thế giới đã nồng nhiệt tiếp đón họ. Nhưng theo tôi nghĩ, sự mất mát to lớn nhất đối với một con người là nỗi đau xót của họ phải mất quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của họ mà phải lìa bỏ. Chúng tôi cuối cùng rồi phải cảm nhận rằng đó là do nghiệp báo tập thể bất thiện của dân tộc Tây Tạng trước kia dẫn họ đến hậu quả bị đất là ngày nay họ bị đuổi ra khỏi Đất Nước mình. Do đó, bây giờ chúng tôi phải suy nghiệm cẩn thận trước khi hành động để tạo nên một nghiệp lực tập thể toàn thiện hồng sau này có thể trở về sinh sống trên quê hương yêu quý của mình.

- Nhà báo: Và chừng đó, những người Tây Tạng sẽ là dân tộc đầu tiên trong lịch sử thế giới thành công trong cuộc đấu tranh trở về Tổ Quốc họ mà không cần đến sử dụng vũ khí, có phải thế không, thừa Bà? Còn những danh từ như chính trị, ly khai, ý thức hệ có ý nghĩa ra sao đối với những người Tây Tạng lương hay giáo?

- Bà Jetsum Puma: Lý do chính, chúng tôi không còn được ở trên Đất Nước chúng tôi là một lý do chính trị. Nhưng mỗi người Tây Tạng chúng tôi phải ý thức rằng nhất định có một ngày nào đó, chúng tôi sẽ trở về quê hương chúng tôi và ngay từ bây giờ trong cuộc sống lưu vong, chúng tôi phải chịu trách nhiệm tất cả về công cuộc bảo tồn lý lịch và tôn giáo của mình. Không phải vì cuồng tín hay vì lý do nào khác mà chúng tôi quyết thực hiện cho được việc ấy mà chính là vì đất nước Tây Tạng chúng tôi bây giờ đây hoàn toàn bị phá hủy bởi nhà cầm quyền Trung Quốc.

- Nhà báo: Như trong trường hợp đất nước của Bà thì danh từ ý thức hệ có dung hợp được với tư tưởng Phật Giáo không, thưa Bà?

- Bà Jetsum Puma: Chính triết lý Phật Giáo đã hướng dẫn sinh mệnh quốc gia chúng tôi và còn bảo tồn cuộc sống chúng tôi ngày nay đó ông.

- Nhà báo: Tôi cũng nghĩ như thế, bởi vì khi dùng hai tiếng triết lý, Bà cũng như chúng tôi nhận thức rằng trong nội dung của từ, có ý nghĩa khôn ngoan, hiền minh, cần trọng, còn nếu dùng danh từ ý thức hệ thì không làm sao ta thấy được điều ấy.

Tâm thức của Bà Jetsum Puma, người Cứ sĩ lưu vong em Đức Phật Sống, quả không khác chút nào với vị Thiền sư Thích Như Điển của chúng ta trong các sách của Thầy.

Cuốn *Vụ Án Một Người Tu* làm cho tôi say mê thường thức vì lời văn đầy khả năng thuyết phục, ý tứ sắc bén, cách kết cấu gồm nhiều nạn điểm (gút) và giải nạn thật lý thú. Tất cả đối thoại, thuật sự của từng chi tiết trong nhân duyên quả báo, bằng câu chuyện được chêm vào, để giải đáp bằng nghiệp lực, bằng hành, bằng thức v.v... của Phật lý rất ư là uyển bác mà vô cùng thực nghiệm nhân tiền. Để truyền Đạo và chỉnh Đồi.

Trong truyện trước hết Thầy kể lại với ngòi bút một nhà văn lão luyện các câu chuyện hàm oan kim cổ người đời thường hay nhắc đến, thích thú và đầy hấp dẫn. Nào chuyện *Nỗi Oan Thị Kính*, *Quan Âm Diệu Thiện*, *Thoát Vòng Tục Lụy*, *Thiền Kim Tiểu Thủ*... rồi đến vài tiểu thuyết niệm kim đượm mùi thiền vị nhưng không phải để biểu dương tinh hoa Phật Giáo mà ngược lại nữa là khác... như *Lan và Điệp* và *Hồn Buồm Mơ Tiên*.

Nỗi Oan Thị Kính nêu lên "oan trái không cần biện bạch. Vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả. Đúng là hạnh của Bồ Tát Quan Âm".

Triết lý Phật ở đây có một cái gì phức hợp, hài hòa hơn chủ nghĩa khắc kỷ, khổ hạnh đầy nhần nhục thụ động của Schopenhauer và Epictète phương Tây đó vậy, nhưng phương Đông cao thượng, nhân bản và đẹp hơn nhiều!

Cuốn "Vụ Án Một Người Tu", cũng lại là một nỗi hàm oan đầy vẻ tân thời! Tôi xin dành hững thú bất ngờ cho người đọc tác phẩm mà không kể lại ở đây! Cuối cùng than ôi! trên nắm mộ của nhân vật chính là nạn nhân của nỗi hàm oan ấy phát hiện lá thư sám hối hèn nhất của kẻ tội nhân đích thực.

Các sách của Thầy là những pho kim chỉ nam dạy thế nhân lẽ sống đạo, sống đời. Độc giả tìm hiểu, suy nghiệm, học hỏi muốn ngàn lời hay ý đẹp về phương cách tu dưỡng bản thân tìm về nẻo Đạo hoặc nhiều thái độ xử thế, tiếp vật, ứng sự hợp với luân lý, đạo đức hàng ngày hòng "rèn luyện tâm chí, kiểm điểm thân tâm của chính mình để ở đời hay đạo cũng thế, mình sống ra người có nhân cách và đặc nhân tâm"... *Tôi không muốn nói đạo đức học hoặc luân lý học nơi đây. Nhưng nói như thế cũng để cảnh tỉnh bởi chính mình và để đời sau, nếu có đệ tử nhìn lại gương Thầy đã đi trước mà học hỏi được ít nhiều không?* (Chùa Viên Giác - Trang 335)

... *Hãy tạo cho mình giống như giọt mật, để mọi người đều có ích lợi, thì họ sẽ tự động đến với mình và đừng nên làm con ong chỉ chuyên đi hút mật của những loài hoa khác.*

Vì thế cho nên người tu cũng cần phải bố thí nữa, chứ không phải chỉ khuyên cho Phật Tử bố thí không là đủ. Minh phải thể hiện mọi hành động lành để hướng dẫn tâm mình và cũng chính là để cho người khác noi theo. Hãy có lòng thường yêu rộng rãi, không nên chỉ có đệ tử của mình mới được lưu tâm, mà hãy đối xử với những đệ tử khác cũng vậy.

Cho đến con vật cũng thế. Có nhiều con vật đến với con người một cách tự nhiên, thân thiện. Rồi cũng con vật đó, nó không dám đến người đứng kế bên. Vì lẽ dễ hiểu là con người đứng kế bên không có tâm thương nó.

Đến cây cỏ cũng thế. Có nhiều người trồng cây rất xinh tốt. Vì người ấy có tâm thương lo, chăm sóc cho cây cỏ. Ngược lại có nhiều người trồng cây nào cũng chết, dẫu cho trước đó đem cây thật tốt về nhà trồng.

Từ trước đến đây tôi đã nêu ra một số ví dụ từ con người cho đến vạn vật, sự việc, cây cỏ hoa lá v.v... cũng không ngoài mục đích giới thiệu với quý vị một nghệ thuật và một nhân cách ấy. Đó là đón giãi, hài hòa, biết người, biết ta. Hãy nhìn vào nội tâm mình để quán chiếu đúng sai nhiều hơn là lo đi nhìn phía ngoài. Vì bên ngoài không cần

nhìn chúng ta cũng có thể thấy. Chỉ bên trong là khó thấy mà thôi... (Tịnh Đồi Nghĩa Đạo)

Nhưng có một câu chuyện Thầy thuật lại trong "*Vụ Án Một Người Tu*" (Trang 71-72) giữa hai nhà sư Tịnh Đạo và Tịnh Thường làm tôi thích thú và say sưa suy nghiệm trong cái thế thiền vị tập trung tâm ý để cảm nhận về xúc, về thức, về tạo nghiệp của Phật Pháp - đối chiếu với thuyết hiện sinh, hữu ngã và vô ngã siêu việt, cái hữu thể và vô thể trong nhân tính của triết gia lỗi lạc người Pháp J. Paul Sartre và người Đức là M. Heidegger.

Đọc xong mẩu chuyện sau này, xin mọi người dừng lại để trầm mặc suy cầu mà tìm hiểu triết lý Phật vô cùng cao siêu! (suy cầu = từ cái đã biết mà tìm hiểu cái chưa biết):

...

- *Đây là một câu chuyện thiền*

- *Thiền cũng có chuyện tình sao?*

- *Sao huynh hỏi gì lạ vậy? Ở đâu lại chẳng có tình. Điều quan trọng là mình có chiến thắng được nó hay không chứ.*

Câu chuyện được bắt đầu như sau:

Một Thầy, một trò đi hóa duyên về. Trên đường chẳng may gặp mưa bão, nước sông dâng lên nhanh quá, trời đã tối và xa xa bên bờ sông kia có một mỹ nhân đang đứng chờ đò; nhưng đò lại không có. Vị Sư Cả mới hỏi cô ta rằng:

- *Cô muốn đi đâu?*

- *Dạ, tiện nữ muốn sang sông nhưng chẳng có đò.*

- *Vậy tôi sẽ giúp cô.*

- *Ngài giúp tôi bằng cách nào?*

- *Cô hãy leo lên lưng tôi công và tôi bơi qua sông.*

Trong khi ông Thầy làm động tác xắn quần, đưa tay nài cho đệ tử xách, còn mình thì công năng mỹ nữ ấy qua sông. Người học trò thấy khó chịu quá và muốn cản; nhưng thấy Thầy đã làm, thôi cứ để cho Thầy mình làm.

Khi qua bên kia bờ sông, vị Sư Cả để nàng xuống, nàng cảm ơn rồi đi tiếp tục. Trong khi đó người đệ tử cứ thắc mắc hoài, tại sao lâu nay Thầy mình giữ giới tinh nghiêm như thế mà bây giờ gặp nữ sắc Ngài lại chẳng xa đi thì chớ, mà còn quá gần nữa. Ôi cha, mô Phật, sao mà nổi da gà quá.

Người đệ tử theo sau Thầy mình cứ mỗi lần muốn hỏi thì bị tiếng dăng háng của Thầy làm át lại, nên lại thôi. Khi về đến chùa, đã ba ngày sau, người đệ tử ăn ngủ không yên. Một hôm gõ cửa xin vào phòng Thầy trình bày điều nghi của mình.

- *Được, con cứ nói! Sư phụ ôn tồn bảo.*

- *Bạch Thầy! Con thấy Thầy lâu nay tu hành tinh tấn chẳng phạm giới nào. Nhưng cách đây 3 hôm sao Thầy công người đàn bà đẹp ấy sang sông vậy?*

- *Thầy bảo. Thầy đã để người đàn bà ấy lại bờ sông bên kia đã ba hôm rồi. Tại sao chủ công người đàn bà ấy về đây làm gì? Tại sao lâu vậy, chứ không buông thả cô ta ra?*

Người đệ tử nghe Thầy mình trả lời, đâm ra chời với. Quả thật người công có gái ấy, chính là tâm chấp trước của mình, chủ đầu phải của Thầy mình. Trong khi Thầy công, như không công. Còn mình không công mà lại hóa ra công mãi.

Người đệ tử quay ra khỏi phòng và tiếp tục suy niệm về lời dạy của Thầy mình.

Mỗi xem qua câu chuyện dẫn ở trên, tưởng là một mẩu chuyện dạy đời như bao nhiêu câu chuyện thông thường khác, nhưng ở đây, tiến trình giác ngộ của bậc Sư phụ đạt đến cái thức, cái Đạo của Lão Tử cộng với sự bài trừ Tâm vô minh và ái dục của trần tục, theo thuyết lý Thập Nhị Nhân Duyên của nhà Phật...

Xin trích thêm của Thầy một mẩu chuyện:

Sau đây là bốn điều răn dạy của Đức Phật mới xét qua ta nghĩ rằng không có gì bí hiểm và cao siêu lắm... tôi dành cho độc giả sự bất ngờ qua lời giải đáp rất hữu lý của tác giả trong cuốn "Chùa Viên Giác" mà các bạn sẽ tìm đọc để thường thức nhiều hơn.

Ngày xưa Đức Phật dạy: Trong cuộc đời này có 4 điều phải lưu tâm. Đó là:

1. *Một đóm lửa nhỏ*

2. *Một con rắn độc*

3. *Một vị hoàng tử nhỏ*

4. *Một vị Sa Di trẻ tuổi...*

Lại một câu chuyện nữa về tâm lý học mà Thầy ua lặp lại trong các sách của Thầy để giáo hóa thế nhân:

"Một ông Giáo sư Tâm lý học, một hôm vào lớp không mang sách vở gì cả, chỉ trừ một tờ giấy trắng và một cây bút đen. Sau khi thầy trò đã chào hỏi nhau, ông ta lấy cây viết đen, chấm lên một chấm nhỏ đậm trên tờ giấy trắng, đoạn ông giơ cao lên cho mọi người thấy và bắt đầu hỏi:

- Các anh chị em sinh viên có thấy gì đây không?

- Dạ, chúng em có thấy.

- Thấy gì?

- Thấy một chấm đen.

- Các anh chị em thấy như thế là chưa hoàn toàn đúng hãy đổi cách nhìn đi. Tờ giấy trắng cũng như cái hay cái đẹp của người khác mà chúng ta dễ quên đi, hay cố tình quên đi, trong khi chấm mực đen nhỏ có một chút xiêu cũng giống như lỗi nhỏ của con người thì chúng ta dễ thấy vô cùng. Nếu chúng ta ai cũng đứng từ quan điểm chấm đen ấy để nhìn và phê phán sự việc, té ra trong tám chúng ta toàn là những vết đen thì việc nhận xét của chúng ta về một đối tượng nào đó nó mang đầy tính chất thành kiến, làm sao công bình được và mong rằng bài học hôm nay sẽ giúp cho các anh chị em về sau này trong cuộc sống hằng ngày... (Chùa Viên Giác)

Nói theo triết lý, thì đây là cả một bài học về nhận thức luận của con người nhưng cũng là một bài giảng về luận lý và đạo đức thực hành nữa.

Tựu trung, trong các tác phẩm của Thầy, nhất là cuốn *Chùa Viên Giác*, Thầy truyền cho các đệ tử vô số bài học đơn giản mà rất quý giá của Đức Phật nhất là cho hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia thấy rõ con đường ngộ đạo: nào bốn phạm hoàng pháp lợi sanh của người Tăng sĩ, bốn phạm hộ trì Tam Bảo của người Cư sĩ tại gia...

Thầy giải thích thế nào là bốn phạm của một Tỷ Kheo đi khất thực, thế nào là Lễ Hoàn Nguyên, theo thuật ngữ của nhà Thiền còn gọi là Lễ Đãng Sơn nữa. Nhất nhất từ các ý niệm căn bản của Phật Đạo đến các suy tư triết lý cao siêu của văn hóa Đông Phương, người biện giải từng tặn trong 19 tác phẩm của mình. Bao nhiêu lời vàng ngọc của một nhà văn hóa, nhà truyền giáo và truyền đạo. Văn dĩ tải Đạo là thế đó. Tiếng "Đạo" ở đây có 2 nghĩa vừa nằm trong ý nghĩa tôn giáo, vừa bao gồm nhận thức Đạo đức... Cố nhiên vị Thiền sư của chúng ta trong việc giáo hóa tha nhân và đồng đạo, chỉ chọn con đường "tâm phục" đạo phục và nhất thiết loại trừ con đường "lực phục" vậy...

Ồ trên, tôi có trích rất nhiều văn ở cuốn *"Giữa Chốn Cung Vàng"* một kỷ sự hành hương của Thầy rất đặc sắc về nội dung tư tưởng lẫn nghệ thuật hình thức.

Quả đúng, trong cuộc đời trong tâm thức của Thầy Thích Như Điển, sống là hành đạo, là hoạt động, là kiến tạo, là viết, là đi...

Người xuất thân qui y lúc 13 tuổi, tu học và học xong Ban Tú Tài ở quê nhà Đất Quảng. Về sau sang du học tại Nhật Bản, tốt nghiệp tại Đại Học Teikyo và Risseo Tokyo rồi tiếp tục học đạo tại chùa Nhật Bản Honryuji Japan. Thế rồi Thầy rời Nhật sang Đức và do nhân duyên tiền định, Thầy ở lại Đức... Thầy đi Ấn Độ, Tích Lan, Gia Nã Đại và nhiều nước khác. Lúc tôi đang viết thiên Tham Luận này thì qua điện đàm, Thầy cho biết Thầy vừa đi Nga và Nhật về, vào cuối tháng 4.96... Con người Thầy luôn luôn bành bồng trên mây gió nhưng tâm giới Thầy thường thích bay vào các tầng cao vợi vợi của chớp Bồ Đề ở Vườn Lộc Uyển vô hình...

Các nhà văn nổi tiếng nước ngoài như Albert Londres, Paul Louis Courier, Gomerset Mangham... đi, đi khắp năm châu bốn bể để tìm nguồn văn hứng lạ, cảm giác mạnh làm nội dung cho sự sáng tác đa dạng của mình. Còn Thầy đứng bước nơi thâm sơn cùng cốc ở quê người nơi nào có chùa chiền, Phật đài như Ấn Độ, Tích Lan, Nhật... để tự mắt mình nhận rõ những nét đặc thù nơi đường xa, xứ lạ hòng đổi chiếu, suy nghiệm, bổ sung kiến thức ở các bậc Cao Tăng đắc đạo nước ngoài, do đó bồi dưỡng Đức Tin trên con đường ngộ đạo và truyền đạo.

Thực khó tìm thấy vị chân tu nào du hành, hành hương nhiều như Thầy Thích Như Điển. Đúng là *"Đường Không Biên Giới (1) "Nẻo Đạo Vô Cùng", "Giữa Chốn Cung Vàng" (2)*
(1+2) = Nhan đề các tác phẩm của Người.

... Hòa Thượng Viện Trưởng người Tích Lan hỏi tôi:

- Qua đây thấy có điều gì lạ?

Tôi đáp lại rằng:

- Bạch Ngài! Con qua đây học được cái vô ngã và học rất nhiều về cái tánh không.

Ngài cười và hỏi lại, những gì thuộc về vô ngã và những gì thuộc về tánh không?

Tôi thông thả đáp:

- Bạch Ngài, chính con và Đại Đức đây xuất thân từ chốn ruộng đồng, rồi nhờ Phật pháp mà được học hỏi đó đây, rồi cũng do sự học vấn mà thành người cho Đòi cho Đạo; nhưng khi qua đây rồi, con thấy nó cũng như không. Bằng cấp như Ngài, Tiến sĩ Pali, Phạn ngữ và Triết học mà cũng sống tại chốn ruộng đồng này, vui với đàn hậu học, chẳng thấy có một chút gì xa lạ với quần chúng. Quả con đã học về tinh thần vô ngã, vị tha của Ngài rất nhiều... (Giữa Chốn Cung Vàng)

Trong các sách của Thầy - gần 20 cuốn - hề có dịp là Thầy căn dặn kẻ tu hành phải lo bổ thí cho tha nhân. Phải có lòng thường yêu rộng rãi mà phải có cái tâm thường yêu ngay đến các con vật, và cỏ cây hoa lá...

"Trái lại, khuynh hướng nhập thế ngày nay của Đạo Phật mạnh hơn; nghĩa là người Tăng sĩ phải đi vào đời thực sự, chia sẻ khổ đau với cuộc đời, theo tinh thần Bồ Tát đạo..."

Người tu phải là người thương đời thực sự, chủ không phải kẻ bị đời chán bỏ rồi mới đi tu. Vì có thương đời mới dám hy sinh hạnh phúc cá nhân của mình để giúp đỡ tha nhân, có thương đời mới lần xả vào khổ đau và chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc an lạc... (Chùa Viên Giác - Trang 447-448)

Thượng Tọa thuyết pháp về Khổ Đế, nói nôm na là khổ lụy của người đời - Người truyền bá cái đạo tử bi tức là đức thương người, lòng nhân đối với chúng sinh...

Là một đệ tử, Người nối tiếp lời dạy của Đức Phật cao minh để làm sáng tỏ giáo lý, bởi lẽ thói thường, nhà nghiên cứu nhận định rằng Nho giáo là triết lý dẫn thân, tư tưởng Lão Giáo là triết học lạc quan, còn tư tưởng Phật Giáo là tư tưởng bi quan, yếm thế... Mỗi nhìn qua, hai tư tưởng tuy có vẻ mâu thuẫn nhau nhưng đều nhắm vào mục đích giúp con người vượt qua khỏi lẽ thường của Hóa sinh và vòng đau khổ của thế nhân, một đảng tiến đến chỗ tiêu điều siêu thoát, một đảng đi vào nơi tịch diệt hư vô...

Phật cực tà cái khổ vô hạn của người đời: "Nước mắt chúng sinh trong 3 nghìn thế giới, đem tích chứa lại còn nhiều hơn là nước trong bốn bể". Do đó, Đức Phật bảo các đệ tử: "Này các đệ tử, ta nói cho mà biết, nước ngoài bể khơi chỉ có một vị là mặn, đạo ta dạy đây cũng chỉ có một vị là vị giải thoát vậy".

Nhắc đến khổ lụy và tử bi mà Thượng Tọa Thích Như Điển lưu luyến giải bày như một điệp khúc, một đạo trường ca trong các sách của Thầy, tôi nhớ lời luận bàn của Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một tác phẩm mới nhất của Ngài, "Samsara" nhà xuất bản Pré aux Clez, Paris, tháng 1.1996, trong sách ấy, Ngài thuyết giảng về sự sống, sự chết, sự tái sinh và nói đến Đau Khổ của chúng sinh, gồm có 3 loại: loại đau khổ chung như đau khổ về tinh thần, về thể chất... loại đau khổ do nhận thức sai lầm về những thay đổi giả tạo (due aux faux changements)... loại đau khổ do một cuộc sống bị trói buộc bởi nhiều điều kiện... Thực là khó hiểu vì Ngài không giảng rõ thêm nữa... Còn về tử bi, Ngài khẳng định rằng giáo lý Phật chủ yếu được xây dựng trên bài học Tử Bi tạo thành triết thuyết cơ bản của Phật Giáo... Con người từ nguyên thủy có bản chất - thiên tính tử bi - chúng sinh phải thường yêu đồng loại như người mẹ yêu đứa con độc nhất của mình (Samsara - Trang 104)... "Chính nhờ triết thuyết Tử Bi mà Phật đạo là một kho tàng của nhân loại - Ngài nói tiếp". Và Ngài nói thêm: Chính vì lẽ đó, đạo Phật chẳng những là một tôn giáo mà còn là khoa học của trí tuệ (la science de l'esprit) nữa...

Trong một sách khác nhan đề: "Cuộc Sống Của Chúng Ta" (la vie est à nous - do Albin Michel Paris xuất bản - 1996) từng thuật cuộc phỏng vấn Đức Đạt Lai Lạt Ma do Kỳ giả Onaki Fabien thực hiện.

Ngài trình bày về sự truyền bá Phật Giáo trước đây khá lâu ở Tây Phương không được phổ cập và thuận lợi lắm. Và lại tin theo Phật đạo là hoàn toàn do mỗi cá nhân tìm hiểu và chấp nhận, chớ không ai bắt buộc vì bản chất tôn giáo này hiểu tịnh và hòa bình không lôi kéo người về mình như các hình thức truyền giáo khác. Do đó mà hiện nay nhiều người Âu-Mỹ vẫn chưa hiểu rõ về giáo lý nhà Phật. Và rồi Đức Đạt Lai Lạt Ma kể câu chuyện sau đây:

Một người phụ nữ vào thập niên 1960, sau khi chứng kiến cảnh tượng một số phụ nữ Tây Tạng bị đũa đi đắp con đường dưới chân dãy núi Kulu ở Trung Quốc, đã đến hỏi Ngài với giọng rất thành thực và vô cùng cảm động: "Thưa Ngài, tôi không hiểu sao đám người đàn bà ấy làm việc trong những điều kiện hết sức cực nhọc như thế mà miệng họ luôn luôn vẫn ca hát, reo hò vui vẻ. Tôi cảm thấy tội nghiệp cho họ quá, đến bắt khóc lên được! Hơn nữa, tôi còn biết chắc rằng họ không tin theo một tôn giáo nào cả. Thực đáng thương! Giọng nói của bà quá đổi chân thực".

Rồi Đức Đạt Lai Lạt Ma nói thêm với nhà báo F. Onaki: "Bà ta không biết rằng cái điều mà bà ta tưởng rằng họ ca hát vui vẻ chính đó là họ vừa lao động vừa đọc kinh cầu nguyện đấy! Còn theo Bà, tin theo một tôn giáo nào tức là công nhận có Đức Chúa Trời. Và đối với Bà thì nhất định điều ấy là một chân lý bất di dịch (La vie est à nous - Trang 110)

Thực giống với câu trả lời sau đây của Thượng Tọa Thích Như Điển khi Người được hỏi Giáo Hội có gọi người như Thầy đến đây để truyền giáo không?

"Xin quý vị an tâm. Vì Đạo Phật không chủ trương bằng con đường truyền giáo để tạo ra số tín đồ cho đông. Ai tin Đạo Phật và Đức Phật thì hãy theo. Ai không tin cũng không sao. Vì Đức Phật có dạy: Tin ta mà không hiểu ta tức là hủy bán ta vậy..."

Trong nhiều buổi giảng, Thầy đã nói với nhiều người Đức:

- Nếu ngày xưa Đức Phật sinh tại Âu Châu, có lẽ tất cả quý vị đều là Phật Tử... chẳng may vì Phật sinh ra tại Ấn Độ nên đến gần 2.500 năm sau, quý vị mới có cơ duyên tìm hiểu đến. Cũng chẳng muộn màng đâu..."

... Quý vị đừng lo ngại gì cả. Vì đạo Phật là đạo thể hiện tình thương, chối từ bạo lực, ai thích thì theo, không thích thì xin tự tiện không đến chùa. Không có một điều kiện nào buộc ràng cả..."

... Phật Giáo như một cây đại thụ, gốc rễ nằm tại Á Châu và chắc chắn hoa ấy sẽ đâm chồi nảy lộc tại Âu-Mỹ. Mặc dầu Phật Giáo không đi truyền đạo; nhưng đạo Phật như một bầu không khí càng ngày càng lan rộng dần... (Giữa Chốn Cung Vàng)

Chúng tôi viết đến trang cuối của thiên Tham Luận này về Thầy Thích Như Điển mà vẫn chưa thỏa mãn vì không làm sao diễn tả hết ý tình, cảm xúc, suy nghĩ của chân tâm mình đối với công nghiệp mà Thầy đã cống hiến cho Đạo, cho Đời! cho cả tâm linh và văn hóa Việt Nam! Đúng như Thầy đã nhiều lần tâm sự: "Báo rằng chúng ta đã xa quê hương rồi, chúng ta phải dựng lại một quê hương mới nơi đây mà thiếu ngôi chùa thì không thể được. Vì hình bóng của ngôi chùa là linh hồn của dân tộc, cho nên tôi mới phải dựng ngôi Viên Giác Tự này...". Tôi xin thêm: Ngôi chùa còn là sinh mệnh của văn hóa, giống như tiếp nối từ thời Văn Lang dựng nước đến thời Đại Việt huy hoàng và mãi đến bây giờ, ở hải ngoại, trong hoàn cảnh lưu vong của tất cả chúng ta. Người xưa có nói: "Ở đời có ba điều bất hủ là lập công, lập đức, lập ngôn". Nơi vị Thiền sư của chúng ta, tinh thần tam lập ấy đã thăng hoa để kết tinh màu nhiệm thành một ngôi chùa tuyệt mỹ dưới vòm trời Đức Quốc (lập công), cùng với gần 20 tác phẩm đủ văn thể Thầy sáng tác bằng tiếng Việt, tiếng Đức, tiếng Nhật (lập ngôn), chất chứa và truyền dạy bao điều hay, ý tưởng đẹp, bổ ích cho nhân tâm, thế đạo (lập đức).

Lời nguyện cầu của Thầy, chúng tôi có trích ra nêu ở đầu thiên Tham Luận - là "sống làm cho xong bốn phận", đơn giản vô cùng nhưng cao trọng, đầy thiện tâm, thiện ý làm sao! Bốn phận, Thầy nêu lên cho mình, chính là thiên chức của một vị Thiền sư đối với quê hương, dân tộc, Đất Nước, đối với Đời, đối với Đạo vậy. Thầy đã nêu lên Đạo sống con người nằm trong nền Văn Hóa Việt, đúng với lời dạy của Dịch Kinh = *Hình nhi hạ dã vị chi khí - Hình nhi thượng dã vị chi đạo*. Nghĩa là: từ cái hình chất trở xuống gọi là khí (hữu hình, vật chất), từ cái hình chất trở lên gọi là Đạo (vô hình, tinh thần, đạo lý, Trời Đất...).

Cuộc đời của chúng ta bay vèo như hành trình của ánh sáng...

Nhưng mỗi người chúng ta đi qua để lại một dấu chân.

Dấu chân văn hóa.

Dấu chân chúng ta đi rồi sẽ trở thành đường...

Tiết Quý Xuân Bình Tý

TÔI ĐI KUR

(Dưỡng bệnh)

• Hồng Nhiên

Hầu hết các nước vẫn minh Âu Mỹ ngày nay đều chú trọng đến sức khỏe của người dân. Tùy theo từng quốc gia, các bảo hiểm về sức khỏe hoặc hưu bổng đã thành lập những trung tâm điều trị chuyên khoa (Fachklinik) cho những người bệnh sau thời kỳ giải phẫu hoặc kém sức khỏe.

Người viết bài này đang sống trên nước Đức nên bài viết nói về nơi điều trị ở đây.

Phong trào đi Kur ở hãng tôi giống như ngày xưa ở quê mình người ta nuôi Cúc hoặc nuôi gà Mỹ. Những năm trước thì "lai rai" ở những người tuổi sắp về hưu, sau này có nhiều cặp vợ chồng xin đi Kur chung giống như đi nghỉ hè (Kur Urlaub).

Vợ chồng muốn đi Kur chung phải có cùng một thủ bệnh. Khi bác sĩ nhà (Hausarzt) đã đồng ý, hoặc có thêm một bác sĩ chuyên khoa (Facharzt) xác định bệnh thì vị này sẽ giới thiệu bạn đến cơ quan bảo hiểm sức khỏe ở nơi cư ngụ (Krankenversicherung), tại đây họ đưa cho bạn một tập hồ sơ, bạn điền vào và họ sẽ chuyển hồ sơ này tới LVA (Landesversicherung Anteil bảo hiểm về hưu bổng ở Tiểu Bang). Nếu hồ sơ của bạn được chấp thuận thì LVA sẽ giới thiệu cho bạn nơi đến để trị hoặc dưỡng bệnh, đồng thời cơ quan này gọi cho bạn một tập hồ sơ phải điền vào để đưa cho cơ quan nơi bạn đang làm việc (nếu là người đi làm), một phiếu đưa cho bảo hiểm sức khỏe ở địa phương và một phiếu đưa cho bác sĩ nhà. Nhưng tất cả hồ sơ này bạn giữ yên đó chờ một thời gian nữa, nơi bạn đến dưỡng bệnh (Kurklinik) sẽ cho bạn biết ngày đi, cũng đó bạn sẽ gửi hồ sơ cho cơ quan bạn làm việc và ở đây họ sẽ chuyển tiếp hồ sơ cho bạn.

Trung bình thời gian điều trị ở Kurklinik là 4 tuần lễ, nếu có trường hợp đặc biệt Bác sĩ ở Kur đòi hỏi thêm một thời gian nữa thì tối đa 6 tuần. Các phí tổn về di chuyển, điều trị ở Kurklinik đều do LVA đài thọ. Nếu bạn là người hưởng thất nghiệp hoặc xã hội thì bạn không phải trả một khoản tiền nào hết. Bạn là người đi làm thì tùy theo mức lương, bạn phải trả tối đa 12 DM mỗi ngày.

Tuy nhiên, phần nhiều người Việt Nam sống trên nước Đức không thích đi dưỡng bệnh theo kiểu này. Vì người lớn tuổi không giỏi tiếng Đức nên ngại tiếp xúc với người Đức trong thời gian lâu dài (4 đến 6 tuần). Kể đến là vấn đề ăn uống.

Còn người bản xứ? Không hẳn người Đức nào đi làm lâu năm hoặc bệnh hoạn họ cũng xin đi Kur. Đồng nghiệp của nhà tôi có những người đi làm 30 đến 40 năm, đã lớn tuổi, đau bệnh thì họ đi bác sĩ, nghỉ ở nhà hai ba tuần, nhưng hỏi tại sao không đi Kur thì họ lắc đầu "không thích".

Còn tôi, trước đây 10 năm cũng đã đi Kur một lần rồi. Tôi đi dưỡng bệnh mà thường xuyên bị mất ngủ, đồ ăn có nhiều calori nhưng tôi ăn không được.

Bốn tuần "thành thời" chẳng lên được ký nào.

Sau 10 năm, con cái của chúng tôi đã trưởng thành, sức khỏe mỗi ngày kém đi, ngày nay không bằng hôm qua và cũng không làm sao bằng 10 năm về trước.

Đem việc này đề nghị với nhà tôi, tôi còn "thêm mắm dặm muối". Nếu đi Kur anh sẽ có thời giờ đọc sách, đọc báo, học thêm tiếng Đức và còn có thời giờ để viết lách nữa. Nhà tôi miễn cưỡng đồng ý.

Hồ sơ của chúng tôi đã chuyển đến LVA hồi cuối tháng 4, mãi đến cuối tháng 10 chúng tôi mới "khăn gói lên đường". Sở dĩ có sự chậm trễ này vì hai lý do:

- Nhà tôi không có giấy giới thiệu của bác sĩ chuyên khoa về xương (Facharzt für Orthopaedie) .
- Kurklinik nơi chúng tôi đến họ không biết chúng tôi là vợ chồng (không cùng một họ) nên ngày đi không cùng một thời gian.
Sau cùng, chúng tôi được đi chung vào ngày 25.10.95 ở một Klinik tận miền Nam gần biên giới Thụy Sĩ.

Ngày 25.10.1995

Nguyên (bạn của con tôi) đến đưa chúng tôi ra nhà ga lúc 6 giờ 45 phút, chúng tôi mang mỗi người một xách tay, còn hai vali quần áo và những thứ cần thiết thì chúng tôi đã gửi đi ngày trước.

Lên xe lửa lúc 7 giờ 03, phải đổi xe ở ba trạm (Münster, Köln và Freiburg). Qua khỏi Köln thì đường rầy song song với con sông Rhein. Phía bên kia sông là những đồi núi, trên sườn đồi thoai thoai những cánh đồng trồng nho - Màu xanh biếc của rừng nho trong mùa Hè không còn nữa, giờ đã chuyển sang màu vàng úa, cũng có nhiều nơi cây cối đứng trơ vó, mặc cho lá ủa đã vùi lia cành. Đó là dấu hiệu của mùa Đông sắp đến.

Hết qua phố rồi lại xuyên qua những cánh đồng, nơi nào cũng có nhà của dân chúng. Thịnh thoàng trên chót núi hoặc trên đỉnh đồi còn có những lâu đài, những nhà xưa cổ. Xã hội Đức rất hay, không để người dân sống chen chúc ở thành phố nên rất ưu đãi người sống ở thôn quê để không có những ruộng đồng bỏ hoang.

Xe lửa đến Freiburg thì trời mưa, mưa không nặng hạt nhưng "ri rả", làm cho lữ khách chồn chân. Chúng tôi không là người lữ khách những trong dạ cũng cảm thấy nao nao. Chà! mới xa Lingen có 7 tiếng đồng hồ mà tâm trí không ổn, dù Lingen không phải thật sự là quê hương của chúng tôi.

Ý nghĩ này bị cắt đứt khi xe lửa vừa dừng và chúng tôi phải nhanh chân (xe lửa đến Freiburg trễ 10 phút) tìm chuyển chuyển tiếp về Seebrugg.

Xe lửa này giống như "tàu chợ" nên dừng lại trên nhiều ga nhỏ. Có lúc xe dừng ở trạm mà không có người xuống cũng chẳng có ai lên. Xe lửa chạy xuyên qua vùng đồi núi, bên này là vách núi bên kia vực thẳm, nhìn xuống hố sâu tôi cũng thấy nổi da gà. Nhà tôi thì "than vắn thò dài".

- Nếu đi một mình thì anh tưởng như mình là tù nhân bị đày lưu đày.

Tôi thầm nghĩ "nếu bị lưu đày mà hai vợ chồng cùng đi thì chắc cũng không đến nỗi...". Ý nghĩ này tôi không nói ra vì không phải lúc.

Bầu trời vẫn đục, cơn mưa còn dai dẳng nhưng trên đoạn đường sắp tới có nhiều thắng cảnh cũng là nơi nghỉ hè của du khách thích yên tĩnh như hồ Titisee, hồ Schluchsee và Seebrugg. Chúng tôi xuống ở trạm cuối cùng này. Chiếc xe bus ở Kurklinik đang chờ sẵn tại đây, tài xế là một người đàn bà khoảng 40 tuổi, bà ta ngó qua ngó lại, mặt mày kém vui, bà nói :

- Sao ít quá vậy! Bà hỏi cho có chuyện chứ có ai biết được mà trả lời.

Lúc nhìn lại chiếc xe bus của bà tôi mới hiểu ra; xe 50 chỗ ngồi mà khách có 6. Khi mọi người bước lên xe, bà kiểm danh sách một lần nữa, thấy tấm "Karte" của chúng tôi từ Lingen gửi xuống cho bà, bắt chợt bà mừng rỡ.

- Ông bà ở Lingen à! Hồi nhỏ tôi cũng ở đó, đến lúc lấy bằng xe bus tôi mới về đây làm việc.

Xe bus chạy quanh co lên đồi, xuống dốc và làng Höchenschwand đã hiện ra. Có 6 người trên xe mà cũng ngừng 5 chỗ, các hành khách kia cũng là những người đi Kur nhưng khác chỗ. Chúng tôi xuống sau cùng. Bà tài xế nói :

- Tới rồi, ông bà vào đó. Hẹn sẽ gặp lại.

Sau khi trình diện với ông Quản lý Kurklinik, chúng tôi được đưa lên tầng hai để nhận chỗ ở. Phòng của chúng tôi rộng độ 25 mét vuông, có đầy đủ tiện nghi giống như ở khách sạn.

Cô hướng dẫn viên chỉ hai cái vali, vui vẻ nói :

- Hành lý của ông bà, có đúng không?

Chiều hôm ấy, ông Quản lý (chúng tôi vui miệng gọi là Lý Quảng) nói chuyện với nhóm người mời tôi (15 người) ở phòng ăn, uống trà và ăn

bánh ngọt. Sau đó ông Bác sĩ trưởng hướng dẫn chúng tôi đi xem các phòng ở đây. Phòng tập thể dục, hồ tắm, nơi làm Massage, phòng xoa bóp bằng điện, phòng các bác sĩ, phòng chụp hình bằng quang tuyến, phòng thể dục bằng xe đạp. Ngoài ra còn có những phòng giải trí như : bóng bàn, vũ cầu v.v...

Nhiều phòng và nhiều chỗ quá, thôi thì nghe đại khái chừng nào "đụng trận" mới tính sau.

Ngày 26.10.1995

Chúng tôi thức dậy sớm, vệ sinh cá nhân và làm theo chương trình của những người mới đến.

Lúc 6 giờ 30 phút chúng tôi tuân tự tới Labor để thử máu, đo máu và đi khám bệnh ở phòng Bác sĩ. Suốt buổi sáng hôm đó và đến 3 giờ chiều chúng tôi mỗi người nhận được một tấm "Karte" màu vàng. Bên trong có ghi thời khóa biểu cho thời gian 4 tuần lễ. Mỗi ngày trung bình từ 6 đến 8 môn và tùy theo môn có thời gian khác nhau, ít nhất 15 phút và dài nhất 30 phút.

Hồi mới nhận thời khóa biểu ai nấy đều lo lắng sợ tập không kịp giờ, nhưng sau vài ngày quen đi mới thấy thoải mái hơn.

Lúc sắp đi, chúng tôi đem theo rất nhiều sách, tự điển vì đây là cơ hội để đọc sách và viết lại rai. Những bây giờ mới biết ý muốn của mình chắc khó thực hiện.

Ngày thứ ba 31.10.1995

Thăm thoát đã một tuần trôi qua, tôi có cái nhìn tổng quát. Kurklinik này có tên là Rehaklinik (nơi phục hồi sức khỏe), Fachklinik für Orthopaedie (chuyên khoa về xương) und Physikalische Therapie (và phương pháp trị liệu bằng vật lý học). Höchenschwand 79862. Tọa lạc trên một đồi cao 1.015 mét. Ở đây chưa tới 4.000 dân cư nhưng có độ 5 Kurklinik cho các chuyên khoa trị liệu khác nhau, ngoài ra còn có nhiều khách sạn, nhà trọ, nhà hàng, quán rượu, quán cà phê...

Cả làng này chỉ có hai siêu thị nhỏ, giá cũng không mắc lắm, không có chợ trời vào cuối tuần. Ở đây, tôi để ý nhiều chuyện cũng thấy vui. Thí dụ như ra ngoài đường vào buổi chiều thì nhiều người qua lại trên tất cả các con đường, phần đông là người lớn tuổi. Trông họ thật thư thái và nhân nhả.

Nhưng nhìn kỹ lại là những người ở các Kur ra đi dạo để nhìn cảnh vật hoặc mua thêm chút ít đồ cần thiết. Họ lợi dụng thời gian 4 tuần lễ này để nghỉ ngơi, đó cũng là một sự đền bù xứng đáng cho những người

hàng ngày vì quá lao tâm, lao lực đã kém đi sức khỏe.

Về lại Kurklinik, mỗi lần chúng tôi đi khám Bác sĩ hoặc có dịp đi ngang đây. Mặc dù có hẹn giờ khám bệnh, những khi tới nơi chúng tôi cũng lâm vào cảnh chờ đợi, bác sĩ cử thấy mặt mình thì nói "chờ một chút", cứ hết bác sĩ rồi y tá, rồi chuyên viên chạy tới, chạy lui lúc nào cũng lẩn xẩn, bận rộn trông thật buồn cười.

Tôi được biết Rehaklinik này hiện diện trên 23 năm (1972) với một dãy nhà có 3 tầng lầu và đến tháng 9 năm 1995 có thêm một dãy nhà mới xây phía bên kia đường, cũng ba tầng lầu. Tổng cộng khoảng 250 phòng, 50 phòng là văn phòng làm việc và tập luyện, còn lại 200 phòng vừa là phòng ngủ đôi và chiếc cho các bệnh nhân. Trung bình mỗi tuần vào ngày thứ ba, thứ tư và thứ năm có khoảng 50 người ra về vào buổi sáng và buổi trưa cũng bằng số người đó tới.

Chuyện gặp gỡ, quen biết, kết thân và chia tay ai về nhà nấy là chuyện thường tình. Tôi ví dụ như một siêu thị vừa mở cửa, khi cần thì người ta tới mua đồ, mua xong ra về rồi người khác tới. Cứ như vậy diễn tiến mãi. Tuy nhiên, thịnh thoàng trên báo chí cũng có đề cập đến những chuyện xảy ra sau những vụ đi Kur. Vợ chồng lục đục vì người vợ hoặc người chồng sau khi đi Kur về đã say mê kẻ khác. Rồi đến chuyện ly thân, ly dị v.v...

Nhờ lại, lúc vừa mới đến đây, rất nhiều cặp mắt đã chăm chú nhìn chúng tôi, vì có thể ở Kurklinik này chúng tôi là người Việt Nam đầu tiên đến đây dưỡng bệnh. Nhưng không sao, trước lạ sau quen và người Việt Nam mình còn có câu "ma cũ ăn hiệp ma mới". Lúc mới tới



nhóm người chúng tôi là "ma mới", sau một tuần thì cũng được làm "ma cũ" như ai.

Nhìn chung về mặt tình cảm của gần 100 nhân viên phục vụ nơi đây, từ ông Chefarzt (Bác sĩ trưởng) đến các cô lau chùi đối với chúng tôi rất vui vẻ đôi khi còn hỏi han tâm tình với nhau. Có lần ông "Lý Quảng" gặp chúng tôi ở ngoài đường, ông dừng lại trò chuyện và hỏi chúng tôi có gặp trở ngại hoặc khó khăn gì thì ở đây họ sẵn sàng giúp đỡ.

Ở Kurklinik này, có trên 200 người đến dưỡng bệnh, phần đông là số người từ 40 tuổi trở lên, tuy nhiên có những cô cậu trẻ tuổi cũng đến trị bệnh nơi đây. Ngoài ra, còn có một số người già trên 60 tuổi, chống nạng, đẩy xe hoặc ngồi xe lăn. Một ban y tá trẻ sẵn sóc những người này, thay phiên nhau trực 24 trên 24.

Chiều hôm đó, nhà tôi đi dạo và trở về phòng gặp tôi "báo cáo".

- Có một bà mới tới, bà đẩy theo xe để đi cho vững, con trai của bà xách mấy vali đồ về phòng, còn con dâu và hai đứa cháu đi bà đi, thật là một gia đình tốt, con cái thương yêu bà mẹ, rất hiếm có trong xã hội này.

Ngày 1.11.1995

Làng Höchenschwand thuộc tiểu bang Baden Württemberg được nghỉ lễ hôm nay (lễ Allerheiligen của tiểu bang có nhiều người dân theo đạo Thiên Chúa) nên nhân viên làm việc ở đây được nghỉ cũng như chúng tôi không phải tập luyện gì hết. Riêng ban nấu ăn (15 người), ban lau chùi (15 người) vẫn làm việc như hằng ngày. Chúng tôi đi dạo, gặp bà mới tới ngày hôm qua, nhà tôi nói nhỏ "bà này hôm qua anh kể đó". Chúng tôi dừng lại hỏi thăm mới biết bà đến từ một làng nhỏ ở gần Ulm và Augsburg. Biết chúng tôi là người Á Châu nên bà hỏi qua phỏng vấn về tâm sự. Bà nói "trước đây 3 năm bà giải phẫu ở cổ, sau đó thì đường gân chạy dài tôi chân càng ngày càng đau nhức và yếu nên bà cần phải đẩy theo xe để tựa vào mới có thể đi được". Y tá khuyên bà không nên đi dạo một mình. Tôi hỏi số phòng và thăm nghĩ "sau này tôi có thể giúp gì được cho bà không?"

Ở giữa làng Höchenschwand nói cao nhất có một cái nhà thờ kiến trúc theo Ấn Độ và phía trước nhà thờ có 2 tấm bia bằng đá khắc tên của các chiến sĩ đã bỏ mình trong trận đại chiến thứ nhất (1914-1918). Chung quanh nhà thờ có một nghĩa trang nhỏ, nhưng trông rất đẹp, mỗi gia đình người chết có một tấm bia khác kiểu; nhưng kiểu nào xem cũng đẹp. Vì hôm nay là ngày lễ nên có nhiều người viếng mộ thân nhân, bông hoa đủ màu sắc. Nhà tôi còn ước ao.

- Chết mà chôn ở đây cũng vui hơn nghĩa trang ở trong rừng hoặc xa thành phố.

Thứ bảy 4.11.1995

Ngày cuối tuần, chúng tôi dự định đi Waldshut cho biết (Waldshut là một thành phố nhỏ, nằm sát biên giới Thụy Sĩ). Từ Höchenschwand đến Waldshut 18 km. Sáng sớm chợt nhìn ra cánh đồng và các rừng thông phủ đầy tuyết, lạnh dưới 0 độ. Những cột và cây sắt ở bên ngoài hồ tắm bị đóng đá, hèn chi mấy ngày trước các cô dọn phòng nói với tôi "nên đi dạo, đừng chờ cuối tuần tuyết rơi, lạnh lắm".

Sực nhớ tôi hứa với bà Spring (tên của bà đẩy xe, 70 tuổi mà chúng tôi đã quen mấy hôm rồi), mua giùm bà 15 tấm thiệp có tem. Thế là chúng tôi mặc đồ ấm và đi tới siêu thị gần đó, đường không xa nhưng dốc rất khó đi. Tôi bám lấy nhà tôi.

- Đó, bà thấy không? Lúc nào cũng có tôi bên cạnh để lo cho bà, còn đòi gì nữa, kiếp trước bà có tu nên mới gặp tôi đó.

Đưa thiệp và tem cho bà Spring ở tầng 1, bà cảm ơn và cho tôi 10 DM, tôi từ chối.

- Chuyện nhỏ không đáng gì, bà yên tâm.

Bà đưa mái và bắt buộc tôi phải nhận tiền. Vì mình không giỏi tiếng Đức để từ chối quanh co, tôi nói :

- Nếu tôi lấy tiền của bà thì sông phẳng và tôi cũng không bao giờ tới thăm bà nữa, tôi giúp bà vì tình cảm chứ không cần phải trả bằng tiền.

Từ đó về sau tôi mua giùm bà tổng cộng gần 50 tấm thiệp nơi Kurklinik làng Höchenschwand v.v... Đêm nào bà cũng ngồi viết thiệp gửi đi cho con cái, anh chị, bà con hàng xóm láng giềng, luôn cả những người quen hỏi còn ở nhà thường.

Con gái bà điện thoại khuyên "má phải nghỉ ngơi để dưỡng sức" Bà cười (đó cũng là tình cảm của bà lúc nào cũng nhớ tới người thân).

Bây giờ, bà hiểu ý tôi và cũng từ đó về sau ngày nào tôi cũng bỏ ra một vài tiếng đồng hồ để đưa bà đi dạo.

Nhiều lúc ngẫm nghĩ tại sao tôi lại thích bà? Có thể vì nhận xét đầu tiên của nhà tôi là con cháu của bà rất có hiếu (chứ không phải thấy nhà sang bắt quàng làm họ, sau này tôi mới biết gia đình bà rất giàu), bà nói chuyện chậm rãi để nghe. Lần đầu tôi tới thăm, bà kể một mạch.

"Gia đình tôi ở vùng quê có tên là Gundremmingen, tôi có 10 anh em, 8 trai và 2 gái. Trong trận đại chiến thứ hai 3 người anh vào quân đội và tất cả đều chết ở Leningrad. Mẹ tôi buồn rầu nên mất đi vào lúc tôi 16 tuổi. Từ đó tôi phải thay người để phụ với cha chăm nuôi súc vật. Sau đó tôi lập gia đình với người cùng quê. Tôi có 2 người con : một trai và một gái.

Con trai đã 50 tuổi, chủ một hãng điện ở gần Ulm (Đức) có 200 nhân viên và một hãng ở Ungarn hùn với người bản xứ, có 120 nhân công. Con gái tôi 42 tuổi, có gia đình và được hai cháu. Mười năm về trước, cháu nội tôi (19 tuổi) đã bị tai nạn xe hơi mà chết, còn đứa cháu gái 27 tuổi vừa mới lập gia đình". Bà lại nghẹn ngào "Tôi thường thẳng thắn cháu nội quá, mỗi lần nó ra khỏi nhà thì hay ngó lại vẫy tay chào tôi, bây giờ thì..."

Tôi an ủi bà :

- Gia đình nào cũng có những việc xảy ra ngoài ý muốn. Trước 10 năm gia đình bà đã bất hạnh vì mất đi đứa cháu, nhưng bù lại các con, rể của bà đã có địa vị trong xã hội và phúc đức của bà có con, dâu, rể thường yêu chăm sóc cho bà.

Bà chợt vui và tiếp theo :

- Con dâu của tôi rất bận rộn việc nhà, việc hãng xưởng nhưng hằng ngày nó đều tới dọn dẹp nhà cửa và đem đồ ăn tới cho tôi. Thật là hiếu thảo.

Tôi được biết dâu của bà gốc người Ungarn và đứa cháu gái có chồng người Hy Lạp. Đó cũng là lý do bà thích tôi.

Trưa hôm ấy, mặc dù tuyết chưa tan và ngoài trời vẫn còn lạnh nhưng chúng tôi vẫn quyết định đi Waldshut. Xe bus ở vùng Baden-Süd đang trong mùa hạ giá vào ngày lễ và cuối tuần. Mỗi vé chỉ có 5 DM hoặc vé gia đình 8 DM, bạn có thể ngồi suốt ngày và lên xuống bao nhiêu trạm cũng được. Thế là chúng tôi mua vé gia đình. Xe bus rời khỏi Höchenschwand chạy ngang qua những cánh đồng tuyết phủ trắng xóa. Waldshut là thành phố nằm sát biên giới Thụy Sĩ, người ở đây trông cũng thật thà chất phác, chỉ có phát âm theo miền Nam rất khó nghe (cũng giống như giọng Huế của người Việt Nam mình). Tôi ở thành phố Linggen mỗi khi đến các thành phố lớn đôi khi mình có mặc cảm "nhà quê", nhưng bây giờ nhìn các làng mạc ở đây thì chỗ mình ở cũng không đến nỗi nào. Người Việt Nam có câu "nhìn lên không bằng ai, nhìn xuống không ai bằng". Thành phố Waldshut, nơi trung tâm có hai dãy phố xưa nhưng trông rất sạch sẽ và đẹp, nhờ đường đi chính giữa rộng rãi giống như một công viên, các siêu thị buôn bán tấp nập. Chợ trời nằm giữa hai dãy phố; bán bánh ngọt, trái cây và rau cải. Người mua đa số là những người Thụy Sĩ ở gần biên giới Đức vì giá cả ở đây có nhiều thứ rẻ hơn.

Đào qua một vòng, chụp vài tấm ảnh lưu niệm, chúng tôi lại ra trạm xe bus về Höchenschwand. Tới sớm 20 phút, ngồi ngắm núi non và xe cộ chạy qua lại trên mặt đường. Nhà tôi nói nhỏ với tôi "nhìn kia, cô gái ngồi bên kia ghế băng có cái túi vải giống của mình quá". Nhờ vậy tôi mới chú ý đến cô ta. Cô này tuổi tác độ ba mươi, ăn mặc cũng bình thường như những cô khác, nhưng không hiểu vì sao miệng cô nói luôn tôi nghe mà chẳng biết cô nói gì và nói với ai. Những người chung quanh cũng đang chăm chú nhìn cô. Nhà tôi nói :

- Có thể cô ta đang thực tập để thi vấn đáp một môn gì đó.

Lúc lên xe bus có rất đông người, vừa ngồi vừa dừng chặt cả xe, cô ta lên sau cùng. Các trạm xe kế tiếp cũng có kẻ lên người xuống, cô đứng gần ông tài xế nói liên miên, có lẽ vì bị bối nên trạm sau ông kéo cô ta bỏ xuống đường, mặc cô kêu réo, chỉ chò, xe tiếp tục chạy. Các hành khách đứng gần bên ôm nhau, khoan khoái giống như người thoát nạn. Người Việt Nam có câu "Bây mười chưa gọi mình lành", chúng tôi đã chứng kiến, thấy bất nhẫn quá. Một mình cô đứng ở trạm xe dọc đường ngập tuyết, lạnh lẽo, nếu chờ chuyến xe tiếp cũng mất gần 2 giờ sau. Liệu ông tài xế khác có đủ kiên nhẫn để chờ một hành khách mất bình thường không? Tôi nghĩ mãi chuyện này mà xe bus đã về tới phố hồi nào không hay.

Ở Kurklinik mỗi tuần chúng tôi đi khám bệnh, cân và đo máu một lần. Từng đầu tập luyện, ăn uống, đi dạo thành thói, sung sướng quá thì sẽ lên cân. Không ngờ mỗi có tuần lễ đầu tôi xuống 2 kg, máu xuống thấp, có y tá phải đo đi đo lại hai ba lần. Bà Bác sĩ hỏi tôi, tôi cứ ngập ngừng không muốn nói, những cuối cùng phải nói thật, vì tôi không ăn được đồ ăn lạnh vào buổi chiều. Bà Bác sĩ điện thoại qua ban nấu ăn, tại đây có hai cô kiểm soát về lượng Calorie ăn uống hằng ngày. Tôi đã trình bày với bà là tôi không muốn làm phiền ban nấu ăn lo cho riêng tôi. Viết đến đây tôi nhớ đã có lần tôi đọc bài Ăn Chay của chị Lê Thị Bạch Nga (trong quyển Đạo và Đời do chùa Viên Giác xuất bản) "*Miếng Ăn Là Miếng Xấu. Nói Ra Thật Xấu Hổ*". Câu này tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả, vì tôi cũng nghĩ y chang như vậy. Những chuyện đã rồi, chẳng đáng dừng.. Nhà bếp nấu cho tôi một tô Súp vào buổi chiều. Những đồ ăn Đức và người Đức nấu theo khẩu vị của mình thì cũng chịu thôi. Vài ngày sau tôi cho nhà bếp biết tôi muốn ăn bình thường như tất cả mọi người.

Buổi trưa, tôi đang nằm đọc sách, chợt điện thoại reo. Bên kia đầu dây:

- Spring đây. Tôi bình quá.

Không cần suy nghĩ, tôi nói ngay:

- Bà chờ, tôi tới ngay.

Gác điện thoại, tôi chạy một mạch xuống tầng dưới, số phòng 105.

Mở cửa phòng tôi thấy bà Spring vẫn nằm trên giường, bà nói với tôi: - Từ lúc đi Bác sĩ (9 giờ sáng) tới giờ, chân tôi tê cứng, mất hết cảm giác, chắc tôi phải ngồi xe lăn quá (giọng nói của bà thật buồn).

Tôi an ủi bà:

- Không đâu, bà không thể nào ngồi xe lăn. Còn y tá, họ có giúp cho bà được gì không?

- Có, y tá có đem cơm trưa tới đây và nó hẹn bốn giờ sau sẽ tới.

Tôi để chân bà ngay thẳng và nói:

- Tôi sẽ xoa bóp cho bà, hy vọng bà sẽ đi được, cũng không cần phải đẩy xe.

Bà buồn buồn:

- Mày an ủi tao hoài, hôm qua mày nói sẽ cầu nguyện Chúa và Phật ban phước cho tao đi được". Nhưng...

Tôi bắt qua chuyện khác:

- Y tá có đưa dầu xoa bóp cho bà không?

- Họ nói không được xài dầu.

Tôi làm thình, không dám làm tài khôn đem dầu nước xanh xoa bóp cho bà.

Xoa bóp khởi khởi tôi không hy vọng gì, nhưng có thể vì tình thương của tôi sẽ đem lại sự ấm áp cho bà.

Bà Spring kể lại hồi trưa, con gái điện thoại cho bà, biết bà đi không được nó lo lắng nên nó nói "tao gọi mày tới coi mày có giúp gì được không?". À. Thì ra câu chuyện quen biết giữa bà và tôi bà đã kể hết cho con của bà nghe rồi.

Tôi cũng kể cho bà nghe một chuyện:

"Ngày trước (1979) ông xã nhà tôi nằm bệnh viện, cùng phòng với một ông già người Đức. Hai người đều giải phẫu về xương sống, ông ta lớn tuổi yếu hơn nên nhà tôi thường hay giúp đỡ ông những lúc không có y tá, như mặc quần áo, mang giày v.v..."

Đến lúc nhà tôi xuất viện thì ông khóc và nói:

- Tao biết khi mày về rồi thì có người khác tới, nhưng tao chắc họ không có những tình cảm giống như mày.

Nhà tôi cảm động và an ủi ông:

- Khi ông về rồi thì có vợ và các con săn sóc ông. Còn tôi, có về nhà thì cũng có đón vợ và con tôi còn ở đảo, chưa biết thời gian nào mới được đoàn tụ.

Ông cản dặn nhà tôi:

- Chẳng nào vợ con của mày sang Đức thì nhớ báo tin cho tao biết. Nói xong, ông viết cho nhà tôi địa chỉ và số điện thoại của ông.

Thời gian sau, khi tôi và hai cháu qua Đức thì nhà tôi viết thư báo tin cho ông; bà Meyer (tên ông già Đức) biết. Ông bà mời chúng tôi đến thăm nhà và cũng vì tình cảm đậm đà mà ông bà Meyer đã nhận chúng tôi làm con nuôi. Và cũng từ đó đến nay chúng tôi có cha mẹ nuôi. Gia đình ông bà sống ở miền quê, hiền lành và chất phác. Điều này cũng cho chúng tôi một nhận xét người sống ở miền quê, dù ở xứ nào cũng thật thà hơn người ở thành phố.

Mãi đến bây giờ, hằng năm chúng tôi tới thăm ông bà vào dịp lễ Giáng Sinh, quà cáp của chúng tôi cũng giống như của con cái đem

về biếu cha mẹ, ngược lại cha mẹ nuôi cũng đã chuẩn bị quà cáp cho chúng tôi đem về ăn Tết"

Bà Spring miên man theo dõi câu chuyện. Chợt bà cầm tay tôi:

- Mày cũng giống như con gái tao vậy.

Tôi lặng lẽ xoa bóp cho bà, những cử chỉ, ánh mắt triu mến của bà nhìn tôi, bất giác tôi cảm nhận bà giống như mẹ hiền của tôi ngày trước. Có thể vì sự trùng hợp này nên tôi đã đem lòng thương bà giống như mẹ ruột của tôi. Đáng tiếc, phận làm con, đến khi hiểu được tình thương, muốn săn sóc, phụng dưỡng cha mẹ thì đã muộn rồi.

- Sao bây giờ thấy nhẹ quá, chắc tao đi được rồi.

Tôi giục mình như tỉnh giấc mơ. Chẳng lẽ lại công hiệu như vậy sao?

Tôi đỡ bà ngồi dậy và bước xuống đất đi thử. Bà đã tự đẩy xe đi vào Toilette. Cảm ơn Trời, Phật đã ban phước cho bà.

Bà ôm chầm lấy tôi:

- Mày còn giỏi hơn y tá.

Tôi cười và cảm thấy vui vui.

Vài hôm sau, bà cần gội đầu nên hỏi tôi tiệm uốn tóc. Tôi nói:

- Nếu bà không "ché" thì tôi sẽ "làm đẹp" cho bà để cuối tuần gặp các con.

Tuần lễ thủ tu.

Người cũ lần lượt ra về và người mới đến, tôi theo dõi xem có người Việt Nam nào tới không? Chúng tôi lúc còn "ma mới" thì "ma cũ" nhìn mình chăm chú. Đến lúc được "làm ma cũ" rồi thì những "con ma mới" lại cũng nhìn mình. Thế mới biết lúc nào mình cũng chịu thiệt thôi, cho dù mình đã mang quốc tịch người bản xứ. Nhưng có ai hỏi mình quốc tịch nào mà họ chỉ nhìn sự khác biệt của mái tóc, làn da.

Bà Spring thì đếm từng ngày và thời gian tôi còn ở lại. Trong lúc này lẽ ra tôi có nhiều thời giờ để viết hoặc đọc sách. Nhưng, ngoài thời gian trị bệnh hoặc làm những việc cần thiết, tôi đều dành trọn cho bà. Nhiều người (nhân viên làm việc cũng như những người đến đây dưỡng bệnh) đều ngạc nhiên, vì những người đến đây trị hoặc dưỡng bệnh, nếu đi một mình thì họ tìm "đôi tượng", hoặc "đàng hoàng" hơn thì họ tìm bạn thân. Còn những người đi chung (vợ chồng) thì họ cũng "dính liền nhau". Chỉ có mình tôi khác thiên hạ, tối ngày chỉ biết có "bà già". Bà Spring cũng đặt câu hỏi này với tôi. Tôi cười và đặt tay vào bên "ngực trái" của bà.

Nhà tôi không buồn mà trái lại anh có thời gian yên tĩnh để viết bài và soạn tổng kết của Gia Đình Phật Tử cho tờ báo Viên Giác Xuân.

Ngày 21.11.95.

Nhóm người đến cùng một lần với tôi, có người được ở thêm một hoặc hai tuần, nhưng phần nhiều đều về đúng ngày (4 tuần).

Trưa hôm nay tôi có giờ gặp Bác sĩ theo dõi bệnh trong suốt thời gian tôi ở đây. Chờ đến lượt mình, tôi ngồi nói chuyện với thành Đức mập (chỉ vì mập mà được đi Kur) Thành này còn trẻ, khoảng chừng ba mươi tuổi nhưng hiền khô. Tôi có cảm tình với nó từ ngày đầu tiên tôi chờ khám bệnh, nó tới trước tôi, nó vào trước nhưng bị bà tóc vàng tôi sau (nhà tôi gọi đùa là bà Brigitte Bardot), đẩy nó ra để giành vào trước. Nó ở đây 6 tuần lễ và xuống được 8 kg.

Bà Bác sĩ Saczki (người Ba Lan) tiếp tôi khoảng nửa giờ, bà lập hồ sơ về bệnh của tôi (kể cả những phim chụp bằng quang tuyến) để lưu trữ nơi đây và tôi nhận lại phim chụp bên vai trái của ông Facharzt Orthopaedie (Bác sĩ chuyên khoa về xương) ở Lingen. Khi từ già, tôi cảm ơn bà đã theo dõi trong thời gian tôi điều trị ở đây. Cùng buổi trưa hôm đó tôi tặng một bao li-xi cho nhà bếp và một bao riêng cho hai cô dọn phòng (1 cô người Pháp và 1 cô người Nam Tư).

Chiều hôm ấy tôi tới bà Spring sớm hơn thường lệ, tôi định nói thật nhiều nhưng có mấy lời từ già mà nói cũng không xong, Bà cảm ơn tôi vì sự chăm sóc và giúp đỡ cho bà. Còn tôi cũng cảm ơn bà cho tôi sống lại tình thương và vòng tay êm ái của người mẹ hiền.

Ngày 22.11.95.

Chúng tôi xuống phòng ăn thật sớm, bà Spring đã chờ sẵn nơi đây. Bao nhiêu lời nói ân tình rồi cũng phải chia tay, kẻ ở người đi làm sao tránh khỏi xúc động. Tôi rời Kurklinik vào lúc 7 giờ 35 phút và ngồi chuyên xe lửa suốt về thành phố Lingen thân yêu.

NGƯỜI BẠN VONG NIÊN

• Thiện Nghĩa & Diệu Huệ

Dó là Vũ Ngọc Long, người bạn trẻ hơn chúng tôi trên dưới hai Giáp mà chúng tôi gọi là "cháu" như trong gia đình.

Năm 1985, lên dự lễ Phật Đản tại Chùa Viên Giác, gặp một thanh niên thờ thần ngoài sân, tự nhiên chúng tôi lại hỏi thăm là có cảm tình liền. Lúc đó chưa biết anh là ai cả. Dần dần hiểu rõ con người anh, chúng tôi càng có lòng mến. Mà anh cũng đồng giao cảm với chúng tôi chóng trở nên thân. Nhất là sau biết anh cũng ở Ban Biên Tập báo Viên Giác, thành cũng có nhiều ý kiến trao đổi cùng anh.

Chúng tôi thường gửi cho anh sách vở và báo chí mà chúng tôi đọc thấy hay hoặc phóng ảnh, phần lớn bằng tiếng Anh và Pháp. Còn anh có khi anh gửi về Làng Văn, Lửa Việt, Chiến Hữu và Dân Chủ Mới và phóng ảnh một vài tài liệu cho chúng tôi. Rồi luận bàn bằng thư từ. Có lần về Hồ Quý Ly của Whitmore anh thấy chưa có tài liệu nào mà được đầy đủ như vậy, dành trọn một ngày nghỉ để đọc, rồi viết cho chúng tôi một lá thư dày đặc bốn trang. Anh nói những sách hay làm anh quên ăn bỏ ngủ. Cùng bàn về những Hội đoàn mà anh đã dự.

Nhà chúng tôi cách nhau cả trăm cây số mà thỉnh thoảng anh đến chơi trò chuyện, chúng tôi cũng giữ ở lại ăn cơm, anh chỉ một đôi lần, còn nói phải về với hai cháu nhỏ, anh luôn lo cho con. Có một lần anh đón chúng tôi đến nhà anh chơi, ở hẳn luôn hai ngày. Anh nấu nướng sẵn cả, nào chả giò, nào món nộm. Anh bảo anh quen nấu nướng cho các cháu rồi. Anh đưa chúng tôi đi thăm cảnh quanh vùng và một số bà con nói đó! Ai đổi với anh và với chúng tôi cũng niềm nở, tỏ là anh ăn ở cũng được lòng mọi người.

Hồi trước mấy lần chúng tôi đi dự Lễ Phật tại Reutlingen, gần nơi anh ở, đi đến bằng xe lửa, anh ra ga đón rồi đưa chúng tôi đến Nhà Thờ, nơi làm lễ, rồi hẹn khi nào chúng tôi về anh sẽ lại đón. Tưởng anh đưa chúng tôi ra ga rồi chúng tôi về xe lửa lấy, nào ngờ anh chờ thẳng về nhà chúng tôi cách cả trăm cây số dặm đường! Chúng tôi không chịu thì anh bảo lúc này anh được rảnh, và muốn vừa lái xe vừa trò chuyện.

Anh không dự Lễ Phật, vì anh bảo "cháu thì duyên nghiệp còn nhiều, lòng trần còn quá nặng nên chẳng dự vào việc Phật Đạo, chỉ khuyến khích anh em ở quanh rảnh làm sao cho sáng danh đạo cả". Và lúc ở đấy tổ chức lớp học giáo lý thì anh nói "đáng lẽ cháu cũng phải học để cho tâm nó trụ lại, hiện giờ thấy tâm còn bồng bềnh quá nên đành đợi dịp khác".

Anh hoạt động chính trị, đi họp, đi thuyết trình, lúc hăng say, có lúc cũng thấy mệt mỏi, tốn kém, nhưng anh luôn tự nhủ "không lẽ vượt sông vượt biển qua đây đi làm "cu-li" (hồi đó anh làm ở xưởng dệt), không đóng góp gì thì túi quá", nên anh luôn trên đường thiên lý, khi ở Bỉ, ở Pháp, khi ở Berlin, có khi vắng nhà luôn mấy ngày, phải lo nấu nướng trước cho các con.

Những lần anh đi gần, như Straßburg, Frankfurt, có khi anh đến đón chúng tôi cùng đi. Nhờ thế chúng tôi cũng biết vài khuôn mặt chính trị như Lai Thế Hùng, Võ Đại Tôn. Sau này anh phải đi làm xa, không có dịp đón chúng tôi nữa!

Anh viết Tin Tức Thế Giới cho báo Viên Giác cũng được 8, 9 năm, sau phải ngưng, một phần cũng vì anh quá mệt, và chán nản vì dù thủ chuyện, bệnh hoạn, bị hiểu lầm. Anh kể có lần anh viết chuyện ngắn, viết thật đúng đến 90% chỉ thêm thất vài chi tiết cho nó có vẻ bi đát một chút thôi mà bị thiên hạ cự nự, kiện thưa. Anh bảo "có lẽ ngòi bút của cháu chua cay làm họ khó chịu".

Thì vậy đó, chua cay mà thẳng thừng quá. Nhưng chúng tôi biết anh viết với tất cả tâm trí của anh. Anh nợ nước và thù nhà rất sâu đậm (anh luôn nhắc đến người anh quá cố của anh).

Anh làm báo chỉ viết tay, hàng 3, 4 chục trang, không có bản sao (làm phóng ảnh cũng tốn), nên mỗi lần bị lạc là phải cong lưng làm lại tất cả từ đầu, mất cả buổi, nhất là lúc trước anh còn đi làm "ca", mà con còn nhỏ, phải vừa viết, vừa nấu nướng cho con!

Về báo Viên Giác, anh nói giấc mơ của anh là làm sao cho báo Viên Giác phổ quát sâu rộng trên khắp các nước và bán với giá tượng trưng nào đó để giá trị tờ báo không bị coi là báo cho, báo tặng (ở bên Mỹ thì người ta coi thường báo tặng không), và anh có viết thêm "những giấc mơ này bao giờ thực hiện được, vì cháu chỉ đóng góp nhỏ nhoi, đâu có ý kiến gì được. Bây giờ cháu Long thấy đó, báo đã được định giá 20 Đắc Mã tượng trưng (cho một năm), và độc giả có thể tùy hi đóng góp thêm.

Giữa năm ngoài đi Mỹ về anh có viết thư cho chúng tôi kể cuộc đi chơi gặp bà con bạn bè rất lý thú, và thêm là "thấy anh em họ làm báo rất ham, mà cháu ở Đức thì bó tay".

Anh Long bị tai nạn mất, chiều hôm trước thì hôm sau con trai anh, cháu Chinh, báo tin cho chúng tôi. Làm sao cháu biết điện thoại của chúng tôi và lâu rồi cháu chưa gặp chúng tôi tại sao cháu còn nhớ được tới chúng tôi? Cũng may mà có cháu báo tin chúng tôi mới biết. Được tin mà sững sốt, nước mắt rưng rưng, từ đây sẽ không bao giờ gặp lại cháu Vũ Ngọc Long nữa ...

Vậy mà hôm tiễn đưa cháu, chỉ có một mình bác Thiện Nghĩa đi được thôi. Bác bị cảm suyễn đành phải ở nhà cầu nguyện cho cháu.

.....

Buổi tiễn đưa, trước linh cữu, hình ảnh của cháu tóc còn đen, ánh mắt quắc thước. Vậy mà cháu đã ra người thiên cổ. Để lại bao nỗi nhớ thương, và nhìn lại hai con của cháu, bác thật xót xa. Bác cũng lại xót xa nhớ các bài thơ cháu nói lên niềm mong ước trong đáy lòng: đi được trở về quê nhà, những hình như linh tính báo trước, nên mới có những lời thơ:

"Thôi vĩnh biệt, ôi quê hương yêu dấu

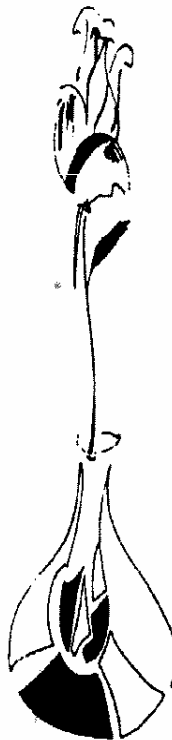
Chắc thân này yên nghỉ xử người thời"

Nay bác chỉ biết cầu nguyện cho vong linh cháu sớm được siêu thoát. Thật là cái Nghiệp! Chủ khó mà tưởng tượng một người hoạt động như cháu, sau một tai nạn, lại phải ngàn năm vĩnh biệt...!

Viết ngày 19.4.1996

Nắng ấm tình người

• Tuy Anh



*Ta về từ lúc tàn đêm
Trăng sao cũng lạnh bên thềm động sóng
Mở hồ nghe thoảng trầm hương
Tiếng đàn trầm những nỗi buồn lưu vong
Rã rời tháng nhỏ ngày mong
Tiếng kinh nghe cũng nao lòng cổ nhàn
Mặt mù từ độ phong vân
Tưởng ta cũng đã vong thân với đời
Nửa đời cũng đủ tã tời
Còn thêm nước mắt cho người chia xa
Tình đi, tình cũng phai pha
Đời đi, đời cũng thoáng qua với người
Tiếng buồn thánh thót khôn người
Tiếng vui xa vắng, tiếng cười mất tăm
Ngậm ngùi cùng với tháng năm
Nâng niu nửa giấc, ăn cần nửa cơn
Xót người, nắng gọi hoàng hôn
Gọi hồn lau lách bên cồn ngu yên
Tiếng ru buồn những ưu phiền
Lời ru với vợ trên miền mộ dự
Em ơi, giấc điệp ngàn thu
Ru ta bằng những tiếng ru nào nề
Ru ta bằng những đam mê
Ru ta bằng những vỡ về lãng quên
Ru đời, đời lấm đào điên
Ru người, người cũng truan chuyển với đời!*

Một mai nắng ấm tình người

Nhìn nhau xin nở nụ cười bao dung!

(Hamburg, 17.4.96)

VÀI NÉT CHẤM PHÁ VỀ nhà thơ **DY SỸ**

◆ Quang Vũ

Tối thứ bảy hôm đó, một sự tình cờ khiến tôi được chú nhà, người đã tổ chức buổi họp mặt thân mật, xếp tôi ngồi cạnh nhà thơ Dy Sỹ. Hôm đó tôi đã đến trễ. Vì thế, vừa ngồi xuống ghế, đã thấy anh hoạt náo viên của chương trình họp mặt hôm đó lên máy vi âm, đại diện gia chủ, giới thiệu chị Bích Ty lên ngâm bài thơ "Nhớ Saigòn" của nhà thơ Dy Sỹ. Trong căn phòng rộng rãi, bàn ghế sang trọng, vừa dùng làm nơi hội họp, tổ chức dạ vũ, vui chơi trong gia đình và bạn bè; hơn 60 người hiện diện hôm ấy đã vỗ tay, chờ đợi bài thơ...

Tiếng sáo "Tao Đàn" hôm ấy đã không có. Một khách tài tử tình nguyện dùng đàn ghi-ta điện để đệm những âm thanh rất hòa hợp như tiếng sáo, giúp cho người ngâm ngọt ngào hơn. Giọng ngâm thơ quá hay. Nhất là bài thơ có nhiều ý nghĩa độc đáo. Chị Bích Ty đã đối giọng ngâm đến bốn lần để trình bày bài thơ đó. Từ giọng Sa-Mạc miền Bắc, giọng ru êm, giọng hồ Huế, giọng vọng cổ miền Nam... Khán thính giả đã lắng hồn, mê mải theo ý thơ, lời ngâm. Nhất là gia chủ lại làm bản sao của bài thơ, để mọi người có thể theo dõi tiết tấu của nó.

Thơ của Dy Sỹ, tôi đã được đọc rải rác trên các nhật báo, và tập san, đặc san trong và ngoài nước. Những hôm ấy, tôi mới có dịp thường thức trọn vẹn cái hay của thơ Dy Sỹ khi được người ngâm diễn tả đúng cách. Mọi người đã vô cùng khen ngợi bài thơ và người diễn ngâm. Nhiều người thắc mắc về biệt hiệu "Dy Sỹ". Một thân hữu có mặt hôm đó vốn người Hưng Yên như Dy Sỹ, đã cho tôi biết rằng: Dy Sỹ là tên tổng hợp của hai làng Đa Sĩ, và làng Dị Sĩ. Những làng này nằm cách Hà Nội khoảng 30 cây số, trên quốc lộ số 5. Vua đã ban cho tên là làng Đa Sĩ, vì có một năm dân làng đó đã đậu Tiến Sĩ nhiều người. Thời Pháp đô hộ, thấy làng Đa Sĩ quá nhỏ, nên đã cho sát nhập với làng Dị Sĩ để tiện việc hành chính, làng Dy Sỹ được lập ra từ đó. Mỗi làng giữ một chữ trong tên làng mình, để làm thành tên làng mới Dy Sỹ.

Thân phụ của nhà thơ Dy Sỹ là người làng Đa Sĩ, thân mẫu là người làng Dị Sĩ. Hai làng chỉ cách nhau một con rạch nhỏ. Làng Dy Sỹ nổi tiếng có ngôi đình làng thật lớn. Lớn nhất cả phủ huyện vùng đó. Nhà thơ Dy Sỹ tên thật là Phạm Nguyên Lương. Trong thời thơ ấu, lúc chiến tranh Pháp và Việt Minh đang đến hồi khốc liệt, thi sĩ đã ở nơi chôn nhau cắt rốn của mình làng Dy Sỹ cho đến năm 8 tuổi mới theo gia đình đến lập nghiệp ở Hải Phòng. Dy Sỹ sinh năm Nhâm Ngọ (1942). Trai Nhâm nữ Quý là những năm sinh tốt cho người Á Đông. Con ngựa đã đi rất nhiều, từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Dy Sỹ gia nhập quân đội từ

năm 1969 tại trường Quân Y. Sau làm Bác sĩ Quân Y ở các tỉnh thuộc Vùng 2 Chiến thuật. Ông vừa phục vụ trong quân đội, vừa mở phòng mạch tư. Nếp sống của ông bình dị, lúc làm việc nước, lúc chữa trị cho bệnh nhân. Lúc viết văn làm thơ...

Những kỷ niệm thời tiểu học ở trường Lê Hải và Ngô Quyền ở Hải Phòng là những kỷ niệm đẹp và ảnh hưởng rất nhiều trong thơ văn Dy Sỹ. Nhà thơ có những bạn hữu, học cùng lớp thời trung học, sau trở thành những nhà văn, nhà thơ như Hoàng Khởi Phong, Ca-Ra Huy. Ngay từ lúc còn trẻ, Dy Sỹ đã say mê thơ phú và sinh hoạt văn nghệ. Thơ của ông được đăng tải trên nhiều báo chí ở Việt Nam thời bấy giờ.

Ông còn có bút hiệu Hải Thanh khi viết những bài nặng tình thần về khoa học, phê bình, thảo luận, nghệ thuật, sưu tầm... Điển hình, trước khi mất năm 1975, Hải Thanh viết hằng say và phụ trách một trang về nghiên cứu khoa học bên cạnh trang của nhà văn Trần Việt Sơn (bào huynh của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh) trên báo Văn Nghệ Tiền Phong. Ông còn viết cho nguyệt san Thời Nay, Gia Định, nhật báo Chính Luận, Ngồn Luận, Tia Sáng, Chiến Sĩ Cộng Hòa. Ông cũng là tác giả của nhiều bài về y khoa, khoa học, sưu tầm... để giúp đỡ đồng hương và xây dựng cộng đồng. Khi viết về những loại bài này ông thường dùng tên thật Phạm Nguyên Lương, Phạm Lương hoặc bút hiệu Hải Thanh.

Ngoài hai tập kịch thơ và thơ được nhà xuất bản Nguồn Sống phát hành, để ra mắt ngày hôm nay. Những chuyện dài của Dy Sỹ đã hoặc chưa đăng trên các báo Việt ngữ sẽ lần lượt được xuất bản.

Truyện dài "Người Mỹ gốc Việt", "Những Mảnh Đời Và Cố Vấn Tâm Lý" đang được dịch ra Anh ngữ, cũng sẽ được xuất bản trong ngày gần đây.

Những kịch thơ, thơ, truyện ngắn, truyện dài, cùng những loại bài khác, ngoài mục đích làm những món ăn tinh thần cho đồng hương, còn góp phần xây dựng đời sống tâm linh lành mạnh, đầy tự tin cho giống nòi Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới. Phần phê bình vào chi tiết những tác phẩm này xin dành cho quý vị khác. Một điều lý thú là khi tôi hỏi Dy Sỹ nghĩ thế nào khi được nhiều người ca tụng ông là thi sĩ về những cội nguồn lịch sử, nặng tình dân tộc... Dy Sỹ vui vẻ trả lời:

"Ngoài nghề nghiệp y khoa và thường xuyên sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử ở các Chùa. Ông viết thơ văn, chơi Tennis, trồng cây... chỉ là để giải trí. Nhưng dù là giải trí, ông cũng cố gắng để đạt đến một mức nào đó. Nếu đồng hương thấy rằng khả năng ông đã giúp ích cho cộng đồng Việt Nam, thì đó là điều mãn nguyện của tác giả..."

Để kết luận phần giới thiệu về tác giả Dy Sỹ này, tôi có thể nói ngay rằng, với khả năng xuất sắc, tác giả Dy Sỹ đã cống hiến cho nền văn hóa Việt Nam tại hải ngoại rất nhiều những kịch thơ và thi phẩm giá trị. Góp phần xây dựng tinh thần dân tộc, tinh thần tự tin của người cao niên cũng như thế hệ trẻ tuổi Việt Nam ở khắp nơi trên hoàn cầu. Cuộc sống và sự khiêm tốn của tác giả đã cho thấy tính chất đa năng và đa hiệu của ông.

Tôi hy vọng rằng Dy Sỹ vẫn tiến đều và còn cung cấp cho chúng ta những món ăn tinh

thần độc đáo hơn nữa, để góp phần xây dựng cho cộng đồng Việt Nam khắp nơi.

Dy Sỹ, một thi tài trong làng thơ,
có gì lạ trong hai thi tập:

* Người Việt Nam nhớ về nguồn gốc Việt Nam

* Anh hùng và giai nhân Việt Nam

Một điều ít ai để ý là nếu một người nào đó làm được nhiều bài thơ hay, đem đến một nhà xuất bản để nhờ phát hành. Trong phần lớn trường hợp, các nhà xuất bản sẽ từ chối phát hành và khuyên họ rằng: quý ông nên tự túc, bỏ tiền ra in lấy. Vì rằng những tác phẩm về thi ca rất khó bán. Nhà xuất bản sẽ bị lỗ là. Tuy nhiên nếu người đó đã là một thi sĩ, văn sĩ nổi tiếng, có tác phẩm bán rất chạy các nhà xuất bản sẽ đua nhau nhận để phát hành.

Tôi đưa ra những nhận xét kể trên để đọc giả hiểu được những khó khăn của người viết, khi muốn được các nhà xuất bản chú ý và phát hành tác phẩm của mình. Nói cách khác đi, một tác phẩm muốn được chọn phải có một giá trị nghệ thuật nào đó. Tôi muốn nói đến hai thi phẩm của Dy Sỹ vừa được nhà xuất bản Nguồn Sống phát hành.

Hai Thi tập "Người Việt Nhớ Về Nguồn Gốc Việt Nam" và "Anh Hùng Và Giai Nhân Việt Nam" đã được tiếp đón nồng hậu và xuất bản. Nhà phát hành Nguồn Sống đã phê bình về hai tác phẩm của Dy Sỹ như sau: "Mở đường cho một lối sáng tác mới, đem lại linh thần dân tộc. Làm cho người Việt dù đang lưu lạc nơi hải ngoại, vẫn có thêm nguồn tin, khi nghĩ đến dòng giống oai hùng của mình. Với những kịch thơ và thơ về Việt sử, Dy Sỹ không chỉ dừng lại ở chỗ khơi dậy niềm tự hào của dân tộc mà ông còn muốn mang niềm tự hào đó làm thành một thủ vũ khí sắc bén, để đánh bại nỗi tự ti mặc cảm trong một số người, của những ai chỉ thấy sức mạnh hạn hữu của vật chất, mà không thấy cái giá trị vạn năng của văn hóa dân tộc Việt Nam".

Chúng ta thử lần lượt tìm hiểu xem hai tập thơ và kịch thơ của Dy Sỹ có những giá trị như lời phê bình của nhà xuất bản Nguồn Sống hay không? và hai thi phẩm đó có giá trị như thế nào của toàn thể người Việt chúng ta?

Ngay trong phần mở đầu tập thơ "Người Việt Nam Nhớ Về Nguồn Gốc Việt Nam", thi sĩ Nguyễn Sa đã có những lời giới thiệu hết sức nồng nhiệt:

... "Kịch thơ "Lên Đường" đã làm tôi chấn động thời tuổi trẻ. Cội "Lên Đường" năm 1945, cảm xúc tràn vào tôi rất mạnh, mặt nóng bừng, tim đập xôn xao... Ra về trong xúc động, đêm khuya còn trần trọc. Cảm giác rung động thật mạnh khi thưởng thức một tác phẩm văn nghệ lúc còn trai trẻ, tôi từng chứng như đã đánh mất. Không, Đọc thơ, và kịch thơ của Dy Sỹ, cảm giác phấn khởi, hào hứng, đột nhiên trở lại... Vì thơ Dy Sỹ, vì lịch sử? vì quê hương trong thơ Dy Sỹ? Vì cả hai...??

Trong hầu hết các vở kịch thơ, Dy Sỹ đã đưa ra những câu nói bất hủ của những anh hùng, liệt nữ, hoặc những người luôn hết lòng vì đất nước. Những lời nói khải khí, yêu nước, xuất phát từ những vị Danh Tướng. Trong kịch Trận

Bạch Đằng Giang. Danh Tướng Trần Hưng Đạo đã khuyên nhủ các tướng sĩ ba quân:
*"Chết vì nước, vì giường Bình Trọng,
 Ngõ Quyền kia, trung dũng, anh hùng,
 Làm trai cho xứng với núi sông
 Giường xưa hãy nhỏ, chớ không phụ lòng..."*

(Trang 42, trong Trần Bạch Đằng Giang)

Khi quân nhà Minh sang xâm chiếm nước Nam. Cảnh toàn dân kháng chiến chống ngoại xâm đã được Dỵ Sĩ hình dung lại rõ. Cả những Á Đào, cũng đã sẵn lòng chết cho quê hương. Một Á Đào đã đáp chất trả lời một tên tướng Minh, khi bị quân Tàu bắt giữ:

*"Ta thích thì ta cười,
 Có sao người lại lăm lăm hỏi han?
 Ta thà làm quý nước Nam*

Há đâu run sợ trước quân ngoại thù..."

(Màn 2, trang 90, Bình Định Vương đại phá quân Minh)

Thi sĩ Nguyễn Sa đã đặt câu hỏi, là phải chăng Dỵ Sĩ đã đặt những người Á Đào ở địa vị quá cao, hay vì lòng yêu nước, khiến người dân Việt nào cũng sẵn lòng đổ máu để bảo vệ non sông, chống ngoại xâm?

Dỵ Sĩ đã đưa nhiều gương sáng chói. Trong kịch thơ *Giếng Kiên Nhẫn Cửu Quốc* của Bình Định Vương, Dỵ Sĩ đã rất thâm thúy, khi đặt những lời nhắn nhủ của Lê Lợi, đến các tướng sĩ như sau:

*"Tổ quốc kia không của riêng ai cả,
 Người mất đi nhưng non sông còn đó,
 Biết tận trung ái quốc, xứng con người,
 Theo ngoại bang để danh lợi một thời,
 Dù trí trá, muốn đời luôn nguyện rửa..."*

(*Giếng Kiên Nhẫn Cửu Quốc*, Màn 1, trang 74 và 75)

Thơ Dỵ Sĩ đã phong phú trong nhiều lãnh vực. Sang lãnh vực tình cảm Dỵ Sĩ đã thường mây, khóc gió, mơ mộng, khắc khoải, ngậm ngùi... Nhiều bài thơ đã được phổ nhạc. Điển hình là hai bài *"Nhớ Nhung"* và *"Nhật Ký Cho Em"* trang 152 và 154, đã được Bác sĩ kiêm ca sĩ Trung Chính phổ nhạc...

Đặc biệt là bài thơ, mà bất cứ chú rể nào cũng muốn ngâm cho cô dâu nghe trong tiệc cưới của hai người. Bài thơ của Dỵ Sĩ đã diễn tả những gì chú rể cần nói với cô dâu, những hoạch định, hứa hẹn tương lai trong ngày tân hôn...

*"Tôi đã gặp em, người tôi mơ muốn thuở,
 Dáng thanh thanh, với ánh mắt tuyệt vời.
 Tiếng em cười, rộng mở cả hồn tôi,
 Bàn tay đẹp một khung trời ấm ắp.
 Hãy đến bên anh đóa hoa hồng tươi thắm,
 Lễ sống của anh, sẽ bắt ngát từ đây.
 Hãy hứa với anh, ngay từ giây phút này,
 Anh và em, sống vì nhau mãi mãi..."*

(Trang 157, *Người Việt Nam Nhỏ Về Nguồn* Góc VN)

Còn phải viết nữa để tả hết độc đáo của hai tập Kịch Thơ và Thơ của Dỵ Sĩ. Cách hay nhất là để chính độc giả tìm đọc những thi phẩm kể trên...

Chỉ cần đọc những lời phê bình, góp ý, ca tụng của những độc giả bốn phương gửi đến Dỵ Sĩ, được đăng tải ở mặt bìa hai thi phẩm, chúng ta có thể thấy được sự đãi ngộ của độc giả khi đọc những tác phẩm này đã đăng trên báo trước kia in thành thi phẩm...

Dỵ Sĩ quả góp phần làm phong phú thêm cho nền thi văn kịch nghệ Việt Nam. Một điểm son sáng ngời cho Dỵ Sĩ.

• Đan Hà

*Bước chân về rất vội
 Khi bóng chiều ngả sườn
 Và khi quanh bóng tối
 Đang phủ xuống con đường*

*Nhìn trước mặt xa lạ
 Nhìn sau lưng chẳng quen
 Chỉ nghe hồn bằng giá
 Rời xuống đáy muộn phiền*

*Tháng ngày qua rất nhanh
 Mang theo bao dấu ái
 Tôi vẫn bước độc hành
 Niềm cô đơn đã hai*

*Ở đây cũng phố phường
 Sao lòng tôi khổ héo
 Giăng mắc những con đường
 Nên đời tôi lạc nẻo*

*Buổi mai này về đâu
 Trong khi hồn đã quạnh
 Nghĩ lại thuở ban đầu
 Mà nhớ thương canh cánh*

*Tôi như nước cuối nguồn
 Đã xa dần nguồn cội
 Thời hãy lấy máy ngàn
 Làm lời kinh sám hối*

Những nụ hồng

(*Kính tặng tác giả "NNH"
 Huy Giang - Trần Ngọc Nam*)

Những Nụ Hồng trên chiếc mũ xanh
 Của chàng trai nước Việt thuở đào bình
 Bút nghiêng xếp lại, đeo cung kiếm
 Bảo vệ non sông, đẹp bất bình

Những Nụ Hồng xin gửi Mẹ Cha
 Xứ người luân lạc, tuyết sương pha
 Nước Nguồn, non Thái luôn ghi tạc
 Thương trẻ bỏ vợ, xót cánh già

Những Nụ Hồng trao gửi tình thương
 Nhờ khi chiến địa, lúc quân trường
 Cùng ôm mối hận ngày vong Quốc
 Ké khuất, người xa... khắp bốn phương

Những Nụ Hồng nở giữa tình yêu
 Vườn xuân muôn hưởng, gió muôn chiều
 Lòng trai muốn hưởng theo chiều gió
 Áo lụa muôn màu cũng đạt phiêu

Những Nụ Hồng hay những nụ thơ?
 Hay là cánh bướm thả trời mơ?
 Đắm chìm giấc bướm Trang Sinh đấy?
 Tỉnh mộng, nghe chuông tối lễ Chùa

Tâm sự người hay tâm sự tôi?
 Tình nhà, hận nước mãi không nguôi
 Bài thơ xin gửi người trai Việt
 Làm khách lưu vong giữa chợ đời.

• Vân Nướng

(Vùng Dordogne - France. Avril 1996)

Kết quả cuộc xổ số ngày 01.06.1996 tại chùa Viên Giác Hannover

Độc Đắc : 1633
Hang Nhất : 1674
Hang Nhì : 0123
Hang Ba : 1168

15 lô an ủi

1266 - 0375 - 0911 - 1665 - 0995
 - 0691 - 1301 - 0028 - 0014 - 1478 -
 1717 - 1797 - 1164 - 0529 - 1408

THÔNG DỊCH VÀ PHIÊN DỊCH VIÊN HỮU THỆ

Hồ Trầm

Hans-Sommer - Str.25 /322
 38106 Braunschweig
 Tel. 0531 - 344299

- Nhận dịch các văn kiện, giấy tờ từ tiếng Đức sang tiếng Việt và ngược lại.
- Giá "đồng hướng" : Lệ phí cho mỗi tờ (như khai sinh, hôn thú, chứng nhận độc thân, bằng lái xe, giấy cho nhập tịch...) là Hai mươi đứcmã
- Dịch nhanh chóng : tối đa 2 ngày

THÔNG BÁO

Đề nghị quý thi hữu gửi sáng tác phẩm cho Vườn Thơ Viên Giác theo các chủ đề của các số báo Viên Giác như sau :

- Viên Giác số 94 tháng 8 /1996 :
Nắng Tròn Tuổi Hạ
- Viên Giác số 95 tháng 10 / 1996 :
Thu Tím Màu Chiều
- Viên Giác số 96 tháng 12 / 1996
Gọi Thầm Xuân Tha Hương

TÌM NGƯỜI THÂN

- Nguyễn Văn Tấn trước 1975 làm Hãng dầu Esso, Nhabe, tìm Nguyễn Văn Bé làm cùng hãng Esso trong Ban Chấm Công.

Được tin này xin bạn Bé viết thư hoặc điện thoại qua địa chỉ :

Nguyễn Văn Tấn
 4700 Millbrook Way
 Bakersfield, Ca 93313
 Tel. (805) 834 - 2719



Chuyến sang Nga

lần thứ 2

• Thích Như Điển

Trong đời người có nhiều chuyến đi. Mỗi chuyến mang một ý nghĩa khác nhau, mà có lẽ quan trọng nhất là 2 chuyến đi về của dòng sanh tử. Một chuyến đi vào cõi này với hai bàn tay trắng và một chuyến đi ra khỏi cõi tạm này cũng chỉ lại trắng tay thôi. Rất nhiều người biết và hiểu; nhưng ít khi để ý đến.

Có nhiều lúc tôi nói với mọi người chung quanh rằng: một ngày nào đó, nếu quý vị nghe tin rằng tôi chỉ có ra đi mà không có tin trở về, hay có bay lên không trung nhưng không đáp xuống, có nghĩa là tôi không còn gặp lại quý vị nữa. Chúa biết ngày ấy là ngày nào; nhưng chắc chắn cũng phải có thôi.

Mỗi lần đi đâu về, tôi hay viết lại một vài cảm nghĩ của chuyến đi, để mọi người chưa có cơ hội đi được, qua báo Viên Giác cũng có thể hiểu biết phần nào cuộc sống, nhân tình, phong cảnh tại xứ ấy; nhưng phạm làm việc gì cũng vậy, đã không hành động thì thôi, nếu có thì phải có hai mặt của sai và đúng. Có khi vì sự nhận thức của một người, nên sự đúng hoặc sai cũng bị đánh giá tùy theo quan niệm và nhận thức của người đọc. Có kẻ khen, người chê. Ấy là việc thường tình trên đời này. Tôi hay đứng về quan điểm này để viết sách, hoặc viết hồi ký; ví dụ như trái sầu riêng, là một loại trái cũng rất nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam, ở Thái Lan, Cam Bốt, Singapore, Mã Lai Á v.v... nếu ai đó ăn được thì bảo rằng trái cây này ngon quá, ăn hoài không chán, còn kẻ nào không ăn được thì chê hôi, chê dở. Cũng vậy đó, khi đọc một tác phẩm hay một bài viết, nếu có ai đó, không đồng ý hoàn toàn với tác giả cũng là một chuyện thường tình. Cũng như thế ấy - một bức tranh sơn dầu, dưới mắt của một người biết thường làm nghệ thuật, có thể trả với bất cứ giá nào để mua tấm tranh ấy; nhưng với người không thích về tranh ảnh, thì có cho họ cũng không thèm.

Khi viết bài, chủ từ "tôi" hay nói đúng hơn là "Đại Danh Từ" này có rất nhiều người để ý; nên hay phê bình là phải bày bàn ngã về cái tôi hơi lớn; nên chỉ phê bình về cái "tôi" thôi, ngoài ra không thấy được một giá trị thực tiễn nào của tác phẩm, quả là điều hết sức thiếu sót của người nhận xét. Gần đây, những tác phẩm của tôi hay bị phê bình như vậy. Cũng có thể đó là lời của mình khi chủ quan, đứng trên lập trường và quan điểm của chính mình để nhận xét về một số vấn đề, nên đã bị hiểu như trên. Nếu thực sự việc ấy làm cho quý vị khó chịu thì cũng xin thông cảm mà lượng thứ cho. Còn tôi, khi viết một cái gì đó, chắc chắn phải chịu trách nhiệm về những việc của mình viết, đầu cho quan điểm ấy hay hoặc dở; nhưng bắt buộc tôi phải làm việc ấy. Mình không thể lấy ý của mình để gán cho người khác được, để đổ vạ cho người ta. Theo tôi nghĩ rằng: người viết văn hay làm tôn giáo hoặc chính trị v.v... cũng giống như người ký Check vậy thôi. Nếu mình có tiền trong ngân hàng khi ký Check để giao cho ai đó, thì cứ việc tự nhiên, vì có tiền bảo chứng. Cũng như thế đó, những việc làm của mình, hoặc những ý kiến hay dở đều phải được bảo chứng như tấm Check bên trên thì điều ấy mới có giá trị. Nếu không, việc viết và nói bị ngược lại như tấm Check được in thật đẹp; nhưng trong ngân hàng lại không có tiền.

Những ngược lại cũng có nhiều vị rất thích thú khi đọc tác phẩm của tôi; nên đó cũng là một động lực để tôi có thể viết tiếp tục. Số này chiếm đa số người đọc. Cảm nhận được ý nghĩa ấy nên phải chấp nhận sự được mất, thị phi mà vào đề của câu chuyện.

Lần trước vào tháng 11 năm 1994 tôi đã có lần đi Nga. Sau khi về, có viết bài: *Một Chuyến Sang Nga* đã đăng trên Viên Giác. Có nhiều Thầy bảo rằng: "Thầy Như Điển lần này viết "Một Chuyến Sang Nga" đặc biệt lắm đấy! Thật ra khi đọc bài này có nhiều người hình dung đến một nước Nga hậu cộng sản thường không ổn định; nhưng cũng chính nhờ bài này mà một số người đã biết đến sự sinh hoạt Phật sự tại xứ này. Lần này sau khi từ Nga về, tôi có ý định viết thêm một bài khác để tường thuật về chuyến đi này từ ngày 27 tháng 3 đến ngày 3 tháng 4 năm 1996 vừa qua để gởi đến quý độc giả xa gần của báo Viên Giác vậy.

Mang danh là lãnh đạo tinh thần của Hội Phật Giáo Thảo Đường tại Moscow, do Đạo Hữu Thiện Xuân Inna, một người Nga đang dạy tiếng Việt tại Đại Học ngoại giao Nga làm Hội Trưởng, mà mỗi năm tôi không đến đó một lần quả là điều thiếu sót. Cuối cùng rồi phải đến; nhưng tôi chỉ có thể làm được việc đó là đi một năm và cách một năm sẽ trở lại. Năm 94 tôi đã đến đây với Hạnh Bảo vào một mùa Đông lạnh căm căm ở độ trừ 27 độ C và năm nay (1996) tôi đến đây chỉ một mình vào một ngày xuân đẹp trời; nhưng suốt cả tuần sau đó tuyết ngập cả lối đi, trắng xóa cả một khung trời. Có nhiều người bảo: Thầy đi đến đâu là mang lại sự lạnh, buốt của tâm hồn, để rồi cười cho thầy thích; nhưng cũng có người bảo phải nói ngược lại mới đúng chứ?

Đến Nga lần này vào một tối mùa xuân, điều đầu tiên làm cho tôi hơi ít xốn xang là ánh điện đường ở phi trường có vẻ sáng hơn năm 94. Tuy nhiên thủ tục nhập nội sao mà nó lâu đến thế. Sau khi máy bay đáp xuống, hơn một tiếng đồng hồ mọi người vẫn chưa có thể qua khỏi trạm kiểm soát Passport và hành lý. Ở đây họ làm việc cầm chừng. Có lẽ sợ hết việc chăng? Mặc dầu có rất nhiều người đứng không, dựa tường và nhìn khách du lịch; nhưng không một người cảnh sát nào để ý đến việc những trạm kiểm soát vẫn còn ghế ngồi nhưng họ không muốn ngồi vào đó để kiểm soát Passport. Ai đã đi Mỹ và Úc hay các nước Âu Châu nhiều lần rồi thì sẽ thấy sự làm việc ở phi trường này còn nặng mùi "thiếu tinh thần trách nhiệm" lắm.

Đón tôi tại phi trường lần này có Đạo Hữu Thiện Xuân và Phật Tử Quảng Long. Đạo Hữu Thiện Xuân là một người Nga nói tiếng Việt rất rành, lần này qua các buổi thuyết giảng của tôi bằng tiếng Việt, Đạo Hữu đã dịch ra tiếng Nga một cách lưu loát và nhân lễ Vu Lan năm nay (1996) Chùa Viên Giác sẽ mời Đạo Hữu Thiện Xuân và một người Nga khác cũng nói tiếng Việt rất rành, đến Hannover để nói chuyện với Phật Tử Việt Nam chúng ta bằng tiếng Việt về Phật Học và Văn chương Việt Nam. Đây cũng là cơ hội để cho những người Việt sống tại ngoại quốc lưu tâm về vấn đề tiếng mẹ đẻ của mình. Ở ngoại quốc riel rồi những thế hệ con cái Việt Nam sanh ra nơi đây nói tiếng Việt không chính xác. Có lẽ khi nhìn những người ngoại quốc này nói tiếng Việt, chúng ta sẽ tự thức tỉnh được mình chăng?

Kỳ này tôi khỏi phải ở khách sạn như lần trước. Vì Niệm Phật Đường đã có chỗ để ở lại rồi; nên đã không phải bận tâm về điều đó. Đây là một căn nhà được thuê với giá 400\$US cho mỗi tháng, độ chừng 40 thước vuông. Giá thuê này so ra không rẻ mấy với vật giá hiện hành ở Đức, thế mà các Phật Tử Việt Nam tại đó đã chung lại mỗi người mỗi tháng 5, 10, 20 đô-la hay hơn nữa tùy lòng hảo tâm để duy trì Niệm Phật Đường này từ tháng 7 năm 95 đến nay.

Niệm Phật Đường có 2 phòng lớn và 1 nhà bếp cũng như 1 phòng vệ sinh. Một phòng chánh dùng làm Chánh Điện. Nơi đây có thờ tượng Đức Bổn Sư và Đức Quan Thế Âm. Trong phòng này có thể ngồi tới đa là 30 người. Khi đến đây và ở đây suốt một tuần lễ, tôi đã nhờ lại cảnh sinh hoạt của Niệm Phật Đường Viên Giác thuở xưa từ năm 78 đến 80 tại Kestnerstr. Hannover cũng không hơn không kém. Nhìn hiện tại để ôn lại một quãng đường đã đi qua cũng là điều rất cần thiết trong việc "ôn cố tri tân" vậy. Một phòng khác dùng làm Thư Viện và chỗ ngồi nghỉ của chư Tăng. Tại đây đã có một số kinh sách lớn được gởi từ Phật Học Viện Quốc Tế, Phú Lâu Na từng thư từ Hoa Kỳ, Chùa Khánh Anh (Pháp), Chùa Viên Giác, Chùa Phật Bảo (Đức) và một vài nơi khác trên thế giới để tặng cho Hội Phật Giáo Thảo Đường. Phải thành thật nói một điều, mặc dầu ở đây không có quý Thầy hướng dẫn trực tiếp; nhưng quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đã ngồi lại với nhau và thảo luận về những đề tài Phật Giáo căn bản, để sự sinh hoạt của Niệm Phật Đường có phần khởi sắc hơn. Chính nhờ ở điểm

này mà nhiều người đã hiểu giáo lý và hay đến rất thường xuyên với Hội.

Ngày 27, 28 và 29 tôi nghỉ ngơi và tiếp xúc với một số quý Phật Tử đến thăm viếng và lần này tôi chỉ đi ra ngoài một lần duy nhất để thăm Tr. Tâm Kỳ Niệm 50 năm thắng trận của Nga. Đây là một đài kỷ niệm để tuyên dương những người Nga đã chiến đấu lại Hitler cũng như tưởng niệm những người đã mất từ năm 1939 đến 1945. Xem Video ghi lại những trận đánh xa xưa, lòng tôi cũng cảm thấy bồi hồi khi nhớ lại chiến tranh, khi chính mình còn ở trong nước. Nhờ đó mà nhờ chủ cũng không làm được gì hơn; nhưng tự nhiên tôi lại có một cái so sánh - Việt Nam mình thắng Pháp, Nhật, Tàu, Mỹ v.v... nhưng sao kinh tế của Việt Nam không đáng được làm học trò của họ? Nếu kinh tế Việt Nam mình mà phát triển như Đại Hàn hoặc Mã Lai Á thời, thì nhân dân ta cũng đỡ có cực được biết đường nào! Thắng trận để làm gì? Đố hỏi được ai và ai trả lời được câu hỏi?

Ồ Nga có một tài nguyên thiên nhiên dùng không bao giờ hết. Đó là đá quý. Ở đâu người ta cũng dùng đá cẩm thạch và hoa cương để lót đường và nhất là trong các trạm xe điện ngầm. Hơn mấy trăm trạm xe điện ngầm tại Moscow được làm vào thời Stalin đã nói lên được tính chất ấy. Có nhiều người Đức bảo với tôi rằng: Chính Stalin đã xây thiên đường ở dưới mặt đất còn những gì xảy ra, trên mặt đất thời đó là địa ngục, đói rách và quyền của con người bị vi phạm một cách trầm trọng. Trong thời Lenin và Stalin trị vì nước Nga đã có mấy chục triệu người chết vì chính kiến, vì giai cấp và vì mọi thu đoạn nhỏ nhoi khác gây nên. Ngày nay thì người Nga đã trưởng thành rất nhiều rồi. Hy vọng rồi mọi cuộc cách mạng ôn hòa cũng sẽ xảy ra một cách trật tự trong cuộc sống văn minh nhân loại của thế giới.

Ngày 30 và ngày 31 tháng 3 năm 96 vừa qua là ngày Thọ Bát Quan Trai lần thứ 3 của 12 Phật Tử tại Niệm Phật Đường. Hai lần trước tự thọ giới, không có Thầy truyền giới và lần này, khi tôi đến, mọi người mong muốn có một lần thọ giới với đầy đủ ý nghĩa của nó.

24 giờ Thọ Bát Quan Trai tại đây cũng giống như những nơi khác tại Âu Mỹ, cũng tụng kinh, ngồi thiền, sám hối, niệm Phật v.v... và đặc biệt trong lần này tôi đã dành 4 tiếng đồng hồ để thuyết giảng về "Phát Bồ Đề Tâm" dựa theo lời phát nguyện của Ngài Thật Hiền vào thế kỷ thứ 17, qua lời dịch của Hòa Thượng Thích Trí Quang để hướng dẫn cho Phật Tử. Phần đầu định nghĩa, phân tích và phân loại Bồ Đề, như vậy cũng đã tốn 2 tiếng đồng hồ. Hai tiếng đồng hồ sau tôi cũng chỉ mới đi vào được phần đầu của việc Phát Bồ Đề Tâm do Ngài Thật Hiền chủ xướng. Vì vậy ngày thứ hai 1 tháng 4 năm 96 cả 4 tiếng đồng hồ trong buổi chiều và buổi tối, tôi đã dành trọn vẹn cho việc giảng giải hết quyển "Phát Bồ Đề Tâm" này. Văn dịch rất hay, lưu loát ở mọi phần trong 8 loại chân nguyện, đại tiểu, thiên viên, chánh tà và 10 loại phát nguyện đối với chư Phật, Cha mẹ, Thầy tổ, chúng sanh và các loài hữu tình khác để tâm bồ đề được tăng trưởng. Dù ai có gan đồng dạ sắt đi chăng nữa, khi đọc qua lời văn này cũng không khỏi bồi ngùi xúc động cho chính thân phận của mình khi đi vào con đường giác ngộ của Đạo Phật.

Sau khi xả giới mọi người đã hoan hỷ trao cho nhau những kinh nghiệm sống của mình trong 24 giờ thọ giới. Tuy chật chội, vì phải ăn, ngủ, học, tụng kinh, ngồi thiền, kinh hành v.v... đều diễn ra trong cùng một chỗ chật hẹp như vậy, nhưng ai nấy cũng đều hoan hỷ cho phương tiện hữu hạn này.

Chiều hôm đó, ngày chủ nhật, vào lúc 15 giờ tôi có một buổi nói chuyện với Hội Phật Tử người Nga được tổ chức một nơi gần đó. Buổi họp mặt hôm đó độ 20 người Nga trong nhóm Tăng thân của Thầy Thích Nhất Hạnh. Những trong nhóm này cũng có nhiều người quy y với Hòa Thượng Trí Chơn, Thượng Tọa Minh Tâm và ngay cả tôi nữa. Cả buổi sáng hôm đó, họ đã ngồi thiền và hành thiền và buổi chiều họ dành thì giờ để nghe pháp đàm và thiền trà. Đầu tiên tôi nói một ít tiếng Anh để chào mừng mọi người tham dự và cũng nói một vài điều cần bàn của câu chuyện hôm ấy về tâm Phật, tâm chúng sanh và bồ đề tâm. Sau đó chúng tôi tụng kinh Bát Nhã bằng tiếng Việt, trong khi đó những người Nga tụng kinh tiếng Nga và sau phần tụng kinh là phần tọa thiền 10 phút. Sau đó tôi đã bắt đầu thuyết giảng bằng tiếng Việt và Đạo Hữu Thiện Xuân đã dịch ra tiếng Nga. Kết thúc bằng buổi thiền trà sau gần 3 tiếng đồng hồ hiện diện với những người con Phật ở xứ xa xôi hẻo lánh này.

Trước khi xuống xe điện ngầm để về Niệm Phật Đường, chúng tôi được xem một công trình có một không hai tại xứ Nga đang được tái

thiết. Đó là nhà thờ chính tòa của Chính Thống Giáo đã bị giứt sập trong thời gian Stalin trị vì, và bây giờ sau khi nền Cộng Hòa Nga đã được thành lập, đây là một hành động sám hối của chính phủ đương nhiệm đã cho cất lại hoàn toàn môi ngôi giáo đường này. Chỉ trong vòng 6 tháng, từ tháng 9 năm 95 đến nay là cuối tháng 3 năm 96, công trình vĩ đại này đã lên đến nóc và hôm đó 3 cây thánh giá mạ vàng đã được càn cấu dựng lên trên nóc nhà thờ, vàng ánh cả một góc trời. Tất cả công trình xây dựng này đều do dân góp công và của vào, còn chính phủ chỉ có việc thông qua giấy tờ và bật đèn xanh cho mọi dự án. Thế mà công việc đã gần xong. Cũng đúng với câu: "phép vua thua lệ làng" mà lâu nay chúng ta vẫn thường nhắc đến. Dầu cho của vua, của chính phủ có nhiều đến đâu đi chăng nữa, cũng không bằng của nhân dân. Bởi vậy có nhiều chính quyền lợi dụng sức mạnh của nhân dân để tiến đến mục tiêu của họ; nhưng thực chất chỉ là sự đổi gạt mà thôi.

Ngày thứ 3 nhằm ngày 2 tháng 4 năm 1996 cũng đúng vào ngày Lễ Nhập Diệt của Đức Phật - rằm tháng hai âm lịch, nên Hội Phật Tử Thảo Đường đã tổ chức một buổi Lễ Phật công cộng tại câu lạc bộ "người đường thời" để nhiều người để tham dự hơn. Hôm đó cả người Việt lẫn người Nga độ chừng 60 người tống cộng. Con số ấy thật quá khiêm nhường với một cộng đồng gần 400.000 người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Nga. Ai cũng quần quật với miếng ăn, với sự sống và rất ít có người còn có thì giờ cũng như tâm trí để lo đến việc lễ Phật, nọc đạo. May thay trong số ấy còn có một số người trong cốt của Hội, mặc dầu cũng bận rộn như những người khác; nhưng có những người đã bỏ rất nhiều thì giờ cho việc tu học cũng như xây dựng hội. Ở đây việc sinh sống rất khó và đời sống rất cao, nên ai cũng phải cố gắng làm cho ra tiền. Có người muốn ở lại Nga để làm ăn buôn bán đã phải trả một giá rất đắt cho Sở Quản Việt Nam tại Moscow là 1.500\$US cho thời hạn một năm của Visa. Thủ tục sơ với dịch vụ này mỗi năm Sở Quản được bao nhiêu? Nếu 1.000 người lo gia hạn Visa thì chỉ lệ phí này đã lên tới bạc triệu và số tiền ấy đi đâu? Vào tay ai? Đố ai mà biết được? Đó là chưa kể những dịch vụ giấy tờ giả mạo được tạo ra hằng ngày và mục đích chỉ để kiếm tiền. Tiền đến rồi tiền ra đi. Ai cũng hiểu điều đó; nhưng mấy ai lưu tâm, để rồi trong tay không còn nữa, lúc ấy mới thấy lời Phật dạy là đúng; nhưng đã trễ rồi. Có nhiều người cũng đã chết vì tiền và thanh toán với nhau để được tồn tại. Ôi đời là một tuồng ảo hóa! Có gì đâu để phải bận tâm.

Đi đâu tôi cũng để tâm sinh hoạt của mọi người, nhìn cách ăn mặc, xem cư xử, thái độ, thấy nơi cư trú hay nhìn chiếc xe hơi để biết rằng một người như thế phải vất vả và làm sao để mới có thể tạo nên được?

Tự nhiên ai cũng cần phải sống; nhưng có nhiều người đã và đang sống không như một con người mà họ đã tán tận lương tâm làm những nghề nghiệp mà chính lương tâm họ cũng không cho phép.

Lần này đến Moscow có nhiều người đã rủ tôi đi thăm chỗ này, chỗ nọ; nhưng tôi trả lời rằng: "Bây giờ tôi cần đi vào chủ không muốn đi ra nữa". Vì đi ra đã quá nhiều, hao tốn của cải, tiền bạc, tâm lực. Chỉ có đi vào, không tốn kém gì cả; nhưng cũng rất ít người làm được điều đó. Chính tôi bây giờ lại phải trở lại với chính mình để hiểu mình nhiều hơn và phải tự mình nỗ lực tu hành nhiều hơn nữa để cho mình được đi vào cõi nội tâm sâu xa, nhằm làm cho tâm mình được tĩnh lặng hơn. Đó là thiên định, là sự tụng kinh, niệm Phật là lễ bái hồng danh v.v... hằng ngày. Nếu chính mình không làm được điều ấy thì lời nói của mình sẽ không có người nghe theo. Trong luật Phật có dạy rằng: sở dĩ lời nói của mình không được người khác hưởng ứng, vì lẽ chính mình không nói lời chân thật. Từ đó suy ra mọi việc khác trên đời này cũng vậy.

Hôm lễ Phật công cộng ấy ngoài phần lễ cầu an và cầu siêu ra, tôi đã thuyết giảng về 10 lời nguyện của Đức Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát và Đạo Hữu Thiện Xuân một lần nữa dịch ra tiếng Nga cho những người Nga hiện diện nghe một cách lưu loát. Hôm đó cũng có hai bà Nga trong Bộ Tu Pháp, những người đã cho phép thành lập Hội Phật Giáo Thảo Đường, họ đã đến đây tham dự lễ này. Quý vị này đến dự lễ từ đầu đến cuối. Từ 5 giờ chiều đến 8 giờ 30 tối mới ra về. Thứ mỗi để 5 giờ rưỡi chiều bắt đầu; nhưng mãi đến 6 giờ 15 mới vào việc. Trong khi đó người Nga đến rất đúng giờ, nhiều người còn đến sớm hơn thế nữa. Còn người Việt chúng ta thì sao? Chắc quý vị đã rõ! Không biết người Việt chúng ta bị ảnh hưởng ai mà lúc nào đi đâu cũng trễ giờ, nhất là đi hội họp và tiệc tùng. Không biết khi đi máy bay

và xe lửa họ có đi trễ như thế không? Thật ra không ai bắt buộc mình phải đúng giờ cả, chỉ có lương tâm của mình bắt mình thôi và đó cũng là một bổn phận, trách nhiệm nữa. Hay ngày xưa Việt Nam mình không có đồng hồ, chỉ xem mặt trời và hẹn đến buổi sáng hoặc buổi chiều, chủ không bao giờ hẹn bằng giờ giấc? Tôi đi đến đâu hầu hết mọi người Âu, Mỹ, Úc thấy họ đều đúng giờ, chỉ có người Á Châu, nhất là người Việt thì rất hiếm khi đúng giờ, kể cũng thẹn lắm chứ. Nhưng người Nhật, Đại Hàn, Singapore, Mã Lai thì rất tiến bộ, gần như các xứ Âu Châu rồi, họ rất hiếm khi sai hẹn.

Sau giờ giảng pháp, có 5 người Việt và 3 người Nga xin quy y Tam Bảo. Họ rất thành kính và nhất tâm hướng về Tam Bảo để lãnh thọ quy giới. Bây giờ giáo lý của Đạo Phật, không những chỉ để cho người Việt Nam hay người Á Châu hành trì, mà cho cả toàn thế giới. Nên sự kiện người Nga theo Phật cũng là một điều quá hiển nhiên.

Tối đó, đúng vào tối ngày rằm trăng không tỏ lắm nhưng lòng người ai cũng rạng rỡ và về lại Niệm Phật Đường để kiểm điểm một số công việc Phật sử trong thời gian qua cũng như vạch định trong thời gian tới cần phải làm những gì để Hội được phát triển mạnh hơn lên. Hôm đó có các Đạo Hữu Thiện Mẫn, Thiện Xuân, Tâm Chuyển Hóa, Tâm Tuổi Mát, Thiện Học, Thiện Tấn, Thiện Hưng, Quảng Long và một số độ 10 người khác nữa... Đồng hồ đã chỉ đúng 12 giờ đêm mới họp xong. Hôm ấy quả là ngày ngoại lệ. Vì thông thường tôi ít khi thức khuya đến như vậy; nhưng trong lòng cảm thấy vui vui, vì dấu sao cây bồ đề đã được sanh trưởng nơi đây thì chúng ta phải có bổn phận vun trồng, bón phân, tưới nước, để nó càng ngày càng phát triển hơn lên, mặc dầu nơi đây quanh năm suốt tháng băng giá lạnh lùng.

Ngày hôm sau 3.4.96 hai xe tiền chúng tôi lên phi trường và sau khi làm thủ tục, tôi vào bên trong để chỉ qua một hàng rào cảnh sát xuất cảnh mà phải tốn đến 50 phút đồng hồ. Người cảnh sát biên phòng lật cái Passport qua xong, lại lật lại, mỗi một người đi qua như thế tốn ít nhất là 10 đến 15 phút. Để làm gì? Để ai biết được. Thị uy thiên hạ? hay có mục đích gì đây nữa chẳng?

Cuối cùng thì tôi cũng đã vào được trong lòng máy bay, rồi cũng chỉ để chờ đợi sau hơn một tiếng đồng hồ nữa, máy bay mới cất cánh. Ngồi trong lòng máy bay tôi cố ý quan sát những người làm việc tại phi trường. Sao thấy họ mỗi một quá. Chỉ 1 hay 2 cái thùng và kiện hàng mà huy động tới cả lũ người. Rất nhiều người đứng không, lo chỉ chỏ và không bao giờ góp tay vào một công việc nào cả. Cửa chính bên hông máy bay đã khép lại mà hàng hóa vẫn còn mang tới. Quả thật lạ lùng. Chỉ có nước Nga này mới có điều đó, chủ khắp thế giới sẽ không có một phi trường nào mà nhân viên làm việc như vậy cả.

Cuối cùng rồi phi cơ cũng đã cất cánh và khi đến Amsterdam, Hòa Lan, đã trở tổng cộng gần 2 tiếng đồng hồ.

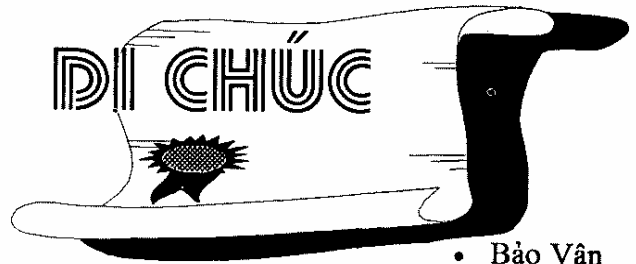
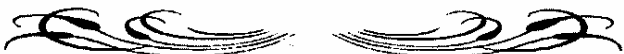
Ngồi nhìn trời mây và ánh sáng, tôi nhớ lại đầu dây cũng đã có lần qua lại chốn này, để xót thương cho số phận của quê hương dân tộc mình và mong rằng: ngày mai trời lại sáng.

Về lại Đức được 2 hôm lại phải lên đường đi Tokyo. Ngồi trên máy bay gần 2 người Nhật, họ kể chuyện từ phương tám hướng cho tôi nghe, trong khi đó lợi dụng một ít giờ rảnh này để ghi lại kết quả về chuyến Nga du vừa qua trên chuyến bay BA 005 từ London hướng về Tokyo để gởi đến quý độc giả một món quà lưu niệm và nếu quý vị muốn giúp đỡ gì đó cho Niệm Phật Đường Thảo Đường thì xin gởi thẳng đến địa chỉ dưới đây:

Hội Phật Giáo Thảo Đường,
c/o Mr. Alikanov K. M
144.4.8 Prospekt Lenine,
17526 Moscou - Russia
Tél: (095) 434 0113

nếu bằng kinh sách. Ngược lại tiền mặt hay Check không nên gởi trong bao thư, vì rất dễ bị mất. Nếu quý vị ủng hộ, xin vui lòng gởi về Chùa Khánh Anh (Pháp) hoặc Chùa Viên Giác (Đức) để được hưởng dẫn. Xin chân thành đa tạ.

Viết xong vào lúc 22 giờ đêm trên chuyến bay BA 005 từ London hướng về Tokyo.



• Bảo Vân

*Các con ạ! Ở trên trần thế
Sống trăm năm, hồ dễ mấy người?
On nhờ Tiên, Tổ, Phật, Trời,
Ta nay xấp xỉ tám mươi tuổi già...*

*Ngày vinh quyết rồi ra sẽ tới,
- Mặc dù ta chẳng đợi, không mong -
Vi ai mà thoát khỏi vòng
Tử sinh, sinh tử, nằm trong luân hồi?*

*Thời niên thiếu, ở nơi thôn dã,
Đại gia đình, tiếng cà, tiếng thanh.
Cho dù cố gắng học hành,
Mà vì thiếu thốn, cũng đành dở dang...*

*Tự lập, sớm lo toan mọi việc,
Ngoài đôi tay, còn biết nhờ ai?
Trái bao dậm thẳng, đường dài,
Đẩy đưa thời cuộc, lạc loài tôi đây!*

*Sự nghiệp hết, trắng tay, nhẫn nại,
Đến căn nhà lủi xúi cũng không.
Duy còn sót lại tấm lòng
Thầy chung, đôn hậu, trắng trong, hiền hòa.*

*Được các con đều là hiếu thảo,
Nên vấn đề cơm áo không lo...
Cuộc đời hạnh phúc, tự do,
Tận tình hưởng thụ, tha hồ vui chơi.*

*Khấp Âu Mỹ nhiều nơi thăm viếng,
Họp bạn bè, trò chuyện hà hề.
Cố hương mấy lượt đi, về,
Từ đường, phần mộ, mọi bề lo xong.*

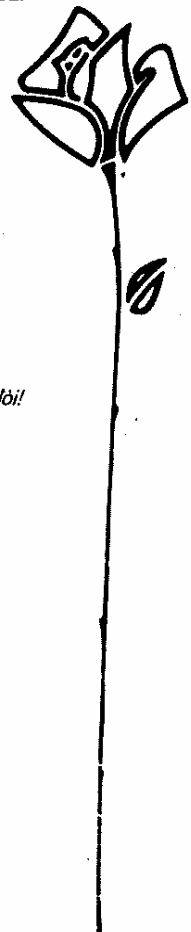
*Ta chẳng có một đồng để lại,
Cho các con chẳng phải bạc vàng.
Mà là nếp sống nghiêm trang,
Luôn hòa nhã, chẳng khoe khoang, đua đòi!*

*Ta, lúc sống, mũi đời, nếm đủ,
Mai ngày mong giấc ngủ bình yên.
Thành thời về với Tổ Tiên,
Đừng nên khóc lóc, buồn phiền làm chi!*

*Chết là hết, cần gì cáo phó,
Đừng làm ma, đừng có cầu siêu!
Rời đây, sau cuộc hòa thiêu,
Xác phàm, giữ lại ít nhiều tro than.*

*Mai mối, nhờ phải mang về nước,
Và làm theo nguyện ước của ta
Là đem rắc xuống Hồng hà
Cho tan vào lớp phù sa đỏ ngầu...*

*Được như thế, ngàn sau mãi mãi
U hồn ta chẳng phải vấn vương,
Chẳng còn khắc khoải canh trường,
Được về cùng với quê hương mặn nồng...*



VIẾT VỀ GIA ĐÌNH CA NHẠC SĨ KELLY

• T. Nguyễn

Có lẽ các ông bạn thân mến cho rằng tôi lảm cẩm!! Mà có lẽ đúng thế, quý vị ạ. Một người quá 70 như tôi, một thời đã qua, thích nghe những bản nhạc du dương như: "Thiên Thai", "Con Thuyền Không Bến", "Buồn Tàn Thu", "Đêm Đông"... mà lại bàn về nhạc thời đại của các xứ Âu Mỹ này!!

Về nhạc Rock, Pop, tôi có biết tí nào đâu, chỉ nghe các cháu ca tụng nào Micheal Jackson, Elton John, Madonna, Lana Turner, Queen, Kelly... Nhân được đọc về "gia đình Kelly" và có nghe nhạc, thấy là lạ và cảm xúc nên xin lạm bàn về một khía cạnh của gia đình đặc biệt và hiếm có ở thời đại văn minh này.

Hiếm có vì quan niệm cuộc sống và lối sống.

Hiếm có vì tình nghĩa vợ chồng thủy chung.

Cũng thật hiếm có vì tình thương gắn bó giữa các phần tử gia đình cùng chung sống dưới một mái nhà.

Và cũng hiếm có vì tình thương mở rộng với mọi người. Tại xứ Đức này rất hiếm thấy một gia đình thương yêu thăm thiết như gia đình Kelly. Theo thống kê mỗi nhất của xứ này, tỷ lệ gia đình đổ vỡ là 1/3 và có khuynh hướng tăng lên! Báo chí gần đây ồn ào nói về Ông Schröder, một chính trị gia có tiếng của đảng SPD, người có hy vọng được đề cử ứng cử Thủ Tướng Đức với ông La Fontaine, ông đã phải xách va-ly tạm đến tá túc nhà Ông Fromberg một người bạn làm Luật sư, sau nhiều năm cùng chung sống với bà vợ thứ hai là Hiltrud. Báo chí lại bật mí rằng từ lâu Ông đã có "bờ" mới trẻ hơn là nàng Doris Köpf, một nữ biên tập viên tờ "FOCUS". Tôi có bi quan chẳng khi nghĩ rằng tại xứ Âu Mỹ này hai chữ "Thủy Chung" không còn ý nghĩa. - Người ta thay vợ, đổi chồng như đổi áo, mỗi lần có "bán kết thúc Mùa Hè hoặc Mùa Đông". Không hợp thì: "Anh đi đường anh, tôi đi đường tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ có thể thời". Có nhiều lý do ly-đi hết sức khôi hài: chồng ngủ ngáy to quá làm bà vợ đau thần kinh; vợ thích nuôi chó mà chồng không thích...". Kiểm điểm lại các nhà chính trị xứ này ra làm việc nước, việc dân, có mấy ai Thủy-Chung? Các ngài Bộ Trưởng như Bohl, Merkel, Waigel, Rexrodt đã một lần ly-đi vợ. Bà kế tiếp chưa chắc đi suốt đường tình!! Các chính trị gia tên tuổi cũng không tránh vết xe đổ như: Willy Brandt (nguyên Đảng trưởng SPD, cựu Thủ Tướng), Genscher (cựu Bộ trưởng Ngoại giao), La Fontaine (đứng kim đảng trưởng SPD), Joschka Fischer (đảng trưởng Grünen), Biedenkof (Thủ tướng tiểu bang), Jochen Vogel v.v...

Theo quan niệm "cổ lý sĩ" của tôi, người lo việc nước, việc dân, trước hết việc nhà phải trọn vẹn êm đẹp, phải "tề gia rồi mới trị quốc, bình thiên hạ" được. Cho nên mọi người có quyền và nên nghi ngờ các chính trị gia mà đạo đức gia đình còn thiếu sót... Họ ra làm việc có thật vì dân, vì nước không?

Xin trở lại gia đình Kelly. Chim đầu đàn là Daniel Kelly (nay 66 tuổi), quê hương: xứ Ái Nhĩ Lan. Chàng là nhà giáo, tình cờ gặp gỡ nàng Barbara trong cuộc họp. Nàng say sưa nhảy một điệu Balette. Hai người yêu nhau vì tâm đầu ý hợp. Họ cùng xây dựng tổ ấm và cùng mong ước sẽ có "một đàn con 15 đứa sống chung dưới một mái nhà".

Giữa một vùng đất đai cằn cỗi, sống trong một ngôi nhà vách trắng, gió lạnh và ẩm tử miền Bắc thổi xuống, họ phải chiến đấu hàng ngày với thiên nhiên khắc nghiệt. Tuy thế vẫn có tiếng cười, điệu múa và vang lên những bài ca chũa chan Tình Thương nói lên Hạnh Phúc và Uớc Mơ cuộc đời. Những rồi một năm, toàn cõi mất mùa khoai lang tây vì một vi khuẩn lạ, gây thảm cảnh: 250.000 người chết vì đói. Những kẻ còn sống sót chỉ còn một mục tiêu: sang Tân Thế Giới, sang Mỹ, vùng đất hứa, nơi đồng lúa chạy đến chân trời, nơi tràn trề, thừa mứa sản vật, nơi mà công ăn việc làm không thiếu, nơi hoàn toàn Tự Do và Dân Chủ. Cùng với người đồng hương, gia đình Kelly lên một chiếc tàu cũ kỹ, già tử Ái Nhĩ Lan qua định cư tại một thành phố nhỏ, tiểu bang Massachusetts.

Daniel xin được một chân dạy Triết học và La tinh. Nàng Barbara vừa lo nội trợ, vừa tập luyện các con múa hát, vừa đàn Tây Ban Cầm, vừa hát vì giọng nàng rất trong và tốt. Và mỗi năm, một đứa con ra chào đời.

Những đời sống Mỹ không thích hợp với đôi vợ chồng trẻ. Hầu như mọi người mỗi ngày ngồi trước Tivi tám tiếng đồng hồ, xem phim và quảng cáo. Các món ăn đều được làm sẵn bán trong hộp Plastik. Việc ly-đi lan tràn như bệnh dịch. Hằng ngày tại các thành phố lớn, nhỏ đều xảy ra những vụ hành hung, cướp của, giết người.

Thất vọng vô cùng về cuộc sống xứ Mỹ, hai vợ chồng thảo luận về tương lai. Họ muốn các con lớn lên trong một xã hội tốt đẹp hơn, tự do hơn, không bị chi phối bởi truyền hình, không chạy theo đồng tiền với tất cả tham vọng ích kỷ, đê hèn và bần tiện. Cả hai quan niệm: "Tiền không phải quan trọng trong cuộc sống. Tiền chỉ là một phương tiện, nó không thể ràng buộc, sai khiến và quyết định đời sống chúng ta".

Tục ngữ Tây Phương cũng xác minh: "L'argent est un bon Serviteur, mais un mauvais maitre" (tiền là tên đầy tớ tốt nhưng cũng là thầy xấu).

Họ vứt chiếc Tivi qua cửa sổ, không tiếc thương và quyết định: "trở về quê hương Âu Châu" và đã chọn xứ Tây Ban Nha, mở ước sống trong nắng ấm một cuộc đời đơn giản trong tiếng cười, tiếng hát. Tại xứ "đầu bò và nhạc "Kastalan" này, họ bắt đầu du ca và giúp vui các buổi lễ Sinh nhật, các Hôn lễ quanh vùng mà gia đình tạm trú. Lần lượt các quán ăn mời gia đình Kelly đến trình diễn giúp vui. Rồi cuộc sống tự do, giang hồ đưa gia đình sang Đức quốc. Ban đầu gia đình hát trên các lễ đường hay khoảng đất trống công công tại Hamburg, Frankfurt. Ông Bố Daniel hát giọng trầm, ấm, Barbara nhảy một vũ điệu Ái Nhĩ Lan hay Tây Ban Nha trong lúc chờ đợi ban Đồng ca. Caroline chơi đàn Phong cầm, Kathy vĩ cầm, Paul thổi kèn và hát vì Paul có giọng tốt nhất. Hát và múa

giữa lộ thiên, khán giả cận kề, có một sự truyền cảm chân thực và xúc động giữa đoàn và khán thính giả.

Năm 1974-75 là khúc quanh của gia đình Kelly. Họ mua được một chiếc xe Bus cũ, màu đỏ, 2 tầng và bắt đầu những chuyến đi xa hơn, cả hai vợ chồng và chín con trên con đường vô định những hoàn toàn tự do. Daniel và Barbara rất tự tin và tin vào các con, tình thương là sức mạnh gắn bó các phần tử gia đình. Rất đúng với khẩu hiệu "Một người cho mọi người, mọi người cho một người". Mỗi cá nhân có một nhiệm vụ và vui vẻ làm tròn. Chẳng hạn hai đứa nhỏ nhất lo rửa chén bát. Để tiết kiệm thì giờ và bớt công việc, chúng dùng chung một tý, bộ đồ ăn (Besteck). Người chị cả Kathy (32 tuổi) chuyên sáng tác nhạc và điều khiển chương trình trên sân khấu. Johnny (28 tuổi) phụ trách lái xe Bus, Joey chuyên viên máy móc, Jimmy (25 tuổi) lo tổ chức và ký kết các hợp đồng, Barbie (20 tuổi) viết nhật ký và vẽ những hoạt cảnh gia đình cùng chung sống.

Có thể nói rằng nếu không có Bố Daniel và Mẹ Barbara thì không có Gia Đình Kelly ngày nay. Barbara là người xây dựng nếp sống hòa



binh, luôn luôn dịu dàng, thân ái, vui vẻ, cởi mở đối với mọi người. Từ thuở ấu thơ, bà đã dạy các con luôn luôn giữ nụ cười tươi sáng, và hãy biết ơn mỗi ngày được vui sống. Bà dạy các con múa, hát, dạy làm bánh, nấu ăn, pha trà, cà phê. Bà là chỗ tựa ấm êm, vũng vàng cho Tâm Hồn và Trái Tim mọi người trong gia đình. Chính tay bà sửa soạn và may quần áo cho các con khi ra trình diễn giữa đám đông. Bố Daniel dạy các con sinh ngữ, nhạc lý và đặc biệt luyện các con sử dụng nhiều dụng cụ khác nhau một cách điêu luyện. Mỗi con chơi 5, 6 nhạc cụ là thường. Cậu bé Angelo, 14 tuổi, chơi đến 9 nhạc cụ, 7 tuổi đã viết nhạc, 5 tuổi đã lên trình diễn trên sân khấu. Theo quan niệm của Ông, quan trọng là đàn trống vì qua nhạc cụ này, các con ông sẽ hội nhập sâu và nhanh hơn về Âm điệu và Cấu trúc các bài hát. Rồi từ lễ đường, gia đình Kelly xuất hiện trên sân khấu, trên truyền hình như vì sao sáng. Gia đình Kelly làm vạn trái tim khán thính giả xúc động như một câu chuyện thần thoại. Chín diễn viên ca sĩ tuổi từ 14 đến 32 nắm tay nhau trên sân khấu, tóc xỏa đến lưng, không chải chuốt, rất đôn giản, tự nhiên, vừa hát, vừa nhảy múa, gọi trong lòng mọi người những tình cảm cộng đồng, hòa ái thân thương và hy vọng. Họ ca vang những bài hát tự sáng tác về Tình Thương: "Hãy mở rộng tấm lòng, Hãy cho tôi tình thương, và không nên nói không yêu thương tôi" (*Offne dein Herz und gib es mir, und Sag mir nicht, daß du nicht liebst*). Họ xuất hiện như những đóa hoa rực rỡ làm cho cuộc đời tươi thắm và lạc quan hơn.

Gia đình Kelly xuất hiện trên sân khấu mỗi năm 200 lần và hai triệu khán giả đã tiếp đón nồng nhiệt tại các thành phố Đức, tại La Mã, tại Wien, tại Ba Lê... Sự thành công không bỏ lỡ vì các bài ca đã nói lên tình cảm hòa ái cộng đồng trong thời đại cá nhân chủ nghĩa thịnh hành. Trong gia đình Âu Mỹ, các đứa con mong đủ 18 tuổi để rời khỏi gia đình, sống biệt lập, tự do. Nhưng cái giá tự do đó rất đắt!!

Cho nên chín ca sĩ cùng đứng trên một sân khấu, cùng ca hát là một thể hiện trọn vẹn ý nghĩa thương yêu, gắn bó, đùm bọc của một gia đình trong thời đại văn minh máy móc này, thời đại nhan nhản nhiều bà mẹ còn trẻ đón chiếc nuôi con một mình. Các bài hát diễn tả tình cảm sâu kín, trong sáng, lạc quan. Không có bài hát nào nêu lên ý dả phả, niềm hoài nghi, nổi loạn và cô đơn. Nghe hát ta có cảm tưởng như được thưởng thức một cốc nước cam vắt hay nước suối mát.

Năm 1982, một cái tang lớn xảy đến gia đình. Bà Barbara chết vì ung thư tại Tây Ban Nha. Mộng ước hai vợ chồng sinh được đứa con thứ 15 không thành. Trước khi ra đi, bà đã chuẩn bị tinh thần các con. Đối với bà, tiền tài, danh vọng không quan trọng, chỉ có các con và gia đình mới quan trọng mà thôi. Mẹ thương yêu đã mất những không mất trong lòng các con. Trong các buổi ăn chung, luôn luôn gia đình dành một ghế trống cho mẹ.

Hát dạo, đi lang thang bốn phương trời cũng mỏi gối chồn chân, gia đình quyết định cần có một nơi trú ngụ êm ấm. Một mái nhà? Một biệt thự chảnh? Như hầu hết các ca sĩ thời danh chẳng? Nhưng có vẻ trời buộc quá, phải một cái gì linh động hơn. Cả gia đình quyết định mua một chiếc tàu chở than cũ của Hòa Lan rồi chín anh chị em bỏ công sức, tiền bạc tu sửa lại rộng rãi 8 tháng trời. Lúc đầu tàu mang tên "Sean O'Kelly" để nhớ lại tổ tiên xứ Ái Nhĩ Lan mang tên chữ O phía trước. Sau đó đổi tên là: "Santa Barbara Anna" để tưởng nhớ mẹ hiền, tàu thả neo tại bờ sông Rhein thuộc thành phố Köln.

Tháng 7.1990, thỉnh linh bố Daniel bị bại liệt, bán thân bất toại. Một định mệnh khắc khe để chấm dứt gia đình Kelly chẳng? Không, cả chín anh chị em lại siết vòng tay thân ái chống lại định mệnh. Họ sáng tác các bản nhạc mới. Người cha nằm tại bệnh viện, cũng cố gắng làm việc, góp ý kiến bằng chiếc Handy cầm tay, để giảm bớt ý nghĩ về bệnh tật và truyền sức mạnh cho các con. Lần đầu tiên ban hợp ca chín người lại xuất hiện trên sân khấu, vắng mặt cha già. Họ biết rằng ông vẫn theo dõi họ trên truyền thanh, truyền hình và có cảm nghĩ rằng Mẹ trên thăm thăm tầng cao vẫn nghe họ hát, đó là nguồn cảm hứng đã đem lại sức mạnh và họ đã thành công.

Một nhà tâm lý học Dr. Stephan Lermer ở München phân tích hiện tượng gia đình Kelly như sau:

Nhờ 3 yếu tố: "Chung sức chung lòng, thành thực và lạc quan vui sống" mà gia đình Kelly đã thành công. Có thể nói gia đình Kelly là sử giả của lòng Chung Thủy, Tình thương gia đình và đồng loại.



CĂN NHÀ TÌNH THƯƠNG

• Thúy Trúc

Phải, căn nhà xinh xinh của Thi Họa Vũ Hối ở "Thành Phố Đá" có một sức hút kỳ lạ làm cho nhiếp ảnh gia, thi-văn-họa-nhạc sĩ "nặng ký" quay về. "Mười bảy tháng ba nhé", chỉ cần một tiếng điện thoại đơn sơ, thế là đủ. Họ rủ nhau, đến từ bốn phương, đông-tây-nam-bắc, đến với những tấm lòng, đến với đóa hoa tâm. Âm thầm trao nhau những nụ cười, tiếng nói, lời ca, không màu mè xã giao nhưng trọn vẹn cảm thông. Còn nữa, đến để mừng Danh Họa Vũ Hối 50 năm cầm bút, cầm cọ; mừng Thúy Trúc ra mắt "TUỔI HỒNG", tác phẩm thủ tự; mừng 45 tác giả "CỤM HOA TÌNH YÊU II" và mừng mừng những phút giây gặp gỡ...

Trời đẹp, trời vui lây niềm vui của những người đồng điệu?

Trên cành cây, mấy con chim chào nhau qua kẻ lá.

Đầu lạ sau quen, có những anh chị chưa một lần thấy mặt, chỉ gặp nhau trên trang sách. Phút chốc, xem như anh chị em một nhà. Nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh làm việc không ngừng. Nhạc sĩ Đình Quang Trung của đài truyền hình Hoa Thịnh Đốn, chuyên viên quay phim, anh quay từ góc này qua hẻm nọ, tầng trên, tầng dưới, hình như anh không muốn bỏ sót một khuôn mặt thân thương nào.

Mọi người an nhiên tự tại, thông thả uống trà, nhấp rượu, bàn chuyện nắng mưa, chuyện đùa, chuyện mít, con nít, người lớn, chuyện thời sự, vào tù ra tội, nhân quyền tự do, văn hóa thổ phú, họa nhạc cầm ca... tịu trung cũng chỉ quanh quẩn chuyện thương nhà, nhớ nước.

Nội tưởng ra lệnh, "giờ ăn đã đến, xin mời quý vị", giọng chị Vũ Hối sang sảng, chị vừa nói, vừa làm. Cô con gái cũng cũng búng búng dọn dọn, kể cả chàng rể thảo phụ với Điều Khắc Gia Nguyễn Văn Hồ nướng nem. Chánh An Nguyễn Văn Thành và phu nhân cho rằng mọi người giành nhau trở tài món ăn Bắc-Trung-Nam, thôi thì, tôi nấu ca-ri Ấn Độ vậy. Thức ăn đầy bàn, nóng hổi bốc khói, làm thực khách sắp hàng càng lúc càng đông.

Tiếng điện thoại reo vang, lời chúc mừng của các văn thi hữu bốn phương không về dự buổi họp bạn được.

Niềm vui dâng lên; nữa, điện thoại lại reo, tiếng vọng từ bên bờ đại dương Bỉ Quốc, nhà văn Vũ Kỳ, Thầy gọi chúc mừng Hồng Khôi và Thúy Trúc sống trọn một ngày cho Văn Nghệ Sĩ. Khi nào mà chả thế, hồi Thúy Trúc ra mắt "THỎ THÚY TRÚC" ở Tampa, "THƯƠNG THƯƠNG NHỎ NHỎ" ở Orlando, "VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH" ở xứ Hoa Đào mấy năm về trước, Thầy đều gọi thăm và khích lệ. Thì ra, tuy xa mà gần.

Nhà thơ Trần Quốc Bảo từ Richmond đến chiều hôm qua để sửa soạn làm MC cho ngày hội ngộ. Anh mời các bạn vào hội trường, chỗ ngồi rất khiêm nhường nhưng cũng đủ cho 70 người từ phương trời xa lạ.

Philadelphia về: Nhà thơ Trung Nhân và phu nhân, Nhà văn Tiến sĩ Nguyễn Lương, Nhà văn Bác sĩ Thu Hà, Nữ sĩ Ngô Minh Hằng; Ông Trần Minh Trí, Chủ tịch Cộng đồng Việt Nam tại New York, Chủ nhiệm/ Chủ bút báo Đồng Tâm; Nhà thơ Triều Nghi, Chủ nhiệm báo Diễn Đàn Hải Ngoại và gia đình. Nhà văn Nguyễn Hữu Bình, Chủ nhiệm/ Chủ bút báo Gió Mới và phu nhân. Bác sĩ Hoàng Thiện Cán

và phu nhân, Ca sĩ Minh Hà, Đôi uyên ương Nga Mi/ Trần Lăng Minh, người có giọng ngâm tuyệt diệu trong bài VÔ ĐỀ (nay đã có tựa "THỦ HỌA") của Trần Quốc Bảo làm tặng họa sĩ Vũ Hối, Nga Mi giọng hát oanh vàng trong bài thơ phổ nhạc "CỎ HỒNG". Nhạc sĩ Trần Lương, Danh ca Phạm Hữu, phổ nhạc bài thơ "XỨ HUẾ MUỖI THƯỜNG" của Thúy Trúc, hát ngay tại chỗ. Họa sĩ Minh Hoàng, Trần Đức Khiêm và phu nhân, Lê Văn Lai và Mỹ Liên. Luật sư Đỗ Phủ, Giáo sư Lại Nam Long, ông bà Đình Hùng Cường, Danh ca Như Hường và phu quân. Văn thi sĩ Nguyễn Văn Thành, Trần Huỳnh Hội, Hồ Văn Đông, Lê Văn Hường, Trương Mỹ Lộc, Lãng Đức Lưu, Lê Long... Cụ Nguyễn Diệu, thân mẫu của Thúy Trúc, người có món ăn đặc biệt Huế, bánh nậm, bánh bột lọc quê hương. Cụ ngồi hàng cuối, nói chuyện rất lâu với chị Trần Quốc Bảo, không biết chán. Anh Bảo nói: "Mẹ nói tra những vẫn tinh anh minh mẫn và sức khỏe dồi dào, đó là hồng phúc của Nguyên Tĩnh-Nguyên Túy đấy".

MC giới thiệu chương trình xong là lời chào mừng quan khách của họa sĩ Vũ Hối. Sẵn dịp, anh bộc lộ cảm tình sâu rộng đối với anh chị em văn hữu. Dù có rào trước đón sau cách mấy, ai cũng thấy rõ sự hiếu khách của anh chị.

Nhà thơ ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện trong thân tình nói chuyện cời mở, thường thì anh ít đi đâu, anh ngại, biết ai là ai, với Vũ Hối, khác. Anh nói: "Thì trung hữu họa, trong thơ có họa, trong tôi có anh Vũ Hối". Ôi, tình bạn đậm đà làm sao! Bất chước Thúy Trúc cũng nói: "Trong thơ có họa, trong "TUỔI HỒNG" có hai nhà họ Vu. Vũ Hối, hình bia; Vũ Kỳ, bài giới thiệu đầu sách". Thâm tạ ơn người.

Nhà thơ Vĩnh Liêm, Chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do giới thiệu tác phẩm "TUỔI HỒNG" sau khi nhà thơ Trần Quốc Bảo sơ lược tiểu sử tác giả Thúy Trúc. Hai chữ "cám ơn" thật nghèo nàn, biết nói gì trước sự hy sinh của nhị vị? Thi sĩ Vĩnh Liêm đã thức bao nhiêu đêm để viết tám trang đánh máy mà quý vị sẽ thấy trong bài giới thiệu kèm đây. Giọng anh khi trầm khi bổng, khi vui, lúc buồn, hân hoan, ngậm ngùi, lại có khi rôm rỏ nước mắt vì một đoàn văn làm cho người nghe không khỏi mũi lòng. Anh chấm dứt, một tràng pháo tay vang lên, đó là phần thưởng tình cảm quý hóa nhất.

Lời phát biểu của Thúy Trúc không gì hơn là lòng biết ơn chân thành gửi đến quý vị hiện diện. Trên và trước hết xin đa tạ danh họa Vũ Hối cho Thúy Trúc một kỷ niệm vàng sau hai mươi năm lưu lạc xứ người. Thúy Trúc không quên tặng anh Vũ Hối một bài thơ và chính Nguyên Tĩnh đã "LÀM CHO THƠ EM BAY"

Bút màu màu nhiệm

*Kể từ thuở thanh xuân đạo đó
Năm mươi năm gần bó bút màu
Giật mình tuổi mộng qua mau
Bao thu còn lại cùng nhau xây đời*

*Đem vũ trụ vào nơi khung hẹp
Núi sông này làm đẹp thế gian
Vườn ai thắm đượm mai lan
Cảnh chiều quê mẹ rộn ràng hương yêu*

*Nẻo đường xưa mỹ miều thôn nữ
Mừng hoan ca bạn lũ đoàn viên
Quê hương gấm vóc ba miền
Thoát bay thần bút họa liền cảnh thơ*

*Hai mươi năm đợi chờ ngày mới
Vai kẻ vai sớm tối cần chuyên
Mau mau hạnh ngộ lời nguyện
Việt Nam hùng thịnh NHÂN-QUYỀN TỰ-DO*

• THÚY TRÚC

Rồi những bài thơ kế tiếp cũng được ngâm lên cho mọi người thưởng thức:

1. *Bút thần danh họa vẽ nên thơ
Quê hương ngàn dặm nhớ vô bờ*

*Ngậm ngùi bao nỗi trong màu sắc
Nhưng dòng THỦ-HỌA, ngát hương thơ*

• LÂM THÚY

2. *Đem chân thiện mỹ vẽ nên thơ
Bút xuất thần luân hoạt bất ngờ
Hòa, trúc, bình bồng nguồn trí động
Thúy, vân, phiêu lãng mối tâm cơ
Tinh hoa ký thác vào Thủ Họa
Thi tử trào dâng lúc mộng mơ
Năm chục năm trời say với cọ
Đem chân-thiện-mỹ vẽ nên thơ*

• TRẦN QUỐC BẢO

3. *Đem chân-thiện-mỹ vẽ nên thơ
Tâm huyết ngàn năm chẳng nhạt mờ
Vũ trụ chờ đầy đôi cánh mộng
Sơn hà mang nặng vạn niềm mơ...
Một tay xây đắp tình non nước
Năm chục tô bồi nghĩa tóc tơ
Nét cọ muốn đời còn ghi lại
Đem chân-thiện-mỹ vẽ nên thơ!*

• NGÔ MINH HẰNG

(họa bài thơ của Trần Quốc Bảo)

4. *Tâm hòa bập bồng trong bóng chũ
Rồng thiêng mây gió chín tầng bay!
Hồn nước, hồn dân, hồn bút tóa
Ngàn thu lấp lánh, Vũ quán di!*

• NGUYỄN CHÍ THIÊN

Lời giản dị, ý tình kỳ sâu thẳm, mệnh mông xanh biếc, phóng túng bình dị đầy cảm xúc bao la tình tự dân tộc. Thơ chuyên chở nhiều tư tưởng. Tình người nở hoa. Quà là một ngọc nhiên bất ngờ, như giữa nắng hạ có cơn mưa tưới mát ngàn cây ngọn cỏ. Thơ đánh thức màu sắc và tâm cảm, đưa tôi về quê hương, nơi có lớp lớp núi rừng tình yêu, soi bóng mình trên dòng sông ngọt ngào như sữa mẹ. Cám ơn thơ và những người làm thơ.

Không riêng gì tôi đâu nhé, những văn-thi-họa-nhạc sĩ nói trên mà chắc hẳn Thúy Trúc không nhỏ hết và những chiến hữu tù nhân chính trị đều có một cảm giác lâng lâng...

Nguyễn Đình Trọng cũng lăng xăng chụp hình và giúp trao tặng quý vị bốn tác phẩm của Thúy Trúc. Đồng thời các họa sĩ Lê Văn Lai, Minh Hoàng, Nguyễn Đức Khiêm, Vũ Hối và Nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh đã biểu diễn món quà để nhà thơ Triều Nghi điều khiển xố số. Người trúng giải cũng vui, người không trúng giải cũng vui, vui cái vui của kẻ khác. Ba trong số các tác giả "cụm hoa tình yêu II" có mặt hôm đó để biên biên chép chép tặng sách, món ăn tinh thần kết tinh bằng ngôn ngữ.

Ước nguyện của chúng ta nói riêng, hay của mọi người, mọi giới nói chung là làm sao cho đất nước thân yêu của chúng ta thoát khỏi thác ghềnh thời đại, trước cơn quốc phá gia vong, lòng người ly tán, ngõ hầu thanh bình, tự do, thịnh vượng; quốc nạn và pháp nạn không còn để chúng ta về thăm quê cha đất tổ. Những ai có tâm huyết, một lòng cho dân, cho nước không thể khoanh tay, lạng nhìn theo ngày tháng.

Chúng ta chiến đấu cho Dân Tộc và Đạo Pháp đến tận cùng, không bằng bom đạn, không bằng súng ống guơm dao, mà bằng những ngòi bút. Hơn bao giờ hết, đất nước cần đến chúng ta để có một trang sử mới huy hoàng nhất trong lịch sử.

Mong thay!

Xin tất cả bình an nơi trú xứ, hy vọng mọi người nhớ mãi lần gặp gỡ này.

Hẹn nhau "khi hoa anh đào nở" 1997.

MAI-MI, 2.4.1996

BA THẾ HỆ

HỘI NHẬP

• Nguyễn Văn Ba

Ông ta đã đưa cho tôi tờ di chúc từ cả năm trước. Bây giờ thì ông ta muốn nó. Ông ta yêu cầu tôi mang nó vào bệnh viện đọc để ông nghe một lần, ông ta nói, có thể là lần cuối cùng.

Phần tôi, tôi tự hỏi mình có nên làm cái chuyện mà ông ta khẩn thiết yêu cầu. Tôi đứng bên cạnh giường bệnh, đứng ra là bên cạnh ông ta, dần dần, ông ta thúc giục mấy lần, cuối cùng tôi miễn cưỡng mở tờ giấy ra và bắt đầu đọc:

"Thân ái cùng quý ông bác sĩ, luật sư, các vị lãnh đạo tôn giáo và tất cả mọi cá nhân, trực hay gián tiếp liên hệ đến sức khỏe và phúc lợi của tôi. Sanh, lão, bệnh, tử là chuyện thường tình, như nước chảy trên sông, cuối cùng phải đổ ra biển, như xe chạy trên xa lộ, sau chót cũng tới bến đậu... ai rồi cũng phải qua con đường ấy. Nay thì tôi biết mình sắp bước vào giai đoạn chót của đời sống một con người. Lỡ ra mai đây tôi không còn đủ sáng suốt hay sức khỏe để có thể quyết định những chuyện tương lai, tôi ước mong những dòng chữ này sẽ nói lên những điều tôi mong muốn thực hiện..."

Tôi không thể tiếp tục đọc, nước mắt dâng tràn mi, mũi nghẹt cứng, giọng lạc hẳn.

Xếp tờ di chúc lại, bước về phía cửa sổ căn phòng, tôi nhìn ra bên ngoài. Tuyết phủ trắng bãi đậu xe, phủ đầy những bụi cây thấp, những lối ra vào bệnh viện và cả những đường phố xa gần. Tuyết biến thành băng trên mặt con sông ở đằng kia, trên những con đường trơn trượt, bóng loáng. Mùa đông đã đến phần đất lạnh lẽo này. Trên mấy cành cây luôn luôn xanh, vài chú chim sẽ nháy nhót lại qua như có nứu kéo chút đủ hưởng của buổi tàn thu.

Trong phòng, những cánh thiệp thăm hỏi sức khỏe, chúc mau phục hồi nằm rải rác trên bệ cửa sổ, mấy bó hoa tươi đã bắt đầu héo úa, vài tờ báo nằm chơ vơ trong góc như nhắc nhở tôi đây là bệnh viện và người bệnh đang nằm kia. Khung cảnh quanh tôi vắng lặng quá! Tôi vào căn phòng này bao nhiêu lần rồi nhỉ? Tôi bận rộn với con gái tôi và thời gian gần đây tôi bận tụi bụi với ông ta ở bệnh viện, trong căn phòng này. Tôi cố thu xếp thì giờ để được kề cận bên ông, làm những gì có thể làm được, làm thật nhiều, để bù đắp lại những gì ông đã làm cho chúng tôi lúc còn khỏe mạnh. Ông đã mang những bịch thực phẩm từ siêu thị ra xe, trả tiền ăn cho tôi và con gái tôi ở nhà hàng McDonald những buổi trưa, các nhà hàng Tàu, Việt Nam... những buổi tối, mua cho chúng tôi những món quà, những thú cùn dùng lớn nhỏ, và còn nhiều, rất nhiều thứ nữa mà tôi không thể kể hết.

Cách nay khoảng một năm, ông mang đến cho tôi tờ di chúc từ luật sư của viện dưỡng lão. Tôi không thích, không đọc cũng như không muốn giữ tờ di chúc ấy, tôi nghĩ ông còn sống lâu lắm, cần gì phải làm di chúc, nhưng ông nhét mạnh vào tay tôi và nói: "Hãy hứa với ta, mang nó đến cho ta khi ta cần đến".

Chắc bạn đọc cũng đoán ra ông ta là ai? Ông ta là một người đặc biệt mà tôi vô cùng thương mến. Ông ta là ba tôi. Người đã vượt trại cải tạo, mang mẹ tôi và tôi vượt biển tìm tự do trong một đêm mưa bão đầy trời, khoảng hai mươi năm về trước.

Người đã chịu cảnh góa bụa chỉ sau mấy năm trên đất khách và đã ở vậy suốt quãng đời còn lại để lo cho tôi, không bước thêm bước nữa.

Thông minh, hiểu biết hầu hết mọi chuyện nhưng ba tôi đã từ chối, né tránh, cố ý không chấp nhận những dấu hiệu suy đồi về sức khỏe của bản thân ông. Vắt và lăm ông mỗi xỏ được hai bàn chân với các ngón sưng vù vào đôi giày. Đau đớn từ từ lan rộng đến phần bụng dưới.

Ông mất nhiều thời giờ cho việc đi tiểu thường xuyên cũng như ngồi rất lâu trong nhà cầu. Ông không còn cảm thấy ngon miệng ngay cả khi ăn những cuốn chả giò nóng hổi với nước mắm tỏi ớt, hay tô phở tái đang bốc khói, hai món mà ông vẫn luôn luôn thích. "Chẳng có thức ăn nào ngon miệng cả!", ông tự than! Ông đi chuyển chậm chạp, khó khăn, kém năng động. Sở ông té, đôi lần tôi đỡ ông ra vào xe, diu ông giữa bàn ăn và ghế salon, nhưng ông phui tay, tỏ vẻ không cần sự trợ lực. Nhưng một ngày, sự đau đớn lên đến mức quá sự chịu đựng của ông, ông đành chấp thuận để tôi đưa ông đến bác sĩ chuyên khoa về thận và đường tiểu.

Sau nhiều thử nghiệm, vị bác sĩ chuyên khoa cho biết ba có triệu chứng ung thư thận, có thể ung thư đã biến chủng, lan ra những bộ phận khác như chân, bụng... Ba nắm chặt tay tôi, hỏi vị bác sĩ một câu ngắn, cộc lốc: "Còn bao lâu nữa!".

"Khó mà đoán chắc được". Vị bác sĩ trả lời và nói tiếp: "Phẫu thuật và thuốc men có thể làm chậm sự tăng trưởng của ung thư. Tuy nhiên điều quan yếu mà tôi có thể hứa với ông là cố gắng làm cho ông cảm thấy dễ chịu, thoải mái hơn. Tôi muốn ông vào bệnh viện càng sớm càng tốt".

Một tuần lễ sau, các thử nghiệm khác chứng minh sự chẩn đoán của vị bác sĩ chuyên khoa là chính xác. Một quả thận của ba hoàn toàn hư hại, quả thủ hai còn hoạt động chút ít nhưng gần như không có hiệu quả gì.

Hơn hai tuần lễ ở bệnh viện, ba lần giải phẫu lớn nhỏ, ba xuất viện, về thẳng nhà chúng tôi thay vì viện dưỡng lão, có phần dễ chịu hơn nhưng chẳng hy vọng gì. Tôi nghỉ làm, thường xuyên túc trực bên giường ông, săn sóc ông. Tối ngày thủ năm thì ông la lên: "Thời đủ rồi, quá đủ rồi! Đưa ta về viện dưỡng lão. Ta hết bệnh rồi". Đó là lần đầu tiên ông nói dối tôi. Tôi thông cảm nỗi khổ tâm của ông. Ông không muốn con gái bận lòng. Ông muốn trở về với sinh hoạt bình thường. Ông muốn trò chuyện, chơi bài, đánh cờ... với những người già, bạn ông. Ông muốn đi ra cái tiệm ở đầu đường gần nhà dưỡng lão mua mấy lon "beer" và đậu phộng da cá để nửa đêm thức dậy lấy ra nhấp nhấp một mình. Những lúc ấy ông để ý, lắng tai, khẽ tiếng bước chân của người y tá trực đêm tôi gần thì ông tắt đèn để không phải nghe tiếng cấn nhai: "Ông không nên uống rượu, bất cứ lúc nào, ông thừa biết điều đó".

Tôi đưa ông trở lại viện dưỡng lão, về phòng riêng, trong bốn bức tường sơn trắng, về thế giới của những người già mà nhiều lần ông than thở tẻ nhạt, buồn bã, chán nản, không có sinh khí. Ông mới vào viện dưỡng lão chừng hai năm trở lại đây, khi không còn đủ sức cật cò, xúc tuyết lẫn nấu nướng, giặt giũ. Ông than phiền nhà dưỡng lão là chỗ chôn tập thể những người già trước khi nhắm mắt, nơi họ không còn một chút tự do tối thiểu, ngay cả việc dậy muộn hay muốn có một bữa ăn theo khẩu vị. Tôi không đồng ý với câu nói của một người nào đó: "Xã hội này không có chỗ (no where) dung thân cho người già" bởi ba tôi đã được xã hội đối xử tương đối tốt đẹp so với những gì ông đã đóng góp khi còn khỏe mạnh, tuy nhiên tôi phải chấp nhận rằng "Xã hội Bắc Mỹ là địa ngục của những người già".

Dù ông ngăn cản những tôi vẫn dành thì giờ đến thăm ông thường xuyên. Tôi bắt gặp ông ngủ gật bên sách báo. Ông ngủ quên trong lúc máy truyền hình vẫn hoạt động. Ông ngủ trên bàn ăn, bên những ô chủ, mô hình, bàn cờ... đang chơi dang dở.

Một hôm tôi diu ông ra xe, chở ông đi một vòng thành phố, ông ngủ gật trên băng xe lúc đang nói chuyện với tôi, ông không còn muốn vào siêu thị để đi tôi đi lui, lựa chọn hàng hóa như thói quen cố hữu. Tôi cảm nhận sức khỏe ông đã quá suy sụp. Tôi nhắm tính, ông rời bệnh viện đã được ba mươi hai hôm.

Tôi đếm từng ngày. Buổi tối ngày thứ ba mươi chín, tôi vào nhà dưỡng lão để thăm chừng ông. Ông ngồi trong phòng riêng, yên lặng, không đọc sách báo, không xem truyền hình, không đánh bài hay chơi ô chủ, không làm gì cả. Mặt ông xanh lợt, vẻ buồn bã, thất thần, vô vọng, biểu hiện điều gì chừng như khác lạ. Tôi hỏi ông trong người có được khỏe khoắn, ông trả lời "không" với cái giọng run run, đầy cảm xúc.

Tôi bỗng hoang mang, lo sợ, lần đầu tiên trong đời ông bị quan ra mặt, ông chấp nhận sự hiện hữu của con bệnh. Trước đây ông vốn lạc quan, hay đùa cợt dù đang đối diện với những hoàn cảnh bi đát. Những năm mới định cư, đi làm trong một xưởng may kỹ nghệ, rất cực nhọc, đồng lương lại không bao nhiêu, ông vẫn ngâm i cái câu: "Việt

Cộng bắt, Mỹ nuôi, ngồi run đùi, lượm bạc cắc". Đồng hưởng cùng sờ túc mình hỏi ông vui lắm sao ngâm thơ, run đùi, mà run cách làm sao? Ông vừa cười vừa trả lời: "Thì mỗi ngày mình ngồi mình may, cái đùi nó run run theo nhịp chạy của máy may í mà!"

Một thời gian ông đi rửa chén và làm phụ bếp ở nhà hàng, làm thật nhiều giờ nhưng tiền kiếm được không đủ chi dụng, vậy mà thỉnh thoảng ông vẫn bông đùa với mẹ và tôi: "Bữa nay ba làm phi hành gia, ba lái mấy trăm cái đĩa bay, đủ cỡ, lớn có nhỏ có, ba sắp lên đến mặt trăng để diện kiến Hằng Nga trong cung Quảng".

Người y tá bước vào phòng, cô cho hay ông bị nôn mửa dữ dội trong bữa cơm chiều. Và ngay sau đó không lâu, trước mặt tôi, một cơn nôn mửa kinh hồn khác lại đến. Người y tá đồng ý với tôi là nên đưa ông vào bệnh viện.

Cho tôi hôm nay ba đã nằm trong bệnh viện - lần thứ hai - hơn sáu tuần lễ, trải qua ba cuộc giải phẫu khác. Mỗi ngày tôi vào bệnh viện thăm ông và mỗi ngày ông càng nắm chặt lấy bàn tay tôi hơn, ông sợ phải xa lìa tôi vĩnh viễn.

Tôi nhớ một hôm ông nói: "Con gái cứng của ta, hôm qua là sinh nhật của con mà ta đã không mua được cho con một món quà, ta thật là người cha không làm tròn bổn phận".

Không có quà? Ngày nào trong cuộc đời của tôi mà tôi không nhận quà từ ba. Cặp đùi của ông là nơi tôi nũng nịu mỗi khi trời đông mưa, sấm chớp. Đôi tay rắn chắc của ông đã bảo bọc, che chở tôi từ những ngày thơ dại. Tính khôn ngoan, thận trọng cùng sự hiểu biết của ông đã dìu dắt tôi từng bước tới sự trưởng thành.

Không có quà hở ba? Ba đã cho con cả cuộc đời và cả đời ba đã sống vì con. Tôi nghĩ thế nhưng không tỏ bày được với ông. Cổ họng tôi nghẹn cứng, mắt tôi cay xé. Tôi nhắm mắt lại, cố ngăn những giọt nước mắt đang trào ra khỏe.

Tôi trở lại bên giường, tiếp tục đọc tờ di chúc:

"Người Á Đông có câu: Thất thập cổ lai hi. Sống mà đến bảy mươi tuổi là thế gian hạn hữu. Tôi tuy chưa tròn bảy mươi nhưng cũng đã quá thọ, đáng cay ngọt bùi nếm đủ, thăng trầm, vinh nhục nhiều lần trải qua, có chết cũng không còn điều gì tiếc nuối, âu lo. Có tiếc chẳng là tiếc không được chết trên quê hương Việt Nam thân yêu. Thế nên yêu cầu thủ nhất là thi hài tôi được hỏa táng, tro được rải xuống biển Thái Bình, để tôi nương theo những dòng hải lưu mà trở về nơi cố thổ. Người Việt Nam dù xa đất nước bao lâu, thành công về vang hay thất bại nào nề nơi xứ người, tâm từ lúc nào cũng hướng về quê hương. Xin hãy giúp tôi toại nguyện. Có lo chẳng là lo cho con gái tôi từ nay một thân trở lại nơi xứ lạ, quê người. Thế nên yêu cầu thủ hai của tôi là được chuyển nhượng tất cả tài sản của tôi cho con gái. Tôi cũng xin quý vị dành cho nó sự yêu thương, giúp đỡ, vật chất lẫn tinh thần... như đã dành cho tôi thuở sinh tiền.

Tôi lại khóc nữa rồi! những dòng chữ nhòe nhoẹt trước mắt tôi. "... từ nay một thân trở lại..."

Tôi phớt lờ mà ba vẫn còn lo cho tôi! Ba nói rất đúng, tôi sẽ trở lại sau khi ông qua đời. Sự ra đi của ba là mất mát lớn lao nhất trong đời tôi. Tôi đã mất mẹ, những ngày ấy tôi còn bé quá, chưa biết nhiều, nỗi đôn đau cùng với sự mất mát, vì lẽ đó, không quá sâu đậm.

Tôi đã mất chồng, nhưng chuyện đó do chính tôi quyết định, chọn lựa. Tôi quan niệm có chồng là để có người chia sẻ trách nhiệm, vui buồn... Tôi không cần có chồng đẹp trai, tốt cái mã bên ngoài để hãnh diện như những bạn bè tôi. Tôi không có nhu cầu tình dục cao nên cũng không muốn có một ông chồng đa dâm để ngày đêm thỏa tình ôm ấp. Chồng tôi không có đủ tính tốt - theo quan niệm của tôi - ngược lại quá đủ thừa tính xấu, đó là lý do chúng tôi chia tay. Từ đó, tôi chấp nhận cuộc sống mới với tất cả trách nhiệm của một người đàn bà tự đi làm để mưu sinh, một người mẹ có con nhỏ, một người cha già yếu, có quê hương và nhiều thân nhân ở quê nhà cần sự trợ giúp... Xã hội Bắc Mỹ là đấu trường cho những người thuộc lớp tuổi trung niên, đối với một phụ nữ Việt Nam di dân thuộc thế hệ thứ hai như tôi, lại không có sự hỗ trợ của người khác phái, những khó khăn hội nhập đã là một đấu trường không công bằng và đầy khắc nghiệt.

- Ông ngoại ơi! Linh thèm apple pie! Ông ngoại dẫn Linh đi McDonald ăn apple pie, uống root-beer đi ông ngoại!

- Ông ngoại xin lỗi con! Ông ngoại một quá không đi được. Ông ngoại đưa con tiền, con xuống cầu lạc bộ của nhà thờ ở lầu hai, giờ này chắc họ còn mở cửa, ở đó có đủ thứ pie: apple, strawberry,

lemon, raspberry... đủ thứ nước uống, có cả root-beer, con mặc tình chọn lựa. Tiền đây con.

Tôi tình máng con Linh một trận nên thân, nhưng nó đã lẹ làng cầm lấy tiền chạy đi. Ông ngoại nó bệnh nặng như vậy mà nó còn nhong nhèo, vùi vỉnh apple pie với lại root-beer, thiết quá sức! Từ này giờ nó im lặng ngồi chơi búp-bê, có lẽ lâu quá nên buồn. Tôi chợt nhớ ra là không nên rầy la con Linh trước mặt ba tôi. Mỗi bận như vậy ba buồn suốt cả ngày, không thèm nói chuyện với tôi. Ông cũng thừa biết tôi có mình nó, không thương nó thì tôi thương ai, cách lý luận của ông làm tôi cứng họng "Con Linh nó không có cha, chỉ trông vào tình thương của mẹ và ông ngoại".

Ba tôi sấm cho con Linh tất cả những thứ mà nó đòi, nó muốn, đưa nó đi chơi khắp nơi gần xa lúc ông còn khỏe mạnh, chiều chuộng nó đủ thứ, mọi điều.

Phần tôi, tuy không nói ra, nhưng luôn dành cho con Linh trọn vẹn tình thương của một người mẹ, chuyện gì liên quan đến nó là ưu tiên một, từ miếng ăn, giấc ngủ tới chơi đùa với bạn bè. Nhiều buổi sáng chuẩn bị cho nó mọi thứ, đưa nó đến trường, nhìn lại đồng hồ, tôi chẳng còn đủ thì giờ để bỏ vào bụng miếng bánh mì nướng. Lắm buổi chiều, lo chuyện ăn uống, áo quần cho nó xong, đưa nó đến "gym" tập thể dục, tôi mỗi chợt nhớ ra mình chưa thay bộ đồ đi làm ra khỏi người. So sánh tuổi thơ của con Linh và tôi, nó diễm phúc hơn trăm bản, nghìn lần, phải nói là đại phúc mỗi đúng, bất giác tôi buột miệng: Xã hội này quả là thiên đường của trẻ con.

Tôi tiếp tục đọc tờ di chúc:

"Yêu cầu thủ ba và cũng là yêu cầu cuối cùng: Được chết một cách tự nhiên, thanh thản. Tôi sợ phải sống trong đau dai dẳng, trong vô vọng và gây phiền hà cho mọi người hơn sợ cái chết. Vì lẽ ấy tôi mong muốn được chữa trị bằng thuốc men hay những phương tiện có thể giúp tôi giảm sự đau đớn. Tuy nhiên, nếu không có hy vọng hồi phục, tôi yêu cầu hãy để tôi được tự nhiên yên nghỉ, không kéo dài sự sống tạm bợ bằng phương tiện y khoa."

Tôi đỏ ông ngồi dậy trên giường bệnh, đôi chân khẳng khiu của ông lộ ra khỏi lớp vải, bàn chân với những ngón bầm xanh, sưng phù, lạnh lẽo. Tôi nhắm mắt lại để không phải nhìn chúng.

Bác sĩ và y tá trực được gọi vào phòng làm nhân chứng, ông và họ cùng ký tên vào tờ di chúc. Thật khó khăn cho tôi khi phải nhìn cảnh họ làm mọi việc trong im lặng nhưng cuối cùng tôi biết mình phải chấp nhận sự việc. Mọi người đều có quyền quyết định tối hậu về cuộc đời mình.

Bác sĩ và y tá trực rời phòng. Tôi xin được ở lại với ông thêm một thời gian. Gần nửa đêm tôi mới ra về. Rời bệnh viện, tôi thông thả bách bộ trên khoảng đường đầy tuyết trắng. Nhìn hàng cây trụ lá bên đường tôi liên tưởng đến đời người như những chiếc lá, lá xanh xuất hiện khi trời vào Xuân, lá vàng rơi rụng trong những ngày cuối Thu, năm này sang năm khác, như thế hệ của ba tiếp nối đến tôi, rồi sẽ là thế hệ của Linh. Ba tôi sắp về với Chúa, tôi sẽ mất ông vĩnh viễn. Bên cạnh tôi chỉ còn Linh, nhưng ba tôi nói đúng, tôi sẽ trở lại, bởi Linh đầu hiểu tôi, thông cảm tôi trọn vẹn, có chăng nó chỉ hiểu tôi một nửa, phần nửa người Tây, người Mỹ trong tôi.

*
* * *

Kể từ hôm đó y tá thăm viếng ba tôi thường hơn, họ trò chuyện với ông, hỏi ông có muốn ăn uống hay cần thủ gì không. Vị bác sĩ gia đình thăm ba mỗi ngày, trong tư thế một người bạn nhiều hơn công việc chuyên môn, vị này gián tiếp chấp nhận những quyết định của ba tôi.

Vị bác sĩ chuyên khoa ung thư thì ngược lại, ông chẳng chịu đầu hàng, ông nói còn nước còn tát. Ông thuyết phục ba tôi thay đổi ý kiến. Ông nói về các phương pháp trị liệu ung thư bằng hóa chất, các chất đồng vị phóng xạ... đã không còn thích hợp trong trường hợp này. Ông đề nghị ba nên giải phẫu thêm một lần nữa, biết đâu ngày mai, ba sẽ hồi phục.

Ba tôi lắng nghe. Dù đã rất yếu nhưng ba còn tỉnh táo, biết mọi việc xảy ra chung quanh, nghe và hiểu những gì vị bác sĩ chuyên khoa trình bày. Ba lắc đầu từ chối, thái độ ung dung chờ đợi sự việc sẽ đến.

Một buổi chiều, năm hôm sau ngày ký chúc thư, tôi hôn ba và chuẩn bị rời bệnh viện. Ba gọi giật lại:

- Này con gái ba, mấy hôm trước là ngày sinh nhật của con, mà ta quên mua quà cho con, ta thật không làm tròn bổn phận.

Nghĩ rằng ông lặp lại những điều đã cũ, tôi sửa soạn nói với ba là quà không cần thiết, tôi nhận quà của ông mỗi sinh nhật, đã quá đủ.

Nhưng ông đã nói tiếp:

- Nhưng hôm nay ta không quên, ta có quà sinh nhật muộn cho con. Con hãy nhận lãnh.

Ba bảo tôi lấy từ hộp tủ ra. Tờ chi phiếu hai mươi ngàn hai trăm năm mươi hai đô-la và bốn mươi một xu. Đây là món tài sản cuối cùng của ba mà mãi đến sáng nay ông mới nhớ ra. Ba đã dùng năm trăm đô-la để mua equity fund từ nhiều năm trước. Buổi sáng ba điện thoại cho cơ quan trung gian mua bán, bảo họ khẩn cấp vào bệnh viện gặp ba và bày tỏ ý muốn "cash out" món tiền này tức khắc.

Tôi cầm tờ chi phiếu cho ba vui lòng. Ba nói lời từ giả: "Ta gặp con ngày mai", rồi ông quay mặt vào trong.

Tôi bước ra cửa bệnh viện, mặt trời vừa khuất dạng, những tia nắng chói thòp cuối cùng của một ngày đang từ từ lịm tắt nơi cuối trời tây. Ba tôi sớm muộn rồi cũng sẽ đi về miền miền viễn tự do của một đời người, như mặt trời mỗi ngày đi về hướng tây, nhưng ông sẽ mãi mãi sống trong lòng tôi và những người yêu mến ông.

December 1995

giới thiệu TẬP SAN 3 VĂN BÚT ÂU CHÂU

• Mạnh Bích

Góp mặt

Nhà xuất bản Chùa Viên Giác vừa hoàn thành việc ấn hành Tập San 3 của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu. Nhân dịp Đại Hội lưỡng niên của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu, chúng tôi xin được giới thiệu Tập San này:

Tập San 3 gồm có 59 tác phẩm văn, thi, họa, nhạc của 27 tác giả. Những tác giả này đều là hội-viên hoạt động của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu và Trung Tâm của chúng tôi đã hoạt động từ ngày 27 tháng 6 năm 1987.

Chủ trương của Ban Biên Tập là đặt vào tay độc giả một tập văn học có hình thức sáng sủa, trang nhã và nhất là đọc không mỏi mắt. Cho nên, chúng ta có thể nhận thấy là hình bìa không có nhiều màu sắc rực rỡ, và sự trình bày bài vở bên trong tập san không quá rườm rà. Độc giả có thể trở lại một tác phẩm hay một tác giả một cách dễ dàng nhờ sự sắp xếp tên tác giả và tựa tác phẩm cùng với số trang.

Tuy nhiên, lướt qua bàn liệt kê các tác phẩm đã đăng trong Tập San này, thì độc giả sẽ hài lòng vì tính cách súc tích và phong phú của các tác phẩm. Thật vậy, 59 tác phẩm được đưa ra bao gồm đủ các thể văn-học, nghệ-thuật:

- về văn, tập san này mời độc giả thưởng thức nhiều bài *tiểu luận* sâu sắc nhưng dễ hiểu nói về triết lý đại khôn, đạo lý cổ truyền, kinh tế, những bài *ký sự* vừa sống động vừa trữ tình nhắc lại miền Nam Tây Đức, Costa Rica ở Nam Mỹ, khu La Tinh ở Paris, những bài *biên khảo* rất giá trị về di tích lịch sử Hải-vân-quan, về âm nhạc Việt Nam ở hải ngoại.

Riêng về truyện ngắn, chúng tôi chú trọng giới thiệu những suy nghĩ về quá khứ đau thương, những hoài bão tưởng lai, những tiếng lòng chân thật, thâm trầm nói lên sự rung cảm thuần túy Việt Nam trước sắc màu lưu luyến của cánh đồng quê mẹ, đối với dáng yêu của các bà chị, các bà mẹ, các bạn tình, trước hương sắc huyền diệu của chiều quê, đêm hè, ánh đèn, mái tóc. Tất cả đều rất đẹp. Và độc giả sẽ tưởng như nghe lại tiếng lòng của chính mình, qua những bản văn hồn nhiên và sâu sắc ấy.

- về thi ca, những tác phẩm của Mười nhà thơ góp mặt trong tập san này sẽ không để cho độc giả "ít sinh thơ" đọc lướt qua một cách ơ thờ được. Vì tất cả đều nói đến phận người, thân phận những kẻ chịu khổ đau âm thầm để cố nuôi dưỡng tình người như trong bài: *Điệu Ru Văn Cờn, Bảy Giờ Em Ở Đâu, Biển Đông Đóm Lửa Soi Đường Hải Âu, Thăm Con Trại Tù Việt Bắc, Chiều Thu Nhớ Mẹ, Mùa Cuối Năm, Nhân Danh Tinh Nhân Đạo v.v...* hay cả số phận của con người trong và trước cái đảo điên nghiệp chướng của cõi đời ta-bà của chúng ta qua những suy tư trong: *Lòng Trần, Như Gã Tiều Phu, Người Đi Lại Về, Chút Thân Danh Cũng Mù Mịt Hình Hải, Lữ Du Thường Xuyên v.v...* Không khí thơ cũng được tô điểm với những nụ cười dí dỏm khi các thi sĩ của Văn Bút Âu Châu *tự trào*.

- về họa và nhạc, chúng tôi giới thiệu vài nét đơn sơ để độc giả có thì giờ ngừng nghỉ vì tập san dày hơn 400 trang.

Điểm đáng lưu ý nhất trong tập san 3 này của Trung Tâm Văn Bút Âu Châu là sự góp mặt trên văn học hải ngoại bằng một sự dự linh chuyển hướng. Trong tập san này, không còn thấy nhắc lại những ý thơ oán hận trong quá khứ, không còn nghe những âm buồn than van khóc khoai cho kiếp lưu vong hay những mơ màng ảo vọng của những tâm hồn bơ vơ trong hiện tại và trước tương lai. Dường như các văn, thi sĩ đều có cùng một khuynh hướng: *xem những sầu muộn, rên xiết thời thường là không xứng hợp với tình huống hiện nay nữa*, sau hơn hai mươi năm "rã ngũ tan hàng". Dù vết thương không bao giờ khép kín, những những niềm đau đã trở thành thẳm lặng trong khi tâm tư được trưởng thành hơn, tình quê hương đồng bào được chín muồi hơn.

Sự chuyển hướng ấy giúp chúng tôi, Ban Biên Tập của Tập San này gọi lại lời "Góp ý" được dùng thay lời vào tập. Chúng tôi xin phép được nói đến một hướng đi một nơi đến của các tác giả sẽ góp mặt trong những Tập san Văn Bút Âu Châu sau này nói riêng và những người cầm bút trong và ngoài Văn Bút, nói chung là những người tự thấy phải mang trách nhiệm đối với tiền đồ dân tộc và quê hương Việt Nam nói chung.

Hai mươi năm qua. Trong khi chính quyền trong nước đang mò mẫm tìm một hướng đi, đang cố kiếm tìm một nơi đến mà chưa đạt được kết quả nào cụ thể, chưa nắm được niềm tin thỏa đáng nào cả thì chúng ta, gần hai triệu người Việt ở hải ngoại, đã không hèn mà gập, không dự trù mà có, chúng ta đều cùng chung một hoài bão: *tạo dựng một nền văn học cá biệt* trong ấy tự tưởng tự do, dân chủ được dùng làm nền tảng cho cuộc tranh đấu Tự Do, sức mạnh truyền thống dân tộc là giềng mối của tư tưởng ấy của mọi người Việt Nam ở hải ngoại.

Vậy, chúng tôi xin thiết tha mời gọi tất cả các văn-hữu hãy cầm bút đi, tất cả các độc giả nhiều tuổi già tình, hay trẻ tuổi thừa hăng say hãy nhập cuộc với chúng tôi. Chúng ta hãy cùng nhau dùng bút làm phương tiện, dùng văn làm củ cánh để tạo thành nền văn học ấy. Tất cả chúng ta đều có trách nhiệm đối với các thế hệ sắp đến, những lớp người đang cần một lối đi sáng lạn, đang mong có một chân trời tự do sáng tươi huy hoàng cho Quê hương. Tôi xin mượn lời thơ của thi-sĩ Bắc Phong mà tôi được thưởng thức trong những lần tìm hiểu văn gia Việt Nam để nói lên tình ý ấy:

*Minh cùng thấy máu của đồng bào
Dù chúng ta suy nghĩ khác nhau,
Chỉ có nạn nhân là đau khổ
Thịt da đã rách lại càng sâu.*

Cho nên, thi sĩ nhắc nhở rằng:

*Chúng ta cùng có một quê hương,
Chúng ta không muốn sống tầm thường,
Hãy viết lời lòng tâm thời thức
Cho một ngày hết đổ lệ thương.*

LÀM SAO ĐỂ CÓ MỘT ĐỜI SỐNG TINH THẦN ỔN ĐỊNH NƠI HẢI NGOẠI ?

• BS Phạm Nguyên Lương

I. Những người nào đang có đời sống tâm trí bình thường? Thế nào là đời sống tâm trí bình thường? Sự khác biệt giữa đời sống tâm trí với tinh thần và tình cảm ra sao?

II. Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí của người Việt ở hải ngoại?

III. Những tình cảm sai lạc, những thay đổi tâm lý nào đã gây ra bệnh tật cho cơ thể của chúng ta?

IV. Làm thế nào để có một đời sống tâm trí ổn định bình thường, đáng sống...?

I. Thế nào là một đời sống tâm linh bình thường? Sự khác biệt giữa đời sống tâm linh với tinh thần và tình cảm ra sao?

Người Việt ta thường nói: Một tinh thần lành mạnh trong một thân thể tráng kiện... để đề cao sự tập luyện thân thể, có được thân thể khỏe mạnh thì sẽ có đời sống tinh thần lành mạnh v.v... Thực tế cho thấy tục ngữ này chỉ đúng cho một số người, thể dục không đi đôi với trí dục, đức dục v.v... làm cho con người thêm nguy hiểm cho xã hội mà thôi. Những phường thảo khấu, võ nghệ siêu quần nhưng lại đi ăn cướp, giết người... Những bệnh nhân bị bệnh tâm trí, khỏe mạnh về vật chất, những yếu đuối bệnh hoạn về tinh thần... tự họ không thể tự săn sóc lấy cho họ vì trí phán đoán kém cỏi, việc làm nóng nảy, lo nghĩ không đâu, oán thù vô cớ... họ trở thành những con người nguy hiểm cho chính họ và cho những người khác...

Người Việt tỵ nạn vì hoàn cảnh đất nước đã phải sinh sống nơi hải ngoại, có thể có được đời sống vật chất sung túc nhưng về tinh thần nhiều người bị chứng lo lắng, ưu tú, nhớ nhà, nhớ nước, luyến tiếc quá khứ, khó chịu với nếp sống mới, bức mình vì con cái không vâng lời họ như ở Việt Nam v.v... đa số luôn sống trong căng thẳng, ít có được đời sống tinh thần quân bình, thoải mái... Trẻ con Việt Nam sinh đẻ ở hải ngoại cũng không tránh được cảm giác bị kỳ thị, cảm giác thấy mình khác biệt với các con trẻ người địa phương, để có những mặc cảm, những hành động không đúng cách, đúng lúc v.v...

Để có một đời sống tâm linh lành mạnh và phong phú như thế thật rất quan trọng. Vì mọi người cần có một đời sống bình thường cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng thế nào là người có đời sống tâm linh bình thường? Đa số sách vở định nghĩa đời sống tâm trí (mental health) là những gì khác với đời sống vật chất (ăn, ngủ, bài tiết, giao hợp v.v...) điều khiển bởi trí óc. Đời sống tâm linh này ở mỗi người có thể phát lộ ra qua trình độ trí thức, qua xu hướng, tinh thần, tình cảm biểu lộ, của cá nhân đó...

Nhiều người thường làm lộn tinh thần, linh hồn (Soul) của mỗi cá nhân với đời sống tâm linh (mental health) của cá nhân đó và cho cá hai chi là một mà thôi. Linh hồn của con người, đa số coi là bất tử, con người có thể chết đi những linh hồn, tinh thần của cá nhân đó vẫn còn mãi. Trong lịch sử, tinh thần (spirit) ái quốc của Nguyễn Thái Học, Trần Bình Trọng vẫn lưu danh muôn thuở, dù 2 vị đó đã chết từ lâu,

dù đời sống tâm linh của 2 vị đó đã mất đi khi cơ thể họ bị chết v.v... Tinh thần của mỗi cá nhân tùy thuộc linh hồn của cá nhân đó, và được diễn tả như năng lực tinh thần đặc biệt của cá nhân, có thể là độc đáo, có thể nhiều người cùng có như: Tinh thần làm việc siêng năng, Tinh thần Việt Nam v.v... Tinh thần có được phong phú thêm, nhờ kinh nghiệm, nhờ trí dục, đức dục v.v... sẽ được tả thêm ở phần dưới của bài này. Tinh thần là động lực thúc đẩy đầu óc làm việc để đạt đến mục tiêu, đến ý thích, của cá nhân đó. Tinh thần như thế góp phần trong đời sống tâm linh của mỗi người vậy. Đời sống tâm linh phát lộ qua trình độ trí thức, cách ăn, nói, xu hướng chính trị, những khéo léo, những vui, buồn, nóng, giận, chán nản, mệt mỏi, những tình quái, gian hùng hay đạo đức, thánh thiện v.v... Con người có thể nghĩ một đảng, nói một nẻo... hoặc biết thì nhiều nhưng diễn tả, nói ra cho mọi người nghe thì chẳng được bao nhiêu. Hoặc nguy hiểm, ba-hoa v.v... là tùy ở trình độ hiểu biết, tùy ở sự phong phú hay không của đầu óc của cá nhân đó... Câu hỏi đặt ra thế nào là người có đời sống tâm trí bình thường được Chaplin (1975) cho rằng: Người có đời sống tâm trí bình thường là người luôn biết thích hợp với hoàn cảnh, luôn cảm thấy trong người thoải mái, vui sống tối đa, có thể làm việc với tất cả tài năng và sự khéo léo của cá nhân đó.

Tâm lý gia Jahoda (1966) thì cho rằng: Người có đời sống tâm trí bình thường là người luôn tự làm chủ được mình trong mọi hoàn cảnh, luôn giữ được cá tính riêng và có khả năng nhận biết mọi việc, nhận biết mọi người hoặc biết chính mình một cách đúng đắn...

Nếu cơ thể mỗi người có thể khỏe mạnh hay bệnh tật, to béo hoặc gầy ốm, cao nhòng hay lùn tịt vì các yếu tố gây bệnh ảnh hưởng, vì biết ăn uống đúng cách, vì yếu tố di truyền v.v... đời sống tâm trí của mỗi cá nhân cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: ảnh hưởng của xã hội, bạn bè, ảnh hưởng bởi đời sống kinh tế, bởi tôn giáo, ảnh hưởng của di truyền từ bố mẹ, tổ tiên, bị nghiện thuốc, xi-ke, ma-túy, bị những tật bệnh về tâm trí v.v... Ta sẽ lần lượt tìm hiểu những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí của mỗi người để có một định nghĩa, trong một hiểu biết tổng quát thế nào là người có tâm trí bình thường...

II. Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí của mỗi người?

Rất nhiều yếu tố đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí. Ta chỉ kể những yếu tố chính:

1. Yếu tố tình cảm: Tình cảm phát lộ ở mỗi cá nhân, đa số đã phản ảnh trạng thái tâm trí của cá nhân đó - Người có tình cảm chín chắn biểu lộ trạng thái tâm trí bình thường hoặc phong phú - Tình cảm có thể bẩm sinh - Nhưng đa số có được nhờ kinh nghiệm, nhờ trí dục, đức dục v.v...

Tâm trí gia Meninger (1899-1966), đề nghị 7 điều kiện để tả một người có tình cảm chín chắn:

1. Một người có tình cảm chín chắn khi biết đối phó với thực tế hàng ngày một cách hữu hiệu.
2. Con người chín chắn khi có thể thích ứng với mọi hoàn cảnh.
3. Khi ít bị ảnh hưởng nếu phải ở trong trạng thái lo lắng hoặc căng thẳng...
4. Khi cảm thấy thoải mái hơn lúc cho ra hơn là nhận về gì đó...
5. Khi có thể giao thiệp với người khác một cách đều đặn trong sự thoải mái và tương trợ...
6. Khi có khả năng tự kiểm chế và hưởng thụ - kim hãm được những nóng giận, đen tối... Biến những dục vọng thành khả năng sáng tạo và xây dựng.
7. Luôn có khả năng yêu mến mọi người, mọi vật...

Những tình cảm vui, buồn, nóng, giận, chán chường, yếm thế, day dứt, lo lắng, căng thẳng v.v... biểu lộ tùy sự việc, tùy hoàn cảnh. Với cùng hoàn cảnh con người có thể biểu lộ tình cảm khác nhau tùy tình trạng tâm lý của mình có hợp với hoàn cảnh đó hay không? Cùng xem một đoạn phim, người thì cau mày tức giận, kẻ lại cười ha hả thích thú v.v... Biểu lộ tình cảm là do bẩm sinh, nhưng học được từ gia đình, học đường, xã hội... và luôn thay đổi theo hoàn cảnh, theo xã hội...

Dân chúng Việt ở Sài Gòn có thể cảm thấy thoải mái khi mặc bộ quần áo bà ba hay áo ngũ vĩ đạo mạt ở bờ sông hoặc đi ăn quà vật trước khi đi ngủ - Nhưng ở Mỹ, khó mà tìm được cảm giác đó khi mặc quần

áo ngủ đi ra khỏi nhà - vì xã hội Mỹ kiêng cử như vậy - bạn có thể mặc áo tắm đi ngoài đường - nhưng mặc quần áo ngủ là sẽ bị nhìn với những cặp mắt khinh khỉnh đầy ác cảm ngay. Nhờ kinh nghiệm sống, khi lâm vào tình trạng phải lo lắng điều gì, có người chỉ trở nên ít nói hơn, trang nghiêm hơn, nhưng vẫn làm được công việc hàng ngày...; người khác có thể luôn vô đầu, bứt tai, than thở với người này người kia không thể nào tập trung tư tưởng để làm được việc gì!

Tình cảm đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí một cách rõ rệt.

2. Yếu tố thể chất (physical health) ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tâm trí của con người. Người khỏe mạnh, ăn, ngủ, bài tiết bình thường sẽ cảm thấy trong người khoan khoái, tinh thần minh mẫn, giao thiệp vui vẻ dễ dàng thích ứng với hoàn cảnh, dễ thành công, thêm khéo léo, đầy óc sáng tạo v.v... Trái với những người có cơ thể yếu đuối, nay lạt, mai bệnh, suốt ngày, suốt tuần chỉ mong ngủ được, ăn được, không đau, không nhức v.v... bề ngoài lúc nào cũng đảm chiêu, lo lắng, tinh thần dễ bực nhúc, tâm trí dễ chán nản...

Những người bị mắc bệnh kinh niên, bị đau dạ dày kinh niên, bị nhức đầu mỗi ngày, bị đau nhức khớp xương, bị bệnh sốt định kỳ, bị tê bại tay chân v.v... luôn sống trong lo âu, sợ bị cơn đau hành hạ, sợ không ngủ được để rồi mệt mỏi, bài hoai, chẳng thể làm được việc gì suốt ngày v.v...

Những người **tuyến nội tiết (hormones) tiết ra không đều** ảnh hưởng đời sống thể chất và tinh thần bị ảnh hưởng một cách rõ rệt. Người bị bệnh bướu ở cổ, tuyến Thyroid tiết quá nhiều sẽ ăn nhiều mà vẫn sụt ký, yếu đuối, tim đập mau, da nóng hổi, trong người lúc nào cũng nóng nực, gắt gỏng... đời sống tâm trí của những người này sẽ trở lại bình thường nếu **bệnh bướu cổ (hyperthyroidism)** này được chữa một cách thích đáng.

Những người bị **bệnh lú lẫn và máu bầm trong não (Multi-infarct dementia)** hoặc những người **bị bệnh mất trí nhớ** - để có đầu óc lú lẫn, nói trước, quên sau... dễ nóng giận, gây gổ với người chung quanh - Già thuyết người ăn phải nhiều muối khoáng có nhiều đồng, chì, sắt v.v... máu không thể lọc hết các chất kim loại đã ăn vào, ảnh hưởng lên óc, khiến người lú lẫn, lảm lộn v.v... đã được chứng minh bởi nhiều nhóm khảo cứu; Gần đây phong trào chỉ dùng những đồ nấu thức ăn bằng nồi, chảo bằng đất nung hoặc stainless-steel đã nhiều người theo để tránh bệnh lú lẫn.

3. Yếu tố tinh thần (Spiritual factor) là những gì đặc biệt, là linh hồn (soul), năng lực tâm linh của cá nhân đó. Đời sống tâm trí của con người phong phú được là nhờ năng lực tinh thần của cá nhân. Tinh thần là giá trị thực sự của mỗi cá nhân: tinh thần làm việc siêng năng, tinh thần biết giữ truyền thống tốt đẹp của người Việt v.v... Con người có thể có tinh thần hướng thượng, thích chân, thiện, mỹ, tôn trọng người trên, nhường nhịn kẻ dưới, kính nể các đấng linh thiêng mà không cuồng tín vì tôn giáo... Cũng như tinh cảm, tinh thần do bẩm sinh và cũng do kinh nghiệm, nhờ trí dục, đức dục v.v... Tinh thần ái quốc, tinh thần tôn trọng quyền tự hữu, quyền tự do của người khác... phần lớn do ảnh hưởng của xã hội, của sách vở, trí dục...

Tinh thần can đảm, dám làm việc khó khăn, nguy hiểm do lòng quả cảm sẵn có, do kinh nghiệm sẵn có - nhưng cũng có thể dùng rượu, thuốc, vật chất, tâm lý v.v... kích thích để có lòng can đảm...

Trẻ em, người trẻ tuổi, ít kinh nghiệm sống, thực sự chưa có ý niệm rõ ràng về tôn giáo đang theo - đa số bị ảnh hưởng bởi gia đình, bởi phe nhóm của tôn giáo đó... Một người chỉ có thể nói là đã chọn đúng tôn giáo của mình khi đã có cơ hội học biết các tôn giáo khác nhau trong tinh thần cởi mở, tìm hiểu chín chắn ở một trình độ hiểu biết nào đó... Tôn giáo chọn lựa được lúc đó mới bổ ích thực sự cho đời sống tinh thần của cá nhân. Nhiều người thường nghĩ rằng đời sống tinh thần gắn liền với đời sống tôn giáo - họ nghĩ rằng họ có thể làm phong phú đời sống tinh thần của họ qua sự siêng năng học hành kinh,

sách, giáo điều v.v... Tôn giáo chỉ là một phần trong những yếu tố làm một cá nhân có được đời sống tinh thần cao cả - Vì sự mù quáng tôn giáo, cuồng tín giáo điều... tự làm cá nhân thêm thất vọng khi biết được những cái không hay không đẹp của tôn giáo mình khi đem so sánh với tôn giáo khác... Chúng đó họ mới thấy sự chán chường, hết còn muốn bám víu vào một điều gì, thần tượng sụp đổ tan tành, thêm ứ tù, phiền muộn v.v...

Chúng ta sẽ không chối cãi sự ích lợi thực tiễn của tôn giáo cho con người đời sống tinh thần lành mạnh hơn, phong phú hơn là những người không theo một tôn giáo nào, không được thường xuyên nhắc nhở những điều đạo đức, nên làm v.v... Nhưng những người có tinh thần cao cả, hấp thụ được, biểu lộ được những chân, thiện, mỹ, mà lại không phải lụy thuộc bất cứ tôn giáo nào không phải là hiếm. Những vĩ nhân, Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Socrate, Gandhi v.v... là những người có tinh thần rất cao, hướng dẫn quần chúng trên khắp thế giới

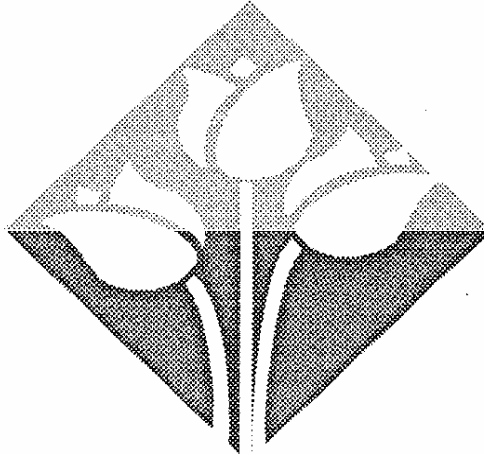
học theo những tinh thần cao cả của họ... Con người thực tiễn học từ con người, làm phong phú thêm từ thế hệ này qua thế hệ kia - Sự truyền bá tinh thần đó có thể trong tự nhiên, trong đạo đức... ai biết được là hay, lập tức theo ngay! Nhưng cũng có những truyền bá tinh thần trong sự dọa dẫm, dùng ảnh hưởng thần thánh, tin vào những điều trừu tượng, mê hoặc quần chúng, tin đồ bằng những phép lạ, những mê tín v.v... Đời sống tâm trí của những tín đồ này thường xuyên sống trong lo âu ngày tận thế - Ý lại vào các đấng Giáo chủ, các đấng thiêng liêng để làm cho cuộc đời của họ được thêm tươi đẹp, thêm may mắn, cứu rỗi họ v.v...

Nếu có được sự cân bằng về đời sống tinh thần giữa những chân, thiện, mỹ, những giá trị căn bản của con người, và sự lệ thuộc vào tôn giáo... đời sống tâm trí của con người lúc đó sẽ vô cùng phong phú, thoải mái, con người thực sự là bạn quý của con người.

4. Ảnh hưởng của đời sống kinh tế vào đời sống tâm trí của con người. Điều này quá rõ ràng - Việt Nam thường có những câu "*Phú quý sinh lễ nghĩa*", "*Túng ăn trộm, đói làm càn*"

Con người khó có được đầu óc thành thoi, không lo lắng, không âu sầu khi bụng đói, mắt hoa, gia đình nghèo túng, trong nhà không đủ đồ ăn, nhà cửa chật chội, nóng nực, ruid, muỗi v.v... Trong hoàn cảnh túng thiếu, cơ hàn, những người còn giữ được tinh thần cao, giữ hồn trong sạch, mục đích hướng thượng không phải là khó, nhưng ít thấy - Có chăng ở những danh nhân ngày ba bữa vỏ bụng rau bịch bịch, người quân tử ăn chẳng cần no đêm năm canh yên giấc ngày pho pho, thời thái bình cửa thường bỏ ngõ... Của những Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến v.v... hay ở những nhà chân tu theo những tôn giáo không lụy vào vật chất v.v...

Người Việt Nam thường có thói quen khi nghĩ về một người có đời sống thanh bạch, một quý nhân ở Việt Nam, như một người có đời sống đạo đức cao, không ăn trộm, ăn cắp, thụt két, ăn hối lộ, đời sống kinh tế hạn hẹp nhưng có thể có khả năng hiểu biết rộng, tinh thần cao, một người đáng quý trong xã hội v.v... Cá nhân có được đời sống thanh bạch có thể rất thoải mái, bằng lòng với hoàn cảnh sống của mình... đồng thời lại nêu gương cần cù, trong sạch, quân tử cho những đồng bào khác v.v... Có dịp sống ở hải ngoại với những người địa phương khác, ta mới có dịp so sánh. Ta không phủ nhận sự trong sạch, hoa sen không lấm bùn nhơ, của con người quân tử có đời sống thanh bạch, không phủ nhận sự thoải mái tinh thần sẵn có ở những người này vì họ thích nếp sống như vậy. Đồng thời ta cũng không chối cãi ảnh hưởng tinh thần đạo đức của những người biết nêu gương tốt đẹp cho đồng chúng v.v... Nhưng những người cần cù làm việc ở Âu Mỹ và thế giới. Nơi đầu óc sáng tạo, đầy sáng kiến, phát minh, thấy gì thực tiễn thì theo, thấy điều hay, hữu hiệu hơn là bỏ điều cũ theo mới, cạnh tranh ráo riết trong hợp pháp, thuận mua, vừa bán, vừa lợi cho người tiêu thụ, vừa đem lại giàu sang cho người cần cù, tháo vát - không làm điều gì trái với đạo đức, có qua có lại, biết làm, biết sống... Vừa lợi cho mình vừa ích lợi thiết thực, đem lại lợi lộc,



công ăn việc làm cho bảo người khác - bổ ích cả vật chất lẫn tinh thần cho đồng chúng v.v... Tinh thần làm việc, và tinh thần đạo đức, ở những người này nếu được phối hợp chặt chẽ với nhau thì thật chẳng còn gì quý hơn...

Đời sống kinh tế đã rất ảnh hưởng vào đời sống tâm trí khi ta nhìn vào khía cạnh khoa học của nó, thiếu ăn uống đầy đủ, hoặc vì nghiện ngập, bệnh tật mà quên ăn uống chất bổ dưỡng, cơ thể thiếu protid, lipid, glucid, vitamin, muối khoáng cần thiết... con người sẽ gầy còm, tuyến nội tiết thất thường, thần kinh, tế bào óc, tế bào tim bị ảnh hưởng... con người sẽ có những bất ổn về cơ thể, tính nết bất thường, trí nhớ kém cỏi, tình cảm không thuần nhất v.v... sinh bệnh lú lẫn... Những triệu chứng này sẽ bớt đi hay khỏi hẳn khi được ăn uống đầy đủ, khi những khiếm khuyết về dinh dưỡng được chữa trị đúng cách v.v...

Đời sống kinh tế đầy đủ dễ dàng giữ cho đời sống tâm trí được bình thường cũng là dễ hiểu.

5. Yếu tố di truyền (Genetic factors) ảnh hưởng đến đời sống tâm trí rõ rệt nhất. Tất cả những yếu tố kể trên có thể điều chỉnh, thay đổi, để làm đời sống tâm trí được tốt đẹp hơn, phong phú hơn. Nếu cá nhân sinh ra sẵn bị chứng trí óc đần độn (Mental retarded), khả năng tinh thần bị trì trệ thấy rõ, dù được dạy bảo, huấn luyện trong các trường chuyên môn, đời sống tâm trí của những cá nhân này sẽ hoàn toàn bị giới hạn. Cơ thể họ phát triển không bình thường, ít hiểu biết, đầu óc chậm lụt, khó nhớ, khó hấp thụ được những điều đã được dạy - tính nết khó khăn, cục xúc, gắt gỏng - tuổi lớn mà vẫn như đứa con nít, khó thể hòa hợp với mọi người... Dùng phương pháp đo trình độ thông minh I.Q của những người này, các tâm trí gia phân biệt: Chứng đầu óc trì trệ nhẹ (I.Q = 50-70), Trung bình (I.Q = 35-50), Nặng vừa (I.Q = 20-35), Nặng (I.Q dưới 20), Người bình thường I.Q từ 80 đến 130. Chỉ số I.Q càng lớn con người càng thông minh. Thần đồng I.Q = 160 trở lên.

Những câu hỏi để xét trình độ thông minh của mỗi người tùy thuộc rất nhiều vào phong tục, tập quán, xã hội của nước đặt ra câu hỏi - Vì thế người ngoại quốc dù thông minh khi thử I.Q Tests ở một quốc gia mà mình chưa thấu hiểu căn cứ phong tục, tập quán, lối sống, lối đùa, tiếng lóng của họ v.v... thường bị điểm thấp hơn là trình độ thông minh thực sự của người đó.

Những người bị trí óc trì trệ nếu bị nhẹ có thể trông như người bình thường - Nhưng cũng dễ nhận biết vì họ luôn chậm lụt, vụng về trong cách đi đứng, mặc quần áo không chỉnh, làm việc thiếu khéo léo, giao thiệp thiếu tế nhị, vụng về trong nếp sống hàng ngày - khó tự săn sóc lấy mình cho được bình thường như những người khác... Yếu tố di truyền đã gây ra tình trạng tâm trí chậm lụt của họ. Những bệnh về dinh dưỡng sai lầm như *Tay Sachs, Phenyl Ketonuria* bệnh về *Chromosome* như *Doron Syndrome*, tim bất bình thường, ruột, dạ dày bất bình thường v.v... đã gây ra chứng đầu óc trì trệ. Một vài trường hợp người mẹ bị nhiễm trùng, bị trúng độc, lúc đẻ bị đẻ khó, đầu đứa bé bị thường tích, mẹ nghiện rượu, thuốc như LSD, trẻ đẻ ra sẽ bị chứng đầu óc trì trệ.

6. Ảnh hưởng của đời sống xã hội (Social factors). Đời sống tâm trí của mỗi cá nhân bị ảnh hưởng rất nhiều vì gia đình, vì ảnh hưởng của bạn bè (bạn học, bạn chơi, bạn đồng nghề, đạo hữu v.v...), ảnh hưởng của xã hội, kịch nghệ, phim ảnh, phong tục, tập quán của địa phương đang và đã sinh sống ở đó thay đổi theo thời gian, không gian, theo trào lưu tiến hóa hay thụt lùi của thế giới - theo hoàn cảnh chính trị, sống ở nước tự do hay cộng sản v.v...

Tục ngữ Việt Nam có câu: "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" hoặc "*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*", để chỉ những ảnh hưởng của những người chung quanh đến cho những cá nhân trẻ tuổi hoặc những người còn thiếu chín chắn. Bố mẹ thường khuyên con "*Chọn bạn mà chơi*" để bớt đi những ảnh hưởng xấu của bạn bè. Con người thường thích giao thiệp thân thiết với những người cùng một sở thích, cùng trình độ thông minh, cùng hoàn cảnh xã hội với mình v.v... Tục ngữ Pháp có câu: Nhìn bạn, biết người, biết tính nết của một người bạn, có thể suy ra phẩm hạnh của một cá nhân v.v... Người lười biếng thân thiết với người lười biếng - Kẻ bản thủ thích chơi với người ít chú ý đến vấn đề vệ sinh v.v... Nhiều người giao thiệp nhiều với những người bạn tốt, ảnh hưởng được những tính tốt, cần cù làm ăn, thức khuya dậy sớm

làm lên giàu có nhờ bạn bè hưởng dẫn v.v... Vì thế có câu: *Giàu vì bạn, sang vì vợ* ...

Nếp sống hàng ngày của những người đang tuổi học hành, làm việc, ít được những giờ phút thành thoi, đa số luôn sống trong bận rộn, trách nhiệm, lo âu, căng thẳng...

Trẻ con có thể sống vô tư, nhưng khi bắt đầu được đi học là đã bắt đầu nếp sống máy móc, lo giờ ăn, giờ học, quần áo, sách vở v.v... Càng lớn lên, càng nhiều trách nhiệm - Càng nhiều ý thích càng bận rộn với đời sống - dục vọng càng cao con người càng lao tâm, lao lực bấy nhiêu... Những tranh đua, kiếm sống, những thành công, thất bại, vui, buồn, lo lắng, vầy vò, chán chường v.v... hàng ngày dễ đưa đến những căng thẳng, lo âu... Những áp lực tử công ăn việc làm, tử bạn bè, hàng xóm láng giềng, tử những người địa phương khác làm con người sống trong lo âu, trong tình cảm máy móc hơn là thực sự thoải mái. Nếu không có kinh nghiệm sống, nếu không học hành, bạn bè, người chuyên môn trợ giúp tinh thần con người bị nhiều thất bại, lo lắng sẽ đi đến những buồn phiền, lo âu thái quá mà sinh bệnh...

Những khảo cứu mới đây cho thấy những áp lực tâm lý xã hội (psycho social stressors) trong một số trường hợp đã ảnh hưởng đến những phản ứng căn bản của cơ thể, ảnh hưởng đến hệ thần kinh và gây ra những bệnh về tâm trí, điển hình là bệnh nhân đột nhiên thấy kém dần khả năng học hỏi, kém trí nhớ v.v... Nhiều thử nghiệm chứng minh được sự tăng gia của chất nội tiết *Cortisol* khi con người bị chứng ưu tư sầu muộn. Những người bị chứng lo lắng thái quá thành bệnh, bị bệnh ưu tư lần đầu, bị chứng *Manic* (tử tưởng, hành động thái quá) lúc đầu thường do những áp lực của xã hội gây ra. Những phản ứng hóa học trong cơ thể, những dẫn truyền thần điện, những áp lực tinh thần từ bên ngoài v.v... đã ảnh hưởng thần kinh, tâm trí của con người, tạo ra những thay đổi ban đầu ở tâm tính của cá nhân, rồi gây ra bệnh tâm trí cho cá nhân đó. Nhiều bằng chứng rõ ràng những áp lực của xã hội đã làm nhiều người bị căng thẳng, sinh dồn nén, ưu tư và thành bệnh... Những lo sợ về thi cử, vì mất công ăn việc làm, vì ly dị, vì bị đau kinh niên (đau dạ dày, bệnh tê thấp, ung thư v.v...) bị lâu ngày sẽ kích thích chất *C. FOS* trong cơ thể ở não bộ, gây ra những thay đổi ở sự dẫn truyền thần kinh, ở những chất *proteins* trong cơ thể, ảnh hưởng sự tăng trưởng của tế bào thần kinh, và những tế bào khác có thể gây ra những bệnh tâm trí sau này.

7. Ảnh hưởng của rượu, thuốc, cần sa, ma túy trên đời sống tâm trí của con người

Ngán hay dài hạn, các hóa chất đã ảnh hưởng đến đời sống tâm trí của con người. Ta cần phân biệt tình lạm dụng thuốc hoặc rượu (abuse) và tình lệ thuộc, nghiện rượu hoặc thuốc, cần sa, ma túy đến để cơ thể bị lệ thuộc vào hóa chất (*dependence*): *Có tình lạm dụng thuốc, rượu* khi cá nhân uống rượu lu bù, hay lạm dụng cần sa, ma túy trong ít nhất là 30 ngày dù biết rằng rượu, thuốc, ma túy có hại cho mình về nhiều phương diện... Người thích uống rượu sẽ tìm dịp, tìm cơ để say sưa chén chén một mình, hoặc nhậu nhẹt tung bưng với bè bạn. Người thích hút cần sa, ma túy sẽ luôn đàn đúm với bạn bè để được hút sách nếu không đủ tiền mua thuốc v.v...

Bị lệ thuộc vào rượu, thuốc khi cá nhân không thể giữ được trạng thái tâm trí bình thường nếu không có rượu hoặc hóa chất trong cơ thể. Sự nghiện ngập đã làm cơ thể bị tùy thuộc vào hóa chất, cả về vật chất lẫn tinh thần. Về mặt tinh thần, nghiện thành thói quen, không có, không chịu được, không có rượu, không có thuốc, cần sa, ma túy v.v... thấy trong người bứt rứt, nóng nảy, thèm khác, ưu tư v.v... Sự nghiện ngập còn làm cho cơ thể bị lệ thuộc vào hóa chất, thiếu hóa chất, rượu, thuốc v.v... có thể sẽ sinh bài hoại, với những triệu chứng thiếu thuốc như nôn, mửa, cơ thể rã rời, đau bắp thịt, đau xương cốt, nước mắt nước mũi ràn rụa, mắt mờ lớn, lờn, tóc rụng đứng, đổ mồ hôi, ỉa chảy, ngáp liên tiếp, mệt mỏi, mất ngủ, luôn bực bội v.v...

Ở Mỹ hàng năm có tới 600 ngàn người *bị nghiện á phiện* dưới hình thức *morphine, methadone, codeine, oxycodone, mepesidine*. Những người nghiện hóa chất này thường lạm dụng thuốc để luôn cảm thấy có thể sáng khoái... nhưng trí nhớ sẽ bị sút giảm, không thể tập trung tư tưởng để làm được việc gì đáng hoàng, luôn cảm thấy ngất ngủ, lao đao vì thuốc, luôn lo lắng, lạnh lùng, đời sống tâm trí trì trệ hẳn lại...

Những người *lạm dụng amphetamines*, uống, chích hoặc hít thuốc để được kích thích đến tối đa, luôn thấy sáng khoái v.v... Sinh viên học thi, tài xế taxi, xe truck v.v... muốn được luôn tỉnh táo và tăng thêm sự

chịu đựng thích dùng hóa chất kích thích Amphetamines này. Người dùng thuốc chích bị nghiện nhiều nhất. Amphetamines đã ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cá nhân rất rõ rệt - Hóa chất này đã làm đầu óc con người tiết ra thêm nhiều chất *Dopamine*, gây những triệu chứng như của người bị bệnh điên, cá nhân nghiện ngập sẽ có những ảo ảnh, ảo giác... họ có ảo tưởng nghe ai đó gọi tên mình, bảo mình làm việc này, việc kia - Họ có ảo tưởng nhìn thấy Chúa, thấy Phật, tiên ông, tiên bà v.v... họ nói năng huyền thuyên, nhất là khi dùng thuốc đến quá độ, bị thuốc hành hạ, vật vã, nói năng lảm nhảm... Thuốc lá làm con người nghiện chất *nicotine* có trong thuốc. Những người hút thuốc lá nặng, từ 2 hay 3 gói thuốc trở lên mỗi ngày mỗi lệ thuộc vào thuốc, rất khó cai thuốc nếu không có ý chí mạnh mẽ. Và dù có các loại *nicotine gum* để chuyển từ hút sang nuốt chất *nicotine* vào người. Cá nhân nghiện nặng rất hiếm người bỏ được hút thuốc lá nếu không có động lực nào đó thúc đẩy... Nghiện cà-phê, nghiện trà Tàu pha đặc v.v... tuy là những cái thú của con người nhưng trong các trường hợp nặng - Cá nhân có những tính nết kỳ dị gần giống với những người bị độc vì lạm dụng những chất kích thích như amphetamine, cocaine v.v...

8. Những bệnh tâm thần ảnh hưởng đời sống tâm trí rõ rệt nhất

Bệnh điên Schizophrenia với những triệu chứng: không thể suy nghĩ đúng đắn bất cứ việc gì - luôn nghĩ sai, trái với sự thật, có những ảo ảnh, ảo giác v.v... Tính nết kỳ dị: nửa muốn cái này, nửa muốn cái kia - tình cảm gò ép, sai trái, chuyện đáng khóc lại cười, hoặc chuyện đang vui lại òa lên khóc, không có tình thương với những người khác... Hạnh kiểm khác thường: luôn trốn lánh mọi người, thích ngồi riêng một chỗ, tư lự như con nít, không thích hợp với đời sống trong hiện tại, củ chi, tính tình kỳ cục v.v...

Bệnh điên Schizophrenia kể trên chia ra làm nhiều loại:

- **loại có đầu óc lớn xôn** khi cá nhân điên loạn, ý nghĩ lộn xộn, nói không ra đầu vào đầu, cười rú từng hồi, tình cảm nóng cạn, hời hợt, ngu ngốc, luôn thoái hóa trong tư tưởng, kỳ cục trong hành động, luôn than hết đau chỗ này, nhức chỗ kia, đôi khi lại nói ra những ảo tưởng hoặc ảo giác v.v...

- **loại có đầu óc đồ kỹ**, luôn có mặc cảm bị ghét bỏ, bị chê bai, bị dọa nạt. Cá nhân bị bệnh này luôn đầy ác cảm, thích phá phách, chia rẽ mọi người. Họ có thể luôn có mặc cảm tự tôn, coi họ là cao cả, thích nói về tôn giáo đến cuồng tín, lại có ảo tưởng, ảo giác v.v... đầu óc điên loạn phản ánh về việc làm kỳ cục, nguy hiểm cho chính bản thân người bị bệnh và những người chung quanh...

Bệnh rối *bipolar Disorder*: Ý nghĩ, hành động luôn thái quá - Tình cảm luôn thay đổi, lúc vui, lúc buồn, lúc giận, lúc thương... nói năng huyền thuyên, nhảy từ đề tài này qua đề tài kia như không biết mệt - thức thâu đêm, suốt sáng, làm việc, chơi đùa quá độ... Lúc u sầu thái quá, lúc cười nói vang nhà... Cá nhân bị bệnh này không thể tập trung tư tưởng, đầu óc lộn xộn không thể làm được việc gì nên hồn, họ luôn quấy rầy gia đình, bạn bè, hàng xóm v.v... Những người này ít người biết mình là bị bệnh tâm trí - cần chữa trị- Họ phải đợi chính họ hàng của họ hay làng xóm không thể chịu đựng được những phá phách, quấy rối của họ, gọi Cảnh Sát bắt họ vào nhà thương chữa trị v.v...

Người bị **chứng lo âu quá độ** (*Generalized Anxiety Disorder*) lo quá nhiều khi đến chỗ bị tê liệt không thể suy nghĩ hoặc hành động gì được - Họ sợ phải ra khỏi nhà, dù là để đi chợ, đi học, đi làm ăn v.v... họ sợ bị thấy bởi đám đông, họ sợ phải gặp người lạ, vật, hoặc đồ vật gì đó làm họ khiếp đảm; Họ sợ nói chuyện với người lạ, sợ nói trước đám đông - họ quá cẩn thận trong một số ý nghĩ, hành động nào đó, và luôn làm đi làm lại một động tác - Có người trước khi đi ngủ khóa cửa nhiều lần, mà vẫn không yên tâm nằm ngủ, chốc chốc lại chồm dậy xem lại khóa cửa đã chắc chưa, 20 hoặc 30 lần mỗi đêm, đến nỗi họ bị thiếu ngủ, xanh xao, bệnh tật v.v...

Cho đến gần đây các tâm trí gia đã có thể định được khoảng 200 loại bệnh tâm thần khác nhau - Những bệnh này đã ảnh hưởng, thay đổi đời sống tâm trí của con người. Nhiều bệnh phải được chữa trị ngay để có lại đời sống tâm trí bình thường. Nhiều bệnh trở thành kinh niên, rất khó chữa trị.

(còn tiếp)



GIA CHANH
CHAY

GỎI trái su

Vật liệu :

- 800 gr. trái su (có thể thế bằng Kohlrabi)
- 1 miếng đậu hủ trắng
- 150 gr. nấm rơm búp
- 50 gr. poirée (lấy phần thân trắng bằm nhỏ không dùng phần lá)
- 100 gr. đậu phộng
- 1 ít rau thơm
- nước tương + giấm + chanh + đường + bột ngọt + dầu ăn + muối + ớt.

Cách làm :

1/ Giai đoạn một : Chuẩn bị

1. Trái su : gọt vỏ, chẻ làm đôi theo chiều dọc, cạy bỏ hạt rửa sạch, bảo mỏng, cho vô chút muối, bóp cho đều, xả lại nước lạnh cho thật sạch muối, dùng khăn the vắt ráo nước.
2. Đậu hủ chiên : xắt mỏng.
3. Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước lã có pha chút muối, xắt mỏng, vắt ráo nước.
4. Đậu phộng : rang với chút muối cho vàng, bóc vỏ, giã hơi nát.
5. Rau thơm : lột rửa sạch, để ráo nước, xắt nhỏ.
6. Bắc chảo dầu nóng, cho poirée bằm nhỏ vào cho thơm, cho nấm rơm vào xào, xào độ 5 phút cho đậu hủ vô xào lên cho đều, nêm chút nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống.
7. Ớt : tỉa hoa, ngâm nước cho nở đẹp.

2/ Giai đoạn hai : trộn gỏi

Trộn chung lại : trái su + phân nửa đậu hủ chiên + phân nửa nấm rơm cho đều, nêm nước tương + chanh + đường + bột ngọt + ớt giã nhỏ cho gỏi được vừa ăn, gỏi chua chua ngọt ngọt là được.

3/ Giai đoạn ba : trình bày

Cho gỏi ra đĩa hình bầu dục, cho 1/2 đậu hủ chiên + nấm rơm còn lại lên mặt gỏi, cho rau thơm + đậu phộng lên trên cùng, giữa đĩa cắm ớt tỉa hoa cho đẹp. Gỏi này dùng chung với nước tương + chanh + ớt + đường.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 5 người ăn.



ÔI HỜI PHÙ TANG !!!

• Vô Thức lược thuật

Nhân duyên:

Đã từ lâu tôi hằng mơ được đi Nhật, từ khi tôi được một đứa bạn bên kia đường cho xem bức ảnh của anh nó gởi về từ Nhật năm 1977. Thật ra bức ảnh chẳng có gì đặc biệt, chỉ chụp anh hân đũng bên lề một con đường xe chạy. Khi nhìn bức ảnh tôi chẳng chú ý đến gì khác ngoại trừ vệt đèn chạy dài giữa con đường trắng nhựa. Thì ra ở Nhật người ta không rọi đèn từ trên xuống mà từ dưới lên chăng? tôi tự nghĩ như vậy. Thế là tôi muốn đi xem cho tận mắt cái kỹ nghệ tiên tiến kia.

Thời gian dần trôi, ước vọng sang Nhật cũng phai dần trong trí não. Cho đến sau khi tôi vượt biên đến được Đức và bắt đầu học về tôn giáo học thì ước nguyện đi Nhật lại đến, lần này không vì cái kỹ nghệ tiên tiến mà Nhật đã chứng minh với các nước Âu Mỹ qua các môn hàng cạnh tranh đầy dẫy trên thị trường tại Đức, mà là vì tôi muốn biết vì sao một quốc gia có truyền thống thiền tập cao lại phát triển Phật Giáo theo một đường hướng mà tôi không thể nào chấp nhận được. Và chẳng bên sau các vấn đề này còn có một nguyên nhân gì khác mà mình chưa thấu đáo? Thật sự bấy giờ thì chỉ dám mơ chứ không dám thực hiện khi biết rằng vật giá ở Nhật quá đắt; khi đến Ấn Độ học thì sự kiện qua Nhật càng trở thành huyền hoặc hơn trong ý nghĩ của tôi. Nhưng quả nhiên, có phần chẳng cần gì lo. Thuyết Nhân Duyên trong đạo Phật không thể nào sai được. Nhân dịp cùng với thầy Hạnh Nguyên đi qua Đài Loan để lo cho việc in ấn một số sách, tôi tự nhiên muốn gọi về thăm Sư Phụ thì được biết "ông già" sẽ đi Nhật trong vòng hai ngày tới và sẽ ở Nhật tổng cộng chín ngày từ ngày 7 đến ngày 16 tháng 4. Có lẽ cũng cảm thông được ước vọng của mấy người đệ tử nên Thầy đã gióng tiếng hỏi chúng tôi có muốn đi không, Thầy sẽ cho tiền; và lại từ Đài Bắc đi Nhật cũng không xa lắm! Thế là chúng tôi hỷ hửng lên đi mua vé máy bay chuẩn bị đi Nhật. Thầy còn hỏi quý Sư Cô Diệu Phước, thầy Thiện Sơn có muốn đi thì tháp tùng đi luôn, nhưng những vị ấy người bạn học kẻ bạn công việc nên rất cuộc chỉ có hai người chúng tôi lên đường ra phi cảng.

Lộ trình:

Theo lịch trình của Thầy, chúng tôi cũng mua vé để đến Tokyo vào ngày 7, nhưng lại đến trễ hơn những mười tiếng, nên tội cho các anh Phật tử phải hai lần đi rước. Phi trường Narita lại cách "chùa" những ba bốn tiếng đồng hồ! Máy bay đáp lúc 20 giờ, không khí mát lạnh, chỉ thiếu mưa phùn bay lất phất là đủ để tạo nên một quang cảnh thê lương. Điều đầu tiên thầy Hạnh Nguyên phát biểu là sự thất vọng của mình về cách kiến tạo của phi trường này. Thầy Hạnh Nguyên rất thần tượng Nhật về phương diện kỹ thuật và nghĩ rằng sẽ được chiêm ngưỡng một phi trường kiến tạo tối tân bậc nhất trên thế giới. Nhưng

trên thực tế thì phi trường này thua cả phi trường Bangkok (Thái Lan) về mặt tiện lợi và khía cạnh trang bị máy móc cũng không bằng. Sau khi ra khỏi trạm kiểm soát thì anh Tùng đã đợi sẵn để đưa chúng tôi về lại "chùa". Sau khi chào hỏi làm quen thì anh cho biết về chùa cũng phải mất hơn ba tiếng đồng hồ, không phải phi trường nằm tại một tỉnh khác mà vì thủ đô Tokyo quá lớn. Thành phố này có trên 14 triệu dân, một con số rất ư là lớn, nên hệ thống giao thông cũng phải được thiết kế tương ứng. Đường xá Tokyo giao nhau như mạng nhện, đường lên, nẻo xuống, cua phải, quanh trái không ngừng nghỉ.

Rất cuộc chúng tôi cũng đã về đến "chùa". Có lẽ quý độc giả cũng ngạc nhiên tại sao từ đầu đến giờ chữ "chùa" được đóng ngoặc một cách cẩn trọng như thế này. Nguyên là tôi đã quen miệng gọi nơi nào có thầy ở thì ở đó tất nhiên là "chùa". Nhưng ở đây từ thầy trụ trì cho đến các Phật tử đều gọi là "nhà của thầy". Đối với tôi thì lối gọi này không thuận tai lắm, vì đầu lớn đầu nhỏ thì nó vẫn là cái chùa. Phật tử đến đó ăn cơm chùa, tụng kinh chùa, sinh hoạt chùa mà! Thế mà tôi cứ gọi chùa. Chùa là một căn gác nằm trên của căn nhà gỗ hai tầng. Chùa có ba phòng rưỡi. Từ ngoài vào là gặp ngay nhà bếp, rộng khoảng sáu bảy thước vuông gi đó, gồm một bếp hai lò, một bồn rửa rau, chén, v.v... sát bên bếp là cái bàn nhỏ đủ ba người ngồi ăn, thế là hết! Phần còn lại là đường đi và đủ để đỡ từ dưới đất lên đến trần. Bên phải của nhà bếp là một đường hành lang hẹp đủ một người đi, dẫn vào nhà vệ sinh và nhà tắm. Ở Nhật đất đai rất mớ nên gi cũng nhỏ. Nhà vệ sinh chỉ vừa đủ chỗ ngồi. Nếu ai bộp chộp chồm vô trước sẽ đụng mũi vào tường ngay. Tuy vậy trong ngũ cách của nó cũng vô cùng trang nhã, đặc biệt bên trên cái thùng dội còn có một vòi nước với cánh bướm nhấp nhô khi ta gạt nước thì nơi đó cũng chảy ra để ta có thể rửa tay; nước rửa tay đó sẽ dùng để dội đợt sau, rất là tiện lợi và tiết kiệm. Phòng tắm cũng nhỏ không kém, mở cửa ra bước vào

một bước là hết lối, đứng tại chỗ rửa mặt! còn muốn tắm thì ngay bên phải có cái gọi là "Ô Phu Rờ" (theo tôi thì phải gọi là Ôi Thôi Rời! thì đúng hơn). Ô Phu Rờ là một loại bồn tắm như Âu Mỹ nhưng không dài mà lại vuông vức một khối và nước phải cho vào bồn rồi mới đun. Theo Thầy kể lại thì người tắm đứng ngoài dội nước, chà xà phòng cho sạch, sau đó mới vào ngâm mình, có miếng khăn kéo lên đến cổ để tránh hơi nóng thoát ra ngoài. Ngâm mình đã nửa rồi thì đi ra nhưng không phải là xả bỏ nước đó như ở Tây phương mà giữ đó để người sau còn vào tắm nữa. Trong thời gian còn du học Thầy đã phải tắm trong cái Ô Phu Rờ ấy sau khi ông trụ trì, bà trụ trì, con trụ trì v.v... đã tắm xong!

Đó là tiền sảnh, còn hậu sảnh chính là nơi quyết định cái nhà, không phải là nhà mà là chùa.

Phòng sau được chia làm hai ngăn cách bởi một cánh cửa giấy dầy qua dấy lại và khi cần thì giờ ra để như chơi. Phòng thờ rộng bốn chiều rưỡi (khoảng 11 thước vuông) bị một bàn thờ chiếm hơn phân nửa, phần còn lại vừa đủ trải chiếc nệm để Thầy tôi nằm. Phòng ngăn dưới rộng hơn, 10 chiếu! Phòng này vừa là nơi Phật tử ngồi tụng kinh, là văn phòng chùa, là phòng tiếp khách, phòng ăn... và phòng ngủ. Ở Nhật không có phòng ngủ! Nơi sinh hoạt chính là phòng ngủ về đêm, ban ngày tất cả các mền nệm đều được cất vào trong tủ. Tủ này cũng rất rộng, lấy đồ ra rồi thì còn đủ chỗ cho hai người nằm như một cái giường hai tầng. Vì chỗ ở chật hẹp như thế nên Thượng Tọa Chơn Lễ có ý muốn vận động xây một ngôi chùa Việt Nam rộng rãi cho các Phật tử có nơi tụ tập thoải mái.

08.4: Sau đêm đầu tiên tại xứ Nhật, Thầy đã dẫn chúng tôi đi xem tượng Phật rất cổ và nổi tiếng trên thế giới. Tượng Phật A Di Đà đã được kiến tạo từ hơn 730 năm trước. Xưa kia tượng nằm trong một ngôi chùa khang trang, nhưng ngôi chùa đã bị sụp trong trận động đất dữ dội năm 1945. Duy tượng Phật vẫn ngồi không lay động. Có thể là



do kỹ thuật kiến tạo tinh vi nên bức tượng không bị ảnh hưởng nên đã có nhiều khoa học gia đến để nghiên cứu và ứng dụng vào các kiến trúc cao tầng của Nhật ngày nay. Một số khác thì cho rằng vì thần lực của Phật nên bức tượng không suy chuyển. Lập luận này tuy có vẻ mơ hồ nhưng không thể bác hoàn toàn, vì theo tôi được kể lại thì gia đình anh Thị Phước và chị Thị Hạnh trước kia có thờ Phật trên một căn gác khang trang tại tú gia nước Mỹ. Một ngày nọ trời mưa tầm tã, nhưng không biết do động cơ nào thúc đẩy mà vợ chồng con cái đều kéo nhau đi chợ mua sắm, một chuyện mà bình thường không thể xảy ra. Hồn tiếng đồng hồ sau trở lại thì căn nhà anh đã bị sét đánh tan tành. Cánh cửa sổ bay đi hàng chục thước. Duy chỉ có căn gác thờ Phật là không bị ảnh hưởng gì cả! Từ đó anh chị hết lòng tin vào sự nhiệm mầu của Phật và trau dồi Phật Pháp vô cùng tinh tấn.

Từ Yamato đi đến Kamakura cũng mất hơn tiếng đồng hồ vừa đi xe điện vừa xe buýt. Nhưng bù công đi thật không uống. Cảnh trí nơi đó tuyệt vời, sau khi vào cổng, khách viếng tượng đến bên một bồn nước để rửa tay, nước này được dẫn từ trên suối xuống nên rất trong và mát... lạnh. Phía sân trước trồng đầy Anh Đào đang nở rộ, nơi đây thầy trò chúng tôi chụp hình thoải mái, nhiều hình. Trong các cánh tượng lộng lẫy huy hoàng của khung vườn thì nơi một góc vườn người ta an trí một tượng Phật dân sanh nhỏ nhỏ được trang trí bằng bốn vòng hoa chung quanh và một chiếc lư hương đang tỏa khói lờ lờ. Thì ra đang mùa Phật Đản tại Nhật! Ôi buồn tẻ, ối có đơn! Chỉ thỉnh thoảng có một vài người Nhật đứng chân trước bàn thờ mà đốt một cây hương rồi vội vã ra đi! Đạo Phật ở Nhật là như vậy đó: ở đây Phật bị lãng quên một cách phủ phàng. Người Nhật chỉ đi đến chùa trong cái áo đặc biệt mà thôi, đó chính là "áo quan"!!!! Ở đây đạo Phật thoát nhiên đã trở nên đạo của người chết thật sự và chùa chiền cũng sống toàn vào ma chay, cúng đám và bán đất chôn cốt. Các "thầy" thì ai cũng có gia đình và con cái, theo như tôi được biết thì họ không hề có thọ giới của tu sĩ! (không biết việc này chính xác bao nhiêu??? tôi phải tìm hiểu kỹ hơn mới được).

Sau khi xem các nơi Thầy dẫn hai anh em chúng tôi vào một quán ăn ngay trong khuôn viên của tượng. Thầy gọi món "Udong", một thứ bánh canh như của ta nhưng gia vị thì khác hẳn, vừa ngọt, vừa mặn lại vừa tanh tanh, hơi khó ăn; đối với người Nhật thì rất hợp khẩu vị, vì có những vị ngồi gần bàn chúng tôi húp nghe giòn lấm. Cũng may lần này đi có Thầy dẫn, bằng không thì chúng tôi phải nhịn đói dài dài, vì không có chỗ nào bán đồ chay cả, mình phải gọi riêng không bỏ thịt cá là xong, nhưng khổ nỗi phải biết tiếng mới được. Không hiểu bao nhiêu phần trăm người Nhật biết nói tiếng Anh mà không ai chịu nói với chúng tôi cả!!! Ăn xong ba thầy trò thả bộ đi theo các quán bán đồ lưu niệm và rút được kinh nghiệm rằng ở Nhật thứ gì cũng đắt. Dầu vậy Thầy cũng đã mua một số đồ lưu niệm để về làm quà cho quý vị tại Đức. Cuối cùng chúng tôi lên xe buýt và xe điện về lại chùa, vì Thầy còn bị cảm và ho sau chuyến đi Nga về.

09.4: Sau một đêm vật lộn với cơn ho và giấc ngủ chập chờn Thầy đã dậy trong trạng thái mệt mỏi nhưng tâm trí thì vô cùng sáng khoái, vì hôm nay Thầy sẽ dẫn Thầy Chơn Lễ, thầy Hạnh Nguyên và tôi đi thăm trường cũ. Trước hết là đi thăm trường Cao Học Phật Giáo. Khi xe taxi ngừng trước cổng trường người ngạc nhiên nhiều nhất có lẽ là Thầy, vì trường ngày nay so với xưa quá khác và khang trang hơn nhiều. Thầy Hạnh Nguyên và tôi ngạc nhiên không kém vì bên trên những nấc thang dẫn vào trường là hai trụ đá đứng sừng sững với với tượng sư tử bốn đầu. Bức tượng này do vua A Dục dựng nên và đã trở thành biểu tượng của Phật Giáo nói riêng và của Ấn Độ nói chung. Tiếng nói pháp của đức Phật xưa kia cũng được ví như tiếng gầm của sư tử, chúa tể sơn lâm. Khi tiếng gầm vang ra là muôn vật đều run sợ và khiếp phục; cũng thế chánh pháp của Thế Tôn lúc tuyên lên làm cho hàng ngoại đạo phải khiếp phục và quy thuận. Trong ý nghĩa trên, vua A Dục đã cho dựng tượng sư tử bốn đầu tại Lộc Uyển, nơi đức Phật lần đầu tiên thuyết pháp với sự mong cầu giáo lý của Ngài sẽ vang rộng khắp bốn phương.

Vào văn phòng, Thầy tìm người bạn cũ, sau khi đã dẫn chúng tôi đi xem Thư Viện trường. Không may, ông bạn cũ đã đi ra ngoài. Theo lệ người Nhật, Thầy để lại gói quà và danh thiếp rồi đi. Đứng bên thang máy Thầy nói bằng quơ: "không đủ duyên gặp thì thôi vậy". Khi thang máy xuống được lưng chừng thì bỗng dừng lại, cửa thang mở ra,

người đàn ông trong bộ "com-ple" đen nhìn sững nhạc nhiên. Sau đó là những tràng chào mừng hỗn hờ giữa Thầy và ông ta đã nổ ra. Cả phái đoàn lại kéo nhau trở lại trước văn phòng, nơi đây có an trí một dãy bàn ghế và cả máy nước uống tự động, có lẽ là nơi để nhân viên văn phòng tiếp khách. Bạn của Thầy tôi cũng là một nhà tu, nhưng tu theo kiểu Nhật, nên cũng có một phu nhân và vài người "con sãi". Có lẽ câu ca dao "Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa phải quét lá đa..." dành cho Phật Giáo Nhật thì đúng hơn. Chỉ khác là con sãi ở Nhật sẽ không phải chỉ thành thời để quét lá đa không mà thôi. Sau khi hăm nóng lại những kỷ niệm xưa và trao đổi những tin tức mới, chúng tôi lại ra đi.

Điều đầu tiên là phải giải quyết vấn đề bao tử. Vào một quán ăn theo kiểu Nhật, có nghĩa là nhỏ xiu xiu xiu mà đặt đến 11 chỗ ngồi, Thầy kêu mỗi người một đĩa mì xào với... cải. Trong buổi ăn Thầy nhắc đến một Phật tử Việt Nam tên Định ở tại Nhật. Bà này nay có lẽ cũng 70 dư; khi quý Thầy còn du học tại Nhật, bà đã tốt bụng muốn giúp đỡ quý Thầy có thêm tiền dẫn túi, nên cũng mở một quán ăn nhỏ, tương tự nơi chúng tôi đang ngồi, để quý Thầy làm việc. Khổ nỗi, quý Thầy thì chỉ quen chuyện tụng kinh cầu nguyện chỗ nào biết mảnh mung buồn bán, nên chỉ trong vòng sáu tháng bà đành phải cho đóng cửa tiệm.

Sau bữa ăn Thầy dẫn đi thăm công viên Thượng Dã (Ueno). Nơi đây rất nổi tiếng về hội hoa Anh Đào. Ở Nhật phong tục thưởng hoa Anh Đào đã rất là lâu đời. dịp này cũng may Thầy đã tính kỹ nên chúng tôi được xem Nhật Bản trong mùa đào mãn khai. Xướng khỏi xe đi bộ chừng năm phút thì trước mắt tôi rực lên một màu hồng nhẹ nhàng thánh thoát, nếu những thi nhân gọi chúng là những cụm mây hồng cũng không phải là quá đáng lắm. Trong công viên dọc theo vệ đường đều có trồng hoa đào, cây nào cũng đầy hoa và đang rộ nở. Bên dưới gốc cây người ta đã trải những tấm phen xanh đỏ lẫn lộn để ngồi quây quần bên nhau "vui hưởng thú điền viên". Mùi đồ ăn, đồ chấm và đồ nhấm quện nhẹ nhàng trong không gian. Người ta đã chiếm mất hai phần ba con đường, chỉ để lại một khoảng giữa độ hai thước đủ cho du khách tản bộ. Dọc bên trên thì đèn lồng treo lộp lộp hàng hàng. Nghe đâu người ta sẽ ở đó suốt đêm để thưởng nguyệt, ngắm hoa và thắm mối bằng những chung Sake ấm hồi hay những chung trà nức mùi sáng khoái. Nhưng nếu chị Hằng e lệ kéo rèm mây không chịu lộ diện thì những ngọn hoa đăng sẽ góp vui cho khách yêu hoa... Anh Đào. Bên trong công viên lại có một vườn bách thú đầy đủ các loại thú không thua gì các sở thú lớn của Tây phương. Sau đó chúng tôi lại đến chỗ hẹn với một người Phật tử Nhật. Ông này là Tổng Thư Ký của Hội Phật Giáo Nhật trong Hiệp Hội Thế Giới. Ông Hamada có một cửa hàng bán các loại thú thỏ gia đình. Tiệm ông đẹp và đồ bán lại càng đẹp hơn và đẹp nhất có lẽ là giá bán. Một tú thỏ bằng gỗ chạm trổ đơn sơ kích thước 50x50x30 cm trị giá đến trên dưới bốn trăm Mỹ kim tùy theo loại gỗ. Ông ta đón tiếp thầy trò chúng tôi vô cùng sốt sắng, vì Thầy tôi quen biết với ông ta. Nguyên nhân có buổi gặp gỡ này là Thầy tôi muốn giới thiệu Thầy Chơn Lễ với ông ta để nhờ ông ta hỗ trợ cho những chương trình Phật sự tương lai của Thầy. Trong suốt buổi nói chuyện lời qua tiếng lại đều bằng tiếng Nhật đầy cả U U, Ô Ô, nên tôi đã dời sự chú ý ra phía trước của tiệm của ông. Trong khoảng thời gian gần 40 phút Thầy ngồi nói chuyện, tôi thấy ba nhân viên của ông không ngừng nghỉ lau đi lau lại những tú thỏ chúng bày trong tiệm vốn dĩ đã nhẵn thín không hề vướng một hạt bụi. Có lẽ trong giá bán của ông cũng có tính cả tiền lau này chăng!?!

10.4: Theo chương trình hôm nay thì chúng tôi sẽ được Thầy đưa đi xem trường Đại Học nơi Thầy tốt nghiệp Cử Nhân, sau đó thì đi thăm các chùa cũ. Khi xe điện đến Shinjuku (đọc là Sin Dư Cú, chỗ không phải là Sin Du Cu đâu nhé!). Nơi đây tôi và Thầy Chơn Lễ ngồi đợi trong nhà ga, còn thầy Hạnh Nguyên thì đi lấy Visa tại Tòa Đại Sứ Đài Loan. Mang Passport của Đức đôi khi cũng lợi vô cùng, hầu như phần đông đi đến các quốc gia đều không phải xin Visa đồ tốn cả tiền lẫn thời gian. Thầy đi đổi tiền và mua vé, để ngày sau còn đi Shimoneseki, tận chớp phía nam của ngọn đảo chánh chúng tôi đang ở. Hẹn sẽ gặp nhau khoảng 45 phút sau. Sau hơn 25 phút thầy Hạnh Nguyên trở lại với cái Visa trong túi. Chúng tôi đồng đợi hơn một tiếng đồng hồ, rồi tiếng rưỡi, nóng ruột quá. Sau hơn hai tiếng thì Thầy trở lại, thở dài và kể rằng đã cho anh chàng bán vé Nhật hay rằng: "Sau

20 năm trở lại Nhật tôi không thấy sự tiến bộ nào, mà chỉ thấy các anh làm việc thật lười mà thôi!". Khách quan mà nhìn, có lẽ trừ ngành điện tử và máy móc, các lãnh vực khác của Nhật đã phải chịu thua cho các nước Tây phương, một phần có lẽ đất Nhật quá chật mà lại phát triển quá mau nên ngày nay không còn có chỗ để phát triển nữa, nên tất cả đều phải dậm chân tại chỗ trong nhiều năm qua.

Mọi việc giằn xếp xong thì trưa, Thầy đề nghị ăn cơm tay cầm, nhưng khổ nỗi ở Nhật tay cầm nào cũng đầy thịt cá, nên rốt cuộc mấy thầy trò phải ăn đủ thứ bánh ngọt và uống nước lon bên vệ đường trước khi đi đến trạm Shibuya. Trước khi đi còn phải tìm chỗ gội đầu vì ngày mai sẽ đi xa nên mấy thầy trò đều đem hành lý theo để đem đến gội đầu tại nhà anh Tùng ở gần Shinjuku. Tìm trước tìm sau đều không có chỗ nào gội cả. Những tù khóa thì bị cấm xài vì lý do an ninh, có lẽ sau vụ đặt thuốc hơi độc của Aoum! Thế là lùm cùm linh kính đồ đạc lên đường. Cũng may là Tăng sĩ nên không mang nhiều đồ! Trong các vấn đề Nhật đều hơn Ấn Độ nhưng vấn đề này thì phải nói là thua xa. Ở Ấn Độ bất cứ nhà ga nào cũng có chỗ gội đầu rất thuận tiện.

Nhà ga Shinjuku rất nổi tiếng vì nơi đây là nơi kỷ niệm của một con chó trung thành. Hằng ngày nó đều ra ga để đưa đón chủ nó đi làm. Cho đến một hôm chủ nó chết mà con chó "Hachikou" vẫn tiếp tục ngày ngày ra ga đứng chờ cho đến tận đời nó. Người Nhật lấy sự trung thành và sự đúng giờ của nó để làm gương, nên đã dựng tượng của nó trước cửa nhà ga. Từ đây chúng tôi đi bộ vì Thầy muốn nhìn lại những ngày xa xưa đã từng mài gót giày trên đoạn đường này. Tôi nghe thoang thoang tiếng Thầy lầm nhảm đọc lại bài "Tôi Đi Học" trong một niềm cảm khái vô cùng. Trường Đại Học Giáo Dục không có gì hấp dẫn đối với tôi lắm vì nó cũng như bao nhiêu trường khác thôi. Đứng chụp một hình lưu niệm trước cổng xong, đi dạo một vòng rồi lên xe buýt đi về nơi chùa cũ của Thầy ở. Nơi đây ngày nay cũng đã đổi chủ thay trụ trì, ông em của ông trụ trì cũ lên thay, còn ông anh thì đi sang ở chùa của ông cha ở Shinjuku sau khi ông cha qua đời. Chùa vẫn đó, cảnh trí không có gì thay đổi, những cột gỗ xưa cũ mấy trăm năm vẫn tỏ điểm vẻ đẹp cổ kính của chùa. Thầy dẫn chúng tôi đi quanh giới thiệu: "đây là nơi xưa mỗi ngày Thầy phải lau cho thật bóng, phải bóng đến có thể soi gương mặt mình dưới đó. Đây là nơi xưa Thầy phải đun củi nấu nước để cho gia đình ông trụ trì tắm. Đây là phòng củi của Thầy. Và con đường này ngày xưa Thầy đi phát báo, v.v... và v.v..." Thật ngậm ngùi cho người con dân Việt bất cứ dưới chế độ nào, một Sinh viên Việt Nam du học cũng chịu nhiều cam go thử thách, nhất là vấn đề phương tiện thì lại càng thiếu thốn. Sau khi thăm chùa cũ Thầy tiếp tục dẫn chúng tôi đi đến nơi chùa ngày xưa Thầy Minh Tuấn ở, nơi này mỗi sáng Thầy Minh Tuấn phải lau xe cho ông Thầy trụ trì! rồi đi thăm nơi Thượng Tọa Bảo Lạc ở ngày xưa. Chùa nào cũng khang trang, thầy trụ trì nào cũng có một bà phu nhân nội trợ đảm đang và Tăng sinh Việt Nam ở nơi nào cũng phải chịu nhiều tủi nhục. Có lẽ nhờ vậy mà quý thầy sau khi rời Nhật đều đã thành công trên con đường hoàng pháp của mình chẳng? Hòa Thượng Thiện Ân với Đại Học Đông Phương ở Mỹ, Thượng Tọa Bảo Lạc với chùa Pháp Bảo (Úc) khang trang, Thượng Tọa Minh Tâm với ngôi chùa Khánh Anh (Pháp) sinh hoạt mạnh mẽ và Sư Phụ tôi với cơ cấu làm việc tại Đức cũng không kém phần linh động.

Để kết thúc một ngày viếng thăm, chúng tôi được đi ăn cơm khách, do ông bà đỡ đầu của Thầy mời. Hai vợ chồng Nhật trí thức này đã chịu đứng ra đỡ đầu về mặt pháp lý cho Thầy trong thời gian Thầy ở Nhật. Trước kia ông làm phóng viên cho nhà báo lớn nhất Nhật Bản, tờ Mainichi. Ngày nay ông nghiêm nhiên đã trở thành Trưởng ban giám đốc điều hành của tờ báo. Ông bà vui vẻ phóng khoáng và rất nhiệt tình. Ăn no, nói chuyện xong thì trời đã tối ông bà tiễn thầy trò chúng tôi ra đường để chúng tôi còn về nghỉ lấy sức cho chuyến đi hôm sau.

11.4: Sáng nay dậy thật sớm ăn điểm tâm xong là thầy trò lại dạt nhau ra xe để đi miền nam. Xe kính tuyến tốc hành giống như loại ICE của Đức hay loại TGV của Pháp. Xe Nhật có lẽ tiện nghi hơn vì các hàng ghế đều có thể xoay ngược hoặc xuôi theo hướng xe chạy đều được cả. Ngoài ra phía trên cửa ra vào của mỗi toa đều có bảng điện tử ghi tên những trạm xe sẽ ngừng và trạm nào là trạm tối. Nơi mỗi bên cũng đều có bảng ghi tên bến, cũng như tên của bến đã qua và bến sắp đến. Sau sáu tiếng chạy nhanh, xe đã đến trạm

Shimonoseki. Nơi đây anh Mototsugu Harada đã ra đón chúng tôi. Anh là một người quen cũ của tôi, tôi đã biết anh ở Đức vì anh thường hay đến chùa nghe giảng và dự lễ. dịp này anh đã mời Thầy về thăm quê anh nhân chuyến đi Nhật. Gia đình anh rất khá giả, có một quán trọ và quán ăn. Anh hiện đang dạy dưỡng cầm cho đại học âm nhạc tại Hildesheim (Đức). Sau khi đón chúng tôi, anh đã đưa chúng tôi về tú gia của gia đình anh nằm trên một ngọn đồi. Nơi này chỉ là nơi cuối tuần hoặc nghỉ mát của gia đình. Căn nhà xây theo nửa Nhật nửa Âu nhưng lại rất hài hòa, chỗ nào Nhật thì ra Nhật hẳn, thí dụ như phòng nghỉ của anh đã dành cho Thầy. Nơi nào Âu thì hoàn toàn Âu, như phòng khách có salon, đàn dương cầm v.v... hay phòng ngủ dành cho chúng tôi có giường và lót thảm. Tôi nghĩ Kiến trúc sư Nhật có lẽ là những nhà nghệ thuật gia giỏi nhất trên thế giới vì họ có khả năng dùng những nghệ 'huật của các nước khác để sửa đổi thành của mình mà không phải trải qua một thời kỳ chuyển tiếp nào cả. Mọi người không thể chê vào đâu được những nét đẹp của kiến trúc Nhật, đơn giản gần như thô sơ nhưng lại nói lên được cái bản chất thanh kỳ và cứng cáp của nó. Ngay cả những khu vườn Nhật cũng đã được thế giới tán thưởng. Điển hình là dinh thự của một vị quan ngày xưa mà nay đã được trưng dụng vào tài sản quốc gia và làm nơi thưởng ngoạn. Anh Moto đã đưa chúng tôi đến đây sau khi ăn một bữa trưa tại một nhà hàng Nhật vô cùng thanh lịch. Khu vườn này giống như là một tiểu thế giới, gồm đủ sông ngòi, biển cả, núi cao vực thẳm, thật là hài hòa. Hầu như tất cả các khu vườn Nhật đều nói lên cái đẹp của thiên nhiên, mỗi khu vườn là một bài thơ tả vẻ đẹp của tạo hóa, vẻ đẹp vượt lên khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ nên phải dùng biểu tượng để tán dương. Sau khi đi xem vườn chúng tôi được đưa đi xem một "hàn xã". Hàn xã là đền thờ thần, kiến trúc cũng giống như chùa, nhưng ở chùa thì cột kèo được giữ nguyên màu gỗ nên có vẻ trầm tịch và u huyền, trong khi ở các hàn xã những cây cột được sơn màu đỏ chói, phản lại những bức tường trắng bạch đánh mạnh vào tâm lý của người xem. Những kẻ yếu tâm lý có lẽ dễ bị cái chói chang của hàn xã thu hút hơn là cái đẹp nhẹ nhàng của ngôi chùa. Tuy nhiên nơi đây ngày xưa cũng là một ngôi chùa dùng để tụng niệm cầu siêu cho những hững hờn chiến sĩ trận vong của hai gia đình vì giành nhau mảnh đất mà phải chém giết triền miên. Thầy Chơn Lễ cho rằng ngày nay những linh hồn ấy đã siêu nên chùa biến thành hàn xã! Bên hông hàn xã còn có thờ bức tượng một vị tăng sĩ không có vành tai. Tương truyền rằng: "Vị tu sĩ này ngày xưa có giọng hát rất hay nên ngoài giờ tụng niệm ông còn khai đàn và hát về cuộc chiến giữa hai gia đình. Một đêm kia ông đang ngủ bỗng thức dậy không tài nào chợp mắt, nên lên ra sau vườn ôm đàn hát. Khi ông hát thì các hồn oan hiện về, chính những hồn oan cũng không cầm được nước mắt trước thảm kịch của mình. Họ năn nỉ ông tiếp tục hát cho họ nghe trong bảy đêm liên tiếp, ông đã nhận lời. Đến đêm thứ năm thì việc làm của ông bị một vị tăng khác phát giác và trình lên phưởng trượng. Vị trụ trì biết chắc rằng ông sẽ bị hại vào đêm thứ bảy nên kêu ông đến và cho viết kinh lên thân thể ông. Sáng ngày thứ bảy thì người trong chùa phát giác ra ông đã chết và hai vành tai thì bị các oan hồn ăn mất. Thầy trụ trì vô cùng hối hận vì đã sợ ý không viết kinh lên vành tai của ông, ngài đã cho lập miếu thờ ông, âu cũng là răn đe hậu thế đã xuất gia thì không nên theo tiếng nhạc lời ca".

Sau đó chúng tôi được đưa về nhà trọ của ba má anh Moto. Bà đã chuẩn bị một bữa ăn tối vô cùng thịnh soạn. Mọi người có một mâm đủ thứ đồ ăn có trên sáu bảy món dư. Ăn no nê xong về lại tú gia để nghỉ.

12.4: Hôm nay trời đẹp lạ, chúng tôi chuẩn bị đi thăm một động đá nằm tại Yamaguchi. Động Akiyoshi-Dai là một động đá thạch nhũ khổng lồ nằm trong một lòng núi. Trong động có những cảnh vô cùng hấp dẫn, với ốc giầu tượng tượng chúng ta có thể thấy thiên hình vạn trạng. Nào núi, nào sông, nào tiên ông, nào Phật mẫu v.v... Đường vào động hai bên đều có các quán bán, những đồ đá để mời du khách ghé vào thăm. Sau hơn tiếng đồng hồ trong động Thầy cảm thấy khỏe hẳn, không còn ho như trước. Có lẽ vì trong động có nhiều khoáng chất tốt cho phổi chẳng? Để giải quyết bữa trưa, chúng tôi ghé vào một quán ăn gần động để thưởng thức món Udong cổ hữu của Nhật Bản. Sau khi ăn, chúng tôi đi thăm một viện bảo tàng và một ngôi tháp cổ trong vùng. Cảnh trí cũng vô cùng nên thơ. Phía trước cổng vào tôi chụp một tấm hình mà Thầy phải ngạc nhiên. Tôi

không chụp cảnh, chụp cây hay chụp người mà là chụp ... cái nhà vệ sinh công cộng. Một căn nhà dài tường màu trắng bên dưới lát đá màu chàm trông dễ thương và sạch sẽ vô cùng. Một nhà vệ sinh như thế ngay cả Tây phương hay nước sạch như Singapore cũng không thể nào có được. Tôi thua với Thầy là để về cho người Ấn Độ xem nhà vệ sinh Nhật mà bất chước. Thầy cũng phải phì cười. Về lại nhà trọ của ba má anh Moto thời trời còn sớm chúng tôi vào nghỉ trong phòng khách, Thầy đi tắm "Ô Phu Rô". Khi Thầy trở ra thì cho biết khi đang tắm có thêm hai người đàn ông nữa vào tắm chung, cũng may là Thầy đã sống qua ở Nhật, chủ gặp tôi thì có lẽ cảm thấy "đi" không biết phải làm sao. Sau khi ăn tối, ông bà xin Thầy tụng một thời kinh để ban phúc cho gia đình. Chúng tôi đã tụng ba thời Bát Nhã và chú cầu an, rồi Thầy phục nguyên bằng tiếng Nhật, đại khái cầu cho gia đình họ được hạnh phúc v.v... Trước khi về lại tú gia của họ để nghỉ, dĩ nhiên là có màn chụp hình để lưu niệm.

13.4: Sáng nay Moto trở về lại Đức, chúng tôi thì lên đường đi Kyoto và dự định sẽ ghé lại ngủ đêm ở Nagoya. Lại lên xe kinh tuyến Shinkansen đi một lèo đến Kyoto rồi đổi sang xe buýt để đi đến Kim Các Tự (chùa vàng). Kyoto là cố đô của Nhật nên chùa chiền rất nhiều và rất đẹp. Đến đây tôi bỗng nhớ đến một câu trong bài hát nào đó: "minh đến Kyoto mặc áo Kimono, ...". Quả nhiên đàn bà Nhật nổi bật hẳn lên trong bộ Kimono truyền thống, cũng như người phụ nữ Ấn Độ đẹp hẳn ra khi quấn chiếc Sari và cô thiếu nữ Việt Nam thêm phần duyên dáng khi trang phục bằng chiếc áo dài xinh xinh. Kim Các Tự quả nhiên vô cùng lộng lẫy, thật ra nó chỉ là một căn nhà sàn gỗ hai tầng nằm giữa một hồ nước với phong cảnh nên thơ. Cái đặc biệt của căn nhà này là các bức tường và cột kèo đều được dát một lớp vàng y sáng chói, thủ vàng 24 carat chứ không phải loại vàng hóa học mà Việt Nam dùng để thếp tượng. Nguyên nhân làm cho ngôi nhà này trở thành đặc biệt chính là những viên xá lợi Phật được an trí bên trong đó. Ngày nay xá lợi còn không, chúng tôi không được biết vì không được phép vào trong, nhưng qua hình ảnh ngôi nhà hay ngôi chùa chúng ta cũng có khái niệm về sự cung kính của người xưa đối với di vật của Thế Tôn. Ra khỏi chùa không xa chúng tôi tấp vào một quán bình dân ăn Spaghetti chay để rồi tiếp tục đi thăm chùa Bốn Nguyên. Chùa này thuộc Tịnh Độ Tông và gồm hai phần Tây Bốn Nguyên và Đông Bốn Nguyên. Theo Thầy kể lại thì chùa Nhật chỉ thua Đại Hàn mà thôi, nhưng nhìn thấy Tây Bốn Nguyên tôi đã thấy ngợp rồi. Không biết phải mô tả như thế nào để nói lên cái vĩ đại của ngôi cố tự này. Chùa này chia làm ba phần, tả điện, hữu điện và chánh điện. Tả điện và hữu điện thì chúng tôi có vào thăm nhưng muốn vào chánh điện thì phải sắp hàng có lẽ hơn tiếng đồng hồ nên đành thôi. Tả điện cũng bằng hữu điện có thể nói lớn khoảng sáu bảy lần chùa Viên Giác chỉ đó, nếu không muốn nói gấp mười lần. Còn chánh điện thì khỏi nói, có lẽ lớn cũng năm sáu lần tả hữu điện. Nơi đây chúng tôi có chụp hình một lọn dây rất lớn đường kính độ một tấc dài trên trăm thước, đây là một trong năm mươi ba cuộn dây được bện bằng tóc của phụ nữ Nhật vào năm 1895 khi chùa trùng tu và các sợi dây thừng thông thường không thể kéo nổi các cây gỗ to từ rừng về. Quả nhiên đây là một việc làm phi thường và đầy ý nghĩa. Có lẽ đã có trên ngàn người phụ nữ đã hy sinh mái tóc mỹ miều của mình cho việc công quả này. Thầy Chơn Lễ nói đùa: "chính thế mà ngày nay những người phụ nữ Nhật không còn để tóc dài nữa". Mà thật, dĩ ngoài đường đời khi chúng tôi cố gắng lắm mới phân biệt được người Nhật với người Tây phương nếu không nhìn vào gương mặt họ. Hơn bốn mươi phần trăm người Nhật trẻ tuổi nhuộm tóc và nhuộm diện rất là "tây". Phải chăng Nhật đang trên đường đánh mất gia tài văn hóa cổ truyền của mình? Từ già Kyoto trong nhiều buổi tiệc, chúng tôi đi về Nara, cũng là một kinh đô cũ của Nhật để thăm ngôi chùa nổi tiếng do Thánh Đức Thái Tử dựng nên. Rất tiếc đến nơi của đã đóng nên chỉ đi vòng chùa một vòng rồi lên xe về. Theo chương trình thì ghé lại Nagora để ngủ nhưng ai nấy đều mệt và đồng ý về thẳng Yamato để nghỉ trọn buổi sáng hôm đó, vì chiều Thầy còn phải nói chuyện với các Phật tử địa phương.

14.4: Hôm nay là ngày thong thả nhất trong tuần qua, không đi đâu cả chỉ ở chùa thôi. Gần hai giờ chiều thì các Phật tử quanh vùng bắt đầu tập hợp về, số người càng lúc càng đông và chùa thì nhỏ chật

nên tôi đã thà bỏ thăm phố Yamato cho biết. Đi suốt con đường phố thì, tôi tổng kết được rằng những tiệm Pachinco là nhiều nhất, không phải chỉ riêng khu phố này mà là khắp nơi trên đất Nhật. Pachinco là nhà giải trí cỡ bạc bằng các máy bấm điện tử. Xã hội của Nhật ngày nay chẳng còn gì cả. Bình nhật người dân phải chạy đua với thời gian và với đồng loại để không bị sa thải, nên họ cảm thấy phải có sự đền bù vào nỗ lực đó, đền bù bằng cách: đàn ông thì đi làm về tấp vô các quán nhậu, thiếu nữ thì tấp vào các hộp đêm và thanh niên thì đi đánh Pachinco. Nhìn Nhật, xem Thái, rồi Đài Loan tôi bỗng sợ cho tương lai của Việt Nam, sự phát triển quá vội vàng đã đưa con người đến lũng đoạn tâm lý mà không hay. Người ta nghĩ mình sống rất bình thường, rất đúng mức vì mọi người cũng đều như mình. Ở Ấn Độ tôi nói chuyện với một số sinh viên bản xứ, họ bảo: ở nước họ không cần những phát triển kỹ nghệ tối tân, đời sống của họ quan trọng là hạnh phúc và có thời gian cho bản thân và gia đình họ. Có lẽ đây là nguyên nhân quyết định cho xã hội Ấn Độ và là nền móng để sản sinh những bậc giác ngộ như Đức Phật, hiền triết như Krishna Murti, thánh nhân như Mahatma Gandhi. Tất cả các ngài đều có điểm chung là từ bỏ sự xa hoa để trở về với thanh bần nhúng an lạc và ngừng cao đầu để đi thẳng trong đời.

15.4: Tối hôm qua ông đồ đầu Thầy có Fax cho biết muốn làm một cuộc phỏng vấn Thầy và Thầy Chơn Lễ, nên hôm nay chúng tôi lại lên đường đi Shinjuku rồi chuyển tàu đi đến tòa soạn của tờ báo Mainichi. Sau khi phỏng vấn cũng còn dư thời giờ nên Thầy ngồi đợi ở nhà ga trong khi chúng tôi đi dạo xem các cửa hàng bán đồ hàng hóa. Tôi đi lên một siêu thị xem các bộ đồ Kimono bán với giá vài ngàn Mỹ kim một bộ, nên không thể trách phụ nữ Nhật không mặc đồ truyền thống của họ. Tối nay chúng tôi ghé lại chùa Shinjuku để ngủ. Ông trụ trì ngôi chùa này hiện nay là trụ trì của ngôi chùa ngày xưa thầy ở. Ông ta nay cũng trên 60 mà coi còn khỏe lắm, không hiểu do đâu mà ông có sức khỏe đó vì ông hút thuốc như ống khói nhà máy và trọng bữa ăn tối thay vì dùng cơm ông lại dùng rượu trắng, ông cười bảo đó là gạo nguyên chất. Chùa này rất lớn và đất nơi đây trị giá đến hai ba trăm ngàn Mỹ kim một thước vuông. Ông trụ trì này đã từng đi học ở Tích Lan nên rất thông cảm với sinh viên ngoại quốc. Ông đã xây một căn nhà tám chín tầng để cho sinh viên ngoại quốc ở nhờ. Bà vợ ông ta, theo tôi, thì cũng vui tính, có lẽ vì tôi không hiểu bà ta nói gì. Bà dường dường cũng là bà trụ trì mà loại trụ trì tí phú những ngày nay vẫn đứng bếp nấu ăn cho tăng chúng, nên cũng không trách bà ta có cái nhìn nghiêm khắc với những vị nào không làm việc đúng báo.

16.4: Trời mưa: đưa Thầy ra lại ga Shinjuku để Thầy ra phi trường Narita. Trên đường ra ga, chúng tôi thấy có mấy người nằm queo tại những góc ga ngủ. Thì ra ở Nhật không phải không có những người vô gia cư! Nhờ lại trưa hôm qua cũng gặp một ông có vẻ say đứng ngay trước nhà ga quay mặt vô tường "xa nước" tỉnh khô. Thật ra trong bất cứ xã hội nào cũng có bề trái của nó. Thầy đi rồi, Thầy Chơn Lễ về lại chùa. Tôi và thầy Hạnh Nguyên định đi dạo chợ xem các tiệm máy móc cho biết, nhưng trời mưa quá lớn và giá cả tại Nhật cũng vượt ngoài khả năng, nên đành về chùa nằm khì ra nghỉ. Xế chiều anh Khương, em anh Tùng, gọi điện đến hỏi thăm và hỏi chương trình ngày mai. Tôi tỏ ý muốn đi thăm tượng Phật Di Đà lớn nhất thế giới, nhưng mệt quá chưa biết có đi không. Anh Khương ngờ vì cũng muốn đi vì dầu ở gần nhưng anh cũng chưa đi bao giờ, thế là chương trình hôm sau được sắp xếp, chỉ mong ông trời hậu đãi cho một chút là tốt rồi.

17.4: Sửa soạn hành lý xong chúng tôi lên đường ra ga từ già Yamato. Đến nhà ga gần nhà anh Tùng thì chúng tôi xuống xe vì hẹn với anh Khương ở đó. Thầy Hạnh Nguyên nói mệt không muốn đi nên anh cho thầy và hành lý về nhà anh Tùng rồi đi xe buýt trở ra để cùng đi với Thầy Chơn Lễ, tôi và một anh Phật tử nữa. Xe điện đi cũng khá xa (hơn tiếng đồng hồ) mới đến nơi. Xuống xe mua bánh trái và nước ngọt xong thì thuê Taxi đi vào chỗ tượng Phật. Đây là một công trình mới tạo dựng, phải tốn mất mười năm mới hoàn tất. Thật không sao tả xiết cái cảm giác đứng dưới chân ngài nhìn ngút lên bức tượng cao vời vợi, con người trở nên nhỏ bé và vô vị làm sao. Tất cả những vẻ đẹp

của thế gian không thể nào sánh được. Bức tượng cao 120 thước tưởng chừng với một nhà lầu 40 tầng. Lọn tóc của ngài có đường kính 1 thước và nặng 80 kg. Vành tai của ngài dài 10 thước, miệng ngài rộng 4 thước. Quang cảnh chung quanh vô cùng đẹp và được đặt tên rất là thiên vị như hồ "Đại Tâm Hải", hay "Bồn Nguyễn Trang Nghiêm Trì" có ngọn thác "Chánh Giác" và hồ "Vãng Sanh Hải" ... Tượng này đã được ghi tên vào sổ kỷ lục thế giới. Bên ngoài tượng đã đẹp, bên trong lại càng tuyệt vời hơn.

Đi vòng ra sau tượng bước vào một gian phòng rộng rãi độ 20 thước vuông. Cửa tự động đóng lại, không gian bỗng tối mịch, chỉ một vài ngọn đèn nhỏ màu xanh lá cây lóe lên nơi góc tường. Bỗng tiếng nhạc êm dịu trôi lên, một giọng nói trầm hùng nhẹ nhàng như rót vào tai làm tất cả mọi người phải chú tâm: "Bây giờ quý vị đã vào thế giới của Đức Phật A Di Đà, tất cả các phiền não đều rửa sạch chẳng còn gì phải lo lắng cả, vì đây là thế giới Cực Lạc, cảnh giới của giải thoát". Âm thanh im bật, tiếng nhạc ngừng trôi, cửa mở ra. Trước mắt chúng tôi sáng rực lên bởi một lò trầm đang nghi ngút khói quyện theo luồng ánh sáng chói rực từ trên chiếu thẳng xuống. Nhà sáng tác đã gán cho nơi này cái tên là "vô lượng quang và vô lượng thọ"! Thì ra chúng tôi đã được đưa lên mấy mươi thước mà không hề hay biết chi cả. Cuộc hành trình bên trong tượng Phật thật là tuyệt vời. Màu sắc, ánh sáng và trùng bày đã được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, tạo cho người viếng thăm một cảm giác thoát tục siêu nhiên.

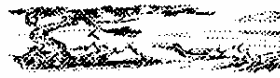
Từ già nói thần tiên về lại nhà anh Tùng trong một tâm trạng vô cùng thỏa mãn. Tôi chỉ còn tiếc chưa được đi xem tượng Quan Âm cao 50 thước nằm phía đông nam của Tokyo mà thôi. Tối hôm nay tôi và anh Tùng, anh Khương đã nói chuyện tới khuya trước khi tắt đèn đi nghỉ. Hôm sau chúng tôi phải ra phi trường thật sớm vì máy bay khởi hành lúc 10 giờ.

18.4: Trời lại mưa, mỗi năm giờ mà những hạt mưa đã rơi lộp độp đập vào cửa sổ. Vợ anh Tùng đã dậy chuẩn bị ăn sáng trước đó. Quả nhiên số phận người đàn bà Á Châu, lúc nào cũng tảo tần, cũng chu đáo. Người Việt Nam sống ở Nhật nên cũng ảnh hưởng, đã dăm đang lại càng dăm đang hơn. Ăn sáng xong từ già mọi người, anh Khương đưa thầy Hạnh Nguyễn và tôi ra phi trường. Hơn bao giờ hết, trong những lúc đi ra ngoài như những dịp này tôi cảm nhận sự khấn khít giữa tình người con Phật Việt Nam với nhau. Mọi người xa lạ, nhưng lại gần nhau chỉ vì cùng chung một niềm tin nơi đấng giác ngộ. Nam Mô Phật Đà, Nam Mô Đạt Ma, Nam Mô Tăng Già, ba ngôi Tam Bảo đã ban cho con những phúc báu vô ngần.

Thay lời kết: Thật sự tôi không định viết bản tường trình này, nhưng Sư Phụ tôi nói là Thầy viết hoài cũng thế thôi, bây giờ thì đến lượt đệ tử viết vậy. Và lại những ấn tượng có được tại Nhật đối với tôi vô cùng quý báu nên tôi cũng muốn giữ lại qua giấy trắng mực đen để làm kỷ niệm. Nếu bảo tôi đổi những gì đang có để sống ở Nhật thì tôi sẽ mạnh dạn khước từ, không phải vì tôi đang sống sung túc mà vì tôi quá sợ hãi đời sống ở Nhật, một đời sống mà con người cho rằng cái chết vinh dự nhất chính là cái chết vì làm việc quá sức. Việc này đối với tôi không bao giờ có thể chấp nhận, đành rằng con người phải có trách nhiệm với xã hội với nhân loại, nhưng không vì thế mà biến thành một cái máy lao động! Xã hội ở Nhật là xã hội chạy, tởm mở sáng đã chạy cho đến trời tối u vẫn còn chạy. Đâu còn chỗ nào để trau dồi tâm linh. Những hiện tượng như đạo Aom sơ dĩ được thành công vì người Nhật đã bước vào giai đoạn cùng quẫn của tâm linh. Có thể có nhiều người đã chán ngấy cuộc sống đó nhưng họ không làm sao thoát ra được, nên đành phải đắm mình trong các thú vui để tìm quên. Về đến Ấn Độ tôi thờ phào nhẹ nhõm. Ấn Độ thật là dở, thật là bê bối, thậm chí tôi còn bị rạch túi lấy mất tiền, nhưng người Ấn Độ đối với tôi vẫn đáng yêu, vì họ còn biết tìm hạnh phúc trong những gì nhỏ nhoi nhất của cuộc đời. Thật sự con người đâu cần các tiện nghi tối tân, nhưng vì trào lưu, vì sự tiến hóa chung bắt buộc con người phải chạy theo mãi. Tôi nghe nói ở Nhật cũng còn một số ít chùa chiền trong hang cùng núi thẳm, nơi đó vẫn còn những vị thiền sư sống đời ẩn dật vui với giáo lý của đức Phật, không biết có đúng không? Dầu có hay không thì sự kiện ấy cũng nói lên: ngày nay con người không còn tin vào giáo lý của đức Phật một cách sâu đậm nữa rồi, vì nếu thật tin thì ta sẽ không ngần ngại gì để buông bỏ tất cả mà chỉ sống với đạo mà thôi.

NGÀY BA TÔI QUA ĐỜI

• Nguyễn Sĩ Long



Hôm qua tôi có cả
Gia đình đủ mẹ cha
Mà hôm nay còn lại
Bên quê một mẹ già.

Ngày ba tôi qua đời
Tôi ở cuối chân trời
Người đi thật thanh thản
Chưa kịp nhận đôi lời.

Hai mươi năm mất nước
Đời đã nhuộm mỡ xôi
Cha mất không về được
Là bất hiếu thật rồi.

Ai chia rẽ nước nhà
Để kẻ ở người xa
Giờ đây khi nằm xuống
Áo tang nào cho cha?

Ba ơi, chắc ba hiểu
Vi sao con không về
Nén lòng mà cam chịu
Nỗi đau đờn trăm bề!

Con chờ ngày trở lại
Bên phần mộ hương linh
Cúi đầu xin trăm lạy
Tạ núi sông quê mình.

Hôm qua tôi còn đủ
Người mẹ chăm sóc ba
Hôm nay lòng vẫn nhớ
Lẽ nào tôi mất cha?!

Salzburg, 12.5.1996

Họa bài Ý Xuân

của Thanh Bình đăng trong Viên Giác 91

Mừng xuân Bình Tỵ dọn hương hoa
Đào thố cho Mai thiếu mặn mà.
Cải nong mùa xuân khởi niềm nhớ
Tết nhà chớm lạnh, Ước khác xa.
Bánh mứt thịt dưa tràn trề đó,
Mẹ già, quyền thuộc ở đâu xa?
Tha hương đón Tết bao mừng túi!
Chúc xuân vọng tưởng đến quê nhà.

Quê nhà xa liti tận đầu đầu?
Đón Tết, vui xuân có dướm màu!
Hỏi tưởng người thân trong vườn mộng,
Chạnh nhớ quê hương cách núi sông.
Cánh én lừng trời bay bay mãi,
Hương xuân vương-vấn tận nở nào.
Kìa ai đón gió bên sông cửa!
Một chút tình xuân gửi cho nhau.

• Ngọc Lang

VIỆT NAM : MỘT GIẢI PHÁP HÒA BÌNH CHƯA ĐƯỢC ỨNG DỤNG

• Lê Doãn Kim

Tầm quan trọng của Việt Nam trước thời chiến tranh lạnh

Trước xa cuộc chiến mà người Mỹ mệnh danh là "chiến tranh McNamara", Việt Nam đã từng là một vấn đề quan yếu đối với Huê Kỳ. Năm 1940, từ biên thủy mạn Nam Trung Hoa, Nhật tiến quân xâm chiếm Việt Nam, và giật lấy từ tay người Pháp. Nhật âm mưu sử dụng Việt Nam làm bàn đạp chiến lược nhằm thôn tính vùng Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

Trước một viễn ảnh hòa bình mong manh, bị Nhật Bản đe dọa trầm trọng, ngày 28.11.1941, chính phủ Mỹ đã phải đem vấn đề Việt Nam ra thảo luận tại tòa Bạch Ốc. Nhưng thay vì - như yêu cầu chung của Hội đồng Nội các - cần cấp kỳ báo nguy với Quốc Hội về tình thế cực kỳ khẩn trương tại Đông Nam Á, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt lại quyết định, trước tiên, gọi một thông điệp cho Nhật Hoàng Hirohito, nhấn mạnh đến nhu cầu: *chỉ cần quân đội Nhật rút lui ra khỏi Việt Nam mà thôi* - chủ không phải cả Trung Hoa nữa -, và đó là mấu chốt của hòa bình. Ở vào một tình thế sôi sục, căng thẳng cùng cực trên Thái Bình Dương, Roosevelt đành phải loại bớt một điều kiện quan trọng mà -suốt 8 tháng trời thương thuyết với Đại Sứ Nomura- Ngoại Trưởng Cordell Hull đã đòi Nhật cũng phải rút quân ra khỏi Trung Hoa nữa.

Dẫu rằng chính sách Trung Hoa của Roosevelt, dẫn đến bản *Thỏa Ước về Viễn Đông*, ký với Stalin, từng bị dứ luận chỉ trích, nhưng FDR lại tỏ ra vô cùng sáng suốt trên vấn đề Việt Nam. Roosevelt từng chủ trương một Đông Dương Trung Lập, đặt dưới quyền điều hành của Liên Hiệp Quốc. Hơn nữa, Roosevelt còn cương quyết ngăn chặn không để cho Pháp, đã để mất Việt Nam vào tay Nhật, quay lại tái chiếm Việt Nam. Nếu như Roosevelt còn tại vị (1) cho đến sau Thế Chiến II, tinh thần Hiến Chương Đại Tây Dương hẳn đã thắng thế; Pháp đã không thể nào trở lui; và Việt Nam và Đông Dương hẳn đã vững vàng và ổn định, đã phát triển và thịnh vượng, nhờ ở một thể đứng chính trị thực tiễn, là Trung Lập Thật Sự, được quốc tế đảm bảo, hầu duy trì hòa bình tại Đông Nam Á và Thái Bình Dương; và đương nhiên, ngay từ giữa thập niên 40, (tức trước đây đúng năm mươi sáu năm), Việt Nam đã hoàn tất nền Độc Lập và Thống Nhất trong Hòa Bình.

Trước ngày Huê Kỳ nhảy vào Thế Chiến II, Việt Nam đã là một yếu tố quan trọng cho cả Nhật và Mỹ; Việt Nam bỗng đã trở thành một trong những nguyên do chính, khiến Nhật phải quyết định tấn công vào Trân Châu Cảng sớm ngày 7.12.1941. Cho đến nay, vì ở vào một địa thế chiến lược độc đáo tại Đông Nam Á, Việt Nam đã và đang thủ một vai trò quan yếu, mà - trong thời chiến cũng như trong thời bình - Huê Kỳ khó có thể làm ngó, hay *chịu để cho Việt Nam lọt vào vùng ảnh hưởng của bất cứ một cường quốc nào*, dù đó là Nhật Bản như trong Thế Chiến II, dù đó là Nga Xô và Trung Quốc như trong

thời Chiến Tranh Lạnh, hay lại là Trung Hoa "sau" cuộc Chiến Tranh Lạnh.

• Sách lược Thời Truman

Điều đáng tiếc là Tổng Thống Harry Truman đã không chia sẻ quan điểm của người tiền nhiệm về *tầm quan trọng của một nước Việt Nam Trung Lập*. Trái lại, trong một cuộc họp với Tướng De Gaulle ngày 24.8.1945 tại tòa Bạch Ốc, Truman đã quyết định ngấm ngầm ủng hộ lập trường của Pháp, đòi tái chiếm Việt Nam bằng võ lực. Và chính cũng chỉ vì chủ trương ngoan cố của thực dân Pháp, ngược với khát vọng Độc Lập, Tự Do của toàn dân Việt Nam, mà lãnh tụ cộng sản Hồ Chí Minh và Phong Trào "giải phóng" Việt Minh, qua chiêu bài "kháng chiến chống Tây", đã nhanh tay giật lấy "chính nghĩa", đã động viên nhân dân vào hai cuộc chiến tranh đẫm máu, kéo dài đến ba mươi năm, làm tan hoang đất nước, mà mục đích tối yếu chỉ là nhằm *nhuộm đỏ* trước tiên toàn cõi Việt Nam và Đông Dương, làm tiền đồn chiến lược, làm con chốt thí, giúp cho đàn anh cộng sản Nga-Hoa đứng ngoài, mặc sức sử dụng máu xương của người dân Việt, hòng đường đầu với Mỹ, trong một cuộc "chiến tranh ủy nhiệm!". Chính sách sai lầm của Truman, tuy nhiên, không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Quan sát viên của Mỹ đã chứng kiến sự kiện: "cờ Đò sao Vàng" của Việt Minh, bỗng biến thành quốc kỳ Việt Nam, nhân một cuộc biểu tình vĩ đại tại Hà Nội, ngày 19.8.1945. Liên ngay sau tin Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện, cuộc biểu dương ý chí đấu tranh giành Độc Lập do các Đảng phái thuần túy Quốc gia vội và đứng ra tổ chức, đã bị Việt Minh cộng sản cướp công. Sẵn bích chương, sẵn khẩu hiệu, sẵn cờ Đò, và vài phát súng nổ, Việt Minh đã vội chụp lấy thời cơ, và cướp luôn chính quyền.

Mặc dầu ông Hồ Chí Minh đã nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ của Huê Kỳ (2), nhưng Tổng Thống Truman đã làm ngó, nghi rằng viện trợ của Mỹ rốt cuộc sẽ bị ông Hồ sử dụng để, nhân danh Nga Xô, nhuộm đỏ toàn cõi Đông Dương và Đông Nam Á. Tại Hội Nghị Potsdam nhóm vào cuối tháng 7.1945, đối đầu với một Stalin tham lam, cuồng vọng không thua gì Hitler, quyết thách thức Huê Kỳ, quyết sát nhập trọn vùng Đông Âu vào khối Nga, Truman đã phải chần ngán, nhất quyết ngăn chặn, không để cho "phe cờ Đò" ngự trị tại Bắc Kinh, Bình Nhưỡng, Hà Nội, và Sài Gòn.

Truman hẳn đã có lý khi phải cương quyết cấp kỳ ngăn chặn làn sóng Đỏ cộng sản tràn ngập từ Âu sang Á. Nhưng mặc khác, với sự vội vàng ury thác cho đội quân của Pháp thực dân lạc hậu, phần lớn gồm toàn những đơn vị "lính Lê Dương" đánh thuê, nổi tiếng bạt mạng, lại là một quyết định sai lầm căn bản và vô cùng tai hại. Đã giúp cho cộng sản có cơ để xuyên tạc uy tín và thiện chí của Mỹ, nhất là sau ngày Pháp thất trận Điện Biên Phủ, và Huê Kỳ đã phải muộn mản can dự trực tiếp vào Việt Nam.

Tuy nhiên, không ai có thể quên rằng dưới thời Truman, chính Huê Kỳ đã ép buộc Hòa Lan phải dứt khoát trao trả Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Nam Dương, bằng không thì *chương trình Marshall dành cho Hòa Lan sẽ chấm dứt*. Lê dĩ nhiên, một tối hậu thư tướng tự, ủng hộ nền độc lập và thống nhất toàn vẹn của Việt Nam, hẳn cũng đã được Huê Kỳ gởi thẳng cho Pháp, nếu như ông Hồ Chí Minh không phải là cộng sản, mà là một lãnh tụ "Trung Lập" như Sukarno của Nam Dương.

Nếu như điều đó đã xảy ra, thì với sự hỗ trợ tích cực của Liên Hiệp Quốc và của Huê Kỳ, một nước Việt Nam Trung Lập thật sự, ắt đã tránh khỏi cuộc chiến tranh bi thảm, đẫm máu, tàn hại, vô ích... Và Việt Nam, với một khối dân thông minh, cần cù, khéo léo, lại đầy tính sáng tạo và kiên cường..., hẳn đã có cơ trở thành một nước giàu mạnh, không thua gì nước Nhật ngày nay. Nhưng hồi đó, dưới sự lãnh đạo sai lầm của ông Hồ Chí Minh, một cán bộ cộng sản trung kiên, liên kết chặt chẽ với Mạc Tử Khoa và Bắc Kinh, quyết tâm thi hành "nghĩa vụ quốc tế", bất chấp quyền lợi và mục tiêu tối thượng của quốc gia dân tộc, đã đem Việt Nam ra làm thí điểm, nhằm đường đầu với Mỹ! Do đó, đất nước và nhân dân Việt Nam mới phải can qua bao nỗi đau thương, tang tóc, tuyệt vọng, để rồi, sau cuộc "chiến tranh lạnh", phải trở thành một trong mấy nước mặt hạng, lạc hậu, nghèo đói, khốn cùng trên trái đất!

Sau Hiệp Định Genève 1954, tuy nhiên, cả hai miền Bắc và Nam Việt Nam lại đã có được cơ hội và triển vọng sinh hoạt trong hòa bình

để chỉ chú tâm lo việc kiến thiết, xây dựng lại xứ sở trên hoang tàn, đổ nát, trên một đất nước chia đôi (3). Vì đầu sao đi nữa, bản Hiệp Định Genève cũng chứa phần tích cực và vô cùng quan trọng là đã xếp đặt một thực trạng hòa hoãn, giúp cho chính phủ hai miền Nam-Bắc được rảnh tay, để dồn mọi nỗ lực, để chỉ lo xây dựng đời sống *ấm no, tiến bộ, an lạc, và hạnh phúc cho người dân Việt*. Miền Bắc lẽ ra đã phải kiên trì trong đường lối vận động hòa bình giữa những người Việt Nam ruột thịt, thay vì xuẩn động, liều lĩnh, vội vã chủ trương thống nhất đất nước bằng vũ lực, bằng chính sách đột nhập và khủng bố miền Nam, gây hấn, gây chiến tranh huynh đệ và chiến tranh ý thức hệ. Và Miền Nam quốc gia, nếu như đã có được một sách lược thực tiễn, ôn hòa, nắm vững thể chủ động chính trị, thể hiện đại đoàn kết dân tộc, và nếu được lãnh đạo một cách thông minh và hữu hiệu, thì với sự hỗ trợ tích cực của Huê Kỳ, hẳn chính quyền Sài Gòn đã có đủ khả năng chế ngự, đồng thời triệt tiêu mọi âm mưu hãm hại, làm tan hoang đất nước.

• Sách lược McNamara

Chẳng may, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara của Huê Kỳ, với chủ trương "Mỹ hóa" cuộc chiến tranh Việt Nam một cách quyết liệt, và có hệ thống, đã đưa đến thảm bại hoàn toàn. Trước hết, vào cuối năm 1963, hàng Tướng lãnh quân lực miền Nam bị đốc thúc phải làm một cuộc đảo chánh, dẫn đến việc sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm, một người il lợm trong chủ trương kỳ thị những gì không phải là Thiên Chúa giáo; lại thắng tay đàn áp đối lập; muốn giành trọn thể độc quyền "đi" với Mỹ; nhưng lại non nớt trong sách lược đối đầu phản kháng chính sách áp đặt của Mỹ. Tiếp đến, mọi áp lực lại được tạo ra để buộc Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu phải từ chức và năm 1965, để rồi, cuối cùng, chính quyền Sài Gòn lại được trao qua tay các "Tuồng trẻ", vốn ngây ngô về chính trị, cho Mỹ dễ lừa dối, xỏ mũi, dắt đi! Và rồi dưới sự chỉ đạo tối cao của Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, một "nội các chiến tranh" đã được hình thành.

Việc tạo lập nội các chiến tranh là cả một sai lầm chiến lược, vô cùng tai hại về mặt chính trị: vừa ăn khớp với sách lược quỷ quái của cộng sản, lại còn cho không Hà Nội những lý lẽ chắc nịch để xuyên tạc cuộc chiến tại Việt Nam, để khai thác và tổng động viên đồng bào miền Bắc, và để cho Hà Nội có cơ trình làng, trình bày với thế giới hình ảnh một miền Nam "hiếu chiến", do Mỹ đôn đốc, chỉ đạo. Điều nguy hại, là đã hủy hoại chính nghĩa của Miền Nam Quốc Gia, thật sự đã phải *chiến đấu tự vệ*, đã phải *chống trả cuộc xâm lăng trá hình* của miền Bắc cộng sản. Hơn nữa, một Nguyễn Văn Thiệu bất tài, vô trách nhiệm, hèn nhát, tin tưởng mù quáng vào sự giám hộ của Huê Kỳ, vào đêm 21.4.1975 lại đột ngột đào ngũ, đào nhiệm giữa nhiệm kỳ (mà ngày trước Thiệu từng lớn lối đòi quyền độc diễn và độc quyền yêu nước), đã khiến tiềm lực miền Nam phải tan vỡ chớp nhoáng.

Xét cho cùng lý, chủ trương Hòa Bình giữa mọi người Việt tại hai miền Nam-Bắc, luôn luôn phải được xem là mục tiêu tối hậu của Miền Nam Quốc Gia. Vì đó là cứu cánh chính trị, lại là mấu chốt cho một sách lược hợp tình hợp lý, thực tiễn, và sáng suốt, nhằm kết thúc cuộc chiến tranh phi lý, hiểm độc, vô cùng nguy hại cho đất nước và dân tộc. Còn tin rằng Hà Nội sẽ đầu hàng Huê Kỳ, chỉ vì những trận không tập dù dội của B-52, hay trông đợi nhân dân miền Bắc bắt xúc, đói khổ, có cực, và bị chiến tranh áp đảo, sẽ nổi dậy lật đổ bạo quyền Hà Nội, hiếu chiến, tai ác ...; cả hai đều không thực tế.

Xét về mặt *quân sự đơn thuần*, rõ ràng cộng sản không có cách gì thắng nổi cuộc "nội chiến" do Hà Nội gây ra, ngày nào mà (với sự hỗ trợ tích cực của Huê Kỳ) quân lực quốc gia và các giáo phái trong Nam vẫn cương quyết chiến đấu bảo vệ dân chủ, tự do, và tin ngưỡng. Tuy nhiên, về *mặt chính trị*, hẳn có lắm mưu đồ tiềm ẩn trong *việc lựa chọn* phương cách tiến đến hòa bình. Nếu như Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn làm lẩn về đường lối và mô thức giải quyết chiến cuộc, Hà Nội sẽ khai thác ngay, cố giành thể thượng phong về chính trị, để rồi - sau khi Huê Kỳ rút đi - lại xua quân chiếm đoạt miền Nam. Hà Nội rất thông thạo về mưu đồ tranh thắng qua thương thuyết; những gì không tài nào đoạt được trong chiến tranh, Hà Nội vẫn rắp tâm giải một thể "chiến hòa giả tạo" để - ngay sau khi ký xong bản Hòa Ước - sẽ lật ngược thế cờ. Nhưng hồi đó, dưới sự lãnh đạo mù quáng của bại Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Sài Gòn vẫn cứ mặc nhiên, tuyệt đối tin hão rằng - dù là trong cuộc chiến, hay tại bàn hòa hội -

không đời nào lại có cái chuyện phi lý, là Huê Kỳ lại thua cuộc, lại *đón phương* chịu rút lui, lại bỏ rơi Miền Nam Quốc Gia!

Tháng Năm, năm 1968, oái oăm thay, lại xảy ra cuộc hòa hội *tay đôi* giữa Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội tại Ba Lê. Khởi đầu bởi TT Johnson, vì nghe theo ý kiến của McNamara, cuộc hòa đàm Ba Lê, tiên khởi, đã triệt hạ ngay uy tín cùng thể diện của chính phủ Sài Gòn, và làm rung rinh tận gốc thể đứng chính trị của Miền Nam Quốc Gia. Lại còn cho không Hà Nội một cơ hội vàng son để tuyên truyền, để chinh phục cảm tình thế giới, để đánh lạc hướng và làm xáo trộn dư luận Mỹ. Cuối cùng, trước yêu sách quyết liệt của Hà Nội, Ngoại Trưởng Henry Kissinger - vì nôn nóng muốn đạt một hòa ước với Lê Đức Thọ (điều mĩa mai là cả hai đều được trao giải Nobel 1973 về Hòa Bình!) - đã hy sinh sự sống còn của Nam Việt Nam để đổi lấy việc Huê Kỳ "rút lui trong danh dự!" Huê Kỳ cam kết rút đi, nhưng "*con ngựa thành Troie*", *tức bộ đội Bắc Việt xâm lăng, lại có quyền ở lại miền Nam*. Huê Kỳ đã vung phí hàng tỷ đô-la của người dân Mỹ nai lưng đóng thuế, và đã để lại 58 nghìn chiến binh tử trận. Riêng quân đội quốc gia không thời, đã hao mất trên ba trăm ngàn binh sĩ trong cuộc chiến; và tất cả "hồi ôi!" đều đã hy sinh xương máu vì danh nghĩa *bảo vệ* Miền Nam Việt Nam Tự Do, một "*tiền đồn chiến lược*" tối yếu của thế giới tự do, trong cuộc "chiến tranh lạnh" !

• Kế hoạch đề xuất của chủ trương trung lập

Thảm cảnh trên, thật sự đã có thể tránh được, nếu như Huê Kỳ chủ tâm đến giúp Miền Nam Tự Do theo tinh thần hợp tác và tương kính. Cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, trong hồi ký, đã phàn nàn về việc chính phủ Huê Kỳ "*thiếu hẳn chuyên viên để tham khảo, để bù đắp vào chỗ u tối của Mỹ...*"; thì hẳn cần lắng nghe chủ trương của phái Trung Lập Thật Sự, một nhóm người hàng ưu tú và tha thiết đến vận mạng đất nước và dân tộc Việt Nam của họ. McNamara lẽ ra đã phải cử xét những đề nghị về 5 điểm chiến lược căn bản, từ tháng 5, năm 1965, đã được trực tiếp trao cho Sứ Quán Huê Kỳ tại Sài Gòn:

1. Phương kế phòng thủ hữu hiệu nhất là *tấn công* đích xác. Sài Gòn cần phải chủ động trong sách lược chính trị: tấn công Hòa Bình, và chủ trương thương thuyết trực tiếp giữa người Việt với người Việt, giữa Sài Gòn và Hà Nội, nhằm giải quyết mọi vấn đề đất nước. Còn đồng minh của miền Nam quốc gia là Huê Kỳ, cần tạo mọi áp lực quy mô về chính trị, kinh tế, ngoại giao, để buộc Hà Nội phải chấp nhận nguyên tắc nói chuyện tay đôi với Sài Gòn.

2. Thay vì cố tìm cách thương thuyết với Hà Nội, Huê Kỳ lẽ ra phải nói chuyện với Bắc Kinh, từng tỏ ra nôn nóng muốn bang giao với Mỹ. (Nếu như sự kiện này đã xảy ra sớm hơn, Trung Hoa hẳn đã đồng tình hạn chế việc hỗ trợ cho Hà Nội; còn góp phần tích cực giải quyết vấn đề tù binh và người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam, cũng như về đề nghị hòa hội trực tiếp giữa Hà Nội và Sài Gòn. Chờ đến lúc Nixon xáp lại với Trung Hoa, vào cuối năm 1971, thì đã quá muộn!).

3. Then chốt của hòa bình nằm tại hai vấn đề căn bản:

Thứ nhất, về mặt quân sự, là việc *rút lui mọi quân đội ngoại nhập* ra khỏi miền Nam Việt Nam. (Bộ đội Bắc Việt và quân lực Huê Kỳ *đều phải rút đi hết*, từng đợt và tương xứng, dưới sự giám sát quốc tế).

Thứ hai, về mặt chính trị, là hai miền Nam, Bắc Việt Nam đều đồng phải chấp nhận nguyên tắc về một lập trường chính trị cơ bản cho Việt Nam, là Trung Lập Thật Sự, để xúc tiến thống nhất đất nước qua đường lối thương thuyết. (Một nước Việt Nam trung lập thật sự, không còn là "con cò thi" của Nga-Hoa, hay của Mỹ, chỉ quyết tâm phục hưng sự hòa bình, xây dựng lại đất nước, và mưu cầu hạnh phúc của người dân Việt). Miền Nam Việt Nam, trên vị thế tiền phong, cần phải chủ động thực hiện giải pháp trung lập thật sự, trước tiên, để cổ vũ, để thu hút miền Bắc noi theo.

4. Nếu Hà Nội vẫn còn ngoan cố không chịu rút hết bộ đội về Bắc, Huê Kỳ cần phải triệt để giúp Sài Gòn xâm nhập miền Bắc, áp đặt cho ký được một vị thế và những cơ sở chiến lược cần thiết, để sau này, sẵn sàng xúc tiến việc hai miền Nam, Bắc *đồng thuận rút quân song phương*, tái lập hòa bình. (Việc Sài Gòn tiến quân ra Bắc hẳn sẽ đem lại nhiều hiệu năng hơn và có lý do vững chắc hơn là việc đột nhập

vào đất nước Cao Miên, năm 1970. Hay ít ra, cả hai chiến dịch hành quân quy mô này phải được thực hiện song song, cùng một lúc).

5. Hãy để cho Nam Việt Nam xúc tiến Liên Minh với Tây Đức và Nam Hàn. Sự liên kết giữa ba quốc gia "bị chia cắt sau Thế Chiến II" - cùng đồng chung một cảnh ngộ lịch sử, đồng chia sẻ những ưu tú, mối quan tâm, lo lắng, và những dự kiến về mọi vấn đề đất nước, đồng bị phân chia - là một yêu cầu hợp lý, rất ư là tự nhiên và bình thường, vì là đồng hội đồng thuyền, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. (Lại nữa, vì lẽ Huế Kỳ sẽ phải rút chân khỏi miền Nam Việt Nam, Sài Gòn ắt có nhu cầu khẩn thiết tìm kiếm hậu thuẫn, mối cảm thông và sự hỗ trợ chân tình nơi những nước bạn đồng minh đích thực, vốn thấu hiểu và sẵn sàng san sẻ, cũng như bù đắp mọi khó khăn và thiệt thòi của quốc gia Việt Nam).

• Thuyết Domino

Sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam ngày 30.4.1975, quả đã không kéo theo sự sụp đổ của những quốc gia trong vùng Đông Nam Á, điều mà dự luận hàng lo âu. Thật sự thì chiến tranh Việt Nam là một cơ may đã giúp cho Singapore, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương và Phi Luật Tân có đủ ngày giờ để chuẩn bị, và huy động tài lực cần thiết, để vươn lên, cũng như để ngăn chặn mọi âm mưu xâm nhập của cộng sản. Nhưng mặt khác, xét trên bình diện toàn cầu, "thuyết domino" vẫn đứng vững. Thật vậy, Sài Gòn sụp đổ... đã trở thành một đòn bẩy, gây khí thế cho "thế lực đỏ" ở tất cả công, "nhuộm đỏ" luôn gần chục nước nữa trên bản đồ thế giới: những cuộc nổi dậy mệnh danh là "cách mạng nhân dân" đã nhận chim Angola, Nam Yemen, Ethiopie, El Salvador, Nicaragua..., Afghanistan trong một biển lửa đầy hận thù và tranh chấp, "kiểu cộng sản", ngập tràn máu và nước mắt!

• Hiện tại và tương lai

Nay thì chiến tranh Việt Nam và cả cuộc chiến tranh lạnh nữa, đều đã kết thúc. Đối đầu với cuộc điện trước mắt, lẽ dĩ nhiên là không ai lại muốn nhìn tưởng lại qua kính chiếu hậu của lịch sử. Ấy thế mà, kinh hoàng thay, từ cuối thập niên bảy mươi, những biến cố xảy ra liên tục trên Biển Đông, tại Thái Bình Dương và cả trên bán đảo Đông Dương nữa, từng bước một, đều giống y chang cuộc phiêu lưu quân sự của Nhật vào đầu thập niên bốn mươi. Tháng Sáu năm 1940, trước khi tiến quân vào Bắc Việt, để khởi sự, vào cuối tháng Ba năm 1939, Nhật đã vội chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Thì nay, sau bản Thông Cáo Chung Thượng Hải, 1972, giữa Trung Quốc và Huế Kỳ, Bắc Kinh lại cũng noi theo lịch trình hành quân của Nhật, vội vàng chiếm ngay quần đảo Hoàng Sa vào tháng 12 năm 1974, rồi sau đó, đến tháng Hai năm 1979, mới xua quân đánh thẳng vào miền Bắc Việt Nam. Cuộc xâm lăng trắng trợn của Trung Quốc, xảy ra sau cuộc họp Thượng Đỉnh giữa hai lãnh tụ Đặng Tiểu Bình và Jimmy Carter tại Tòa Bạch Ốc, vài ngày sau khi họ Đàng đứng chân tại Tokyo, trên đường trở về Bắc Kinh, hẳn nhiên, đã không làm cho cả Mỹ lẫn Nhật sững sờ chút nào.

Những nay, ngay sau khi Huế Kỳ rời bỏ hai căn cứ chiến lược tại xứ Phi, Trung Hoa đã vội vã ra oai, quyết thay thế Mỹ, chức lấp đầy khoảng trống quyền lực tại Biển Đông, Thái Bình Dương. Căn cứ vào những nỗ lực của Bắc Kinh trong âm mưu chiếm đoạt quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng võ lực, bất chấp dư luận quốc tế và những lời phản kháng của những quốc gia trong vùng, rõ ràng Trung Hoa đang là một mối hiểm nguy, không những chỉ riêng cho Việt Nam mà thôi, mà cho toàn vùng Đông Nam Á, và cả nền hòa bình thế giới cũng bị đe dọa.

Để ngăn chặn kịp lúc, cản không cho Trung Hoa noi theo gót phiêu lưu quân sự của Nhật nhử vào đầu thập niên 40, điều cấp thiết nhất là Liên Hiệp Quốc và Huế Kỳ cần phải thể hiện một mối quan tâm đặc biệt. Và như Tổng Thống Clinton đã tuyên bố, việc Huế Kỳ quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, là cốt tiến đến một nước "Việt Nam hòa bình trong một Á Châu ổn định và thanh bình". Như thế, rõ ràng, ắt phải có nghĩa là: *không nhắm vào mục đích củng cố và tăng cường guồng máy quân sự của một chế độ lỗi thời, mà nội bộ đang hồi mâu thuẫn, tranh chấp, chia rẽ trầm trọng và đang giãy chết*. Cần nhận rõ rằng chế độ Hà Nội đã hoàn toàn đánh mất lòng tin và hậu thuẫn của nhân dân Việt Nam, và toàn dân đang phải đấu tranh đòi hỏi tự do, dân chủ, dân quyền, và nhân quyền: những điều

kiện thiết thân khả dĩ bảo đảm được nhân phẩm của con người, của mọi người công dân nước Việt, trong cuộc sống, cũng như trong công ăn việc làm, hầu gây dựng lại cuộc đời, xã hội, và đất nước trong hòa bình, hòa giải dân tộc, trong công bình, và tiến bộ.

Còn trông mong vào chế độ Hà Nội, trên đà suy yếu, lại càng tàn bạo và thất nhân tâm, để thủ vai trò "ngăn chặn Trung Quốc" - mà Thượng Nghị Sĩ John McCain đã nêu lên, như là một lý do chính đáng, khi bày tỏ lập trường hậu thuẫn cho chính sách bang giao của Clinton với Việt Nam - thì quả là một ý đồ viễn vông, thiếu căn bản thực tế. Trái lại, chủ trương sai trái của McCain, và biết đâu đó chẳng phải là đường lối chung, những âm thầm kín đáo của chính quyền Huế Kỳ nữa, e sớm muộn, sẽ trở thành một cái cớ, giục Bắc Kinh phải lo toan, liều lĩnh, phóng tay trước, hòng phá vỡ bản dạp chiến lược của Mỹ, khởi đầu dàn dựng, tái bố trí tại Việt Nam, với sự đồng lõa của cộng sản Hà Nội.

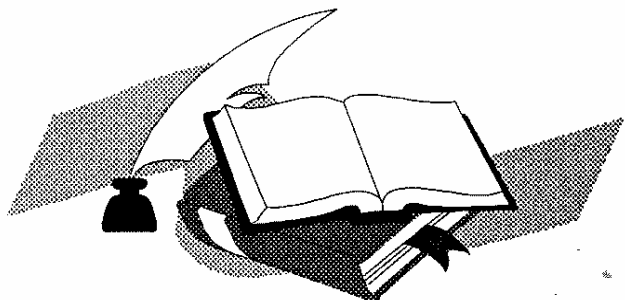
Từ TT Truman, đến Eisenhower, Kennedy, Johnson, rồi Nixon, Huế Kỳ đã thử nghiệm tại địa bàn chiến lược Việt Nam một số biện pháp khác nhau, nhưng đều thất bại, không ngăn chặn nổi đường lối bá quyền của Bắc Kinh tại Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Duy chỉ còn có mỗi một biện pháp duy nhất, thực tiễn, thích nghi, chưa hề sử dụng tới, và đó là: *giải pháp quốc tế hóa và trung lập hóa Việt Nam*, do Tổng Thống Franklin Roosevelt đề xướng. Chính sách Roosevelt là một sách lược chính trị hợp tình, hợp lý, rất thích ứng cho vấn đề Đông Dương, lại là một *bảo đảm an ninh thiết thực cho Trung Quốc*, đồng thời lại còn là một biện pháp quốc tế, có tầm ảnh hưởng quyết liệt và tích cực, đủ khả năng duy trì hòa bình, vừa cầm chân được Trung Hoa, vừa giải trừ luôn mọi ý đồ phiêu lưu bành trướng bằng quân sự từ Hoa Lục.

(1) Roosevelt mất ngày 12.4.1945, bốn tháng trước ngày Nhật Bản đầu hàng Huế Kỳ.

(2) HCM đã nói với Archimedes Patti, một sĩ quan tình báo của Huế Kỳ, là qua những công tác ông đã hoàn thành ở Trung Hoa, ông Hồ tự coi như đã trả xong nợ cho Nga Xô rồi; nay ông Hồ chỉ muốn bắt tay với Mỹ. Thiếu tá Patti đã tin lời đường mật ấy; và đã có hình ảnh Patti đứng bên cạnh HCM tại quảng trường Ba Đình, nhân buổi mít-tinh đọc tuyên ngôn Độc Lập, hôm 2.9.1945. Để cho nhân dân thêm phấn khởi và tin tưởng, Việt Minh đã khai thác cơ hội này, để tuyên truyền là đã tranh thủ được hậu thuẫn của Đờng Minh Huế Kỳ. (Nhưng hỏi ới! Cốt cách "xanh vỏ đỏ lòng" của ông HCM, mong được Mỹ ủng hộ, nhưng lại đi dựng "cờ Đờ sao Vàng", cờ riêng của "Đảng Cộng Sản Đông Dương", làm "quốc kỳ" Việt Nam, đã không gạt được chính phủ Truman).

(3) Việc chia cắt đất nước làm hai là do chính phủ Hồ Chí Minh chấp nhận, ký kết với Pháp; không có sự ủng hộ của Bảo Đại và chính phủ Quốc Gia.

Tác giả, ô. Lê Doãn Kim, là một trong những người sáng lập Phong Trào Trung Lập Việt Nam, và đã từng quyết liệt đấu tranh, nhưng thất bại trong mưu cầu giải quyết cuộc chiến tranh huynh đệ đẫm máu, phi lý và vô ích, hầu thực hiện hòa bình và thống nhất đất nước bằng giải pháp Trung Lập Thật Sự. Bài viết này phản ánh quan điểm của ô. LDK về "Văn đề Việt Nam", và cũng là chủ đề cho cuốn sách đang trong giai đoạn hoàn thành.



NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT TỬ TRONG CUỘC TRANH ĐẤU GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

• Mai Điền

Trong giới Phật tử có một số ý kiến và quan điểm dị biệt nhau về cuộc tranh đấu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất với Đảng Cộng Sản Việt Nam. Theo quan điểm của họ: Phật Giáo phải thích nghi với chính quyền để được tồn tại và phát triển. Phật Giáo phải vượt qua vấn đề chính trị. Phật Giáo nên giới hạn mình trong những vấn đề thuần túy Phật Giáo. Và dựa đến kết luận Phật Giáo không nên chống đối một chủ thuyết, một chế độ nào.

Trên là quan điểm dị biệt của thiểu số về công cuộc tranh đấu giải trừ pháp nạn. Còn quan điểm đồng thuận của đại đa số Phật tử thì cũng được trình bày trong tinh thần bảo tồn đạo pháp và dân tộc. Riêng cá nhân tôi trong bài này, muốn được đem những quan điểm dị biệt đó so sánh dưới thực tại trong quá khứ, thực tại trong hiện tại. Và mục đích của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong cuộc tranh đấu này theo sự hiểu biết và nhận thức cá nhân.

Quan điểm Phật Giáo đứng làm chính trị, đứng chống lại chính quyền, một thời được đề cập đến nhiều là năm 1963-1967. Đến năm 1975, quan điểm này được lập đi lập lại nhiều hơn, khi Phật Giáo bị bức hại, khi dân chúng lầm than thống khổ.

• Phật giáo và chính trị

Trong Phật giáo không có bản Phật giáo đồ làm chính trị hay không. Và cũng không cấm Phật tử làm chính trị, mà còn hướng dẫn Asoka - Vua A Dục -, trị dân theo đường đạo, chia sẻ buồn vui với dân, tạo phương tiện thực hiện nhu cầu vật chất và giá trị tinh thần, nhằm tạo sự hạnh phúc an lạc cho dân.

Thường khi nói đến chính trị thì liên tưởng đến một lập trường, một chủ thuyết để hướng dẫn thực hiện xã hội. Nếu theo quan điểm đó thì trong Phật giáo có tư tưởng chính trị trong đó. Vì Phật giáo có chủ trương và lập trường Nhân Bản được Đức Phật hướng dẫn và kêu gọi phát huy tối đa. Đó có phải là Đức Phật đã làm chính trị để bảo vệ giá trị và quyền của con người không? Khi Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài phản đối kịch liệt chế độ nô lệ, đẳng cấp bất công phá hoại giá trị con người của Ấn Độ thời đó. Ngài tuyên bố: *"Không có giai cấp trong giọt máu cùng đó, trong giọt nước mắt cùng mặn. Sự cao quý hay không cao quý của con người là do đạo đức hay không đạo đức mà ra, chứ không thể do đẳng cấp Bà La Môn hay không đẳng cấp Bà La Môn. Đánh giá và phẩm định con người theo truyền thống Phạm Thiên chỉ là hình thức khác của sự bất công và tội lỗi"* (Kinh Trường Bộ I). Theo lập trường và lý luận trên, nếu Đức Phật còn có mặt ở thế kỷ 20 này chắc Ngài sẽ lên án, phê phán chủ thuyết Mác-xít nặng nề về phương diện phá hoại nhân phẩm và giá trị con người.

Vấn đề Phật tử Việt Nam làm chính trị hay vượt khỏi chính trị, thấy cần bàn đến. Trước tiên phải xác nhận Phật tử Việt Nam cũng là một trong nhiều thành phần trong cộng đồng quốc gia. Vì người Phật tử không thể tách rời mình khỏi quốc gia dân tộc. Trong vấn đề này Phật giáo không phủ nhận Phật tử sinh hoạt thế gian, hình thức sinh

hoạt này nhằm vào con người, hướng dẫn cuộc sống con người có ý thức trách nhiệm riêng, trách nhiệm chung, để tạo an lạc cho xã hội. Hơn thế nữa, trong Phật giáo nói nhiều đến Tú Ân, mà trong Tú Ân đó có ân quốc gia dân tộc, Phật giáo kêu gọi Phật tử thực hiện trách nhiệm bảo tồn quyền lợi chính đáng của nó.

Quan điểm Phật giáo làm chính trị hay nên vượt khỏi chính trị đã được trình bày phần nào ở đoạn trên, nhưng cần phải đề cập thêm: Tham gia chính trị hay không tham gia chính trị, tất cả cá nhân, đều bị hành động chính trị chi phối trong môi trường sống, nó là thực trạng hiện hữu không thể phủ nhận được: Nhu cầu kinh tế vật chất, nhu cầu giá trị tinh thần (Tôn giáo đạo đức), an ninh tài sản, môi trường giáo dục con cái, ý thức trách nhiệm cá nhân với xã hội. Tất cả những thứ đó được ý niệm và thực hiện nó, đều được coi là tư tưởng và hành động chính trị. Nếu như thế, ai là người sống trong xã hội mà không bị trực tiếp hay gián tiếp có tư tưởng và hành động chính trị.

Chủ trương của Phật giáo và của chính quyền

Có một số người cho rằng, Phật giáo phải phục tùng chính quyền để được tồn tại và phát triển. Điều này cũng tùy thuộc vào mục đích của hai bên. Phật giáo có bốn phận tôn giáo của mình là "ly khổ đắc lạc, chuyển mê khai ngộ, đoạn hoặc chủng thân", mục đích hướng dẫn, giúp đỡ con người trên quá trình phục vụ con người nhằm mưu cầu hạnh phúc và an lạc. Chính vì mục đích trên mà Phật giáo lên tiếng phê bình chính quyền đã và đang tạo sự khổ đau tui nhục cho dân tộc, trong đó có Phật giáo đồ Việt Nam. Lại nữa "không ai có thể tắm hai lần dưới cùng một dòng nước". Nhưng dòng lịch sử Việt Nam có những quãng xoáy của nó. Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương biến tư tưởng Phật giáo làm công cụ chính trị là một trong những quãng xoáy đó.

Năm 1977, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, có tổ chức Đại Hội Kỳ VII. Trong Đại Hội này chính quyền có cử người đại diện họ đến thuyết phục và đề nghị với quý vị lãnh đạo Giáo Hội chấp nhận ghi vào quyết nghị của Đại Hội, nội dung là "Đạo Pháp, Dân Tộc, Xã Hội Chủ Nghĩa, xây dựng và bảo vệ Xã hội Chủ nghĩa". Quý vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bác bỏ và trong quyết nghị của Đại Hội không có nội dung đó. Trong khi đó Ông Mai Chí Thọ, đại diện chính quyền hứa với Phật Giáo, nếu Đại Hội chấp nhận nội dung trên thì "Phật giáo muốn gì chúng tôi cũng đều đáp ứng". Tại sao Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bác bỏ nội dung xây dựng và bảo vệ xã hội chủ nghĩa? Tại sao Phật giáo cho công bố Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền?

Kể lại sự việc trên là muốn nói lên một điều, là Phật giáo Việt Nam không bỏ mặc dân tộc khổ đau, trong khi Phật giáo muốn gì chính quyền cũng đều đáp ứng. Đảng Cộng Sản Việt Nam làm suy kiệt đất nước, phá hoại đạo đức, chống phá văn hóa dân tộc, vi phạm các quyền tự do căn bản của con người. Nếu Phật Giáo Việt Nam từng phục vụ Đảng Cộng Sản Việt Nam là chỉ nghĩ đến cái quyền, cái lợi mà quên đi bốn phận tôn giáo của mình. Hình như Phật Giáo Việt Nam không vượt qua được vấn đề dân tộc, và không tách rời khỏi dân tộc được!

Như đã trình bày ở trên, Phật Giáo Việt Nam có con đường, có mục đích của nó. Khi con đường và mục đích của Đảng Cộng Sản Việt Nam khác với Phật Giáo Việt Nam, nếu có miễn cưỡng dùng phương tiện đi nữa thì mục đích của Phật Giáo cũng không thể đạt được. Phải hiểu một điều là ý thức hệ cộng sản thù nghịch tôn giáo, và chủ trương biến tư tưởng Phật giáo làm công cụ tuyên truyền cho họ.

Năm 1955, khi tiếp quản miền Bắc theo quy định của Hiệp Định Genève năm 1954, chính quyền miền Bắc giải thể Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và thành lập tổ chức Phật giáo nhà nước mang tên là "Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam". Vì tâm nguyện truyền giáo, vì phục vụ nhân sinh, thiểu số Tăng Lữ miền Bắc nghĩ rằng, dùng cửu cánh biện minh cho phương tiện, phục tùng chính quyền để được tồn tại và truyền giáo. Thật đau đớn, phương tiện đó bị chính quyền tướng kế tựu kế biến thành công cụ tuyên truyền chính trị, trong khi mục đích của Phật giáo không bao giờ đạt được. Phải công tâm xác nhận sự thật đó để nắm lấy đầu mối của vấn đề.

Sau năm 1975, khi đã cưỡng chiếm miền Nam bằng bạo lực, nhà nước CHXHCNVN đánh phá Phật giáo trên nhiều mặt: giết, bỏ tù, quản thúc một số Chủ Vị lãnh đạo và chặn đứng mọi hoạt động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nhằm dọn đường cho

"Ban Liên Lạc Phật Giáo Yêu Nước" ra đời. Nhân sự khối này, hình như chưa đủ tiêu chuẩn để biến tướng Phật giáo làm công cụ chính trị, cho nên đầu tháng 11 năm 1981, Đảng Cộng Sản Việt Nam cho ra đời thêm một Giáo hội khác có tên là "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam". Âm mưu triệt tiêu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và biến tướng Phật giáo để thực hiện mục tiêu chính trị đó, đã bị một cán bộ làm việc Tôn Giáo Văn là Ông Đỗ Trung Hiếu, tố cáo trong tập tài liệu "Thống Nhất Phật Giáo". Chủ trương biến tướng Phật giáo để làm công cụ tuyên truyền chính trị, những hành động giết, bỏ tù, quản thúc những Vị lãnh đạo và chặn đứng mọi hoạt động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm cho Phật giáo đồ tui nhức đau thường chất ngất. Niềm đau thường tui nhức đó, đến nỗi có những người tửu tiết cho nỗi đau thường uất hận chung này được mau chấm dứt.

Vấn đề chính tạo ra pháp nạn ngày nay là do Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương biến tướng Phật giáo để làm công cụ tuyên truyền chính trị, khi không biến tướng được nó thì triệt hạ nó. Đó mới là điểm chính then chốt của vấn đề, còn viện dẫn lý do này nọ để mà đàn áp cũng chỉ nhằm thực hiện chủ trương của nó mà thôi không hơn không kém. Bài học kinh nghiệm này Phật giáo đã chứng thực bằng máu xương và nước mắt của Phật giáo qua nhiều triều đại. Cho nên, dù cho Phật giáo có hạ mình tui phục chính quyền để được tồn tại theo cái nghĩa đen của nó - tồn tại cái xác không hồn đi nữa, nhưng mục đích của Phật giáo không bao giờ đạt được. Hãy nhìn thực thể Phật giáo miền Bắc thì biết ngay, đã tui phục chính quyền, nhưng không được sống đúng nghĩa của nó, và không được hưởng pháp lợi sanh. Còn Tăng tài phải nói số còn sót lại thì rất hiếm, chùa vắng bóng sư, cơ quan giáo dục, cơ quan từ thiện thì không có, và Phật tử rất ít người hiểu giáo lý. Phật giáo miền Bắc gần như bị tê liệt. Lỗi lầm này do chủ trương triệt hạ Phật giáo của Đảng Cộng Sản gây nên. Còn mấy năm gần đây hoạt động của Phật giáo trong nước (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam), được nhà nước lập ra năm 1981, cần nói đến cho sự thật được soi sáng.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (Giáo Hội nhà nước), có khai giảng được một số trường Phật học, Phật tử được đi lễ chùa và một số Chùa chiền được tu bổ lại. Sự việc đó được một vị Cao Tăng là Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, nhận định trong bài "Bằng Đồi Chân Minh Mời Người Hãy Đi Lên", viết vào mùa Vu Lan Báo Hiếu năm 1995. Ngài xác nhận: "Tại Việt Nam (hiện nay) các tôn giáo trên danh nghĩa thì các nhà thờ và các chùa đều được mở cửa. Nhưng các Giáo Hội thì đều phải xếp hàng trong một mặt trận chính trị của nhà nước". Hòa Thượng Thích Đức Nhuận nhận xét rất chứng thực, khi cho rằng các Giáo Hội (quốc doanh) đều phải xếp hàng trong mặt trận chính trị qua Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, qua Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương.

Từ những sự kiện thực tế trên, làm cho chúng ta hiểu rõ được chủ trương của CSVN về tôn giáo. Cũng qua nó chúng ta thấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, do nhà nước dựng lên không đạt được mục đích chính thống của Phật Giáo Việt Nam. Vấn đề này cần phải được soi sáng thêm, vì hiện nay cơ quan chính trị của CSVN tung ra lối lý luận loanh quanh, nhằm để giải độc và tuyên truyền phản sự thật, tôi mượn nội dung bài viết của Hòa Thượng Thích Đức Nhuận để nói lên được phần nào sự thất bại của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (giáo hội nhà nước). Giáo Hội Quốc Doanh, thất bại vì quần chúng nói chung, Phật tử nói riêng đã có nhiều thành kiến với nhà nước. Ngài xác nhận: "dân chúng Việt Nam từ lâu nay đã có thành kiến thật khó sửa: "Hề cái gì thuộc về "Quốc Doanh" thì khó tốt được. Bởi vậy, bất kể tôn giáo (giáo hội quốc doanh) nào dù có muốn làm tốt hơn đối với việc chấn chỉnh đạo đức cũng chẳng dễ dàng gì". Niềm tin quần chúng đối với những gì thuộc về "Quốc Doanh" không còn nữa, cho nên, việc "chấn chỉnh đạo đức cũng chẳng dễ dàng gì". Đây là lối diễn tả đầy ý nhị, gói ghém được đầy đủ những gì mà Hòa Thượng muốn nói: Chấn chỉnh đạo đức khó quá, vì không ai còn tin vào các "giáo hội quốc doanh" nữa, vì niềm tin bị mất khó mà tìm lại, khi họ đã không còn niềm tin nơi người hướng dẫn, thì không thể hướng dẫn họ được. Cái khó hơn nữa là các giáo hội quốc doanh, bị sức ép của nhà nước quá nặng nề khó mà thực hiện được tinh thần truyền giáo chính thống theo chủ trương và mục đích của tôn giáo được.

Cũng trong niềm ưu tư lo lắng cho số phận Phật Giáo Việt Nam, cho nên trong Đại Hội Tăng Ni Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại, lần thứ nhất từ ngày 22 đến 24 tháng 9 năm 1995, tại Chùa Viên Giác, Đức

Quốc, nói lên điều đó. Trong bài Diễn Văn khai mạc của Đại Hội, Thượng Tọa Thích Minh Tâm có đoạn nhận định trong tâm trạng lo âu về số phận Phật Giáo Việt Nam như sau: "nếu sinh hoạt tu học của Tăng sĩ bị sa sút, bị hạn chế hay bị điều khiển bằng những thế lực vô minh sẽ làm cho đời sống đạo hạnh bị xuống cấp và hình ảnh của Tăng sĩ bị hoen ố, mờ nhạt đến rồi không còn một ảnh hưởng nào đáng kể trong cộng đồng quốc gia dân tộc". Cả hai vị, Hòa Thượng Thích Đức Nhuận và Thượng Tọa Thích Minh Tâm trình bày những sự kiện tạo nên niềm tui nhức cho Phật Giáo Việt Nam, nhưng nó là một sự thật, dù muốn phủ nhận cũng không thể phủ nhận sự thật đó được. Một "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" (Giáo Hội Quốc Doanh), phải xếp hàng trong một mặt trận chính trị của nhà nước, qua Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, qua Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương làm cho Giáo Hội đánh mất đi sự độc lập về tổ chức nội bộ giáo hội, cũng như đường hướng truyền giáo và ngay cả việc thu giới, tấn phong các hàng giáo phẩm cũng không được tự quyết định lấy mà phải được sự chấp nhận của Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương.

Giáo Hội nhà nước thành lập năm 1981, dưới hình thức bề ngoài, được quyền sinh hoạt trong luật pháp quốc gia. Nhưng không được độc lập và tự chủ trong mọi quyết định và hành động. Nó không đúng một Giáo Hội theo đúng nghĩa của Giáo Hội, không đúng truyền thống tôn giáo. Chính vì thế, nó không đáp ứng được nguyện vọng của Tăng Ni và Phật tử trong nước và hải ngoại. Còn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nó đúng nghĩa của một Giáo Hội, đúng nghĩa truyền thống tôn giáo. Cho nên đáp ứng được nhu cầu và đại diện cho đa số Tăng Ni, Phật tử trong nước và hải ngoại. Nhưng nó không được quyền hiện hữu và sinh hoạt hợp pháp trong luật pháp quốc gia.

Thực trạng đó làm cho Phật Giáo Việt Nam quá đau lòng, Phật Giáo là một tôn giáo lớn của Việt Nam, có công giữ nước và dựng nước quang vinh, một tôn giáo dân tộc mà không được quyền sinh hoạt hợp pháp và không được quyền đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

Trong bối cảnh Phật Giáo trong nước bị chia cắt làm đôi, vấn đề chính là bản chất của chế độ, những chủ trương, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam liên quan đến dân tộc và Phật Giáo. Đưa ra những sự kiện trên nhằm hy vọng soi sáng cho suy nghiệm làm cho Phật tử có ý thức con đường mà mình phải đi. Cho nên chủ ý của người viết bài này, không nhằm xuyên tạc, phi báng bất cứ một Phật giáo đồ nào, mà để góp phần soi sáng một số quan điểm dị biệt của những người đồng đạo với hy vọng phục sinh ý thức về vai trò và sứ mạng người Phật tử Việt Nam cho công cuộc cấp cứu Phật Giáo. Những cảnh tượng thế lực vô minh gây chia xé Phật Giáo Việt Nam đã làm đau đớn tui nhức cho Phật giáo đồ hôm nay. Nếu Phật tử chúng ta thiếu trí tuệ và can đảm chặn đứng nó, sẽ kéo dài sự đau đớn và tui nhức này qua những thế hệ nối tiếp là con cháu chúng ta. Chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam đối với Phật Giáo, sự thật đó Phật tử đã thấy, chính nó mới là căn bản chính cho sự nhận thức con đường mà mình phải đi để tìm sự sinh tồn. Lý luận Phật Giáo phải tui phục chính quyền, Phật Giáo đứng làm chính trị, để được tồn tại là nằm trong vòng luẩn quẩn không lối thoát. Nó là cạm bẫy sập, Phật Giáo miền Bắc, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập năm 1981, đều đã kẹt trong cái bẫy đó. Mấy năm gần đây, Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương, của nhà nước có tung ra một chiến thuật kêu gọi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sáp nhập vào Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (giáo hội nhà nước), theo chủ trương của cộng sản Việt Nam, tức thời chiến thuật đó được nối dài ra đến hải ngoại, bằng nhiều hình thức len lỏi vào các sinh hoạt Phật Giáo để tuyên truyền kêu gọi. Vấn đề muốn nói ở đây cộng sản Việt Nam kêu gọi sáp nhập để đưa Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào một cái bẫy, khi đã vào bẫy thì thân bại danh liệt, lịch sử các giáo hội quốc doanh thế giới chứng minh điều đó.

Thân phận của Giáo hội nhà nước

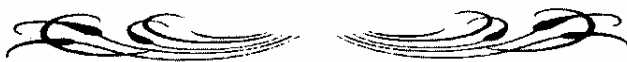
Hiện tượng nhà nước hơi có đôi phần để dãi với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập năm 1981, nó không phải là chủ trương của cộng sản Việt Nam, mà chiến thuật nằm trong chiến lược để đối đầu cùng tinh thế nội tại, ngoại tại hiện tại. Ngoại tại, chính quyền sử dụng Giáo Hội này để trang trí cho chế độ trước dư luận thế giới, bằng cách cho đi dự các đại hội quốc tế, nhằm mục đích tuyên truyền cho nhà nước

về vấn đề tự do tín ngưỡng và nhân quyền. Vì nó mới là một vấn đề then chốt hiện nay cho việc đối ngoại về bang giao và đầu tư kinh tế. Nói cách khác nhà nước chỉ cho phép giáo hội này làm việc khi có lợi cho đảng và nhà nước về mặt tuyên truyền thì mới được làm và phải làm đúng lúc khi nhu cầu chính trị cần đến. Còn nội tại thì đảng và nhà nước gặp quá nhiều chống đối. Chống đối từ thành phần cựu đảng viên, đảng viên cấp tiến, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, các tôn giáo, những người yêu chuộng tự do dân chủ và nhân quyền. Tất cả những thành phần chống đối trên đều muốn loại bỏ chủ thuyết cộng sản, vì nó không đáp ứng được thỏa đáng nhu cầu chính trị và kinh tế.

Cộng sản hiểu hơn ai hết, về sức mạnh tiềm tàng của các tôn giáo, khi sức mạnh này bùng lên thì khó có thể lực nào ngăn cản được. Chính vì thế nên họ tạm để dài nhằm để xoa dịu đi sức đối kháng từ các tôn giáo. Tình trạng xoa dịu này có sau khi các nước cộng sản Nga-Sô và Đông Âu sụp đổ, cộng sản Việt Nam không còn nơi nương tựa. Và cũng từ sức đối kháng của các tôn giáo không chịu lệ thuộc nhà nước, các đảng viên cấp tiến, các đảng viên ly khai, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, những người yêu chuộng tự do dân chủ và nhân quyền. Chính tình thế chống đối trên, buộc cộng sản Việt Nam phải tạm xoa dịu để mong được tồn tại. Nhưng các giáo hội quốc doanh cũng đừng quên, nếu các thành phần chống đối bị triệt hạ hết thì các giáo hội quốc doanh không còn là nhu cầu cần thiết nữa thì thủ hồi thân phận phải như thế nào? Còn nguyện vọng của dân thực hiện được thì đảng cộng sản Việt Nam không được ở vị trí lãnh đạo đất nước nữa. Dĩ nhiên không ai muốn tiêu diệt các giáo hội quốc doanh này, nhưng nó sẽ lâm vào hoàn cảnh dở sống dở chết.

Trong Phật Giáo Đờ Việt Nam, ai cũng muốn tái thống nhất Phật Giáo: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, và nếu được thuận tiện thống nhất luôn Phật giáo miền Bắc, vì như thế sẽ làm cho Phật Giáo Việt Nam có phương tiện nhiều hơn để phụng sự đạo pháp và dân tộc hữu hiệu hơn. Vấn đề mong muốn hy vọng là một việc, còn thực tế thì đang bị chính quyền chặn đứng bằng cách ngăn cấm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hoạt động, xâm nhập lòng đoạn nhằm biến tướng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam để tuyên truyền thực hiện mưu đồ chính trị bất chính.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất muốn được sinh tồn, chỉ có một con đường là đứng lên tranh đấu đòi trả tự do cho Chủ Vị lãnh đạo, Tăng Ni và Phật tử. Đòi khôi phục quyền sinh hoạt của Giáo Hội trong luật pháp quốc gia. Riêng Chủ Vị, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Phật tử bị hoàn cảnh bắt buộc phải nằm trong giáo hội nhà nước. Vì sự sinh tồn và danh dự của Phật Giáo Việt Nam mà đứng lên dẹp đám mây mù chắn lối để tìm về bản thể chính mình. Vì đó mới là con đường quang vinh cho Phật Giáo và không phụ lòng hy sinh của Chủ Vị tiền bối, Thầy Tổ mình gây dựng và bảo vệ Phật Giáo Việt Nam cho đến ngày hôm nay.



BẢN CHẤT MAFIA CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Qua vụ án Nhà Hàng 62 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa)

Từ ngày 12 tới 15.02.1996 (tức từ 23 đến 26 Tết âm lịch) tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xét xử vụ án Nhà Hàng 62 Trần Phú, Nha Trang, và kết thúc với mức án 20 năm tù cho 3 tên cầm đầu. Những tên còn lại từ 15 tháng tới 7 năm tù giam. Tuy đây chỉ là một vụ hình sự nhưng vụ án này có tầm mức quan trọng đặc biệt vì nhiều sự kiện, nhiều vụ "scandale" và sự can thiệp của nhiều phe phái vào quá trình điều tra và xét xử vụ án. Vụ án này rất được sự chú ý của dư luận và báo chí. Tóm tắt như sau:

DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

LỜI TÒA SOẠN

Người ta không thể tới đi lên giường ngủ với một chế độ Chuyên Chính Vô Sản; rồi sáng mai thức dậy đề ra được một chế độ Dân Chủ! Do đó, muốn thực hiện được Dân Chủ đòi hỏi một sự đấu tranh lâu dài, bền bỉ, nhiều cố gắng, có đôi khi phải hy sinh cả sinh mạng và tài sản v.v...

Trên cơ sở đó, báo Viên Giác kể từ số 92 này mở ra mục Diễn Đàn Dân Chủ để cho những người đã sanh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản viết lên những tội ác cũng như những sự sai lầm trầm trọng của chế độ đã và đang đưa đất nước đến tận cùng của nghèo đói khổ đau, và hoạch định một hướng đấu tranh cho một nền Dân Chủ thật sự cho đất nước.

Những bài viết trong mục DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ không nhất thiết là lập trường của Tòa Soạn.

Bài viết không quá dài, độ 2 - 3 trang đánh máy, hoặc 5 - 6 trang viết tay. Bài nào không được chọn đăng sẽ không hoàn lại bản thảo. Bài viết đã được gửi đăng trên các báo khác trong nước Đức, xin đừng gửi cho báo Viên Giác.

Nhà Hàng 62 Trần Phú, Nha Trang, do một Trung tá quân đội về hưu đứng tên thuê và giao lại cho Nguyễn Trọng Huấn - là một tên lưu manh - làm giám đốc. Do bản chất lưu manh, tên này dùng nhà hàng để làm ăn phi pháp: mãi dâm, buôn lậu, trộm cướp rồi tiêu thụ đồ trộm cướp, đòi nợ thuê, gá bạc... nghĩa là đủ cả.

Nhưng ở Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng, muốn làm ăn kiểu đó thì phải được sự bao che của chính quyền sở tại và giới anh chị xã hội đen. Vì vậy Huấn tìm cách mua chuộc Bùi Lập - đội phó cảnh sát hình sự Nha Trang, em ruột của Bùi Mậu - đường kim Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Nha Trang và là cháu của Bùi Hồng Thái, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa - tham gia vào băng của hắn. Đồng thời, Huấn còn tuyển mộ được tên Phạm Chí Tin, một tên côn đồ khét tiếng, chỉ huy đám vệ sĩ đầu trộm đuôi cướp của Huấn. Tin là một tên côn đồ hung hãn nhưng luôn luôn sống ung dung tự tại ngoài vòng pháp luật, vì hắn là con của một cán bộ Ngoại giao cao cấp của Cộng Sản. Anh rể hắn là đội trưởng đội cảnh sát hình sự Nha Trang, chị ruột hắn là cán bộ của Viện Kiểm Sát thành phố Nha Trang.

Với thế lực hùng hậu như vậy, trong suốt 4 năm trời, đám côn đồ của Nhà Hàng 62 Trần Phú, Nha Trang, lộng hành suốt từ Nam ra Bắc, làm kinh hoàng người dân lương thiện. Theo báo chí trong nước, chúng đã gây ra các tội ác: Cường bức các phụ nữ làm đĩm, bắt cóc con gái vị thành niên để hãm hiếp trần lợt, cướp bóc tài sản của công dân, tấn công ăn cướp các tàu hàng tại cảng Nha Trang, gây gỗ đánh nhau trên đường phố, nhà hàng, khách sạn... Đánh trọng thưởng công an biên phòng... nhưng chúng không hề bị truy tố trước pháp luật. Tên nào bị bắt quá tang thì chỉ ngay hôm sau là tại ngoại do tác động của các lá thư tay và các cú điện thoại.

Nhân dân thành phố Nha Trang rất căm ghét bọn này, họ gởi đón tố cáo rất nhiều. Có người ra cả Hà Nội để tố cáo những điều vô hiệu vì chúng được sự bao che của chính quyền như đã nói ở trên.

Thế nhưng vì sao lại xảy ra vụ án Nhà Hàng 62 Trần Phú Nha Trang? Đó là do sai lầm của đám Phạm Chí Tin "vuốt mặt không nể mũi". Trong một vụ đòi nợ thuê, chúng đã bắt cóc, giam giữ và tra tấn một tay giám đốc một Công ty Việt Nam ở Nga để lấy 20.000\$ tiền chuộc (một vụ bắt cóc mang tính chất Mafia điển hình). Viên giám đốc này lại nằm trong một tổ chức hùng mạnh khác ở Hà Nội, và thế là băng của viên giám đốc này tổ chức phản công lại. Nhiệm vụ này được giao cho Trịnh Thanh Thiệp - nguyên Thiếu tướng, Phó Tổng Cục Trưởng Cục Cảnh Sát kiêm chỉ huy trưởng lực lượng cảnh sát đặc nhiệm của Bộ Nội Vụ. Đứng 8 giờ sáng ngày 8.9.1994, lực lượng cảnh sát đặc nhiệm của ông Thiệp - không báo trước cho chính quyền và công an Khánh Hòa - đã đột nhập vào Nhà Hàng 62 Trần Phú Nha Trang bắt trọn ổ đám cướp ở đây cùng tang vật. Phấn khởi trước chiến dịch này, ông Trịnh Thanh Thiệp tổ chức họp báo. Trả lời phỏng vấn của báo chí, ông kết luận đây là một băng đảng hoạt động tội ác có tổ chức với sự bao che và tiếp tay của chính quyền - Tức là một tổ chức Mafia (Theo đúng định nghĩa của Interpol). Theo ông "Qua vụ án bước đầu đã có dấu hiệu cho thấy bọn tội phạm đã dùng tiền, gái để mua chuộc, khống chế một số người có thể bao che cho chúng" (Tuần báo TIN TỨC số ra ngày 26.9.94). Qua cuộc họp báo, ông Thiệp đã chính thức kết tội Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh

Khánh Hòa bảo che cho bọn tội phạm vì Nhà Hàng 62 Trần Phú nằm trên cùng một đường với hai cơ quan này. Tuy vậy, khi làm điều này ông Thiệp đã không lường trước được rằng: Ông đã chọc phải tổ ong vò vẽ. Do vị trí đặc biệt của nó, Thành phố Nha Trang nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung rất có thể lực đối với Bộ Chính Trị. Nha Trang là một thành phố biển giàu có, rất nhiều biệt thự nghỉ mát của các ông Cố vấn Bộ Chính Trị đặt trên những con đường đẹp nhất của thành phố, nhất là đường Yersin. Nhân dân thường khôi hài rằng: đường Yersin nên đổi thành đường *Trần Du*, nói lái là đường "*Trú Dắt!*", vì đường này hầu như các biệt thự kín cổng cao tường của các ông to bà lớn. Hơn thế nữa, Khánh Hòa lại có một đặc sản rất quý giá là Yến Sào (80% sản lượng Yến Sào Việt Nam do Khánh Hòa cung cấp), một loại thần dược cao cấp - theo đánh giá của người Trung Quốc. Giá thị trường thế giới hiện nay giao động khoảng 1.000 - 1.500 \$US một kí-lô tùy loại. Vì vậy, Tỉnh ủy Khánh Hòa có đầy đủ khả năng cung phụng cho Bộ Chính Trị và Trung ương Đảng ăn chơi hưởng thụ. Thế là mặc dù bằng cướp đã bị bắt cóc với đầy đủ chứng cứ nhưng mọi việc chưa kết thúc. Hiệp đấu mới bắt đầu. Bằng Khánh Hòa mở cuộc phản công. Đầu tiên trên báo Khánh Hòa (là cơ quan ngôn luận của Tỉnh ủy Khánh Hòa) đăng rải rác các ý kiến của một vài cán bộ, Đảng viên hưu trí phản đối Tổng cục Cảnh sát đã vượt quyền, vi phạm pháp luật trong vụ Nhà Hàng 62 Trần Phú, gây sự bất bình cho cán bộ và nhân dân Thành phố Nha Trang. Sau đó, Cao Minh Nhạn, Đại tá Phó giám đốc Công an Khánh Hòa (nay là giám đốc) lên tiếng trên báo Khánh Hòa phê phán ông Trịnh Thanh Thiệp đã nói rằng: đây là một tổ chức Mafia. Thế Cao Minh Nhạn đây chỉ là một vụ hình sự thông thường, không có gì đáng nói. Công an Khánh Hòa đang theo dõi để tìm thêm chứng cứ thì Tổng cục Cảnh sát đã nhảy vào bắt non làm hư hết kế hoạch của Công an Khánh Hòa. Tuy vậy, những lời phản đối, phê phán trên chỉ nhằm dọn đường cho cú đòn chí tử do bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa - tung ra (cần nói thêm rằng, trước đây khi chưa là Phó Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa chỉ là Bí thư Thành ủy Nha Trang, nhưng bà ta đã là Ủy viên Trung ương Đảng. Có lẽ đây là trường hợp duy nhất trong các tỉnh thành ở Việt Nam. Điều này nói lên tầm quan trọng của thành phố Nha Trang). Bà Hồng Vân chính thức gửi công văn ra Trung ương phản đối ông Trịnh Thanh Thiệp khi phát biểu rằng Khánh Hòa tồn tại Mafia là: "bồi nhọ Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Thành ủy Nha Trang. Điều này đã gây dư luận chính trị không tốt cho Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho bọn xấu vu khống Đảng ta!". Nói tóm tắt, ông Trịnh Thanh Thiệp bị kết tội làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng qua lời phát biểu của ông. Theo bà Hồng Vân, ở tỉnh Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung không hề có Mafia. Vụ án Nhà Hàng 62 Trần Phú Nha Trang do một số thanh niên cần quấy gây rối mà thôi. Công an Khánh Hòa đang tiến hành điều tra để trừng trị thì Tổng cục Cảnh sát đã can thiệp làm ảnh hưởng xấu tới uy tín của Công an Khánh Hòa. Cú knock'out này đã làm cho ông Trịnh Thanh Thiệp ôm hận về hưu trong khi con đường công danh đang sáng lạn. Sau đó, để ém nhem vụ này, Tỉnh ủy Khánh Hòa đã chỉ đạo cho Tòa án tỉnh khi xử đám: Tin, Huấn phải tách riêng ra từng tội để xử, nhưng chỉ buộc những tội nhẹ như gây gỗ, đánh lộn trên đường phố hoặc uống rượu say quấy phá trong nhà hàng, khách sạn và kết án với mức án treo. Bị thân nhân những người bị hại và dư luận phản đối, Tòa án tỉnh Khánh Hòa phải xử lại những vấn đề theo bài bản cũ. Dư luận lại phản đối, thêm nữa phe nhóm ông Thiệp cũng tác động nên sau nhiều lần trì hoãn, Tòa án Khánh Hòa phải xử lại với đầy đủ tội danh. Tuy nhiên, họ chọn thời gian cận Tết và các báo đã nghỉ để che bốt dư luận, song vụ án kéo dài suốt ba ngày (những ngày cuối năm) vẫn được đông đảo giới báo chí, nhân dân tham dự. Cuối cùng đám Mafia đã lãnh mức án như đã nói trên. Vụ án đã xếp lại, các tên tội phạm đã bị xử nhưng nhân dân Khánh Hòa không hề vui mừng trước sự "nghiêm minh" của công lý, vì họ thừa biết bọn Tin, Huấn chắc đã ngồi tù lấy một ngày. Nhân dân đã có quá nhiều kinh nghiệm về chuyện này.

Trước đây vào thời gian 1989-1990, Mai Thành Tâm, nguyên Giám đốc Công ty Thủy Sản Cam Ranh đã tổ chức một ổ ăn chơi truy lạc ở Cầu Ba, thị trấn Cam Ranh. Điều đặc biệt là ngoài những dân chơi giàu có thì khách thường xuyên và được ưu đãi là các vị quan lớn ở tỉnh Khánh Hòa và huyện Cam Ranh. Các vị "đầy tổ dân" này dùng tiền công quỹ đi ăn chơi xa láng, nếu thiếu thì ký sổ nợ. Bị quần chúng tố giác, Công an Cam Ranh buộc phải kiểm tra và bắt quả tang nhiều vị chức sắc đang hành lạc và cả cuốn sổ nợ có ký tên nhiều quan chức cao cấp ở Tỉnh, Huyện và cả Trung ương. Những

cuốn sổ lập tức bị thu tiêu, tên tuổi các quan lớn ăn chơi truy lạc ở Cầu Ba được giữ kín, nhưng dư luận nhân dân thì không thể bịt được nên chẳng bao lâu, tên tuổi các quan trở thành sự đàm tiếu của quần chúng.

Mai Thành Tâm ra tòa lãnh án 3 năm tù giam nhưng về tội kinh doanh trái phép. Tòa xử xong, Mai Thành Tâm về sống đàng hoàng với vợ con và 3 năm sau lại tiếp tục làm việc ở Ủy ban Nhân dân huyện Cam Ranh.

Vụ thứ hai là Giám đốc Công ty Thủy Sản Nha Trang Nguyễn Thành Long bị thanh tra (theo đơn tố giác của nhân dân) làm thất thoát nhiều tỷ đồng và hàng trăm ngàn \$US. Nói vậy oan cho Long, vì Long cũng chỉ là đầu sai như Mai Thành Tâm. Sở dĩ Long không lý giải được số tiền thất thoát mất đi đâu là do hồi đó Công ty Long đảm nhận việc khai thác và kinh doanh Yến Sào. Số Yến Sào xuất kho biểu cho các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các quan chức đầu tỉnh, tất nhiên là không có hóa đơn. Thế nên khi bị phát hiện, Long lâm vào thế kẹt: khai cũng chết, mà không khai cũng chết. Cuối cùng sau khi thỏa thuận, Long đã nhận hết tội về mình để bảo vệ cấp trên. Ra tòa, Long lãnh án 5 năm tù giam. Kết thúc phiên tòa Long lên xe hơi về nhà. Vài hôm sau Long cầm hộ chiếu ra nước ngoài, không ai biết Long đi đâu? ở nước nào? trừ những người cấp hộ chiếu cho Long.

Qua vụ án Nhà Hàng 62 Trần Phú Nha Trang và những điều tôi vừa thuật lại. Chúng ta thấy rõ rằng: toàn thể nhân dân Việt Nam đang rên siết dưới ách thống trị của Mafia vì tình trạng các tỉnh khác cũng như Khánh Hòa. Điều này không có gì lạ vì bản thân các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung ương cũng chỉ là một tập đoàn Mafia. Cho nên tay chân của họ cũng rập khung y hệt. Đối với tập đoàn Mafia Đỏ này, tiền và quyền lực là trên hết. Có quyền thì có tiền và ngược lại. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ được họ vận dụng để lừa bịp nhân dân.

Lần giở lại những trang sử kinh hoàng của dân tộc từ 1975 đến nay, chúng ta thấy rất rõ tinh chất Mafia của Cộng Sản. Năm 1975, sau khi cưỡng chiếm miền Nam, họ khủng bố, bán giết, tù đầy cả gần một triệu quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa với mục đích trước hết là trả thù, sau đó là tước đoạt tài sản của những người này. Họ đàn áp, bức hại làm cho hai triệu người phải bỏ nước ra đi và đại đa số phải nộp tiền cho cộng sản mới đi được (những người vượt biên gọi việc này là "mua bãi"), tài sản để lại bị chính quyền tịch thu vô điều kiện. Rồi chiến dịch X1 - X2 năm 75-76 cải tạo tư sản công trường nghiệp cũng chỉ nhằm mục đích ăn cướp tài sản của các nhà kinh doanh miền Nam. Qua 2 chiến dịch này, Cộng sản đã đánh sập cả một nền kinh tế đang phát triển của Miền Nam Việt Nam, bản cùng hóa nhân dân. Năm 1978-1979 họ gây ra vụ "nạn kiều" xua đuổi người Hoa cũng không ngoài mục đích lấy tiền, vàng và tài sản của người Hoa khi họ bỏ Việt Nam ra đi. Bao nhiêu thanh niên Việt Nam chết và bị thương tật để đổi lấy hàng đoàn xe tải chở đầy của cải quý giá cướp của Campuchia. Số của cải đó đi đâu, không ai biết được, nhưng tin tức lọt ra ngoài từ binh lính đi áp tải hàng cho hay số vàng bạc châu báu này được cất giấu tại Sài Gòn. Trong các kho thuộc quyền quản lý của tướng Văn Tiến Dũng, Lê Đức Anh, các Ủy viên trong Bộ Chính Trị. Thời Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ và vài vị khác trong Bộ Chính Trị. Thời gian gần đây, với chiêu bài "đổi mới", tập đoàn Mafia này cấu kết với tư bản ngoại quốc bán đổ bán tháo tài nguyên thiên nhiên của đất nước.

Tham nhũng của công rồi chuyển tiền bằng cách tuồn tài sản ra nước ngoài lập nên các công ty kinh doanh, mua bán bất động sản... Và như vậy, họ đã trở thành một tập đoàn Mafia có tầm vóc quốc tế.

Những điều tôi vừa nêu ở trên chứng minh rằng nhân dân Việt Nam đang bị một tập đoàn Mafia thống trị. Một quốc gia, một dân tộc mà bị Mafia thống trị thì quốc gia đó sẽ sụp đổ, dân tộc đó sẽ tiêu vong. Nhưng chúng ta tin tưởng rằng: Đất nước và dân tộc Việt Nam với truyền thống 4000 năm bất khuất sẽ không bao giờ sụp đổ, không bao giờ tiêu vong. Nhân dân Việt Nam đã bị dồn tới bước đường cùng, "tức nước vỡ bờ". Trong một ngày gần đây nhân dân ta sẽ nổi dậy như một ngọn triều quét sạch đám rác rưởi này đi để xây dựng lại một đất nước Việt Nam mới. Chúng ta cũng hy vọng rằng lời tiên tri của nhà thơ ngục tù Nguyễn Chí Thiệp: "*Trong thế kỷ này, những người Việt Nam ty nạn cộng sản chúng ta sẽ trở về với tư cách là công dân của một nước Việt Nam hùng cường, tự do và dân chủ*" sẽ trở thành sự thực.

• Nguyễn Minh Lộc

5.5.96

KHÁNG NGHỊ THƯ

của Cô Đào Thị Chúc, Chủ tịch Liên Minh Dân Chủ Việt Nam tại Saarland CHLB Đức, gửi cho ông Đỗ Mười, Lê Đức Anh và Võ Văn Kiệt, thông qua ông Chu Tấn Cấp, Đại Sứ tại Sứ Quán Việt Cộng ở Bonn.

Thưa các ông,

Hôm nay ngày 30.4.1996, đúng 21 năm Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam. Kể từ ngày 30.4.1975, cả hai miền Nam-Bắc đã hoàn toàn rơi vào sự thống trị tàn bạo của Cộng Sản. Các ông đã điên cuồng theo ông tổ Mác-Lê để kim kẹp, bóc lột đồng bào trong nước, tiêu diệt cả một nền văn hóa cổ truyền của Tổ tiên, ông cha ta đã dày công xây đắp qua nhiều thế kỷ. Các ông đã trắng trợn đàn áp các Tôn giáo, nhất là đối với Phật Giáo.

Kể từ khi chiếm trọn miền Nam, các ông đã quá khinh thường đạo nghĩa dân tộc, ngang nhiên phá mộ, vây chùa, cầm tù, ép sĩ, miệt thị Tiên hiền Liệt tổ, coi dân như cỏ rác. Tiếng oán than, nguyện rửa các ông bao phủ đất trời, khi các ông quản thúc Hòa Thượng Huyền Quang, kết án 5 năm tù Hòa Thượng Thích Quảng Độ cùng nhiều Tu sĩ thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Đối với những thành phần đấu tranh cho Tự Do trong ôn hòa thì các ông dùng nhà tù để đẩy họ một cách vô lương tâm, như "Diễn Đàn Tự Do" với Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, "Cao Trào Nhân Bản" với Bác sĩ Nguyễn Đan Quế.

Hơn thế nữa các ông đã mù quáng đến mức nhìn bạn thành thù, nhìn thù thành bạn, nên đã gục mặt cúi đầu van xin Đế quốc Mỹ trở lại Việt Nam và bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt-Mỹ. Đối với Đế quốc, các ông sẵn sàng xóa thù để kết bạn, vậy tại sao đối với những đồng chí của các ông đã hy sinh trọn một đời để theo đuổi, phục vụ Đảng, thì các ông đã đàn áp, bỏ tù, chỉ vì họ lên tiếng đòi Đa nguyên, Đa đảng như ông Nguyễn Hộ, Đỗ Trung Hiếu, Hoàn Minh Chính, Lê Hồng Hà, v.v...

Thưa các ông,

Với những tội ác các ông đã gây ra cho dân tộc Việt trong 21 năm qua, những chúng tôi đã nói ở trên, các ông với sự "lãnh đạo tài tình của Đảng" đã đẩy nước Việt trở thành một trong những nước nghèo nàn, lạc hậu nhất nhì trên thế giới, với hàng triệu người thất nghiệp, hàng vạn ăn xin và gái mãi dâm. Lúa gạo có năm "Việt Nam xuất khẩu đứng hàng thứ ba trên thế giới", vậy mà trong nước vẫn có người chết đói! Sự cách biệt giữa kẻ giàu, người nghèo diễn ra ngày một rõ rệt, những kẻ giàu lên nhanh chóng phần lớn là các cán bộ, đảng viên có chức có quyền, có điều kiện ăn cắp, tham nhũng, ăn hối lộ và làm ăn bất chính. Những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước thì tranh giành quyền lợi, để ăn cướp tài nguyên, khoáng sản của đất nước, để trục lợi riêng, phòng khi sa cơ lỡ vận còn cao chạy xa bay. Còn những người dân làm ăn lương thiện, có cục mà vẫn không đủ ăn.

Thưa các ông,

Đã 21 năm "thống nhất" đất nước mà Việt Nam vẫn là một trong những nước nghèo đói nhất thế giới, thì những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam đứng đòi độc quyền lãnh đạo đất nước nữa. Nước Việt không thiếu người thông minh, tài trí, có thể đảm đương việc lãnh đạo đất nước, đưa nước Việt Nam thành một nước giàu mạnh, hùng cường trên thế giới. Các ông nên hiểu rằng, lịch sử dân tộc sẽ không và không bao giờ giao phó quyền lãnh đạo đất nước cho các ông, những người Cộng Sản độc quyền ngu dốt. Trước thảm họa đau thương của dân tộc và điều tàn của đất nước, những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam hãy giao lại quyền lãnh đạo đất nước cho nhân dân, trưng cầu ý dân, bầu cử tự do, xem dân tin ai và bầu ai. Tại sao những người Cộng Sản lại sợ điều này? Có phải các ông, những người Cộng Sản, muốn tham quyền cố vị để độc quyền cai trị nhân dân hay không? Các ông nên hiểu rằng: Thuận lòng dân thì còn, nghịch lòng dân thì sẽ mất. Lịch sử đã chứng minh chân lý ấy. Những người cầm đầu Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam đứng đòi mãi mãi độc quyền lãnh đạo, mà hãy tự xem lại mình có còn đủ năng lực và sự tin nhiệm của nhân dân để lãnh đạo hay không? Chủ đứng độc tôn mình và dùng sức mạnh của bạo lực để đè đầu

cưỡi cổ nhân dân, buộc dân phải phục tùng sự độc quyền cai trị của Đảng.

Thưa các ông,

21 năm qua nhân dân Việt Nam không chỉ đói cơm áo mà còn đói tự do, hòa bình. Nhân dân Việt Nam có tự do làm sao được, khi những lời vu oan, buộc tội một cách trắng trợn, thô bạo của những người Cộng Sản đối với những người yêu nước, không yêu chủ nghĩa Cộng Sản và không chịu phục tùng sự độc quyền lãnh đạo của Đảng, như Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, v.v...

Thưa các ông,

Như các ông đã biết, cả một sự nghiệp của dân tộc Việt Nam với hàng triệu triệu người đã hy sinh trong mấy ngàn năm giữ nước và dựng nước, để đến ngày nay, vì một Đảng Cộng Sản cầm quyền mà kết quả dẫn đến là một nước Việt Nam nghèo nàn lạc hậu và băng hoại về mọi mặt như hiện nay.

Vì vậy, hôm nay 30.4.1996, kỷ niệm 21 năm ngày Quốc Hận đau thương của dân tộc Việt Nam, chúng tôi, những người đang tự nạn Cộng Sản tại Cộng Hòa Liên Bang Đức đã không quản đường xa vất vả, kéo nhau về trước Sứ Quán Việt Nam tại Bonn, nơi đại diện cho tập đoàn Cộng Sản Việt Nam, để biểu tình đòi tự do, dân chủ, nhân quyền và tự do cho các Tôn Giáo cùng các tù nhân lương tâm, tù nhân chính trị đang bị các ông giam cầm trong các lao tù, hay còn bị quản thúc tại gia. Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi các ông nên quay đầu quy hướng dân tộc, để tự sám hối những tội ác, lỗi lầm mà chính các ông là những kẻ đã gây ra cho đất nước và đồng bào trong mấy chục năm qua, để nước Việt Nam có tự do thật sự, để cho nhân dân Việt Nam có được cuộc sống hạnh phúc và thái hòa.

Nếu các ông còn ngoan cố độc quyền cai trị, để đưa cả dân tộc vào thảm họa của đói nghèo triền miên cũng như kéo dài sự đau khổ cho đồng bào. Chúng tôi chắc chắn rằng, bánh xe lịch sử sẽ nghiền nát những người Cộng Sản các ông như nó đã từng nghiền nát các lãnh tụ Cộng Sản Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây.

Các ông hãy mau sám hối để cho kịp bước tiến chung của nhân loại trên thế giới. Nếu không các ông sẽ không kịp hồi hạn.

Xin kính chào các ông.

Giới thiệu sách

VĂN BÚT ÂU CHÂU TẬP 3

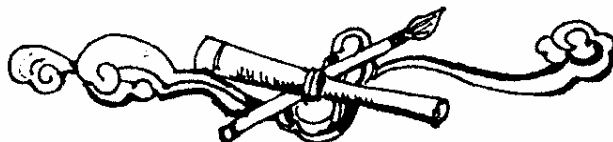
- Tập san: - biên khảo, nghiên cứu về Văn Hóa Việt Nam
- thơ, văn, âm nhạc

- Với sự góp mặt của những cây bút quen thuộc:

Bích Xuân - Bình Phương - Bùi Hạnh Nghi - Đan Hà - Đặng Mai Lan - Hoài Khê - Hoài Việt - Hồ Trọng Khôi - Hồ Trường An - Huy Giang - Huyền Châu - Huyền Thanh Lữ - Lê Đình Thông - Mạnh Bích - Nguyễn Hoàng Bảo Việt - Nguyễn Mạnh Thường - Nguyễn Quý Nhơn - Nguyễn Vinh Tráng - Phú Văn - Thái Văn Kiểm - Trần Phong Lưu - Trần Quang Hải - Trương Hữu Lương - Tùy Anh - Tử Tri - Vũ Nam - Vũ Thái Hòa.

- Do Trung Tâm Âu Châu / Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại thực hiện

- Sách dày 450 trang do Chùa Viên Giác xuất bản vào tháng 5.1996. Giá Hai Mươi Đúc Mã (Chưa kể cước phí)



BA THẮNG LỢI LỚN CHO THẾ GIỚI TỰ DO CÓ THỂ TRỞ THÀNH BA THẮNG LỢI CHO VIỆT NAM

• Phan Quang Đán

Hình nghĩa vài danh từ. Trước khi nhập đề, tôi xin định nghĩa vài danh từ hoặc ít thông dụng, hoặc thường hay bị ngộ nhận. Trong chính thể đại nghị (parliamentary system) được áp dụng ở Úc Đại Lợi, Anh, Pháp, Bỉ, Ấn Độ, Bangladesh, v.v..., người đứng đầu hành pháp không do dân trực tiếp bầu lên, mà chính là lãnh tụ đảng có đa số trong Hạ Nghị Viện. Vị này được gọi là Quốc Vụ Tổng Lý tức Thủ Tướng, danh từ thông dụng hơn. Nhân viên chính phủ được lựa chọn đa số trong những Dân biểu Hạ Viện, và một số ít hơn trong những Nghị sĩ Thượng Viện cũng do dân bầu. Hạ Viện có quyền chất vấn Thủ Tướng và các nhân viên chính phủ về mọi vấn đề đối nội và đối ngoại.

Bảo thủ (conservative) trên thực tế không có nghĩa là thủ cựu, câu nệ áp dụng những chính sách cũ kỹ, những chính sách lỗi thời. Bảo thủ có nghĩa là giới hạn quyền chính phủ và tôn trọng trách nhiệm và tự do của công dân (citizen's responsibility and freedom). Bảo thủ có nghĩa là giảm bớt thuế má, quân binh ngân sách, và có thể chi ra ít hơn thu vào để có ngân sách thặng dư, giúp đỡ dân trong những trường hợp thiên tai hay loạn lạc. Bà Margaret Thatcher, Thủ tướng Anh Quốc trong 3 nhiệm kỳ, áp dụng chính sách bảo thủ, chống lạm phát, giảm thuế má, ủng hộ kinh doanh tư nhân, hạn chế tăng lương tối thiểu, đã thành công rực rỡ và chấn hưng kinh tế đã bị đảng Lao Động làm suy tàn vì liên miên tăng lương cho công tử chức và quốc hữu nhiều ngành kỹ nghệ.

Tự do (Liberal) nay có nghĩa là tăng gia quyền hành chính phủ, đặt nhẹ vấn đề trách nhiệm và tự do của dân, đánh thuế và tiêu xài (tax and spend), móc túi của dân thà của, "tịch thu tiền của dân" (confiscate people's money) để thực hiện những chương trình mị dân rất mực hao phí để tỏ ra "lòng thương dân của tôi với tiền quý vị" (my compassion with your money). Tiền hao phí như vậy là tiền mồ hôi nước mắt của người dân chằm chỉ làm lụng và phải đóng thuế rất cao. Trong bài diễn văn đọc trước lưỡng viện Quốc Hội ngày 23 tháng Giêng 1996, chỉ trong một câu mà Clinton tự mâu thuẫn một cách vô nghĩa đến buồn cười lợm giọng: "Thời kỳ chính phủ quá lớn đã qua, nhưng chúng ta không thể trở lại thuở dân của chúng ta bị đặt trong hoàn cảnh phải tự lo lấy" (The era of big government is over, but we cannot go back to the time when our citizens were left to fend for themselves). Không những Clinton muốn lấn quyền các chính phủ tiểu bang và địa phương, y lại muốn lấn cả quyền của người dân trong đời sống của họ. Y vẫn tuyên bố y là "một đảng viên dân chủ mới, không phải là một đảng viên tự do!" (I am a new democrat, not a liberal)!

Như vậy chúng ta thấy rằng "bảo thủ" tiến về hưởng tôn trọng nhân quyền và trách nhiệm của người dân, trong khi "tự do" tiến về hưởng độc tài.

• Thắng lợi thứ nhất cho thế giới tự do

Thủ Tướng Paul Keating, lãnh tụ Đảng Lao Động Úc Đại Lợi, đã không giải quyết được các khó khăn kinh tế. Ông tiêu xài phung phí, không nghe lời các chuyên viên Bộ Ngân Khố đưa ra một ngân sách khác khổ, nên tạo ra lạm phát. Số người thất nghiệp đã vượt mức 8,5%, mặc dù Úc Đại Lợi rất giàu tài nguyên mà số dân lại ít, chỉ vào lối 18 triệu. Số tiền nợ nước ngoài vượt mức 180 tỷ đô la Úc xấp xỉ ngang giá đô la Mỹ. Ngân sách quốc gia năm nào cũng thiếu hụt nặng nề. Kinh tế suy thoái đến độ chính phủ phải giảm các chương trình y tế, giáo dục, bán rẻ một số tài nguyên quốc gia mà cũng không cứu vãn nổi. Đối ngoại thì chính phủ Paul Keating lại rất thân Việt Cộng.

Vì vậy trong cuộc bầu cử ngày 9 tháng Ba vừa qua, Đảng Lao Động thảm bại. Liên Minh bảo thủ Đảng Tự Do và Đảng Quốc Gia sơn băng đặc thắng vẻ vang (landslide victory). Kết quả bầu cử Dân biểu Hạ Viện như sau:

Tự Do	76
Quốc Gia	18
	94
Lao Động	46
Độc Lập	5

Số ghế Dân Biểu của Đảng Lao Động không bằng một nửa số ghế của Liên Minh Tự Do - Quốc Gia. Liên Minh sẽ đặt nặng giải quyết vấn đề kinh tế tận gốc bằng áp dụng một chính sách ngược lại chính sách của Đảng Lao Động, giảm bớt phụ cấp an sinh cho những người khá giả, quân binh ngân sách, mở mang mậu dịch với thế giới. Liên Minh sẽ sử dụng tài nguyên Úc Đại Lợi một cách hợp lý, sẽ cần kiệm và sống gần dân. Một điều đáng lưu ý là Liên Minh nói ít, làm nhiều. Thí dụ, Liên Minh ít tuyên bố mở rộng chính trường cho phụ nữ, nhưng trên thực tế đã đưa cả mấy chục phụ nữ ra tranh cử, và hơn 20 phụ nữ đã đắc cử vẻ vang. Bốn phụ nữ lại được mời tham gia chính phủ. Thật là mở rộng chính trường cho phụ nữ hơn Đảng Lao Động rất nhiều, mặc dầu Đảng Lao Động thường lớn tiếng đề cao vai trò phụ nữ.

Cộng Đồng người Úc gốc Việt đã giúp một phần đắc lực cho Liên Minh thắng cử. Do đó một phần lớn mà tân chính phủ Úc công bố một chính sách cởi mở đối với vấn đề giúp dân tỵ nạn Việt Nam vào Úc định cư và sẽ đặt nặng vấn đề nhân quyền đối với bạo quyền Việt Cộng. Việt Kiều hải ngoại ở các quốc gia dân chủ khác cũng cần tranh đấu chính trị và ngoại giao như vậy. Đối với những chính đảng chân thành ủng hộ tự do dân chủ cho dân tộc Việt Nam, mà chúng ta cứ dửng dưng không đáp ứng thích đáng, không tích cực giúp họ thì một khi họ đắc thắng, họ sẽ cho rằng chúng ta bỏ nước ra đi chẳng phải để tìm tự do, tranh đấu cho tự do, mà chỉ vì muốn sung sướng tằm thằm mà thôi và đâu có lý do gì họ phải Việt Nam hơn cả người Việt Nam!

• Thắng lợi thứ nhì cho thế giới tự do

Ngày 23 tháng 3, cuộc trực tiếp bầu cử do dân bầu người lãnh đạo diễn ra lần đầu tiên trong 5000 năm thanh sử Trung Hoa ghi chép. Hơn 600 phóng viên quốc tế đến Cộng Hòa Dân Quốc Đài Loan quan sát, đi xem các nơi bỏ phiếu, phỏng vấn các ứng cử viên và dân chúng đi bầu, và đã tưởng thuật lại "phép lạ Đài Loan" (the miracle of Taiwan) cho hàng trăm triệu thính giả và khán giả khắp nơi trên thế giới. Mặt trời dân chủ đa nguyên đã mọc lên từ Đài Loan chứng tỏ cho toàn thể dân chúng Trung Hoa và thế giới biết rằng dân tộc Trung Hoa không phải bị số phận bất buộc sống mãi dưới một chế độ độc tôn, độc tài, độc đảng, trái lại họ có đủ tư cách thực hiện một chế độ tự do dân chủ đem lại mọi nhân và dân quyền cùng thịnh vượng kinh tế như đã hiển nhiên trông thấy ở Cộng Hòa Dân Quốc Đài Loan. Phép lạ của Đài Loan cũng sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với Việt Nam, làm bạo quyền Việt Cộng mất ăn mất ngủ, nhưng đem lại hy vọng cho hầu hết toàn thể dân Việt.

Mặc dầu Trung Cộng dàn hơn 400.000 quân gồm cả hải, lục, không quân, xe tăng, thiết giáp ở Phúc Kiến đối diện Đài Loan, và liên tiếp cảnh cáo các nước không được cho tàu bè và máy bay đi lại eo biển Đài Loan, một hải phận quốc tế, và liên miên phóng hỏa tiễn đến gần

Đài Loan, cùng ra rã đêm ngày chửi bới Lý Đăng Huy, hơn 11 triệu dân chúng Đài Loan tức là 76% dân có quyền bỏ phiếu, đã hằng hái tham gia cuộc tranh cử của 4 liên danh ứng cử, và nhiệt thành đi bỏ phiếu.

Liên danh Lý Đăng Huy - Liên Chiến của Trung Quốc Dân Đảng (Kuomintang) đã thu hoạch được 54 phần trăm số phiếu của dân chúng đi bầu. Liên danh Bành Minh Mẫn - Tạ Trường Đình của Đảng Dân Chủ Tiến Bộ (Democratic Progressive Party) chỉ được non 21% số phiếu, không bằng phân nửa của liên danh trên. Liên danh Lâm Dường Cảng - Hác Bách Thôn được 15%; Liên danh Trần Lý An - Vương Thanh Phong 10%. Hai liên danh này thuộc thành phần Quốc Dân Đảng ly khai.

Ngày 25 tháng 3, Trung Cộng chấm dứt mọi cuộc thao diễn quân đội và pháo kích Đài Loan, ngưng mọi cuộc chửi bới Lý Đăng Huy, và tuyên bố sẵn sàng mở cuộc hội đàm thượng đỉnh với chính phủ Đài Loan.

Cho hay sự cứng quyết của Tổng Thống Lý Đăng Huy và dân chúng Đài Loan tranh đấu cho tự do dân chủ và danh dự, cùng dù luận quốc tế kính phục Đài Loan đã làm cho Trung Cộng chùn bước. Ở đây chúng ta nên biết rằng chính sách của Bill Clinton đối với vấn đề Trung Cộng - Đài Loan rất lúng túng. Trong diễn văn đọc trước lưỡng viện Quốc Hội ngày 23 tháng Giêng 1996 dài hơn một tiếng đồng hồ, ông ta chỉ dành có mấy phút nói về ngoại giao, lại tuyệt đối không dám động gì đến vấn đề Trung Cộng - Đài Loan. Trong 12 tháng, Ngoại trưởng Warren Christopher viếng thăm Syria 17 lần, mà chỉ ghé Bắc Kinh một lần để bàn về nhân quyền. Bắc Kinh gạt đi, ông ta từ giả trở lại Hoa Kỳ chẳng được tích sự gì. Tháng 6.1995 khi Tổng Thống Lý Đăng Huy nhận lời mời của mẫu hiệu (alma mater) Đại Học Cornell (Cornell University) là nơi ông đậu bằng Tiến Sĩ Kinh Tế Canh Nông (Ph.D. in agricultural economics) năm 1968, chính phủ Clinton không muốn cấp chiếu khán, sợ làm mất lòng Trung Cộng. Nhưng toàn thể lưỡng viện Quốc Hội, chỉ trừ Chủ tịch Thượng Viện là Phó Tổng Thống Al Gore, bỏ phiếu tán thành cấp chiếu khán, nên buộc lòng Bill Clinton phải chấp nhận cấp chiếu khán, với điều kiện giới hạn Tổng Thống Lý Đăng Huy chỉ được viếng thăm Đại Học Cornell với tư cách tư nhân và không được đi bất cứ nơi nào khác ở Mỹ.

Tướng Kỳ Hào Tiến, người chỉ huy quân đội dùng xe tăng cán chết hàng ngàn sinh viên biểu tình bất bạo động ở Quảng Trường Thiên An Môn ngày mùng 4 tháng 6.1989 yêu cầu chính phủ thực thi dân chủ, đã được Clinton mời sang có thể được tiếp kiến, và sẽ được Ngũ Giác Đài trọng đãi và đưa đi xem nhiều cơ sở quân sự đặc biệt. (Vi áp lực của Quốc Hội cuộc viếng thăm này được hủy bỏ). Ngoài ra hai hàng không mẫu hạm Independence và Nimitz lảng vảng phía đông Đài Loan ngoài khơi Thái Bình Dương, chớ không vào hải phận quốc tế Eo Biển Đài Loan rộng hơn 90 hải lý. Khi Trung Cộng đàn quân ở Phúc Kiến tập trận và phóng hỏa tiễn vào sát Đài Loan, Clinton lại không tôn trọng Đạo Luật 1979 Liên Lạc Với Đài Loan (Taiwan Relations Act of 1979) nói rõ trong những trường hợp khẩn trương như vậy, "Tổng Thống phải cấp tốc thông báo cho Quốc Hội về các mối đe dọa an ninh hay chế độ xã hội hay kinh tế của dân chúng Đài Loan và các nguy hiểm do đó mà sanh ra cho quyền lợi của Hoa Kỳ". Không những Clinton không thông báo cho Quốc Hội mà ông ta lại giữ một sự im lặng lạ lùng và rõ ràng là có tính toán. Tân Đại Sứ James Sasser được cử sang Bắc Kinh, và cố Bộ Trưởng Thương Mại Ron Brown - vừa tử nạn máy bay ở Croatia ngày 3 tháng 4 vừa rồi - đều chủ trương duy trì quy chế Tối Huệ Quốc Mậu Dịch đối với Trung Cộng và đặt vấn đề liên lạc kinh tế với Bắc Kinh lên hàng ưu tiên. Cuối tháng 3 vừa rồi, trong một cuộc họp báo ở Hoa Thịnh Đốn, Thủ Trưởng Ngoại giao Winston Lord gọi Trung Cộng và Đài Loan là "hai xứ" (two countries). Ông vội vàng tự đính chính và nói rằng chính phủ Clinton vẫn chủ trương chỉ có một Trung Quốc gồm cả Đài Loan và hy vọng đôi bên giữ bình tĩnh để tránh cho tình hình khỏi rắc rối thêm. Nói tổng quát thì Clinton muốn tiếp tục "ninh bợ Trung Cộng" (coddle Communist China) và bảo rằng Trung Cộng không có ý định xâm chiếm Đài Loan. Trong khi đó thì ngày 19.3.96 Hạ Viện đưa ra nghị quyết với tỷ lệ 369/14 yêu cầu chính phủ Clinton "dùng quân lực Hoa Kỳ để bảo vệ Đài Loan trong trường hợp Đài Loan bị Hồng quân Trung Cộng xâm lăng, bắn hỏa tiễn hoặc phong tỏa".

Trong khi dụ giọng đối với Đài Loan, Bắc Kinh, biết rõ nhược điểm của Clinton thiếu lập trường và muốn tránh né vấn đề Trung Cộng -

Đài Loan trở thành đề tài tranh cử, đã lên tiếng gắt gao cảnh cáo Clinton. Ngày 27 tháng 3, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao đã tuyên bố với Thông Tấn Xã Reuter "Nếu lực lượng ngoại bang xen vào nội bộ của Trung Hoa, thì họ sẽ gặp phản ứng quyết liệt của Chính Phủ và toàn thể dân chúng Trung Hoa... Chúng tôi đòi hỏi Chính Phủ Hoa Kỳ tôn trọng lời long trọng hứa hẹn giới hạn việc liên lạc với Đài Loan trong phạm vi không chính thức để tránh cho liên lạc Trung Hoa - Hoa Kỳ khỏi trải qua nhiều biến chuyển bất ngờ".

• Thắng lợi thứ ba cho thế giới tự do

Vì Clinton luôn luôn bội tín những lời y hứa hẹn và tích cực ủng hộ Việt Cộng không những trong thời gian y còn là sinh viên trốn lính và tổ chức biểu tình chống chiến sĩ Việt-Mỹ tranh đấu cho tự do, mà cả sau khi y đắc cử Tổng Thống lại càng tỏ ra thân Việt Cộng hơn, trái hẳn với những lời y công khai tuyên bố và những thư y viết cho vài người Mỹ gốc Việt - riêng tôi nhận được thư của y hàng tuần -, nên ngay từ đầu năm 1994 chúng tôi đã ủng hộ Nghị sĩ Bob Dole sau khi nghiên cứu quá khứ của ông và tin chắc rằng ông sẽ thắng cử sơ bộ Đảng Cộng Hòa và sau đó sẽ đắc cử Tổng Thống. Ông là một anh hùng trong Đệ Nhị Thế Chiến. Đời sống gia đình trong sạch. Ông lại luôn luôn minh bạch tuyên bố chống bình thường ngoại giao với bạo quyền Việt Cộng và tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ ở Việt Nam.

Ngày 26 tháng 3 vừa qua, ông đại thắng ở ba tiểu bang California, Nevada và Washington, thu hoạch được 1.195 đại biểu, trong khi chỉ cần 996 để được đảng chính thức đề cử làm ứng cử viên ra tranh cử Tổng Thống. Ông đắc cử Tổng Thống sẽ là một thắng lợi rất lớn cho thế giới tự do và cho dân tộc Việt Nam. Từ nay đến ngày 5 tháng 11 là ngày bầu cử Tổng Thống, chúng ta sẽ còn nhiều dịp bàn đến ông và so sánh ông với Bill Clinton.

• Ba thắng lợi nói trên cho thế giới tự do cũng sẽ là thắng lợi cho dân tộc Việt Nam

Ở Úc Đại Lợi, Cộng đồng Việt Nam đã thành công rõ rệt. Ở Cộng Hòa Dân Quốc Đài Loan có rất ít người Việt hải ngoại. Nhưng chúng ta có thể noi gương tự lập của Đài Loan, hưởng ứng chính sách về nguồn đang được nhiều đồng bào đề xướng và chấn hưng Hán học cùng Nho giáo, căn bản văn hóa của Viễn Đông mà trước kia Việt Nam là một thành phần quan trọng cũng như Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan và Trung Hoa tiền-cộng-sản. Riêng ở Mỹ, chắc rằng đại đa số đồng bào người Mỹ gốc Việt sẽ nhiệt thành ủng hộ ứng cử viên Tổng Thống Bob Dole.

Dịch Hán Văn

ĐỂ HƯỞNG ỨNG CHÍNH SÁCH VỀ NGUỒN

▲ Các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam vốn cùng một văn hóa mà căn bản là Hán-văn. So sánh mức sống rất cao ở những nước tôn trọng nhân quyền như Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan với đời sống cực khổ ở các nước Việt Nam XHCN, Trung Cộng và Bắc Hàn thì thấy ngay cộng sản không thể nào tồn tại được. Trong khi tiếp tục tranh đấu cho

tự do dân chủ, chúng ta cần trở Về Nguồn. Chủ quốc ngữ rất thích hợp để phổ thông học vấn trong đại chúng. Nhưng chúng ta cần một số chuyên viên về Hán-văn để nghiên cứu Việt sử và những tác phẩm của văn hào thời trước, một phần lớn viết bằng Hán-văn. Do đó văn hóa cao đẹp tổ tiên xây dựng để được trùng hưng, và quốc ngữ sẽ thêm phong phú. Đối với những độc giả khác, biết qua Hán-văn cũng hữu ích và thú vị.

Mục đích Hán-văn này chỉ là vài viên gạch nhỏ góp vào công trình phát triển văn hóa quốc gia. Dịch giả chỉ cố gắng dịch cho sát nghĩa chỗ không chú trọng gọt giũa lời văn cho bóng bẩy. Mục này mở đầu bằng bản dịch bài sau đây của Lý Bạch có ảnh hưởng rất lớn trên văn đàn Việt Nam thời Hán-học còn thịnh hành.

春夜宴桃李園序 李白

夫天地者，萬物之逆旅；光陰者，百代之過客，而浮生若夢，為權幾何？古人秉燭夜遊，良有以也。况陽春召我以煙景，大塊假我以文章，會桃李之芳園，序天倫之樂事。羣季俊秀，皆為逸才；吾人林歌，獨慚康樂。幽賞未已，高談轉清。開瓊筵以坐花，飛羽觴而醉月，不有佳作，何伸雅懷？如詩不成，罰依金谷酒數。

XUÂN ĐẠ YẾN ĐÀO LÝ VIÊN TỰ.

• Lý Bạch

Phù thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lữ; quang âm giả, bách đại chi khách quá khách; nhi phù sinh nhưc mộng, vi hoan kỳ hà? Cổ nhân bình chích dạ du, lương hữu dĩ dã. Huống đường xuân chiêu ngã dĩ yên cảnh, đại khối dã ngã dĩ văn chương. Hội đào lý chi phương viên, tự thiên luân chi lạc sự. Quân quý tuấn tú, giai vi Huệ Liên; ngô nhân vịnh ca, độc tâm Khang Lạc. U thường vị dĩ, cao đàm chuyển thanh. Khai quyên diên dĩ tọa hoa, phi vũ thường chi túy nguyệt. Bất hữu giai tác, hà thân nhĩ hoai? Nhữ thi bất thành, phạt y Kim Cốc tửu số.

Bài tựa. TIỆC RƯỢU ĐÊM XUÂN TRONG VƯỜN ĐÀO MẬN.

• Lý Bạch

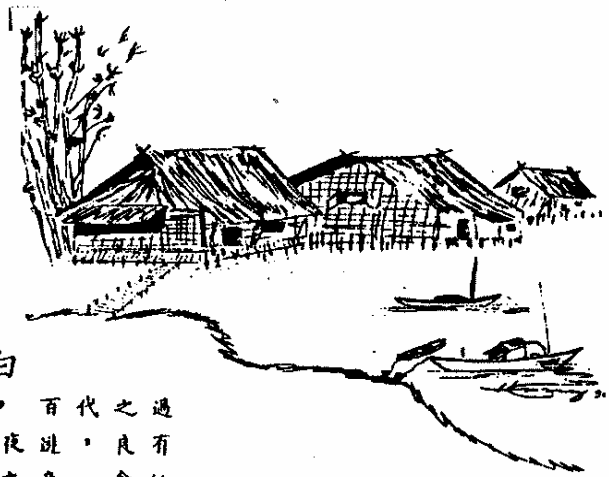
Ôi! trời đất ấy là quán trọ của muôn vật; quang âm ấy là khách qua đường của trăm đời; mà kiếp phù sinh như mộng, vui được là bao? Cổ nhân đốt đuốc chơi đêm thật hữu lý vậy. Huống chi xuân ấm áp đem mây khói mời ta, trời đất rộng đem cảnh đẹp giúp ta an nhàn. Họp ở vườn thơm đào mận, bày cuộc vui trời tặng. Họp đồng người tuấn tú đều như Huệ Liên (1); bọn ta ca vịnh, riêng thẹn với Khang Lạc (2). Thường cảnh êm đềm chưa chán, chuyển sang thanh đàm. Mở tiệc rượu ngồi dưới hoa, vung chén say với trăng. Chẳng có văn hay, sao là được lòng nhĩ? Nhữ thơ không thành, phải phạt y số rượu ở Kim Cốc (3).

(1) Tạ Huệ Liên là em Tạ Linh Vận đời Lục Triều, rất tài hoa.

(2) Khang Lạc là Tạ Linh Vận, thi văn xuất chúng, được phong tước công.

(3) Kim Cốc là một vườn rộng lớn của Thạch Sùng 石崇 đời Tấn. Văn nhân thi sĩ họp ở đó để ngâm vịnh. Ai không làm được thi phú thì phải phạt uống ba đấu rượu.

Thi sĩ nước ta thời trước chịu ảnh hưởng của bài tựa trên rất nhiều. Ở đây chỉ xin dẫn dụ khoản đầu hai bài của hai thi sĩ trữ danh Cao Bá Quát và Nguyễn Công Trứ



TÌM SỞ THÍCH

• Cao bá Quát

人生天地間一逆旅

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ (1)

Có bao lắm ba vạn sáu nghìn ngày.

Như thoi đũa, như bóng số, như gang tay.

Sức nhỏ chữ cổ nhân bình chúc.

高山流水詩千軸

Cao sơn lưu thủy thi thiên trục

明月清風酒一船

Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền. (2)

(1) Đời người trong trời đất như quán trọ.

(2) Núi cao nước chảy thơ ngàn cuộn, Gió mát trăng trong rượu một thuyền.

KIỆP NHÂN SINH

• Nguyễn công Trứ

人生如寄耳

Nhân sinh như ký nhĩ

得意須盡歡

Đắc ý tu tận hoan (1)

Hữu mã hữu thuyền hữu thủy hữu san

有馬有船有水有山

Tức bình chúc dạ du lương hữu dĩ (2)

Đành vũ trụ ấy ngô nhân phận sự

Cũng tiêu dao cho tuế nguyệt thêm trường.

霏蒼蒼兮水泱泱

Vân thường thường hề, thủy ướng ướng (3)

Phong quang ấy người sao nở phụ.

(1) Đời người như sống gởi, đắc ý nên tận vui.

(2) Có ngựa, có thuyền, có nước, có núi, Ấy là lúc đốt đuốc chơi đêm rất thích hợp.

NHỮNG NGÀY ĐI



Khi phi cơ lấy độ thấp để chuẩn bị đáp xuống phi trường Houston lúc 14 giờ 15 thì bên dưới nước Mỹ đã hiện ra. So sánh mọi hình thể từ Âu châu tôi mang theo cho đến giờ phút này có thể nói như một sợi dây thun tròn nhỏ đang được tôi dùng cả hai bàn tay để kéo cho nó rộng ra. Đứng nước Mỹ rộng quá. Bạt ngàn cây rừng dưới cánh phi cơ. Ở Âu châu, cứ mỗi phút phi cơ bay qua là làng mạc lại hiện ra dưới cánh. Có xen kẽ là những cánh rừng chồi, rừng thông, nhưng là những xen kẽ thoáng chốc. Vậy mà từ hồi nào đến giờ tôi có cảm giác là Âu châu nhỏ hơn Mỹ đâu dù môn địa lý đã học qua từ lâu và hiện tại mỗi ngày đều có xem truyền hình về cảnh Mỹ. Lúc rời phi trường Stuttgart (Đức quốc) lúc 7 giờ 15 sáng trời đang ở trữ độ hai. Đến Houston trời nóng khoảng 25 độ. Áo Veston, áo khoác, khăn quàng cổ đều được kéo xuống hết, để thích nghi với độ nóng bên ngoài. Đường xá Mỹ rộng rãi, nhà cửa lại cất rời rạc xa cách nhau bởi khu vườn đầy cỏ và những chiếc hàng rào vuông vức, làm tâm hồn tôi thấy khoáng đạt hơn, nhưng cùng lúc thấy bàng bạc một nỗi buồn. Cái nước Mỹ mà hai mươi năm về trước đã làm cho đất nước tôi sôi động theo những trào lưu của thời đại: Chiến tranh Lũng cực. Chiến tranh ý thức hệ. Ngân chặn làn sóng đỏ... Rồi chiến tranh bùng lên trên mảnh đất vốn dĩ đã nhỏ bé lại còn bị chia cắt phân ly. Hai phần đất của hai đầu đất nước dựa dẫm vào "những đản anh vĩ đại" và "Thế giới tự do" để một bên thẳng tay tiêu diệt người anh em ruột thịt, còn một bên cứ lo chống trả, phòng thủ trong một tình huống hết sức là bí mật. Thủ thật bản tính tôi thích đi đây đi đó, nhưng tôi sau mười sáu năm ăn đậu ở nhờ nơi xứ người Âu châu tôi vẫn không có cái ao ước sẽ đặt chân lên vùng đất thiên đường đầy mật ngọt bên kia Đại Tây Dương của ông tổ Kha Luân Bố tìm ra ngày nào, dù tôi không phải là ít có bạn bè nói đó, bạn thời đi học lẫn bạn văn nghệ hôm nay. Nước Mỹ đã tạo nhiều lỗi lầm trên cuộc đời của người dân Việt đến nỗi lòng mình không nghĩ được đến mùa đông nào rồi cũng phải qua, để nhường cho mùa xuân của những hương hoa mới lạ? Không. Tôi đâu có nghĩ đến những chuyện bể dâu to lớn đã chụp đổ xuống để làm bằng hoại cho cả một dân tộc, bởi bằng cuộc rút chạy của anh bạn đồng minh sau khi đã biết hồ hào cộng sản là đại họa cho nhân loại, và đã không ngừng nghỉ cùng những người lính nghèo khổ của chúng tôi chiến đấu trong rừng rã gần mười năm bên cạnh tiếng chửi bới và mạt sát của thế giới phản chiến bên ngoài. Tôi đâu có phải không biết nghĩ đến tấm lòng nhân đạo của một nước Mỹ rộng lớn đầy quyền lực đã không ngại xoe bàn tay để cứu vớt những người tỵ nạn trong thập niên tám mươi trên biển cả với đầy sóng gió, hải tặc và những chương trình đoàn tụ gần đây cho các diện con lai, cựu tù nhân chính trị sau một thời gian dài trong các trại cải tạo. Nước Mỹ cần và nên đặt chân đến một lần để nhìn tận mắt, bắt tận tay làm chủ. Đến để trách móc cùng lúc với lời thành thật cảm ơn. Với người con dù có cảm ơn người cha vì công sinh thành dưỡng dục vẫn thăm thẳm móc vì người đã bỏ mẹ nó để cho dòng đời cuốn trôi trong những tai ương bất hạnh. Không muốn đi chỉ vì không muốn đi. Vậy thôi. Nhưng rồi tôi cũng đã đến Mỹ trong mùa xuân năm này.

Với anh Phạm Ngũ Yên thì sau một đêm nằm đọc cuốn Niềm Riêng do Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ tặng tôi mỗi phát hiện ra là người "cùng xứ sở" nhờ qua phần tiểu sử ngắn gọn cho mỗi người. Ngày gặp đầu tiên ở nhà hàng Fukim dù tôi có đến chào vài người một cách thân tình trước, nhưng với anh thì tôi vẫn còn xa lạ, vì lúc giới thiệu tên người tham dự, hoặc tôi bạn nói chuyện không để ý, hoặc vì anh ngồi ở nơi kín đáo nào đó mà tôi không nhìn được rõ mặt, dù rằng tôi đã biết anh là người đang có những truyện ngắn hay trên vài tạp chí văn chương uy tín ở Mỹ. Nhưng chẳng hề hấn gì. Vì tôi

nghĩ thế hào rồi cũng gặp thôi. Và tôi đã gặp lại anh trong ngày cuối tuần sau đó. Tôi đã lại chào anh và nhận mình cùng quê hương nơi anh mở mắt chào đời. Anh đáp lại tấm tình nồng nhiệt của tôi bên cạnh người bạn thân Ngô Du Trung của anh mà đối với tôi cũng không kém nhiệt tình. Anh nói sơ thời gian ở Việt nam trước và sau năm bảy mươi lăm, lý do vì sao đến được Mỹ, thời gian đến và những thành quả về văn nghệ mà anh đã gặt hái được trong một thời gian ngắn ở Hoa kỳ. Xem anh hiền hậu, những cặp mắt rất có nét linh anh, nhận xét. Quả cái suy nghĩ của tôi về điều này nói lần đầu tiên gặp anh đã không sai, tôi nghĩ vậy, vì sau đó về lại Đức khi đọc những truyện ngắn trong cuốn truyện anh tặng tôi thấy anh hay có lối ví von sắc sảo, cũng những nhận xét rất tinh tường về nhân tình thế thái dù là anh đang viết những câu chuyện về tình yêu. Không phải tại vì anh có nơi sinh ra như tôi mà tôi khen, dù hai người chỉ gặp nhau trong một thời gian ngắn ngủi. Đứng, từ lâu rồi mãi đến nay tôi mới đọc được những dòng chữ mà tôi thấy rất thích, rất hợp với mình. Có thể mỗi người có cái ý thích thường ngoạn văn chương khác nhau, chuyện đó cũng không phải là chuyện lạ. Vì thế chuyện tôi đọc văn Phạm Ngũ Yên thấy hay, thấy thích nên cứ nói ra. Những nghe đầu dân đọc truyện ở Texas cũng rất thích Phạm Ngũ Yên. Chúc anh củ mạnh dạn mà tiến lên trên những lời văn buồn và đẹp nào nùng của anh.

Nhờ qua chị chủ tiệm sách Thiên Nga ở Houston tôi lại quen được một vài người anh người chị văn nghệ. Tôi không ngờ nơi đất Mỹ tôi đã gặp đôi vợ chồng chủ tiệm sách mà am tường chuyện văn chương rất đến nơi đến chốn. Hay ở Mỹ đó là chuyện bình thường? Chị có thể cho cái nhận xét của mình về bất kỳ một nhà văn nào. Bao giờ cũng bằng ý tưởng ngợi khen tốt đẹp, nhưng cũng không đồng nghĩa là cứ nói đến ai cũng chỉ có khen mà thôi. Được biết tôi từ Đức qua, lại là người từng viết lách, chị đã giới thiệu cho một vài tờ báo, một vài người anh người chị. Đó là ca sĩ Duy Trác đang làm việc tại Đài Phát Thanh Houston. Đó là những tờ báo như Tự Do, Thế Giới, Thế Hệ v.v... Lúc trở lại nhà sách chị lần thứ hai, cũng như lúc từ già đi về chị bao giờ cũng cho những lời thăm hỏi niềm nở, những lời chúc tốt đẹp. Với cung cách của một người buôn bán sách truyện, văn, thơ, văn hóa phẩm... như thế đã để lại cho trong tôi một ấn tượng hết sức là tốt đẹp. Khó lắm tôi mới quên đi những ấn tượng này. Buồn bán văn chương chủ nghĩa, đồng thời chị cũng hiện thân cho những người biết trân quý văn chương chủ nghĩa và yêu mến những người đã cứu mạng nó. Ngoài nhà sách Thiên Nga ra tôi chỉ có dịp ghé qua nhà sách Ngày Nay khi anh Nguyễn Mạnh An Dân dẫn đến. Chủ tiệm sách này cũng là anh chị vui vẻ thân tình. Rất tiếc tôi có rất ít thì giờ để trò chuyện với chủ nhân. Nghe nói ở Houston còn nhiều tiệm sách khác nhưng tôi không có dịp ghé xem. Thời dành một dịp khác.

Đêm văn nghệ ra mắt tác phẩm thơ của nhà thơ Tô Thủy Yên và Tập Tùy bút Khởi Đi Từ Ngày Thứ Đệ Đến Gần Sự Thật của nhà văn nữ Lê Thị Huệ đã được tổ chức tại một nhà hàng ở Houston. Hôm ấy ngoài hai nhà văn nhà thơ có tác phẩm ra mắt, tôi còn gặp được nhà thơ Ngu Yên, một hoạt náo viên rất duyên dáng vui vẻ, Nhà văn Phan Nhật Nam, Ca sĩ Duy Trác, người mà mấy hôm trước tôi chỉ có dịp trò chuyện qua điện thoại ngay tại nhà sách Thiên Nga, nhà thơ Trần Sa, anh chị nhà văn Nguyễn Văn Sâm & Nguyễn Thị Long An, nhà văn nữ Vũ Quỳnh Hương, nhà thơ Nguyễn Hoàng Nam, nhà thơ Cao Đồng Khánh, người mà ngâm thơ anh Tô Thủy Yên nghe rất hay, anh chị nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, chủ nhà hàng Fukim nhạc sĩ Huỳnh Công Ánh... Vì đông người quá nên tôi cũng chỉ tiếp xúc được trong vội vã với vài anh chị mà thôi, dù vậy vẫn cho tôi ghi nhận được là đêm ra mắt sách đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng ấm cúng. Nói chung là một kỷ niệm đẹp khó quên.

Qua một vài người bạn ở Houston tôi quen được với anh chị chủ biên tạp chí Thế Giới. Chị Đặng Linh Phương và anh Việt Lê. Gặp anh chị, nghe nói tôi từ Âu Châu sang anh chị có cho biết vài người có tầm tiếng ở Âu Châu đang cộng tác với báo Thế Giới. Đó là Giáo sư Vũ Kỳ, Tiến sĩ Hương Giang Thái Văn Kiếm..., những người mà ở Âu Châu tôi nghe tên rất quen và ngay cả Tiến sĩ Thái Văn Kiếm tôi cũng đã có lần gặp trong một lần họp của Văn Bút Âu Châu. Hiện cộng tác với báo còn có nhà văn Phạm Ngũ Yên, mà theo anh Lê cho biết đã có điện thoại cho tôi ở số điện thoại nhà cháu Hiền, con gái người bạn tên Nguyễn Anh Tuấn của tôi, nhưng nhầm lúc tôi không có ở nhà. Nhà văn Trần Hoài Thư, Trần Nhuận Tiêu, Vũ Quán..., các nhà báo Cao Thế Dung, Lâm Lê Trinh... Dù gặp gỡ chỉ chừng vài tiếng đồng hồ nhưng thân tình như đã có từ lâu. Có lẽ tôi cảm thấy thân ngay được với Thế Giới bởi vì đã có anh Phạm Ngũ Yên cộng

tác với tờ báo này, nhà văn mà ở trên tôi đã nói qua, và bây giờ xin nói thêm chút nữa. Đó là khi nghe được tên một người viết văn làm thơ nào đó cùng ở quê hương mình thì tình cảm bỗng dưng thấy thân thiết được ngay với người ấy. Không cần khách sáo dài dòng. Không cần sự lịch sự ở đầu mối. Sau những năm dài sống ở trên một phương trời mà mùa đông và mây mù chiếm cứ gần hết thời gian của một năm, muốn gặp được những người cùng quê hương thường xuyên cũng không phải là chuyện dễ, huống hồ muốn tìm gặp được những con người đã cùng mình mang nợ văn chương vào đời sống. Những hội ngộ chỉ khi cuối tuần, chỉ khi cần tìm đến nhau. Nhan nhàn và chung quanh chỉ toàn người bản xứ. Gặp được một người có cùng chung cái quê hương mang tên là Việt Nam đã là vui lắm rồi, và mới thấy sự hiện hữu của mình trên đất nước người ta là sự hiện hữu gắn liền với cả một lịch sử chia lìa của đất nước. Vì thế và tại sao khi rơi vào một vùng đất to lớn hơn, cùng một lúc gặp một người anh văn nghệ cùng quê, có tuổi đời nhiều hơn, có nhiều gian truân trong đời sống hơn, văn tài hay hơn, thì tại sao không thể là những bàn tay lạnh lẽo rét mướt được xòe ra, để bắt tay nhau một lần mà làm ấm lòng cho cả hai tâm hồn lưu xử. Bây giờ những dòng chữ này đến với Thế Giới, đến với Phạm Ngũ Yên, cũng giống như những dòng chữ mà tôi đã từng viết ra cho một tạp chí thân quen, cho một nhà văn nhà thơ nào đó đã gặp mặt, hoặc đôi khi chưa gặp. Không ca tụng tăng bốc. Không mang lại lợi nhuận về vật chất cả tinh thần khi dùng văn chương để vỗ về cho một tình bạn tình thân vừa tao ngộ đã tạm biệt chia tay; hoặc vừa mới biết qua từ những cánh thư mong manh vội vã; những cánh thư đã bay ngang những vùng không gian to lớn, có khi là cả một đại dương, có khi là cả một biển hồ, cũng có khi là những ngọn núi cao nhất thế giới. Viết ra và chấp nhận cái sung sướng trong một mình cô đón hừng nhận, cùng lúc những lời khinh miệt của gió và mây bởi vì đó là một đời sống phù sinh hư ảo. Những thời cứ sống cho thật với tấm lòng, mọi chuyện để hạ hồi phân giải.

Dù anh chị chủ nhiệm báo Thế Giới có đối với tôi rất thân tình, anh chị còn định nếu tôi còn thì giờ ở lại Houston thì sẽ còn những buổi gặp gỡ để chuyện trò. Và tôi, trước khi chia tay anh chị tôi vẫn không có dám hứa là tôi sẽ viết được cho Thế Giới. Có những bận rộn và ràng buộc riêng trong đời sống mà tôi không thể mọi việc cứ hùa liều, để rồi sau đó làm người ta thất vọng. Chuyện gì cũng để từ từ. Nhưng nay, đang ngồi trong căn phòng nhìn qua cửa sổ đang bắt gặp những mù sương, dù thời tiết đang ở đầu tháng tư, đúng lý ra thì mặt trời và ánh sáng đang hiện hữu bên ngoài, tôi lại muốn dùng những dòng chữ này để nhờ chiếc phi cơ Lufthansa của hãng hàng không Đức mang bằng ngang Đại Tây Dương để đến với Thế Giới. Và đến với anh chị Phương-Lê, như những lời thăm hỏi ân cần sau một lần gặp gỡ. Cũng như gửi đến Phạm Ngũ Yên mà đền bù lại cái lần anh gọi điện thoại muốn nói gì đó mà tôi không có ở nhà, và bây giờ thì không gian đã cách trở, rất khó để có một lần tao ngộ lại. Cảm ơn anh chị Phương-Lê, cảm ơn Thế Giới, cảm ơn Phạm Ngũ Yên, cảm ơn những người bạn văn nghệ ở Houston, nhờ người mà gọi lên tôi những dòng này, những dòng chữ vô tình lại trôi qua đời sống của một kiếp tầm. Tôi đã gặp Thế Giới, gặp anh chị Phương-Lê, gặp anh Phạm Ngũ Yên ở Mỹ, vậy khi có dịp anh chị qua Đức, dù bận rộn tôi cũng tìm xếp thì giờ mà gặp anh chị, để một lần hàn huyên dưới khung trời Âu Châu đầy huyền thoại, đầy những biến động lịch sử đã làm cho thế giới phải kinh hoàng. Cuối cùng, lần nữa, xin đa tạ những tấm lòng của tha nhân trong những ngày tôi đặt chân trên xứ lạ.

Đối với tôi hai vợ chồng anh chị Trần Minh Tâm, Trần Kim Vi không phải là xa lạ, nếu không nói là đã có mối thâm tình từ lâu. Qua anh Nguyễn Tấn Hưng giới thiệu tôi đã cộng tác với báo Đẹp của anh chị đã gần năm năm trời. Vì thế trước ngày đặt chân đến Houston tôi đã viết thư cho báo, cho anh chị, không, sợ anh chị sẽ buồn, và chắc là tôi cũng sẽ buồn nếu không gặp được anh chị. Những ngày ở Houston gặp gỡ anh chị được xem như là những ngày gặp gỡ người thân của mình. Dù bận rộn biết bao là công chuyện, chuyện làm ăn, chuyện báo chí, chuyện đoàn thể địa phương..., những anh chị lúc nào cũng vui vẻ khi gặp tôi. Thấy ở Texas có cuối tuần lại có nhiều chuyện quá, không chỉ mình tôi mà ngay cả anh bạn Nguyễn Anh Tuấn, người đã cùng tôi đi Mỹ trong lần này, cũng có cái nhận xét ở nơi tôi ở - một ngôi làng ở miền nam nước Đức - sao mà yên tĩnh lạ lùng. Những cuối tuần vắng lặng. Những vương vất từng ngôi nhà, ngôi chung cư ít thấy người vắng lại. Một chiếc xe chạy vù qua. Một em bé chạy xuống đường kéo một gói thuốc cho ông bố. Một

người đàn bà, hoặc đàn ông dắt chó ra ngoài cho việc tiểu tiện. Mỗi một việc đều là những việc chỉ thoáng qua. Đúng nơi tôi ở là như vậy. Những cây thông luôn luôn im lìm. Một giọng xuôi củ đầu dạn chày trôi như chẳng cần biết đến ngày tháng đang trôi, giống như cuộc đời hiện tại của mình cứ trôi qua trong niềm ước mơ khi về già sẽ quay về được lại nơi cố quốc, nhưng vẫn chưa có một thời gian nhất định.

Hôm gặp nhau ở nhà hàng Fukim nhân dịp có cái Tết Quang Trung của người Bình Định, bên anh chị Tâm Vi tôi được quen thêm anh chị Bác sĩ Nguyễn Văn Tính, Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt ở Houston, vài anh cũng ở trong Ban chấp hành, nhà văn Vũ Quân; biết được mặt anh chị Hoàng Minh Thủy, chủ báo Xây dựng... Cũng trong đêm gặp gỡ đầu tiên này tôi mới có dịp tâm sự nhiều với anh chị Tâm Vi, cũng như đó là dịp để anh chị tâm sự với tôi. Nơi đó có ca hát, có múa vò, và về đêm có thêm mục nhảy đầm, tôi đã hòa mình vào cái vui của mọi người, hơn là cố giữ cái vẻ lãnh đạm, xa rời cuộc vui. Thấy anh Huỳnh Công Ánh, Trương Sơn Lê Xuân Nhị, anh chị Trương Sĩ Lương, anh chị Cung Vũ Nguyễn Hương, chị vũ sư Hà Trang, chị Bách Việt và những bạn văn nghệ khác nữa vui quá tôi cũng vui lây. Và sau đêm vui đó về nhà tôi trở người bình cảm, anh bạn thân Tuấn phải lo thuốc than. Anh Tâm điện thoại cho biết chị Vi cũng đang cảm, vì thời tiết thay đổi quá bất thường, mọi việc báo chí làm ăn chỉ mình anh lo liệu. Không biết còn ai có bệnh cảm nữa không? Anh Tuấn nói lần đầu anh qua Mỹ cũng bị sốt phải nằm vùi, dù là qua ở mùa hè, huống chi tôi qua ở mùa đông, khí hậu thay đổi thất thường mà không bệnh sao được.

Dù trong mình vẫn còn hơi cảm tôi cũng cố gắng lái xe để đi đến nơi có buổi họp mặt của Hội Chụp Ảnh do lời mời của anh Trần Minh Tâm. Không khí trong nhà hàng nhộn nhịp, nhưng tôi lại xa lạ, bởi vì mình không quen biết ai, ngoại trừ anh chị Tâm Vi, những anh chị cũng đang bận bịu đón tiếp khách quen của anh chị. Ngồi một mình uống nước tôi nhớ lại những ngày trước đó, khi tôi vừa đến Houston, gặp cháu Hiền, con anh Tuấn, vợ chồng anh Tín, anh Kiệt, em anh Tuấn, với những lời hỏi han niềm nở, rủ nhau đi ăn uống trong khung cảnh như quen biết nhau lâu lắm rồi, thì hiện tại tôi mới thấy cổ đơn xa lạ làm sao. Nhưng không sao, trước lạ sau quen, sau đó tôi cũng quen được các vị quan khách ngồi chung bàn, bác sĩ có, luật sư có, và một vài anh em cũng trong Hội Chụp Ảnh ngồi ở bàn khác. Sau đó thì cũng có sự hiện diện của anh chị Bác sĩ Trần Văn Tính. Hình như hôm ấy chỉ có ba người đẹp? Phu nhân Bác sĩ Tính, chị Trần Kim Vi và một nữ nhiếp ảnh viên khác. Từ lâu thấy trên báo Đẹp những tấm hình chụp về cảnh Mỹ thật là tuyệt, tác giả của nó là người Mỹ cũng có, người Việt mình cũng có, có khi là cả ngay của anh Trần Minh Tâm, vị chủ báo. Ở Âu Châu cũng không thiếu gì cảnh đẹp. Những lâu đài cổ nằm trên những đồi núi cao chót vót, lồng lộng trong gió chiều, hay tòa những "hào quang" sáng rực trong không trung, giữa nền trời trong những đêm đen không còn một ánh sao; hoặc trong những đêm mưa mà màn nước mưa đổ dài xuống vùng ánh sáng từ lâu đài tỏa ra như những tấm màn trúc to lớn màu trắng ngà đang trùm phủ lâu đài. Những ao hồ ở Thụy Sĩ, "quê hương" của Trần Thị Nhật Hưng, mặt hồ y như tấm mặt kiếng khổng lồ, chỉ bị bể ra khi có thuyền bè chạy qua, nhưng cũng chỉ bề theo những gợn sóng lăn tăn. Những bãi biển ở miền nam nước Pháp, ở Nice, ở Cannes, "quê hương" của vua Bảo Đại, là những bãi biển đẹp nổi tiếng từ bao lâu nay của vùng Địa Trung Hải. Rồi Hòa Lan, quê hương của xứ đề điều ngăn nước biển với đầy sò hào, những hải vị cho dân tỵ nạn Việt Nam. Rồi Ý quốc với những thắng cảnh nổi tiếng như Roma, như Venedig... Và những xứ ở Bắc Âu như Thụy điển, Na uy, Đan mạch..., với những rừng thông dày đặc và những ao hồ đóng băng trong những ngày đông dài sương giá vẫn vẫn và vẫn vẫn. Nhưng không phải là một nhiếp ảnh rành nghề, lại cũng ít có dịp đi nhiều nên tôi, cho đến nay, vẫn chưa chụp được những tấm hình về những cảnh đẹp ở xứ Âu Châu; bởi thế, khi ngồi dự trong ngày lễ của Hội Chụp Ảnh ở Houston tôi mới thấy ra là bấy lâu nay là mình đã bỏ qua những cơ hội tốt để thu nhận lại những hình ảnh đẹp, cảnh đẹp mà mình đã đi qua, không như những anh chị ở đây. Từ đây về sau tôi cũng sẽ sắm cho mình một chiếc máy tốt, để hy vọng sẽ trở thành một nhiếp ảnh tài tử xem coi có được không?

Những ngày ở Houston đối với tôi là những ngày vui, vì gặp được một số bạn bè anh chị mà bấy lâu nay mình chỉ nghe tên hoặc thấy hình trên sách báo. Thấy tận mặt được thành phố Houston với Downtown có những căn nhà cao ngút và các cửa kiếng trong suốt. Thấy được đường xá tân kỳ, và nhất là thấy được những khu hàng quán Việt Nam đầy trên một góc phố ở Downtown. Nào phố Tàu bay,

phở Tân Lộc, nhà hàng Tâm, tiệm chụp hình Tấn Hưng... Rồi trên đại lộ Bellaire khi đi đến thăm tòa soạn báo Đẹp cũng gặp toàn là quán ăn, văn phòng, trường xá của người Việt, người Trung Hoa trong quang cảnh rộng rãi trống trải gần giống như quang cảnh đang từ Sài Gòn ra xa càng Miền Đông trên đường về Vũng Tàu - có lẽ giống nhất là những cột đèn điện được làm bằng những cây thông, cây sồi ngấm dầu màu nâu đen đứng dọc theo các lề đường đại lộ, và những căn phố thâm thấp. Những đường xá và nhà của văn phòng ở Mỹ quốc này tân kỳ và sạch sẽ hơn ở xa càng Miền Đông của Sài Gòn chúng ta nhiều. Nắng tươi rói cùng với gió thổi mát man trên da thịt đã làm lòng tôi vui lên rộn ràng trong những ngày đầu đặt chân lên nước Mỹ, khi xe chạy trên đại lộ Bellaire.

Hôm đến thăm tòa soạn báo Đẹp, ngoài chị Trần Kim Vi chúng tôi còn gặp cháu Xuyên, thư ký của tòa soạn và một vài thân hữu trong Hội Chụp Ảnh của anh chị Tâm Vi. Công nhận anh chị có cái tòa soạn báo thật đẹp, chưa kể cái bảng hiệu Đẹp-Magazine màu đỏ đặt trước mặt văn phòng mà khi xe vừa chạy vào trông thấy rất bắt mắt. Đang ngồi nói chuyện với chị thì anh Tâm đang theo học về địa ốc ở đầu đó gọi về thăm vì nghe tôi đã đến tòa soạn. Dù chưa gặp mặt những anh nói chuyện rất niềm nở, không khách sáo, cả chị cũng vậy, làm tôi thấy tự nhiên hơn. Dù là chưa lần nào gặp mặt, và đang nói chuyện bằng điện thoại, tôi với anh vẫn cười giòn với nhau như thân quen từ lâu rồi. Anh hẹn tôi một hai ngày sau sẽ gặp lại. Ngoài số báo Đẹp mời và cũ đang bày biện trên các ngăn kệ của tòa soạn tôi còn thấy một số sách như truyện ngắn, truyện dài, thơ của chính chị chủ báo Đẹp, nhà văn Trần Kim Vi đã xuất bản và phát hành như Còn Vương Chút Nắng, Một Lần Đi, Sóng Ngầm, Người Yêu Dấu..., một số sách của các bạn văn thơ nhờ anh chị phát hành dùm, và sau cùng tuyển tập truyện ngắn không xa lạ với tôi đó là Tuyển tập Nhỏ Khôn Người, tựa một truyện ngắn của nhà văn Anh Văn cũng có mặt trong tuyển tập. Cũng nhờ tuyển tập này tôi đã biết mặt được các anh như Duy Lam, Nghiêu Minh, Vũ Hối... và các chị như Hồng Hoang, Trần Mộng Tú, Cao Bình Minh, Lê Thao Chuyên v.v... Mấy ngày sau anh chị Tâm Vi và tôi đã gặp lại, chuyện trò, nói giỡn và cái đêm trước khi tôi về lại Đức anh chị đã cùng tôi và nhà văn Trầm Lăng đi tham dự đêm ra mắt Tuyển tập thơ của nhà thơ Tô Thùy Yên và cuốn Tùy bút Khỏi Đi Từ Ngày Thứ Đệ Đến Gần Sự Thật của nhà văn nữ Lê Thị Huệ. Ngồi chung bàn chúng tôi đêm hôm ấy còn có nhà báo Mai Thy, nhà thơ..., một cộng tác viên thường xuyên của báo Đẹp. Và cũng nơi đây tôi đã gặp được mặt anh chị Bác sĩ nhà thơ Thái Thụy Vi, cùng các anh chị em văn nghệ sĩ tên tuổi khác. Đêm ấy, ngoài phần nghe được các giọng ngâm thật hay của các anh chị ở Houston tôi còn nghe được hai giọng hát của hai anh chị..., y như là ca sĩ thủ thiết.

Sau đêm văn nghệ anh chị đã rủ tôi về nhà anh chị nghỉ đêm. Một ngôi nhà nằm cách rất xa thành phố Houston. Ngôi nhà quá đẹp. Cách trưng bày bên trong cũng đẹp. Có cả hình chị thật đẹp trong khung màu to lớn treo trên tường. Anh nói, tôi làm nghề mua bán nhà cửa nên phải có cái nhà xem sao cho được, khách hàng đến thấy mình ở nhà tẻ quá thì sao nó còn dám tin tưởng để mua, chẳng qua đó là nghề nghiệp thôi. Khung cảnh chung quanh nhà yên tĩnh thơ mộng: có sân đi dạo, có ao nước nhỏ, có khu chơi cho trẻ em. Khi đi dạo với tôi anh nói, làm việc cả ngày mệt quá, khi về đến nhà mới thấy khỏe nhờ ở đây yên tĩnh. Vũ nam coi, nhà tụi Mỹ của rào đóng kín mít, đâu có ai làm phiền rầy rà hoặc nói chuyện với ai. Quá lắm gặp mặt thì chào một cái rồi thôi, không khỏe sao được. Anh chị còn cho biết, trong những ngày ra mắt Tuyển tập Nhỏ Khôn Người anh chị em văn nghệ có mặt trong tuyển tập đã về ngụ trong nhà anh chị. Tôi cũng có đóng góp trong tuyển tập, tôi đến sau, thì thăm sau. Muốn mang, nhưng cũng đâu có sao.

Bây giờ nói gì đây nữa hả anh chị Tâm Vi? khi không gian đã cách trở và thời gian đã qua gần một tháng từ ngày gặp anh chị. Bây giờ anh và chị cũng như tôi lại tiếp tục cuộc sống thường nhật của mình, như đã từng có từ trước đến nay. Tôi về lại Đức, bỏ lại khung nắng ấm ở Houston trong ngày vừa đến, bỏ lại không khí lạnh khi thời tiết Houston bắt ngờ chuyển đổi, bỏ lại dáng e ấp của chị trong lần đầu gặp tôi, bỏ lại giọng nói tự nhiên cởi mở và nụ cười rạng rỡ yêu đời của anh trong mỗi lần nói chuyện, bỏ lại những câu nói tình tử của hai vợ chồng, bỏ lại những con đường, cả những khu phố ở Houston..., bỏ lại tất cả, và chỉ còn mang theo những âm bản bằng những kỷ niệm từ một lần gặp gỡ. Như thế xem ra tôi thấy đã quá đủ để ngồi viết lại những hàng chữ này cho anh chị, như cho mỗi người bạn mà tôi đã gặp. Chúc anh chị bình yên vui vẻ. Và khi có dịp đến Đức thì báo cho

tôi biết để tôi đón tiếp anh chị, như anh chị đã đón tiếp tôi trong những ngày tôi ở Houston.

Trong mùa xuân năm này, vào một ngày cuối tuần, sau một đêm dự lễ sinh nhật của anh Tín tại tư gia anh -anh Tín là em anh Nguyễn anh Tuấn, người bạn cùng trong Văn Bút Âu Châu và cùng với tôi đi Mỹ trong chuyến này-, nơi đây có cả anh Kiệt, cũng là người em của anh Tuấn cùng những người trong gia đình và bạn bè của các anh tôi đã ngủ lại nhà anh Tín, sáng ra, trời vừa tờ mờ đã đánh thức anh dậy để nhờ chở ra phi trường ở Houston mà đi Cali. Khi anh Tín ra về để chuẩn bị đi làm, còn lại một mình lo mọi thủ tục ở phi trường tôi thấy mình có cái cảm giác cổ đôn: một con én trong mùa xuân ở Mỹ. Nước Mỹ rộng lớn quá, lại lạ lẫm với một người vừa mới đặt chân đến như tôi. Dù đã có vài người bạn học ngày xưa, qua liên lạc trước hứa sẽ đón tiếp tại Nam và Bắc Cali vẫn không làm tôi mất đi cái cảm giác lằng lằng lo lằng. Phi cơ đang trên đường bay đến phi trường Austin. Ở đó tôi sẽ phải đổi chuyến bay khác để đi Los Angeles. Tiếng Mỹ sau mười lăm năm ở nước Đức đã bị quên đi rất nhiều, nên cứ khi có sự chuyển đổi để phải tiếp xúc với nhân viên Mỹ là lòng lại thấy hơi lo. Có một cô Mỹ ở phi trường chỉ muốn hỏi tôi có phải ông từ Stuttgart đến không, vậy mà cái chữ Stuttgart cô phải nói đến lần thứ ba tôi mới nghe được. Người Mỹ nói Sở tút gát, còn người Đức hay nói theo âm Sở tút gát, vậy nên mình nghe không làm sao được. Chỉ có một chút vậy còn trật hướng hủ chi lỏ có những việc quan trọng khác xảy ra, cần giải thích thì lui, nhiều hơn thì làm sao mình "đáp ứng được yêu cầu". Như cái vụ trước đó một tuần, khi vừa mới đến Mỹ, may là có anh Tuấn đã đi Mỹ nhiều lần và nói tiếng Mỹ tương đối là hơn tôi, vậy mà khi qua khu quan thuế, gặp mấy thằng Mỹ chất vấn nào có rượu trong vali không, nào có thuốc lá không, đến đâu, thân nhân tên gì, ở đâu, quan hệ... Cũng chỉ là những câu hỏi đơn giản, nhưng kết cuộc hai anh em vẫn là người ra sau chốt của chuyến bay hôm đó, thì dù biết vốn liếng tiếng Mỹ và tài "lạnh lẹ" của hai anh em hay như thế nào rồi! Cháu Hiền, cô con gái anh Tuấn ra đón ở phi trường vừa gặp đã nói sao ba và chú ra chậm quá vậy, con chờ lâu quá trời, thấy người ta ra hết tưởng là ba và chú không qua. Anh Tuấn đổ hết tội lỗi lên đầu thằng Mỹ ở của Quan thuế: Cái thằng Mỹ gi mà khó quá, nó hỏi tùm lum. Còn tôi thì tự cười và nói một mình: Chắc nếu chỉ có một mình tôi đi thì còn lâu hơn, vì tôi có nghe được nó nói gì đâu, nếu lỏ nói hỏi giỡn rằng ông có đem theo chất nổ vào trong nước Mỹ không, mà mình nghe giỏi quá rồi lạnh lẹ trả lời "yes" thì chắc là khó mà lỏ ra khỏi cửa của Hải quan.

Lúc sắp đáp xuống phi trường Austin thì dưới cánh phi cơ sương mù giăng đầy. Mỏi ở trên bầu trời Houston còn trong sáng quang đãng, giờ đây lại là "nơi chốn mù sương". Đành rằng ở Âu Châu không phải là cứ mỗi năm không nhìn được cảnh sương mù, nhưng vừa mới thấy bầu trời trong xanh đó, giờ đã phải đối chọi với khuôn mặt xám xịt không vui của không gian bên trên thành phố Austin, mình vẫn có những nỗi buồn tự nó thành thưng đi vào lòng. Mỏi nhận thấy những hoán vị, những thay đổi của cuộc đời, của trần thế là những hoán vị, những thay đổi rất hết sức tự nhiên, nhưng còn con người thì rất khó mà thích nghi để lòng an nhiên tự tại. Vì lẽ đó mà lòng tôi vẫn man mác lo âu, dù vẫn mái nhà bên dưới, vẫn con đường xe chạy, vẫn con người, tôi lui đã hiện càng ngày càng rõ ràng dưới cánh phi cơ, như bao giờ cũng thế.

Khi lấy vé chuyến phi cơ để đi Los Angeles, tôi gặp được một người Đức đã ở năm năm trên nước Mỹ. Ông đã quên rất nhiều tiếng Đức, dù chỉ mới năm năm. Tôi nghĩ có lẽ ông lấy vợ Mỹ và nói toàn tiếng Mỹ không nên mới quên tiếng Đức lạ như vậy. Chẳng trách gì tại tôi mười mấy năm không dùng đến tiếng Anh, bây giờ trên đất Mỹ không quở quạng sao được. Nhưng gặp được một người Đức trên xứ Mỹ thì cũng vui. Chúng tôi trò chuyện suốt nửa giờ chờ đợi ở phi trường. Nhưng rồi chúng tôi phải chia tay để mỗi người còn lên những chuyến bay cho hành trình đã vạch sẵn của mình.

Ngồi trên phi cơ nhìn xuống vùng biên giới của hai tiểu bang Texas và New Mexico không khác gì những hình ảnh đã nhìn được từ trong những phim cao bồi trước đây, nhưng vì cảnh bên dưới là cảnh thật chứ không còn là ảnh trên truyền hình, trên màn ảnh xiê, nên người xem mới cảm xúc được trọn vẹn cái rộng lớn, hoang vu, và màu sắc của vùng đất có nhiều huyền thoại trong những ngày tiến về miền Tây, để tiếp tục khai phá những vùng đất mới của những người Mỹ đầu tiên trong thời lập quốc. Nghe nói Austin cũng là một thành phố mới. Và ở Houston thì cứ mỗi năm thành phố cứ rộng lớn dần với dân

cứ với nhà của mở mang thêm, thì ít hẳn ngày xưa những người Mỹ đầu tiên của nước Mỹ cũ đi, cứ khám phá ra những vùng đất mới, cứ vượt qua những trở ngại của thiên nhiên -nóng thiêu đốt ở vùng Texas-New Mexico-, cứ chinh phục những trở ngại từ những con người khác -người da đỏ-, thì ý nghĩa của sự mở mang bờ cõi không còn là những ý niệm mơ hồ nữa khi đọc về lịch sử của Mỹ quốc. Vùng Texas-New Mexico quả là vùng thiên nhiên thật kỳ bí dưới mắt người viết khi nhìn từ phi cơ xuống. Một màu xám đen "buồn thảm", màu của vùng đất mà, cũng theo phim cao bồi, đã xảy ra biết bao nhiêu cuộc đẫm máu tưởng tàn giữa hai người anh em cùng mẹ khác cha của nước Mỹ -Mỹ da trắng cao bồi và người da đỏ.Có những đồi núi mang màu sắc đen sậm, có những ngọn núi không cao, có những dải núi chạy dài, có những đồi núi trọc, tất cả có thể là những núi trù hùng của những anh hùng chuyên xử dụng súng và tên từ hơn trăm năm về trước. Máu có đổ xuống nhiều không, hay là mưa, mà những đồi núi đã có những con đường mòn nhỏ màu trắng ngà chạy dài từ đỉnh núi xuống đến đất liền. Những con đường nhỏ ngoằn ngoèo như những con rắn miền sa mạc, giống như những con rắn lục màu xanh -màu của một dòng sông khi từ trên phi cơ nhìn xuống ở những vùng gần Houston- mà mấy ngày trước tôi đã thấy. Những con rắn lục dài vỏ tận, thân hình có chỗ to chỗ nhỏ đã chuyên chở những chiếc tàu, chiếc thuyền nhỏ li ti đi trên nó. Còn đây, trên vùng đồi núi sa mạc hoang vu thì hình ảnh những con đường mòn do nước mưa bào mòn lại như những con rắn có màu trắng nhỏ nhắn, ốm yếu, đói ăn. Có những nơi hình ảnh như những lâu đài nho nhỏ, sừng sững, đen sì đứng dang mình dưới mặt trời nung nóng. Có những nơi lại trùng điệp những đồi và đồi, nổi đầy những đường vân, đường sóng, gần gờc trở trở. Phi cơ bay thấp quá, có lẽ người phi công muốn cho du khách được xem kỹ càng vùng đất đang trải ra bên dưới, mà dưới mắt ông ta là một quang cảnh rất đáng xem?

Bỏ cảnh nắng thiêu đốt, phi cơ giờ đang bay lượn trên những cánh đồng xanh in tuồng như những bàn cờ với những ô vuông to lớn mang một màu xanh lá cây láng lẩy. Những ô vuông mà khi vừa nhìn qua tôi không thể nghĩ ra đó là những đồng ruộng, những đồng bằng với lúa mì lúa mạch của những người nông dân Mỹ. Rất tự nhiên tôi chỉ nghĩ đó là những tấm lụa màu xanh khổng lồ được phới ra trên nền đất. Nhìn kỹ, và suy nghĩ một chút mới nghĩ ra được chẳng qua đó là những cánh đồng cỏ, đồng ruộng mà thôi. Cảnh đẹp với màu xanh lá lúa đã làm đầu óc tôi vui tươi tỉnh táo đôi chút, khi nghĩ đến sẽ tao ngộ trong chốc lát đây, trong vài ngày tới với vài người bạn mà đã lâu không gặp lại, và những người thuê còn cấp sách đến trường của mười tám, hai mươi năm về trước. Bây giờ thì ai cũng đã già, tóc đã có sợi bạc, còn tình cảm thì chắc không còn trẻ trung sôi nổi như những ngày vừa bước vào đời. Nhưng đã hẹn thì phải đi để gặp tận mặt để hàn huyên tâm sự, để thấy giờ ai đã già hơn ai và ai buồn vui hơn ai.

Khi phi cơ bay vào vùng Los Angeles thì trời đang mưa. Bầu trời xem ảm đạm và có màu chì. Vùng trời của những vì sao điện ảnh, của những màn bạc nổi tiếng mà đang ảm đạm dưới mưa khi tôi vừa đến thì chắc chắn là tôi không vui chút nào. Đáng lẽ nắng phải trong sáng, trời phải quang đãng trên các vi-la của các vị tài tử như Charles Bronson, Liz Taylor, Kiều Chinh v.v... chứ. Và cả vi la của anh chuyên làm show người Đức Thomas Gottschalk chắc cũng đang ứ rũ dưới cơn mưa, trong khi giờ này anh đang ở đâu: Một show cho Wetten daß, hay một show cho riêng tên anh trên truyền hình của Đức? Mưa làm mình buồn, đến nỗi phi cơ đáp rồi mà tôi vẫn chẳng thấy hân hoan chút nào, trong những giờ phút vừa đặt chân lên vùng đất danh tiếng nhất thế giới. Sẽ gặp lại ngay một người thân từ ngày còn ở quê nhà khi vừa ra khỏi phi trường vẫn không làm bước chân tôi bay bổng lên được. Tôi tiếc, phải chi tôi vừa đến Los mà trời đừng mưa thì hay biết mấy.

Và tôi cũng đã gặp được người bạn cũ ở đây trong vui vẻ -bấy giờ thì đường phố Los-Angeles lại khô ráo, trời lại quang đãng mát mẻ-, ở với anh được một buổi chiều và một đêm sau mười sáu năm mới tao ngộ, tôi đã lên đường để tiếp tục đi thăm những người bạn khác. Lại vẫn một mình một ngựa trên xe hơi, trên phi cơ đi tiếp trên vùng trời Cali.



CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, viện chủ Chùa Thiện Hòa Mönchengladbach,
- Đại Đức Thích Tử Trí, trụ trì Tịnh Thất Pháp Hoa, Detmold,
- Ni sư Thích Nữ Diệu Hạnh, trụ trì Chùa Phật Bảo, Barntrup,
- GDPT Chùa Phật Bảo, Barntrup,
- Chi Hội Phật Tử tại München,
- Các Hội đoàn, các Đoàn thể, các thân bằng quyến thuộc, các bằng hữu cũng như các Đạo Hữu xa gần đã dành thì giờ quý báu, đến hộ niệm, cầu nguyện, điện thoại phân ưu, phúng điếu và đưa linh cữu của Chồng, Cha, Ông Nội và Ông Ngoại chúng tôi:

Ô QUỐC, Pháp danh Thạch Nương

tử trần ngày 14.5.1996 tại Erding, hưởng thọ 76 tuổi. đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ sót, kính mong Chủ Tôn Đức, cùng quý vị niệm tình tha thứ cho.

Tang gia đồng bái tạ:

- Vợ : Lý Cô Nương
- Con: Ô Tường cùng vợ: Ô Thực Bằng
- Con: Ô Hòa cùng vợ: Ô Liên Muối
- Con : Ô Tâm cùng vợ: Ô Thị Kim Ngân
- Con: Ô Tô Nữ cùng chồng: La Hoài Ngọc
- Cháu Nội: Ô Đức An, Ô Yến Bình, Ô Yến My
- Cháu Ngoại: La Tuấn Huy, La Tuấn Hùng, La Phụng Phụng, La Phụng Tiên.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, bạn hữu gần xa được rõ, Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi:

ÔNG LÊ VĂN TƯỜNG

thất lạc tại Lyon (Pháp quốc) lúc 14 giờ ngày 06.5.1996. Hưởng thọ 76 tuổi

Tang lễ tổ chức vào lúc 10 giờ 30 sáng ngày 11.5.1996 theo nghi thức Phật Giáo, tại Nghĩa trang Phật Giáo tại Lyon (Bron) (Pháp).

Chúng con thành kính cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt, Viện chủ Chùa Thiện Minh, Lyon (Pháp).
- Quý Chú Tăng, quý vị Cao niên, quý vị trong Ban Hộ Niệm chùa Thiện Minh, Lyon (Pháp quốc),
- Đồng thời chúng tôi cũng chân thành tri ân: cùng tất cả quý Cô Bác, quý anh chị đã thăm viếng, điện thoại chia buồn, phúng điếu, cùng đến cầu nguyện và tiễn đưa Chồng, Cha và Ông của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.
- Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ sót, kính xin quý vị lượng tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái:

- Vợ: Bà Ngô Thị Khéo (Lyon, Pháp),
- Trưởng Nam: Lê Văn Sun, vợ và các con (M'Gladbach, Đức),
- Con Trai: Lê Văn Long, vợ và các con (M'Gladbach, Đức),
- Trưởng Nữ: Lê Thị Bích Nga, chồng và các con (Rillieu La Pape, Pháp),
- Con Trai: Lê Văn Dậu, vợ và các con (Lyon, Pháp),
- Con Trai: Lê Văn Hồng, vợ và các con (M'Gladbach, Đức),
- Con Gái: Lê Thị Ngọc Lan, chồng và các con (Lyon, Pháp),
- Con Gái: Lê Thị Ngọc Quế, chồng và các con (Lyon, Pháp),
- Con Trai: Lê Văn Dũng (Grenoble, Pháp),
- Con Trai út: Lê Văn Thành (Lyon, Pháp),
- Con Gái út: Lê Thị Ngọc Huyền (Lyon, Pháp).

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin cùng quý Thông gia, thân bằng quyến thuộc và các bạn hữu xa gần: Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Cố Nội, Cố Ngoại của chúng tôi là:

BÀ QUẢ PHỤ NGUYỄN VĂN LIẾN Nhũ danh Hà thị Kiêm

Sinh năm 1909. Từ trần lúc 18 giờ 30 ngày 18.5.1996 (Mồng Hai tháng Tư năm Bính Tý) tại tư gia Vũng Tàu, Việt Nam. Thượng thọ 87 tuổi.

Lễ chịu tang cử hành tại Münster (Germany) và tại TX-NY (USA) ngày 20.5.1996.

Lễ an táng cử hành tại Vũng Tàu, Việt Nam, ngày 22.5.1996 (Mồng Sáu tháng Tư Âm lịch) theo nghi thức Phật Giáo. Lễ cầu siêu tại Chùa Tịnh Độ & Tịnh Xá Ngọc Bích, Vũng Tàu, Việt Nam.

Gia đình chúng tôi thành kính tri ân quý Thông gia, bà con nội ngoại, bạn bè thân hữu, đã đến chia buồn, điện thoại, viết thư, phân ưu, hoặc tiễn đưa linh cữu của Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ suất kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ:

- Nguyễn Ngọc Anh, Chồng, các con và cháu (VN)
- Nguyễn Ngọc Nhung, Vợ, các con và cháu (VN)
- Nguyễn Phấn Chấn, Vợ, các con và cháu (Germany)
- Nguyễn Duy Mỹ, Vợ và các con (TX-USA)
- Nguyễn Ngọc Nga, Chồng, các con và cháu (VN)
- Nguyễn Thị Liên, Chồng và các con (NY-USA)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng quý Thông gia, thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần: Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi là:

BÀ QUẢ PHỤ NGUYỄN VĂN SÁU Nhũ danh Nguyễn Thị Sáu

Sinh năm 1934. Từ trần hồi 8 giờ 30 ngày 26 tháng 3 năm 1996 (tức mồng Tám tháng Hai năm Bính Tý) tại Sài Gòn. Hưởng thọ 64 tuổi.

Lễ chịu tang cử hành tại Đức ngày 26 tháng 3 năm 1996.

Lễ an táng cử hành tại Xã Long Trí, Huyện Châu Thành, Tỉnh Long An ngày 27 tháng 3 năm 1996.

Chúng tôi thành kính tri ân:

- Ông Trần Xuân Hiền, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Reutlingen và VPC,
- Ông Nguyễn Văn Tộ, Đại diện Hội Người Việt Tỵ Nạn tại Reutlingen,
- Ông Nguyễn Việt Hùng, Đại diện VNQDD,
- Cùng quý Thông gia, bà con Nội Ngoại, quý anh chị bạn bè thân hữu đã đến chia buồn, điện thoại thăm hỏi, viết thư phân ưu, hoặc phúng điếu hay đến cầu nguyện và tiễn đưa linh cữu của Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ suất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ:

- Thủ Nam: Nguyễn Thành Tâm, Vợ và các con (VN)
- Thủ Nam: Nguyễn Thành Phúc, Vợ và các con (VN)
- Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Thiệu và các con (VN)
- Thủ Nữ: Nguyễn Thị Chung, Chồng và các con (Đức)
- Thủ Nữ: Nguyễn Thị Thủy, Chồng và các con (VN)
- Thủ Nữ: Nguyễn Thị Loan, Chồng và các con (VN)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Trong nỗi đau buồn chúng tôi trân trọng báo tin cùng thân bằng quyến thuộc gần xa: Mẹ, Bà và Bà Cố chúng tôi là:

CỤ QUẢ PHỤ ĐÀO THIÊN THUY Nhũ danh Lê Thị Lụa - Pháp danh Lương Ngọc

đã tạ thế ngày 08.5.1996, nhằm ngày 21 tháng Ba năm Bính Tý tại München. Thượng thọ 84 tuổi.

Tang lễ đã cử hành theo nghi thức Phật Giáo lúc 11 giờ ngày Thứ Ba 14.5.1996 tại Waldfriedhof München (Munich), Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Toàn thể tang gia xin thành kính tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ Viên-Giác-Tự, Hannover, đã về chủ tọa nghi lễ theo truyền thống Phật Giáo.

Đồng thời chúng tôi xin thành tâm thăm tạ:

- Quý Hội đoàn trong Cộng đồng Việt Nam tại München và tại Cộng Hòa Liên Bang Đức,

- Quý Hội đoàn trong tập thể người Việt tại California và tại Hoa Kỳ,

- Hội Cao niên München và quý vị hội viên,

- Hội Phật Tử Việt Nam tại München và VPC và quý Đạo Hữu,

- Ban Hộ Niệm Phật Đường Tâm Giác, München,

- Quý Cụ, Ông, Bà, Cô, Bác, Anh, Chị, Em và các thân hữu gần xa đã chia buồn, cầu nguyện, phúng điếu cũng như đã dành thời giờ quý báu tiễn đưa linh cữu Mẹ, Bà và Bà Cố chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi những điều sơ sót, kính mong Quý Vị niệm tình tha thứ.

Tang gia khắp báo và đồng bái tạ:

- Trưởng Nam: Đào Thiên Thuận, Vợ Phạm Thị Lang, các con và các cháu (VN, Hoa Kỳ),

- Con Rể: Ngô Văn Hòa, Chồng của Trưởng Nữ Đào Thị Bạch Khuê (đã quá cố), các con và các cháu (Cộng Hòa Liên Bang Đức),

- Thủ Nam: Đào Thiên Tuyền, vợ Nguyễn Thị Mai và các con (Hoa Kỳ),

- Thủ Nữ: Đào Thị Hồng Quyên, chồng Tạ Văn Dũng (Cộng Hòa Liên Bang Đức),

- Thủ Nữ: Đào Thị Ngọc Diệp, chồng Nguyễn Khắc Tiến Tùng và các con (Cộng Hòa Liên Bang Đức),

- Dưởng Nữ: Đào Thị Thanh Thêm và các con (Hoa Kỳ).

PHÂN ƯU

Được tin:

Thân Phụ của Anh Nguyễn Văn Quang, Thư ký HNVNCS tại Bremen là:

CỤ LAURENTO NGUYỄN VĂN RÀN

đã được Chúa gọi về ngày 23.4.1996, hưởng thọ 71 tuổi và được an táng tại nghĩa trang Hố Nai.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Văn Quang cùng các cháu Hùng, Thuồng, Sướng, Minh và toàn thể tang quyến, và xin cầu nguyện hướng hồn Cụ Laurenso sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

- HNVNCS tại Bremen

- CHPTVNTN tại Bremen

PHÂN ƯU

Được tin:

Thân Phụ của Giáo sư Lê Hòa tức nhà văn Huyền Thanh Lữ:

BÁC LÊ HỮU Bí danh Chánh Đạm

đã mệnh chung ngày 25.02.1996 tại Sài Gòn - Việt Nam. Thượng thọ 83 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn với Giáo sư Lê Hòa cùng tang quyến và cầu nguyện hướng hồn Bác sớm tiêu điều Miền Cực Lạc.

- Ông Bà Vũ Kỳ



TIN THẾ GIỚI

• Vấn Đề Nhân Quyền

Nếu họ còn nuôi một vài ảo tưởng nào, các nạn nhân của những sự tra tấn dưới các chế độ độc đoán trên thế giới thứ ba nói chung, tại Á Đông nói riêng, đừng nên đeo đuổi hy



Lý Bằng

vọng làm gì nữa. Tây phương gần như từ chối bảo vệ một trong những nguyên tắc thành lập chế độ tự do, nguyên tắc phổ quát về nhân quyền. Điều này thể hiện dưới áp lực của một vài cường quốc, đặc biệt là Trung Quốc mà nước Pháp niềm nở đón rước vị đại diện khinh thường nhân quyền



Lý Bằng tại Paris

tiêu biểu, Thủ Tướng Lý Bằng vào ngày 9.4 vừa qua. Như để phỗng tay trên, Lý Bằng tuyên bố trên đài truyền hình (8.4): "Trên thế

giới, các nước khác nhau đều có những quan niệm khác nhau về nhân quyền". Đây là một cách giải thích của một chế độ độc tài Á Châu: "Những khác biệt về văn hóa cho phép có một lập trường khác biệt", thật sự là một sự phủ nhận không hơn không kém.

Ấu Châu không làm gì hơn là chấp nhận lối nguy hiểm trên, do đó trong cuộc họp thượng đỉnh Âu Á tại Vịnh Các, Thái Lan, (3.96), Ấu Châu chỉ đề cập đến vấn đề một cách hết sức kín đáo. Mỹ cũng theo đường lối này, từ bỏ chủ trương hợp tình hợp lý gắn liền nhân quyền với trao đổi kinh tế, đặc biệt ở Trung Quốc, Việt Nam. Khẩu hiệu mới là "buôn bán trước đã".

Những nhà lý tưởng nhất nhận định rằng cõi mờ vi tiền của sẽ dẫn đến cõi mờ tử tưởng. Những nhà thực nghiệm xác nhận rằng "những lời kết án công khai cũng không cải thiện điều gì, quyền lợi quốc gia trên hết". Những đầu óc con buôn đoán chắc rằng "mất một thị trường vì bảo vệ nhân quyền dù sao cũng chỉ làm lợi cho kẻ khác".

Thế nhưng phạm một lỗi lầm tai hại nhất là



Quân đội Nam Hàn

thuận theo lối lý luận trên, chấp nhận tính chất đặc thù, rõ ràng hơn là chấp nhận chủ đề khác biệt: "quan niệm của chúng ta về nhân quyền không ngăn cấm chúng ta thừa nhận rằng những giá trị tiêu chuẩn có thể thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau". Nói như thế là mặc nhiên để cho các chế độ độc tài tùy tiện muốn làm gì thì làm nói chung, chà đạp nhân quyền nói riêng.

Khó mà ủng hộ lối lập luận nước đôi này trên lãnh vực dân chủ, hướng chỉ trong phạm vi nhân quyền. Dân chủ không thể có nhiều

diện mạo khác nhau cũng như dân quyền là một chân lý tuyệt đối, có giá trị duy nhất.

Trong cả hai vấn đề, không có định luật tương đối. Tra tấn là tra tấn, không thể dung thứ được. Dù có được sơn phết thế nào đi chăng nữa, dòng suy diễn Tây phương về nhân quyền chung quy chỉ biểu lộ một sự thụt lùi về mặt tư tưởng, chân lý, chính trị.

• Bắc Hàn: Một đố võ được báo trước

Sau khi Nhật đầu hàng, Hiệp ước Potsdam (8.45) chia đôi bán đảo Triều Tiên ngang vĩ tuyến 38. Mỹ - Trung Quốc đã trực tiếp can thiệp vào chiến tranh sau khi Bắc Hàn tấn công Nam Hàn ngày 25.6.1950. Sau hơn 3 năm giao chiến với hơn một triệu người chết. Bắc-Nam Hàn trở lại khởi điểm. Hiệp Ước ngưng bắn quy định thành lập một vùng phi quân sự mà trong 5 năm gần đây, Bình Nhưỡng vi phạm cả thảy 30.098 lần với hậu quả là 1.278 quân Liên Hiệp Quốc, trong số có 89 quân Mỹ chết.

Bán đảo Triều Tiên, dấu vết của chiến tranh lạnh là một lò thuốc súng. Không những cả hai miền Nam Bắc vũ trang tối đa, mà còn có 37.000 quân Mỹ đồn trú đóng tại phía Nam. Dĩ nhiên hiệp ước ngưng bắn không phải là hiệp ước hòa bình và trên lý thuyết, hai đối thủ vẫn ở trong tình trạng chiến tranh. Mang quân vi phạm khu phi quân sự liên tiếp 3 lần (5, 6 và 7.4.96) Bắc Hàn muốn gì? Chiến tranh chăng? Chắc chắn là không phải như vậy. Đối với Nam Hàn, chiến tranh là điều bi thảm, càng bi thảm hơn đối với Bắc Hàn. Dự đoán cho rằng Bắc Hàn phát động chiến tranh để đánh lạc hướng dư luận quần chúng. Vi khó khăn nội bộ hiển nhiên là vô

cần cứ: dân Bắc Hàn sống cô lập, bị nhồi sọ tối đa trong tư tưởng bị bao vây liên tục và trong tinh thần quốc gia cực đoan cuồng tín. Là chế độ cuối cùng kiểu mẫu Staline, là nạn nhân cơn bão lụt mùa hè 95, đang lâm vào cảnh khánh tận kinh tế, Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên chỉ còn có con đường duy nhất là đe dọa, xong ngựa tay xin tiền. Nhờ con ngáo ộp nguyên tử, Bắc Hàn nhận được về phía Mỹ,

Nam Hàn một bầu dưỡng khí tối cần thiết, nhất là được nói chuyện trực tiếp với Mỹ. Lần này Bắc Hàn cũng mong muốn như thế bằng cách nâng sự căng thẳng lên một bậc cao hơn.

Quan hệ Mỹ-Trung Quốc đang bước sang giai đoạn tế nhị, tung ra chiến tranh cân não thật là đúng lúc. Những chới với lửa có ngày thiệt thân, chính là vì khiêu khích là kéo dài chiến tranh lạnh bằng những phương tiện khác, những phương tiện cuối cùng.

- **Do Thái - Liban - Tchetchenie: Thị Trường Xác Chết**

Chiến tranh bỏ túi giữa Do Thái và Tổ chức Hồi Giáo cực đoan Hezbollah kéo dài từ ngày 10.4 đến ngày 26.4 mà điểm bi thảm nhất là vụ thảm sát 120 người dân Liban tỵ nạn tại một căn cứ Liên Hiệp Quốc ở Cana. Điều này không khơi gợi lên một bản khoăn: có chiến tranh nào chính đáng?

Chắc chắn là nhóm Hồi Giáo bảo thủ trà trộn giữa khối dân chạy loạn để tránh thoát những cuộc oanh kích. Rõ ràng là từ nhiều tháng qua, những kẻ khủng bố liên tục khiêu



Cana

khích Do Thái nhằm nêu cao sự nghiệp của họ, sự nghiệp tận diệt Do Thái, đập đổ hòa bình. Họ đã thành công lôi cuốn Do Thái vào vòng trà dũa, đặt Do Thái trong vị thế bị can ở Cana. Simon Peres rất có lý khi ông cho rằng sự tái ứng cử của ông rất cần thiết cho tiến trình hòa bình ở Cận Đông. Xét dưới khía cạnh này, cuộc tấn công Liban được xem như chiến tranh phục vụ hòa bình. Những chiến tranh lúc nào cũng là một tai họa ghê gớm. Dùng xác chết để phục vụ hòa bình, không phải là điều mới lạ và luôn luôn khi sự việc quá đà nên người ta phải chấm dứt. Trước đó là quá sớm, có thể gây chướng tai, có thể làm khó chịu khi bảo rằng xác chết kẻ khác là món hàng hạ giá sinh lợi. Nhưng còn những Cana khác khắp đó đây, như ở Tchetchenie có giá trị gì? Ở đây chiến thuật ứng ý nhất của Hồng quân là dội bom phủ đầu khối dân đen, hằng ngày bắn phá các đoàn dân tỵ nạn, các xe cứu thương, phá hủy các làng mạc. Đâu thấy ai vận động để những Cana này chấm dứt. Không có thông cáo chung, không có hoạt động ngoại giao "con thoi", không có đề nghị làm trung gian. Tất nhiên người ta nói đây là nội bộ Nga. Có điều không thể phủ nhận là không thể phân biệt xác chết Cana với xác chết Tchetchenie. Xác chết Grozny càng đại hạ giá nhưng không ai thêm mua.

- **Việt Nam: Tranh Chấp Thượng Đỉnh**

Từ ngày Trần Xuân Bách quảng một hòn đá giữa vùng lầy, công khai bày tỏ quan điểm "cải tổ kinh tế phải đi đôi với cải tổ chính trị", từ khi Võ Nguyên Giáp làm một cuộc đảo chánh nội bộ những không thành công (Đại Hội Đảng lần thứ VII - 1991), thể thức bằng vàng của Bộ Chính Trị là bề ngoài phải tỏ vẻ đoàn kết dù bên trong có tranh chấp thanh trừng. Nhưng mỗi gần đây, sau phiên họp Trung Ương Đảng Bộ (12 đến 20.4.96), Bộ Chính Trị ra quyết nghị (26.4) quản thúc tại gia, khai trừ khỏi đảng Phó Chủ Quốc Hội Nhà nước Nguyễn Hà Phan vì tội trạng: "Phạm nhiều lần lần nghiêm trọng". Biện pháp trừng phạt quá đặc biệt này không khơi để lộ ra vấn đề tranh chấp gay go về mặt phương hướng, đường lối phải theo, nhất là về mặt kiểm soát mọi hoạt động trên tầm mức quốc gia.

Khác với trường hợp Trần Xuân Bách (mất ghế trong Bộ Chính Trị nhưng còn giữ thẻ đảng), trường hợp Nguyễn Hà Phan rất u đặc biệt, từng là thư ký riêng của Lê Duẩn, Phan có bộ mặt bảo thủ, chính thống. Thế mà lúc gần đây, đảng tỏ vẻ cường quyết tăng cường kiểm soát tất cả sinh hoạt trên mọi lãnh vực, như đốt "sản phẩm văn hóa đòi truy ngoại quốc", nghiên cứu phương cách kiểm soát hệ thống xa lộ tin học INTERNET, đặt tổ đảng trong các xí nghiệp hỗn hợp Joint-Venture, đàn áp Phật Giáo, lùng bắt đối lập v.v... Điều này chứng tỏ cảnh bảo thủ cực đoan đang nắm giữ ưu thế. Mặt khác quyết định cách chức Phan cho thấy các phe nhóm chưa đồng ý về một thỏa hiệp chia chác ghế ngồi trong Bộ Chính Trị. Vào tuần trước, "người ta" nêu lên vấn đề duy trì bộ Tam Đầu Chế nắm quyền từ năm 1991 (Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt) cho đến hội nghị toàn quốc Đảng Cộng Sản vào năm 1998. Việc thanh trừng một Ủy viên Bộ Chính Trị cho phép đặt ra nhiều giả thuyết, ví dụ như nội bộ đảng đang hồi rạn nứt trầm trọng, ví dụ như Đại Hội Đảng lần thứ VIII dự trữ vào cuối tháng 6.96 có thể sẽ được dời lại cho đến khi nhóm thống trị hạ xong độc thủ. Từ đây đến đó, sẽ có nhiều cái đầu rơi tiếp.

- **Mỹ - Nhật - Nga - Trung Quốc: Hậu Quả Của Một Bức Tường Sụp Đổ**

Từ lúc bức tường Bá Linh sụp đổ, đế quốc Số Viết tự hủy hoại, bộ mặt thế giới không có những nét điểm nào giống bộ mặt thế giới thời hai khối Tự Do - Cộng Sản phân tranh. Một giai đoạn lịch sử đã qua, nhưng khó mà đoán được khung kiến trúc mới của sự bang giao quốc tế. Nhưng vừa rồi mỗi gần đây, hai sự kiện quan trọng được mọi người chú tâm theo dõi: Mỹ-Nhật ký "hiệp ước liên minh cho thế kỷ 21" (17.4), Nga-Hoa ký hiệp ước hỗ trợ quân sự, kinh tế (25.4).

Hiệp ước Mỹ-Nhật bản I, 1951, được tu chính năm 1960 là một hiệp ước phân chia những lo lắng trong giai đoạn chiến tranh lạnh, với mục tiêu xem Nhật là cột trụ chiến lược áng ngữ trên đường tấn công của khối cộng sản. Những chiến tranh lạnh đã chấm

dứt. Rút tia bài học Nga không còn là mối đe dọa Á Châu nữa, nền ngoại giao Mỹ liền thích ứng với những ưu tiên thương mại do Tổng Thống Clinton đề ra từ năm 1992. Bắt đầu từ đây Mỹ có thể quen cần nhắc liên hệ với các cường quốc Á Châu qua khía cạnh đua tranh kinh tế. Như thế Hoa Thịnh Đốn lao vào vòng tranh chấp thương mại với Nhật, bất chấp những rắc rối ngoại giao, làm cho dân Nhật oán hận Mỹ, thúc đẩy dân Mỹ nghi kỵ Nhật.

Tuy nhiên hai yếu tố quan trọng buộc Mỹ phải xét lại quan điểm. Yếu tố thứ nhất là Trung Quốc bắt đầu gây rối từ mùa thu năm 1995, và gần đây Bắc Hàn 3 lần xâm nhập vùng phi quân sự, gây chiến tranh cân não. Yếu tố thứ hai là Mỹ đã mất một đầu cầu cách đây 4 năm lúc Mỹ rời khỏi căn cứ Clark, Subic Bay, Phi Luật Tân, và dĩ nhiên Mỹ sẽ mất một bến đỗ bạn là Hồng Kông kể từ tháng 7.97. Như thế Mỹ đang ở trước một tình thế không thể chọn lựa con đường nào khác hơn là tăng cường mối giao hảo với Nhật để bảo vệ quyền lợi trọng yếu của Mỹ. Về phía Nhật, Nhật cũng đang duyệt lại quan điểm chiến lược. Đối với Nhật "vấn đề then chốt hiện tại không phải là cuộc tấn công (khó xảy ra) vào lãnh thổ Nhật, nhưng là những mối đe dọa xung quanh có thể làm rối loạn nền kinh tế Nhật".

Hiệp ước Mỹ-Nhật bản II, 17.4.96, dự kiến Nhật sẽ yểm trợ Mỹ trong các cuộc "thao diễn" binh lực hoặc trong các hoạt động bảo vệ hòa bình cũng như trong việc "giải quyết các khủng hoảng địa phương", trên phương diện tiếp vận, cung cấp thiết bị quân sự luôn cả những bộ phận thay thế vũ khí ngoại trừ đạn dược. Mục tiêu trước mắt là tạo nên "một khung hợp tác quân sự" chặt chẽ cho phép hai nước liên kết đối phó với "những tình huống đe dọa hòa bình và an ninh ngoài lãnh thổ Nhật".

Sự biến chuyển chiến lược xảy ra dưới hình thức xếp đặt lại liên minh nhằm nổi rộng địa bàn hoạt động đến toàn vùng Á Châu Thái Bình Dương là kết quả của một tình hình phức tạp đang diễn tiến. Thật như vậy, chiến tranh lạnh chấm dứt không ảnh hưởng chỉ mấy đến vùng Á Đông, liên minh Mỹ-Nhật - nền tảng chiến lược ở vùng này, nhờ đó mà các quốc gia địa phương nhất là khối ASEAN tìm thế đứng trước Nhật, Trung Quốc - bị chiến tranh thương mại che khuất. Nhưng chiến tranh thương mại vẫn có những giới hạn của nó, nhất là khởi dậy ở Nhật làn sóng chống đối Mỹ dữ dội. Vì thế Mỹ lo ngại Nhật xích lại gần Trung Quốc. Vụ 3 quân nhân Mỹ cưỡng hiếp một em bé Nhật 12 tuổi ở Okinawa (9.95) đã báo động Mỹ, giữa lúc Trung Quốc không cần che đậy tham vọng bành trướng. Hơn nữa sự biểu dương sức mạnh ở eo biển Đài Loan không cho phép Mỹ nhập hàng thêm nữa.

Để đối phó với Mỹ-Nhật, ngày 25.4 Nga-Hoa ký ít nhất 14 văn bản nhằm kiến tạo một sự "hợp tác chiến lược hỗ trợ dựa trên bình đẳng, tín cẩn". Qua ngày 26.4, Nga-Hoa ký kết tại Thượng Hải "hiệp ước an ninh quân sự" với 3 nước vùng Trung Á Châu Kazakhtan, Kirghizistan, Tadjikistan với mục

MỸ CHÂU

tiêu giải quyết êm đẹp những dị đồng biên giới Nga-Hoa. Thật sự Nga đang mưu toan đóng một chốt nôm chiến lược tại Trung Quốc, Bắc Kinh hy vọng tìm được nơi Nga một bàn đạp mới trên lãnh vực kỹ thuật. Cụ thể Nga sẽ xây cất tại Mãn Châu một nhà máy nguyên tử và cung cấp một ngày rất gần đây 72 phi cơ chiến đấu - đội bom Sukhoi 27 - Trong tương lai Bắc Kinh được giấy phép sản xuất tại chỗ loại phi cơ tối tân này. Ngoài ra Nga-Hoa cam kết khai thác tài nguyên, năng lượng và trao đổi thương mại.

Lần đầu tiên từ lúc Hoa-Mỹ hợp tác chống Liên Xô (1972) và sau tuần trăng mật ngắn ngủi giữa Boris Eltzine với khối Tây Phương, Nga-Hoa có mối bang giao thân thiết hơn mối bang giao riêng rẽ của mỗi bên với khối Tự Do. Tuy thông cáo chung không hướng về một nước nào, không nhắm vào ai, nhưng Trung Quốc hứa hẹn ủng hộ lập trường Nga chống NATO nổi rộng đến Đông Âu, Nga cam đoan ủng hộ Trung Quốc trên chính trường quốc tế.



Eltzine và Giang Trạch Dân

Hai sự kiện đối xứng đồng xảy ra trước sau một tuần không khỏi không khơi dậy ít nhiều căng thẳng. Mỹ-Nhật quyết định dứt khoát tăng cường liên minh quân sự chống lại "kẻ quấy rầy" tuy nặc danh nhưng ai cũng biết là Trung Quốc. Nga-Hoa phác họa kế hoạch chiến lược chĩa vào "kẻ phá rối", dù chưa được nhận dạng những ai cũng rõ là Chủ Sam.

Sau Âu Châu 5 năm, đến lượt Viễn Đông rút tay hậu quả do một bức tường sụp đổ lưu lại. Ngày nay Viễn Đông là nơi đang diễn ra một thế chiến lược mới do tác dụng sâu xa của hai tình huống! Cao trào đế quốc Trung Quốc mà Mỹ bắt buộc phải chặn đứng, thế giới đơn cực do Mỹ thống trị mà Trung Quốc cực lực bài bác.

Trước kia nhiều lần người ta tiên đoán bang giao Mỹ-Nhật đang lâm vào cảnh cớm không lành canh không ngọt. Giờ đây Đông Kinh - Hoa Thịnh Đốn đồng thanh xác nhận mối liên hệ tốt hơn bao giờ hết. Để đáp tan tham vọng Trung Quốc, Mỹ-Nhật vượt qua các mối nghi kỵ, đẩy lui chiến tranh kinh tế. Người ta cử tưởng vụ ly dị Bắc Kinh-Mạc Tú Khoa không thể nào hàn gắn được nữa. Thì đây mối bất hòa đang bị vùi lấp dưới những cái liếc nhìn ngoại giao. Để cân bằng bá quyền Mỹ, Mạc Tú Khoa-Bắc Kinh vạch ra những biện pháp "tăng cường tín cẩn lẫn

nhau" tiêu biểu nhất là thiết lập đường dây điện thoại "dò", nhốt kín tranh chấp biên giới.

Tuy nhiên, không nên đánh giá quá đáng tầm quan trọng của cuộc tán tỉnh Nga-Hoa. Cả hai đang lệ thuộc rất mực vào nền kỹ thuật Mỹ, chưa kể đến nguồn tài chánh, cả hai không đại gì tự ý phiêu lưu trực diện đối đầu với Mỹ. Nhất là không có điều gì bảo đảm chắc chắn rằng trong tương lai, cả hai không lờ phía Đông sẽ không choàng nhau đuổi chiều bài quốc gia cực đoan. Mối diễm tình Nga-Hoa hiện tại phát sinh từ một ý đồ chống Mỹ giai đoạn, nhưng nó vẫn vang lên như hồi báo động cho Hoa Thịnh Đốn giữa lúc mà tử đơn cực, thế giới đang bước sang giai đoạn đa cực. Có thể thông điệp Mỹ-Nhật đã gây niềm tin, mang lại hy vọng cho khối ASEAN, có thể thông điệp Nga-Hoa đang gợi lên nhiều thích thú cho Âu Châu. Dĩ nhiên với điều kiện là bài học lịch sử phải chấm dứt ở đây bởi chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung, bánh xe lịch sử đã nghiền nát cuộc đối đầu Đông Tây và lịch sử đang bước sang một ngõ rẽ mới dẫn đến con đường thênh thang thương mại.

• Phan Ngọc



• Ba Tây
-17.4. Nghi ngờ nông dân chiếm đất, 200 cảnh sát nổ súng giết chết 23 người thuộc 100 gia đình đang sống bình yên bên lề một sở ruộng đất bỏ hoang 700 Km vuông ở vùng Amazonie. Chế độ ruộng đất Ba Tây là một di sản của chế độ thuộc địa Tây Ban Nha. Được biết có một số phú nông nắm trong tay một số điền trang rộng hơn 4 triệu mẫu.

- 30.4. Lần đầu tiên một nhân viên cảnh sát lãnh án 30 năm tù vì tội giết 8, gây thương tích cho 6 trẻ bụi đời trong đêm 24 rạng ngày 25.7.93 tại Rio De Janerio. Ở các thành phố lớn, trẻ bụi đời thường sống lang thang bán bánh kẹo, đánh giày, cấp vật, ăn xin, dùng keo dán giày để thỏa mãn cơn nghiện ngập. Theo một tổ chức nhân đạo, từ 1993 đến nay có tất cả 6.000 kẻ bụi đời bị cảnh sát sát hại.

• Hoa Kỳ.
- 26.4. Cuộc bán đấu giá 1.298 tư vật của bà Jacqueline Kennedy-Onassis đạt 34,5 triệu Mỹ kim. Sau đây là một vài giá đặc biệt:
- Bộ máy làm ấm xi-gà: 574.000 MK
- Ngựa gỗ của cô con gái Caroline: 75.000 MK
- Bụi gỗ có trái thơm sồn rách để Caroline trườn người lên nhìn qua cửa sổ: 29.000 MK
- Túi gôn: 772.000 MK
- Bàn giấy nơi TT Kennedy ngồi ký Hiệp ước chống thí nghiệm bom



W. Colby

nguyên tử năm 1963: 1,43 triệu MK
- Chuối hạt trai già: 211.000 MK.
- 27.4. William Colby, 77 tuổi, cựu Giám đốc CIA (1973-1976) chết đuối trên sông Potomac lúc ông chèo thuyền, môn thể thao mà ông ưa thích nhất. Ông từng là Giám đốc trạm CIA Sài Gòn (1959), trở về Trung ương đặc trách tổ chức các hoạt động bí mật tại Đông Nam Á (1962). Sáu năm sau ông trở lại Sài Gòn điều khiển chương trình Phượng Hoàng mang lại kết quả: 17.717 Việt Cộng đầu thú, 20.587 chết.

- 16.5. Đô Đốc Jeremy Boorda, Tham Mưu Trưởng Hải Quân tự sát bằng súng lục

ngay tại văn phòng. Trong binh chủng Hải Quân, ông là người có nhiều huy chương nhất (16). Sở dĩ ông tự sát là vì báo Newsweek đang điều tra về vụ ông mang hai huy chương cao quý hải quân có dấu hiệu ông được tuyên dương ngoài mặt trận trong thời chiến tranh Việt Nam. Điều này không đúng sự thật. Ông để lại hai bức thư, một cho vợ trong đó ông giải thích tìm cái chết hơn mất danh dự.

- 21.5. Tổng trưởng Bộ Quốc Phòng William Perry cảnh cáo Nga, Ukraine dự định chuyển nhượng kỹ thuật hỏa tiễn liên lục địa SS18 cho Trung Quốc. Ông bảo đây là một lỗi lầm trầm trọng nhất.

- 22.5. Cảnh sát Liên bang FBI phá vỡ một vụ buôn lậu khí giới quan trọng tại San Francisco, tịch thu 2.000 khẩu súng AK-47 từ Trung Quốc đến, bắt giữ 7 người, lùng bắt 7 người khác đang đào tẩu. Số vũ khí trên trị giá 4 triệu Mỹ kim do hai công ty Norinco và Polytech Trung Quốc sản xuất, Giám đốc Polytech không ai khác hơn là con rể Đặng Tiểu Bình. Tổng Biện Lý Californie xác nhận nhóm buôn lậu lên lút mang vũ khí đến Mỹ, phân phối cho các nhóm băng đảng

TIN MỘT CỘT

Mafia; ông tuyên bố các giới chức có thẩm quyền sẽ điều tra xem chính quyền Trung Quốc có biết đến việc làm của hai công ty cung cấp thiết bị quân sự cho quân đội Trung Quốc hay không?

ÂU CHÂU

• Pháp

- 9.4. Thủ Tướng Lý Bằng công du sang Pháp ký giao kèo mua 30 phi cơ A 320, 3 phi cơ A 340. Trị giá 2 tỉ Mỹ kim; ký văn bản hợp tác với Pháp, sản xuất tại Trung Quốc phi cơ 100 chỗ ngồi. Nhân dịp này



Dân Tây Tạng biểu tình phản đối Lý Bằng tại Paris.

200 Dân biểu Pháp thuộc mọi khuynh hướng chính trị ra bản thông cáo kêu gọi Trung Quốc chấm dứt chế độ đô hộ Tây Tạng đồng thời nêu lên thắc mắc về trường hợp Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 11 và gia đình mất tích từ 10 tháng nay.

• Ukraine.

Hơn 1.000 chuyên viên họp tại Vienne, Áo, từ 10 đến 12.4 đánh giá hậu quả vụ lò nguyên tử số 4 ở Tchernobyl nổ năm 1986, như sau:

- 4 triệu người đang sống trên khoảng đất 150.000 Km vuông ô nhiễm phóng xạ.
- 2 người chết tức khắc sau khi nhà máy nổ, 24 chết trong những ngày kế tiếp, trên 499 người nhập viện điều trị.
- Trong số 600.000 nhân viên phần lớn là quân nhân tham dự cuộc khử nhiễm và xây cất nhà mồ chôn lò nguyên tử số 4, hơn 200.000 người tiếp nhận một liều phóng xạ 100 lần cao hơn liều phóng xạ thiên nhiên.
- Từ 90 đến 95%, trẻ con mắc bệnh ung thư tuyến giáp trạng nhiều nhất, 424 trường hợp ở Bạch Nga, 121 trường hợp ở Ukraine.

- 200.000 người bị rối loạn sinh lý vì lo sợ
- Tỷ lệ tử tử tăng 4 lần.

• Tchetchenie

Tổng Thống Djokhar Doudaiev tử thương trong đêm 21 rạng 22.4 sau một cuộc dội bom. Phó Tổng Thống Zelimkhan landarbiev thay thế. Số phận của Doudaiev gắn liền với số phận Tchetchenie. Vừa tròn 1 tháng, ông cùng với gia đình bị đày vào Tây Bá Lợi Á (2.1944). Trở về Grozny năm 1957, ông gia nhập Hồng quân, chức vụ sau cùng là Tướng chỉ huy một sư đoàn không quân chiến lược trú đóng tại



DUSKO TADIC

TIN MỘT CỘT

Lituanie. Lợi dụng Liên Xô tan rã, ông trở về quê hương tuyên bố độc lập. Với khẩu hiệu: Tự Do hoặc Chết.

• Nga

- 16.4. Tin báo New York Times - Nga đang hiện đại hóa một căn cứ quân sự bí mật ở dải núi Ural gần tỉnh Belorestk. Căn cứ này được xây cất vào thập niên 80, công trình hiện đại bắt đầu từ năm 1993. Từ nơi đây, Nga sẽ phóng ra hỏa tiễn trả đũa sau khi báo động được xác nhận với một chi tiết đáng lo ngại: những máy tính điện tử có thể tự động mở cuộc tấn công không cần đội lệnh của 3 giới chức có thẩm quyền là Tổng Thống, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng, Tổng Tham Mưu Trưởng.

• Hòa Lan

Người phạm tội chiến tranh đầu tiên Dusko Tadic, 40 tuổi, trình diện trước Tòa án Quốc tế dành riêng cho Nam Tư ngày 7.5.96 để trả lời về tội ác chống nhân loại. Theo bản cáo trạng, Tadic đã tự tay giết chết 13 người, tra tấn 18 người Bosnie. Trong lời buộc tội, Công tố viên kết án cựu huấn luyện viên Karate này là kẻ thù hành đê tiện nhất, khát máu nhất.



Dusko Tadic

• Thụy Sĩ

- Tại Genève báo cáo viên Liên Hiệp Quốc trình bày bản tổng kết năm 1995 về các trẻ con nạn nhân các vụ xung đột vũ trang như sau: Trong khoảng thời gian 10 năm nay, có tất cả 5 triệu tàn phế, 2 triệu chết vì súng đạn và mìn chống cá nhân, hơn 12 triệu sống xa gia đình, phân nửa dân tỵ nạn Rwanda, Nam Tư là trẻ con.

- Nhân ngày tự do báo chí 3.5, hội phóng viên không biên giới phổ biến bản tổng kết về tình hình tự do thông tin trên thế giới không mấy lạc quan:

- 49 nhà báo bị ám sát về lập trường
- 27 chết trong lúc điều tra
- 45 mất tích, 102 bị giam giữ trái luật

- Trong lúc Ủy ban Bảo vệ Nhân quyền Liên Hiệp Quốc nhóm họp, ngày 9.4 bị 30 tổ chức phi chính phủ giới thiệu một cựu tù nhân chính trị Tây Tạng Gendun Rinchen. Ông này vừa trốn thoát khỏi trại giam, tố cáo chế độ nhà tù hết sức vô nhân đạo, các tù nhân đều bị hành hạ tra tấn. Ngày 11.4, nhà đối lập Mỹ gốc Trung Hoa Harry Wu mang ra trình chiếu trước Ủy ban một phim Video ghi lại những vụ xử tử công khai ở Trung Quốc: 2.500 vụ năm 1994, 1.313 vụ trong 6 tháng đầu năm 1995, ông còn cho biết không thể ước lượng những vụ án tử hình có hiệu lực tức khắc được xem như một bí mật quốc gia. Ngày 23.4, lần đầu tiên Liên Hiệp Quốc dùng thủ tục miễn tố Trung Quốc liên quan đến vấn đề vi phạm nhân quyền, nhưng qua ngày 24.4, kết án Irak với 24 phiếu thuận, 7 phiếu chống, 20 phiếu trắng.

• Ý

20.5. Giovanni Brusca, 36 tuổi, một trong những thủ lãnh Mafia bị bắt tại Sicile. Là người say máu, con của một thủ lãnh Mafia khác, Brusca từng bị kết án khiếm diện chung thân. Một chi tiết rùng rợn: Vài tháng

TIN MỘT CỘT

trước, kẻ này tự tay siết cổ và phi tang xác chết một em bé 11 tuổi, con của một đảng viên Mafia ăn năn hợp tác với chính quyền.

Cận Đông

• Irak

20.5. Vì mục đích nhân đạo, Liên Hiệp Quốc ký giặc thú cho phép Irak cử mỗi 3 tháng một lần bán ra thị trường một số lượng dầu hòa trị giá 1 tỉ Mỹ kim để trang trải nhu cầu tối thiểu cần thiết. Giặc thú quy định trong số tiền 1 tỉ, Irak phải trích ra 300 triệu bồi thường các nạn nhân chiến tranh vùng Vịnh, 20 đến 30 triệu tài trợ phái đoàn kiểm soát giải giới Irak, 130 đến 150 triệu cho dân thiểu số Kurde Bắc Irak. Như thế trong một năm, Irak chỉ còn 1,5 tỉ đến 1,75 tỉ dùng để nhập cảng thuốc men, thực phẩm.

Trước ngày phong tỏa, Irak thu 16 tỉ, xuất 3,5 tỉ cho những nhu cầu trên.

• Do Thái - Liban

Sau 16 ngày giao tranh, Do Thái - Liban ký hiệp ước ngưng bắn ngày 26.4, có hiệu lực từ ngày 27.4. Tổng kết về phía Liban có 164 chết, 400 bị thương, hơn 300.000 người chạy bom đạn; phía Do Thái có 60 bị thương. Do Thái thực hiện tất cả 1.200 phi vụ; nhóm Hồi Giáo Hezbollah bắn hơn 700 hỏa tiễn.

• Ai Cập

18.4. Ba kẻ lạ mặt đột nhập vào một khách sạn sang trọng cách Kim Tự Tháp 5 Km, giết 14 người thuộc 150 khách du lịch Hy Lạp từ Jerusalem sang. Nhóm khủng bố tưởng lầm họ là dân Do Thái.

PHI CHÂU

• Tanzanie

22.5. Ít nhất hơn 500 người chết dưới trong một tai nạn tàu chở khách đụng vào đá ngầm. Chỉ có 40 người được cứu sống. Cho đến giờ, nhóm cấp cứu chỉ vớt được 20 xác chết. Nhà cầm quyền ra lệnh để quốc tang 3 ngày.

• Algerie

22.5. Tổ chức Hồi Giáo vũ trang GIA phổ biến thông cáo cho biết đã giết chết 7 nhà tu hành Pháp (những vị này được coi như mất tích từ tháng 3.96). Trước đây nhà cầm quyền Algerie huy động hàng ngàn quân nhân cảnh sát tìm kiếm nhưng không kết quả. Chính phủ Pháp liền khuyến cáo các kiều dân Pháp nên cấp tốc rời khỏi Algerie.

Á CHÂU

• Bắc Hàn - Nam Hàn

Hai phái đoàn Nam-Bắc họp tại Bắc Kinh trong hai ngày 27 và 28.4 bàn về vấn đề hợp tác kinh tế. Dịp này Nam Hàn tuyên bố tiếp tục viện trợ cứu các nạn nhân bão lụt Bắc Hàn. Cùng ngày 28.4, các liên hiệp kỹ nghệ Miền Nam ký kết văn bản hợp tác với nhóm xí nghiệp quốc doanh Miền Bắc. Số tiền đầu tư lên đến hơn 18 triệu Mỹ kim (trước đây chưa quá 5 triệu). Ngoài ra đài truyền hình CNN Mỹ vừa được phép mở một văn phòng đại diện tại Bình Nhưỡng, sẽ được khánh thành vào tháng 9 sắp đến.

• Bắc Hàn

- 30.4. Nhà cầm quyền tạm thời đóng cửa Đại học Kim Nhật Thành tại thủ đô vì lý do khan hiếm thực phẩm.

- 23.5. Năm tàu tuần tiễu Bắc Hàn xâm nhập hải phận Nam Hàn, gần đảo Daechong. Hải quân Nam Hàn bắn chỉ thiên đuổi hải quân

TIN MỘT CỘT



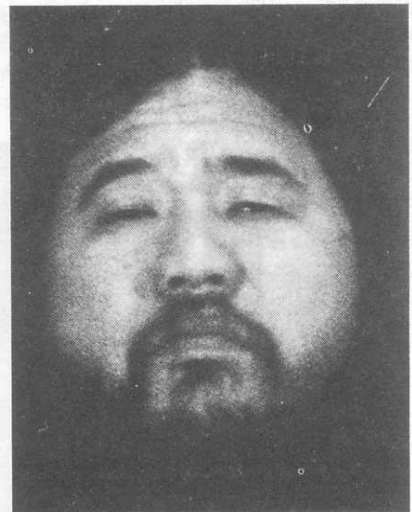
Bắc Hàn ra hải phận quốc tế. Cùng ngày một phi công Bắc Hàn lái phi cơ phản lực MIG-19 vượt vùng phi quân sự đáp xuống phi trường Hán Thành xin tỵ nạn.

• Nam Hàn

11.4. Đảng "Tân Triều Tiên" của đường kim Tổng Thống Kim Young Sam thắng bầu cử, chiếm đa số tuyệt đối 159 ghế trên 299 ghế. Đảng đối lập "Tân Chính Sách" chỉ chiếm 79 ghế.

• Nhật

24.4. Tòa Đại Hình bắt đầu xử Shoko Asahara, Giáo chủ Giáo phái AUM SHINRIKYO vì can tội giết 26 người, 33 dự mưu giết người. Bàn luận tội còn cho biết giáo phái đã nhập từ Nga 15 thùng đạn AK-47, 1 trực thăng MIL-17, dự trữ một số lượng hơi độc có thể giết từ 8 đến 10 triệu người. Lúc đương thời, một sợi râu của Giáo chủ giá 100 Mỹ kim.



• Đài Loan

- Vừa nhận phi cơ Mirage 200-5 đầu tiên.

Shoko Asahara

Theo giao kèo, Đài

Loan mua tất cả 60 phi cơ loại tối tân này, và 1.200 hỏa tiễn không không Mica, trị giá 6 tỉ Mỹ kim. Đài Loan trả tiền tức khắc với điều kiện Pháp không thể đón phương huy bỏ giao kèo.

- 20.5. Chính quyền tổ chức lễ nhậm chức Tổng Thống Lý Đăng Huy với sự tham dự của 23 đại diện các nước bạn. Đại diện Pháp Pierre Messmer, cựu Thủ Tướng, là người bạn lâu năm của Đài Loan. Ngoài ra người ta chú ý đến đại diện Nicaragua, bà Tổng Thống Violetta Chamorro, cựu Thủ Tướng Thụy Điển Per Ahlmark vừa giải thiệu Tổng Thống Lý Đăng Huy tranh giải Nobel Hòa Bình năm nay. Đại diện Nam Phi là Tổng Trưởng Bộ Quốc Phòng Joe Modise; Đại diện Tổng Thống Clinton là Luật sư bạn thân Vernon Jordan.

• Trung Quốc

- 22.4. Dựa theo nguồn tin chính thức Đài Loan, báo Sankei Shimbum loan tin vào năm 2003 Trung Quốc sẽ có một hàng không mẫu hạm. Bắc Kinh đang ráo riết chỉnh trang hải cảng Dalian (Thượng Hải) và hải cảng Zhan Jiang. Việc huấn luyện thủy thủ bắt đầu năm 1997.

TIN MỘT CỘT

- 1.5. Tổ chức Nhân quyền Human Rights China loan báo một lãnh tụ phong trào mùa xuân Bắc Kinh 1989, Liu Gang, bí mật rời khỏi Trung Quốc và đến Mỹ ngày 3.5. Ông bị kết án 6 năm tù, được tự do tháng 6.95 và bị quản thúc tại gia. Tại Mỹ ông tuyên bố có nhiều người Trung Hoa giúp đỡ ông trốn thoát.

- 26.4. Nhà tranh đấu nhân quyền Yao Zhen Xiang bị bắt tại Thượng Hải. Ông sang Pháp tỵ nạn năm 1995, nay trở về Trung Quốc vì được chính quyền bảo đảm không làm khó dễ.

- Từ ngày 25 đến 30.4, cơ quan cảnh sát mở chiến dịch càn quét, bắt giữ 1.700 người với tội trạng có những hành động khủng bố, ly khai và phạm tội ác. Ở tỉnh Tân Cương, ở Zhe Jiang công an bắt giữ 2 gia đình vì phát hành lậu 100.000 đĩa nhạc Laser. Tại tỉnh Guizhou hai người khác phải trả lời về 28 vụ trộm cướp, về những hành động phạm thuần phong mỹ tục ở một khu đại học.

• Hồng Kông

8.5. - 120 thuyền nhân Việt Nam trại Whitehead hoảng nhau dũi dũi với cảnh sát. Thửa dịp 200 thuyền nhân khác trèo lên mái nhà tẩu thoát. Từ vị thế tỵ nạn chính trị, thuyền nhân Việt Nam trở nên tỵ nạn "kinh tế". Cho nên vào năm 1989, Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ dàn xếp cấp cho mỗi người một số tiền khuyến cáo họ tình nguyện trở về Việt Nam. Kế hoạch này không mang lại kết quả mong muốn. Một kế hoạch khác nhằm cưỡng ép, ra đời năm 1991.

Hiện tại 18.000 dân Việt Nam trên tổng số 36.000 tại Đông Nam Á đang sống rải rác trong các trại tập trung Hồng Kông. Mỗi gần đây, Mã Lai Á dùng tàu chuyên chở 300 dân tỵ nạn về nước. Đây là cuộc hồi hương cưỡng bách quan trọng nhất. Tin mới nhất cho biết trong vòng một vài tháng sắp đến, Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ cắt đứt nguồn tài trợ dân tỵ nạn. Bây giờ lòng trắc ẩn là một xa xỉ phẩm.

Dân tỵ nạn VN trên tàu Mã Lai Á về Việt Nam



Dân tỵ nạn Việt Nam tại Hồng Kông

TIN MỘT CỘT

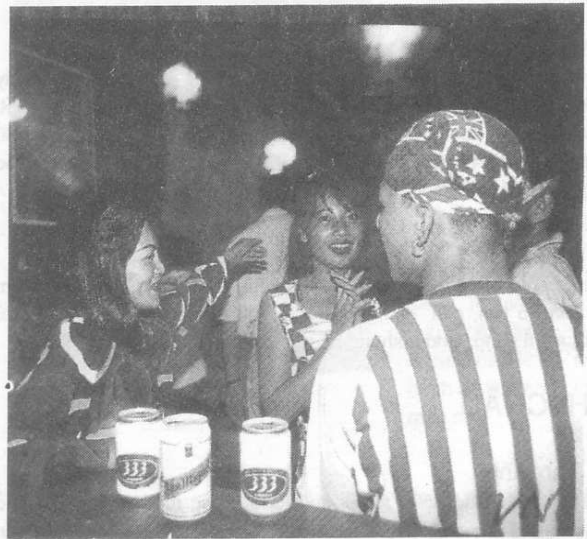
• Miến Điện

Chính quyền quân phiệt bắt giam ít nhất 110 nhà đối lập thuộc Liên Minh Dân Chủ, do giải Nobel Hòa Bình Aung San Suu Kyi lãnh đạo. Liên Minh Dân Chủ dự định tổ chức từ ngày 26 đến 29.5 lễ kỷ niệm cuộc bầu cử tự do năm 1990, nhưng không được nhóm quân nhân đảo chánh thừa nhận.

• Việt Nam

- Hội Y sĩ Thế giới vừa mở tại Sài Gòn một Câu Lạc Bộ nhằm phân phối các phương tiện ngừa bệnh SIDA. Câu Lạc Bộ còn đặt một số điện thoại đặc biệt dành cho khách hàng gọi hỏi thêm chi tiết về cách phòng bệnh.

- Nguồn tin thông thạo cho biết Việt Nam đang trở thành một trong những đường dây buôn lậu ma túy cho toàn vùng Đông Nam Á. Trong năm 1995, hơn 15 tấn thuốc phiện, xuất phát từ vùng Tam Giác Vàng sang Âu Mỹ qua ngã Việt Nam.



- 20.4. Tướng Trần Văn Trà, 77 tuổi, mất sau một thời gian lâm bệnh nặng. Vị này là Tư Lệnh chiến dịch đánh chiếm Sài Gòn, sau đó bị khai trừ khỏi Bộ Chính Trị, vì có thái độ không chính thống. Sinh năm 1919 tại Miền Trung, Tướng Trà gia nhập Đảng Cộng Sản năm 1938, đặc trách tuyên truyền và tuyển mộ. Từ năm 1963, ông di chuyển vào Nam, giữ chức vụ Chỉ Huy Tổng Bộ Việt Cộng Miền Nam. Sau năm 1975, ông mất điểm vì xuất bản hồi ký trong đó ông nêu rõ các vụ tranh chấp phe cánh, do đó bị "gà" của Lê Duẩn, Lê Đức Thọ là Văn Tiến Dũng tước đoạt công lao. Năm 1989, ông thành lập Hội Các Nhà "Cách Mạng" Miền Nam, phản đối Lê Duẩn cho khối cộng sản Miền Nam ngồi chơi xơi nước. Nhưng những nhà chủ chốt nhóm này quá nổi tiếng nên Đảng không dám làm gì. Tuy nhiên hai hội viên Nguyễn Hộ và Tạ Bá Tòng vẫn bị bắt giam.

- 23.5. Hoa Thịnh Đốn bổ nhậm Dân biểu Pete Peterson, thuộc Đảng Dân Chủ, Tiểu bang Florida, giữ chức vụ Đại Sứ Mỹ tại Hà Nội. Ông từng là tù binh chiến tranh tại Việt Nam.

• Phan Ngọc



ĐI TRÊN CON ĐƯỜNG VÔ ĐẠO

Bài phát biểu của Đạo Hữu Thị Tâm, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức trước Sứ Quán Việt Cộng tại Bonn ngày 30.4.1996, lúc 11 giờ 20.



Kính bạch Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng, Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức,
Kính thưa Chiến sĩ Nguyễn Chí Thiện, quý vị trong Ban Tổ Chức, quý quan khách, quý đồng hương.

Kính thưa quý vị,
Trước hết thay mặt Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức, và đồng thời thay mặt những cựu tù nhân chánh trị cải tạo dưới chế độ Cộng Sản, chúng tôi kính gửi đến tất cả quý vị lời chào mừng đoàn kết trong tinh thần đấu tranh bất bạo động đòi Tự Do - Dân Chủ cho quê hương.

Sau đây xin quý vị cho tôi được nhắn gửi đôi điều đến đảng và chính quyền cộng sản (CQCS) Hà Nội thông qua Sứ Quán Việt Cộng tại Bonn những nhận xét và yêu cầu như sau:

1. XÉT RẰNG: Xu thế thời đại hiện nay là Sống Chung Hòa Bình và Tự Do - Dân Chủ. Thế mà cho đến bây giờ đảng và CQCS vẫn còn mù quáng chưa nhìn thấy gì cả trước sự thức tỉnh của nhân loại nói chung, của nhân dân Việt Nam nói riêng, họ vẫn còn tiếp tục thống trị đất nước với chánh sách độc tài đảng trị, vẫn còn tiếp tục vi phạm trầm trọng và thô bạo nhân quyền.

2. XÉT RẰNG: Đảng và CQCS hiện đang đi trên con đường vô đạo với chủ trương đàn áp và tiêu diệt tất cả các Tôn Giáo, nhất là đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Một Giáo Hội có truyền thống đã lâu đời ăn sâu vào lòng dân tộc, đã từng cùng với dân tộc chia xẻ những nhục vinh qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước.

3. XÉT RẰNG: CQCS ngoài miệng thì nói tự do, nhưng tự do chỉ dành riêng cho đảng lãnh đạo! Còn người dân ai muốn đòi hỏi tự do thì bị đàn áp dã man và bị gán cho một cái tội rất quái đản là: "Phản Động", rồi bị cưỡng bức đi tù cải tạo! Vậy xin hỏi CQCS ai là phản động? Người đấu tranh đòi Tự Do - Dân Chủ cho đất nước, công bằng xã hội là phản động hay Đảng và CQCS thống trị đất nước với chánh

sách độc tài đảng trị, dùng súng Nga đạn Tàu đàn áp nhân dân là phản động?

4. XÉT RẰNG: Đảng và CQCS đang cho thi hành chánh sách đối mới với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một sự cưỡng bức hôn nhân, nên mỗi sản sinh ra một cái quái thai với đầu voi đuôi chuột. Hậu quả làm cho xã hội Việt Nam ngày nay bị băng hoại trầm trọng. Thượng tầng lãnh đạo thì hối mại quyền thế, quan liêu hách dịch, xa lìa dân chúng, tham nhũng. Trước kia họ tự xưng là thành phần Công Nông đại diện cho giai cấp vô sản, bây giờ nhờ đổi mới họ trở thành những tên Tư Bản Đò! Còn hạ tầng dân chúng thì sao? Thi thất học, nghèo đói, mà hề bần cùng thì sanh đạo tặc, do đó gây ra nạn trộm cướp, xi ke ma túy, mĩ dâm v.v...

Qua những nhận xét tổng quát hiện tình đất nước dưới sự thống trị của đảng cộng sản hiện giờ, hôm nay chúng tôi cùng quý vị có mặt tại đây đại diện cho trên 65 triệu người dân ở trong nước đang bị cướp đoạt tự do, quyền sống và quyền làm người bị chà đạp, đòi hỏi đảng và CQCS phải thực thi các điều như sau:

1. Từ bỏ ngay chế độ độc tài đảng trị, vì đây là nguyên nhân chính gây ra vô vàn thảm họa cho đất nước, quá nhiều khổ đau cho nhân dân.

2. CQCS phải thực thi nghiêm chỉnh lời kêu gọi của đảng là "Xóa bỏ hận thù nhìn về tương lai" bằng cách trả tự do ngay và vô điều kiện cho những vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo, những người cộng sản cũng như không cộng sản đã đấu tranh bất bạo động đòi tự do dân chủ cho đất nước hiện đang bị giam giữ trong các trại tù cải tạo. Nếu CQCS không làm được điều này, thì lời kêu gọi của đảng chỉ là lời mỉa dân!

3. Đảng và CQCS phải thành tâm sám hối những việc làm tội lỗi đã qua, quay về với đại khối dân tộc. Mẹ Việt Nam sẽ sẵn sàng tha thứ cho những đứa con lầm đường lạc lối. Vì dù sao thì hoa cũng rơi về gốc, nước cũng chảy về nguồn.

4. Bánh xe lịch sử đang quay, nó sẽ nghiền nát và đào thải bất cứ một vật cản nào nằm trên đường tiến hóa của nó. Do đó, chúng tôi kêu gọi đảng và CQCS hãy ý thức được điều này, đừng để nước đến chân rồi mỗi ngày, e không kịp!

Trước khi dứt lời, tôi xin đọc một bài thơ với tựa là "Sẽ Có Một Ngày" của Nguyễn Chí Thiện hiện đang có mặt cùng với chúng ta ngày hôm nay.

*Sẽ có một ngày
Con người hôm nay
Vất sủng, vất cùm, vất cớ, vất đảng
Đòi lại khân tang
Quay ngang vòng nạn oan khiêng
Khai sáng kỳ nguyên
Tả trắng thay cờ hồng*

Ngày đó, ngày N. là ngày mà quê hương sẽ được quang phục, đất nước sẽ được giải phóng khỏi ách thống trị của đảng cộng sản, ngày mà toàn dân sẽ hát khúc khải hoàn ca.

Nhưng, thưa quý vị, ngày đó cũng là ngày sẽ không có chỗ đứng cho những tên đón gió trở cờ, và cũng sẽ không có tương lai cho những tên phản bội lại quê hương.

Xin quý vị cùng tôi hô to hai khẩu hiệu sau đây:

**Đả đảo chế độ độc tài đảng trị! Đả đảo! . . .
Hoan hô chế độ Tự Do - Dân Chủ! Hoan hô! . . .**

Xin cảm ơn và kính chào quý vị.

Bài Phỏng Vấn

ÔNG NGUYỄN CHÍ THIỆN

(Do Đạo Hữu Thị Tâm NGÔ VĂN PHÁT thực hiện)

Thưa anh Nguyễn Chí Thiện,

Ngày 1.6.96 nhân dịp anh đến Chùa Viên Giác để nói chuyện với đồng bào về quá trình đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ và những năm tháng tù đầy dưới chế độ cộng sản, tôi xin thay mặt độc giả tạp chí Viên Giác xin hỏi anh vài câu để đăng trên tạp chí này cho những người không có cơ hội về Chùa tham dự buổi nói chuyện của anh được đọc.

Người phỏng vấn (NPV): Theo tôi được biết thì trước đây 28 năm, khi anh còn là một Sinh viên ở miền Bắc dưới chế độ cộng sản, nếu anh biết Dạ khi đang gọi; vắng khi đang bảo, thì hào quang anh đã chiếu sáng dưới là cờ hồng. Nhưng anh không làm như thế. Vậy động cơ nào thúc đẩy anh chống lại chế độ cộng sản để phải tù đầy trong 27 năm trời?

Nguyễn Chí Thiện (NCT): Năm 1954, những người cộng sản thắng Pháp trở về Hà Nội, cũng như nhiều thanh niên khác cùng lứa tuổi như tôi đều nghĩ họ là những người có công đánh đuổi thực dân Pháp mang lại độc lập cho đất nước, cho nên nhiều người rất vui mừng chào đón họ.

Nhưng chỉ một năm sau thôi thì những thảm cảnh khủng khiếp nó diễn ra chưa từng có trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Thí dụ như những vụ đấu tố, bắn giết hàng trăm ngàn nông dân khắp nơi trên miền Bắc; cảnh đăng ký hộ khẩu, tố giác nhau, bới xấu nhau, tình hàng nghĩa xóm mất tất cả! Từ chỗ thân ái trở thành thù địch. Sau đó đánh tù sản, tiếp theo là Sắc lệnh lập trung Hồ Chí Minh năm 61, đồng bào cả nước rầm rộ đi tù, từ những người thiếu số cho đến người Việt đều hội tụ trên các trại tù trong rừng sâu núi thẳm không biết bao nhiêu trăm ngàn người đã đi tù như vậy, bao nhiêu người chết, bao nhiêu người bỏ mạng? Trước cái thảm cảnh như thế, trước bọn mặt người dạ thú, với lòng lang dạ chó như vậy thì bất cứ con người có lương tâm nào cũng đều phải chống lại. Nhất là trông thấy cái đại gian đại ác, nó vừa gian ác lại vừa vô liêm sỉ, đối trả bịp bợm thì rất nhiều người chống lại chỗ không phải một mình tôi. Cho nên các nhà tù đều chật ních. Việc chống lại cộng sản theo tôi nghĩ thì bất cứ người nào dù có một kiến thức thấp hèn đến đâu mà khi chứng kiến cái thảm cảnh đó thì có hai con đường. Một là chống lại nó. Hai là đành cam phận. Còn những kẻ cam tâm làm tay sai cho nó thì mất hết tư cách, mất hết phẩm chất con người, không nói được.

NPV: Xin anh kể một vài mẫu chuyện trong lao tù cộng sản như cùm kẹp, săn khoai v.v... và nhất là khi anh đã đi lọt được vào trong Tòa Đại Sứ Anh Quốc trao Tập Thờ xong, sau đó anh bị bắt trở lại, cộng sản nó hành hạ anh như thế nào?

NCT: Những chuyện đánh đập, cùm kẹp thì hằng ngày nó đã diễn ra chung quanh chúng tôi. Cụ thể có những người bị nó cùm cho đến chết. Có những người nó cùm khuyết chân vì cái cùm nó nhỏ hơn ống chân, cho nên ống chân bị lở loét, bị uốn ván mà chết. Có những anh biêt kích hiện giờ còn vết sẹo lớn ở hai ống chân. Ngoài ra nó còn đánh đập bằng báng súng, khóa cánh tiên có nghĩa là hai cánh tay bị bẻ quặt ra đằng sau xoay qua một vòng rồi lấy chìa khóa số 8 khóa lại, không chịu nổi quá 15 phút, thần kinh bị rối loạn ngất xỉu. Còn hình thức đòn giàn hỗn là cho vào xà-lim, tôi, ăn uống mỗi buổi nó cho mấy thìa cơm, tí muối, củ sống lấy lát như con chuột năm này qua năm khác, nhiều người, nhiều người chết như vậy! Còn có hình thức thủ tiêu, như anh em Công Giáo nó thủ tiêu bằng cách là đến dịp

Noel, Tết nhất nó cho nằm vào tù lạnh, có nghĩa là nó đưa vào xà-lim trong các núi, không cho mặc quần áo ấm, chỉ mặc đồ mỏng, mỗi bữa nó cho vài thìa cơm, người nào sống dai nhất là khoảng một tuần lễ. Theo tôi được biết thì năm 60, có một đoàn 70 người thì 60 bị nó thủ tiêu.

Còn ngoài ra cộng sản nó dùng cái dùi để tiêu diệt con người, ăn thì nó cho ăn vừa đủ Calo để cầm sống, do đó nhiều thanh niên ăn bậy ăn bạ, vỡ cái gì ăn cái đó, gắp rần ăn rần, gắp chuột ăn chuột, ăn sống ăn xit nên bị chết rất nhiều. Cộng thêm khí hậu độc địa, sốt rét, ngả nước v.v... Đầu khổ quá! Dối khát quá! nên có nhiều thanh niên tự sát cho đỡ cái dùi nó hành hạ. Cộng sản nó dùng cái hình phạt đó trong cả 10, 15, 20 năm để dày dạn con người. Ở trong tù không có sách báo để đọc, lại bị bỏ đói cho nên người có văn hóa thì mất văn hóa, người có sức khỏe thì mất sức khỏe, thể xác bị hao mòn, người 70 cân chỉ còn lại 30 - 40 cân! Do đó tinh thần bị bạc nhược, củ như thế mà lùi dần, lùi dần rồi chết không biết bao nhiêu người như vậy. Bản thân tôi phải chịu đựng như thế đến năm 77 mới được tha. Nó tha tôi vì nó còn bắt giam những người miền Nam. Nó nói trước khi tha tôi là để cho cái bọn miền Nam nó biết :hế nào là chuyên chính vô sản.

Nhưng sau đó 2 năm, khi tôi trao Tập Thờ cho Tòa Đại Sứ Anh xong, tôi ra thì lập tức nó bắt lại ngay và đưa thẳng vào xà-lim ở Hòa Lò Hà Nội. Suốt một năm, bị cùm kẹp, bị hỏi cung liên miên, nó không cho tiếp tế. Khi vào Tòa Đại Sứ Anh tôi chỉ mặc có một cái quần và một cái áo mỏng, nên mùa rét cái lạnh nó hành hạ tôi vô cùng. Hơn một năm, khi Tập Thờ của tôi được tung ra và nhờ những người ở hải ngoại can thiệp, lúc bấy giờ nó mới cho tôi được gặp gia đình xin tiếp tế, và chỉ có một lần thôi. Sau đó nó nhốt tôi vào sống với lưu manh, 3 năm trời sống với kẻ cướp của giết người. Chỗ nằm của mỗi người chỉ có 20 cm thôi! Dưới chân tôi có người nằm ngang bị ghê lở đầy thân không khiếm lấm. Tôi nghĩ tôi khó có thể tồn tại lâu được. Rồi nó chuyển tôi hết trại này đến trại khác, trại nào cũng toàn nằm xà-lim là chính.

Còn gia đình thì suốt 9 năm đầu tôi không được gặp, mà không gặp gia đình đó cũng là một hình phạt. Từ năm 89, 90, 91 trở đi thì mỗi năm tôi được gặp gia đình có một lần vào dịp Tết Nguyên Đán! Nó dày ài tôi cho dò sống dò chết, nó nói cho chết ngay thì nhân đạo, phải cho tôi chết dần chết mòn. Những thời thế thay đổi, phe Xã Hội Chủ Nghĩa bị sụp đổ cộng thêm những đoàn thể, cá nhân đấu tranh ở hải ngoại can thiệp nên tôi mới được nó thả ra năm 1991.

NPV: Ở trong nước thì đảng cộng sản kêu gọi "Xóa bỏ hận thù nhìn về tương lai", nhưng họ vẫn tiếp tục đào sâu hố hận thù bằng cách cưỡng bức tù đầy những người đấu tranh bất bạo động cho Tự Do Dân Chủ. Còn ở ngoài nước thì nhóm này, cơ quan ngôn luận nọ hoặc cá nhân kia kêu gọi hòa hợp hòa giải (HHHG) với cộng sản. Vậy theo kinh nghiệm bản thân anh, một người đã sống và bị 27 năm tù dưới chế độ cộng sản, xin anh cho biết là chúng ta có thể hòa hợp hòa giải được với cộng sản không?

NCT: Cái điều này tôi ở trong nước nên tôi biết rõ là cộng sản nó không có hô hào xóa bỏ hận thù nhìn về tương lai đối với người Việt Nam đâu, mà nhất là đối với những người Việt hải ngoại. Nó nói là nó bỏ qua quá khứ nhìn về tương lai là nó nói với Mỹ với Pháp đó, chứ không phải nó nói với mấy ông Việt kiều hải ngoại đâu. Đứng làm tuồng lẫn lộn tai hại như vậy. Còn những người ở hải ngoại thì nó chẳng nói gì cả, mà nó chỉ kêu gọi Việt kiều đem tiền về nước đầu tư hay nó kêu gọi về du lịch thể thôi, để cứu vãng một phần nào chế độ nó. Còn HHHG thì nó chẳng nói gì cả, ngoại trừ khi ký Hiệp định Paris thì nó có nói một chút. Khi tôi còn ở trong nước tôi chẳng nghe nó nói đa nguyên, đa đảng, nó tuyên bố rõ rệ là không có đối thoại, không có đa nguyên đa đảng gì cả! Những kẻ ngoan cố như vậy lại có súng đạn trong tay thì con đường duy nhất mà nhân dân buộc phải lựa chọn là đấu tranh chống lại cái chế độ độc tài đảng trị của chúng nó. Đấu tranh phải bền bỉ và cương quyết, hay động mọi lực lượng kể cả những lực lượng đang phân hóa trong đảng cộng sản. Bây giờ HHHG, đối thoại với cộng sản, thì việc này dù có kêu gào đến đâu đi chẳng nữa thì nó có thực hiện bao giờ đâu! Những người kêu gọi HHHG, họ đã kêu gọi trong bao nhiêu năm nay rồi thế mà tôi chưa thấy người nào bắt tay nói chuyện, hay đàm phán với cộng sản cả, mà ngược lại chỉ có cúi đầu cho cộng sản nó ngồi lên thôi. Đi nói

chuyện nhiều nơi, tôi cũng có nói HHHG là chuyện không thực tế, sự thực là nó không có trong thực tế, cho nên chúng ta cũng chẳng bàn đến chuyện này làm gì.

NPV: *Xu thế thời đại hiện nay là sống chung hòa bình trong tình thân đối thoại chứ không phải đối đầu. Vì thế có đối đầu thì có gây tay, u trán, tổn hao xương máu v.v... Đặc biệt đối với dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã chịu quá nhiều khổ đau trong chiến tranh huynh đệ tướng tàn. Nhưng nếu chính quyền cộng sản không chịu thức tỉnh, không từ bỏ độc tài đảng trị, không chịu đối thoại mà chỉ muốn đối đầu, vẫn đàn áp những phong trào, những người cộng sản cũng như không cộng sản đấu tranh bất bạo động đòi Tự Do Dân Chủ, công bằng xã hội v.v... Có nghĩa là chính quyền cộng sản đang đẩy chúng ta vào một thế không có lối thoát, thì một cuộc đấu tranh bạo động từ trong quân đội nhân dân phối hợp với kháng chiến vô trang của quần chúng nổi dậy chống chính quyền cộng sản ở trong nước thì anh nghĩ sao? Anh có ủng hộ không?*

NCT: Người Việt Nam chúng ta đã chịu gần nửa thế kỷ chiến tranh nên không ai mong muốn chiến tranh làm gì nữa, mà lẽ nói đến chiến tranh thì những người bị thiệt hại đau khổ nhất là nhân dân, cho nên không ai mong muốn chiến tranh cả. Xu thế thời đại hiện nay là đối thoại chứ không đối đầu như trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Nhưng trong tình hình Việt Nam hiện nay cũng như Trung Quốc, Kuba, Bắc Triều Tiên, những người cộng sản vô cùng ngoan cố, họ cố tình đìm đất nước xuống bùn lầy lạc hậu mãi. Nước mình hiện giờ thua kém cả Thái Lan, Mã Lai mà trước kia mình hơn họ rất nhiều. Tất cả những lời kêu gọi HHHG với cộng sản hoàn toàn vô nghĩa cả. Chế độ cộng sản chỉ tan rã khi trong nội bộ họ bị phân hóa nặng. Khi mà nội bộ bị phân hóa nặng thì quân đội sẽ dựng độ với công an, điều này không thể tránh được. Thừa cơ hội này người dân sẽ nổi dậy, mà điều cần thiết là phải dùng đến quân sự, có nghĩa là phải phối hợp với bộ phận quân sự thức tỉnh ly khai. Người cộng sản luôn luôn ngoan cố dùng quân sự để thống trị đất nước; vậy thì ta cũng phải dùng quân sự để giải trừ nó chứ, tại sao ta khước từ để nó giết mình sao? Chúng ta không muốn dùng bạo lực, nhưng nếu bắt buộc dùng bạo lực thì chúng ta không nề hà dù phải hy sinh đến đâu cũng phải xử dụng để giải thoát khỏi ách cộng sản, để đưa đất nước tiến lên ngang hàng với thế giới, chứ không thể nào vì sợ bạo lực, vì tránh bạo lực, vì thế họ thế kia củ để cho bọn cướp đảng Mafia nó ngồi trên đầu dân tộc mình mãi hay sao! Nhưng theo tôi nghĩ thì tình hình ở Việt Nam sẽ có biến động thì may ra nó sẽ không xảy ra đến chỗ như thế. Nhưng nếu người cộng sản vẫn còn ngoan cố, khi cần thiết phải dùng bạo lực. (Ghi thêm của Người Phòng Vấn: Vì đây là sự lựa chọn của chính quyền cộng sản chứ không phải của người dân).

NPV: *Theo ý kiến của riêng tôi, thì trong thế kỷ này có hai nhân vật vĩ đại tuy ở cách xa nhau một đại dương nhưng cùng có một lý tưởng cao cả như nhau và cùng chịu cảnh tù đầy như nhau.*

Nhân vật thứ nhất là ông Mandela, đường kim Tổng Thống quốc gia Nam Phi. Ông đã đấu tranh bất bạo động đòi xóa bỏ nạn kỳ thị chủng tộc, san bằng sự bất công giữa thiểu số người da trắng cầm quyền với đại đa số người da đen bị trị. Ông đã bị 28 năm tù, nhưng cuối cùng ông đã thắng. Ông đã nhận được phần thưởng cao quý nhất là Giải thưởng Nobel Hòa Bình, xóa bỏ được nạn kỳ thị chủng tộc và dân chúng đã bầu ông làm Tổng Thống.

Nhân vật thứ hai là ông Nguyễn Chí Thiện mà mọi người Việt hải ngoại đều gọi là Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện. Anh đã đấu tranh bất bạo động đòi Tự Do Dân Chủ cho đất nước, giải thể chế độ cộng sản độc tài đảng trị, anh đã bị 27 năm tù. Mặc dù hiện giờ anh chưa đạt được những thành quả như ông Mandela đã đạt được. Nhưng chắc chắn anh sẽ đạt được vì chính quyền cộng sản đã thua anh ở hiệp đầu, nó bị bắt buộc phải thả anh ra và cho anh đi gọi là "Trị bệnh ở Mỹ" như thả còp về rừng. Hiện nay trên đường đấu tranh anh có nhiều ưu thế, vì đảng sau anh có nhân dân Việt Nam, có bè bạn khắp năm châu, có những vị lãnh đạo các quốc gia yêu chuộng Tự Do Dân Chủ trên thế giới hết lòng ủng hộ anh. Vậy xin anh cho biết đường hướng hoạt động của anh trong tương lai như thế nào để sớm chấm dứt chế độ cộng sản độc tài đảng trị, đem lại Tự Do Dân Chủ cho dân tộc?

NCT: Tôi với ông Mandela cũng bị tù gần bằng nhau, nhưng tôi chỉ nói về phần tôi, là tử tù cho đến ngày hôm nay gần 60 tuổi, trong bất cứ hoàn cảnh nào tôi cũng quyết tâm đấu tranh dưới mọi hình thức cho nước Việt Nam được Tự Do Dân Chủ. Vì tôi nghĩ rằng đó là hai điều không thể thiếu được để cho đất nước phát triển về kinh tế, để cho nhân phẩm con người được tôn trọng. Còn việc thành đạt đến đâu, to nhỏ như thế nào thì còn tùy theo, tôi không thể nào khẳng định được. Còn kế sách để diệt cộng thì tôi nghĩ là ở hải ngoại đã đề ra nhiều sách lược lắm rồi. Nhưng theo tôi nhận định nhiệm vụ của Người Việt hải ngoại (NVHN) chủ yếu là thay mặt những người đấu tranh ở trong nước như các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính v.v... những người này không có tiếng nói với quốc tế, chỉ NVHN mới có điều kiện đi vận động trình bày cho các nhân sĩ, các chính phủ, các cơ quan quốc tế về công cuộc đấu tranh bất bạo động của những người ở trong nước và hiện đang bị tù đầy. Theo tôi nghĩ thì nhiệm vụ này vô cùng quan trọng vì toàn dân Việt Nam đều có một sự trông chờ rất to lớn vào sự yểm trợ của NVHN. Tôi ở trong nước tôi biết, thí dụ Hoàng Minh Chính bị bắt, con rể lập tức điện ra nước ngoài, cũng như Hà Sĩ Phu bị bắt thì vợ cũng vội vàng báo ra nước ngoài. Do đó nếu chúng ta yểm trợ tốt thì những chiến sĩ ở trong nước sẽ đấu tranh kiên cường hơn và những người khác cũng nhập cuộc, vì họ thấy rằng họ không bị lẻ loi, mà ngược lại được sự yểm trợ trên 2 triệu NVHN.

Trước kia những năm xa xôi, những người chống lại cộng sản bị nó giết chết âm thầm, chết trong rừng, xô núi không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng bây giờ cái thế trận nó khác, thời thế nó khác, chính nhờ sự đấu tranh của NVHN mà cộng sản ở trong nước nó không dám làm gì quá tay đối với những người đấu tranh dân chủ, và sự thực là công cuộc đấu tranh của NVHN rất có ý nghĩa. Trường hợp cụ thể là có một số người được tha và ra nước ngoài trong đó có tôi. Công cuộc đấu tranh của NVHN hiện nay có thể làm tốt hơn nhiều nếu biết gạt bỏ mọi tị hiềm, tránh đấu đá nhau, không dùng tự do bừa bãi để bôi nhọ đối tử người khác, chụp mũ nhau. Nên dùng cái tự do sẵn có để làm một việc xứng đáng là chống lại chế độ độc tài, đại gian đại ác cộng sản đem lại tự do dân chủ cho đất nước. Muốn thực hiện được điều này thì tất cả NVHN phải cùng đi trên một con đường, nhìn về một hướng, chứ không thể nào mỗi người đi mỗi nẻo. Theo tôi nghĩ tốt hơn nữa thì những tổ chức ở hải ngoại phải cần có sự hiện diện ở trong nước, để bắt tay với những người đấu tranh âm thầm những ngày đứng cầm ở trong nước, tung ra những tờ truyền đơn, báo chí ngầm, bài thơ, bài văn, một mặt để giữ vững tinh thần nhân dân, mặt khác vạch rõ cái trò hề, cái tội ác của tập đoàn cộng sản, đưa những tin tức thực sự về tình hình thế giới v.v... Chế độ cộng sản hiện giờ mặc dù nó có súng đạn, quân đội, công an như vậy, nhưng nó bị phân hóa trầm trọng, tử Trung ương Đảng đến Bộ Chính Trị, trong nội bộ nó hoàn toàn rệu rã không còn ai tin tưởng. Các lãnh tụ trong Bộ Chính Trị cũng như trong Trung ương Đảng bị các đảng viên cấp dưới khinh như con vật, sống xa xỉ, ngu dốt. Trước kia nhờ già dối, nó được coi là những người cộng sản gương mẫu, là đây tử nhân dân, bây giờ nó bị rơi cái mặt nạ nên nó không còn tồn tại được bao lâu nữa. Tình hình trong Đảng Cộng Sản rất bi đát hiện đang thay đổi, xấu xí nhau, những tên trong Bộ Chính Trị như Nguyễn Hà Phan, Đào Duy Tùng v.v... đều bị bay đi hết. Rồi đến một ngày nào đó nó không còn khả năng để điều động quân đội và công an đàn áp nhân dân nữa, thì nhân dân sẽ vùng lên, và sẽ có những cuộc biểu tình hàng triệu người đòi tự do dân chủ và cái cơ may đó nó sẽ đến. Khi đó thì NVHN phải có kế hoạch trở về nước giúp đỡ hỗ trợ như thế nào. Nói thì như có vẻ xa xôi, nhưng sự thật thì nó sẽ diễn ra trong thế kỷ này chứ không xa hơn.

Tôi tin chắc rằng thế kỷ 21, chúng ta sẽ nói chuyện với nhau ở Hà Nội hay Sài Gòn.

Trước khi chấm dứt, một lần nữa thay mặt độc giả tạp chí Viên Giác, tôi xin cảm ơn anh và chúc anh sẽ gặp được nhiều thuận duyên trên con đường đấu tranh Tự Do Dân Chủ cho đất nước, và hy vọng một ngày không xa chúng ta sẽ hội tụ lại với nhau để bàn về chuyện xây dựng lại nước non tại Sài Gòn hay Hà Nội.

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

• Phái đoàn người việt tự do - thông báo

Trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc (Genève), khóa khoáng đại nhân quyền thứ 52 (tháng 3 và tháng 4 năm 1996), "Phái Đoàn Người Việt Tự Do", dưới sự hướng dẫn của Luật sư Phạm Thanh Dân, đã vạch trần cho thế giới thấy rõ tà ý của bạo quyền Hà Nội trong việc lừa gạt công luận quốc tế bằng những phương thức tuyên truyền dối trá cổ hủ của con người Mác-Lênin nhằm che giấu những tội ác bất khả dung tha mà họ đã phạm đối với dân tộc Việt Nam.

- Chính sách Đổi Mới chỉ là trò bịp bợm để che lấp những vi phạm nhân quyền tại Việt Nam;

- Hiến Pháp 1992 là bằng chứng bất khả phủ nhận tà ý của bạo quyền Hà Nội trong việc lẩn tránh chấp hành nghiêm chỉnh những nghĩa vụ quốc gia lẫn quốc tế đúng theo quy tắc căn bản của quốc tế pháp "Pacta Sunt Servanda Bona Fide" được minh thị công nhận bởi Hiến Chương Liên Hiệp Quốc (điều 2 ở 2) và Thỏa ước quốc tế Vienna 1969 và 1989; đó là một Hiến Pháp bất chấp Quốc Tế Pháp về nhân quyền, tự do, dân chủ, mặc dầu được ban hành 6 năm sau cái gọi là chính sách Đổi Mới và 10 năm sau khi chuẩn phê Hiến Chương Quốc Tế Nhân Quyền; những quyền tự do ghi trong Hiến Pháp này chỉ là những quyền vô nghĩa, hữu danh vô thực, để trang trí cho một chế độ độc tài, thối nát; Hiến Pháp này chỉ là một dụng cụ để đàn áp man rợ Đối Lập bất kể thành phần xã hội, tôn giáo, chính trị.

Phái đoàn thành công đánh rơi mặt nạ Đổi Mới của bạo quyền Hà Nội trước dư luận quốc tế và cho Cộng Đồng Thế Giới thấy rằng Đối Lập đã và vẫn đang bị đàn áp, bị khủng bố, bị sát hại, bị bắt bớ, bị giam cầm độc đoán, bị tra tấn, bị mất tích bí mật, bị ngược đãi vô nhân, tàn bạo... những vi phạm nhân quyền trầm trọng, quy mô và man rợ này trước đây đã được "Phái Đoàn Người Việt Tự Do Tín Ngưỡng" và "Phái Đoàn Nhân Quyền Phụ Nữ Việt Nam" liên tiếp tố giác trước diễn đàn nhân quyền Liên Hiệp Quốc.

Phái Đoàn gồm: Nhân sĩ Trần Quang Túc (trưởng phái đoàn), Lê Hòa (phó trưởng phái đoàn), Trần Cao Đài (thư ký), Lương Thị Nga (phát ngôn nhân), Phạm Thanh Dân (cố vấn pháp lý).

Địa chỉ liên lạc:

1. Nhân sĩ Trần Quang Túc
Tiegenhöfer Str.31 - 42489 Wülfrath - Germany -
ĐT. 02058-73152; Fax: 02369-6827

2. Giáo sư Lương Thị Nga
1 Avenue Saint Exupéry - 92160 Antony - France -
ĐT. (01) 43 50 20 46; Fax: (01) 46 61 53 98

THƯ NGỎ

Kính gửi quý vị chiến hữu cựu quân dân cán chính VNCH, tù nhân chính trị của chế độ cộng sản Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 1996, Phái Đoàn Người Việt Tự Do, do tôi làm trưởng phái đoàn, đã ra mắt trước diễn đàn nhân quyền Liên Hiệp Quốc để tố giác và vạch trần cho Cộng Đồng Nhân Loại biết những vi phạm trầm trọng nhân quyền của tập đoàn cầm quyền Cộng Sản Việt Nam qua chính sách Đổi Mới bịp bợm và Hiến pháp 1992 phi quốc tế pháp.

Phái đoàn sẽ tiếp tục công cuộc đấu tranh cao đẹp nhưng vô cùng chật vật này trước diễn đàn nhân quyền Liên Hiệp Quốc và các cơ quan quốc tế có ảnh hưởng định đoạt gián tiếp hoặc trực tiếp đến tiền đồ Đất Nước và Tự Do, Dân Chủ của dân tộc Việt Nam.

Tin tưởng nơi lòng yêu nước, thương nòi và ý chí sắt đá của Quý Chiến Hữu trong quyết tâm đấu tranh chống Cộng Sản Việt Nam tàn bạo để sớm rút ngắn sự đau khổ của đồng bào ruột thịt thân yêu

đang oằn oại sống dưới một chế độ chuyên chế, thối nát, băng hoại, tối trần trọng và tha thiết kêu gọi Quý Chiến Hữu ở rải rác khắp nơi năm châu tiếp tay hỗ trợ Phái Đoàn Người Việt Tự Do trong cuộc chiến đấu chống bạo quyền Hà Nội bằng cách tiếp xúc với chúng tôi (qua trưởng phái đoàn hoặc phát ngôn nhân) và cung cấp các tài liệu chứng tích về những vi phạm nhân quyền mà Quý Chiến Hữu là nạn nhân để chúng tôi thành lập hồ sơ pháp lý để đệ nộp cho các Vị Chuyên Viên (Expert) của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tố cáo các tội ác của Cộng Sản Việt Nam.

Xin Quý Chiến Hữu gửi đến chúng tôi:

- Mọi giấy tờ liên quan đến sự bắt bớ giam cầm, giấy ra trại cải tạo, giấy báo tử, giấy tịch thu của cải, tài sản v.v... (Xin cung cấp bản sao có thị thực)

- Tổ tưởng trình trong kê khai rõ mọi chi tiết về việc bị bắt vào tù, về lối đối xử bạo tàn của nhà tù cộng sản (ăn uống, quần áo, đau ốm, thuốc men, lao động khổ sai, biệt giam xà-lim, tra tấn hành hạ..., tên trại trường cán bộ); xin ghi rõ bị giam trại nào, thời gian ở tù ngày nào đến ngày nào, có được gia đình thăm viếng hay không..., khi về địa phương bị quản chế ra sao, những khó khăn trong hộ khẩu... (xin đính kèm chứng thư danh dự, mọi giấy tờ có thể thành lập bằng tiếng Việt, tiếng Anh hay tiếng Pháp sẽ được chuyển đến Luật sư cố vấn Phái Đoàn để nghiên cứu và thành lập hồ sơ pháp lý chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền của Liên Hiệp Quốc).

Kính xin Quý Chiến Hữu tiếp tay chúng tôi phổ biến rộng rãi Thư Ngỏ này đến các Bạn gần xa cùng bị cầm tù đầy đẽ Chiến Dịch Nhân Quyền này được nhiều người biết đến và tham gia.

Với niềm tin Quyết Thắng trong việc giải thể chế độ cộng sản phi nhân và xóa bỏ Hiến Pháp 1992, tôi xin chân thành tri ân và trân trọng kính chào Quý Chiến Hữu.

Hải ngoại, ngày 30 tháng 3 năm 1996

Trưởng Phái Đoàn Người Việt Tự Do

Trần Quang Túc (ký tên)

THÔNG BÁO

Đã nhiều lần Ban Biên Tập báo Viên Giác có lưu ý quý vị nhận báo là mỗi khi có thay đổi địa chỉ phải ghi rõ Họ, Tên và Địa chỉ cũ để tránh có sự nhầm lẫn vì sự trùng hợp Họ và Tên của nhiều người khác. Nhưng cho đến nay, quý vị chỉ ghi Họ, Tên và Địa Chỉ Mới. Một lần nữa, chúng tôi xin quý vị:

1. Mỗi lần thay đổi địa chỉ xin ghi rõ Họ & Tên và Địa Chỉ Cũ y như nhân tên dán trên bao thư báo Viên Giác. Nếu quý vị nào không ghi, buộc lòng chúng tôi xếp lá thư đó lại và quý vị sẽ không có báo đọc.

2. Xin giữ nguyên Họ và Tên y như nhân tên dán trên bao thư báo Viên Giác. Đừng thay đổi khi thì Tên trước, Họ sau, khi thì chữ lót trước rồi Tên và Họ, v.v... Thay đổi như vậy rất khó tìm trong máy điện toán. Vì chúng tôi sắp xếp Tên quý vị theo vần A, B, C, v.v...

3. Khi có chuyển hoặc gửi tiền dùm cho ai để ủng hộ báo Viên Giác, xin ghi rõ Họ, Tên và địa chỉ của người ủng hộ để chúng tôi tiện vào sổ sách.

Xin cảm ơn quý vị.

• Tân BCH Chi Hội Phật Tử VNTN tại Reutlingen & VPC

Ngày 4.5.1996, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa, Chi Bộ Trưởng Chi Bộ GHPGVNTN/Đức, Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản tại Reutlingen và VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1996-1998, với thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH Thiện Hậu Trần Xuân Hiền
- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH Thiện Phát Dương Tường
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH Thiện Thanh Lý Văn Văn
- Thư Ký: ĐH Diệu Đức Lê Thị Hồng
- Thủ Quỹ: ĐH Thiện Vũ Lê Thọ Hạng
- Phụ Tá Tổng Quát: ĐH Thiện Ngộ Trần Văn Huyền
- Phụ Tá Tổ Chức: ĐH Thiện Danh Hàn Cường
- Cố Vấn: ĐH Thiện Nguyên Hoàng Đôn Trinh

Địa chỉ liên lạc:

Herr Trần Xuân Hiền

Beim Herbstenhof 42 - 72076 Tübingen - Tel. 07071 - 67944

Nhân dịp này, Hội Phật Tử VNTN tại Đức xin chào mừng tân Ban Chấp Hành và cầu chúc quý Đạo Hữu sẽ gặt hái được nhiều thành quả trong công việc Phật sự.

• Một tác phẩm đặc sắc:

"Đoạn trường tân thanh: Tiếng nói trong lời buồn"
của Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân

Một biên khảo về Truyện Kiều rất văn chương và rất tư tưởng. Đọc tác phẩm để thấy tại sao không nên gọi Đoạn Trường Tân Thanh I là Truyện Kiều. Đọc NT & TMX để thấy "Đoạn Trường Tân Thanh" của Nguyễn Du là một tác phẩm tư tưởng vĩ đại chứ không riêng là một tiểu thuyết thơ về tâm lý, tình cảm, xã hội, triết lý, nghệ thuật. Hai tác giả bác bỏ hết mọi nhận xét về Truyện Kiều trước nay dù theo quan điểm duy tâm hay duy vật để nhìn ra Lẽ Đạo điều hướng diễn biến sinh hóa của nhân sinh, ý nghĩa cùng cứu cánh cuộc sống, cuộc đời qua thân phận một hồng nhan đa truân. Kiều không là nạn nhân của là "Tài mệnh tương đố", không là nạn nhân của "số kiếp", cũng không là nạn nhân của xã hội phong kiến thối nát. Các nhà văn hóa Cộng Sản (Đặng Thái Mai, Nguyễn Bách Khoa, Đặng Thành Lê, Lê Đình Kỳ, Vũ Hạnh, ...) không hiểu hoặc hiểu lệch Truyện Kiều cùng tư tưởng Nguyễn Du. Đọc để hiểu tại sao Nguyễn Du đặt tên tác phẩm mình là "Đoạn Trường Tân Thanh" và tại sao lại phóng tác một tác phẩm vào hạng "dâm thư" của Trung Hoa. Đọc để thấy mỗi nhân vật trong Đoạn Trường Tân Thanh là hình ảnh mỗi người, hình ảnh thân phận con người trong dòng đời trôi nổi để tìm về một bến bờ bình an đoàn tụ, một cảnh sống hài hòa êm đẹp của con người, của xã hội không còn thế thiết khổ đau.

Quyển I mỗi phần tích nhân vật một cách khác lạ mà mọi phân tích trước nay chưa đạt đến.

Đón đọc Quyển II đi sâu vào "Tư tưởng trong ĐTTTT" mà Nguyễn Du cất giấu qua câu chuyện thường tâm bình thường.

Đây là một tác phẩm biên khảo về Đoạn Trường Tân Thanh đặc sắc nhất, sâu sắc nhất trước nay.

Sách do MÊKONG Ty Nạn, P.O. Box 612101, San Jose, CA 95161 - USA - xuất bản. Giá Mười Bốn Mỹ Kim.

• TUỔI TRẺ VÀ BÚT NHÓM NẮNG MỎI

Với hoài bão tạo dựng một diễn đàn cho giới trẻ Việt Nam tại hải ngoại, ngày 8 năm 1995, anh Trưởng Xuân Dũng đã gửi bức thư điện tử (Email) kêu gọi tham gia Bút Nhóm Nắng Mỏi (BNNM) đến các bạn trẻ yêu chuộng văn thơ qua mạng vì tính quốc tế (Internet). Để đáp lại niềm khát vọng giúp giới trẻ Việt Nam có được một nhịp cầu liên lạc cũng như bảo tồn nền văn hóa Việt, BNNM đã được hình thành với sự hưởng ứng từ khắp mọi nơi như Mỹ, Úc, Canada, Anh, Na Uy, Đức v.v... Do đó có thể nói là BNNM là nơi tụ hội của những cây bút thật trẻ đầy nhiệt huyết với tâm nguyện quay về cội nguồn về nguồn, yêu chuộng văn hóa Việt Nam. Mục đích và lập trường của BNNM như sau:

- Tìm về nguồn Văn Hóa Việt Nam
- Tìm hướng đi để bảo tồn Văn Hóa Việt Nam
- Tạo cơ hội cho Thanh Thiếu Niên trau dồi tiếng Việt
- Nhịp cầu đối thoại giữa các thế hệ
- Một diễn đàn thông tin sinh hoạt
- Môi trường giúp giới trẻ Việt Nam hải ngoại tìm hiểu lịch sử, địa lý, phong tục tập quán nước nhà
- Hội quán để giới trẻ gặp gỡ, phát triển tài năng sáng tác thi văn, nghệ thuật, hội họa, nhạc kịch v.v...

Tập San Bút Nhóm Nắng Mỏi được phát hành định kỳ vào mỗi tam cá nguyệt (tức 1 năm 4 số). Giá báo cho 1 năm (kể cả cước phí):

Trong nước Đức: Ba Mười Đức Mã

Âu Châu : Ba Mười Lăm Đức Mã

Nước ngoài: Hai Mười Lăm Mỹ Kim (đường thủy)

Tòa Soan Nắng Mỏi

c/o Trưởng Xuân Dũng

Gustavburger Str. 23

65462 Ginsheim - Tel. 06144-3950

Ngân phiếu, tiền đặt báo ủng hộ xin để

Tập San Nắng Mỏi

Số trường mục (Konto Nr) 57 34 77

Số nhà Bank (BLZ) 508 622 17

Genossenschaftsbank Ginsheim E.G.

• Hội Nghị Liên Kết 96 Thành Công Tốt Đẹp

- 120 đại biểu đại diện 60 đoàn thể trên khắp thế giới tham dự

- Quyết tâm đẩy mạnh các công tác cụ thể để thực hiện "Liên Kết Trong Ngoài"

Santa Ana, 14 tháng 4.1996: "*Chỉ có sức mạnh tổng hợp của nhiều tổ chức, đoàn thể và các thành phần thuộc lực lượng dân tộc dân chủ, của cả hai bộ phận trong và ngoài nước, mới có thể thực hiện được nguyện vọng của đại khối dân tộc Việt Nam là chấm dứt chế độ độc tài công sản Việt Nam và xây dựng một thể chế dân chủ đích thực*".

Đó là nhận định căn bản của bản Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Liên Kết 96 (HNLK-96) đã được ông Võ Đại Tôn long trọng tuyên đọc trong buổi tưởng trình diễn tiến và thành quả Hội Nghị, tổ chức tại sảnh đường Khách Sạn Holiday Inn, thành phố Santa Ana, miền nam California, Hoa Kỳ, vào lúc 3 giờ chiều Chủ nhật 14.4, ngay sau khi Hội Nghị bế mạc.

Mở đầu buổi sinh hoạt, sau phần nghi thức chào cờ và mặc niệm, ông Trần Quốc Bảo, Chủ tịch Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam và là Trưởng Ban Tổ Chức HNLK-96 ngỏ lời chào mừng quan khách và cho biết HNLK-96 với chủ đề "Dân chủ cho Việt Nam: Liên Kết Trong Ngoài" là một nỗ lực của Ủy Ban Liên Lạc các Tổ Chức Người Việt Tự Do nhằm nối rộng sự liên kết đã đề ra một năm trước trong Ủy Ban Liên Lạc, lập ra trong HNLK-95, với nhân sự đại diện tham dự HNLK-96 là: ở Úc Châu, Liên Minh Quang Phục Việt Nam với ông Võ Đại Tôn, Tổng Ủy Viên Điều Hợp, Cộng Đồng Người Việt Tự Do Liên Bang Úc Châu với ông Nguyễn Văn Sơn, Phó Chủ tịch Ngoại vụ; ở Á Châu, Hiệp Hội Người Việt tại Nhật Bản với ông Lê Văn Xê, Chủ tịch; ở Âu Châu, Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn tại Hòa Lan với ông Phạm Ngọc Ninh, Chủ tịch, Liên Minh Việt Nam Tự Do với ông Nguyễn Ngọc Đức, Tổng Thư Ký; ở Mỹ Châu, Cộng Đồng Người Việt tại Hoa Kỳ với ông Trần Xuân Thời, Chủ tịch, Hội Đồng Người Việt Nam Tự Do với TS Lê Phước Sang, Chủ tịch, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam với ông Nguyễn Kim, Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Hải Ngoại, Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt tại Hoa Kỳ với GS Nguyễn Ngọc Bích, Chủ tịch, và Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam. Ông Vũ Xuân An, Tổng thư ký của Liên Hội Người Việt tại Gia Nã Đại, đoàn thể thành viên của UBLL ở Canada, vì trở ngại vào phút chót đã không thể qua tham dự Hội Nghị.

Kế tiếp, ông Phạm Ngọc Ninh thay mặt Ban Tổ Chức tường trình diễn tiến sinh hoạt của HN. Ông cho biết, HNLK-96 khai mạc lúc 9 giờ sáng Thứ Bảy 13.4, qui tụ 120 đại biểu đại diện cho 60 tổ chức, đoàn thể tôn giáo, chính trị, cộng đồng và hiệp hội, đến từ Úc, Tân Tây Lan, Nhật, Pháp, Hòa Lan, Canada, và hơn 40 tiểu bang và thành phố lớn của Hoa Kỳ. Sau nghi thức khai mạc, lễ cầu nguyện cho quê hương dân tộc của các vị lãnh đạo tinh thần đại diện các tôn giáo, và phần giới thiệu các phái đoàn tham dự, ông Trần Quốc Bảo, Trưởng Ban Tổ Chức đã long trọng tuyên bố khai mạc Hội Nghị sau đó ngỏ lời chào mừng các đại biểu và trình bày nhu cầu khẩn thiết của việc liên kết trong ngoài.

Tiếp đó, theo tường thuật của ông Ninh, suốt ngày Thứ Bảy và buổi sáng Chủ Nhật, HN đã thảo luận các đề tài "Thực trạng và viễn cảnh Việt Nam" (diễn giả: ông Võ Đại Tôn), "Sự phân rã trong nội bộ Đảng CSVN" (ông Nguyễn Kim), "Tiềm năng các lực lượng dân tộc (ông Phan Như Toàn), "Nhu cầu Liên Kết trong ngoài" (ông Nguyễn Ngọc Đức), "Vai trò của cộng đồng Việt Nam hải ngoại" (ông Trần Xuân Thời), "Vai trò quốc tế và khả năng ngoại vận của hải ngoại" (ông Nguyễn Ngọc Bích), và "Các công tác cụ thể để thực hiện liên kết trong ngoài" (ông Nguyễn Văn Sơn). Phần thảo luận sau mỗi đề tài đã diễn ra sôi nổi, hào hứng nhưng luôn luôn trong tinh thần dân chủ và xây dựng. Lúc 11 giờ sáng Chủ Nhật, HN qua phần thảo luận chung quyết bản Tuyên Bố Chung nói lên quyết tâm chung là đấu tranh xóa bỏ chế độ CS độc tài đảng trị, và đồng lòng thực hiện các công tác cụ thể để đẩy mạnh liên kết trong ngoài. Tiếp đó, Hội Nghị đã nghe bản đúc kết của Ban Tổ Chức do ông Ngô Quốc Sĩ trình bày

và phần tường trình chỉ thu tài chính của ông Nguyễn Minh Đường. Hội Nghị chấm dứt lúc 1 giờ 30 chiều Chủ Nhật với lời chia tay tạm biệt của Ban Tổ Chức. Ông Phạm Ngọc Ninh kết luận phần tường trình với nhận xét; mặc dù khác biệt về sắc thái và phạm vi hoạt động những 120 đại biểu, đại diện 60 đoàn thể tham dự HNLK-96 đều chia sẻ một quan điểm chung là cần liên kết với các lực lượng chống đối xuất phát từ trong lòng chế độ vì đây là những mũi nhọn xung kích rất hiệu quả để phá sập thành trì CSVN.

Sau phần tường trình diễn tiến Hội Nghị, ông Võ Đại Tôn đã tuyên đọc bản Tuyên Bố Chung của các tổ chức, đoàn thể tôn giáo, chính trị, cộng đồng và hiệp hội tham dự HNLK-96 nói lên quyết tâm đẩy mạnh việc liên kết trong ngoài và cụ thể hóa quyết tâm này bằng một số công tác chung mà các đoàn thể chung sức thực hiện trong thời gian tới.

Buổi sinh hoạt tường trình đã kết thúc vào lúc 5 giờ chiều cùng ngày trong niềm lạc quan và tin tưởng của những người tham dự.

• **Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện nói chuyện tại Hamburg**



Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đang thuyết trình trước bàn thờ Tổ Quốc.

Hamburg:- Từ 15 giờ ngày 5.5.96, Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện, tác giả tập thơ Hoa Địa Ngục, do sự hướng dẫn của GS Lai Thế Hùng, Phó trí viên của Ủy Ban Vận Động Nhân Quyền Cho Việt Nam, đã cùng với GS Lê Hòa Huyền Thanh Lữ, Phó trưởng Phái đoàn, Phái Đoàn Người Việt Tự Do, ông Lê Thanh Tùng, Đại biểu Việt Nam Quốc Dân Đảng Châu Âu đã đến thuyết trình về Nhân Quyền tại Hamburg, nhân ngày Giỗ Tổ Hùng Vương do Hội Người Việt TNCS tại địa phương tổ chức.

Sau phần chào cờ và mặc niệm, nghi lễ truyền thống là phần thuyết trình của Ngục sĩ Nguyễn Chí Thiện - một thi nhân lỗi lạc, một nhân chứng sống của

thảm họa cộng sản - phân tích về cuộc đời tù ngục của ông, tình hình trong nước, sự âm thầm tranh đấu của các thành phần đối kháng...

Phái đoàn NVTD và Đại biểu VN/QDDĐ - một đảng phái cách mạng mà thành quả tranh đấu với cộng sản đã đi sâu vào lòng dân tộc - đã phân tích trình bày thành quả của cuộc tranh đấu cho Nhân Quyền trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc vào đầu tháng 3.96.

Hơn 250 người tham dự. Rất nhiều câu hỏi về nhiều vấn đề liên hệ được tham dự viên gởi lên cho Ban Điều Hành, nhưng rất tiếc không đủ thì giờ để cho người điều khiển chương trình đọc hết những ưu tư thắc mắc, nên hầu như bà con không mấy vui lòng.

Xen vào các tiết mục của buổi sinh hoạt là những bài ca về tình tự quê hương, đấu tranh cho dân tộc. (PV)

• **Tự Do - Dân Chủ - Nhân Quyền cho Việt Nam**

Tóm tắt bài phát biểu của ông Nguyễn Văn Đại, Phó Chủ Nhiệm Nhóm Phim "Tứ Liệu Hải Đăng" và là thành viên trong BCH Hội

VNTN tại Mainz trong cuộc biểu tình tại thành phố Mainz ngày 30.4.1996.

Kính thưa Ban Tổ Chức
Kính thưa Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện
Kính thưa ông Lai Thế Hùng, Chủ tịch Cộng đồng Người Việt Quốc Gia hải ngoại Khu vực Châu Âu
Kính thưa toàn thể quý anh chị

Kể từ sau năm 75 chính quyền cộng sản Việt Nam (CQCSVN) đã cưỡng chiếm Miền Nam, thống trị toàn đất nước. Nhìn lại chặng đường 21 năm qua, CQCS càng ngày càng lộ rõ bộ máy đàn áp rộng lớn và tinh vi xảo quyệt, lộng hành bất chấp pháp luật, dù luận, chà đạp lên quyền Tự Do của nhân dân, bằng mọi thủ đoạn để khống chế con người và xã hội.

Chúng đã đưa đất nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế, các công trường và xí nghiệp bị phá sản, nạn thất nghiệp ngày càng tăng lên, kéo theo tệ nạn xã hội như: Nạn đĩ điếm, buôn lậu, tham ô, những lạm tài sản quốc gia. Nền giáo dục cũng bị thoái hóa. Hơn 2 triệu người dân phải bỏ Tổ Quốc ra đi tìm Tự Do tàn mạt khắp mọi nơi trên thế giới. Nền nông nghiệp thì lạc hậu, những người nông dân bị đói khổ kéo dài liên miên. Nói tóm lại CQCS chỉ đưa đất nước ta ngày càng nghèo nàn và lạc hậu nhất thế giới. Chẳng qua đó là sự lãnh đạo của một chế độ độc tôn, đảng trị, đặt quyền lợi cá nhân lên trên quyền lợi của dân tộc.

Kính thưa toàn thể quý đồng hương,

Trước xu thế phát triển chung của toàn thế giới, chủ nghĩa CS đã bị sụp đổ, các chế độ độc tài chuyên chế ở Đông Âu đã bị tan rã, Tự Do - Dân Chủ và Nhân Quyền đang hướng tiến chung của nhân loại. Mặc dù vậy CQCS không chịu từ bỏ chế độ độc tôn, đảng trị, vẫn còn ngoan cố giữ vững địa vị lãnh đạo, họ đã tăng cường ráo riết những sự bắt bớ giam cầm những tiếng nói đại diện cho 72 triệu dân phản kháng, tố cáo sự sai trái của đảng, đòi Tự Do - Dân Chủ và Nhân Quyền cho nhân dân tiêu biểu như: GS Đoàn Viết Hoạt, BS Nguyễn Đan Quế, ông Nguyễn Hộ, ông Nguyễn Đình Huy... Thời gian gần đây nhất là sau khi CQCS dàn dựng những phiên tòa phi lý để xét xử và kết tội ông Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu. Những ngày cận Đại Hội 8 của Đảng vào tháng 6 tới này, CQCS càng gia tăng đàn áp những người có tư tưởng chống chế độ độc tài đảng trị như ông Hà Sỹ Phu, Lê Hồng Hà, Phạm Quế Đường... Ngay cả các nhà Tôn Giáo vẫn bị giam giữ hành hạ một cách rất vô lý như Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Hòa Thượng Thích Huyền Quang và nhiều các Tăng Ni, Phật Tử khác... Để củng cố vững chắc thêm địa vị lãnh đạo cai trị và che đậy sự thối nát, CQCS đã cho phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN! Nhưng tất cả chỉ là núp dưới chiêu bài bịp bợm, nhằm mục đích để xoa dịu nhân dân, lừa gạt dư luận thế giới và phân hóa khối người Việt hải ngoại để bạo quyền tiếp tục thống trị đất nước ta mà thôi.

Hôm nay nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đã đến với chúng ta, đây là nhân chứng sống, trước công chúng và dư luận thế giới ông đã và sẽ vạch bộ mặt thật độc tài, độc trị, tàn ác dã man vô nhân đạo của CQCS đối với nhân dân và đất nước. Sự hiện diện của ông hôm nay làm tăng thêm sự đoàn kết và thúc đẩy chúng ta quyết tâm một ý chí đấu tranh đòi CQCS phải nhanh chóng thả ngay tức khắc các nhà tù chính trị cũng như các nhà Tôn Giáo khác đang bị giam cầm. Yêu cầu CQCS phải trả lại Tự Do Dân Chủ và Nhân Quyền cho nhân dân ta để cho nhân dân tự quyết định lấy vận mệnh đất nước. Chúng ta sẽ tin tưởng rằng sớm hay muộn CQCS sẽ tan rã thay vào đó là một chế độ Đa nguyên Đa Đảng trên đất nước ta, đất nước ta sẽ hòa chung vào cộng đồng thế giới.



Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện đang phát biểu trước cuộc biểu tình ngày 30.4.96 tại Thành phố Mainz

MỘT ĐIỂM SON

• Thích Nữ Như Viên

Tôi đến Mannheim lần đầu trong khóa "Tu Học Phật Pháp 2" của Chi Hội tổ chức. Đọc qua tám biểu ngữ treo trên đầu tường của Hội Trường với những hàng chữ lớn "KHÓA tu học Phật Pháp 2". Như vậy, Chi Hội nơi đây đã tổ chức một khóa trước và nay là khóa thứ hai.

Qua mấy ngày có mặt nơi đây, tôi đã thấy số lượng Phật Tử về tham dự già có trẻ có, bên nam bên nữ gần ngang bằng nhau trên 180 và có thể tăng thêm đến 200 hoặc trên 200 vào ngày thứ bảy và chủ nhật cuối tuần. Không biết khóa học trước được bao nhiêu người tham dự, nhưng tôi có cảm nghĩ là nếu những khóa sau được tiếp tục tổ chức thì số người về tham dự sẽ tăng nhiều hơn, với nhiều lý do mà tôi được nhận thấy nơi đây:

- Điều chính yếu và cũng là điều rất nên tán dương tinh thần ham muốn học Phật của các vị trong Chi Hội, không chỉ có riêng mình được học mà còn cho mọi Phật Tử cùng được học nên đã khởi xướng ra ý nguyện tổ chức khóa học hồi giáo lý, đã thỉnh mời quý Thầy giảng sư về giảng dạy. Thời gian của bốn ngày cuối tuần, tôi nghĩ cũng đủ đem lại sự bổ ích cho quý Phật Tử, mở rộng sự hiểu biết Phật pháp. Và một khi hiểu biết thì đem áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình, cho gia đình và ngoài xã hội nữa.



phòng tiện nghi cho việc nấu nướng, bữa ăn, phòng ngủ nghỉ cho Chủ Tăng và Phật Tử (có giường nệm cho quý Đạo Hữu lớn tuổi hoặc những người sức khỏe không được tốt), có đủ các phòng giảng dạy cho hai lớp cùng một thời gian dạy.

- Buổi sáng ngày đầu trong giờ khai giảng, Ban Tổ Chức đã thỉnh quý Thầy giảng sư cùng kết hợp để tiến hành việc phân chia công tác cho các Ban làm việc: Ban Hành Đường, Ban Trai Soạn và Ban Vệ Sinh cùng giờ giấc làm việc của các Ban, cũng như Thời Khóa Biểu mỗi ngày được dán lên. Những người đăng ký vào Ban nào thì lo chấp hành phận sự của mình. Công việc được nhịp nhàng ổn định. Có lẽ vì tinh thần của khóa học và chỉ tập trung hết thì giờ vào việc học nên không khí có vẻ yên tĩnh hơn những kỳ lễ lớn của các Chùa tổ chức. Nhưng dù sao quý Phật Tử đã có ý muốn để chuẩn bị, sắp xếp mọi công việc từ việc làm, việc nhà, con cái để được đi về Chùa tham dự lễ hay tham dự các khóa học Phật pháp, đó cũng là một điều nên tán dương, nói lên được tinh thần hướng tâm về Đạo của người con Phật.

- Chọn lựa một địa điểm tốt rộng rãi, phân chia công tác toàn chỉnh, và một điểm quan yếu nữa là thỉnh mời được những vị Thầy giảng sư có sở học Phật pháp. Tất cả những điều này đã đem lại cho những người tham dự khỏe khoắn thoải mái - thích học - và ảnh hưởng cho những khóa tu học Phật pháp sau tăng thêm số lượng người về tham dự, đem lại lợi lạc cho bao người.

Tất cả những lý do này là Một điểm son cho Ban Tổ Chức mà mọi người đều nhìn thấy và phải tán dương tinh thần của tất cả anh chị em. Do vậy, tôi nghĩ là Thầy Chi Bộ Trường tại Đức nên làm

một BẢNG KHEN cho toàn thể anh chị em trong Ban Tổ Chức của Chi Hội Mannheim này. Trước là để mọi người thấy rằng sự học Phật là cần thiết; Cần thiết như sự ăn uống, ngủ nghỉ và thờ của mỗi con người chúng ta vậy và sau là để cổ động tinh thần cho các Chi Hội khác nên noi theo, cố gắng thực hiện để đem lại lợi ích cho Đạo Hữu và Phật Tử của Chi Hội mình nói riêng và cho mọi người khác nói chung.



- Điều thứ hai, là Ban Tổ Chức đã biết chọn địa điểm tốt. Cùng trong một nơi mà có đầy đủ bãi đậu xe, sân bên ngoài với những con đường phố nhỏ để cho mọi người ra thở khí trời, sưởi nắng ấm, đi dạo, gặp gỡ nói chuyện làm quen sau những giờ ngồi học mệt mỏi; cùng các

Phẩm "TÙY HỖ CÔNG ĐỨC" thứ 18 trong kinh Pháp Hoa, Phật cũng có dạy khi một nơi nào có vị Pháp Sư giảng pháp mà phát tâm đến ngồi hoặc đứng trong chỗ lát nghe nhận, nhờ công đức đó chuyển thân sinh ra được voi, ngựa, xe cộ, kiệu cán bằng trân bảo tốt đẹp bậc thượng và được ở Thiên Cung hoặc nếu có người ngồi trong chỗ giảng pháp, sau lại có người đến bèn khuyến mời ngồi nghe hoặc chia chỗ ngồi, công đức của người đó chuyển thân được chỗ ngồi của Đế Thích, hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương, hoặc chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương. Chỉ khuyến nơi một người khiến qua nghe pháp mà công đức như thế, huống là một lòng nghe nói, đọc, tụng, lại ở trong đại chúng vì người phân biệt, đúng như lời dạy mà tu hành.

Do vậy mà việc tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp của Chi Hội Mannheim để cho mọi người cùng đến nghe pháp, công đức thật vô lượng vô biên. Nơi nào Phật pháp được lưu truyền tôi nghĩ nơi đó sẽ có

những vị Hộ Pháp có mặt để làm công việc hoằng truyền chánh pháp.

Mannheim, 18.5.96

• **Thông cáo Báo Chí của Trung Tâm Âu Châu Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại về Đại Hội Đồng Kỳ V tại Reutlingen 25, 26.5.96.**

Đại Hội Đồng Trung Tâm Âu Châu Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nhóm họp tại Thành phố Reutlingen, miền Nam nước Đức trong hai ngày 25, 26.5.96 để duyệt xét công tác đã được thực hiện trong hai năm qua và định đường hướng cùng kế hoạch cho thời gian tới.

Đại Hội Đồng bày tỏ quyết tâm hoàn thành sứ mạng đã được đề ra theo đúng chủ trương của Hội VBVMHN và Văn Bút Quốc Tế, đặc biệt chú trọng đến việc phổ biến văn hóa Việt Nam tới các cộng đồng bản xứ và việc đóng góp nỗ lực vào công cuộc vận động tự do, dân chủ tại Việt Nam.

Sau khi Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 94-96 tuyên bố mãn nhiệm, Đại Hội Đồng đã bầu Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 96-98 và giao cho tân Ban Chấp Hành mới thêm các Ủy viên trách nhiệm về một số công tác chính của Trung Tâm. Danh sách toàn Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1996-98 như sau:

Chủ tịch: VH Từ Nguyên
 Phó Chủ tịch: VH Phú Văn
 Tổng Thư Ký: VH Từ Hùng
 Thủ Quỹ: VH Bình Phương
 Ủy Viên Giao Tế và Văn Nghệ: VH Bích Xuân
 Chủ biên Tập IV Văn Bút Âu Châu: Các VH Vũ Nam (Trường Ban), Đan Hà, Huy Giang
 Bản Tin Tin Văn: VH Từ Nguyên
 Tổ Chức Đại Hội Trung Tâm Âu Châu 1997: VH Trúc Giang.

Đại Hội Đồng đã được dịp sinh hoạt với Cộng đồng tại địa phương trong buổi chiều Thứ Bảy 25.5.96. Trong dịp này, VH Bùi Hạnh Nghi đã thuyết trình về vấn đề Văn Chương và Dân Chủ, VH Mạnh Bích giới thiệu Tập III Văn Bút Âu Châu vừa ra mắt trong Đại Hội Đồng kỳ này và một số tác phẩm của các Văn Hữu khác.

Các nhóm Sinh viên và Thanh niên chủ trương Tập Chí Năng Mỏi, Tập San Văn học Nghệ thuật của Thanh Thiếu Niên tại Âu Châu đã góp phần văn nghệ phụ diễn rất đặc sắc.

TVN PHẬT SỰ

• **Lễ Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật cầu an tại Reutlingen**

Trong 2 ngày 04-05 tháng 5 năm 1996 vừa qua, Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen & VPC đã được thuận duyên tổ chức Lễ Thọ Bát Quan Trai, Lễ Phật cầu an cho hai Chi Hội Phật Tử Tüttlingen-Rottweil và Reutlingen & VPC tại địa điểm Ferientageheim/Metzingen do Thượng Tọa Thích Như Điển chủ trì. Buổi lễ đã qui tụ rất đông đảo Đạo Hữu và Phật Tử, trong số có một phần tử nơi xa đến như: Ulm, Laupheim, Stuttgart, Pforzheim, Senden, Tennenbronn, Sindelfingen... Đáng kể là đại diện các Chi Hội Phật Tử Frankfurt, Karlsruhe, Nürnberg. Bắt đầu từ 10 giờ sáng, là Lễ Phật cầu an định kỳ, 11 giờ Thượng Tọa làm Lễ truyền Bát Quan Trai giới cho 69 giới tử gồm: 41 Nữ, 27 Nam. Tại Chánh điện được trang trí đẹp đẽ, trang nghiêm với 8 câu Kinh, rút trong Bát Đại Nhón Giác treo xung quanh. Đối diện với Đấng Thế Tôn, và Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, do Chi Hội mới thành lập chùa Viên Giác về, là câu Kinh Hoa Nghiêm: "Đức tin là nguồn gốc của Đạo, là mẹ của các công đức, nuôi dưỡng tất cả các Pháp lành" đã khiến cho các Đạo Hữu và Phật Tử chú ý. Đặc biệt, trong chương trình thọ giới lần này, Thượng Tọa đã thuyết giảng 2 đề tài: 1/ * 12 đại nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. 2/ * Kinh Bát Đại Nhón Giác. Và Thượng Tọa đã hướng dẫn thiền hành trong thời gian 1 giờ đồng hồ dưới bầu không khí dịu ấm của mùa xuân muộn, với thiên nhiên trong lành hoa nắng thắm tươi

quanh ngọn đồi rộng rãi (khoảng 3500 bước thiền hành) nằm sát nơi tổ chức cuộc Lễ. Qua ngày 05.5.1996, trước khi Lễ xả giới, Thượng Tọa đã làm Lễ cho 11 Phật Tử (7 Nữ, 4 Nam) phát tâm Qui Y Tam Bảo. Trong dịp này, dưới sự chứng minh của Thượng Tọa, Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen & VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1996-1998 (Có đăng nội mục Thông Báo & Sinh Hoạt Cộng Đồng).

Nhờ hồng ân Tam Bảo gia hộ, buổi Lễ Thọ Bát Quan Trai, Lễ Phật



cầu an trong 2 ngày 04-05 tháng 5.1996 đã hoàn thành viên mãn, và chấm dứt lúc 13 giờ với sự hoan hỉ của các Đạo Hữu và Phật Tử đầy Đạo tình, Đạo tâm.



(Thiện Chánh ghi)

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiệp của ĐH Vô Toàn Trung ở Hamburg báo tin lễ Vu Quy cho Trường Nữ là cô:

Diệu Hiền VÕ THÙY TRÂM
 đệ duyên cùng cậu:
TRẦN NHƯ QUANG

là Thủ Nam của Ông Bà Trần Kiệt ở Lüneburg.
 Hôn lễ được cử hành ở Bảo Quang Ni Tự, Hamburg, vào ngày 04.5.1996.

Chúng tôi thành thật chung vui cùng hai họ Võ & Trần và cầu chúc cô cậu Thùy Trâm & Như Quang "Trăm Năm Hạnh Phúc".

- Bảo Quang Ni Tự
 - Chi Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn Hamburg
 Đoàn sinh GĐPT Pháp Quang cầu chúc hai anh chị sớm có cháu bé để GĐPT chúng em có thêm Oanh Vũ mới.
 - GĐPT Pháp Quang

TRANG KHOA HỌC

Máy Tính

Phương trình bậc hai là phương trình có dạng:

$$ax^2 + bx + c = 0 \wedge a \neq 0$$

Chia hai vế cho a suy ra:

$$x^2 + \frac{b}{a}x = -\frac{c}{a}$$

Cộng hai vế với $\frac{b^2}{4a^2}$ ta có:

$$x^2 + \frac{b}{a}x + \frac{b^2}{4a^2} = -\frac{c}{a} + \frac{b^2}{4a^2}$$

Suy ra:

$$\left(x + \frac{b}{2a}\right)^2 = \frac{b^2 - 4ac}{4a^2} \Leftrightarrow \left(x + \frac{b}{2a}\right) = \pm \frac{\sqrt{b^2 - 4ac}}{2a}$$

Ta có hai nghiệm số:

$$x_1 = \frac{-b + \sqrt{b^2 - 4ac}}{2a} \vee x_2 = \frac{-b - \sqrt{b^2 - 4ac}}{2a}$$

Thí dụ 1: Giải phương trình $2x^2 - 3x + 1 = 0$

Ta có:

$$a = 2; b = -3; c = 1$$

$$x_{1,2} = \frac{3 \pm \sqrt{9 - 8}}{4} = \frac{3 \pm 1}{4} \Rightarrow \begin{cases} x_1 = 1 \\ x_2 = \frac{1}{2} \end{cases}$$

Thí dụ 2: Giải phương trình

$$z^2 - 2z + 5 = 0$$

$$z_{1,2} = \frac{2 \pm \sqrt{4 - 20}}{2} = 1 \pm \sqrt{-4}$$

Những người ta không chịu "đứng chững" tại đây nên mới có định nghĩa mới: i là số ảo với đặc tính $i^2 = -1$.

$$\text{Vậy: } z_{1,2} = 1 \pm \sqrt{4(-1)} = 1 \pm \sqrt{4i^2} = 1 \pm 2i$$

Số có dạng $z = a + ib$ được gọi là số phức hay số tạp. Các phép tính trên số phức cũng tương tự trên số thật. Thí dụ:

$$(2+3i)+(6-5i)=8-2i$$

$$(5-5i) - (7+4i) = -2 - 9i$$

$$(2+3i)(4-2i) = 8 - 4i + 12i + 6 = 14 + 8i$$

$$(a+ib)(c+id) = ac + iad + ibc - bd = (ac - bd) + i(ad + bc)$$

Ta thấy muốn nhơn hai số phức cái máy tính phải làm bốn phép nhơn số thật, được biết: ac, bd, ad, bc . Phép cộng và phép trừ thì không quan trọng vì đó chỉ là phép tịnh tiến. Nhìn người Tàu với cái "bản toán" thì rõ, để làm toán cộng và toán trừ người ta chỉ cần đẩy tới đẩy lui cái con chạy, toán nhơn mới là vấn đề.

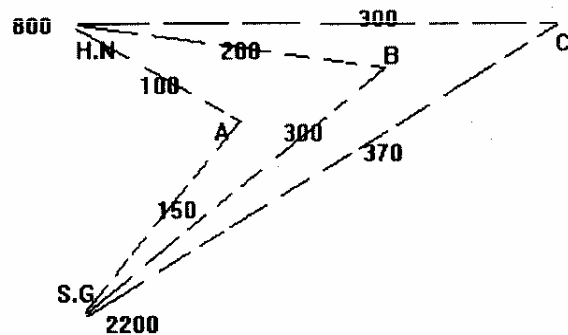
Để đơn giản công việc cho máy tính, đồng nghĩa với để nó làm việc nhanh hơn và tiết kiệm diện tích của "chips", người ta đã bắt được một phép nhơn.

$$(a+ib)(c+id) = (ac - bd) + i((a+b)(c+d) - ac - bd)$$

Được biết ba phép nhơn số thật là $ac, bd, (a+b)(c+d)$. Nhưng khoa học thì tiến bộ không ngừng, do vậy người ta phải tìm ra cách trình bày khác cho số phức để canh tân cái máy hiện tại, phương pháp này gọi là "lục giác đều nhị phân", có cơ số là 2 và các số mã là các phần tử của tập hợp nghiệm số của phương trình: $z^6 - 1 = 0$.

Đồ Vui Để Học

Giả thiết rằng ngoài khơi Việt Nam có ba giếng dầu được tìm thấy: A, B, C. Mỗi giếng cung cấp mỗi ngày 1000 thùng dầu thô. Người ta phải vận tải số dầu này về nhà máy để lọc: 800 thùng về nhà máy ở Hà Nội và 2200 thùng về nhà máy ở Sài Gòn. Khoảng cách từ A đến hai nhà máy lần lượt là 100 km và 150 km, của B là 200 km và 300 km, của C là 300 km và 370 km. Biết rằng tiền chuyên chở mỗi thùng trên một km mọi tuyến đường đều bằng nhau và bằng một đồng. Hỏi người ta phải vận chuyển thế nào để tiền tổn phí ít nhất. Tính tiền tổn phí đó.



Quyển "Đồ vui để học" tập hợp 36 bài "đố", có lời giải và giáo khoa tóm tắt. Với dụng ý gọi cho người đọc sự hiếu kỳ, "vui để học".

Nếu quý vị và các bạn trẻ muốn nhận xin liên lạc với Lê Văn Quới, Lorentzweg 1, Department of Physics, University of Delft, Holland.

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ chức, Hội đoàn, Tôn giáo, Văn thi hữu khắp nơi gửi đến:

• Thư tín:

Hòa Thượng Thích Trí Chơn (Hoa Kỳ), Bình Anson (Úc), Phan Quang Đán (Hoa Kỳ), Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Phạm Hoàng Thái (Pháp), Thị Tâm (Đức), T. Nguyễn (Đức), Bé Ngọc (Đức), Diệu Huệ (Đức), Bảo Văn (Canada), Văn Nướng (Pháp), Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ), Đào Thị Chúc (Đức), Nguyễn Minh Lộc (Đức) Trần Đăng (Đức), Vũ Kỳ (Bi), Tùy Anh (Đức), Thiện Chánh (Đức), Nguyễn Văn Ba (Canada), Võ Thủ (Ấn Độ), Nguyễn Kiến Nghị (Đức), Ngọc Lang (Thụy Sĩ), Mạnh Bích, Thanh Bình (Thụy Sĩ), Phan Ngọc (Đức), Phái đoàn Người Việt Tự Do (Đức), Nguyễn Song Anh (Đức), Trần Thị Ngọc Lan - Ngọc Mai (Đức), Diệu Thái (Hoa Kỳ), Thúy Trúc (Hoa Kỳ), Nguyễn Thúy (Pháp), Vinh Xuân (Đức), Bùi Hữu Long (Đức), Hà Thị Nhân (Đức), Nguyễn Sĩ Long (Áo), Đan Hà (Đức), Trần Bình Tịnh (Pháp), Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan), Trần Tuấn Hùng (Hoa Kỳ), Phạm Ngọc Ninh (Hòa Lan), Y Khanh và Nhóm Năng Mối (Đức).

• Kinh, sách, báo chí:

Đức: Sinh Hoạt Cộng Đồng 4+5/96; Đi Tới số 11+12; Tuổi Trẻ số 4+5/96; Dân Chủ Cho Việt Nam số 9 - 3,4/96; Publik-Forum Extra; Dân Tộc số 4+5; TIP Aktuell Nr.10; Phật Quang Thế Kỳ số 15; Thiện Chí số 39+40; Dân Việt số 21; Vietnam Forum Heft 9; Cây Tre số 2+3; Kháng Chiến số 156; Buddhayana Zeitung Nr.4; Thông Tin VID I Nr.1+2; Bình Minh; Diễn Đàn Việt Nam số 61; Tập san Bút Nhóm Năng Mối số 1+2; Cảnh Ấn số 54+55; Dân Chủ & Phát Triển số 6; Đất Nước số 2; Người Dân số 3+4; Hy Vọng số 20; Cao Đài Giáo Lý số 38; Dân Chúa Âu Châu số 163; Việt Nam Liên Minh tháng 4+5/96; Buddhistische Monatsblätter XLII 5/6; Journal für Deutschland 4+5/96; Diên Hồng số 4; Tia Sáng số 29/96; Sông Lahn số 3; Diễn Đàn Tự Do Dân Chủ số 10; Bản Tin Tâm Giác số 5/96; Développement et Coopération Nr.3; Development and Cooperation Nr.3; Buddhas Licht - Nachrichten Nr.16; Entwicklung und Zusammenarbeit 5/6; Tự Do số 6.

Pháp: Bản Tin Phật Tử Hưởng Việt 4+5/96; Bản Tin Khánh Anh 4/96; Sự Thật số 15+16; Nhân Bản số 224+225; Thời Báo Marseille số 42+43; Kháng Chiến số 157; Thân Thể Con Người.

Bỉ: Luận cương về Văn Hóa Việt Nam II, Gs Vũ Kỳ; Bản Tin Đức Quốc số 4/96; Diên Hồng Xuân Bình Tý; Tuệ Giác số Phật Đản.

Hòa Lan: Việt Nam Nguyệt San số 111.

Anh: Quán niệm hơi thở; Giác Quang số 7.

Hoa Kỳ: Đạc San Trúc Lâm số 5; Chân Trời Mới số 3+4/96; Hoa Sen số 27; Đuốc Từ Bi số 51; Xây Dựng số 77+78+79; Ch'an Magazine Spring 96; Tài liệu soi sáng sự thật Tập 2 - Lê Hữu Đán; Dân Chủ Mới số 53; Ch'an News Letter Nr.115; Ngô Thoát + Chạnh Lòng Tiếng Thờ Rời - Vinh Hào.

Canada: Khai Thác Thị Trường 4-6/96; Buddha's Light News Letter Nr.8; Phật Quang Thế Kỳ số 9; Đối Lực số 9.

Đài Loan: Thiên Phật Sơn số 83+84; Phật Quang Thế Kỳ số 117+118+119; Hiện Đại Phật Giáo số 179+180; Trung Ngoại số 478+479.

Úc: Hoài Báo Đặc san Xuân Bình Tý.

• Trả lời bạn đọc:

- Hai cháu Trần Thị Ngọc Lan, Ngọc Mai (Đức) thân mến. Rất cảm động khi đọc những dòng thư của các cháu. Cảm ơn những bài thơ của các cháu đóng góp cho "Vườn Thơ Viên Giác". Đồng đã tàn, Xuân đã đến, bướm lượn ngoài sân, bông hồng hé nụ:

Xuân đến bên thềm bạn biết không?

Bên thềm vữa hé một nụ hồng

Ngoài sân bướm lượn, trời xanh ngắt

Mai vàng hé nở buổi tàn đông.

(Xuân - Trần Thị Ngọc Lan, 15 tuổi)

Đúng là các cháu đã mang hoa bướm lại cho Vườn Thơ. Chồi non, nụ mới, hương hoa tử bốn phương tám hướng, tử mùi biển mặn của quê hương:

...

Nhớ hồi nào còn ở Việt Nam

Bãi biển Vũng Tàu làm tôi lưu luyến

(Nắng Chiều - Trần Thị Ngọc Mai, 13 tuổi)

Cảm ơn các cháu, cảm ơn kỷ niệm ấu thơ. Quê hương Việt Nam đâu yêu còn trong nỗi nhớ ấu thơ và nãi mãi tồn tại trong tâm thức của mọi tầng lớp người Việt ly hương.

Gửi lời khen ngợi các cháu sành sỏi tiếng Việt, chữ Việt. Tiếng nói còn, ngôn ngữ còn thì dân tộc Việt vẫn trường tồn trên xứ người. Nhớ viết tiếp và gửi cho báo Viên Giác. Thương mến (PV).

- Bác Diệu Thái (Hoa Kỳ): Bài thơ "*Nhớ Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương*" của bác gửi đến thì số báo đã in xong. Tiếc quá! Đã chuyển lời thăm hỏi của bác đến Thượng Tọa chủ nhiệm. Với số tuổi thường thọ mà bác còn đầy đủ sức khỏe, sáng suốt nhớ ngày Quốc Tổ, thì đúng là một tấm gương sáng cho con cháu tha hưởng phải luôn hướng tâm về cội nguồn dân tộc. Chúc bác thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường như ý. Kính (PV).

- Anh Nguyễn Sĩ Long (Áo): Lâu quá mới nhận được tin anh. Tin buồn. Ông Cụ ra đi là một mất mát lớn trong đời người. Không được nhìn mặt thân phụ lần cuối cũng là một niềm khổ đau của người con chí hiếu. Mười năm trước đây, Ông Cụ tôi cũng ra người thiên cổ. Tôi ở bên này mang nỗi xót xa. Vạn nước nổi trôi, thân phận của chúng ta cũng thành bèo bọt long đong. Xin chia buồn cùng anh. Cầu nguyện hưởng hồn Cụ Ông sớm được tiêu điều Miền Cực Lạc. Ước mong thời gian sẽ là liều thuốc làm người quên nỗi khổ. Tiếc là không có dịp gặp anh trong kỳ Đại Lễ Phật Đản lần này. Tuy nhiên cái hẹn về "món bún bò chính cống Huế" mà anh đã viết, tôi sẽ chuyển lời mời đến các anh em thân hữu ở Nam Đức để cùng qua thăm gia đình anh chị ở Salzburg. Thân (PV).

- Anh Nguyễn Song Anh (Đức): Rất tiếc là đã làm anh lỡ cuộc với GS. Döbber về thi phẩm "Lá" mà anh viết tặng cho ông ta tưởng là đã cho đi trong VG số 92.

Đây là chuyện "trục trặc kỹ thuật" củ vấp phải hoài, không phải chỉ riêng anh mà đã xảy ra trong vài trường hợp khác. Tôi có đề nghị với Ban Kỳ Thuật và củ ngờ là sẽ được đăng trong số báo tới. Ban Kỳ Thuật cũng rất tích cực, đồng tình, đánh máy, layout, trình bày rất ư là đẹp đẽ. Đừng một cái, vì cần bài đăng một số bài có tính cách thời sự, nên bài của anh... được dành cho số sau!

Đó là trường hợp những bài trong phần Văn Học Nghệ Thuật, riêng số bài trong mục thường xuyên là Vườn Thơ Viên Giác thì chắc chắn là sẽ được giới thiệu với độc giả về một chủ đề nào đó. Vì vậy bài thơ "*Về Huế*" của anh, dù không thấy hứa hẹn gì, lại được gửi đến bạn đọc.

Dịp này PV xin trình bày "tâm trạng" chung như trên. Trong mai hậu, nếu còn có "sự cố kỹ thuật" thì xin quý thi-văn-hữu thông cảm cho. Thân (PV).

- Anh Nguyễn Kiến Nghị (Đức): Bài "*Tư Doanh Ngạt Thở Dưới Chính Thế Cộng Sản*" đã được chọn đăng. Xin anh tiếp tục gửi cho chúng tôi những bài nhận định hay biên khảo trong lãnh vực kinh tế của anh. Báo Viên Giác phát hành đều đặn 2 tháng một lần. Vậy khi gửi bài cho báo Viên Giác thì xin anh đừng gửi cho các báo khác ở Âu Châu. Viên Giác sẽ không đăng nếu thấy bài của anh đã xuất hiện trên các báo khác.

Mong có dịp gặp anh, có thể là qua các kỳ Đại Lễ ở Chùa Viên Giác. Chúng ta sẽ thảo luận về việc anh đề nghị trong thư. Thân (NT).

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(TÍNH ĐẾN NGÀY 12.6.1996)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh Sách, ủng hộ báo Viên Giác ... hoặc trả tiền thỉnh bảng kinh, pháp bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ và Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. *Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449, thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần. Nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho*

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Dường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đăng máy một lần như ĐH ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Nguyễn Thị Thanh Yên (Suisse) 200DM. Đỗ Tấn Phất (Uelzen) 50DM, HHHL ĐH Diệu Kim. Trần Thế Ngưu (Gera) 200DM. Nguyễn Văn Hùng (Berlin) 300DM. Kỳ Chi Trung (*) 50DM. Hà Phước M. Thảo (Hannover) 100DM. Sukkha Nguyễn Thị Bê + Tử Diệu + Thiện Hữu (Köln) 50DM. Lang Thu Toàn 50DM. Tăng Qui Hao 50DM. Nguyễn Anh Sơn (Bad Schönborn) một cá rá. Phạm Đức Vũ (Bergholz) 100DM. Gđ. Nguyễn Minh Tuấn 200DM. Trần Thị Thu Trang (Saarbrücken) 300DM. Đỗ Ngọc Oanh 100DM. Huỳnh Hoàng Tiết (USA) 200US. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 200DM. Fam. Chlor Por Seng + Ngow Chlor Soh Kheng 100DM. Lor Huy Hoàng (Castrop Rauxel) 100DM. Ov. Aung Chieh (*) 50DM. Võ Thị Xuân (Krefeld) 200DM. Trần Mạnh Thắng (Schellerten) 200DM. Đặng Văn Hà 70DM. Nguyễn Việt Châu (Burgwedel) 100DM. Nguyễn Thị Loan (Mayen) 100DM. Nguyễn Văn Hữu (Bergholz) 200DM. Chu Hồn Nhanh (*) 100DM. Nguyễn Văn Viên (Reutlingen) 200DM. Phan Huy Hùng (*) 50DM. Chhor Rok Seng (Bochum) 400DM. Trần Thị K. Ngọc + Thái (Hannover) 200DM. Trịnh Thị Liễu 300DM. Nguyễn Bá Huy (Gröditz) 100DM. Phạm Sỹ Đạt 100DM. Gđ. Trần Xuân Lộc (Frankfurt/Oder) 100DM. Lâm Xuân Anh (Nürnberg) 50DM. Huỳnh Văn Khả (Speyer) 300DM. Long Phung (Saarbrücken) 200DM. Fam. Mạnh (Wuppertal) 200DM. Lê Ngọc Hải (Köthen) 100DM. Gđ. Đỗ Thu Hiền (*) 200DM. Nguyễn Phước Thành 70DM. Võ Văn Giữ (Reutlingen) 50DM. Gđ. Nguyễn Khánh Thìn 200DM. Huỳnh Tú Dung (Helmstedt) 200DM. Gđ. Đặng Nguyễn (Bahn) 300DM. Trần Kha (Bremen) 200DM. Gđ. Kỳ Han (Laatzten) 200DM. Gđ. Nguyễn Quốc Tuấn (Eisenach) 40DM. Lê Ngọc Liên (Việt Nam) 200DM. Hoàng Thị Nga 100DM. Gđ. Huỳnh Văn Minh (Speyer) 200DM. Gđ. Trần Văn Trâm 200DM. Phạm Hữu Phước (Berg Gladbach) 100DM, HHHL ĐH Mai Thị Quyện. Đặng Đình Thanh (Sangerhausen) 50DM. Phạm Thị Tinh 100DM. Phan Huy Toàn (Eberswalde) 200DM. Gđ. Bùi Hoàng Sen (Hamel) 500DM. Gđ. Phạm Ngọc Anh (München) 100DM. Ngô Thị Hải (Potsdam) 200DM. Nguyễn Thị Lan (*) 100DM. Phạm Thị Bích Liên (*) 100DM. Đặng Đình Dung (Neu Ruprin) 200DM. Gđ. Nguyễn Hữu Chung 300DM. Nguyễn Thị Lua 100DM. Hoàng Thị Hạnh 200DM. Gđ. Nguyễn Thị Thu (Gifhorn) 100DM. Gđ. Nguyễn Đức Cường 100DM. Thái Han (Beverungen) 50DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 200DM. Trương Kim Sướng (Bad Soden) 50DM. Hồ Ngọc Thanh 50DM. Phan Thoảng (Suisse) 50DM. Nguyễn Văn Thân 200DM. Trịnh Xuân Sơn 300DM. Lân Huỳnh Hoa 300DM. Phạm Gia Lộc (Na Uy) 93DM. Trần Tân Tiến 200DM. GĐĐH Lý Phong (Suisse) 1.000FS HHHL ĐH Lý Phong. Nguyễn Thanh Trang (Heessen) 100DM. Khúc Thế Hiếu 50DM. GĐĐH Chơn Lộc (Hannover) 100DM. Đỗ Văn Nho (Reutlingen) Một cặp độc bình bằng sành, cao 1m50. Nguyễn Kim Hà (Winsen) 200DM. Hoàng Sơn (Siekte) 200DM. Dương Văn Bình (Hamel) 100DM. Nguyễn Thu Hoa (Gehrden) 100DM. Lê Quang Thịnh (Laatzten) 100DM. Mach Cường Tân (Delmenhorst) 100DM. Lâm Vi Tân (*) 200DM. Vũng Anh Hào (Vechna) 200DM. Trần Thị Chi 200DM. Đỗ Trường Tuấn (Schwerin) 200DM. Trần Thị Nghi (*) 200DM. Lê Thị Bích Lan (Hannover) 200DM. Đào Hoàng Em (*) 200DM. Đỗ Trung Bình (Salzgitter) 300DM. Vũ Hồng Liên (Langendorf) 200DM. Nguyễn Ngọc Tuyền (Gardelegen) 200DM. Noeske Feter 300DM. Lê Linh Quan 400DM. Thanh Thủy (Burgdorf) 50DM. Thịnh Hà 50DM. Trịnh + Khánh 100DM. Trần Ngọc Hà (Saarbrücken) 100DM. Lâm Đức Cường (*) 300DM. Giảng Lăng Cui (*) 200DM. Đào Thị Chúc (*) 200DM. Thiện Trang (Merzig) 200DM. Nguyễn Thanh Tâm (Trier) 50DM. Lê Hữu Trí (Lebach) 200DM. Tuyền Hambusch (*) 50DM. Đặng Thị Xứng (*) 50DM. Trần Huy Lâm (Beckingen) 200DM. Trần Thu Hường (*) 200DM. Trần Thu Nga (*) 200DM. Trần Ngọc Giàu (*) 200DM. Trần Kim Sang (*) 200DM. Trần Kim Loan (*) 200DM. Chi Hội PT Saarland phát hành bánh 423DM + 50FF. Trần Phong Lưu (Saarburg) 40DM. Huỳnh Thành Hưng (Völklingen) 50DM. Trần Ngọc Xuân 300DM. Lay Hạnh (Stuttgart) 200DM. Lay Diu Tac (*) 200DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 100DM. Nguyễn Thị Ngạo (Kleinsostein) 300DM. Châu Thành Lợi (Wiesbaden) 200DM. Đặng Văn Tri (*)

30DM. Lê Thị Tâm (Aschaffenburg) 50DM. Trần Thị Xá (Karlsruhe) 30DM. Nguyễn Thị Hương (Suisse) 600DM. HHHL ĐH Trần Hiền. GĐĐH Đặng Văn Bút (*) 100DM. Đặng Văn Nhiệm (*) 50FS. Đỗ Thị Hiền (*) 50FS. Trần Hồng Ân (*) 10FS. Trần Hồng Hạnh (*) 10FS. Lương Phụng (*) 20DM. Trần Văn Phụng (*) 50FS. Lưu Ngọc Lan (Speyer) 400DM + 2 bao gạo, HHHL ĐH Lâm Minh Böt. Dagmar Waskönig (Hannover) 100DM. Chung Thái Nhạc (Laatzten) 80DM. ĐH Diệu Phước (Reutlingen) 300DM. HHHL ĐH Trịnh Nào (Norddeich) 400DM. Hùng + Tài + Sơn + Giàu (Wilhelmshaven) 50DM. Tinh (Norden) 50DM. Trần Ngọc Thanh 250DM. Ngô Thị Hồng Mỹ (Đan Mạch) 50DM. Nguyễn Xuân Hòa (Pháp) 100FF. Huỳnh Văn Liễu (Saarbrücken) 100DM. Thiện Như (Nürnberg) 200DM. Văn + Hùng (*) 100DM. Đặng Như Nam (*) 100DM. Diệu Hường (Erlangen) 50DM. Diệu Anh (Fürth) 100DM. Diệu Kim (*) 100DM. Đức Hường (*) 500DM. Diệu Tinh (*) 50DM. Từ Lạc (*) 20DM. Thiện Lương (B. Đức) 50DM. Cao Thiên Quý 300DM. Huỳnh Thành 60DM. Thiện Lương Nguyễn Tường Nhân (Nürnberg) 300DM. Diệu Thu 50DM. Lê Cư 200DM. Nguyễn Tịnh 50DM. Quỳ bằng My Ly 200DM. Tâm + Trang 200DM. GĐPT Tâm Giác (München) 50DM. Vũ Thanh Tùng 50DM. Văn + Tuấn 200DM. Chúc Phước (Nürnberg) 300DM. Nguyễn Ngọc Diệp 200DM. Nguyễn Thị Hải 200DM. Thiện Đức 50DM. Đỗ Thị Sang 200DM. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 100DM. Huỳnh Thị Hoàng (Spaichingen) 200DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (*) 100DM. GĐPT Chánh Dũng (Nürnberg) 50DM. Chi Hội PT 3 vùng Nürnberg + Fürth + Erlangen 400DM. Chi Hội PT Reutlingen 100DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Giang Lăng Mùi (Nürnberg) 40DM. Đặng Ngọc Hạnh (*) 50DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Giang Lăng Muối 100DM. Phạm Văn Diệm + Minh 200DM. Laddawan Puri (Hannover) 50DM. Thu Dung (Burgwedel) 100DM. Dương Tú Vinh (Celle) 240DM. Trương Quang Hải (Köthen) 40DM. Nguyễn Xuân Thái (Asteim) 200DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Muc/FFM) 200DM. Lê Thành Nhân (Karlsruhe) 200DM. Phạm Thị Thịnh (Gardelegen) 100DM. Nguyễn Thị Ánh Mai (Duisburg) 200DM. Vy Thị Minh 100DM. Huệ Phước (Pforzheim) 200DM. Đặng Thị Linh Thủy (*) 1.000DM Phan Huy Hiến (Mannheim) 100DM. Nguyễn Xuân Thái (Asteim) 100DM. Thái Ngọc Hường (USA) 150DM, HHHL ĐH Huệ Đức + Huệ Quoi. Phạm Đặng Anh Tuấn + Hường (Kassel) 200DM. Đỗ Trọng Phong (USA) 80US. Võ (Bergkamen) 200DM. Bùi Hường Sơn (Hamel) 50DM. Đinh Thị Thanh Bình (Chemnitz) 200DM. Lương Văn Vũ (Neu Wunstorf) 50DM. Phùng (Celle) 40DM. Đặng (*) 100DM. Dien Dujon (Suisse) 60DM. Hồ Việt Đoàn (Gera) 50DM. Ngô Hoàng (Grefrath) 200DM. Lâm Minh Đức (Stuttgart) 300DM. Lâm Đức Thiện 50DM. Fam. Goh (Hannover) 50DM. Thanh Bình (Seeze) 100DM. Vũ Hồng Liên (Langendorf) 200DM. Huỳnh Mỹ Mỹ 50DM. Huỳnh Văn Chung 200DM. Thở + Thủy (Coswig) 200DM. Hồ Bèo 200DM. Quý Đạo Hữu phát hàn bánh (Reutlingen) 74DM. Diệu Thoa 200DM. Chi Hội PT VNTN Reutlingen & VPC 600DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 100DM. Trần Hữu Lương (Usingen) 50DM. Huỳnh Thị Hoàng (Spaichingen) 50DM. Phan Văn Hữu (Tütlingen) 50DM. Anita Fuhrberg 80DM. China Rest. Kuala Lumpur (Hannover) 530DM. Hồ Thị Mai (Pháp) 200FF. Chu Thị Phụng (USA) 50DM, HHHL ĐH Nguyễn Hữu Lăng. Đặng Bảo Lân (Stolzenua) 200DM. Lâm Châu Phước (Berlin) 160DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 300DM. Nguyễn Minh Tuấn (Wernigerode) 300DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 260DM. Nguyễn Văn Tiến 300DM. Trịnh Quang An (Konzerbrück) 150DM. Trần Tấn Tiến 200DM. Hồ Hữu Phương (Altdorf) 300DM. Đặng Thị The (D'dorf) 50DM. Trần Ngọc Quyền (Bergen) 500DM. Chu Văn An (Hamel) 200DM. Lê Thị Thủy Dương (Malchin) 100DM. Nguyễn Thị Minh Thứ (Neuruppin) 50DM. Nguyễn Đình Hùng (*) 40DM. Kha Hiếu Hân (Bremen) 100DM. Đặng Văn Trọng (Kleinostheim) 50DM. Dương + Lưu (Wolfenbüttel) 200DM. Trần Minh Kiều (Solingen) 200DM. Hồng Kiều Vũ (Langendorf) 200DM. Lại Hồng Vinh (Berlin) 50DM. Nguyễn Văn Xinh (Grimmen) 300DM. Phạm Thị Minh Luyến (Pole) 200DM. Văn Hoan (Rethen) 100DM. Văn Trung Hồ (Meerbusch) 50DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 300DM. Trịnh Văn (Idar-Oberstein) 200DM. Phạm Thị Ngọc Lan (Frankenthal) 200DM. GĐĐH Đào Thiện Tuyền, Ngô Văn Hòa, Đào Thị Hồng Quyên, Đào Thị Ngọc Diệp (München) 600DM, HHHL ĐH Lê Thị Lua Pd Lương Ngọc. Đỗ Thị Thu Hà 55DM. Lý Thanh Hoa (Sweden) 200Kr. Ngô Thị Ba (Pháp) 50FF. Nguyễn Thị Kim Nghĩa (Canada) 100Can. Nguyễn Văn Tiến (Kliken) 150DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 300DM. Kim Anh (Offenbach) 100DM. Nguyễn Đức Thịnh (*) 100DM. Quách Mỹ Trăn (Wallenhorst) 200DM. Giang Bình (Of.) 100DM. Lôi Đức Thành (Garbsen) 50DM. Nguyễn Thị Uy (Celle) 100DM. SE-Chen Import (Bochum) 200DM. Hồng Minh Kiệt (Hildesheim) 50DM. Lâm Bích Phương 200DM. Nguyễn Thị Hoa (Schkeuditz) 200DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 200DM. Diệp Biên + Hồ + Trần (Áo) 200DM. Tướng - Khoa Ly (Braunschweig) 200DM. Nguyễn Thanh Hoa (Osabrück) 200DM. Lý Thanh Nhiên (Gießen) 50DM. Lê Hữu Điền (Hannover) 200DM. Cao Xuân Năng (Stuttgart) 100DM. Lê Quang Thịnh (Laatzten) 100DM. Nguyễn Thị Mỹ (Hamel) 100DM. Vũ Thị Hạnh 5US. Ngô Nguyễn Tường (Unter Weissach) 100DM. HHHL ĐH Ngô Văn Sen (Berlin) 200DM. Trần Hữu Đạt (Kaiserlautern) 300DM. Mã anh Thắng (Mannheim) 50DM. ĐH. Kha (*) 50DM. Chi Hội PTVNTN tại Mannheim (khóa Nghiên Tu Phật Pháp) 1.000DM. Đặng Văn Cẩn (Suisse) 50FS. Ngô Thị Mỹ (München) 50DM. Diệp Quí Đức (Hamburg) 100DM. Kim Hên (Bad Kreuznach) 40DM. Lê Văn Sun (M'Gladbach) 160DM, HHHL ĐH Lê Văn Tường. Bùi Thị Mỹ Hồng (Oberhausen) 300DM. Nguyễn Thị Quí + Nguyễn Thị Kim Yến (Dorsten) 200DM, HHHL ĐH Nguyễn Văn Úc. Lotus Rest. (Sobernheim) 50DM. Đỗ Tấn Phất (Uelzen) 300DM. Nguyễn Cao Lũy (Trier) 100DM. Nguyễn Thị Long (Pháp) 300FF. Dương Văn Thở (Eching) 100DM. Trần Thị Nga (Bergen) 200DM. Phan Quang (Hagen) 50DM. Trần Quốc Thành (Paderborn) 50DM. Ngô Long Du (*) 50DM. Fam. Chung (Wuppertal) 50DM. Hoàng Minh Phúc 200DM. Chi Trung Khẩu (Nienburg) 50DM. Nguyễn Văn Tuấn (Berlin) 300DM. Yuen Tong (Hannover) 200DM. Hoàng Tân (*) 50DM. Thắng + Yến (Burgdorf) 50DM. Đỗ Văn Thanh (Hannover) 100DM. Antony Đình Thị Toàn (D'dorf) 100DM. Đinh

Xuân Long (Beilgreis) 30DM. Nguyễn Thị Bích Tuyết 200DM. Xuân Bình (Krefeld) 10DM. Cao Đăng (*) 10DM. Sanau Somsinh 40DM. Nguyễn Thị Kiều Liên (Hannover) 20DM. Thu Dung 10DM. Vương Triệu Tùng 10DM. Vương Tùng Liệt 10DM. Huỳnh Mỹ Mỹ 5DM. Chu Hữu An (Hamel) 10DM. Thanh Bình (Botsfeld) 10DM. Lê Văn Trường 20DM. Lâm Long Hồ (St. Augustin) 10DM. Đinh Văn Tuấn (Duderstadt) 50DM. Đinh Hữu Mạnh (Koblenz) 50DM. Trần Văn Thanh 20DM. Trần Minh Tuấn (Göttingen) 20DM. Trần Minh Phát (*) 5DM. Ngụy Chí Nghĩa (Hannover) 10DM. Nguyễn Chí Anh (Langen) 20DM. Orawan 5DM. Đặng Nam An 20DM. Đặng Văn Uy (Aschaffenburg) 200DM. Chi Hội Phật Tử München 1.000DM. Lê Thị Phú (München) 100DM. Mã Bé (Grafing) 500DM. Ô Tướng, Ô Hòa + Ô Tầm (Erding) 100DM. Lương Bá Thành (Minh Huy) (München) 100DM, HHHH ĐH Cao Hùng. Huỳnh Xúc Tường (*) 50DM. Nguyễn Long Gia (Wei) Friedlingen) 10DM. Ô Tô Nữ (Erding) 200DM, HHHH ĐH Ô Quốc. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Trần Ngọc Sứ (*) 20DM. Nguyễn Văn Thuận (*) 100DM. Huỳnh Mỹ Anh (*) 20DM. Huỳnh Then (*) 30DM. Đỗ Thị Mùi (Hamminkeln) 50DM. HHHH ĐH Trí Thoát. Dr. Hà Huy Riêm (Suisse) 20DM. Nguyễn Văn Hằng (St. Egidien) 50DM, HHHH các ĐH Đỗ Chí Thành + Đỗ Hùng Tiến. HHHH PT Nguyễn Hoài Vũ 100DM. Nguyễn Anh Dũng (Hannover) 200DM. Nguyễn Thị Tâm 50DM. Phạm Văn Thắng (Achim) 10DM. Ngô Văn Thứ (Wustrow) 20DM. Nguyễn Anh Trường (Gehrend) 20DM. Bùi Văn Trường (Sögel) 30DM. Phạm Mạnh Quỳnh (Hannover) 20DM. Trần Thị Trinh (Schwarzeuberg) 30DM. Nguyễn Khuyến (*) 30DM. Dung + Phú 10DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 50DM. Đỗ Thị Thoa (Erfurt) 50DM. Trần Văn Công (Johanngeorgenstadt) 30DM. Nguyễn Ngọc Hà (Braunschweig) 20DM. Phạm Ngọc Hai (Burgwedel) 10DM. Nguyễn Mach 50DM. Nguyễn Thu Hiền (Raetzlingen) 10DM. Lê Thị Minh Hiền (Köthen) 10DM. Trương Quang Hải (*) 20DM. Hồng Quang + Loan + Nhật (Ueßen) 60DM. Lê Văn Mến (Plauen) 20DM. Nguyễn Hữu Tao (Fürstenau) 10DM. My Ly Anh 30DM. Đồi Kim Huệ (Aerzen) 100DM. Gam. Koch (Riebau) 50DM. Đàm Thị Thìn (Neu Wulmstorf) 50DM. Đàm Thị Mai (*) 20DM. Hoàng Thanh Mai (*) 20DM. Nguyễn Hữu Tiến 50DM. Phạm Thị Hoàng Yên (Stendel) 10DM. Có Hạnh Niệm (Hannover) 200DM. Đỗ Huy Quý (Wahlerstedt) 20DM. Trần Thanh (Neu Wulmstorf) 20DM. Vương Thanh Tâm (USA) 100DM. Lê Tuấn Anh (Vepke) 20DM. Phạm Ngọc Thắng (Hannover) 5DM. Nguyễn Văn Lý (Schwarzenberg) 10DM. Lê Thị Hợp (CA.USA) 100DM. Nguyễn Minh Tuấn (Homburg) 20DM. Trần Hùng Tâm (Tuttlingen) 100DM. Ott (Weil) 20DM. Mạch Xuân Mỹ (Hassloch) 50DM. Mạch Gia Lạc (*) 60DM. Phạm Xuân Thiệp (Krefeld) 20DM. Đỗ Văn Bạc (Hannover) 200DM. Lâm Xuân Anh (Nürnberg) 100DM, HHHH ĐH Huỳnh Lương Kiên. Vũ Tiến Mạnh (Grosenkei) 500DM. Có Huệ Niệm (Berlin) 300DM. Phạm Ngọc Thường (G'Marienhütte) 50DM. Thiên An (Hamur) 50DM. Hồ Thị Mai (Pháp) 100FF. Helmut Hanefeld (Hannover) 500DM. Ngô Thị Thắng (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Thị Tiếng (Satzdetfurth) 10DM. Đặng Quỳnh Quang (Berlin) 20DM. Lê Thị Ngo (Rosheim) 30DM. Dương Thị Ân (Lebach) 50DM. Đặng Thị Xứng (*) 50DM. Phan Đình Tao 10DM. Thái Bích Thủy (Krefeld) 30DM. Lý Vinh Cường (Berlin) 50DM. Tào Thị Sang (Leer) 30DM. Trần Tro (*) 100DM. Nguyễn Duy Thái (Riegelsberg) 20DM. Trần Việt Hưng (*) 30DM. Mau Kim Mỹ (G'M.Hütter) 100DM. Nguyễn Văn Sơn (*) 20DM. Phạm Ngọc Nường (*) 50DM. Trần Diệu (Hanau) 20DM. Châu Ái Hương (Münster) 100DM. Hoàng Thị Thuận (*) 50DM. Phan Hàn Châu (*) 30DM. Võ Thành Nhung (Ibbenbüren) 50DM. Vũ Thị Vàng (MG) 50DM. Trần Tiến Siêu (Hamburg) 30DM. Tăng Hồng Sướng (*) 100DM. Mai Ngọc Minh (Nordhorn) 20DM. Trần Bá (*) 100DM. Trần Thị Thap (*) 50DM. Võ Ngọc Hiền + Hưng (*) 50DM. Nguyễn Thị Tâm (Kassel) 50DM. Lê Thủy (Solingen) 20DM. Điền V. An (Bad Beutheim) 50DM. Nguyễn Thị Chi (Hamburg) 10DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 50DM. Có Hạnh Niệm (Chùa VG) 300DM. Nguyễn Văn Sơn (Osnabrück) 20DM. Phạm Minh Tâm + Phương (Lingen) 50DM. Nguyễn Văn Mạnh (München) 100DM. Tôn Nữ Chung Anh (Karlsruhe) 20DM. Văn Thị Mỹ (Koniz) 20DM. Trần Ngọc Xuân (Minderitgen) 30DM. Phạm Thị Sướng (Rottenburg) 50DM. Trần Thị Nga (Fürth) 30DM. Nguyễn Thị Hải (Nürnberg) 20DM, HHHH ĐH Nguyễn Hữu Hậu. Diệp Hoa (*) 300DM, HHHH ĐH Giang Chiêu Hà. Từ Quang Hùng (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (*) 100DM. Huỳnh Thị Thúy (Landsuhl) 50DM. Dương Hy Dung (Dillingen) 150DM, HHHH ĐH Trịnh Đồng. Diệu Trân (Hamburg) 20DM. Diệu Châu (*) 20DM. Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM. Trần Bích Liên (Bad Salzungen) 50DM, HHHH ĐH. Diệu Trinh. Ngô Trung Sơn (Wiesbaden) 20DM. Ngô Trung Giang (*) 20DM. Ngô Trung Lâm (*) 20DM. Nguyễn Thị Hồng (Seevetal) 20DM. Nguyễn Ngọc Thoa (Suisse) 10FS. Quảng Phước 20DM. Nguyễn Văn Dũng (Nürnberg) 50DM, HHHH ĐH Nguyễn Văn Thố. Ngô Thị Nhiễm (Hamburg) 30DM. Hưng Huê Lan (Bremen) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Hữu. Graul Cúc (Göttingen) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Thị Oanh. Gđ. Phạm Đăng (Kassel) 200DM, HHHH ĐH Huệ Đức + Huệ Quê. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Heilbronn) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Văn Tùng. Lê Trung Hiếu (Berlin) 30DM. Nguyễn Hiệp (Mannheim) 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Lê Thị Bày (Neuss) 50DM. Phạm Thị Nhiều (MG) 20DM. Huỳnh Chinh (Essen) 50DM. Nguyễn Tài Trí (Münster) 60DM. Trịnh Văn Thu (D'dorf) 100DM. Phạm Đức Huy (Königsutter) 20DM. Trần Mạnh Toàn (*) 10DM. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 30DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Thố. Bùi Thị Ngọt. Lưu Giác. Trần Hữu Lễ (Suisse) 50DM. Vương Vũ Thủy (Lichtenstein) 100DM, HHHH ĐH Giang Huỳnh Hưng. Lưu Quốc Vũ + Diệu Kim (Berlin) 150DM. Cap Trong Dung (Gera) 20DM. Giang Liên + Chung Liệt (Nürnberg) 50DM. Giang Thanh Diệu (*) 50DM. Trần Lăng Hía (*) 20DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 30DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 50DM. Lê Thị Bích Túng (Hannover) 50DM. Chi Hội PTVNTN Hannover 200DM. Ấn danh (Mainz) 80DM. Nguyễn Thị Hà Vinh (Rheinbrohl) 1 khuôn bánh in. Mỹ Ly (Staltdorf) 1 bao gạo Hồ Châu (Neustadt) 200 bánh dứa. Nguyễn Văn Sơn (Bad Iburg) 50 bánh xu xê. Rest.

Bambusgarten (Trier) 30 đậu hủ tươi. Gđ. Diệu Nữ (Stadthagen) 70 miếng xôi v. Gđ. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 200 chá giò chay lớn + 10 cái mằm. Diệu Huệ (*) 1 thùng đèn cây. Nguyễn Thị Cam (Frankfurt) 30 bánh da lợn. Dương Văn Kỳ (Goslar) 30 bánh Trung thu + 1 hộp bánh Trung thu lớn. Nguyễn Thị Liễu (Asschaffenburg) 50 bánh dẻo. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 1 xúng hấp bánh. Đỗ Thị Kim Hải (Berlin) Tào hủ ki + khổ qua. Huỳnh Văn Hồng (Dynastie) 20 thùng dầu. Hứa Lê Nga (Reutlingen) Bánh tiêu, bánh ích, bánh nhân đậu + nhân dứa. Nguyễn Thị Thảo 3 bao gạo. Phạm Thị Giác 3 kilo Salat son. Lê Thị Tú (Koblenz) 50 bánh da lợn. Bùi Hữu Long (Nürnberg) 50DM. Trinh Văn Bo (Kastellaum) 20DM. Lê Thị Mèo (München) 20DM. Dirk Michler 20DM. Trương Thanh Đức (Unna) 20DM. Fam. Đặng 20DM. Vũ Hồng Nam (Zeitlarn) 50DM. Thiên Ân 50DM. Gđ. Nguyễn Nhị Bình 50DM. Gđ. Hàng Chiêu Quang (Frankfurt) 100DM, HHHH ĐH Hàng Nguyệt Ngụy. Châu Thị Hiền (Hamm) 50DM. Nguyễn Thị H. Liên (Köln) 20DM. Diệp Hồng Chay (Laatzen) 100DM. Nguyễn Sỹ Toàn 20DM. Võ Thanh Hồng (Aue) 20DM. Liu Cho Sau (Paderborn) 20DM. Nguyễn Ích Hiền (Oberhausen) 100DM. Tăng Kim Ming (Berkhof) 100DM. Gđ. Phùng Xuân Hậu 100DM. Đinh Thị Tâm 100DM. Nguyễn Đình Hưng 20DM. Nguyễn Tiến Cường (Halle) 10DM. Đặng Bảo Khánh 20DM. Nguyễn Bùi Thị Ngọc Nga (Bad Oldesloe) 30DM. Nguyễn Anh Trâm (Münster) 20DM. Gđ. Hứa (Weißenthurm) 100DM. Nguyễn Thị Kim Oanh 100DM. Gđ. Đặng Quốc Thủy (Magdeburg) 100DM. Hứa A Tri (Wilhelmshaven) 50DM. Đoàn Văn Đường (Lastrup) 50DM. Trần Việt Toàn 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Long + Chinh (Essen) 30DM. Nguyễn Thị Kim Hoa (*) 20DM. Trinh Thị Mai Hoa 30DM + 40 HHHL ĐH Trần Thị Là. Ngọc Tuấn (Offenbach) 20DM. Đỗ Thị Đẹp (Münster) 20DM. Gđ. Trần Kinh Hưng 100DM. Tăng Quốc Lương (Laatzen) 50DM. Lê Thị Thao (Würzburg) 50DM. Gđ. Trần Tuấn Hùng (Burgoberbach) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc 20DM. Trần Thanh Vân 50DM. Huỳnh Chan Tuyết Man (Nurnberg) 200DM. Nguyễn Tinh (*) 20DM. Vũ Văn Đại (*) 100DM. Ấn danh 100DM. Nguyễn Văn Lý 200DM. Nguyễn Thị Phương (Berlin) 30DM. Vũ Anh Tuấn (*) 20DM. Gđ. Hồ Văn Thế (Viernheim) 100DM, HHHL ĐH Trần Thị Thị. Huỳnh Quốc Tuấn (Göttingen) 100DM. Phan Hào Tâm (Recklinghausen) 30DM. Vũ Văn Hải (Trier) 50DM, HHHL ĐH Tô A Sồi. Nguyễn Văn Ngọc (Laatzen) 50DM. Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 50DM. Đỗ Văn Bạc (Langenhagen) 40DM. Gđ. Nguyễn Thị Kim Dung 50DM. Gđ. Trác Nghĩa (Viernheim) 100DM. Gđ. Trương Huỳnh Khương (Münster) 100DM. Hứa Kỳ Năng (Wilhelmshaven) 100DM. Nguyễn Thu Nguyệt (Lünen) 50DM. Đỗ Thu Hưng 50DM. Nguyễn Đình Phương 10DM. Nguyễn Đức Trụ (Oberhausen) 50DM. Gđ. Trần Quang Trung (*) 50DM. Trần Thị Minh Tâm 50DM. Gđ. Trần Bày (Trier) 150DM. Gđ. Nguyễn Nhị Bình (Stuttgart) 50DM. Cấn Thị Thu Hương 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Dân 50DM. Fam. Steiner 20DM. Gđ. Trương Thị Lan 200DM. Gđ. Bàn Minh Thanh 50DM. Phạm Thị H. Hoa (Essen) 20DM. Lê Văn Quang 20DM. Gđ. Đặng Tú Dũng (Berlin) 150DM. Gđ. Nguyễn Thị Kim Yên 50DM. Nguyễn Thị T. Bình 20DM. Gđ. Thị Tịnh (Landstuhl) 50DM, HHHL ĐH Nguyễn Văn Hữu. Thị Trí + Thiên Từ 50DM. Huỳnh Khánh Minh (G'M.Hütter) 20DM. Tống Thị Năm (Vechna) 100DM. Đỗ Văn Lợi (D'dorf) 100DM. Nguyễn Thị Trường (*) 50DM. Nguyễn Văn Lượng (*) 100DM. Fam. Goh Ngo 300DM. Vũ Thị Bình (Marienhaf) 20DM. Fam. Quách + Ngô (Helmstedt + Paris) 100DM. Gđ. Thiên Hải, Giác Mỹ, Phổ, An 200DM. Thiên Lâm 50DM. W.T. Yang (Hamburg) 200DM. Fam. Rattanavong Soan (Kiel) 200DM. Lê Ngọc Hạnh 100DM. Dương Thị Quy (Essen) 100DM. Tăng Quốc Cờ (Laatzen) 50DM. Bùi Thị Phương (Gütersloh) 100DM. Phạm Vũ T. Trang (München) 100DM. Lê Xuân Nường (Bonn) 10DM. Gđ. Nguyễn Thanh Sơn (MD) 100DM. Nguyễn Tuấn Quốc 20DM. Gđ. Nguyễn Thị T. Hưng 50DM. Fam. Vong 100DM. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 100DM. Lee, Nhan Khanh (Rellingen) 200DM. Vũ Thanh Tùng 100DM. Nguyễn Thị K. Ngân (Lippstadt) 50DM. Nguyễn Thị Thủy 10DM. Ngô Đức Tâm (Remscheid) 30DM. Nguyễn Thị Diệu Hoa 100DM. Gđ. Lâm Thị Đạo (Münster) 20DM. Dainer Brummette 20DM. Đảnh Trúc Quân (Ludwigshafen) 50DM. Diệp Mỹ Quang (*) 20DM. Diệp Mỹ Cầu (*) 20DM. Trần Hứa (BS) 20DM. Gđ. Huỳnh Thị Phòng (Wiesbaden) 20DM. Gđ. Phạm Tuấn Anh (Salzgitter) 40DM. Liễu Quang 60DM. Lê Thị T. Hồng 10DM. Ấn danh 100DM. Gđ. Trần Hữu Tô (Recklinghausen) 40DM. Gđ. Vũ Anh Tuấn 10DM. Nguyễn Văn Nửa (Laatzen) 50DM, HHHL ĐH Diệu Hiền Trương Thị Diệu. China Rest. Mandarin (Minden) 500DM. Nguyễn Duy Khanh (Essen) 20DM. Chung Thế 10DM. Gđ. Đặng Ngọc Tấn (Wiesbaden) 20DM. Fam. Huỳnh 50DM. Thăng - Giang (Luckenwalde) 20DM. Thái Văn Nam (*) 10DM. Phạm Thị Hồng Hưng (*) 50DM. Phạm Hồng Thu (*) 20DM. Nguyễn Anh Hồng (*) 50DM. Lưu Việt Toàn (*) 50DM. Phạm Quốc Tuấn (Neuruppin) 20DM. Nguyễn Xuân Hải (*) 50DM. Đinh Tuyết Trinh (Oder) 20DM. Fam. Teickner (Magdeburg) 40DM. Trần Mỹ Dung 5DM. Jin Thị Xuu 10DM. Lim Tran 20DM. Tsai L. S. 20DM. Lương Đức Hữu + Hiền (Hannover) 500DM, HHHL ĐH Lương Đức Trạch. GĐĐH. Hồ (Gera) 200DM. Tạ Tuyết Liên 10DM. Thái Thị Đa 40DM. Đoàn (Krefeld) 100DM. Thị Khiêm (Berlin) 200DM. Quang Hà (Oldenburg) 100DM. Tsang Trịnh (Rietberg) 160DM. Trương Trịnh (*) 30DM. Đặng Trịnh (*) 10DM. Võ Minh Tâm (Homborg) 30DM. Lâm Kim Liên (M'Gladbach) 50DM. Đặng Ngọc Cúc (*) 50DM. HLDH Yung Sai Chow 100DM. Chùa Thiện Hòa (M'Gladbach) 500DM. Phạm Văn Hùng (Bi) 500FB. Phật Tử Chùa Tuệ Giác (Bi) 1.500FB. Đặng Hữu Mồ (*) 1.000FB. Lâm Văn Ca (Sweden) 100Kr. Chau Hon Sang + Lam (*) 100Kr. Trịnh Kim Nam (*) 100Kr. Hứa Thị Hiền (*) 40Kr. Tống Thị Lệ (*) 100Kr. Thái Hoa (*) 100Kr. Tăng Điền (*) 100Kr. Lý A Phát (*) 150Kr. Phạm Thị Ngọc Anh (*) 200Kr. Phí Hạnh Lund (*) 100Kr. Lưu Văn Tỷ (*) 200Kr. Trần Văn Sanh (*) 100Kr. Lương Lữ Dinh 100Kr. Từ Thông Đạt (*) 100Kr. Trần Văn Nga (*) 100Kr. Trần Văn Hưng (*) 100Kr. Trần Văn Hoàng (*) 20Kr. Phan Văn Thuận (*) 20Kr. Phái Đoàn Phật Tử Thụy Điển 1.000Kr. Quan Đức Ngô (*) 10Kr + 5DM. Diệu Anh (*) 1 bao gạo Trần Hú (*) 1 bao gạo. Lâm Hữu (*) 1 bao gạo Trần Kim Lại (*) 2 bao gạo Trần Huệ Sanh (*) 1 bao gạo.

Điệu Anh (*) 100FF. Lý Hào (*) 10DM. Từ Luyện (*) 10DM. Hồ Thị 30DM. Chu Thị Phụng (USA) 300DM, HHHL ĐH Nguyễn Hữu Làng. Susanne Mudersan (Hapnover) 60DM. Nguyễn Thị Hoàng Oanh (Konz) 40DM. Nguyễn Thị Minh Hằng (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Văn Thân 15DM. Trần Chí Sơn (Baden Baden) 30DM. Trần Tâm Tuấn 20DM. Hồ Xuân Ngô (D'dorf) 40DM. Lê Giảng (Bi) 3.000FB.

• BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Lê Thị Thu (Konz) 20DM. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 30DM. Nguyễn Thị Hà (Hamburg) 20DM. Nguyễn Hào Nghĩa (Úc) 50 Úc kim. Nguyễn Quang Vinh (Wedel) 20DM. Nguyễn Văn Đông (Bi) 500FB. Nguyễn Văn Hùng (Berlin) 40DM. Ngô Thị Hải (Potsdam) 20DM. Hoàng Thị Hạnh (*) 20DM. Nguyễn Thị Lan (*) 20DM. Trần Trinh (Minden) 20DM. Trần Bích Hường (Freiburg) 30DM. Đỗ Cường (Rosenheim) 50DM. Nguyễn Thị Mộng Quỳnh (Germering) 50DM. Phan Thị Ngọc (Wolfenbüttel) 20DM. Lê Thành Tín (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Văn Hoàng (Sickte) 20DM. Lâm Thị Hà (Unterschleißheim) 50DM. J. Nowak (BS) 20DM. Trưởng Kim Sướng (Bad Soden) 50DM. Nguyễn Tấn Huệ (Y) 50.000Lire. Tô Thị Năm (Pháp) 50FF. Hoàng Văn Sơn (Dillingen) 20DM. Nguyễn Thế Việt (Rckenhausen) 185DM. Trịnh Xuân Sơn 20DM. Lê Kim Hường (Velbert) 20DM. Lê Thị Bích Ninh (München) 20DM. Nguyễn Văn Trường (Lüneburg) 30DM. Nguyễn Trần (Bielefeld) 50DM. Trần Thị Trúc Phượng (Ellingen) 30DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Lumpertheim) 50DM. Quách Hữu Phúc 30DM. Nguyễn Hào 200DM. Tạ Văn Khánh (Bieskastel) 55DM. Trịnh Quốc Hùng 25DM. Phan Quốc Khánh (Hersching) 30DM. Vũ Thị Ngọc Hoai (Suisse) 50FS. Trịnh Bích Nhung (*) 50FS. Đỗ Thị Thu Hà 55DM. Lê Chín (Lutten) 50DM. Nguyễn Thu Ba (Regensburg) 30DM. Tôn Thất Biên (USA) 20DM. Phạm Lạc (Weißenthurn) 30DM. Nguyễn Hg Phong (Hagenbach) 20DM. Nguyễn Quỳnh (Münster) 30DM. Nguyễn Duy Tường (Wiesbaden) 20DM. Đỗ Tấn Phát (Uetzen) 50DM. Nguyễn Lũng Oanh (Bad Pyrmont) 20DM. Nguyễn Minh Tuấn (Saarburg) 30DM. Phạm Phú Hoàng (Pháp) 50DM. Lê Hữu Trí (Lebach) 20DM. Tuyết Hambusch (*) 50DM. Lâm Đức Cường (Saarbrücken) 10DM. Lý Lăng Mai (*) 50DM. Giang Lăng Cui (*) 30DM. Trần Huy Lâm (Beckingen) 50DM. Nguyễn Tấn Lê (Fortheim) 50DM. Tanasak Quý 20DM. Tôn Quốc Vinh + Tôn Quốc Hồng + Dục Thị Hiền (Saarbrücken) 100DM. Phạm T. Long (Frankfurt) 50DM. Trần Hữu Lộc (Stuttgart) 100DM. Trần Quỳnh Nga (Suisse) 50FS. Nguyễn Xuân Áng (*) 20DM. Đỗ Thị Hiền (*) 50FS. Trần Hiền (*) 50FS. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 20DM. Phạm Văn Út (Y) 10.000Lire. Nguyễn Anh Tuấn (Koblenz) 20DM. Dường (Grenzach) 40DM. Lê Kim Phượng (Meppen) 100DM. Hứa Công Tuấn (Sittensen) 10DM. Chung Thái Nhạc (Laatzten) 20DM. ĐH Diệu Phước (Reutlingen) 20DM. Trịnh Giang (Norden) 20DM. Hoàng Văn Sơn (Saarlouis) 20DM. Trần Ngọc Thanh 25DM. Nguyễn Xuân Hòa (Pháp) 150FF. Lê Đình Nho (*) 150FF. Đào Thị Bạch Tuyết (Wuppertal) 50DM. Trần Di Nhơn (Alsenz) 50DM. Đặng Như Nam (Nürnberg) 50DM. Bùi Hữu Long (*) 20DM. Nguyễn Trung (Singen) 10DM. Cao Thị Yến (Berlin) 100DM. Huệ Lộc (Pháp) 100DM. Nguyễn Xuân Thái (Astheim) 20DM. Trưởng Hồng Ân (Canada) 50DM. Đỗ Trọng Phong (USA) 20US. Lê Thị Thu (Bittburg) 20DM. Hồ Đình Tuấn (Nürnberg) 30DM. Lê Văn Phước (Heidenheim) 30DM. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 30DM. Nguyễn H. Bưởi (Südbroolemerland) 20DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 150FF. Lê Mỹ Hạnh (Sigmaringen) 50DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 50DM. Cao Thị Sấm (Hochdorf) 20DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Lâm Ý Xuân (Germersheim) 20DM. Trần Văn Hải (Sögel) 20DM. Hà Thị Cẩm (USA) 50US. Quang + Mai (Laatzten) 30DM. Phan Duy Phượng (Aachen) 50DM. Lâm Thuận (Frankfurt) 20DM. Hà Hiếu Thành (Đan Mạch) 100Kr. Trưởng Thị Lăng (Pforzheim) 50DM. Lê Thị Cúc 20DM. Lâm Châu Phước (Berlin) 40DM. Vuc Dương (Baecke) 20DM. Đỗ Hoa (Kelkheim) 20DM. Phạm Than Bình (Rudelzhausen) 30DM. Nguyễn Minh Lộc (Wolfenbüttel) 20DM. Hà Ngọc Kim Loan (Erfstadt) 1.000DM. Nguyễn Thanh Liễm (Spaichingen) 30DM. Nguyễn Minh Tuấn (Wernigerode) 20DM. Lê Thị Hoa (Filderstadt) 20DM. Đỗ Thị Út (Hòa Lan) 25Guld. Phạm Thị Liên Nga (Oberhausen) 230DM. Đào Văn Bình (Nürnberg) 50DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 20DM. Nguyễn Hải Hoàng (Bad Bentheim) 50DM. Bùi Thế Sơn 30DM. Trần Thị Liên (Krefeld) 30DM. Lưu Dorúnil 110DM. Võ Thị Lợi (Erding) 100DM. Lê Thanh (Aachen) 50DM. Trần Ngọc (Berlin) 20DM. Trưởng Thiên Hùng (Altbach) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Vân (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Tiến Lộc (Barntrup) 30DM. Nguyễn Kim Chưởng (Herten) 50DM. Nguyễn Thị Hường (Wiesbaden) 10DM. Đặng Văn Trọng (Kleinosheim) 50DM. Văn Trung Hồ (Meerbusch) 50DM. Mùi Mạnh Trí (Normborn) 10DM. Phạm Thị Ngọc Lan Frankenthal) 10DM. Nguyễn Triều Tiên (Nürnberg) 20DM. Trịnh Hồng Hải (Pháp) 300FF. Bích Thủy (Parsberg) 20DM. Mai Hồng Nhung (Karlsruhe) 20DM. Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (Leipzig) 200DM. Bernd Jakobi (Friedberg) 50DM. Trưởng Thị Minh Thượng (Đan Mạch) 500Kr. Khuu Đa Quỳnh (Berlin) 50DM. Cao Xuân Năng (Stuttgart) 20DM. Ngô Nguyễn Tường (Unterweißbach) 20DM. Phạm Đình Cường (Hòa Lan) 50Guld. Trần Thị Ngọc Linh (*) 25Guld. Hạng Văn Lương (Pháp) 100FF. Quan Bảo Cầu (Anh) 5US. Đoàn Văn Thuận (Gießen) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Uetzen) 20DM. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 50DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 20DM. Phạm Hoàng (Pháp) 300FF. Chùa Phật Quang (*) 300FF. Nguyễn (Bi) 500FB. Nguyễn Hữu Đoàn (Canada) 50Can. Nguyễn Thị Ngọc (Hamburg) 40DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 30DM. Nguyễn Ngọc Lâm (Heilbronn) 50DM. Huỳnh Thị Phấn (Beusheim) 30DM. Nguyễn Đăng Bút (Suisse) 50FS. Tom Thomas (USA) 20US. Phạm Thị Thắm (Bielefeld) 50DM. Nguyễn Văn Nghị (Münster) 20DM. Trần Minh Quang (Duisburg) 50DM. Nguyễn Cao Lúy (Trier) 20DM. Võ Văn Châu (Sweden) 20DM. Trần Văn Lợi (Bochum) 50DM. Phan

Kim Oanh (Sugenheim) 20DM. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 50DM. Lưu Tích Thắng (Hòa Lan) 25Guld. Trần Quốc Thành (Paderborn) 30DM. Trần Văn Cồn (Suisse) 50DM. Trần Thị Tót (Pháp) 200FF. Nguyễn Thị Thiệt (Herborn) 20DM. Nguyễn Ngọc Hạnh (Bi) 500FB. Chiêu Hoàng (Krefeld) 30DM. Phạm Nguyễn Huy (USA) 20US. Nguyễn Lê (München) 50DM. Diệu Anh (Fürth) 30DM. Diệu Hằng (*) 30DM. Vương Quang Trung (Pháp) 150FF. Cao Thị Nền (*) 100FF. Diễm Hoa (*) 200FF. Lai Kim Loan (*) 200FF. Vũ Tất Niễn (*) 300FF. Thân Thị Ngọc Anh (*) 200FF. Đoàn Thị Thanh Tú (*) 200FF. Bùi Trung Trúc (*) 200FF. Đoàn Văn Doan (Suisse) 200FF. Dr. Hà Huy Riêm (*) 30DM. Đoàn Văn Tuấn (Parsau) 20DM. Nguyễn Long Gia (Weil Friedlingen) 20DM. Lê Quang Liêm + Tân (Gehren) 30DM. Phạm Bình (Hameln) 200DM. Lê Văn Két (Köln) 20DM. Nguyễn Hồng Quang (Göttingen) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Đặng Thị Thu Trúc (Ravensburg) 20DM. Huỳnh Khắc Vinh (Berlin) 50DM. Nguyễn Văn Hoàng (Suisse) 50FS. Nguyễn Thị Tâm (Bi) 500FB. Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Trần Văn Công (Johanngeorgenstadt) 20DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 30DM. Nguyễn Khuyển (Schwarzenberg) 20DM. Lê Văn Mến (Plauen) 20DM. Hồ Trầm (Braunschweig) 185DM. Tạ Ngọc Hoa (Wedel) 50DM. Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 30DM. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Thu Crouime (Meerbusch) 30DM. Pha5m Ngọc Thượng (G'Marienhütte) 25DM. Phạm Ngọc Thắng (*) 25DM. Trưởng Hải (Nymegen/ Hòa Lan) 50Guld. Lê Quang Kế (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Thuận (USA) 20US. Lê Văn Lộc (Kempen) 20DM. Nguyễn Thị Mai (Viersen) 20DM. Nguyễn Ngọc Minh (Berlin) 20DM. Huỳnh Thanh Hà (Clausthal) 30DM. Nguyễn Anh Tuấn (BS) 50DM. Nguyễn Văn Biên (Erkrath) 50DM. Trịnh Minh (Göttingen) 20DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Mai Mỹ Linh (Nermarkt) 20DM. Liễu Thị Và (BS) 50DM. Nguyễn Thị Tiếng (Salzdelfurth) 20DM. Nguyễn Xuân Trường (Bissendorf) 20DM. Lê Văn Hoàng (Jügesheim) 20DM. Lê Mỹ Hạnh (Sigmaringen) 20DM. Đồng Sĩ Khường (*) 20DM. Phan Thị Hoàng (Reutlingen) 30DM. Trần Trung (Stuttgart) 100DM. Lê Văn Minh (MG) 20DM. Vương Thị Xuân Loan (Aurich) 20DM. Quách Thị Chốt (Essen) 20DM. Trần Văn Công (Johanngeorgen) 20DM. Nguyễn Khuyển (Schwarzeuberg) 20DM. Nguyễn Hữu Tao (Fürstenau) 20DM. Vũ Văn Dung (Konz) 30DM. Nguyễn Hồng Lâm (Brome) 20DM. Nguyễn Văn Chấn (Berlin) 25DM. Nguyễn Thái Hùng (*) 25DM. Nguyễn Đức Tường (Rodgau) 20DM. Trưởng Tiến Dũng (Wallenhorst) 50DM. Hồ Xuân Anh (D'dorf) 20DM. Trần Anh Tuấn (Oldenburg) 20DM. Nguyễn Bùi Thị N. Nga (Bad Old.) 30DM. Lôi Văn Kiệt (Meppen) 20DM. Nguyễn Công Tinh (Heilbronn) 20DM. Nguyễn Văn Hón (Wiesbaden) 20DM. Johnny Lu (Hamburg) 30DM. Sơn Tùng (Berlin) 20DM. Dường Công Bình (*) 20DM. Đặng Vũ Lộc (Seevelal) 50DM. Châu Thị Song (Unna) 20DM. Vũ Văn Cường (Bellingen) 20DM. H.D. Hứa (Gromingen) 25Guld. Nguyễn Mạnh Thượng (Norderstedt) 80DM. Đặng Quỳnh Quang (Berlin) 20DM. Dường Thị Ân (Lebach) 20DM. Hồ Hữu Lợi (Altdorf) 20DM. Dường Văn Hải 10DM. Thái Bích Thủy (Krefeld) 20DM. Liễu Thị Hoàng Vân (Hannover) 50DM. Nguyễn Văn Tú (Berlin) 10DM. Phạm Ngọc Nường (GM.hüttler) 25DM. Phạm Ngọc Thắng (*) 25DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 30DM. Trần Anh Dũng (Bad lburg) 20DM. Trịnh Văn Minh (Salzbergen) 30DM. Liêu Ngọc Nga (Hagen) 30DM. Trần Tú Ngọc (Githorn) 20DM. Lâm Hồng Phúc (*) 20DM. Trần Ngô (Schorndorf) 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Võ Thành Nhung (Ibbenbüren) 30DM. Vũ Thị Vàng (MG) 50DM. Trần Tiến Siêu (Hamburg) 50DM. Quách Hữu Thành (*) 50DM. Phước Hòa (*) 10DM. Lâm Minh Nghĩa (*) 20DM. Trưởng Giang (Münster) 30DM. Lâm Chí Trung (*) 20DM. Nguyễn Văn Hòa (*) 30DM. La Tý (Nordhorn) 100DM. Trần Thị Túdi (Köln) 20DM. Lý Kiến Phi (Saarbrücken) 20DM. Trưởng Hoàng T. Tiên (Göttingen) 20DM. Huỳnh (Würzburg) 10DM. Lâm Thuận (Frankfurt) 60DM. Huỳnh Văn Sang (Bad Oldeslo) 50DM. Hứa Thiên Thanh (Koblenz) 50DM. Đỗ Văn Kiên (Duisburg) 30DM. Nguyễn Thế Hùng (Nordhorn) 50DM. Lê Thị Hiệp (*) 50DM. Tô Văn Thịnh (Bad Homburg) 50DM. Nguyễn Khánh H. Lan (Regensburg) 20DM. Lê Thủy Hà (Stuttgart) 20DM. Trần Văn Hoa (Pforzheim) 20DM. Thái Túy Phượng (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Văn Trì (Osnabrück) 40DM. Lưu Phạm (Viersen) 100DM. Vũ An Hiến (Lilbar) 20DM. Tam Krings (Köln) 20DM. Tống Văn Giáp (*) 20DM. Vũ Quốc Anh (*) 30DM. Hoàng Thị Bích (*) 30DM. Gđ. Lưu Minh Thành (Hamburg) 50DM. Nguyễn Thị Tâm (Berlin) 50DM. Phạm Minh Tâm + Phượng (Lingen) 50DM. Nguyễn Văn Mạnh (München) 200DM. Vũ Thị Dấu (Aachen) 50DM. Nguyễn Thế Bình (Unter Wertingen) 20DM. Nguyễn Thành Thanh (Neuburg) 20DM. Nguyễn Đình Hoàng (Berlin) 30DM. Nguyễn Ngọc Thổ (Bad Homburg) một lúi bạc cất ló. Đỗ Hùng (Trier) 20DM. Trần Ngọc Xuân (Minderlittgen) 20DM. Trần Thị Nga (Fürth) 20DM. Trần Thị Liễm (Đan Mạch) 200Kr. Trưởng Tố Lộc (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Hữu Bình (Dachau) 20DM. Từ Quang Hùng (Stuttgart) 50DM. Trần Tú Trinh (München) 100DM. Hinh Thị Kiêm (*) 30DM. Huỳnh Thị Thủy (Landshut) 50DM. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 50DM. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 20DM. Hà Kiến Hùng (*) 50DM. Nguyễn Tường Nhân (Nürnberg) 20DM. Diệu Tịnh (Berlin) 30DM. Tăng Quốc Hiệp (*) 30DM. Võ Văn Tú (Wiesbaden) 30DM. Võ Thị Mỹ (*) 30DM. Trịnh Thị Tuyết Hạnh (D'dorf) 30DM. Trịnh Quốc Phong (Cloppenburg) 20DM. Đỗ Thị Yến (Pháp) 200FF. Trịnh Sylvia (Heidelberg) 70DM. Trịnh Việt Hùng (Schwetzingen) + Trịnh Trưởng Sơn (Mannheim) + Trịnh Quốc Trọng (*) + Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 150DM. Nguyễn Thị Song (Wiesbaden) 20DM. Vũ Văn Chuộc (Bremen) 50DM. Nguyễn Ngọc Thoa (Suisse) 30FS. Quảng.Phước 20DM. Nguyễn Thị Liệu (Aschaffenburg) 50DM. Huỳnh Trung Liệt (Norden) 30DM. Đinh Ngọc Hải (Halle) 10DM. Trần Quốc Hùng (Preetz) 50DM. Nguyễn Xuân Hùng (Rottenburg) 20DM. Trần Văn An (Flensburg) 20DM. Quách Anh Huệ (Hamburg) 30DM. Nguyễn Hữu Khánh (Tangtedts) 20DM. Lê Lan Anh (Neuss) 30DM. Nguyễn Thị Đệp (Neu Kunster) 50DM. Đỗ Văn Nghiêm (Duisburg) 20DM. Vũ Công Định (Bremen) 20DM. Lương Châu Hiếu (Einbeck) 30DM. Huỳnh Hoài Phú (Cloppenburg)

20DM. Nguyễn Tài Trí (Münster) 40DM. Triều Thanh Hà (Hamburg) 100DM. Nguyễn Văn Thanh (Kassel) 20DM. Nguyễn Thị Trường (D'dorf) 100DM. Nguyễn Văn Lương (*) 100DM. Ngô Phường Hùng (Harpstedt) 20DM. Trần Thanh Ngón (Berlin) 20DM. Trần Thị Bích Hồng (Einbeck) 20DM. Lương Văn Khoa (Bielefeld) 50DM. Trần Ngọc Bích (Lehrte) 20DM. Tô Vĩnh Hòa (Marienhafen) 200DM. Trần Thị H. Giang (Steinbach) 20DM. Hoàng Nam (Norden) 20DM. Bùi Lưu Chứng (Edervecht) 20DM. Võ Văn Tùng (Barntrup) 30DM. Nguyễn Minh P. Vinh (Sachsen Anhalt) 20DM. Lê Văn Thành (Frankfurt) 20DM. Cao Văn Biên (Wilhelmshafen) 20DM. Vũ Trọng Anh (Klosterseele) 20DM. Phan Hoàng Quán (Wiesbaden) 40DM. Phan Vũ (Schorndorf) 100DM. Nguyễn Thị Liên (Regensburg) 20DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 20DM. Nguyễn Thị Kim Vinh (Nürnberg) 20DM. Chúa Diệu Quang (USA) 200US. Đoàn Văn Hữu (Wernigerode) 40DM. Tô Thị Yến Oanh (Burgau) 30DM. Nguyễn Văn Vân (Köln) 200DM. Trường Văn (Unna) 10DM. Gđ. N. Hồng Tú (Bad Salzungen) 20DM. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc 30DM. Trịnh Thị Hoài Thu 30DM. Nguyễn Thị Phượng (Berlin) 20DM. Ấn danh 20DM. Phan Hào Tâm (Recklinghausen) 30DM. Nguyễn Đức Trụ (Oberhausen) 50DM. Gđ. Trần Quang Trung (*) 50DM. Nguyễn Ích Hiền (*) 20DM. Đào Công Cấn (D'dorf) 50DM. Nguyễn Thị Vân (*) 50DM. Gđ. Nguyễn Nhi Bình (Stuttgart) 50DM. Fam. Hagen Grob 30DM. Huỳnh Bà Lộc 20DM. Nguyễn Thị H. Hoa (Seim) 20DM. Đàm Quang Tuất (Berlin) 20DM. Fort. Asia Market (*) 25DM. Vương Lê Hoa (Bonn) 50DM. Nguyễn Văn Đồng 50DM. Đinh Thị Sanh (Krefeld) 35DM. Nguyễn Xuân Hùng (Bremen) 20DM. Gđ. Lâm Thị Đạo (Münster) 30DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 50DM. Đỗ Thị Mạnh (Monheim) 50DM. Trần Văn Đường (Wittlich) 30DM. Đặng Thị Liên (Pháp) 50DM. Phạm Văn Hùng (Bi) 500FB. Sơn Trần Chí (Baden Baden) 30DM. Fam. Trường (Hòa Lan) 25Guld. Chu Thị Hồng (Hamburg) 20DM. Nguyễn Công Sao (Pháp) 200FF. Võ Thị Kim Thoa (Hannover) 20DM. Verein d. Vietn. Flucht. (Münster) 20DM. Trần Ngọc Khuê (Neuss) 100DM. Chang A Sang (Pforzheim) 60DM. Hồ Xuân Ngô (D'dorf) 20DM. Nguyễn (Barntrup) 50DM. Diệp Qui Đức (Hamburg) 40DM. Trần Huỳnh Dương (Haselünne) 20DM. Lê Giảng (Bi) 1.000FB.

• Phật Đản

ĐH. Đức Thị Hiền (Saarbrücken) 100DM. Hồ Văn Nguyễn (Pháp) 500FF. Phạm Hồng Đức (Schorndorf) 20DM. Lý Thị Ba (Bi) 500FB. Nguyễn Thị Giới (*) 500FB. Ni cô Đàm Thiên (*) 500FB. Cô Đàm Hòa (*) 1.000FB. Lê Tú Quỳnh (*) 1.000FB. Huệ Lộc (Pháp) 100DM. Nguyễn Thị Yến (Nürnberg) 30DM. Lê Văn Phước (Heidenheim) 50DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (*) 30DM. Trường Thị Lăng (Pforzheim) 20DM. Đỗ Thị Bích Thủy (Bonn) 10DM. Đào Thị Chúc (Großsessel) 30DM. Chủ Ấn Pháp (D'dorf) 00DM. Võ Bà Tông (Zweibrücken) 10DM. Đặng Khánh Nam (Frankfurt) 20DM. Quách Hải Quang (*) 20DM. Huỳnh Thiệt Huệ (Nürnberg) 30DM. Viên Văn Hiệp (Koblenz) 50DM. Lê Quan Liễm (Pháp) 100FF. Hàng Văn Lương (*) 200FF. Trần Đức Long (*) 100FF. Tôn Thất Dinh (Berlin) 50DM. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 50DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Quan Báo Cầu (Anh) 10US. Nguyễn Thị Chuột (Áo) 1.000Schil. Quách Hòa Anh (Bi) 30DM. Trần Thị Vân (Pháp) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Velzen) 20DM. Vũ Văn Phú (Schwezingen) 50DM. Dương Bội Linh (*) 70DM. Châu Thị Mú (Frankfurt) 20DM. Hà Ngọc Dư (Krefeld) 50DM. Nguyễn (Bi) 500FB. Chu Văn Thông (*) 500FB. Nguyễn Thị B. Hồng (*) 1.000FB. Nguyễn Ngọc Hạnh (*) 500FB. Hà Văn Tú (Wessel) 30DM. Ngô Thị Ngọc Hạnh (Kaufbeure) 20DM. Khúc Thế Hiếu 50DM. Trần Tú Nguyệt 50DM. Ông Đình Lương (Mannheim) 50DM. Nguyễn Danh Thắng (*) 50DM. Hoàng Ngọc Thu (Pháp) 100FF. Lê Ngọc Chấn (*) 100FF. Nguyễn Sửu (*) 100FF. Nguyễn Thị Long (*) 200FF. Trần Thị Tới (*) 200FF. Cao Thiệp Bửu (*) 100FF. Vương Chấn Quới (*) 100FF. Lê Thị Hoãn (Doberberg) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Lê Thị Kim Thu (Tannhausen) 20DM. Nguyễn Cẩm Lai (Suisse) 100DM. Trần Đức Phát (GM.hütte) 50DM. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 10DM. Châu Nam (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 50DM. Đồng Thị Gái (Ulm) 100DM. Lưu Tích Thắng (Hòa Lan) 25Guld. Phạm Thị Ngọc Phương (Künzelsau) 20DM. Trường Kim Học (Lanzstahl) 20DM. Dương Nữ (Schwezingen) 20DM. Dương Vinh Quang (*) 40DM. Nguyễn Thị Thiệt (Herbron) 30DM. Thiện Minh Hà Văn Thành (Frankfurt) 300DM. Chiêu Hoàng (Krefeld) 20DM. Cindy le Fuller (USA) 100US. Trần Văn Chánh (Flensburg) 50DM. Trần Nguyễn Thị Hương (Suisse) 50FS. Nguyễn Khắc Cấn (München) 50DM. Tiểu Thị Thị (Erlangen) 100DM. Vương Quang Trung (Pháp) 50FF. Cao Thị Nền (*) 100FF. Trần Xuân Liễu (Ý) 49DM. Đồng Sĩ Khương (Sigmaringen) 50DM. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 30DM. Asia New Saigon (Ravensburg) 50DM. T.T. Nga (Đan Mạch) 100Kr. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 30DM. Vũ Huy Chiến (Moyerswerda) 10DM. Lu Thanh (Oldenburg) 30DM. Kim Tông (*) 10DM. Nguyễn Thị Viễn Phượng (Koblenz) 100DM. Trí Liên Thái Kim Hía (Köln) 40DM. Lê Văn Kết (*) 10DM. Diệu Thứ (*) 50DM. Giang Lê Kiên + Tú Dung Đệ (Hamburg) 50DM. Võ Thị Huệ (Bi) 500FB. Nguyễn Thị Tâm (*) 500FB. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 50DM. Trịnh Khai Hoàn (Kerpen) 20DM. Nguyễn Công Tính (Heilbronn) 20DM. Đàm Chuyên (Stade) 200DM. Nguyễn Văn Phương (Delmenhorst) 100DM. Nguyễn Văn Lực (Kleinrinderfeld) 20DM. Nguyễn Thị Q. Trang (Mainz) 30DM. Nguyễn Thị Bảy (Krefeld) 20DM. Phạm Minh Tung (Ý) 20.000Lire. Lâm Vĩnh Phong (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Văn Hinh (Sweden) 20US. Bùi Như Sơn 20DM. Nguyễn Thị Nga (Essen) 30DM. Lê Sanh (Pforzheim) 20DM. Trần Thị Ba (*) 20DM. Chùa Phật Báo (Barntrup) 1.000DM. Chùa Thiên Hòa và Quán Thế Âm (M'Gladbach & Aachen) 1.000DM. Tôn Nữ Quỳnh Như (Berlin) 40DM. Trường Hải (Hòa Lan) (Nymegen) 50Guld. Trần Xuân Hiền (Tübingen) 50DM. Phan Ngọc Minh (Reutlingen) 100DM. Trần Ngọc Mỹ (*) 85DM. Lê Thị Xuân (Melzingen)

20DM. Lý Văn Văn (Gomaringen) 50DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 45DM. Lâm Minh Đức (Stuttgart) 50DM. Thanh Thủy (Rotenburg) 20DM. Nguyễn Hữu Kiên (Sindelfingen) 60DM. Viên Kim Huy (*) 30DM. Nguyễn Thị Tú (*) 30DM. Đỗ Thị Thanh Vân (*) 100DM. Cửu Hòa (*) 100DM. Thái Kha Tuy (*) 60DM. Đỗ Xuân Lê (*) 50DM. Dương Thị Hối (*) 20DM. Lâm Diệp (*) 20DM. Đỗ Mạnh (*) 20DM. Đỗ Hồng (*) 20DM. Kiều Thâm (Lichtenstein) 100DM. Trần Qui (*) 50DM. Dương Thủy (*) 50DM. Trần Văn Thanh (Bisingen) 100DM. Thành Hiệp (Stuttgart) 100DM. Trần Thị Ten (*) 50DM. Mã Thanh (*) 50DM. Thích Cường (*) 50DM. Trần Kim Phát (*) 50DM. Kim Hoa (Biberach) 60DM. Hứa Tích Chương (Melzingen) 20DM. Đón Mai (Stuttgart) 50DM. Ngô Chiếu (Pfullingen) 50DM. Dương Triệu Cơ (Ý) 100DM. Hồ Thế Lan (*) 20DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 50DM. Đặng Khánh Ngọc (Sindelfingen) 10DM. Trần Chinh (Kornwesheim) 20DM. Lưu Phú (Grebeheim) 20DM. Trần Thúc Hiền + Hứa Xuân Vinh (Sindelfingen) 100DM. Phạm Thị Ba (*) 50DM. Trịnh Diệu Dung (*) 20DM. Trịnh Hoàng Tâm (*) 20DM. Trịnh Diệu Huyền (*) 20DM. Trịnh Diệu Trâm (*) 20DM. Trịnh Hoàng Tấn (*) 20DM. Trịnh Diệu Anh (*) 20DM. Hồ Thị Năm (Reutlingen) 50DM. Trần Bình Lợi (Oberhochen) 250DM. Chi Hội PTVNTN tại München 700DM. Hà Văn Hân (München) 50DM. Lê Diệu Loan (*) 20DM. Nguyễn Xuân Hồng Mỹ (*) 50DM. Lê Thị Thu Hường (*) 40DM. Nguyễn Quang Bình (*) 10DM. Dương Siêu Kiều (*) 20DM. Phạm Thị Cúc (*) 10DM. Nguyễn Thị Thanh Hồng (*) 30DM. Dương Thị Hằng (*) 50DM. Đinh Thị Xoa (*) 10DM. Lai Khánh Vân (*) 20DM. Huỳnh Văn Kiên (*) 40DM. Nguyễn Tất Thắng (*) 20DM. Việt (*) 10DM. Nguyễn Diễm Trâm (*) 20DM. Nguyễn Văn Phúc (*) 10DM. Xuân (*) 10DM. Nguyễn Minh Trí (*) 20DM. Hoàng Thị Đoàn (*) 20DM. Nguyễn Phước Vĩnh Thành (*) 30DM. Nguyễn Hoàng Sơn (*) 10DM. Nguyễn Phước Thành + Trang (*) 30DM. Võ Thị Cẩm Ngón (*) 20DM. Nguyễn Hữu Bình (*) 20DM. Nguyễn Minh Dũng (*) 20DM. Ấn danh (*) 30DM. Phạm Thị Xuân Hường (*) 30DM. Nguyễn Xuân Tấn (*) 30DM. Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 50DM. Erika Wiedenroth (Langenhagen) 500DM. H.D. Hứa (Gromingen) 100Guld. Ngụy Sơn Hải (Laatzten) 50DM. Ngụy Sơn Toàn (*) 50DM. Lý Đan Huy (Aschaffenburg) 20DM. Đinh Văn Cường (*) 20DM. Lê Thủy Hà (Stuttgart) 30DM. Hà Thị Lan Anh (Schorndorf) 50DM. Hồ Hữu Lợi (Altdorf) 30DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beulheim) 50DM. Trường Tố Hà (Löningen) 50DM. Hùng Pat Mũi (*) 50DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Thang Diệp Tri (BS) 20DM. Trần Mao (BS) 20DM. Ấn danh 20DM. Lý Triệu Xướng 10DM. Phan Đình Thích (Dortmund) 20DM. Nguyễn Văn Tú (Berlin) 30DM. Nguyễn Thị Huệ (*) 20DM. Tào Thị Sang (Leer) 20DM. Lý Triệu Phượng (Saarbrücken) 20DM. Ngụy Thanh Tâm (Göttingen) 10DM. Ninh (Reutlingen) 50DM. Ấn danh 50DM. Trần Mạnh Tiến (Hildesheim) 20DM. Vương Tuyết Vân (*) 20DM. Đặng Văn Đức (Köln) 50DM. Thị Chánh (Laatzten) 20DM. Gđ. Nguyễn Lai (Hamburg) 50DM. Trần Thị Oanh (Trier) 20DM. Đặng Quang Hải (*) 20DM. Hà Thị Hai (GM.hütte) 50DM. Nguyễn Thị Lan (MG) 50DM. Nguyễn Roanh (Lünen) 40DM. Trần Ngô (Schorndorf) 30DM. Trần Thành Cường (Stadtilendorf) 20DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 50DM. Trần Duyệt Sanh (Leunfelder) 100DM. La Quốc Cường (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Thị Thế (Münster) 20DM. Ngô Trường Pháp (*) 20DM. Trường Giang (*) 20DM. Nguyễn Phi Long (*) 50DM. Michael Teichmann (Bremen) 20DM. Sangoy (*) 7DM. Đồng Trí (Lünen) 50DM. Ấn danh 10DM. Vương Quốc Long (Berlin) 10DM. Lưu Giới (Nordhorn) 20DM. La Tý (*) 100DM. Vũ An Hiến (Liblar) 50DM. Bùi Thị T. Vân (Mendig) 20DM. Trịnh Huy (Saarbrücken) 50DM. Lý Kiến Cường (*) 30DM. Giang Lăng Cui (*) 20DM. Chung Văn Tấn (*) 30DM. Lý Kiến Phi (*) 30DM. Lâm Chí Trung (Münster) 30DM. Nguyễn Văn Hòa (*) 20DM. Trịnh Quang Phú (Ludwigshafen) 50DM. Trần Thanh Liên 10DM. Hồ Xuân Ngô (D'dorf) 100DM. Hoàng Minh Tuấn (Bad Beulheim) 50DM. Trần Cẩm Châu (Hanau) 50DM. Trần Thị K. Dư (*) 50DM. Lâm Thị Lến (Haren) 20DM. Trần Thị Hương (Bremen) 10DM. Hồ Chấn Pháp (Hamburg) 50DM. Trịnh Thị Yến (*) 20DM. Đỗ Hữu Nghĩa (Neuss) 50DM. Ngô Kiệt Lan (Gießen) 30DM. Lâm Minh Nghĩa (Hamburg) 20DM. Lê Hilbook (Frankfurt) 100DM. Lương Hồng Tâm (*) 10DM. Lâm Thuận (*) 40DM. Nguyễn Văn Thành (Melzen) 20DM. Nguyễn Thị Hà (Bad Nanheim) 20DM. Lê Lan Anh (Moisburg) 10DM. Nguyễn Thị Hà (Hildesheim) 20DM. Nguyễn Quang Thanh (Wiesbaden) 10DM. Nguyễn Thị Huệ (Hamburg) 20DM. Quách Ánh Huệ (*) 20DM. Phan Tân Thang (*) 20DM. Đỗ Văn Kiên (Duisburg) 20DM. Lê Thị T. Oanh (Bremen) 20DM. Lê Văn Sang (Solingen) 20DM. Bùi Thị Văn (Oberhausen) 20DM. Trần Kiều Trinh (*) 20DM. Phan Thị Đạm (Hòa Lan) 100Guld. Lê Nhất Hiền (Maintal) 100DM. Cao Hữu Danh (Haren) 100DM. Diễm Khanh Chung (Bad Iburg) 50DM. Ngô Kim Liên (N. Münster) 50DM. Huỳnh Thanh Văn (Trier) 10DM. Huỳnh (Speyer) 50DM. Bùi Thị Hiền (Saarburg) 20DM. Đặng Hiền (Sindelfingen) 20DM. Tâm + Phượng (Hòa Lan) 77DM. Lê Thị Ngà (Chemnitz) 21DM. Anh Bình (Leipzig) 2DM. Tạ Thanh Nam (*) 10DM. Hoàng Hồng Vân (Wernigerode) 10DM. Lý Hồng Sơn (Stuttgart) 50DM. Võ Thị N. Thủy (Nideggen) 30DM. Tống Thị Nghĩa (Oberhausen) 10DM. Phạm (Hamburg) 20DM. Phong (Wolffenbüttel) 20DM. Ban Báo Trợ GDPT Chánh Niệm (Berlin) 20DM. Ấn danh 20DM. Lê Thị Ty (Hannover) 50DM. Gđ. Vũ Quang Tú (*) 100DM. Gđ. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Văn Chứng (Karlsruhe) 50DM. Đào Trọng Nghĩa (*) 50DM. Nguyễn Thành Thanh (Neuburg) 50DM. Lê Thị Diễm (Trier) 100DM. HHHH ĐH Lê Tấn Công + Nguyễn Thị Sứ + Võ Thị Nghĩa - Lê Q. Phan. Trần Thị Liễm (Đan Mạch) 200Kr. Đỗ Thị Mỹ (*) 100Kr. Vũ Thị Sinh (*) 200Kr. Đinh Văn Ty (*) 100Kr. Đinh Vũ Trung (*) 100Kr. Trần Tú Trinh (München) 50DM. Huỳnh Thị Kiêm (*) 20DM. Gđ. Trần Hữu Khiếu (Usingen) 80DM. Trần Thị Lệ Chi (Anh) 100DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 30DM. Nguyễn Thị Du (*) 30DM. Hà Kiến Húng (Frankfurt) 50DM. Liêu Cẩm Phong (Krefeld) 50DM. Trần Nguyễn Anh (Bonnitz) 30DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 100DM. Trần Ngọc Mỹ (*) 100DM. Lâm Minh (Landau) 50DM. Chi Hội Phật Tử Rotweil + Tuttligen 100DM. Trần Ngọc Nhung (Pforzheim) 100DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld)

30DM. Mai Ngọc Đức (Hamel) 20DM. Trần Thanh Ngón (Berlin) 40DM. Gđ. Bùi Đình Phú (Unna) 100DM. HHHH ĐH Bùi Đình Phú. Nguyễn Thị Hạnh (BS) 200DM. Lê Thị B. Tùng (Hannover) 50DM. Lê Thị Đan Khanh (Emden) 10DM. Trương Hạnh (Friesoythe) 20DM. Nguyễn Thị Nhị (Helmstedt) 100DM. HHHH ĐH Huệ Ngọc Trần Thị Nở. Đặng Văn Vui + Nghĩa (Haselünne) 20DM. Phan Văn Diem 20DM. Lê Anh Sơn (Leipzig) 10DM. Phan Văn Dũng (Rostock) 20DM. Apita Merden 50DM. Lê Thị B. Lan (Hannover) 10DM. Dirk Michler 10DM. Phu Di Ta 20DM. Đào Thiên Mẫn 10DM. Nguyễn Văn Ngọc (Gießen) 20DM. Ngô Đức Bình 10DM. Nguyễn Mạnh Châu 40DM. Phan Thị Thảo 10DM. Ludwig Khai (Bad Iburg) 100DM. Huy Trần 20DM. Trần Lý Ái Phương 50DM. Nguyễn Đức Bình (Berlin) 20DM. Mai Bích Ngọc 10DM. Đỗ Văn Bình (Magdeburg) 20DM. Nghiêm Quốc Hùng 20DM. Hùng Thúc Kim (Troisingen) 20DM. Lê Văn Thanh 10DM. Bùi Thế Mạnh (Papenburg) 20DM. Phùng (Celle) 20DM. Huỳnh Kim 50DM. Đào Thị Phượng (Hannover) 20DM. Nguyễn Xuân Kỳ (Krefeld) 100DM. Bế Nhật Long + Hằng 20DM. Lê Thị Lành 20DM. Đỗ Vũ 20DM. Dương Cảnh Hà (Oberhausen) 20DM. Trí Nguyệt (Hòa Lan) 30DM. Nguyễn Tiến Đức 10DM. Chung Mỹ Hào 20DM. Nguyễn Thị M. Hường 20DM. Lạc Hành Chánh (Nürnberg) 200DM. Minh Lan 50DM. Lâm Hữu Tài 20DM. Yib Tien Wan (Mülheim) 50DM. Phan Thị Lan 10DM. Nguyễn Văn Quang + Lộc 10DM. Nguyễn Thị Nhung + Chúng (Hamburg) 10DM. Đoàn Thực + Như Hằng 10DM. Lý Mui Thôi (Hamburg) 20DM. Huỳnh Anh Dũng (Hasen/Ems) 40DM. Lưu Thị Quân (Unna) 20DM. Phạm Tài (Berlin) 100DM. Lê Nghĩa 20DM. Trương Q. Dường + Thủy (Berlin) 10DM. Su Choke Ho 10DM. Nguyễn Văn Ván (Köln) 20DM. Viên Thị Phượng (Koblenz) 10DM. Đào Thị Quý + Sơn 20DM. Trần Thị Kim Chi 20DM. Trần Hữu Hùng 20DM. Burkhard + Hào (BS) 10DM. Nguyễn Văn Kim (Frankfurt) 50DM. Đặng Quang Chiến 10DM. Lâm Thảo Nhi (Neuwied) 10DM. Fam. Lê Trọng Đức (Kamen) 20DM. Lý Ngọc Hạnh 50DM. Cao Hữu Đức (Hasen/Ems) 50DM. Lê Kim Thành (Paderborn) 10DM. Trần Thị Trinh (Calsenkirchen) 50DM. Fam. Lai Anh Khương (Bingen) 20DM. F. Tien (Hamburg) 20DM. Đàm Đức (*) 10DM. Nguyễn Thị Hiền (Spaichingen) 40DM. Nguyễn Đức Kiên (Berlin) 30DM. Thái Dung Phan (Gießen) 20DM. Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg) 50DM. Vũ Thị Thu Nga 10DM. Gđ. Nguyễn Đức Tuấn (Row) 50DM. Lê Minh Sơn (Dresden) 20DM. Đặng Thị Mai 20DM. Gđ. Tong + Thang 20DM. Gđ. La Bửu Hằng + Hoa 20DM. Đào Thị Chuyên (Urbar) 20DM. Dianne Kong (Hof) 50DM. Nguyễn Hồng T. Huệ (Frankfurt) 15DM. Nguyễn Thị Xí (Viersen) 20DM. Đinh Thế Khai 10DM. Quách Minh Xuân (Minden) 100DM. Nguyễn Xuân Huệ 20DM. La Thu Sung (Hamburg) 50DM. Gđ. Trương (Sweden) 20DM. Nguyễn Hoàng Anh (Hannover) 10DM. Nguyễn Lê Xuân (Ludwigshafen) 20DM. Đàm Thị Đan 10DM. Nguyễn Ngọc Yến 10DM. Vũ Thị Bình 10DM. Đàm Quang Mẫn 20DM. Đoàn Thị Luân (Berlin) 50DM. Phạm Văn Nghiệp 10DM. Thanh Liên 20DM. Trần Thị N. Hạnh (Bj) 20DM. Nguyễn Hoàng Lan 10DM. Nguyễn Minh Nguyệt (Garbsen) 10DM. Nguyễn Đức Trung (Vechta) 10DM. Đỗ Thị T. Bình 10DM. Trương Vinh (D'ort) 20DM. Phạm Thị M. Luyến (Peine) 10DM. Gđ. Ngô Ngọc Quy (Việt Nam) 20DM. Đoàn Thị Lan 10DM. Đinh Lê Văn Hải 3DM. Vũ Văn Lợi 10DM. Mã Thị Hạnh + Từ 20DM. Huỳnh Tiểu Anh 20DM. Gđ. Võ Thị Nguyễn (Fürth) 70DM. Trần Văn Năng 10DM. Đàm Quang Tuất (Berlin) 20DM. Trần Đức Duy 20DM. Ngô Thị Dường (Hofgeismar) 70DM. Ludwig Kim Hoa 20DM. Đinh Thị Oanh 20DM. Nguyễn Thanh Hường 10DM. Dương Hồng Thủy (Leipzig) 20DM. Nguyễn Khắc Tuấn + Hà 20DM. Nguyễn Thị Thủy (Aue) 10DM. Trần Thủy Nga (Göttingen) 20DM. Trần Kim Đình (Mairtal) 30DM. Đào Xuân Thành (Gießen) 20DM. Diệu Minh + Diệu Bình (Berlin) 100DM. Nguyễn Kỳ Thường (Lünen) 30DM. Lê Thị Thu (Konz) 50DM. Ngô Thị Hòa (Darmstadt) 20DM. Tiết Quang Hải 20DM. Lê Hồng (Oldenburg) 20DM. Lê Chí Thanh 20DM. Nguyễn Thị N. Cờ (Hamburg) 20DM. Đỗ Hồng 20DM. Phượng Thị Đại (Klein Osthaim) 130DM. Trần Thị H. Văn (Salzgitter) 30DM. Nguyễn Trí Trung 20DM. Phạm Thị Định (Oschersleben) 10DM. Trần Thị Hoa 20DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 12DM. Trần Thị Hạnh Matzen (Hamburg) 50DM. Bùi Thu Hạnh 20DM. Bùi Chí Hiếu (Magdeburg) 10DM. Quốc Thái 20DM. Võ Minh Đức 10DM. Bùi Quốc Hải + Liên (Traunstein) 20DM. Đỗ Mạnh Trung 10DM. Phạm Đức Thọ (Hamel) 20DM. Đinh Thị Thoa 10DM. Nguyễn Hữu Thế + Lý (Wülthen) 30DM. Nguyễn Văn Thanh (Kassel) 20DM. Mai Đức Dũng 20DM. Nguyễn Việt Hào (Hanau) 20DM. Pan Gay 20DM. Đinh Văn 10DM. Bùi Quang Minh 10DM. Hoàng Thành Lâm 10DM. Đỗ Quốc Định (Gießen) 20DM. Phan Văn Thiệt + Mỹ (Hamel) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Đức (Oberkoltzau) 50DM. Huỳnh Kỳ 40DM. Gđ. Bùi Hữu Thóa 20DM. La Phụng 20DM. Thông + Cường (Bissendorf) 20DM. Đặng Văn Hiếu 20DM. Lê Thị P. Hoàng 10DM. Gđ. Dường (Celle) 50DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Hào (Neuenhaus) 50DM. Kiều Thị Phượng 10DM. Gđ. Võ (Rheine) 20DM. Ngọc Liên (Karben) 20DM. Gđ. Do Dengler 50DM. Nguyễn Thị Đại (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Phượng 50DM. Điền Thị B. Nhung 10DM. Đoàn Thị Kim Loan 50Guld. Phan Thị Nho (Bensheim) 50DM. Trần Thị Nam (Aurich) 20DM. Gđ. Phạm (Bad Beuthem) 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 20DM. Nguyễn Công Trung 20DM. Gđ. Phan Văn Hạnh (Hamburg) 20DM. Gđ. Trần Thị Ánh Tuyết (Speyer) 20DM. Đặng Tuyết Mai 50DM. Ngô Thị Trao 20DM. Gđ. Kim Liên + Thủy Văn 50DM. Lê Thị Xem (Dillenburg) 20DM. Gđ. Dường văn Mạnh (Peine) 10DM. Nguyễn Anh Phong 5DM. Hoàng Minh Toàn 20DM. Boonruen 20DM. Gđ. Đặng Thị Hợp (Oschersleben) 20DM. Le Griem (Münster) 50DM. Lâm Thảo Nhi 20DM. Gđ. Nguyễn Thu Thủy 20DM. Gđ. Trần Nhà Hòa (Neumünster) 100DM. Triệt + Huỳnh 20DM. Lưu Danh Phá (Vechta) 10DM. Trần Phong Nho + Mỹ Hà (Hamburg) 20DM. Lưu Thị T. Hường (Serrig) 3,15DM. Dương Xuân Trường (Hannover) 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Ánh 20DM. Nguyễn Thị T. Minh (Emeldingen) 50DM. Võ Thị Kim Anh (Kassel) 20DM. Gđ. Lê Văn Phú 10DM. Trương Chánh (Friesoythe) 50DM. Nguyệt Hồng (Roßdorf) 20DM. Trần Thị T. Lý 20DM. Liếm 20DM. Vũ Thị Liên 50DM. Trần Thị H. Văn (Freising) 10DM. Đỗ Mạnh Các 10DM. Ramaswany Mỹ

Phượng (St. Gallen) 20DM. Nguyễn Minh Tuấn 10DM. Vũ Anh Tuấn (München) 50DM. Châu + Huệ 20DM. Dương Tôn Hoàng (Recklinghausen) 50DM. Trần Văn Phi (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Thị Huệ 10DM. Nguyễn Thị Hồng (Seevetal) 20DM. Trần Quốc Hường 10DM. Cao Văn Khánh (Dachau) 20DM. Nguyễn Thị N. Minh (Polen) 10DM. Trần Ngọc Toàn 20DM. Châu Ngọc Lan (BS) 20DM. Ngô Thị Thu Ba (*) 20DM. Gđ. Lê Thành Đông (Köln) 20DM. Phạm Văn Thành 20DM. Lưu Khải Tĩnh (Helmstedt) 20DM. Nguyễn Anh Tuấn 10DM. Lê Thị Hoa 50DM. Phan Thị Ngọc (WF) 20DM. Nguyễn Hoàng Tùng (Cottbus) 20DM. Trần Ngọc Diệp 20DM. Dương Công Bình (Berlin) 10DM. Gđ. Bùi Hữu Bình (Dachau) 10DM. Nguyễn Khắc Thụy (Gotha) 10DM. Nguyễn Thị Ngà 20DM. Cang + Thanh (Leipzig) 20DM. Gđ. Trần Ngọc Dường (Uslar) 10DM. Phùng (Celle) 20DM. Trần Ngọc Thành 10DM. Dương Việt Long (Schvorberg) 50DM. Bùi Quang Định (Fürth) 20DM. Gđ. Nguyễn Hồng Mai 4DM. Mạch Quốc Hùng (München) 20DM. Hà Quốc Thắng (Aue) 20DM. Trinh Xuân Trường (*) 30DM. Hải Lý 10DM. Hoàng Thu Thủy (Salzgitter) 10DM. Trần Thị Hoa (Hamburg) 20DM. Phạm Đức Sơn 20DM. Nguyễn Thị Loan (Mayen) 10DM. Phạm Minh Tùng (München) 20DM. Nguyễn Văn Nam (BS) 30DM. Gđ. Đào Mộng Long (Fürth) 20DM. Nguyễn Thị Liên (Norden) 50DM. Đinh Văn Hùng 10DM. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 20DM. Lý Thành Long (Suisse) 40FS. Lê Thị Nguyệt (Viersen) 10DM. Nguyễn Ngọc Long 10DM. Trí Phước 20DM. Phạm Thị T. Hường 50DM. Nguyễn Trâm (Bielefeld) 20DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 20DM. Nguyễn Thị Thỏ (MG) 70DM. Đỗ Thị Huệ Linh 20DM. Lê Anh Tuấn (Hannover) 20DM. Phan Văn Trường (Nürnberg) 20DM. Trinh Văn Thịnh (Essen) 20DM. Chung Dịch 20DM. Trinh Thị Mai Hoa 30DM. Gđ. Nguyễn Văn Toàn + Hiệp 50DM. Nguyễn Kim Thành 20DM. Mã Vĩnh Thụy 50DM. Châu Thị Khanh (Paderborn) 20DM. Gđ. Đặng (*) 70DM. Võ Thị Ngọc Anh (Lippstadt) 20DM. Lý Ái (Seevetal) 20DM. Minh Mai Hải (Trier) 20DM. Nguyễn Văn Đức (Essen) 20DM. Lục Xuân Thuồng (Gießen) 20DM. Huỳnh Kiên (Syke) 50DM. Ân danh 20DM. Ludwig Bá Truyền (Bremen) 50DM. Trần Quốc Đạt (Hamburg) 50DM. Lưu Thị Sáu (Unna) 50DM. Hứa Thị Túc (Meppen) 20DM. Đỗ Trọng Bình 25DM. Nguyễn Thái Nam (Nürnberg) 100DM. Ngô Văn Diễn 10DM. Trương Minh Tuyết 10DM. Gđ. Nguyễn Tiến Vinh (Raackelwitz) 40DM. Nguyễn Hồng Tú 30DM. Phạm Hoài Trang (Irrel) 10DM. Nguyễn Thị Lan (Möhlau) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị Thu Hà 60DM. Gđ. Lục Tô Hà (Nienburg) 10DM. Huỳnh Thế Đông (Lüneburg) 20DM. Liêu Vinh Đạt (Helmstedt) 20DM. Trần Thị Sơn (Ulm) 20DM. Nguyễn Kim Oanh (Laar) 30DM. Trương Thanh Hùng 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Hamburg) 50DM. Trần Thị Tiết 10DM. Phạm Quang Trung 30DM. Nguyễn Công Nam 20DM. Lưu Văn Diệp (Gardelegen) 10DM. Lê Thị Hợp (*) 20DM. Vũ Quang Vinh (Dresden) 20DM. Nguyễn Văn Kết 20DM. Quế Lang 20DM. Vũ Thị Thuần (Dortmund) 50DM. Hàn Thị (BS) 70DM. Kha Tiên (Bremen) 20DM. Nguyễn 50DM. Đào Thiên Mẫn (Hannover) 10DM. Đỗ Tú Loan 20DM. Trinh Tú Nghĩa 50DM. Nguyễn Thị Nhân 40DM. Phạm Thị Ngao 20DM. Phạm Văn On 20DM. Bích + Tiến Thanh 50DM. Bùi Thị Lý 10DM. Lo Jia Yan 10DM. Thái Thuần Dũng (Waltershausen) 30DM. Lê Văn Sáu (Neu Ulm) 10DM. Lê Thị Thu Trúc 20DM. Nguyễn Thị Nga 10DM. Đào Thị Liên (Recklinghausen) 20DM. Gđ. Đào Thị Phượng (Dortmund) 30DM. Gđ. Du Hon Ky 20DM. Nguyễn Đức Thắng 20DM. Văn Luyến 20DM. Trần Thị Vinh 10DM. Mạc Lê Kim 50DM. Gđ. Tống Hữu Đường 20DM. Nguyễn Duy Thảo 10DM. Nguyễn Cao Tửng (Fürth) 30DM. Trần Văn Quế (Roßdorf) 20DM. Nguyễn Thị Dường (Essen) 30DM. Gđ. Trần Chí Hùng 20DM. Ngô Đức Bình (Riesa) 30DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Hannover) 20DM. Trần Văn Hiền (Hamel) 20DM. Nguyễn Thái Hùng (Berlin) 50DM. Nguyễn Xuân Ninh (Halle) 20DM. Trần Quan Phẩm 10DM. Huỳnh Văn Minh (Speyer) 20DM. Nguyệt 20DM. Mai Thị Tâm (Hamburg) 20DM. Phạm Duy Hằng 20DM. Đinh Thu Hằng 10DM. Vay Y Ninh (Bremer) 10DM. Phạm Xuân Nguyễn 20DM. Gđ. Lý Văn Hiệp 10DM. MaiVân Tài (D'ort) 20DM. Ngọc Anh (Salzgitter) 20DM. Phạm Xuân Hải (Unna) 20DM. Nguyễn Hữu Tiếp (Mainz) 30DM. Nguyễn Thị Ty 5DM. Gđ. Nguyễn Thị Nhiếp (Essen) 50DM. Nguyễn Thị Tố Anh 10DM. Trần Thanh Pháp (Hannover) 20DM. Văn Đoàn 10DM. Lại Đức Hùng (Speyer) 20DM. Thái Có 20DM. Huỳnh Tú Dung (Helmstedt) 50DM. Nguyễn Hồng Văn Nam 20DM. Bùi Tiến Mạnh (Bendorf) 10DM. Trần Thanh Fong (Erlangen) 40DM. Lý Thành (Oldenburg) 20DM. Huỳnh Tuyết Phan (Deimelhorst) 20DM. Mạch Cường Tân (*) 100DM. Sing Lip Khen 20DM. Nguyễn Chí Báo 10DM. Đinh Thị Liên 10DM. Phạm Xuân Thủy (Hamel) 10DM. Nguyễn Thị T. Hường (Emden) 20DM. Trần Thị Kim Yến (Berlin) 10DM. Nguyễn Hồng Quý 20DM. Trương Hải Oai (München) 50DM. Nguyễn Thủy Mỹ (Landau) 20DM. Lai Khánh Văn (Gilling) 50DM. Đỗ Thị T. Dường 20DM. Nguyễn Thị Lan 20DM. Đinh Công Nguyễn 10DM. Nguyễn Thị K. Văn (Emden) 20DM. Nguyễn Thị Hạnh (*) 20DM. Bi + Sen 50DM. Phan Thị Xuân Thám (Wiesbaden) 10DM. Ân danh 50DM. Vũ Thị Day (Konz) 20DM. Trần Minh Nhứt (Nürnberg) 50DM. Thị Lan (München) 20DM. Nguyễn Quang Bình (Dachau) 40DM. Trinh Thị Cúc 50DM. Thich Thiên Đạo (Nürnberg) 20DM. Lê Kim Thu 20DM. Đinh Kếem Minh (Oberhausen) 50DM. Nguyễn Thị Nghiêm (*) 50DM. King Du (BS) 20DM. Đồng Chí 10DM. Gđ. Nguyễn Thế Bình 50DM. Trang 10DM. Lê Văn Hùng (Reutlingen) 10DM. Cam Văn Lũng (*) 20DM. Nguyễn Việt Nhứt (*) 60DM. Nguyễn Bá Thịnh 10DM. Nguyễn Khánh Hùng 10DM. Đỗ Ngọc Cường 10DM. Gđ. Phi Văn Kiều Anh (Magdeburg) 50DM. Lâm Kỳ Thạch 20DM. Trần Anh Tuấn 10DM. Lưu Tuyết Anh 20DM. Lam Phượng 10DM. Tạ Hùng Minh (Nienburg) 20DM. Huỳnh Thanh (Helmstedt) 50DM. Lê Thị Hường 10DM. Tôn Hoàng Anh 10DM. Nguyễn Bá Minh (Köthen) 10DM. Fam. Âu 50DM. Trần Thị Mỹ Lê (Nürnberg) 20DM. Phạm Duy Tiến 20DM. Ong Huệ Khanh 20DM. Trần Hòa 10DM. Nguyễn Thanh Huyền 10DM. Cao Văn Châu (Haren) 100DM. Lý Văn Y (Nordhorn) 70DM. Gđ. Phạm Mai Thanh (Hamel) 20DM. Gđ. Nguyễn Khắc Kinh (Halle) 10DM. Manfred Schulz 10DM. Phạm Quốc Cường 10DM. Lê Thanh Hà (Salzgitter) 20DM. Tăng Anh Đông 10DM. Gđ. Nguyễn Xuân Bái

40DM. Lê 20DM. Hưởng Muot 50DM. Hưởng Lan 20DM. Hưởng Tiên Cường 50DM. Phạm Xuân Phong 10DM. Nguyễn Thanh Nga 12DM. Nguyễn Phi Hùng 21DM. Fam. La (Nienburg) 50DM. Trần Duyết Khanh (*) 50DM. Khuu Mỹ Tuyết (*) 50DM. Khuu Nhâm (*) 100DM. Trịnh Thị Hoàn (Garbsen) 20DM. Dường Tú Phượng (Barntrup) 10DM. Dũng Kiên 10DM. Dung Le 20DM. Gđ. Nguyễn Hữu Dũng 20DM. Võ Công Khanh 30DM. Nguyễn Thị T. Tâm (Lüneburg) 50DM. Ngô Văn Cẩn 10DM. Thu Kien Ta (Nienburg) 50DM. Nguyễn Thị N. Hưởng 20DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Magdeburg) 20DM. Nguyễn Minh Châu (Nordhorn) 20DM. Ngô Đức Bình (Riesa) 10DM. Phan Thị Nghiệp (Chemnitz) 10DM. Chu Thanh Bình 20DM. Tăng Hai 20DM. Nguyễn Thị Lợi (Burg) 10DM. Phạm Minh Tiên 4DM. Huỳnh Thủy Linh (Langen) 10DM. Nguyễn Thị N. Huyền 20DM. Đỗ Thị Sang (Darmstadt) 50DM. Hoàng Xuân (Schramberg) 100DM. Fam. Nguyễn (München) 100DM. Võ Thị Kim (Arolsen) 20DM. Vũ Thị Hợp 40DM. Nguyễn Thị Minh (Kaiserlautern) 50DM. Nguyễn Thị Nguyệt (*) 40DM. Tiến Dũng (München) 40DM. Gđ. Văn Diệu 10DM. Vũ Quang Thứ (Hildesheim) 20DM. Trịnh Kim Hoa 20DM. Hoàng + Tuấn Hà 10DM. Đặng Như Quỳnh (Maihausen) 10DM. Từ Lạc + Diệu Viên 50DM. Thy Hà (Peine) 20DM. Nguyễn Văn Lộc 5DM. Đỗ Bằng Sĩ (Seezle) 20DM. Vũ Thị P. Anh (Wolfenbüttele) 10DM. Đào Thu Hiền 10DM. Nguyễn Thị Bình (Arnstadt) 20DM. Nguyễn Hồng Hải 10DM. Nguyễn (Freiburg) 20DM. Phùng Thu Hằng (Rosengarten) 60DM. Thanh Tâm Krauth (Leipzig) 20DM. Gđ. Phạm Văn Kiên (*) 20DM. Gđ. Nguyễn Tuấn Anh (*) Trần Xuân Hưởng 20DM. Võ Toàn Trung 100DM. Huỳnh Thị Tuyết 50DM. Đỗ Thủy (USA) 20DM. Gđ. Đoàn Văn Báu (Arnstadt) 20DM. Gđ. Huỳnh Kim Kỳ 20DM. Gđ. Hồ Vi Quốc 50DM. Lê Thị Thanh 4DM. Gđ. Trần Quang Cường (Norden) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị Thủy Mai (Schneider) 10DM. Gđ. Ngô Minh Trường 20DM. Pháp Hoa 10DM. Nguyễn Thị Sáng (Burgdorf) 20DM. Nguyễn Thanh Sơn 20DM. Nguyễn Khắc Sinh (Erlar) 20DM. Gđ. Nguyễn Công Thành (Hameln) 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Mỹ (*) 20DM. Gđ. Nguyễn Đam (Köln) 20DM. Đặng Thanh Nhã 10DM. Thanh Thơm + T. Nga 10DM. Vũ Thanh Quế (Mayen) 20DM. Gđ. Nguyễn Đoàn Mão (Langenhagen) 50DM. Nguyễn Kim Phụng (Garbsen) 10DM. Nguyễn Quốc Thông (Troisdorf) 40DM. Phạm Quốc Anh 1DM. Tiêu Chí Chung (St. Ingbert) 40DM. Hoàng Xuân Chiến 10DM. Vũ Công 10DM. Bùi Thị Mỹ Dung 10DM. Vũ Hồng Tiểu (Urbar) 20DM. Trần Văn Mậu (Lübeck) 100DM. Gđ. Ma 10DM. Phan Thị Vân (Helmbrechts) 10DM. Nguyễn Hồng An (Emden) 20DM. Ngô Thị Nguyệt 30DM. Lý Thủy Hạnh (Kelkheim) 20DM. Lý Hồng Đức (Oldenburg) 20DM. Lia Nieberding (*) 20DM. Lý Hồng Nguyên (Ludwigshafen) 20DM. Thái Han 10DM. La Nghiêu Anh (Regensburg) 50DM. Nguyễn Thị Hoa 10DM. Nguyễn Thị Vân (Möhlau) 20DM. Hồng Minh Kiệt (Hildesheim) 50DM. Gđ. Tăng Cảnh Thái 40DM. Trịnh Văn Minh 30DM. Thái + Nga (Neuenhaus) 20DM. Dường Sang 50DM. Gđ. Vũ Tuấn Anh 20DM. Gđ. Nông Thị Nhung (Leipzig) 20DM. Gđ. Dường Thị Đông (Garbsen) 10DM. Gđ. Trương Văn Hồng (W. a. Rhein) 20DM. Diệp Mỹ Quang 2DM. Vũ Ngọc Ánh (Dresden) 30DM. Đam Ca 5DM. Boonruen 20DM. Gđ. Diệp Biên (Úc) 80DM. Huỳnh Sĩ Khanh (Helmsledt) 40DM. Grotz Nickel (Hamburg) 20DM. Anita 20DM. Pisamai Suntararak 30DM. Phan Thị Nghiệp (Chemnitz) 10DM. Gđ. Nguyễn Kim Xuyên 20DM. Phạm Văn Hùng (Salzgitter) 20DM. Gđ. Đặng Thị Hợp 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Khang 10DM. Gđ. Hải Hồng (BS) 20DM. Dường Khiêng (Mildstedt) 50DM. Lý Vĩnh Thuận (Duisburg) 20DM. Trần Ngọc Thạch (Preetz) 30DM. Lưu Thế Lợi (Wilhelmshaven) 50DM. Phạm Thị K. Thoa (Garbsen) 3,50DM. Trần Thị Lệ Hiền (Furth) 20DM. Gđ. Phạm Quốc Hùng 40DM. Trần Thị Giàu (Leverkusen) 60DM. Nguyễn Thị Bích Liên (Möhlau) 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Hùng (Leipzig) 40DM. Fam. Reiner Kern (Blomberg) 50DM. Gđ. Lôi Văn Kiệt (Meppen) 30DM. Gđ. Nguyễn Hoàng Hải 20DM. Đặng Thị Long (Münster) 100DM. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 20DM. Trần Đình Thanh (Rennenberg) 10DM. Trà Thanh Bình (Viersen) 20DM. Nguyễn Thu Hà (Berlin) 10DM. Đào Công Cẩn (D'orf) 50DM. Trương Quan Phúc (Moeschheim) 70DM. Bùi Xuân Lâm (Mayen) 20DM. Lý Thành Nghĩa (St. Gallen/Suisse) 20FS. Viên + Thuận 20DM. Gđ. Lê Đình Hiệp (Hannover) 21DM. Chủ Thị Thắng (Hildesheim) 20DM. Gđ. Nguyễn Xuân Quý + Út 10DM. Gđ. Đỗ Thị Tâm (Koblenz) 20DM. Đinh Quốc Dung 20DM. Trịnh Ngọc Bích (Lehrte) 20DM. Gđ. Lữ Mạnh Cường 20DM. Vũ Tuấn Anh (München) 20DM. Đặng Thị Kha (Nürnberg) 50DM. Trần Hữu Thắng 20DM. Gđ. Trương Tuấn Nghĩa 50DM. Huỳnh Thị T. Dung 20DM. Gđ. Trang Ngọc Túng (München) 50DM. Lâm Văn Sơn (Solingen) 20DM. Danh Hàu (Erkrath) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Linh 20DM. Nguyễn Thị Hưởng (Krefeld) 20DM. Trần Anh Tuấn (Hannover) 20DM. Olaf Huoan (Ludwig.) 20DM. Gđ. Lê Doãn Quý (Wedemark) 40DM. Trần Hữu Hùng 10DM. Đoàn Thị K. Huệ (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Thu (*) 10DM. Nguyễn Thị Nguyên 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Gelsenk.) 20DM. Trần Kiệt (Lüneburg) 20DM. Nguyễn Thế Hùng (Bremen) 10DM. Phan Thị D. Linh (Schaaheim) 50DM. Lê Hoa To 20DM. Nguyễn Xuân Cường (Berlin) 30DM. Nguyễn Ngọc Minh 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Bé (Stuttgart) 33DM. Liâu Thị Tú (Göttingen) 50DM. Nguyễn Thị Anh Xuân 5DM. Nguyễn Thị Khỏe (D'orf) 30DM. Nguyễn Phi Hoàng 20DM. Gđ. Mai Hứa (Hamburg) 20DM. Bùi Văn Dần (Haren) 20DM. Phan Thị Phượng (Einbeck) 25DM. Đỗ Thanh Hưởng (Mayen) 20DM. Phan Thị Gấm + Dũng (Burg) 20DM. Lê Hữu Hùng (*) 20DM. Bùi Hưởng Sen (Hameln) 50DM. Huỳnh Khắc Hoan (Einbeck) 20DM. Gđ. Ngô Văn Quảng 10DM. Đỗ Thị Thanh + Nghĩa 20DM. Phượng Linh 20DM. Đỗ Thị Gái (Việt Nam) 20DM. Dường Khánh Nam (BS) 50DM. Nguyễn Văn Đông (Essen) 50DM. Nguyễn Văn Tài (Burg) 20DM. Gđ. Phạm Thị Hiền (Kamenz) 40DM. Lương Thị Phúc (Việt Nam) 50DM. Gđ. Tô Thanh Tiến (Clausihal) 20DM. Lê Xuân Đức (Köthen) 10DM. Lê Ngọc Hải (*) 20DM. Nguyễn Thị Gái (D'orf) 20DM. Gđ. Lữ Thị Tuyết 20DM. Lâm Vi Tân (Delmenhorst) 50DM. Mạch Bích Hà (Bremen) 20DM. Fam. La 40DM. Gđ. Nguyễn Đức T. Tường (Rodgau) 20DM. Ngô Thiện Anh 20DM. Nguyễn Hồng Hiếu 10DM. Phan Quang Hai (Hannover) 10DM. Ngô Nga

(Bacsweiler) 50DM. Nguyễn Duy Hanh (Harsford) 30DM. Từ Văn Hùng + Bích Thủy (Ausbach) 50DM. Gđ. Trần Xuân Hồng 50DM. Trần Thị Tâm 20DM. Châu Thanh Hưởng (Magdeburg) 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Sánh (Norddeich) 100DM. Đặng Thị Liễu 20DM. Gđ. Trịnh Minh (Göttingen) 50DM. Phạm Thị Oanh 30DM. Gđ. Nguyễn Quốc Anh (Cottbus) 50DM. Fam. Fong Chiu Poh 20DM. Thiên Lý 20DM. Nguyễn Đức T. Thủy 50DM. Nguyễn Đăng Vương Roßdorf) 30DM. Nguyễn Nguyên Hòa (Mainz) 50DM. Lai Keong Nee (Trier) 20DM. Dường Vuc (Brahe) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh 10DM. Phạm Thị Chức (Burg) 30DM. Gđ. Nguyễn Văn Tâm 30DM. Nguyễn Thị T. Hà (Reddingen) 30DM. Phan Văn Cở (Stadtoldendorf) 100DM. Lưu Thu Hưởng (Helmstedt) 100DM. Hàn Ngọc Hà Chi (Garbsen) 20DM. Ngô Thị Theo 100DM. Hà Thị H. Thảo (Hameln) 10DM. Nguyễn Thị Trâm 20DM. Trần Anh Tuấn (Saarburg) 20DM. Nguyễn Văn Sơn (Leipzig) 20DM. Nguyễn Xuân Hùng 20DM. Gđ. Âu Tích Hi 20DM. Âu Chí Hùng (Bad Iburg) 20DM. Chung Thị Hưởng 10DM. Nga Liên 100DM. Nguyễn Thị K. Lan (Emsteck) 20DM. Ngô Thị Xuân (*) 20DM. Đỗ Thị Phượng (Mülheim) 10DM. Phạm Thị Phượng (Koblenz) 10DM. Nguyễn Văn Sỹ 20DM. Nguyễn Thị Na (D'orf) 20DM. Nguyễn Đức Sướng (*) 20DM. Nguyễn Thị Tèo (*) 50DM. Trần Việt Wong (Wunstorf) 20DM. Hoàng Thị Hạnh 10DM. Nguyễn Văn Tài 20DM. Trần Xuân Thủy (Koblenz) 30DM. Vi Hung 20DM. Gđ. Lữ Hoàng Dân (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Quốc Huy (Göttingen) 10DM. Andreas Staerker 10DM. Nguyễn Thị Vân (D'orf) 50DM. Nguyễn Tấn Phát (Hamburg) 30DM. Quan Hữu Chi 20DM. Nguyễn Thị Nam (Aachen) 50DM. Võ Quang Châu 50DM. Gđ. Nham Thieu Huy (Frankfurt) 50DM. Gđ. Choi Veng Hoi 20DM. Gđ. Lý Tam 20DM. Cao Đức Kiên (Salzgitter) 20DM. Nguyễn Ma Lâm 10DM. Quách Tuấn (Helmstedt) 10DM. Paris 50DM. Gđ. Lý Diệu Anh 20DM. Gđ. Huỳnh Mỹ Phúc 50DM. Sy San Ngọc (Berlin) 50DM. Trần Công Tiến 20DM. Huỳnh Diệu Hào (Hannover) 20DM. Antony Lý (Vechta) 50DM. Lê Thi 5 Lan 20DM. Long Thu (Mainz) 30DM. Tăng Thị Huệ 40DM. Mạc Lê Ngọc 50DM. Mạc Lê Tinh 50DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Cường 20DM. Gđ. Trương Văn Tấn (Scheidegg) 100DM. Fam. Mai Văn Tam 50DM. Gđ. Trần Văn Cẩn (Bremen) 50DM. Lưu Hoan 100DM. Hoàng Trung Sơn 50DM. Nguyễn Quý Hùng (Berlin) 20DM. Nguyễn Minh Châu (Furth) 4DM. Châu Thị Tam (Koblenz) 30DM. Viên Văn Phước 20DM. Oraman Khe (Thái Lan) 10DM. Ngô Thị Vương (Trier) 20DM. Ngô Thị Thúc 5DM. Lương Huệ Dinh (Bad Iburg) 10DM. Gđ. Ngô Hiệp Lai (Achim) 20DM. Lưu Quang Dũng (Hess.) 10DM. Đoàn Hữu Hải (Salzgitter) 20DM. Nguyễn Thị Lan 20DM. Trần Thị T. Mai (Hamburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Châu 10DM. Trung + Loan 10DM. Đỗ Thị Hưởng 20DM. Dường Văn Quang (Peine) 10DM. Thân Văn Đài (Việt Nam) 20DM. Gđ. Phan Thế Mỹ 50DM. Trần Thị T. Hưởng (Gotha) 10DM. Phạm Thị L. Phượng (*) 10DM. Minh Huệ Nguyễn (D'orf) 20DM. Phạm Bình (Bad Iburg) 40DM. Nguyễn Thị B. Mai 20DM. Trần Văn Thuận 20DM. Ngô Hải (Marburg) 20DM. W. T. Yang (Hamburg) 20DM. Bang Giang 20DM. Lâm Nhi Muoi (Anh) 20DM. Trần Thị N. Châu (Uppant) 10DM. Nguyễn Khánh Hùng 10DM. Nguyễn Thị Nở (Norden) 20DM. Thiên Đức 50DM. Đỗ Thị Khánh Hải (Berlin) 20DM. Trần Phi Anh (*) 50DM. Phụng (Celle) 20DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 50DM. Trần Thị Tú 100DM. Trần Thị Hiền (Köln) 25DM. Diệu Hào 30DM. Vũ Trọng Anh 50DM. Lưu Ngọc Lan 30DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Phạm Lê Dung (Bonn) 20DM. Đoàn Văn Phạm (D'orf) 20DM. Huỳnh Thị T. Hưởng (Schöneck) 20DM. Gđ. Huỳnh Thị Chiến 50DM. Nguyễn Thị T. Hiền 10DM. Lối Thị Sáu (Meppen) 20DM. Mạch Bửu Loi 10DM. Lê Văn Hiếu (Ansbach) 30DM. Ngọc Wassenburg (Neuenhaus) 20DM. Gđ. Giang T. Thiên 10DM. Trương Kim Oanh 10DM. La Ngọc Hằng (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Văn Nhung (Köln) 20DM. Nguyễn Quang Khải (Berlin) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Vinh (Mayen) 20DM. Gđ. Nguyễn Hải 10DM. Hoàng Tuấn 20DM. Nam Huyền 10DM. Đường Hỷ Dung (Dillingen) 50DM. Trần Anh Dũng (Bad Iburg) 30DM. Gđ. Ngô + Ho 20DM. Dường Văn Út (Bad Beuthheim) 30DM. Ấn danh 100DM. Nguyễn Việt Thanh (Torgau) Lý Hưởng L. Anh (Rottenburg) 20DM. Gđ. Trần Mạnh Hùng 50DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Kim Hoang (Lippstadt) 50DM. Fam. Hứa Trường Hùng (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Thanh Phong (Lorup) 50DM. Fam. Conny Weißlog 20DM. Fam. Trường (Hamburg) 20DM. Mỹ Mỹ + Ty Ty 50DM. Bùi Quang Vó (Güterloh) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị B. Loan 50DM. Gđ. Nguyễn Quốc Thắng (Burgdorf) 20DM. Fam. Nguyễn Thị Hồng 50DM. Vương Thị X. Lan 20DM. Fam. Lê Thị A. Hoa 50DM. Gđ. Lữ Kinh Huy 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 50DM. Gđ. Trần Quang Phụng 50DM. Gđ. Phong Văn (Neuss) 20DM. Trần Thu Trang 10DM. Xuân Hải (Hannover) 10DM. Phượng Anh (Minden) 20DM. Lương Thị Duê 20DM. Phan Thị Kim Anh 20DM. Gđ. Nguyễn Duy Vinh 20DM. Ho Bao (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Thanh Tân (Hameln) 20DM. Nguyễn Văn Mỹ (Berlin) 30DM. Gđ. Nguyễn Việt Cường 10DM. Trịnh Thị Thanh 10DM. Gđ. Nguyễn Bảo Nguyễn 10DM. Nguyễn Thị Phượng (Fürsten) 20DM. Nguyễn Hoa Anh (Cloppenburg) 20DM. Dường Đức (*) 20DM. Gđ. Võ Thanh Nao (Essen) 30DM. Gđ. Lý Phước 20DM. Gđ. Nguyễn Thế Dũng (Münster) 50DM. Hồ Thị Kim Oanh (Mainz) 50DM. Fam. Chin 20DM. Choong Diem Lê 20DM. Gđ. Hoàng Đình Đế 10DM. Dường Tiến Thđ 20DM. Nguyễn Thị H. Hà (Berlin) 20DM. Đoàn Thanh Hưởng (*) 150DM. Nguyễn Thanh Bình (Haren) 20DM. Gđ. Liâu Tiến Túng 20DM. Nguyễn Xuân Trường (Osteel) 10DM. Trần Thị Lan (*) 20DM. Trần Tiểu Lâm (*) 20DM. Đinh Ngọc Lâu (Peine) 20DM. Vũ Thị Nam 10DM. Gđ. Cao Minh Đức (Lindern) 20DM. Pene Phouivong (Minden) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Khanh 20DM. Gđ. Nam Hưởng 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Thủy (Halle) 50DM. Lâm Hữu Tuấn (Hamburg) 50DM. Gđ. Hoàng Thanh Bình 20DM. Gđ. Phạm Việt Bốn 10DM. Kéi Dường (Bodenwerder) 50DM. Nguyễn Khắc Thung (MD) 10DM. Trần Duyết Hiền (Neumünster) 50DM. Hàn Xuân Lan (Münster) 30DM. Trần Thị Anh (Dresden) 30DM. Gđ. Chung Cẩm Huệ (Sweden) 10DM. Đặng Văn Cúa (Speyer) 20DM. Nguyễn Phúc Hưng 10DM. Gđ. Thu Dung (Burgwedel) 20DM. Nguyễn Văn Việt 10DM. Nguyễn Văn Túng 10DM. Gđ. Hoàng Nguyễn (WHV) 10DM. Nguyễn Ngọc Mai 20DM. Nguyễn Ngọc Hoa

20DM. Lee Chui Run (Trier) 30DM. Gđ. Lưu Thị M. Ngọc (Berlin) 20DM. Hoàng Cường (Salzgitter) 20DM. Vũ Quốc Thanh 30DM. Ting, Quan Long (Oberhausen) 50DM. Đồng Tôn 20DM. Duy Văn Nghiệp 40DM. Chu Thị Hòa 20DM. Đặng Ngọc Hạnh (Nürnberg) 50DM. Oanh, Andreas Staerker 20DM. Hồ Thủy Trang (Speyer) 50DM. Nguyễn Ngọc Hùng (*) 10DM. Gđ. Nguyễn Văn Phúc (Harmeln) 20DM. Lê Quang Thịnh (Laatzen) 10DM. Cheung Kan Yung (Paderborn) 30DM. Nguyễn Cam 10DM. Gđ. Huỳnh Huân (Haren) 50DM. Sam + Phong 20DM. Chu Thị Thuần 20DM. Gđ. Lưu Quốc Huê (Zell) 100DM. Hoàng Thị M. Ngọc 10DM. Gđ. Dương Quốc Hùng 50DM. Nguyễn Văn Ngón 50DM. Hiền Nga (Hamburg) 10DM. Gđ. Phạm (Bergkamen) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Phúc (D'dorf) 20DM. Chu Toàn Vinh (Bendorf) 10DM. Nguyễn Duy Nam 10DM. Ấn danh 80DM. Lee, Woon Loon (Deltingen) 20DM. Gđ. Ludwig (Bielefeld) 40DM. Nguyễn Thanh Hoàng (Schwecht) 20DM. Trịnh Thanh Uyên (Münster) 10DM. Gđ. Hoàng Bình Minh 20DM. Gđ. Lê Văn Quang 20DM. Phạm Thị H. Nhung 10DM. Trang Mỹ Khanh (Oldenburg) 50DM. Trần Thị T. Xuân 20DM. Nguyễn Thu Giang (Dresden) 50DM. Gđ. Huỳnh (Hamburg) 50DM. Trần Văn Ngọc 15DM. Mạch Bửu Linh 30DM. Gđ. Phạm Ngọc Hùng (Koblenz) 10DM. Chu Toàn Vinh 10DM. Mai Thị Thu Vân (Aachen) 50DM. Mai Văn Cẩm (*) 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Côi (Mayen) 10DM. Đỗ, Phạm H. Hiệp (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Văn Tuấn 20DM. Mỹ Liên 20DM. Đỗ Nguyễn Huy Phương 50DM. Nguyễn Duy Hải (Bendorf) 20DM. Nguyễn Văn Hồng (*) 10DM. Gđ. Trần Thị Thi (Viernheim) 50DM. Võ Thị Hùng (Bobingen) 50DM. Trần Thị Dung (Steinfurt) 50DM. Lê Thị Tiêm 20DM. Lâm Đồng Khánh (Güterloh) 30DM. Ho A Mung (Viersen) 20DM. Nguyễn Thanh Hoa 20DM. Trần Thị Minh (Vechta) 10DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Khánh 20DM. L.N.T. (Göttingen) 10DM. Nguyễn Tiến Hùng 20DM. Kiều Văn Vinh 20DM. Phạm Quốc Cường (Beckum) 50DM. Diêu Văn Nghĩa 30DM. Lê Văn Hùng 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Mỹ (Hannover) 20DM. Phạm Văn Lý 20DM. Đỗ Việt Thịnh 20DM. Nguyễn Văn Hùng (Laatzen) 20DM. Vũ Thanh Hà 10DM. Gđ. Hoàng Thanh Thủy (Rengensburg) 50DM. Gđ. Nguyễn Đức Việt 10DM. Trần Ngọc Anh (Ebing) 20DM. Tạ Thị Anh (Berlin) 50DM. Gđ. Võ Thông 50DM. Gđ. Võ Thanh Tung 100DM. La Phụng (Bremen) 20DM. Huỳnh Thiết Huê (Nürnberg) 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Thà 10DM. Cúc 20DM. Triệu Thanh 200DM. Kong Sy Phouivong 20DM. Nguyễn Hàn B. Châu (Heilbronn) 20DM. Lê Hải Ngọc (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Thứ 20DM. Ngô Trung Thu (Essen) 20DM. Eckhart Langner (Hille) 10DM. Lê Phước Mềm (Mannheim) 50DM. Phan Duy Quang 20DM. Nguyễn Văn Rê (Recklinghausen) 50DM. Gđ. Nguyễn Văn Hà 15DM. Gđ. Trần Trọng Hà (Harpstedt) 20DM. Gđ. Lâm Chánh Văn 40DM. Đoàn Tường Khánh (Bielefeld) 50DM. Huy (Hamburg) 50DM. Lê (Möhlau) 20DM. Nguyễn Thị L. Hiền 10DM. Gđ. Vương Thiếu Hạp (Göttingen) 50DM. Đặng Hữu Chí 20DM. Lương Mẫn Long (Oldenburg) 20DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Lâm Đức (Hamburg) 100DM. Đặng Thị Hương 5DM. Nguyễn Thị Vui (Bad Beutheim) 20DM. Đỗ Việt Hào (Emlicheim) 50DM. Nguyễn Anh Tuấn (BS) 50DM. Lý Vinh Va (Berlin) 50DM. Phùng Như Nam 20DM. Lee 10DM. Trần Thị Phương 20DM. Lương Văn Đoàn 20DM. Nguyễn Thanh Hoài (Bad Grund) 10DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 50DM. Gđ. Trương Văn Tinh (Koblenz) 60DM. Gđ. Vũ Bình Minh 10DM. Gđ. Vũ Đức Lợi 50DM. Đinh Thị Lý (Bochum) 20DM. Lê Thị Máu 20DM. Nhật Hồng 50DM. Mai Văn Tài (D'dorf) 30DM. Gđ. Lâm (Rensdorf) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Là (Hamburg) 10DM. Huỳnh Thị Kim Chi 20DM. Vu 20DM. Võ Duy Tân 10DM. Đỗ Thị Mạnh (Monheim) 50DM. Phan Văn Tuấn (Hamburg) 20DM. Lương Văn Cảnh 10DM. Nguyễn Kim Ngân 10DM. Lang Thị T. Trang 20DM. Phạm Thị Hồng Nhung 10US. Gđ. Vũ Tiến Mạnh 50DM. Nguyễn Duy Minh 10DM. Tạ Đình Quy (Hannover) 20DM. China Thai Imbiss 50DM. Lý Khuôn Phát 20DM. Lê Hồng Nieberding 20DM. Đặng Văn Uy (Elsenfeld) 100DM. Phan Văn Hữu (Tülingen) 60DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 40DM. Trần Hải Hòa (*) 50DM. Nguyễn Thanh Trung 10DM. Pia Phouivong (Minden) 10DM. Gđ. Trần Thị Nga (Hannover) 20DM. Gđ. Trần Văn Đoi 10DM. Gđ. Trần Duyệt Xương 50DM. Vũ Thị M. Hương 20DM. Nguyễn Văn Đạt (Göttingen) 20DM. Trần Minh Hùng (Fürth) 10DM. Trần Thu Nga (Halle) 20DM. Trần Thị Lý Hồng 20DM. Đan Đình Sơn (Ronnberg) 50DM. Đinh Lê Phương 10DM. Ngô Thượng Tam (Aue) 10DM. Nguyễn Văn Trọng 10DM. Gđ. Nguyễn Phi Long 30DM. Gđ. Nguyễn Thu Hai 10DM. Tuấn Dũng (Garbsen) 10DM. Gđ. Đặng Tuấn Anh 10DM. Nguyễn Kiên Trinh 20DM. Lê Ngọc Thắng 10DM. Gđ. Bùi Duy Nam 10DM. Ngô Đức Bình (Riesa) 10DM. Hải Linh 20DM. Lê Thanh Bình (Hildesheim) 10DM. Gđ. Nguyễn Hoàng Dũng 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Thắm (Adenau) 50DM. Gđ. Trương (Bielefeld) 50DM. Gđ. Dương Xuân Lan (Frankfurt) 30DM. Gđ. Vương Khải Hùng (Göttingen) 40DM. Nguyễn Thị Ngon (Gelsenkirchen) 100DM. Gđ. Hoàng Trọng Hải 10DM. Gđ. Trần Minh Hiền (Zeven) 20DM. Lương Văn Luyện 20DM. Phan Chính Hà 20DM. Bích Hồng (Einbeck) 10DM. Kiều Văn Thịnh 20DM. Lương Văn Cảnh (Roßdorf) 20DM. Lê Tuyết Mai 10DM. Liêu Quang 20DM. Trần Vĩnh Thắng (Bad Iburg) 20DM. Lê Thị T. Hồng (Fürth) 20DM. Đinh Văn Hiền (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Phụng (Recklinghausen) 50DM. Gđ. Đỗ Văn Thanh 10DM. Huỳnh Thị L. Minh (Kaarzt) 20DM. Nguyễn Thị Gái (Bielefeld) 110DM. Nguyễn Văn Đồng (Zelze) 10DM. Lê Thị K. Hoa 3DM. Trần Chứng Phu 50DM. Nguyễn Văn Quyền 20DM. Nguyễn Thị M. Tâm (Gera) 10DM. Đoàn Thị Dung (*) 10DM. Đinh Văn Khánh (*) 10DM. Tuyết Hoa 10DM. Nguyễn Văn Quang (Hamburg) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Vũ Hồng Liên 20DM. Diêu Ngọc (Aachen) 30DM. Ngô Thị K. Loan (Cloppenburg) 20DM. Nguyễn Danh Tinh 20DM. Thanh Hải Lê 10DM. Xu Xích Ludwig (Stadtthagen) 50DM. Ngô Thị 50DM. Phạm Quân (Möhlau) 20DM. Lê Thị Mỹ 20DM. Huỳnh Thị H. Hoa (Bremen) 20DM. Nguyễn Thị K. Nga 20DM. Võ Thảo (Bergkamen) 20DM. Nguyễn Văn Bình 10DM. Lương Thị Mai (MG) 50DM. Lê Việt Hải 10DM. Huỳnh Thị Bé 20DM. Nguyễn Đình Văn (Dortmund) 30DM. Nguyễn Thị Hà Vinh 20DM. Văn Hùng Tiến 10DM. Gđ. Phùng Đức Cường 20DM. Choi Koon

Fat 20DM. Nguyễn Thị Hà 20DM. Gđ. Sơn Oanh 20DM. Gđ. Quan Than 20DM. Phạm Thị Vân 20DM. Vinh + Oanh 10DM. Gđ. Lê Thị N. Phương 20DM. Nguyễn Thị Hậu (Gera) 10DM. Đỗ Thái K. Tuyền (Haren) 20DM. Gđ. Tạ Kiều Anh (Hannover) 20DM. Phùng Kim Thị 50DM. Lê Thành Tâm 20DM. Đoàn Hồng Má (Bad Iburg) 20DM. Trần Wiriya (Bielefeld) 100DM. Huỳnh 20DM. Gđ. Hồ Thị Hạnh 20DM. Gđ. Hoàng Mạnh Tuấn 10DM. Thái Thị K. Hồng (Oberkirchen) 50DM. Võ Duy Tiến 10DM. Nguyễn Thị Loan 20DM. Nguyễn Minh P. Vinh 20DM. Gđ. Vũ Công Khanh (Speicher) 20DM. Bùi Thị B. Hằng (Halle) 20DM. Lê Hùng 20DM. Gđ. Nguyễn Tố Nga (Isernhagen) 10DM. Fam. Choong Leong Seng (Hildesheim) 20DM. Ấn danh 50DM. Tăng Khanh (Duisburg) 10DM. Triều + Dung (Kiel) 20DM. Lợi 20DM. Khứng + Mai 20DM. Trương Quang Bình (Monheim) 50DM. Rest. Ánh Hồng (Herford) 50DM. Lê Thị B. Lan (Hannover) 10DM. Gđ. Lai Thị Phán (Horchheim) 50DM. Mỹ Linh Vương (Leverkusen) 50DM. Gđ. Trần Hữu Hưởng (Trier) 20DM. Trần Thị T. Lan 10DM. Vũ Thị K. Trang 20DM. Vương Tài (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thanh Quang (Hannover) 20DM. Lê Thu Thủy 20DM. Đỗ Thị Rết (Uelzen) 20DM. Phan Thị Lạc (*) 20DM. Nguyễn Thị A. Nguyệt 20DM. Nguyễn Văn Đức (Essen) 20DM. Nguyễn Thị T. Hưởng (Emden) 20DM. Trần Thị K. Hải (Vierns) 30DM. Đặng Thị B. Liên 10DM. Nguyễn Đình Ba (Stelle) 5DM. Nguyễn Thị H. Duyên (Hannover) 10DM. Lê Thanh Hoàng 10DM. Nguyễn Tuấn Phương 20DM. Võ Thị Lê (MG) 20DM. Gđ. Vinh + Quý (Gifhorn) 10DM. Tru + Nguyễn 10DM. Gđ. Hải Thanh (Osnabrück) 12DM. Gđ. Lê Thị Long (*) 20DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Thơ (Bad Hornburg) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hà 20DM. Vũ Việt Quang (Dresden) 50DM. Hiệp Huê Ngân 20DM. Lê Thu Hằng 30DM. Gđ. Nguyễn Thị Hòa 40DM. Gđ. Nguyễn Văn Lực 30DM. Nguyễn Hồng Thanh 10DM. Trần Xuân Sơn 3DM. Trần Văn Biều (Münster) 40DM. Nguyễn Thị Hà (Hamburg) 10DM. Nguyễn Tiến Hùng (Moosbach) 20DM. Gđ. Võ Minh Cường 50DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Thị Hồng Uyên 10DM. Đào + An 20DM. Carsten Châu Nieberding (Oldenburg) 20DM. Lê Đình Lê 10DM. Đoàn Trung Cường (Garbsen) 10DM. Trần Duyệt Nhu (BS) 10DM. Gđ. Lê Đức Quỳnh (Stuhr) 10DM. Nguyễn Văn Kế 50DM. Gđ. Lê Xuân Hồng (Brandenburg) 10DM. Đào Hoàng Anh 50DM. Nguyễn Thị Liên 10DM. Lưu Trinh Kiên (Rheiner) 10DM. Gđ. Nguyễn Hồng Văn (Salzgitter) 10DM. Vũ Văn Nguyễn (Haren) 10DM. Lê Thị Hồng 10DM. Châu Lê Dung (Willich) 60DM. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Duisburg) 50DM. Mai Phong Sơn (Burg) 100DM. Bùi Thị Ngọc (Bergkamen) 30DM. Thanh (Peine) 100DM. Quách Thị Chốt (Essen) 20DM. Gđ. Phan Thanh Hải (Lehrte) 10DM. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 10DM. Bùi Thị Đậu 20DM. Ngô Văn Thấu (Mannheim) 30DM. Lê Tuấn 10DM. Chu Minh 20DM. Gđ. Đặng Tuyết Anh (Hamburg) 10DM. Trần Hoa Lê 10DM. Mouk Phouivong (Minden) 20DM. Gđ. Vũ Văn Cường 20DM. Trần Thị H. Luyện (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị B. Ngọc (*) 10DM. Gđ. Trần Tấn Kha (Lünen) 50DM. Nguyễn Xuân Dung (Rheine) 10DM. Vương Thị T. Xuân 20DM. Diêu Nguyễn (Berlin) 20DM. Giang Phương Lan (Peine) 20DM. Huỳnh Thị A (D'dorf) 20DM. Công Thị T. Thủy 7DM. Gđ. Trần Văn Hòa (Pforzheim) 20DM. Gđ. Lai Ánh Khứng (Bingen) 200DM. Gđ. Lê Văn Đỗ 20DM. Gđ. Nguyễn Minh Tuấn 20DM. Thượng Công Hoàng (Oberhausen) 100DM. Craven Thị Thđ (Veitschoheim) 50US. Lâm Kim Liên (MG/Gladbach) 20DM. Nguyễn Cúc (Kassel) 10DM. Trần Thủy Lan (Pforzheim) 50DM. Antony Do Heleene (D'dorf) 100DM.

• Trại Cùi & Mù & Cô Nhi Viện & Trại Dưỡng Lão

ĐH. Phạm Minh Thu (Regenstau) 20DM. Trần Văn Sáu (Uelzen) 100DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 20DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 20DM. Cao Thị Yến (Berlin) 20DM. Lý Thị Ba (Bi) 500FB + 500FB Trại Cùi Sóc Trăng. Hồ Đình Tuấn (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Thị Yến (*) 20DM. Lê Văn Phước (Heidenheim) 20DM. Đỗ Thị Bích Thấu (Bonn) 10DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 10DM. Dreibrodth Kathrin 10DM. Nguyễn Thị Minh Châu (D'dorf) 1.000DM. Vũ Xuân Dũng (Oftersheim) 100DM. Nguyễn Khắc Quỳnh Châu (Hamburg) 25DM. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM. Dr. Nguyễn Khắc Tiến Tùng (Leipzig) 200DM. Erika Nga Thomas (Köln) 20DM. Casanova T. Lan (Suisse) 190FS. Hà Xuân (Kassel) 50DM. Nguyễn Cẩm Lai (Suisse) 100DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 20DM. Dương Văn Thơ (Eching) 10DM. Tô Thị Yến Oanh (Burgau) 30DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 100DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 50DM. Trương Trí (Kaiserlautern) 50DM. Giang Lăng Cui (Saarbrücken) 50DM. Trần Thị Dần (Nordhorn) 100DM. Ấn danh 20DM. Nguyễn Thành Thanh (Nürnberg) 50DM. Trần Nguyễn Anh (Bomlitz) 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 10DM. Trịnh Minh Tâm (Bad Pyrmont) 50DM. Huỳnh Hoài Phú (Cloppenburg) 20DM. Nguyễn Văn Thước (Marl) 30DM. Ấn danh 20DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 20DM. Lương Văn Cảnh 10DM.

• Trại Ty Nạn Đông Nam Á

ĐH. Lý Thị Ba (Bi) 500FB Trại Ty Nạn Thái Lan + 500FB Trẻ em bất hạnh tại Hồng Kông. Casanova T. Lan (Suisse) 80FS Trại ty nạn Sikiew. Quý Đạo Hữu và Phật Tử tại Asschaffenburg và các vùng phụ cận 1.960 DM Trại ty nạn Sikiew/Thái Lan (Chi Hội đã chuyển thẳng đến Trại 596).

• Thiên Tai Bảo Lự Việt Nam

ĐH. Lý Thị Ba (Bi) 500FB. Nguyễn Khắc Quỳnh Châu (Hamburg) 25DM. Casanova T. Lan (Suisse) 50FS.

• Chùa Việt Nam

ĐH. Bùi Như Sơn (M'Gladbach) 100DM. Trịnh Minh Tâm (Bad Pyrmont) 100DM. Chùa Khuông Việt ở VN. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 300DM.

• Quỹ Học Bổng Chú Tăng, Ni Việt Nam

ĐH. Hà Xuân (Kassel) 50DM. Nguyễn Ngọc Lý 1.000DM. Trịnh Thị Nam và Quỹ Phật Tử tại Mannheim - Heidelberg 7.681,95DM. Hằng Ứng (Speyer) 1.000DM.

• ẤN TỐNG

ĐH. GĐĐH Minh Tôn (Laatzen) 1.500DM/ 500 cuốn - GĐĐH Lê Quang Tường (Fallingbosten) 150DM/50 cuốn Địa Ngục Kỳ tức Cô Ba Chảo Gà. Tôn Quốc Vinh + Tôn Quốc Hồng + Đức Thị Hiền (Saarbrücken) 40DM. Lê Thị Thanh 20DM. T.T. Nga (Đan Mạch) 100Kr. Huỳnh Thị B. Nguyệt (Würzburg) 20DM. Huỳnh (*) 10DM. Hứa Thiên Thanh (Koblenz) 50DM. Quách Ánh Huệ (Hamburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 20DM. Nguyễn Thành Thanh (Neuburg) 30DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 30DM.

• KINH THUYẾT SÁM

ĐH. Trần Nhật Tú + Phan Thị Mộng Hồng (Na Uy) 75DM/5. Trần Thị Nhật Trâm + Lý Văn Tài (*) 75DM/5. Trần Thị Nhật Trang + Nguyễn Hữu Tín (*) 75DM/5. Trần Nhật Thanh Trúc + Trần Nhật Bảo Trân (*) 75DM/5. Bùi Thị Mận (*) 50DM/3. Thái Sến (Pforzheim) 100DM/7, hồi hướng gia đạo bình an, tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ. Thái Thanh Thúy (*) 50DM/3, hồi hướng học hành đỗ đạt. Châu Nam + Bành Thăng (Spaichingen) 100DM/7. Huỳnh Nghiệp Thành (*) 50DM/3, HHHH ĐH Huỳnh Ban + Nguyễn Thị Ba. Huỳnh Nghiệp Phương (*) 50DM/3 + Trần Hải Hòa (*) 100DM/7 + Trần Thị Bích Thủy (*) 50DM/3 : Hồi hướng gia đạo bình yên, tật bệnh tiêu trừ, tai qua nạn khỏi. Diệu Phước (Reutlingen) 20DM. Trần Dĩ Nhơn (Alsenz) 50DM/3. Đỗ Thị Sang + Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 50DM/3. Thiên Sanh (Frankfurt) 100DM/7. GĐĐH Thiện Ý (Hannover) 120DM/8. Nguyễn Thị Mùi (Reutlingen) 100DM/7. Trần Thị Phước (*) 100DM/7. Nguyễn Thị Tú (Sindelfingen) 20DM/1. Viên Kim Huy (*) 20DM. Lê Thị Đoàn Trang (D'orf) 50DM/3. Lê Văn Lợi (Schwaeb.) 20DM. Nguyễn Thị Hường (Köln) 50DM. HHHH ĐH Phan Thị Muồng. Gđ. Quảng Ngộ (Laatzen) 60DM/3. Lương Minh Huy (München) 200DM. Huỳnh Tường (*) 50DM. Thiện Thanh (Künzelsau) 250DM. Nguyễn Ngọc Phương (*) 10DM. Trần Mỹ Thái Châu (*) 10DM. Trần Nam Long (*) 10DM. Đỗ Tuệ An (*) 10DM. Đỗ Trí Nhân (*) 10DM. Đỗ Thái Phương Ngọc (*) 10DM. Đỗ Thái Trùng Khôi (*) 10DM. Phạm Song Khoa (*) 10DM. Nguyễn Thị Hà Anh (*) 24DM. Diệu Quảng (*) 250DM. Nguyễn Xuân An (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Thị Thịnh (Crailsheim) 80DM. Lê Tấn Hường (*) 80DM. Nguyễn Xuân Hùng (Darmstadt) 100DM. Nguyễn Xuân Thái (Rüsselsheim) 50DM. Nguyễn Thị Xuân Lan (Forchtenberg) 80DM. Vương Bửu Lộc (*) 80DM. Nguyễn Xuân Huy (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Xuân Phúc (Mannheim) 100DM. Nguyễn Thanh Tùng (*) 80DM. Nguyễn Xuân Đức (Tübingen) 100DM. Trịnh Minh Tú (*) 100DM. Đỗ Thị Thu Hà (Heidelberg) 80DM. Thiện Giới + Thắng (München) 100DM. Minh Trí (Brühl) 10DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 10DM. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 20DM. Lê Thị Phương (*) 20DM. Diệu Thiện (Erlangen) 40DM. Lương Bá Thành (Minh Huy) (München) 200DM. Diệu Anh Diệu Ngọc Diệp (Fürth) 150DM/10. Diệu Kim Diệp Tố Cầm (*) 150DM/10. Minh Hiếu Lý Quốc Nghĩa (*) 150DM/10. Diệu Thông Lý Tố Hường (*) 150DM/10. Đại Nghiệp Trần (*) 150DM/10. Lý Thanh Nhiên (*) 75DM/5. Lý Khải Đình (*) 75DM/5. Lý Khải Đan (*) 75DM/5. Lý Văn Vinh (*) 75DM/5. Đàm Thị Thìn (Neu Wulmstof) 15DM/1. Đàm Thị Mai (*) 15DM/1. Hoa Thị Kim Oanh (Salzgitter) 150DM/10. Trần Thúy Phương (Pforzheim) 100DM.

• Kinh Pháp Hoa

ĐH. Nguyễn Thị Hường (Köln) 50DM, HHHH ĐH Phan Thị Màng.

• Kinh Địa Tạng

ĐH. Erika Nga Thomas (Köln) 30DM, Hồi hướng đến pháp giới chúng sanh.

• Kinh Dược Sư

ĐH. Vũ Thị Vàng (MG) 100DM.

• Kinh Pháp Bảo Đàn

ĐH. Lê Nguyễn Thịnh (Hamburg) 40DM. Phạm Thị Kim Chi (Langen) 50DM. Hoàng Văn Hải (Hannover) 500DM. Võ Minh Cường 50DM.

• Xây Chùa

ĐH. Ngô Văn Huệ (Fürth) 10DM. Dương Văn Trường 10DM. Nguyễn Phi Tuấn (Potsdam) 100DM. Trần Khắc Hiếu (Rostock) 40DM. Trần Minh Phương (Blieskastel) 20DM. Giác Mỹ + Thiện Khiết (Berlin) 500DM (chuyển từ cổ phần Hội Thiện sang). Trần Huy Lâm (Beckingen) 200DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 100DM. Dương Cẩm Toàn (Stuttgart) 200DM. Lý Ngọc Phương (*) 5.000DM. Hứa Hĩa (Úc) 100 Úc kim. Ngô Thị Nga (Pháp) 50FF. Rest. Goldener Drache (Wernigerode) 700DM. Nguyễn Khắc Quỳnh Châu (Hamburg) 50DM. Quan Bảo Cầu (Anh) 10US. Casanova T.Lan (Suisse) 50FS. Đặng Đình Lương (Esterwefen) 20DM. Hà Xuân (Kassel) 100DM. Nguyễn Cao Lũy (Trier) 10DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 30DM. Huỳnh Văn Kiên + Yến (München)

500DM. Lê Quang Liêm + Tân (Gehren) 50DM. Nguyễn Hồng Quang (Göttingen) 30DM. Lê Văn Mến (Plauen) 10DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 50DM. Huỳnh Các Đăng (Hanau) 100DM. Nguyễn Công Tinh (Heilbron) 20DM. Lý Vinh Cường (Berlin) 50DM. Tào Thị Sang (Leer) 50DM. Trần Ngô (Schorndorf) 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Nhu Tuấn (Wolfenbüttel) 10DM. Lưu Thanh Đức (Viersen) 100DM. Trần Duyệt Thái (Sadtalendorf) 500DM. Trần Thị M. Tâm (Köln) 20DM. Huỳnh Văn Sang (Bad Oldeslo) 50DM. Lê Lan Anh (Neuss) 20DM. Ấn danh 50DM. Gđ. Trần Hoàng Anh 10DM. Phạm Trần (Bad Wurzach) 50DM.

• Tượng Phật Thích Ca

Đh. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 20DM. Chi Hội PTVNTN Tuttlingen + Rottweil 100DM. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 20DM. Võ Văn Hùng (Tuttlingen) 10DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (Spaichingen) 10DM. Nguyễn Hữu Hậu (*) 10DM. Châu Nam (*) 50DM. Nguyễn Thị Tiên (Tuttlingen) 20DM. Phan Văn Hữu (*) 20DM. Phùng Chánh (*) 20DM. Lê Văn Mười (*) 20DM. Đoàn Thành Hưng (Troissingen) 20DM. Hà Xuân (Kassel) 50DM. Liêu Cẩm Phong (Krefeld) 50DM. Gđ. Trần Hy Phúc (Koblenz) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc (Schrozberg) 20DM.

• Một Tượng Phật

ĐH. HLDH Huệ Ngọc Trần Thị Nở (Laatzen) 120DM. Nguyễn Thanh Tùng (Rottenburg) 120DM. Đỗ Thị Thanh Đam (*) 120DM. Gđ. Ngô Nguyên Tường (Unter Weissach) 120DM. Cao Xuân Năng + Cao Xuân Đức (Stuttgart) 120DM. Ngô Cao Xuân Kim Dung + Cao Xuân Kim Dũng (*) 120DM. Vũ Thị Hạnh + Ngô Nguyên Tín (Việt Nam) 120DM. Dr. J. Dienemann (Hannover) 120DM. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 120DM. Bùi Thị Huyền (*) 120DM. Lại Ngọc Vinh (*) 120DM. Lại Huỳnh Thiên Xuân (*) 120DM. Lê Văn Kính (Asschaffenburg) 120DM. Phùng Thị Nga 120DM. Nguyễn Thị Vương 120DM. Trần Phúc Duyên (Frankfurt) 120DM. Trần Thị Chuồng 120DM. Quách Ngọc Anh (Gilching) 120DM. Quang Văn Nhưỡng (Stuttgart) 120DM. Gđ. Trần Thị Liêm (Đan Mạch) 500Kr.

• Tượng Quan Âm

ĐH. Trần Thủy Lan (Pforzheim) 50DM.

• An Cư Kiết Hạ

ĐH. Huệ Lộc (Pháp) 100DM.

• Tết & Rằm Tháng Giêng

ĐH. Diệu Khiết Trần Thị My (Aachen) 100DM.

• Vu Lan

ĐH. Đỗ Thị Bích Châu (Bonn) 10DM. Lê Văn Kết (Köln) 10DM. Ngô Lành Yến (Pháp) 200FF.

• Quỹ Mua Máy In

ĐH. Đào Thị Chúc (Grossrosseln) 30DM. Hà Xuân (Kassel) 50DM. Nguyễn Cao Lũy (Trier) 20DM. Lê Quang Liêm + Tâm (Gehren) 20DM. Huỳnh Các Đăng (Hanau) 20DM. Nguyễn Trần Dinh (Steinfurt) 100DM. Võ Xuân Khôi (Hamburg) 20DM. Bùi Lưu Chương (Ederwecht) 80DM.

• Trai Tăng

ĐH. Bùi Hữu Long (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thị Hường (Köln) 50DM, HHHH ĐH Trần Hữu Lai. Đỗ Tấn Phát (Uetzen) 20DM. Nguyễn Minh Bình (München) 50DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 100DM. Trí Liên Thái Kim Hĩa (Köln) 40DM. Lê Văn Kết (Köln) 10DM. Đỗ Thuần Phát (Hannover) 50DM. Võ Thị Huệ (Bỉ) 500FB. Huệ Lạc (Berlin) 30DM. Lệ Tiến (*) 50DM. Thiện Bách (*) 20DM. Minh Tấn, T. Tịnh, T. Bảo, T. Lạc 50DM. Nguyễn Lê Xuân (Ludwigshafen) 20DM. Đỗ Thị Sang (Darmstadt) 20DM. Diệu Vân (Karlsruhe) 20DM. Diệu Hồ 50DM. Bùi Thị Trâm 10DM. Bùi Lưu Chương 20DM. Chì Hạnh (BS) 50DM. Diệu Tứ 20DM. Lê Cự (Nürnberg) 20DM. Dương Thị Ân (Lebach) 50DM. Đặng Thị Xứng (*) 20DM. Huỳnh Các Đăng (Hanau) 30DM. Cỗ Hạnh Tịnh 50DM. Cỗ Hạnh Châu 50DM. Cỗ Hạnh Niệm 100DM. Cỗ Hạnh Ân 50DM. Cỗ Hạnh Ngọc 50DM. Cỗ Hạnh Như 100DM. ĐH. Diệu Thđ 50DM. Diệu Anh 50DM. Diệu Huệ 10DM. Diệu Hường 20DM. Thị Chón 20DM. Thiện Ý 50DM. Minh Tôn 50DM. Viên Tuyết 50DM. Võ Phước Lầu 20DM. Thiện Tịnh 20DM. Diệu Nhụy 20DM. Quảng Ngộ 80DM. Trần Thị Thủy 50DM. Chú Tám 10DM. Thiện Liên 30DM. Quảng Niệm 20DM. Thiện Nguyên 50DM. Phạm Trần (Hannover) 10DM. Quách (*) 50DM. Trần Hoàng Việt (*) 100DM. Trần Quang (*) 50DM. Diệu Kim (Hamburg) 50DM. Diệu Thiên (*) 50DM. Diệu Đạo (*) 20DM. Tuấn Huệ Phẩm (*) 100DM. Huệ Niệm 50DM. Tâm Bích (Berlin) 20DM. Diệu Tinh (*) 20DM. Diệu Minh (*) 20DM. Diệu Bình (*) 30DM. Diệu Loan (*) 20DM. Trưởng Quang Thanh (Karlsruhe) 20DM. Trần Lăng Hĩa (Nürnberg) 20DM. Huỳnh Lê Thu 20DM. Tăng Kim Lan 50DM. Diệu Hào (Berlin) 30DM. Diệu Lũy 20DM. Nguyễn Hào 20DM. Từ Minh 20DM. Từ Phước 20DM. Thầy Hạnh Báo 50DM. Tâm Cự 20DM. Diệu Nữ 50DM. Trần Thị Thư (Cottbus) 30DM. Trần Thị Tâm (*) 40DM. Nguyễn Tường Nhân 30DM. Dương Thị Đậu 10DM. Trần Phong Lưu 20DM. Phạm Hồng Sáu 10DM. Tôn Nữ Thị

Xuyến 10DM. Trần Thị K. Ngọc 20DM. Nguyễn Tinh 10DM. Thiện Như 20DM. Như Nam 10DM. Thiện Tranh 50DM. Nguyễn Thị Hiền 50DM. Thị Quảng 20DM. Lê Thị Lan 20DM. Ân danh 30DM. Que Van Thị Thò 10DM. Quang Lương 50DM. Phạm Công Hoàng 50DM. Hoàng Tấn 10DM. Nguyễn Lê Nghĩa (Hannover) 100DM. Thị Lộc 50DM. Ban Bảo Trợ GDPT Chánh Niệm 100DM. Phạm Đăng 20DM. Ân danh 10DM. Hồ Thị Chung 20DM. Tô Vĩnh Hòa 100DM. Diệu Hạnh 20DM. Ngọc Thanh 50DM. Đình 20DM. Thiện Thanh 20DM. Thị Chánh (Laatzen) 30DM. Thiện Đức (Rengensburg) 50DM. Nguyễn Thành Thanh (Neuburg) 50DM. Đào Trọng Nghĩa (Karlsruhe) 30DM. Lương Văn Xinh (*) 20DM. Trần Thị Liêm (Đan Mạch) 200Kr. Vũ Thị Sinh (*) 100Kr. Đinh Vũ Hiếu (*) 100Kr. Đinh Vũ Anh Tuấn (*) 100Kr. Diệu Trân (Hamburg) 20DM. Hồ Thị T. Đam (Rottenburg) 50DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Nguyễn Tài Trí (Münster) 20DM. Nguyễn Văn Lương (D'dorf) 200DM. Lưu Quốc Vũ + Diệu Kim (Berlin) 150DM. Gđ. Bửu Đạt (Trier) 50DM. Lý Hồng Sơn (Krefeld) 100DM. Gđ. Nguyễn Thanh Long + Chinh (Essen) 20DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 50DM. Nguyễn Thị Bê (Köln) 10DM.

• **Cúng Đường Ban Trai Soạn**

ĐH. Trần Thị Liêm + Vũ Thị Xinh + Vũ Thị Mỹ (Đan Mạch) 300Kr.

• **Quầy Hàng Tình Thương**

ĐH. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 60DM. Nguyễn Văn Phong (Laatzen) 100DM. Trương Thị T. Trang (Hildesheim) 50DM. Phạm Văn Dũng (*) 20DM. Phạm Văn Tùng 50DM. Cổ Hạnh Niệm (Chùa VG) 20DM. Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 50DM. Tôn Thất Điền (Göttingen) 10DM. Trần Chi Lan (Eisenberg) 30DM. Ân danh 20DM. Ngô Ngọc Diệp (Hannover) 50DM. Đỗ Thuận Phát (*) 20DM. Thiện Ý (*) 20DM. Đỗ Ngọc Trọng (*) 10DM. Trần Quang (*) 20DM. Ngụy Nhật Thu (*) 10DM. Hà Thị Minh (*) 15DM. Trần Thị Mỹ Châu 25DM. Trần Hữu Đạt 25DM. Tô Vĩnh Hòa (Norden) 100DM. Hồng Nam 30DM. Bắc Viên Tuyết (Laatzen) 50DM. Nguyễn Kiều Như (*) 5DM. Trương Tấn Lộc (*) 50DM. Nguyễn Thanh Dung (Rottenburg) 20DM. Phạm Thị Vân (Heimbach) 10DM. Lý Hồng Sơn (Stuttgart) 50DM. Đoàn Hòa 5DM. Nguyễn Tuấn Anh (Brandenburg) 20DM. Diệu Anh (Fürth) 50DM. Trương Ngọc 10DM. Đào Trọng Nghĩa (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh (Schramberg) 10DM. Nguyễn Thị Trinh (*) 10DM. Trần Ngọc Nam (*) 10DM. Nguyễn Văn Kế (Fritwagen) 20DM. Võ Văn Hùng (Tuttlingen) 10DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 10DM. Nguyễn Văn Lý (Tennenbronn) 30DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Hannover 200DM. Ban Bảo Trợ GDPT Âu Châu 120DM. Phương Thị Đại 50DM. Trần Ngọc Xuân (Wittlich) 30DM. Dục Thị Hiền (St. Ingbert) 20DM. Tiểu Chi Chung (*) 20DM. Lê Thị Ngọc (Losheim) 20DM. Huỳnh Thanh Hưng (Ludweiler) 25DM. Chung Văn Tấn (Saarbrücken) 30DM. Tôn Quốc Vinh (*) 20DM. Lý Kiến Hoàng (*) 30DM. Lý Kiến Cường (*) 20DM. Diệu Tho (Lebach) 30DM. Thiện Trang (Trier) 50DM. Trương Minh Hiệp (Saarlouis) 20DM. Nguyễn Văn Khánh (Bilburg) 20DM. Thanasak Quý (Riegelsberg) 20DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 50DM. Trần Xuân Hiền (Tübingen) 50DM. Đỗ Thị Đê (Reutlingen) 65DM + 15 bánh da lợn. Lê Thị Thanh (*) 28DM + 89 bánh bô + 46 bánh biếu. Lâm Kiên Huê (*) 182DM + 132 bánh ich. Rest. Jasmingarten (Hannover) 100 lon củ kiệu. Gđ. Tửng + Hữu (Fallingbosteel) 10 dây xích trẻ em + 5 dây xích người lớn. Chùa VG 50 bánh đủ loại. Trương Quang Thanh (Karlsruhe) 100 bánh qui. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 78 bánh da lợn. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 200 bánh xu xê + 40 bánh da lợn. Võ Văn Trí (*) 50 bánh. Diệu Nữ (Stadthagen) 70 xôi vị. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 80 bánh xôi cúc. Đỗ Thị Sang (*) 80 bánh quai vạt. Nguyễn Thị Liễu (Asschaffenburg) 30 bán dẻo + 20 bánh gai. Trương (Karlsruhe) 100 bánh bía. Hà Phước Minh Thảo (Hannover) 10 con vật đồ chơi. Hà Thị Minh Tâm (*) 13 băng Cassette. Phan Hồng Chức (Obertshausen) băng Video + CD + Cassette.

• **Giải Trừ Pháp Nạn**

ĐH. Nguyễn Tấn Hồ (Konstanz) 20DM.

• **Nạn Đói Việt Nam**

ĐH. Casanova T. Lan (Suisse) 90FS. Trịnh Minh Tâm (Bad Pymont) 50DM.

• **Hương Linh Trí Tự**

HHL ĐH. Trần Pou (Karlsruhe) 300DM.

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp định kỳ hàng tháng qua Ngân Hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thưởng hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tiền tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode VIEN GIAC

Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover)

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngoài Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hi đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC SẮP XẾP CHỖ CHO CÁC QUẦY HÀNG

Hàng năm nhân dịp Đại Lễ Phật Đản và Vu Lan tại Chùa Viên Giác, có một số quý vị muốn đặt các quầy hàng trong khuôn viên chùa để bán các loại như : Sách, Băng nhạc, Video, Quần áo, Quý kim, Trái cây, Thức ăn chay v.v... Hầu như năm nào cũng có chuyện tranh giành, cãi nhau về chỗ đặt quầy hàng làm khó khăn không ít cho Ban Trật Tự và Sắp Xếp Chỗ.

Để tránh tình trạng trên tái diễn, Ban Tổ Chức có mời các chủ hàng đến thảo luận và đã đi đến một thỏa thuận chung là khi gần đến Đại Lễ các chủ quầy hàng phải gửi thư và tiền về chùa trước 15 ngày kể từ ngày bắt đầu Đại Lễ. Trong thư ghi rõ là giữ chỗ cũ - bao nhiêu thước - có câu điện không v.v... Khi nhận được thư và tiền, Ban Tổ Chức sẽ giữ chỗ cho quý vị. Còn vị nào không có gửi thư và đóng tiền giữ chỗ trước, thì Ban Tổ Chức sẽ chỉ định chỗ cho quý vị và quý vị không được quyền tự chọn chỗ. Ngoài ra Ban Tổ chức một lần nữa xin kêu gọi quý vị bán thức ăn chay hãy tự giác không lén lút bán thức ăn mặn và rượu bia, cũng như không được dùng bình Gas để nấu tại quầy hàng vì rất nguy hiểm khi có đông người.

• **BAN TỔ CHỨC**

Hoa Tư Tưởng

Sự giao tiếp liên hệ giữa các Quốc Gia nhờ vào sự khôn khéo tài năng của các nhà ngoại giao Đại Sĩ. Người ngoại kiều chỉ có thể xây dựng năng lực quê hương mình một cách thiết thực nơi dân bản xứ bằng lòng và danh dự từng cá nhân, vì sự đoàn kết từng cộng đồng tập thể.

(Th. Hà Đậu Dòng)